

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

TRƯƠNG TẤN SANG	Chủ tịch Hội đồng
PHAN ĐIỂN	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Ủy viên
NGUYỄN HỮU THỌ	"
NGUYỄN DUY QUÝ	"
HÀ ĐĂNG	"
ĐẶNG XUÂN KỲ	"
LÊ HAI	"
NGÔ VĂN DỤ	"
LÊ QUANG THƯỜNG	"
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM	"
VŨ HỮU NGOẠN	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH THỨC HUỲNH	"

1.1 Ban chỉ đạo xây dựng bản thảo

HÀ ĐĂNG	Trưởng ban
VŨ HỮU NGOẠN	Thường trực
NGÔ VĂN DỤ	Thành viên
TRỊNH THỨC HUỲNH	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH NHU	"

1.2 Nhóm xây dựng bản thảo tập 51

TRỊNH NHU (Chủ biên)
TẠ ĐÌNH ĐỒNG
LƯƠNG VIẾT SANG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIẾN ĐẢNG

TOÀN TẬP

TẬP 51

6 – 12-1991

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2007

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 51

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 51 phản ánh hoạt động của Đảng nửa sau năm 1991. Đây là thời điểm cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội trên thế giới diễn ra nghiêm trọng nhất, nhưng cũng là lúc công cuộc đổi mới ở nước ta đã giành được nhiều thành tựu bước đầu rất quan trọng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, sự kiện chính trị quan trọng nhất trong thời gian này, đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, xác định những quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin hợp thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta. Đại hội cũng vạch ra *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) trình bày tại Đại hội đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ đổi mới từ năm 1986 đến giữa năm 1991, nêu lên những phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu của Đảng ta và nhân dân ta trong 5 năm 1991-1995 nhằm đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Tại Đại hội VII, *Điều lệ Đảng (sửa đổi)* đã được thông qua. Phản ánh tinh thần làm việc dân chủ của Đại hội, cùng với các văn

kiện trên, còn có văn kiện ghi nhận kết quả thảo luận và biểu quyết của Đại hội về những vấn đề quan trọng.

Ngay sau Đại hội VII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng vừa chỉ đạo đại hội vòng hai đảng bộ các cấp, vừa lãnh đạo các ngành, các cấp triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VII. Cuối tháng 11 đầu tháng 12-1991, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ hai để xác định tư tưởng chỉ đạo nhiệm vụ, giải pháp ổn định và phát triển kinh tế - xã hội trong các năm 1992-1995; những quan điểm, phương hướng cơ bản trong việc sửa đổi Hiến pháp, cải cách một bước bộ máy nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, xây dựng chương trình toàn khoá và quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, quy chế làm việc của các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương.

Ngoài các văn kiện Đại hội VII và Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng, *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 51 công bố các quyết định, chỉ thị, quy định, báo cáo, thông báo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, một số bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII).

Tuy chúng tôi đã có nhiều cố gắng trong công tác sưu tầm, biên tập, song không tránh khỏi thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 51 cùng bạn đọc.

Tháng 1 năm 2007

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC
GIA

**DIỄN VĂN KHAI MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII***

**Do đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị
Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) trình bày**

Ngày 24 tháng 6 năm 1991

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Hôm nay, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam khai mạc tại Hội trường Ba Đình lịch sử. Về dự Đại hội có 1.176 đồng chí đại biểu nam và nữ đại diện cho hơn hai triệu đảng viên ở các lĩnh vực hoạt động khác nhau từ mọi miền của đất nước hoặc đang công tác ở nước ngoài.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội và Ban Chấp hành Trung ương khoá VI, tôi nhiệt liệt chào mừng và gửi lời chúc sức khoẻ đến các đại biểu ưu tú của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, Đảng do Bác Hồ sáng lập, giáo dục và rèn luyện.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Liên Xô do đồng chí Ôlếch Xêmiônôvich Sênhin, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng dẫn

* Đại hội VII của Đảng họp qua hai bước: - Đại hội nội bộ họp từ ngày 17 đến 22-6-1991. - Đại hội công khai họp từ ngày 24 đến 27-6-1991 (B.T).

đầu; Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Cách mạng Lào do đồng chí Cayxôn Phômvihản, Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng dẫn đầu; Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia do đồng chí Hêng Xomrin, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng dẫn đầu; Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Cuba do nữ đồng chí Giôlândã Phêrê, Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị Trung ương Đảng dẫn đầu.

Sự có mặt của các đoàn đại biểu các đảng anh em mang đến cho chúng ta tình hữu nghị thắm thiết và sự ủng hộ quý báu đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng ta và nhân dân ta.

Cùng dự buổi khai mạc Đại hội còn có đồng chí đại diện Đảng Cộng sản Nhật Bản thường trú tại Hà Nội, các vị trong Đoàn ngoại giao, đại diện các tổ chức quốc gia và quốc tế, các tổ chức phi chính phủ tại Hà Nội. Thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội, tôi xin chào mừng và chân thành cảm ơn sự có mặt của các vị.

Trong buổi khai mạc trọng thể này, Đại hội chúng ta tưởng nhớ đồng chí Trường Chinh, đồng chí Lê Đức Thọ - nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Phạm Hùng - nguyên Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, những học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều năm liên giữ trọng trách trong ban lãnh đạo cao nhất của Đảng ta, đã cống hiến suốt cả cuộc đời cho sự nghiệp cách mạng vì dân, vì nước.

Đại hội chúng ta tưởng nhớ các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã qua đời: đồng chí Vũ Lập, Nguyễn Xuân Hữu, Hoàng Trường Minh và Lâm Văn Thê, cùng nhiều đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào yêu quý đã ngã xuống từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI đến nay vì sự

nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

(Đề nghị Đại hội đề một phút mặc niệm).

Thưa các đồng chí đại biểu,

Mỗi Đại hội toàn quốc của Đảng đều có ý nghĩa quan trọng trong quá trình phát triển của cách mạng nước ta và Đảng ta.

Hơn bốn năm trước, cũng tại Hội trường Ba Đình này, Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Mấy năm qua, toàn Đảng và toàn dân ta đã kiên trì phấn đấu không mệt mỏi để đưa đường lối Đại hội VI vào cuộc sống. Đại hội VII lần này có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, đánh giá những việc làm được, những việc có thể làm nhưng chưa làm được, những vấn đề mới nảy sinh, chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân và những kinh nghiệm tiến hành đổi mới trên các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, Đại hội sẽ đề ra phương hướng, mục tiêu và các nhiệm vụ chủ yếu cho 5 năm tới. Ý nghĩa trọng đại của Đại hội VII còn ở chỗ, đây là lần đầu tiên Đại hội thông qua Cương lĩnh vạch ra những quan niệm và các phương hướng cơ bản về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, thông qua *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*. Những vấn đề này liên quan đến nhiệm vụ hoàn thiện vai trò lãnh đạo chính trị của Đảng đối với xã hội và tăng cường hơn nữa cơ sở khoa học của các quyết định lớn của Đảng.

Cũng như các Đại hội thường lệ, Đại hội VII sẽ tiến hành kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vạch ra phương hướng,

nhiệm vụ xây dựng đảng, sửa đổi Điều lệ Đảng, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương mới. Ở đây, điều mới mẻ cần nhấn mạnh là công tác xây dựng đảng và lựa chọn nhân sự cấp cao của Đảng diễn ra trong thời điểm cách mạng nước ta đang đứng trước những thách thức và cả những vận hội mới, trong thời điểm có sự chuyển tiếp lớn các thế hệ lãnh đạo.

Như vậy, tầm quan trọng đặc biệt của Đại hội VII là ở chỗ nó quyết định không những các nhiệm vụ nặng nề trước mắt, mà cả tiền đồ rộng lớn của cách mạng nước ta và của Đảng ta trong những thập niên tới.

Tinh thần đó của Đại hội VII đã được toàn Đảng, toàn dân quán triệt và thể hiện bằng nhiều việc làm tích cực, cụ thể và có hiệu quả nhằm bảo đảm cho Đại hội thành công. Ngay từ tháng 2-1987, tức chỉ sau Đại hội VI vài tháng, Trung ương Đảng đã chỉ đạo việc biên soạn Cương lĩnh, tiếp sau đó là các văn kiện như Chiến lược kinh tế - xã hội, Báo cáo chính trị, Báo cáo xây dựng đảng và Điều lệ Đảng (sửa đổi). Đại bộ phận đảng viên, đông đảo các tầng lớp nhân dân, các đồng chí lão thành cách mạng, các đoàn viên, hội viên các đoàn thể, các nhà khoa học, các nhân sĩ, trí thức, các phương tiện thông tin đại chúng đã tích cực đóng góp ý kiến vào những văn kiện nói trên do các Tiểu ban Trung ương chuẩn bị. Có nhiều bản kiến nghị của tập thể và cá nhân đầy tâm huyết, công phu, kết quả của một quá trình suy tư sâu sắc gửi về Trung ương. Những hoạt động nói trên đã trở thành cuộc sinh hoạt chính trị có tính quần chúng rộng lớn, phong phú và có chiều sâu nhất ở nước ta trong những năm qua. Sự kiện này, một lần nữa, biểu hiện sức mạnh mới về tinh thần, ý chí đoàn kết thống nhất của đông đảo cán bộ, đảng viên và

nhân dân chung quanh Đảng Cộng sản, nhằm mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta và nhân dân ta đã dứt khoát lựa chọn. Những ý kiến lạc lõng, xa lạ với định hướng đó chỉ là của một số rất ít người và không được nhân dân ta chấp nhận.

Việc chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương mới cũng đã được tiến hành nghiêm túc từ dưới lên và từ trên xuống một cách dân chủ và tập thể. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Tiểu ban Nhân sự Trung ương đã lắng nghe nhiều ý kiến, nghiên cứu kỹ những đề xuất của các tổ chức đảng, các đoàn thể, các tập thể và cá nhân về phương hướng, tiêu chuẩn, cơ cấu và số lượng cũng như về từng con người cụ thể dự kiến cấu tạo vào Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII).

Trên cơ sở những ý kiến đóng góp xây dựng của đại hội đảng các cấp và của các tầng lớp nhân dân, Hội nghị lần thứ 12 và 13 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng vừa qua đã tiếp thu, xử lý và hoàn chỉnh lần cuối cùng các văn kiện cũng như danh sách nhân sự Ban Chấp hành Trung ương để trình Đại hội VII quyết định. Tôi xin báo cáo với Đại hội rằng, Hội nghị Trung ương lần thứ 12 và 13 đã *nhất trí về cơ bản* những nội dung lớn trình ra Đại hội. Có thể nói trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân đã được tổng hợp và kết tinh trong các văn kiện trình Đại hội VII. Đó là một nhân tố quan trọng bảo đảm cho sự thành công của Đại hội.

Tôi đề nghị Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh đồng đảo đảng viên, cán bộ và đồng bào các giới đã đóng góp tích cực và có hiệu quả vào sự thành công của Đại hội.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Như Trung ương đã nhiều lần nhấn mạnh, Đại hội VII của chúng ta tiến hành trong bối cảnh quốc tế và trong nước phức tạp. Những biến động đã và đang xảy ra trong các nước xã hội chủ nghĩa, sự tấn công từ nhiều phía vào chủ nghĩa xã hội, vào chủ nghĩa Mác - Lênin và đảng cộng sản, những âm mưu và thủ đoạn thâm độc của các thế lực phản động quốc tế hòng xoá sạch chủ nghĩa xã hội hiện thực vào cuối thế kỷ này, sự hoang mang dao động trong một bộ phận những người cộng sản và cách mạng trên thế giới đã hằng ngày tác động không nhỏ đến tư tưởng và tình cảm của một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Hơn thế nữa, đất nước ta còn phải trực tiếp đương đầu với các hoạt động phá hoại của kẻ thù, của bọn phản động lưu vong, của các lực lượng thù địch ở trong nước. Nhưng, nhờ những thành tựu bước đầu rất quan trọng của hơn bốn năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, chúng ta đã đứng vững và tiếp tục đi lên. Bằng chứng là tại Đại hội này chúng ta vạch ra kế hoạch củng cố những thành tựu đã đạt được và chuẩn bị cho những bước phát triển mới trong tương lai.

Tuy vậy, không một ai trong chúng ta có thể yên tâm với thực trạng tình hình. Chúng ta nhận thức khó khăn còn chồng chất, lực cản còn nhiều, mâu thuẫn cũ giải quyết xong, mâu thuẫn mới tiếp tục nảy sinh. Cuộc sống là như vậy. Biện chứng của sự phát triển là như vậy. Điều cơ bản bảo đảm cho chúng ta vững bước đi lên, không để cho mình bị chìm ngập trong khó khăn là: *một mặt*, Đảng phải có đường lối chính trị đúng, trên cơ sở đó tập hợp, đoàn kết và phát huy được sức

mạnh của toàn dân; *mặt khác*, Đảng phải trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao. Hơn lúc nào hết, hiện nay hai vấn đề trọng yếu có liên quan với nhau nói trên có tính thời sự cấp bách đặc biệt, đòi hỏi chúng ta phải cố gắng gấp bội để vượt lên tầm cao mới, bảo đảm cho Đảng xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Chính đó là trọng tâm trong chương trình nghị sự mà Đại hội VII của chúng ta phải giải quyết. Vì vậy, để thực hiện yêu cầu này và cũng là để phát huy kết quả đóng góp ý kiến của toàn Đảng, toàn dân cho Đại hội, tôi mong được các đồng chí đại biểu lưu ý một số điểm sau đây:

Một là, các đại biểu sẽ nghiên cứu, thảo luận, tranh luận, đóng góp thêm các ý kiến để hoàn chỉnh các văn kiện với chất lượng cao. Việc này tuy các đại biểu đã làm, tuy các đại hội các cấp và các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương đã bàn bạc và thông qua các dự thảo văn kiện, nhưng tôi nghĩ rằng, tư duy để tiếp cận chân lý là một quá trình, không thể nói mọi vấn đề đã hoàn tất. Ở đây, chúng ta không phải thảo luận từ đầu các vấn đề nêu trong các văn kiện, mà tập trung sự chú ý vào những vấn đề cơ bản cần làm rõ thêm hoặc còn có những ý kiến khác nhau lớn. Đoàn Chủ tịch sẽ trình bày với Đại hội những vấn đề trọng tâm đó. Yêu cầu đặt ra là qua thảo luận và tranh luận, Đại hội chúng ta *đạt được sự nhất trí cao hơn nữa* về những quan điểm, nguyên tắc, những nội dung chủ yếu trong các văn kiện. Đó là điều hệ trọng, vì nó bảo đảm sự thống nhất về tư tưởng, chính trị trong Đảng và trong xã hội, là cơ sở để triển khai các hoạt động thực tiễn nhằm thực hiện thành công các nghị quyết của Đại hội VII.

Hai là, Đại hội sẽ sáng suốt lựa chọn Ban Chấp hành Trung ương khoá VII, tiêu biểu về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có đủ trí tuệ và năng lực thực tiễn đưa Nghị quyết Đại hội VII vào cuộc sống thắng lợi. Phải bám sát tiêu chuẩn và cơ cấu, số lượng và chất lượng, trong đó vấn đề số một là tiêu chuẩn. Vừa qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Tiểu ban Nhân sự đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc lựa chọn nhân sự Trung ương. Kết quả là hình thành được bản danh sách nhân sự Trung ương khoá tới để trình Đại hội xem xét và quyết định. Các đại biểu sẽ bổ sung thêm hoặc bớt danh sách này, yêu cầu giải đáp những trường hợp mà mình còn chưa rõ trước khi bầu, cốt làm sao lựa chọn được một Ban Chấp hành Trung ương xứng đáng, đủ sức gánh vác các công việc trọng đại mà Đại hội giao cho. Để làm việc này, cần thiết phải có thái độ khách quan, công tâm, đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng lên trên hết, kiên quyết không để lọt vào ban lãnh đạo cao nhất những người cơ hội về chính trị, cá nhân chủ nghĩa, địa phương cục bộ, tham nhũng.

Ba là, thật sự phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ trong thảo luận và tranh luận ý kiến đóng góp vào các văn kiện, trong bầu cử và ứng cử, trong việc điều hành công việc của Đại hội, tạo bầu không khí cởi mở, tin cậy lẫn nhau. Đó là cơ sở quan trọng để đạt tới sự thống nhất cao trong các đại biểu về những vấn đề trình ra Đại hội.

Bốn là, triệt để tuân thủ quy chế làm việc của Đại hội VII. Đây là một điều kiện bảo đảm Đại hội diễn ra thông suốt theo kế hoạch dự định.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Làm được những điều nói trên, chúng ta tin tưởng chắc chắn rằng Đại hội VII sẽ hoàn thành được trách nhiệm trọng đại của mình, sẽ là Đại hội của *trí tuệ - đổi mới - dân chủ - kỷ cương - đoàn kết*, đáp ứng lòng mong đợi của toàn Đảng, toàn dân.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Đại hội lần thứ VII của Đảng và chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

TIẾP TỤC ĐƯA SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI TIẾN LÊN THEO CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

**Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI)
về các văn kiện trình Đại hội VII, do đồng chí
Nguyễn Văn Linh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành
Trung ương (khoá VI) trình bày**

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đại hội chúng ta phải xem xét năm văn kiện lớn: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000; Báo cáo chính trị; Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng; Điều lệ Đảng* (sửa đổi). Dự thảo các văn kiện trên, kèm theo các tờ trình về việc tiếp thu và xử lý các ý kiến đóng góp của đảng viên và nhân dân, đã gửi tới các đại biểu. Từng đoàn đã tổ chức nghiên cứu. Xét thấy không nên trình bày lại từng văn kiện đó, Ban Chấp hành Trung ương xin báo cáo trước Đại hội một số vấn đề lớn xuyên suốt các văn kiện, những vấn đề mà toàn Đảng, toàn dân góp ý nhiều hoặc còn ý kiến khác nhau.

Để chuẩn bị các văn kiện Đại hội, ngay từ tháng 2-1987,

Bộ Chính trị đã thành lập Ban soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế - xã hội. Đến tháng 3-1990, xét thấy cần nâng cao hơn nữa tính tập thể trong việc chuẩn bị các văn kiện Đại hội, Hội nghị Trung ương lần thứ tám đã quyết định lập ra năm Tiểu ban của Trung ương. Mỗi Tiểu ban đều lấy được nhiều ý kiến đóng góp của các đồng chí Ủy viên Trung ương, các cán bộ lãnh đạo và quản lý, đại biểu các giới, các đoàn thể và Mặt trận Tổ quốc, các nhà khoa học và các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trên tất cả các lĩnh vực và các vùng của đất nước, kể cả các cán bộ đương chức lẫn các đồng chí đã nghỉ hưu.

Mỗi văn kiện dự thảo đều được thảo luận kỹ và sửa chữa nhiều lần trước khi công bố lấy ý kiến rộng rãi trong toàn Đảng, toàn dân. Tại Hội nghị toàn thể lần thứ 12, trên cơ sở tổng hợp lần cuối cùng ý kiến các đại hội đảng các cấp (vòng 1), Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận, tiếp thu ý kiến đóng góp và sửa chữa lại các dự thảo văn kiện trước khi trình ra Đại hội.

Việc lấy ý kiến toàn Đảng, toàn dân xây dựng các văn kiện Đại hội thực sự trở thành một đợt sinh hoạt chính trị dân chủ rộng lớn, cuốn hút hơn 80% đảng viên toàn quốc, hàng trăm đồng chí lão thành cách mạng, hàng nghìn nhà khoa học, nhân sĩ, trí thức, hàng triệu đoàn viên, hội viên các đoàn thể và đồng bào các giới ở trong nước cũng như đang sống và làm việc ở nước ngoài. Các hình thức tham gia ý kiến rất phong phú: hội nghị, hội thảo, phát biểu trên các báo, đài, biên thư, các đồng chí lãnh đạo có trách nhiệm trực tiếp gặp gỡ... Trung ương nhận được nhiều thư hoan nghênh chủ trương thực hiện dân chủ của Đảng ta và góp phần xây dựng

các văn kiện Đại hội. Sự trưởng thành về chính trị, mối quan tâm sâu sắc tới vận mệnh của đất nước, tiềm năng trí tuệ to lớn của cán bộ, đảng viên và đông đảo nhân dân, đó là những đặc điểm nổi bật qua đợt góp ý kiến xây dựng các văn kiện Đại hội. Được như vậy là nhờ có thực tiễn đổi mới mấy năm qua, có kinh nghiệm quốc tế, kể cả kinh nghiệm thành công và không thành công, có sự trăn trở, suy tư của mỗi người với ý thức trách nhiệm cao đối với hiện tại và tương lai đất nước.

Đương nhiên giữa các ý kiến đóng góp có sự khác nhau, đó là điều bình thường. Có thể phân ra mấy loại chính: loại ý kiến thứ nhất, chiếm số đông, nhất trí về cơ bản với các quan điểm của các dự thảo; loại ý kiến thứ hai, khá đông, có nhiều kiến nghị bổ sung, sửa chữa quan trọng; loại ý kiến thứ ba, không nhiều, nhưng đáng chú ý, đó là những ý kiến còn khác nhau lớn, cần nghiên cứu, chất lọc, tiếp thu những khía cạnh hợp lý trong mỗi ý kiến; loại ý kiến thứ tư, rất cá biệt, đó là những quan điểm xa lạ với Đảng ta, nhân dân ta. Nhìn tổng quát thì xu hướng chung là nhất trí về cơ bản và góp phần bổ sung, sửa chữa, nâng cao chất lượng các văn kiện dự thảo. Trong các ý kiến đóng góp, nhiều ý kiến đã được tiếp thu đưa vào các văn kiện, có những ý kiến chỉ đưa vào được một phần, không ít ý kiến tốt nhưng đưa vào các văn kiện này không thích hợp, sẽ được Ban Chấp hành Trung ương khoá VII sử dụng trong lãnh đạo thực hiện những nghị quyết Đại hội VII.

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Kết quả đợt sinh hoạt chính trị vừa rồi đã khẳng định sự thống nhất về chính trị trong Đảng và giữa Đảng với nhân

dân; khẳng định sự nghiệp đổi mới của chúng ta là đúng đắn và cần phải tiếp tục đẩy mạnh; khẳng định quyết tâm không gì lay chuyển nổi của nhân dân ta đi theo con đường xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Từ diễn đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và cảm ơn các tập thể và cá nhân ở trong Đảng và trong nhân dân, ở trong nước và nước ngoài đã đóng góp những ý kiến đầy tâm huyết xây dựng các văn kiện Đại hội.

I- KIÊN TRÌ CON ĐƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LÀ SỰ LỰA CHỌN DUY NHẤT ĐÚNG ĐẮN

Thưa các đồng chí,

Cuộc khủng hoảng toàn diện, sâu sắc của các nước xã hội chủ nghĩa đặt chủ nghĩa xã hội trước sự phê phán gay gắt chưa từng thấy, từ nhiều hướng. Đáng tiếc là ngay trong hàng ngũ những người cộng sản cũng có hiện tượng dao động về lập trường, những khuynh hướng phủ định các thành tựu, từ đó dẫn đến phủ định con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong bối cảnh phức tạp như vậy, điều đặc biệt có ý nghĩa là qua đợt góp ý xây dựng các dự thảo văn kiện Đại hội, hầu hết ý kiến đều nhất trí khẳng định mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn, khẳng định toàn Đảng, toàn dân ta quyết tâm theo đuổi đến cùng con đường dẫn tới mục tiêu ấy.

Thật vậy, đối với nước ta, không còn con đường nào khác để có độc lập dân tộc thực sự và tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Cần nhấn mạnh rằng đây là sự lựa chọn của chính lịch

sử, sự lựa chọn đã dứt khoát từ năm 1930 với sự ra đời của Đảng ta trong lúc các phong trào cứu nước từ lập trường Cần Vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản, qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại. Nhân dân ta, dưới ngọn cờ của Đảng, phát huy cao độ truyền thống anh hùng bất khuất của dân tộc, đã chiến đấu hy sinh ròng rã mấy chục năm trời, hoàn thành về cơ bản những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đã chuyển sang thực hiện những nhiệm vụ của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, không có lý gì nay lại rẽ sang con đường khác ngược với mục tiêu đã lựa chọn. Chẳng lẽ bao nhiêu thành quả cách mạng giành được bằng xương máu của biết bao thế hệ người Việt Nam lại đem trao vào tay những lực lượng đưa đất nước đi vào con đường tư bản chủ nghĩa, con đường chắc chắn không thể bảo đảm độc lập thật sự cho dân tộc, tự do hạnh phúc thật sự cho tuyệt đại đa số nhân dân. Cũng không có lý do gì để chúng ta phải "lùi lại" giai đoạn dân chủ nhân dân, làm lại từ đầu những cái mà lịch sử đã trải qua. Nếu có những việc chưa làm xong hoặc chưa làm tốt thì chúng ta tiếp tục giải quyết nốt trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chính vì vậy nhân dân ta quyết không chấp nhận con đường nào khác ngoài con đường xã hội chủ nghĩa.

Vậy quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta như thế nào? Liệu có được một quan niệm chính xác về điều đó hay không khi mà chủ nghĩa xã hội đang khủng hoảng cả về lý luận, cả trong hiện thực? Do còn băn khoăn trước những câu hỏi lớn như vậy nên một số ít đồng chí nêu vấn đề liệu Đảng có thể ra Cương lĩnh trong tình hình này hay không?

Quả là đang có những hạn chế nhất định về lý luận và thực tiễn khi chúng ta bắt tay xây dựng Cương lĩnh. Nhưng đó không phải là trở ngại không thể vượt qua. Chủ nghĩa xã hội đã có lịch sử hơn 70 năm, có thành công và có thất bại, đó là nguồn kinh nghiệm vô giá. Lại có cả kinh nghiệm đổi mới, cải tổ, cải cách những năm qua gợi mở cho thấy nhiều vấn đề quan trọng, từ mặt thành tựu và cả từ những vấp vấp. Đó là những cơ sở thực tiễn để có thể rút ra những kết luận cần thiết dưới sự chỉ dẫn của phương pháp luận Mác - Lênin được vận dụng một cách sáng tạo. Dự thảo Cương lĩnh cố gắng đi theo hướng đó và với trí tuệ đóng góp của toàn Đảng, toàn dân, *quan niệm về chủ nghĩa xã hội và về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta* đã có thể hình thành trên những nét chủ yếu. Đương nhiên, những gì mà nhận thức chúng ta đạt tới hôm nay sẽ còn được bổ sung, phát triển cùng với sự phát triển sau này của thực tiễn và của tư duy lý luận. Song, ở thời điểm hiện nay, đó là những quan niệm đúng. Ở đây xin lưu ý mấy điểm trong đoạn nói về những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta định xây dựng và về những phương hướng cơ bản nhằm đạt tới một xã hội như thế.

So với dự thảo đưa ra lấy ý kiến của cán bộ, đảng viên và nhân dân, dự thảo lần này về *những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta định xây dựng* đã được sáng rõ hơn trên cơ sở tiếp thu nhiều ý kiến đóng góp. Đó là mấy đặc trưng sau đây:

- Do nhân dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; có một nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Những phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng là kết quả sự dày công suy nghĩ và sự đóng góp trí tuệ rộng rãi của toàn Đảng, toàn dân trên cơ sở tính đến những kinh nghiệm thành công và không thành công trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta và các nước khác. Các phương hướng đó vừa mang tính nguyên tắc bảo đảm không chệch hướng xã hội chủ nghĩa, vừa quán triệt tinh thần đổi mới cho phép không lặp lại những sai lầm cũ. Ví dụ: trước đây khi chỉ đạo cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, chúng ta chủ trương sớm xoá bỏ nền kinh tế nhiều thành phần, sớm có chế độ công hữu chiếm ưu thế tuyệt đối trong nền kinh tế quốc dân; phủ nhận về thực chất sản xuất hàng hoá, chậm xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Nhưng trong dự thảo lần này, quan điểm chỉ đạo cuộc cách mạng quan hệ sản xuất vừa toát lên tinh thần đổi mới, vừa bảo đảm hướng đi lên chủ nghĩa xã hội với nội dung sau đây: "phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế quốc doanh và tập thể ngày càng trở thành nền tảng. Thực

hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu".

Ở đây xin nói một điểm quan trọng là *vấn đề chuyên chính vô sản*. Theo chúng ta hiểu, nội dung cơ bản của chuyên chính vô sản là chính quyền thuộc về nhân dân, trước hết là giai cấp công nhân và nhân dân lao động (chân tay và trí óc); chính quyền đó theo đường lối của giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là đảng cộng sản. Vận dụng nội dung ấy vào điều kiện Việt Nam, dự thảo Cương lĩnh viết: "... xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do đảng cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân".

Cũng cần nói thêm một điểm mới trong đoạn văn vừa trích dẫn về vấn đề nhà nước. Cái mới là ở chỗ Cương lĩnh lần này nói đến không chỉ liên minh công - nông mà nói *liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức*. Cũng có một số đồng chí chưa tán thành nhưng đa số ý kiến tán thành quan điểm đó, coi là một điểm bổ sung rất đúng và cần thiết. Thật vậy, trong cách mạng dân tộc dân chủ, vai trò giới trí thức đã quan trọng, trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, vai trò giới trí thức càng quan trọng. Giai cấp công nhân nếu không có đội ngũ trí thức của mình và nếu bản thân công - nông không được nâng cao kiến thức, không dần dần được trí thức hoá, thì không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, chúng ta đang sống trong một thời đại

mà cùng với quá trình cách mạng xã hội, đang diễn ra cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại có tác động mạnh mẽ và toàn diện đến đời sống các dân tộc, đến quá trình phát triển kinh tế thế giới, đến bản thân các quá trình cách mạng cải biến xã hội. Vì vậy, vai trò tầng lớp trí thức ngày càng quan trọng.

Tất nhiên, điều đó không hạ thấp chút nào vai trò công - nông và sẽ phạm sai lầm nghiêm trọng nếu từ chỗ thấy vai trò ngày càng tăng lên của trí thức đi đến hạ thấp vai trò công - nông - hai giai cấp cơ bản của xã hội.

Giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức nước ta vốn gắn bó khăng khít. Đó là vì cùng chung cảnh ngộ mất nước trước đây, vì tuyệt đại đa số trí thức là con em công - nông, được đào tạo dưới chế độ xã hội chủ nghĩa; có nhiều trí thức xuất thân từ các giai cấp khác nhưng trong quá trình cách mạng đã tự nguyện đứng về lập trường công nhân; trí thức nước ta có lòng yêu nước nồng nàn và nhiệt thành cống hiến cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Sự nghiệp xã hội chủ nghĩa đòi hỏi mở rộng nền tảng của khối liên minh, từ liên minh công - nông thành liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức.

II- VỀ NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN TRONG CHÍNH SÁCH KINH TẾ

Phát triển kinh tế theo con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng, động viên và tạo điều kiện cho mọi

người Việt Nam phát huy ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước. *Sự nghiệp phát triển kinh tế đặt con người vào vị trí trung tâm, thống nhất tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội.*

Trong thập kỷ 90, phải khắc phục những khó khăn, thử thách gay gắt, ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống nhân dân; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao năng lực khoa học và công nghệ đáp ứng nhu cầu của những năm 90 và chuẩn bị cho tương lai; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm môi trường hoà bình, ổn định, hợp tác cho sự phát triển kinh tế. Những mục tiêu đó đòi hỏi phải tăng tổng sản phẩm trong nước đến năm 2000 khoảng gấp đôi so với năm 1990.

Để đạt những mục tiêu đó, chúng ta chủ trương thực hiện *nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp. Các hình thức sở hữu có thể hỗn hợp, đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh doanh đa dạng. Các doanh nghiệp, không phân biệt quan hệ sở hữu đều tự chủ kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh với nhau, bình đẳng trước pháp luật.

Kinh tế quốc doanh được củng cố và phát triển trong những ngành và lĩnh vực then chốt, nắm những doanh nghiệp trọng yếu, đảm đương những hoạt động mà các thành phần kinh tế khác không có điều kiện đầu tư kinh doanh.

Theo hướng đó, khu vực quốc doanh phải được sắp xếp lại, đổi mới công nghệ và tổ chức quản lý, kinh doanh có hiệu quả, liên kết và hỗ trợ các thành phần kinh tế khác, thực hiện *vai trò chủ đạo* và chức năng của một công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước. Đối với những cơ sở không cần giữ hình thức quốc doanh, cần chuyển hình thức kinh doanh, hình thức sở hữu hoặc giải thể, đồng thời giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động. Khuynh hướng coi nhẹ kinh tế quốc doanh, muốn tư nhân hoá tràn lan, cho rằng để chuyển sang cơ chế thị trường phải tư nhân hoá chế độ sở hữu là sai lầm. Cố nhiên, nếu duy trì và phát triển kinh tế quốc doanh một cách tràn lan, kéo dài cơ chế bao cấp cũng không đúng.

Kinh tế tập thể cần đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động có hiệu quả thiết thực, phát triển rộng rãi và đa dạng trong các ngành nghề, với quy mô và mức độ tập thể hoá khác nhau. Để phát huy và kết hợp sức mạnh của tập thể và của xã viên trong các hợp tác xã nông nghiệp, chúng ta chủ trương các hộ xã viên là những đơn vị kinh tế tự chủ, đồng thời tăng cường vai trò của ban quản trị hợp tác xã trong việc quản lý, điều hành sản xuất và tổ chức dịch vụ ở những khâu và lĩnh vực mà hộ xã viên không có điều kiện làm hoặc làm không hiệu quả bằng tập thể. Cùng với chính quyền và các đoàn thể, hợp tác xã góp phần thực hiện các chính sách xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Ruộng đất thuộc sở hữu toàn dân, được Nhà nước giao cho hộ nông dân sử dụng lâu dài. Hội nghị Trung ương lần thứ 12 cho rằng không thể tư hữu hoá ruộng đất vì sẽ dẫn đến phân hoá lớn về giai cấp, cản trở việc quy hoạch xây dựng kết cấu

hạ tầng và các cơ sở vật chất khác và sẽ làm căng thẳng thêm vấn đề tranh chấp ruộng đất vốn đã phức tạp.

Kinh tế cá thể còn có phạm vi tương đối lớn, được phát triển trong các ngành nghề ở cả thành thị và nông thôn, không hạn chế việc mở rộng kinh doanh, có thể tồn tại độc lập, có thể tham gia các loại hình hợp tác xã hoặc liên kết với các doanh nghiệp lớn bằng nhiều hình thức. Con đường đi vào làm ăn hợp tác được thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, không gò ép.

Kinh tế tư bản tư nhân được kinh doanh trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh được pháp luật quy định. Nhà nước có thể liên doanh bằng nhiều hình thức với tư nhân trong và ngoài nước, hình thành loại hình *kinh tế tư bản nhà nước*.

Kinh tế gia đình không là một thành phần kinh tế độc lập nhưng được khuyến khích phát triển mạnh.

Sự chuyển hoá của các thành phần kinh tế trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội diễn ra dưới nhiều hình thức phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, có tác dụng thúc đẩy nền sản xuất xã hội phát triển mạnh mẽ và có hiệu quả.

Để phát huy tiềm năng to lớn của nền kinh tế nhiều thành phần, phải *tiếp tục xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Hướng vào thị trường, các doanh nghiệp lựa chọn lĩnh vực hoạt động, mặt hàng, quy mô, công nghệ và hình thức tổ chức kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong môi

trường hợp tác và cạnh tranh. Vai trò của Nhà nước rất quan trọng trong việc tạo lập cân đối vĩ mô, điều tiết thị trường, ngăn ngừa và xử lý những đột biến xấu, tạo môi trường và điều kiện bình thường cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm sự thống nhất giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội. Với tư cách người chủ đại diện cho sở hữu toàn dân, Nhà nước còn có chức năng quản lý và kiểm soát việc sử dụng tài sản quốc gia nhằm bảo toàn và phát triển các tài sản đó, phân định rõ và có cơ chế thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn của người chủ sở hữu và các giám đốc điều hành trong các xí nghiệp quốc doanh.

Kinh tế hàng hoá phát triển đòi hỏi phải tiếp tục khắc phục tình trạng tự cấp tự túc, chia cắt, khép kín. Các đơn vị cơ sở, các ngành, các địa phương cho đến toàn bộ nền kinh tế phải phát huy lợi thế tương đối, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của sản xuất và đời sống, hướng mạnh về xuất khẩu, thay thế nhập khẩu những mặt hàng trong nước sản xuất có hiệu quả. Mở rộng, đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ kinh tế đối ngoại trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi, thu hút các nguồn lực bên ngoài để phát huy mạnh mẽ các lợi thế và nguồn lực bên trong.

Có ý kiến cho rằng sức ta đang rất yếu nên phải dựa vào nguồn lực bên ngoài là chính mới có thể phát triển nhanh. Cách suy nghĩ đó chưa thoát khỏi thói quen dựa dẫm vào viện trợ bên ngoài, không thấy rằng quan hệ kinh tế với bên ngoài phải trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi; do đó, chỉ có thể mở rộng và đem lại hiệu quả tốt khi dựa trên cơ sở và hướng vào khai thác tối đa mọi nguồn lực và lợi thế bên

trong. Ý chí tự lực tự cường không mâu thuẫn mà ngược lại là điều kiện cơ bản để thu hút các nguồn lực bên ngoài.

Sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với quá trình xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, *chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng từng bước công nghiệp hoá*, thoát khỏi tình trạng nông nghiệp lạc hậu. Nhiều ý kiến đề nghị tiếp tục coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu trong Chiến lược kinh tế - xã hội đến năm 2000. Trong hoàn cảnh nước ta, nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của nông nghiệp là đúng vì sự phát triển nông nghiệp có ý nghĩa quyết định đối với các mục tiêu về đời sống, việc làm và xuất khẩu, v.v.. Tuy nhiên để phát triển nông nghiệp, phải tăng cường tiềm năng công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu của nông nghiệp cả ở "đầu vào" và "đầu ra". Và cũng chỉ có như thế, nền kinh tế mới có tốc độ tăng trưởng cao, tạo nguồn tích lũy lớn, từng bước công nghiệp hoá đất nước. Các văn kiện diễn đạt quan điểm về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong thập kỷ 90 như sau: phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội; đồng thời tăng tốc độ và tỷ trọng của công nghiệp, mở rộng kinh tế dịch vụ theo hướng huy động triệt để các khả năng sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; đẩy mạnh thăm dò khai thác, chế biến dầu khí và một số loại khoáng sản; phát triển có chọn lựa một số ngành công nghiệp tư liệu sản xuất khác trên các cơ sở thuộc kết cấu hạ tầng, trong đó ưu tiên phát triển điện, giao thông, thủy lợi và thông tin liên lạc.

Quá trình công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước phải áp dụng chính sách công nghệ thích hợp, tận dụng được lợi

thế của nước đi sau trong điều kiện mới của cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới. Có ý kiến cho rằng chúng ta phải đi ngay vào công nghệ hiện đại một cách phổ biến. Quan điểm của chúng ta là: trình độ lực lượng sản xuất ở nước ta còn thấp, lao động còn dư thừa, vốn còn hạn chế; ta phải kết hợp nhiều trình độ công nghệ, vừa tận dụng công nghệ sẵn có và từng bước cải tiến, nâng cao, vừa cố gắng tranh thủ nhanh công nghệ mới, lựa chọn từng mặt, từng khâu trong mỗi ngành, mỗi cơ sở có khả năng tiến thẳng vào công nghệ hiện đại. Chẳng hạn, trong điều kiện nông nghiệp phần lớn là lao động thủ công, vẫn có thể áp dụng công nghệ sinh học hiện đại, thay đổi giống cây, con, mùa vụ, quy trình chế biến... để tăng năng suất và chất lượng sản phẩm cuối cùng.

Muốn đất nước phát triển nhanh, phải đẩy mạnh hơn nữa *sự nghiệp giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ*, coi đó là quốc sách hàng đầu để phát huy nhân tố con người, động lực trực tiếp của sự phát triển. Trước mắt, phải phổ cập cấp I, nâng cao dân trí, đào tạo nghề cho phần lớn thanh niên, tăng nhanh số công nhân lành nghề, đào tạo cán bộ nhiều trình độ, đặc biệt là cán bộ quản lý, nhà doanh nghiệp, chuyên gia khoa học và công nghệ; chú ý phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài. Đổi mới nhanh cơ chế quản lý giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ phù hợp với nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, gắn sự phát triển các lĩnh vực này với sản xuất và các mục tiêu kinh tế - xã hội. Một mặt, Nhà nước tăng đầu tư, mặt khác có chính sách để toàn dân, các thành phần kinh tế cùng làm và đóng góp vào sự nghiệp này.

Hầu hết các nước, trước sự phát triển mới của lực lượng

sản xuất, đều phải tiến hành cải cách giáo dục để có đội ngũ lao động có trí tuệ thích ứng với bước tiến của khoa học và công nghệ. Chúng ta phải tổng kết cuộc cải cách giáo dục vừa qua để có chủ trương phù hợp cho thời gian tới. Đó là vấn đề chiến lược, đồng thời cũng là vấn đề bức xúc phải giải quyết.

III- VỀ ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ VẤN ĐỀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Thưa các đồng chí,

Chúng ta hiểu được tầm quan trọng của đổi mới hệ thống chính trị. Nhưng vấn đề là phải tìm ra nội dung, hình thức và bước đi thích hợp. Ở giai đoạn đầu, Đảng lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, phát huy mọi tiềm năng nhằm giải phóng lực lượng sản xuất, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá, đáp ứng nhu cầu bức thiết của đời sống nhân dân. Cũng từ đó mà bước đầu đem lại lòng tin và tạo ra sức mạnh cho nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới. Đồng thời với đổi mới kinh tế, chúng ta thực hiện đổi mới từng bước hệ thống chính trị. Chính trị là lĩnh vực cực kỳ phức tạp. Khi chưa được chuẩn bị các tiền đề cần thiết mà đã vội vàng đẩy nhanh đổi mới chính trị và đổi mới không đúng sẽ dẫn đến tình trạng mất ổn định về chính trị, mà chính trị đã không ổn định thì toàn bộ công cuộc đổi mới sẽ gặp nhiều khó khăn, trắc trở. Đó là bài học lớn được rút ra từ thực tế nước ta cũng như từ kinh nghiệm cải tổ, cải cách ở một số nước anh em.

Trong hệ thống chính trị nước ta, Đảng là người lãnh đạo để bảo đảm mọi quyền lực thuộc về nhân dân. Nhân dân thực

hiện quyền lực của mình trước hết thông qua các cơ quan dân cử. Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp phải thực sự có đầy đủ quyền lực được nhân dân uỷ nhiệm. Đã có những bước tiến bộ nhất định trên mặt này qua mấy năm đổi mới, song còn phải đổi mới nhiều hơn nữa mới đáp ứng điều nhân dân mong muốn.

Đảng kiên quyết khắc phục những tệ độc đoán, chuyên quyền, bao biện làm thay công việc của Nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Song không thể từ đó lại dẫn đến sai lầm cực đoan khác là buông trôi sự lãnh đạo của Đảng. Mặt khác, không thể không cảnh giác trước một khẩu hiệu được những kẻ mị dân tung ra đòi "Đảng phải trả mọi quyền lực cho Nhà nước và nhân dân". Thực chất khẩu hiệu ấy không có gì khác là chia rẽ Đảng với nhân dân, là đòi xoá bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Kinh nghiệm chỉ rõ: Khi Đảng của giai cấp công nhân bị mất quyền lãnh đạo Nhà nước thì chính quyền cũng không còn ở trong tay nhân dân và chế độ xã hội thay đổi.

Để bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng và mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, trước hết phải giải quyết tốt *mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước*. Nhà nước được nhân dân trao cho quyền lực và chịu trách nhiệm trước nhân dân quản lý mọi mặt đời sống xã hội. Đảng lãnh đạo phải bảo đảm phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của Nhà nước. Tính hiệu lực và sức mạnh của Nhà nước chính là thể hiện hiệu quả lãnh đạo của Đảng. Ở đây hoàn toàn không có sự đối lập giữa nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng với tăng cường hiệu lực của Nhà nước, không có sự hy sinh cái này cho cái kia mà chỉ có sự thống nhất làm tăng sức mạnh lẫn nhau giữa vai trò lãnh đạo của Đảng với vai trò quản lý của Nhà nước.

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Quan hệ giữa Đảng với nhân dân bao giờ cũng là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng. Nguồn sức mạnh làm nên thắng lợi của chúng ta chính là ở chỗ Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân. Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân thể hiện tập trung ở vai trò Nhà nước, vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Do đó chúng ta cần xúc tiến đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đổi mới cơ cấu bộ máy và phương thức quản lý của Nhà nước, đổi mới nội dung và cách thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, nhằm phát huy mọi tiềm lực vật chất, tinh thần và trí tuệ của tất cả các giai cấp và tầng lớp xã hội, tập hợp trong khối đại đoàn kết dân tộc, phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị nước ta là xây dựng *nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*. Dân chủ là quy luật hình thành, phát triển và tự hoàn thiện của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa; nó vừa là một mục tiêu vừa là một động lực của công cuộc đổi mới xã hội ta.

Dân chủ không thể có được nếu thiếu tập trung, thiếu kỷ cương, kỷ luật, thiếu trách nhiệm công dân. Dân chủ phải đi đôi với pháp chế. Dân chủ thực sự một mặt đối lập với độc đoán, chuyên quyền, mặt khác đối lập với chủ nghĩa tự do vô chính phủ. Cần phải cảnh giác với những thủ đoạn mị dân lợi dụng ngọn cờ dân chủ để gây rối.

Có ý kiến cho rằng chỉ có cơ chế chính trị đa nguyên với sự tồn tại của đảng phái đối lập thì mới có dân chủ. Thật ra dân

chủ hay không dân chủ, điều đó không tùy thuộc ở chế độ một đảng hay nhiều đảng. Dưới chế độ nguy quyền Sài Gòn trước đây có hàng chục đảng phái, phe nhóm chính trị, song không ai cho rằng ở đó có nhiều dân chủ. Chế độ một đảng hay nhiều đảng là sự phản ánh và kết quả của so sánh lực lượng trong đấu tranh chính trị, đấu tranh giai cấp, vì vậy nó là sản phẩm của điều kiện lịch sử cụ thể của từng nước.

Trong điều kiện nước ta hiện nay không có sự cần thiết khách quan để lập nên cơ chế chính trị đa nguyên, đa đảng đối lập. Thừa nhận đa đảng đối lập có nghĩa là tạo điều kiện cho sự ngóc đầu dậy ngay tức khắc và một cách hợp pháp các lực lượng phản động, phục thù trong nước và từ nước ngoài trở về hoạt động chống Tổ quốc, chống nhân dân, chống chế độ. Đó là điều mà nhân dân ta dứt khoát không chấp nhận.

Vấn đề còn lại ở chỗ: làm sao bảo đảm đầy đủ dân chủ trong điều kiện một đảng lãnh đạo. Vấn đề này đúng là phải được suy nghĩ một cách nghiêm túc với đầy đủ ý thức trách nhiệm trước nhân dân. Nhận thức rõ điều đó, Đảng ta cố gắng tự đổi mới, ra sức tìm kiếm các cơ chế, hình thức và phương thức cụ thể, có hiệu quả, cho phép thực hiện đầy đủ dân chủ trong nội bộ Đảng và trong đời sống xã hội nhằm phát huy tối đa vai trò, lực lượng, tính tự giác và sức sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp quản lý đất nước và xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cuối cùng cần lưu ý thêm một điểm: đánh giá một nền dân chủ không thể chỉ căn cứ vào những khẩu hiệu nó nêu ra, mà phải xem được thực thi như thế nào trong đời sống thực tế. Nền dân chủ ấy thực chất hay chỉ là hình thức hoặc giả hiệu, dân chủ cho đa số nhân dân hay chỉ là thiểu số giai

cấp thống trị bóc lột. Đây là nguyên tắc cơ bản không thể mơ hồ, lẫn lộn.

IV- VỀ VẤN ĐỀ ĐẢNG

Thưa các đồng chí,

Một trong những vấn đề được phát biểu nhiều nhất trong đợt góp ý kiến xây dựng các văn kiện Đại hội là vấn đề Đảng.

Nổi lên trước hết là vấn đề *bản chất giai cấp của Đảng*. Qua nhiều ý kiến tranh luận, dự thảo Cương lĩnh và Điều lệ (sửa đổi) lần này tiếp tục khẳng định Đảng ta là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin là vấn đề có tính nguyên tắc số một đối với Đảng ta. Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin có nghĩa là nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng một cách đúng đắn, thích hợp với điều kiện nước ta, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin một cách sáng tạo. Chúng ta phải đấu tranh chống những luận điệu và thủ đoạn đả kích, phủ nhận, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, từ phía những thế lực thù địch, những kẻ cơ hội.

Cái mới trong các văn kiện Đại hội lần này là cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, Đảng nêu cao *tư tưởng Hồ Chí Minh*. Điều đó là tự nhiên, bởi tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kết

quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta và trong thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của cả dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân trọn vẹn nhất cho sự kết hợp đó, là tiêu biểu sáng ngời cho sự kết hợp giai cấp và dân tộc, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với mỗi người Việt Nam là vô cùng gần gũi, gắn liền với tình cảm yêu thương vô hạn của nhân dân đối với Bác, bởi công lao to lớn và đạo đức cách mạng trong sáng của Người. Vì vậy nói tư tưởng Hồ Chí Minh là phù hợp với thực tế cách mạng nước ta, phù hợp với tình cảm và nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân ta.

Khẳng định bản chất giai cấp công nhân của Đảng, chúng ta không tách rời Đảng và giai cấp với các tầng lớp nhân dân lao động khác, với toàn thể dân tộc. Ngay từ khi mới thành lập, Đảng đã mang trong mình tính thống nhất giữa yếu tố giai cấp và yếu tố dân tộc. Chính lập trường và lợi ích giai cấp công nhân đòi hỏi trước hết phải giải phóng dân tộc. Đảng tìm thấy nguồn sức mạnh không chỉ ở giai cấp công nhân mà còn ở các tầng lớp nhân dân lao động, ở cả dân tộc. Cũng từ đó nhân dân lao động và cả dân tộc đã thừa nhận Đảng ta là người lãnh đạo, người đại biểu chân chính cho quyền lợi cơ bản và thiết thân của mình.

Để làm tròn trách nhiệm nặng nề mà lịch sử giao phó, Đảng ta coi việc *tự đổi mới, tự chỉnh đốn và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng* là yêu cầu quan trọng hàng đầu trong

công tác xây dựng đảng, là công việc thường xuyên bảo đảm cho Đảng ta luôn ngang tầm nhiệm vụ cách mạng. Đó cũng là nguyện vọng và đòi hỏi của nhân dân. Việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm làm cho Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Vấn đề quan trọng hàng đầu là phải tiếp tục đổi mới tư duy, nâng trình độ trí tuệ của Đảng lên một bước phát triển mới. Hơn lúc nào hết, muốn lãnh đạo công cuộc đổi mới đi đến thắng lợi, Đảng ta phải nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực tổ chức thực tiễn, từ việc phát hiện và nắm vững quy luật vận động của đời sống xã hội ta, của bản thân Đảng, cho đến hiểu biết về thế giới, về thời đại, về bạn bè, đồng minh và kẻ thù. Chỉ có trên cơ sở ấy Đảng mới có thể đưa ra được những đường lối, chủ trương đúng đắn, tránh được sai lầm, khuyết điểm và làm cho đường lối, chủ trương được thực hiện thắng lợi.

Đảng làm giàu trí tuệ của mình bằng cách không ngừng nâng cao trình độ lý luận, nắm vững và vận dụng sáng tạo những luận điểm cơ bản và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời phải không ngừng tổng kết kinh nghiệm thực tiễn sinh động, từ phong trào cách mạng của quần chúng. Phát triển công tác lý luận của Đảng bằng cách tổng kết thực tiễn, tổng kết những cái mới đang hằng ngày hằng giờ nảy sinh trong đời sống đất nước và cả thế giới, tiếp thu được những thành quả trí tuệ của cả loài người, đó là phương hướng cơ bản để làm giàu trí tuệ của Đảng, để hoàn chỉnh và phát triển đường lối.

Một vấn đề nữa được mọi người quan tâm và góp nhiều ý kiến là *nguyên tắc tập trung dân chủ*. Đảng ta coi đây là nguyên tắc tổ chức cơ bản, phân biệt chính đảng kiểu mới

của giai cấp công nhân, đảng cách mạng chân chính, với các đảng phái khác. Phủ nhận nguyên tắc này là phủ nhận đảng cộng sản từ bản chất. Đảng chống tập trung quan liêu, độc đoán chuyên quyền, song triệt để tuân theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Chỉ có thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ mới có thể vừa chống được tập trung quan liêu vừa chống được tình trạng vô chính phủ và bè phái, bảo đảm sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng, chỉ có như vậy Đảng mới có sức mạnh và sức chiến đấu. Dự thảo Điều lệ (sửa đổi) lần này nhấn mạnh thực hiện đầy đủ dân chủ trong Đảng. Trước hết, phải bảo đảm thực hiện quyền của đảng viên, nhất là quyền được thảo luận thẳng thắn, tự do trong tổ chức các vấn đề về đường lối, chính sách của Đảng; quyền được phê bình, chất vấn trong phạm vi tổ chức về hoạt động của tổ chức đảng và mọi đảng viên ở mọi cấp. Dự thảo Điều lệ (sửa đổi) bổ sung quyền được thông tin, quyền được bảo lưu ý kiến của đảng viên. Những quy định trên tạo điều kiện khắc phục tình trạng cấp uỷ vi phạm quyền của đảng viên, còn đảng viên thì thụ động, tiêu cực. Trong khi thực hiện đầy đủ dân chủ, dự thảo Điều lệ (sửa đổi) đồng thời nhấn mạnh phải bảo đảm kỷ luật, bảo đảm tính tập trung, thống nhất trong Đảng.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy hễ xa rời nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng sẽ trở thành một thứ câu lạc bộ, mở đường cho chủ nghĩa cơ hội, bè phái, vô chính phủ đủ loại, cuối cùng đưa đến chỗ tan rã Đảng về mặt tổ chức, cũng tức là thủ tiêu bản thân Đảng.

Các văn kiện dự thảo đặc biệt nhấn mạnh vấn đề tăng cường *đoàn kết thống nhất* trong Đảng trên cơ sở chủ nghĩa

Mác - Lênin, Cương lĩnh chính trị và các nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng. Đoàn kết là truyền thống quý báu của Đảng và nhân dân ta, là di sản vô giá mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta, là nguồn sức mạnh tất thắng của cách mạng.

Để giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, cần thực hiện đầy đủ dân chủ trong sinh hoạt đảng, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình một cách trung thực, thẳng thắn với tình đồng chí, tôn trọng, thương yêu nhau. Cần đấu tranh không khoan nhượng chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa, chống chủ nghĩa cơ hội và mọi biểu hiện bè phái trong Đảng. Nghiêm cấm việc trù dập người phê bình; cũng nghiêm cấm việc lợi dụng phê bình để đả kích cá nhân, vu cáo, chia rẽ. Ngày nay đứng trước nhiều vấn đề mới mẻ ở trong nước và trên thế giới, trong Đảng thường nảy sinh những ý kiến khác nhau. Đó là điều bình thường. Tranh luận vì mục đích và lợi ích chung, có nguyên tắc và vì chân lý thì không thể dẫn đến mất đoàn kết. Trái lại sự nhất trí dễ dãi thường dẫn tới đoàn kết bề ngoài, không bền. Khi nào mỗi đảng viên không phân biệt cấp bậc, tuổi tác... đều ý thức được phải giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình, tất cả vì chân lý và vì lợi ích chung của Đảng, có nguyên tắc và không vì động cơ cá nhân thì sẽ bảo vệ được truyền thống đoàn kết của Đảng ta.

Trong quá trình thảo luận văn kiện Đại hội, nhiều ý kiến đề cập đến *vấn đề cán bộ và đảng viên, vấn đề bộ máy tổ chức của Đảng và Nhà nước*, mong muốn Đảng ta phải đổi mới mạnh mẽ trên những mặt này.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, mỗi đảng

viên dù ở cương vị công tác nào đều phải là một công dân kiểu mẫu. Phấn đấu nâng cao trình độ mọi mặt cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới. Bằng lao động sáng tạo của mình góp phần xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, nâng cao đời sống nhân dân, gương mẫu trong chấp hành luật pháp và về lối sống có đạo đức. Đảng viên phải làm tốt công tác vận động, tổ chức quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tổ chức đảng và đảng viên phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đảng viên cũng như mọi công dân đều bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi; không một ai được có đặc quyền, đặc lợi. Đảng viên phải lấy việc phục vụ nhân dân, phấn đấu cho lý tưởng của Đảng làm lẽ sống của mình. Một vấn đề lâu nay được thảo luận nhiều là vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân. Hội nghị toàn thể lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) có kết luận như sau: Đã là đảng viên cộng sản thì không làm kinh tế tư bản tư nhân. Đối với những trường hợp đặc biệt đã hình thành thì tổ chức đảng sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Vấn đề quản lý và nâng cao chất lượng đảng viên là yêu cầu cấp bách hiện nay. Phải cương quyết xử lý những đảng viên thoái hóa biến chất. Kết nạp vào Đảng những người thực sự ưu tú trong công cuộc đổi mới. Làm trong sạch đội ngũ đảng viên, không những nâng cao được sức chiến đấu của Đảng mà còn nâng cao được lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

Cán bộ và công tác cán bộ thực sự là một yêu cầu vừa cơ bản vừa bức xúc, đòi hỏi phải được đổi mới từ quan điểm, phương pháp, chính sách và tổ chức, chẳng những để đáp

úng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng đất nước hôm nay, mà còn phải chuẩn bị những thể hệ cách mạng kế tục sự nghiệp của Đảng ta và dân tộc ta trong tương lai. Phải chống bảo thủ, trì trệ, đồng thời cũng không nên giản đơn hóa trong việc đổi mới cán bộ và công tác cán bộ. Cần quán triệt quan điểm lịch sử cụ thể và quan điểm phát triển trong công tác cán bộ để xác định nội dung, tiêu chuẩn, phẩm chất và năng lực cán bộ, phù hợp với giai đoạn lịch sử hiện nay. Đất nước ta không thiếu nhân tài, vấn đề là phải có những chính sách, cơ chế thích hợp để phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng người tài.

Công cuộc đổi mới là một dịp sàng lọc và thử thách đội ngũ cán bộ, Đảng phải sáng suốt và tỉnh táo, có quan điểm khách quan và toàn diện, phải thông qua hoạt động thực tiễn, lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo chủ yếu để đánh giá đúng cán bộ. Kịp thời phát hiện những tiềm năng cán bộ trẻ, đồng thời biết sử dụng có hiệu quả những cán bộ lớn tuổi, từng trải, có kinh nghiệm. Phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa các thế hệ cán bộ, vừa phù hợp yêu cầu đổi mới hiện nay vừa chuẩn bị cho sự phát triển tương lai của đất nước.

V- KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI VÀ NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRONG NHỮNG NĂM TRƯỚC MẮT

Thưa các đồng chí,

Hơn bốn năm qua, thực hiện Nghị quyết của Đại hội VI, toàn Đảng, toàn dân ta đã tiến hành công cuộc đổi mới toàn

diện, khắc phục từng bước những sai lầm, khuyết điểm trước đây, mở ra những hướng mới, cách làm mới, nhằm thoát khỏi cuộc khủng hoảng về kinh tế - xã hội và từng bước tiến lên. Sự nghiệp đổi mới đầy khó khăn, đòi hỏi phải tìm tòi, sáng tạo và phải có những thử nghiệm dũng cảm, lại càng khó khăn hơn do trong mấy năm gần đây, nước ta chịu tác động bất lợi về nhiều mặt của những diễn biến phức tạp trên thế giới.

Trong quá trình đổi mới, chúng ta đã có những thành công, nhưng cũng có những khuyết điểm, vấp vấp. Việc đánh giá đúng thực chất và xu thế của tình hình, rút ra những kết luận đúng đắn làm cơ sở để xác định hướng đi cho những năm tới là rất cần thiết. Qua thảo luận các dự thảo văn kiện Đại hội, hầu hết ý kiến nhất trí nhận định: công cuộc đổi mới đã đạt những thành tựu bước đầu rất quan trọng, chúng ta đã đi đúng lối đổi mới do Đại hội VI đề ra là đúng đắn, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp.

Các văn kiện Đại hội, nhất là Báo cáo chính trị đã trình bày cụ thể những thành tựu ấy. Ở đây chỉ phân tích thêm ý nghĩa của những thành tựu.

Chúng ta đã đạt được những tiến bộ bước đầu về kinh tế, trước hết là về nông nghiệp, đặc biệt là về lương thực, kiềm chế một bước đà lạm phát, giảm bớt một phần khó khăn về đời sống của nhân dân đã kéo dài nhiều năm. Đã đạt được những tiến bộ về xuất khẩu và cải thiện đáng kể cán cân xuất, nhập khẩu đúng vào lúc mà quan hệ kinh tế đối ngoại có những biến động đột ngột, viện trợ quốc tế giảm nhiều, nguồn vay nhập siêu không còn và khả năng nhập khẩu từ các thị trường truyền thống giảm mạnh. Có thể nói những

tiến bộ kinh tế vừa qua đã giúp cho nền kinh tế nước ta thoát khỏi một cơn thử thách hiểm nghèo. Tất nhiên, không nên quên rằng những tiến bộ kinh tế ấy đạt được không chỉ nhờ mấy năm đổi mới mà còn là sự phát huy kết quả của những chính sách đúng và nhiều công trình xây dựng qua nhiều năm trước đó.

Điều quan trọng là nền kinh tế đang có những chuyển biến có ý nghĩa cả về cơ cấu và cơ chế quản lý. Đã bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Cơ cấu đầu tư, cơ cấu sản xuất đã có điều chỉnh quan trọng theo hướng tập trung hơn cho ba chương trình kinh tế, đáp ứng có hiệu quả hơn những nhu cầu của thị trường trong nước và bước đầu mở rộng quan hệ với thị trường thế giới.

Những tiến bộ bước đầu về kinh tế, đời sống, về dân chủ hóa xã hội cùng với những thành tựu trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại... đã góp phần quan trọng khôi phục một bước niềm tin của nhân dân vào tiền đề chủ nghĩa xã hội, vào sự lãnh đạo của Đảng ta. Đó là nhân tố có ý nghĩa quyết định giúp nước nhà giữ được ổn định chính trị trước những tác động phức tạp của tình hình quốc tế và trong nước trong thời gian vừa qua. Bức tranh chung của đất nước ta hiện nay, nhìn trên bình diện kinh tế - xã hội cũng như trên bình diện chính trị và tư tưởng xã hội so với trước đã có sự thay đổi tiến bộ mà ai cũng nhận biết được, kể cả người nước ngoài.

Thành tựu đạt được trong hơn bốn năm qua đã làm giảm một phần mức độ gay gắt của cuộc khủng hoảng. Những kinh

nghiệm đổi mới làm rõ dần con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Trên thực tế từ Đại hội VI, chúng ta đã chuyển hướng quan niệm và đường lối xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, nhiều chính sách lớn về đối nội và đối ngoại, theo đó, những thói quen, nếp nghĩ của cả xã hội cũng đang biến đổi. Nhiều cách làm mới đã và đang xuất hiện. Thực tiễn đã chứng minh sự chuyển hướng với những cách làm mới đó là đúng. Có thể nói đó là “cái được” lớn nhất, có ý nghĩa cơ bản và lâu dài của hơn bốn năm đổi mới.

Đương nhiên, không nên đánh giá quá mức những thành tựu. Không nên quên rằng đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Không thể coi thường những nhân tố có thể gây mất ổn định về chính trị. Mức độ lạm phát vẫn còn cao, những nguyên nhân của lạm phát chưa được xóa bỏ. Sản xuất còn nhiều mặt đình đốn. Lao động thất nghiệp hoặc không đủ việc làm ngày càng tăng. Đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn. Nhiều mặt trong lĩnh vực văn hóa xã hội chưa chặn đứng được tình trạng xuống cấp. Tham nhũng, bất công và tiêu cực trong xã hội còn phổ biến và nặng nề; trật tự và an toàn xã hội còn phức tạp; pháp luật, kỷ cương xã hội chưa nghiêm. Cần thấy rằng bên cạnh những “cái được”, đã xuất hiện những “cái không tốt” mà tới đây ta phải tích cực uốn nắn, sửa đổi ngay.

Chúng ta khẳng định tính tất yếu của công cuộc đổi mới, đặc biệt là đổi mới về kinh tế, nhưng cũng cần thấy mặt trái của nhiệm vụ này. Việc chuyển nền kinh tế mang nặng tính tự cấp, tự túc với cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước là hoàn toàn

đúng đắn và cần thiết để giải phóng và phát huy các tiềm năng sản xuất trong xã hội. Nhưng sẽ là sai lầm nếu cho rằng nền kinh tế thị trường là liều thuốc vạn năng. Cùng với sự kích thích sản xuất phát triển, kinh tế thị trường cũng là môi trường thuận lợi làm nảy sinh và phát triển nhiều loại tiêu cực xã hội. Đã xuất hiện khuynh hướng làm giàu bằng bất cứ giá nào, kể cả lừa đảo, gây tội ác, vi phạm pháp luật, sẵn sàng chà đạp lên lương tâm và nhân phẩm. Lối sống trụy lạc, chạy theo những thị hiếu thấp hèn, văn hóa không lành mạnh và những hủ tục, mê tín, dị đoan đang phục hồi và phát triển. Trong thế hệ trẻ có một bộ phận phai nhạt lý tưởng, chạy theo lối sống thực dụng. Một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên có chức có quyền, trong đó có cả những người đã từng có đóng góp đáng kể cho cách mạng, cũng bị sa ngã và thoái hóa, biến chất. Để hạn chế và khắc phục những hiện tượng tiêu cực ấy, giữ cho công cuộc đổi mới đi đúng hướng và bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội được phát huy, Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cần thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, quản lý, tổ chức và giáo dục của mình. Đây là một cuộc chiến đấu không dễ dàng nhưng nhất định không được buông lỏng mà phải tiến hành kiên quyết, kiên trì và có phương pháp.

Thực tiễn hơn bốn năm đổi mới cho thấy những ý kiến nói rằng chúng ta chỉ đổi mới hình thức, đổi mới nửa vời, là không phù hợp với tình hình thực tế. Công cuộc đổi mới sẽ không tránh khỏi vấp vấp nếu không cân nhắc, tính toán bước đi. Còn những ai phủ nhận hoặc đánh giá thấp thành tựu của công cuộc đổi mới, muốn quay trở lại những cách làm

lỗi thời trước đây (dù là xuất phát từ sự lo lắng và bất bình chính đáng đối với những hiện tượng tiêu cực mới nảy sinh trong quá trình đổi mới) cũng là hoàn toàn sai lầm.

Thưa các đồng chí,

Năm năm tới, đất nước ta đứng trước những thách thức gay gắt. Đòi hỏi cấp bách của nhân dân là sớm đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, trong khi đó viện trợ quốc tế giảm nhiều, nợ nước ngoài phải trả nhiều hơn, đất nước còn bị một số thế lực quốc tế cấm vận kinh tế. Các thế lực thù địch công khai và ngấm ngấm tiến hành phá hoại và gây sức ép từ nhiều phía, còn có âm mưu “chuyển biến hòa bình” bằng nhiều biện pháp thâm độc. Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc còn nặng nề.

Cơ hội phát triển cũng không nhỏ, nếu chúng ta đổi mới đúng đắn, có chính sách và cách làm phù hợp để tiếp tục giải phóng sức sản xuất, phát huy các tiềm năng của nền kinh tế, đồng thời sử dụng tốt những khả năng mở rộng quan hệ đối ngoại, tham gia ngày càng sâu vào phân công lao động quốc tế, thu hút nguồn vốn, kỹ thuật và kinh nghiệm của thế giới để xây dựng đất nước.

Mục tiêu đặt ra cho chúng ta trong 5 năm tới là: vượt qua những khó khăn gay gắt trước mắt, tăng cường ổn định chính trị, đưa đất nước cơ bản ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, thực hiện một phần mục tiêu của Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.

Phương hướng thực hiện mục tiêu ấy là đoàn kết và động viên lực lượng của mọi tầng lớp nhân dân tiến hành *hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ*

quốc, bảo vệ các thành quả cách mạng; tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh đường lối đổi mới và thực hiện nó một cách đồng bộ, nhất quán và có hiệu quả hơn, phát huy những ưu điểm và thành tựu, khắc phục những tiêu cực và khó khăn, cố hạn chế những lệch lạc mới có thể phát sinh.

Trên cơ sở những nhiệm vụ chủ yếu được đề ra trong Báo cáo chính trị, tiếp thu nhiều ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và nhân dân, Ban Chấp hành Trung ương xin kiến nghị *một số nhiệm vụ* cần tập trung sức giải quyết là:

1. Nhiệm vụ quan trọng nhất, vừa cơ bản, vừa cấp bách là *ra sức đẩy mạnh sản xuất*. Trên cơ sở tiếp tục xây dựng ngày càng đồng bộ nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa và vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, động viên mọi tiềm năng vật chất và tinh thần của xã hội, vai trò động lực của khoa học và công nghệ, vai trò của giáo dục và văn hóa, tư tưởng đầy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế với năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao.

Tiếp tục coi phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, trước hết là bảo đảm lương thực, thực phẩm là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội.

Trong phát triển các ngành kinh tế, cả sản xuất và dịch vụ, chú trọng huy động tiềm năng, phát huy lợi thế tương đối, đáp ứng tốt nhất nhu cầu sản xuất và đời sống trong nước, hướng mạnh về xuất khẩu.

Việc phát triển công nghiệp nặng và cơ sở hạ tầng phải có trọng điểm, bố trí vừa sức của nền kinh tế, trước hết hướng

vào phục vụ tốt ba chương trình kinh tế, đồng thời tạo cơ sở cho những bước phát triển tiếp theo.

Vấn đề cấp bách đối với sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp thuộc tất cả các thành phần kinh tế hiện nay là: tìm mọi nguồn để đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, phụ tùng, vốn cho sản xuất; mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu; quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu và chống buôn lậu để bảo hộ sản xuất nội địa, thực hiện tiết kiệm, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh; xử lý các cơ sở làm ăn thua lỗ kéo dài để tập trung vốn, vật tư cho những cơ sở trọng điểm, làm ăn có hiệu quả.

Đồng thời với việc đẩy mạnh sản xuất, cần chấn chỉnh lại các hoạt động trong lĩnh vực lưu thông, đổi mới, sắp xếp lại và nâng cao hiệu quả của thương nghiệp quốc doanh, hướng dẫn thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh hoạt động đúng hướng.

2. Tiếp tục *hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế mới*, trước hết là trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng nhằm tiếp tục kiềm chế lạm phát, tháo gỡ khó khăn cho các cơ sở sản xuất; ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng hợp tác quốc tế.

Khẩn trương *xây dựng chính sách tài chính quốc gia* và thực hiện cải cách cơ bản tài chính nhà nước theo hướng vừa thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tạo nguồn vốn và tích tụ vốn ở đơn vị kinh tế, vừa bảo đảm tập trung thích đáng nguồn vốn cho Nhà nước, vừa tạo điều kiện, vừa gây sức ép buộc các đơn vị kinh tế tìm mọi biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh;

thực hiện phân phối hợp lý thu nhập quốc dân, nâng cao dần tỷ lệ tích lũy, thực hành tiết kiệm và bảo đảm công bằng xã hội; góp phần tích cực kiềm chế và đẩy lùi lạm phát.

Tiếp tục đổi mới hoạt động của hệ thống *ngân hàng*, thực hiện đúng chức năng của Ngân hàng nhà nước và Ngân hàng kinh doanh; phân định rành mạch giữa tài chính và tín dụng. Áp dụng hình thức ngân hàng cổ phần. Ngân hàng vươn lên làm tốt chức năng là trung tâm tiền tệ, tín dụng và thanh toán của các thành phần kinh tế, điều hòa tiền mặt trong cả nước, thu hút mọi nguồn tiền nhàn rỗi trong xã hội và khuyến khích nhân dân tiết kiệm tiêu dùng để tích lũy phục vụ phát triển sản xuất. Lập lại trật tự về sử dụng và quản lý tiền mặt trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế. Giải quyết tình trạng các đơn vị sản xuất, kinh doanh chiếm dụng vốn của nhau, nợ nần dây dưa kéo dài. Từng bước ổn định giá trị đồng bạc Việt Nam. Thực hiện quản lý ngoại tệ qua ngân hàng; sử dụng ngoại tệ có kế hoạch, xây dựng thị trường hối đoái hợp pháp. Cho phép ngân hàng nước ngoài vào hoạt động theo luật pháp của Việt Nam.

Để góp phần chống lạm phát, một trong những biện pháp chủ yếu là *thực hành chính sách tiết kiệm nghiêm ngặt* trong sản xuất, xây dựng và trong tiêu dùng. Nhà nước và các đơn vị kinh tế, hành chính và sự nghiệp cần xây dựng những cơ chế và quy định cụ thể để thực hiện có hiệu quả chủ trương này.

3. Đảng viên và quần chúng ở cơ sở cũng như đại hội Đảng các cấp đều tỏ ra quan tâm, lo lắng nhiều đến những vấn đề thuộc *chính sách xã hội*. Sự quan tâm, lo lắng ấy là chính

đáng. Các văn kiện đã trình bày những nội dung cơ bản về chính sách xã hội, trong đó nổi bật một *quan điểm lớn*:

Quan điểm coi mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người, trước hết là người lao động. Đó cũng là quan điểm về sự thống nhất giữa mục tiêu của chính sách kinh tế và chính sách xã hội - tất cả vì con người.

Các văn kiện cũng nêu ra những phương hướng, nhiệm vụ cụ thể của chính sách xã hội. Ở đây chỉ xin trình bày một số điểm:

Phải thấy những vấn đề chính sách xã hội là đa dạng và phức tạp. Ở mỗi nước, mỗi trình độ phát triển đều có những vấn đề xã hội khác nhau cần giải quyết. Ở nước ta, khi bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, có hàng loạt vấn đề xã hội đặt ra mà vấn đề nào cũng cấp bách. *Trước hết*, đó là loại vấn đề do lịch sử và do hậu quả chiến tranh để lại như việc chăm sóc, đền ơn, trả nghĩa đối với những người có công với nước, với cách mạng; việc cứu trợ những nạn nhân chiến tranh, những trẻ mồ côi; những bệnh tật và tệ nạn xã hội... *Thứ hai*, đó là loại vấn đề nảy sinh từ nền kinh tế - xã hội lạc hậu, kém phát triển như thất nghiệp, mức sống thấp, tỷ lệ phát triển dân số cao, nạn mê tín dị đoan... *Thứ ba*, đó là loại vấn đề mới phát sinh như những vấn đề xã hội liên quan đến việc phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, chuyển sang cơ chế thị trường, giải quyết vấn đề ruộng đất ở nông thôn, chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội, việc phân bố lại dân cư, xây dựng các vùng kinh tế mới, việc giảm biên chế các cơ quan và giảm quân số, v.v..

Sẽ xử lý như thế nào những vấn đề ấy? Chúng ta cho rằng, không thể giải quyết hàng loạt vấn đề cấp bách ấy

trong một lúc khi năng suất lao động xã hội còn thấp, nguồn thu ngân sách nhà nước thường xuyên thiếu hụt lớn so với yêu cầu chi. *Phải có thời gian để giải quyết từng bước, cùng với đà phát triển kinh tế.*

Cần huy động mọi khả năng của Nhà nước và của nhân dân, trung ương và địa phương để cùng nhau giải quyết các vấn đề của chính sách xã hội. Xây dựng các quỹ bảo hiểm xã hội của nhân dân trong tất cả các thành phần kinh tế; phát triển các hiệp hội từ thiện, nhân đạo để phát huy truyền thống nhân ái, tương trợ lẫn nhau của dân tộc ta, đồng thời hỗ trợ Nhà nước trong việc giải quyết những vấn đề xã hội.

Trong năm năm tới, chúng ta cần tập trung sức giải quyết một số vấn đề gay gắt nhất trong hàng loạt vấn đề nói trên. Đó là các vấn đề giảm tỷ lệ phát triển dân số; giải quyết việc làm cho người lao động, trước hết là ở thành phố, bộ đội xuất ngũ và học sinh ra trường theo hướng Nhà nước tạo cơ chế, chính sách, môi trường, đào tạo nghề nghiệp, người lao động tự tìm việc làm thích hợp. Cải cách chế độ tiền lương sao cho đủ tái sản xuất sức lao động, tiền tệ hóa tiền lương, khắc phục tình trạng bình quân trong lương, gắn cải cách tiền lương với chỉnh đốn bộ máy tổ chức và giảm biên chế. Chăm sóc những người có công với nước. Cải thiện một bước điều kiện làm việc, ăn, ở, học tập, chữa bệnh, đi lại và nghỉ ngơi cho nhân dân lao động, đặc biệt chú trọng vùng núi biên giới và đồng bào các dân tộc thiểu số.

4. *Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.* Cũng cố lực lượng vũ trang, các cơ quan luật pháp đủ sức giữ gìn

kỷ cương xã hội, chủ động phòng ngừa và đập tan mọi thủ đoạn phá hoại từ bên trong và bên ngoài trên các lĩnh vực.

Thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội cấp bách phải gắn với cuộc đấu tranh chống tham nhũng và buôn lậu. Cuộc đấu tranh ấy giờ đây trở thành một nhiệm vụ chính trị của toàn Đảng, toàn dân ta nhằm làm trong sạch bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Cần xử nghiêm những vụ tham nhũng, những vụ vi phạm pháp luật đã được phát hiện, tội trạng đã rõ đến đâu thì xử lý đến đó, không chờ đợi. Mọi hành vi gây tổn hại đến lợi ích của nhân dân và của xã hội đều phải được xem là tội ác, phải được xử lý nghiêm khắc theo luật pháp nhà nước, không miễn trừ bất kỳ ai.

5. Đảng và Nhà nước tiếp tục *đổi mới cán bộ và công tác cán bộ*, kịp thời thay thế những cán bộ kém năng lực, xử lý những cán bộ có quan điểm chính trị lệch lạc, vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đổi mới và hoàn thiện cơ chế tuyển chọn và đào tạo lại cán bộ, nhất là cán bộ quản lý các cấp, để đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và sự chuyển tiếp vững vàng các thế hệ cán bộ. Khẩn trương *kiện toàn hệ thống bộ máy nhà nước*. Trước hết phải chấn chỉnh tổ chức và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, thiết lập trật tự, kỷ cương trong kinh tế và xã hội, làm cho Nhà nước thực sự là cơ quan quyền lực của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Xúc tiến việc sửa đổi Hiến pháp và lãnh đạo, tổ chức thực hiện tốt Hiến pháp sửa đổi. Cải cách hệ thống hành chính nhằm xây dựng một hệ thống hành pháp và quản lý hành chính nhà nước vững mạnh từ trung ương đến cơ sở, có hiệu lực. Sửa đổi những cơ chế,

chính sách tạo kẽ hở gây ra tệ quan liêu, tham nhũng. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết kịp thời những vấn đề mới phát sinh.

Cùng với các cơ quan nhà nước, bộ máy đảng và các tổ chức đoàn thể nhân dân cũng cần được sắp xếp, tổ chức lại theo hướng gọn nhẹ, chất lượng cao và có hiệu quả.

6. *Nhiệm vụ đối ngoại* bao trùm trong thời gian tới là giữ vững hòa bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đáp ứng lợi ích của nhân dân ta, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chúng ta chủ trương hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình.

Trước sau như một tăng cường đoàn kết và hợp tác với Liên Xô, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hợp tác Việt - Xô nhằm đáp ứng lợi ích của mỗi nước.

Không ngừng củng cố, phát triển quan hệ đoàn kết và hữu nghị đặc biệt giữa Đảng và nhân dân ta với Đảng và nhân dân Lào, Đảng và nhân dân Campuchia anh em. Đổi mới phương thức hợp tác, chú trọng hiệu quả theo nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và lợi ích chính đáng của nhau. Phấn đấu góp phần sớm đạt được một giải pháp chính trị toàn bộ về vấn đề Campuchia, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền của Campuchia và Hiến chương Liên hợp quốc.

Thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với

Trung Quốc, từng bước mở rộng sự hợp tác Việt - Trung, giải quyết những vấn đề tồn tại giữa hai nước thông qua thương lượng.

Củng cố quan hệ hữu nghị, đoàn kết, hợp tác cùng có lợi và bình đẳng với Cuba và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Đảng Cộng sản Việt Nam tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân, góp phần tích cực vào sự hợp tác với các đảng anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh vì những mục tiêu cao cả của thời đại.

Đảng Cộng sản Việt Nam đoàn kết với mọi lực lượng đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; sẵn sàng thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng xã hội - dân chủ, các phong trào dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

Phát triển quan hệ đoàn kết, tin cậy và nâng cao hiệu quả hợp tác nhiều mặt với Ấn Độ. Tiếp tục mở rộng hợp tác với các nước đang phát triển khác.

Tích cực góp phần củng cố và tăng cường Phong trào Không liên kết.

Phát triển quan hệ hữu nghị với các nước ở Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, phấn đấu cho một Đông Nam Á hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Mở rộng sự hợp tác bình đẳng cùng có lợi với các nước Bắc Âu, Tây Âu, Nhật Bản và các nước phát triển khác. Thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ.

Góp phần làm cho Liên hợp quốc phục vụ đắc lực hơn những mục tiêu của nhân loại là hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Hợp tác với các tổ chức tài chính và tiền tệ quốc tế cũng như các tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc và các tổ chức phi chính phủ.

Với chính sách đối ngoại rộng mở, chúng ta tuyên bố

rằng: Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Năm năm tới đối với nhân dân ta là thời gian đầy thử thách, nhưng cũng nhiều triển vọng. Với truyền thống yêu nước và bản chất cách mạng vốn có, với trí thông minh và tài năng sáng tạo, nhân dân ta không chịu cảnh nghèo nàn và lạc hậu. Đảng ta có trách nhiệm lịch sử to lớn lãnh đạo nhân dân vượt qua thử thách, tận dụng mọi thời cơ, liên tục thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới, đưa nền kinh tế - xã hội thoát ra khỏi khủng hoảng, cải thiện đời sống nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, tiến lên xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta theo con đường được vạch ra trong Cương lĩnh của Đảng. Đó là nguyện vọng tha thiết của toàn Đảng, toàn dân ta, của Bác Hồ muôn vàn kính yêu. Thực hiện được trách nhiệm lịch sử đó, Đảng ta cùng nhân dân ta sẽ góp phần xứng đáng vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Sự nghiệp của chúng ta nhất định thắng!

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG (KHOÁ VI) TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII

Đại hội VI của Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện, mở ra bước ngoặt trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Ý nghĩa lịch sử của Đại hội VI là đã phân tích đúng đắn nguyên nhân của tình hình khủng hoảng kinh tế - xã hội từ nhiều năm trước, đề ra các định hướng lớn để từng bước thoát khỏi tình trạng đó.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, những diễn biến quốc tế phức tạp đã tác động xấu đến tình hình chính trị, kinh tế và xã hội nước ta. Nhưng Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đã nỗ lực khắc phục khó khăn, kiên trì tìm tòi, khai phá con đường đổi mới chưa có một khuôn mẫu cho trước, từng bước đưa đường lối Đại hội VI đi vào cuộc sống. Mặc dù tình hình còn nhiều khó khăn, kết quả đạt được xác nhận khả năng tự đổi mới của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam.

Đại hội VII của Đảng có nhiệm vụ tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, đánh giá những việc làm được, những

việc chưa làm được, những vấn đề mới nảy sinh, chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân và kinh nghiệm trên các lĩnh vực chủ yếu. Trên cơ sở đó, hoàn chỉnh, bổ sung và phát triển các chủ trương đổi mới của Đại hội VI, đề ra các phương hướng, nhiệm vụ lớn cho 5 năm 1991 - 1995.

Phần thứ nhất

THỰC HIỆN ĐỔI MỚI CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Hơn bốn năm đưa Nghị quyết Đại hội VI vào cuộc sống là quá trình thử nghiệm, tìm tòi, từng bước cụ thể hoá, phát triển và tổ chức thực hiện những định hướng lớn của Nghị quyết Đại hội. Đảng và Nhà nước vừa tập trung giải quyết những vấn đề kinh tế, xã hội cấp bách, giữ vững ổn định chính trị, vừa thực hiện đổi mới các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Từ giữa năm 1988 trở đi, các chủ trương, chính sách đổi mới bắt đầu mang lại kết quả rõ rệt, tình hình kinh tế và đời sống nhân dân dần dần được cải thiện, sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy, lòng tin của nhân dân vào công cuộc đổi mới tăng lên.

Tuy nhiên, những kết quả do đổi mới đem lại còn hạn chế và chưa vững chắc. Do những thiếu sót chủ quan và tác động bất lợi của những yếu tố khách quan, *từ quý II năm 1990 đến nay*, bên cạnh những nhân tố tích cực tiếp tục được phát huy, tình hình kinh tế - xã hội có những diễn biến phức tạp mới. Nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh đình đốn kéo dài, lạm phát

ở mức cao, tình trạng tham nhũng, tiêu cực, bất công trong xã hội tiếp tục phát triển; đời sống của những người mà nguồn thu nhập chính dựa vào tiền lương hoặc trợ cấp xã hội và một bộ phận nông dân tiếp tục giảm sút; tâm trạng lo lắng trong một bộ phận nhân dân có chiều hướng tăng lên.

Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương đã phân tích sâu sắc tình hình của thời điểm quan trọng này, vạch ra phương hướng củng cố và phát huy những thắng lợi đã giành được, phấn đấu vượt qua những khó khăn mới về kinh tế, xã hội, giữ vững sự ổn định chính trị, tạo thế đi lên cho những năm sau. Hiện nay, những yêu cầu nói trên vẫn đang là những nhiệm vụ cấp bách của Đảng, Nhà nước và toàn dân ta.

Dưới đây sẽ kiểm điểm việc thực hiện đổi mới trên các lĩnh vực chủ yếu.

1. Về đổi mới kinh tế

Thành tựu đầu tiên trên lĩnh vực kinh tế là *đã đạt được những tiến bộ rõ rệt trong việc thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế* (lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu).

Tình hình *lương thực - thực phẩm* có chuyển biến tốt. Từ chỗ thiếu ăn triền miên, năm 1988 còn phải nhập hơn 45 vạn tấn gạo, nay chúng ta đã vươn lên đáp ứng được nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu, góp phần quan trọng ổn định đời sống của nhân dân và cải thiện cán cân xuất - nhập khẩu. Đó là kết quả tổng hợp của việc phát triển sản xuất, thực hiện chính sách khoán trong nông nghiệp, xoá bỏ chế độ bao cấp, tự do lưu thông và điều hoà cung cầu lương thực -

thực phẩm trên phạm vi cả nước. Nhưng bình quân lương thực đầu người của nước ta còn thấp, việc điều hoà lương thực có lúc chưa tốt, quản lý dự trữ lương thực quốc gia có khuyết điểm lớn, giá cả lương thực - thực phẩm có những lúc tăng đột biến, vì nhiều nguyên nhân, tình trạng thiếu đói từng thời gian vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi. Chúng ta không thể chủ quan, coi nhẹ nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất và điều hoà lương thực - thực phẩm.

Hàng hoá trên thị trường, nhất là *hàng tiêu dùng*, dồi dào, đa dạng và lưu thông tương đối thuận lợi, trong đó nguồn hàng sản xuất trong nước tuy chưa đạt kế hoạch, nhưng cũng tăng hơn trước và có tiến bộ rõ rệt về mẫu mã, chất lượng. Một số sản phẩm tư liệu sản xuất tăng khá. Các cơ sở sản xuất gắn chặt hơn với nhu cầu thị trường, phân bao cấp của Nhà nước về vốn, giá vật tư, tiền lương... giảm đáng kể. Đó là kết quả của chủ trương phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và đổi mới nhiều chính sách về sản xuất và lưu thông hàng hoá. Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp nói chung, trong đó có sản xuất hàng tiêu dùng, phát huy tiềm năng còn thấp. Nhiều cơ sở sản xuất, nhất là các cơ sở tiểu, thủ công nghiệp và công nghiệp quốc doanh địa phương, đang gặp khó khăn, chủ yếu do trình độ trang bị kỹ thuật lạc hậu, chất lượng sản phẩm kém, giá thành sản phẩm cao, thiếu thị trường tiêu thụ và thiếu vốn, lại bị hàng ngoại chèn ép.

Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh, mở rộng hơn trước về quy mô, hình thức và góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Kim ngạch xuất khẩu tăng 439 triệu rúp và 384 triệu đôla năm 1986, lên 1.019 triệu rúp và

1.170 triệu đôla năm 1990. Đã giảm được khá lớn mức độ nhập siêu so với trước đây. Phần bù lỗ cho xuất khẩu giảm đáng kể. Từ năm 1989 có thêm các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn như gạo, dầu thô và một số mặt hàng mới khác. Tuy nhiên, xuất khẩu còn phải vươn lên mạnh mới đáp ứng được nhu cầu nhập khẩu và trả nợ, thị trường mở ra còn chậm và bấp bênh, chưa có nhiều mặt hàng chủ lực có sức cạnh tranh để chiếm lĩnh thị trường vững chắc, tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm thô còn lớn. Quản lý hoạt động kinh tế đối ngoại còn nhiều sơ hở: hàng nhập lậu tràn lan; ngoại tệ thu được từ xuất khẩu, nhất là ngoại tệ mạnh, chưa được quản lý thống nhất và sử dụng có hiệu quả; tranh mua hàng xuất khẩu đẩy giá lên cao và tranh bán dẫn đến bị nước ngoài đìm giá.

Những kết quả thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế gắn liền với những chuyển biến tích cực trong việc *điều chỉnh cơ cấu đầu tư và bố trí lại cơ cấu kinh tế*. Nhà nước đình và hoãn nhiều công trình đã ký với nước ngoài và của một số ngành, địa phương để tập trung vốn cho các công trình trọng điểm trực tiếp phục vụ ba chương trình kinh tế hoặc có ý nghĩa trọng yếu. Trong 5 năm 1986-1990 đã dành cho ba chương trình kinh tế hơn 60% vốn đầu tư của ngân sách trung ương, 75-80% vốn đầu tư của địa phương. Ngoài ra, phần đầu tư của nhân dân rất lớn, đồng thời cũng đã thu hút được một số vốn đầu tư của nước ngoài. Mặc dù vốn đầu tư của ngân sách trung ương giảm, nhưng xét tổng thể các thành phần kinh tế thì tổng vốn đầu tư trong nền kinh tế không giảm. Nhiều công trình công nghiệp nặng quan trọng được khởi công từ những năm trước đã được đưa vào sử dụng. Đã hình thành một số ngành sản xuất mới có triển vọng tốt như

dầu khí, công nghiệp lắp ráp hàng điện tử, nuôi và chế biến tôm... Đã xuất hiện một số vùng sản xuất hàng hoá tập trung về lương thực, trồng cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản. Một số loại hình kinh tế dịch vụ mới ra đời và phát triển nhanh góp phần thúc đẩy kinh tế hàng hoá và phục vụ đời sống nhân dân. Nhưng việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư còn có tình trạng phân tán, không tập trung vào các công trình thiết yếu, còn nhiều lãng phí và kém hiệu quả. Mặt khác, do nguồn vốn ngân sách quá eo hẹp nên đã hạn chế việc dành thêm vốn cho ba chương trình kinh tế, cơ sở hạ tầng và đầu tư chiều sâu để đổi mới công nghệ, cho đầu tư vào một số ngành và vùng trọng điểm mang lại hiệu quả nhanh. Nhiều cơ sở công nghiệp và thương nghiệp quốc doanh chậm được sắp xếp lại; một số hoạt động thương nghiệp, dịch vụ phát triển không hợp lý và lộn xộn; công nghiệp chế biến nông, lâm, thuỷ sản chậm phát triển; cơ cấu kinh tế miền núi chưa có chuyển biến rõ rệt theo hướng sản xuất hàng hoá.

Một thành tựu khác về đổi mới kinh tế là *bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước*.

Phát triển quan điểm kinh tế của Đại hội VI, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương đã khẳng định phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần là một chủ trương chiến lược lâu dài trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chính sách này được nhân dân hưởng ứng rộng rãi và đã đi nhanh vào cuộc sống. Chính sách ấy đã góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế; khơi dậy được nhiều tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân để phát triển sản xuất, dịch vụ, tạo thêm việc làm và sản phẩm cho xã hội;

thúc đẩy sự hình thành và phát triển nền kinh tế hàng hoá, tạo ra sự cạnh tranh sống động trên thị trường.

Để thích ứng và thúc đẩy phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, chúng ta đã từng bước đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo các định hướng cơ bản của Đại hội VI, chú trọng tập trung giải quyết những nhiệm vụ then chốt và cấp bách trong từng thời gian.

Trong toàn bộ các biện pháp đổi mới cơ chế quản lý, cuộc cải cách giá, chuyển từ hệ thống định giá hành chính sang cơ chế giá thị trường có vị trí trung tâm. Đi đôi với cải cách giá, việc đổi mới chính sách lưu thông và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại đã thúc đẩy hình thành thị trường thống nhất trong cả nước gắn với thị trường thế giới, góp phần điều hoà cung - cầu và giảm bớt chênh lệch về giá hàng hoá giữa các vùng trong nước. Nhờ giá cả phản ánh đúng hơn giá trị và quan hệ cung - cầu trên thị trường, thực hiện mua bán bình thường vật tư hàng hoá, xoá bỏ tem phiếu, đi liền với tiền tệ hoá một phần quan trọng tiền lương, đã giảm hẳn các nhu cầu giả tạo và nạn tích trữ vật tư, hàng hoá trong sản xuất và tiêu dùng, tình trạng ngân sách bù giá, tình trạng lãi giả lỗ thật.

Công tác kế hoạch hoá đã chuyển từ kế hoạch pháp lệnh sang kế hoạch định hướng là chủ yếu, bước đầu sử dụng các đòn bẩy kinh tế và lực lượng vật chất để bảo đảm cân đối tổng cung - tổng cầu trong nền kinh tế. Đã xây dựng chiến lược kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và vùng, mở rộng thông tin kinh tế, nâng cao vai trò của hợp đồng kinh tế.

Trong lĩnh vực tài chính, đã sửa đổi, bổ sung hệ thống thuế, thi hành pháp lệnh về kế toán và thống kê, động viên

khá hơn các nguồn thu cho ngân sách; giảm các khoản chi có tính chất bao cấp, mở rộng quyền chủ động tài chính cho cơ sở, thu hẹp các khoản đầu tư theo phương thức cấp phát, mở rộng đầu tư qua tín dụng. Ngành ngân hàng đã tổ chức các ngân hàng kinh doanh, triển khai kinh doanh tiền tệ, ngoại tệ, vàng bạc, thực hiện chính sách lãi suất linh hoạt (tuy chưa nhất quán).

Bộ máy nhà nước từng bước chuyển sang thực hiện chức năng quản lý nhà nước, khắc phục dần sự can thiệp vào điều hành kinh doanh của cơ sở. Việc xây dựng pháp luật kinh tế được đẩy mạnh.

Cùng với những đổi mới cơ chế quản lý ở tầm vĩ mô, chúng ta đã tiếp tục điều chỉnh quan hệ sản xuất ở nông thôn, cải tiến chế độ khoán và cơ chế quản lý trong các hợp tác xã nông nghiệp; mở rộng về nhiều mặt quyền tự chủ kinh doanh của các xí nghiệp quốc doanh, tạo điều kiện phát huy tính chủ động sáng tạo của các đơn vị kinh tế và của người lao động. Nhờ đó đã thúc đẩy các cơ sở sản xuất theo nhu cầu thị trường, phấn đấu áp dụng tiến bộ kỹ thuật và cải tiến quản lý, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

Cơ chế quản lý kinh tế mới đã bước đầu hình thành nhưng chưa đồng bộ, còn thiếu nhiều luật lệ, chính sách bảo đảm sản xuất, kinh doanh đúng hướng; chậm tổng kết để đề ra chương trình tiếp tục đổi mới quản lý kinh tế có hệ thống. Bên cạnh những tiến bộ, sự quản lý và điều hành vĩ mô của Nhà nước ở các cấp cũng bộc lộ nhiều mặt non yếu, chưa thực hiện nhất quán và có hiệu quả chức năng định hướng, kiểm soát và điều tiết các thành phần kinh tế.

Đáng chú ý là: hoạt động tài chính, ngân hàng, thương

ng nghiệp quốc doanh còn nhiều yếu kém. Các chính sách tài chính chưa thực sự tạo điều kiện đẩy mạnh phát triển sản xuất và tạo nguồn thu; tình trạng thất thu thuế và bội chi ngân sách còn lớn; Nhà nước quản lý lỏng lẻo, hầu như thả nổi khâu phân phối thu nhập trong các đơn vị kinh tế quốc doanh. Ngân hàng chưa trở thành trung tâm thanh toán và tín dụng của xã hội, chưa có phương thức giải quyết thoả đáng vốn cho các cơ sở kinh doanh; chính sách lãi suất cho vay và nhận gửi có nhiều bất hợp lý. Thương nghiệp quốc doanh còn lúng túng trong phương thức hoạt động, chưa làm tốt chức năng điều hoà cung - cầu và điều tiết giá cả những mặt hàng trọng yếu. Công tác quản lý thị trường có nhiều sơ hở, nạn buôn lậu, làm hàng giả trầm trọng và kéo dài, chậm ban hành các chính sách có hiệu lực để bảo hộ sản xuất trong nước. Công tác phân tích kinh tế, dự đoán các tình huống xảy ra và chuẩn bị các biện pháp ứng phó còn hạn chế. Công tác thanh tra, kiểm tra thiếu chặt chẽ, phát hiện và xử lý những vụ vi phạm chưa kịp thời và chưa nghiêm (điển hình là các vụ tiêu cực lớn ở ngành dự trữ quốc gia, ngân hàng, tín dụng, xuất nhập khẩu, thuế, xây dựng cơ bản). Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp thiếu chặt chẽ, hiện tượng "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược" xảy ra không ít. Nhiều cấp, nhiều ngành còn bố trí những cán bộ kinh doanh thiếu hiểu biết về kinh tế và luật pháp, không tính đến năng lực nghiệp vụ chuyên môn, chậm phát hiện và xử lý những người thoái hoá biến chất về đạo đức. Đó là những khuyết điểm chủ yếu trong quản lý kinh tế cần sớm được khắc phục.

Trong quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, bên cạnh

những mặt tích cực, *đã xuất hiện nhiều hiện tượng tiêu cực mới* mà chúng ta chưa lường hết, chậm phát hiện và chưa xử lý tốt. Đó là lối làm ăn chạy theo lợi nhuận bất kể giá nào, dẫn đến vi phạm pháp luật, lừa đảo, hối lộ, làm hàng giả, buôn lậu, trốn thuế, xâm phạm nghiêm trọng tài sản xã hội chủ nghĩa và của công dân; nợ nần dây dưa, chiếm dụng vốn của nhau, nhiều trường hợp không có khả năng thanh toán. Đó là xu hướng chạy theo buôn bán nhiều hơn sản xuất, thương mại hoá tràn lan, xâm nhập vào cả các cơ quan văn hoá, y tế, giáo dục, nội chính...; kỷ luật, kỷ cương và pháp luật không nghiêm, bất công xã hội tăng lên.

Kết quả đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với những thành tựu và khuyết điểm như trên, thể hiện ở những mức độ khác nhau trong các thành phần kinh tế.

Kinh tế quốc doanh hiện đang nắm những bộ phận then chốt, có vị trí chi phối nền kinh tế, có tác dụng điều tiết thị trường và giá cả ở một mức độ nhất định. Gần một phần ba các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh vươn lên trong kinh doanh và thích ứng được với cơ chế mới. Đã xuất hiện một số nông trường, lâm trường kinh doanh có hiệu quả. Điểm yếu nhất của kinh tế quốc doanh là hiệu quả hoạt động nhìn chung còn thấp. Một bộ phận khá lớn công nghiệp quốc doanh, nhất là các cơ sở do quận, huyện quản lý, đang rất khó khăn. Nhiều đơn vị thương nghiệp quốc doanh kinh doanh thua lỗ, không ít cơ sở bị tư nhân lợi dụng để làm ăn phi pháp.

Kinh tế tập thể trong nông nghiệp đã chuyển sang thực hiện rộng rãi cơ chế khoán, hộ gia đình xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ, được giao quyền sử dụng ruộng đất, bước đầu giải

phóng sức sản xuất, khai thác tiềm năng lao động và vốn của nhân dân. Đã xuất hiện một số hình thức hợp tác mới thuộc nhiều lĩnh vực cùng hoạt động trên một địa bàn. Thực tiễn khẳng định Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị là đúng đắn, phù hợp với điều kiện kinh tế nước ta và nguyện vọng của nông dân. Nhưng hiện nay phần lớn các ban quản lý hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đang lúng túng trong hoạt động, chưa thực hiện được việc tổ chức khâu dịch vụ sản xuất, tiêu thụ, một số nhiệm vụ quản lý cần thiết và tham gia thực hiện các chính sách xã hội ở nông thôn; tình trạng khoán trắng cho xã viên diễn ra phổ biến. Các vụ tranh chấp ruộng đất tuy đã được tích cực giải quyết, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề phức tạp.

Trong lĩnh vực sản xuất tiểu, thủ công nghiệp, khoảng 20% số hợp tác xã đã vươn lên thích nghi được với thị trường. Một bộ phận lớn đang rất khó khăn, khoảng 20% các hợp tác xã, trong đó có những đơn vị chỉ là kinh tế tập thể về hình thức, đã giải thể hoặc chuyển sang hoạt động dưới dạng tư nhân. Việc củng cố các hợp tác xã trong công nghiệp, xây dựng, vận tải chưa được quan tâm đúng mức theo yêu cầu Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị.

Phần lớn các hợp tác xã mua bán kinh doanh thua lỗ và lúng túng về phương hướng hoạt động. Khuyết điểm lớn là đã để phát triển các tổ chức tín dụng đô thị một cách tràn lan, thiếu chỉ đạo và quản lý chặt chẽ dẫn đến vỡ nợ khá phổ biến, trong đó không ít trường hợp làm ăn gian dối. Ở nông thôn nói chung các hợp tác xã tín dụng chỉ còn hình thức, tình trạng tư nhân cho vay nặng lãi đang phát triển.

Về kinh tế tư nhân, kết quả rõ nhất là nhiều hộ cá thể và

tiểu chủ đã bỏ vốn kinh doanh vào nhiều ngành nghề. Nhưng cho đến nay, nhiều người có vốn lớn vẫn chưa mạnh dạn đầu tư, nhất là vào lĩnh vực sản xuất, vì môi trường kinh doanh chưa bảo đảm và có phần chưa tin vào sự ổn định của chính sách. Trong khi nhiều đơn vị kinh tế tư nhân đóng góp tích cực và làm giàu chính đáng, một số người đã hoạt động phi pháp, lừa đảo, trốn lậu thuế.

Một thành tựu quan trọng nữa là đã *kiềm chế được một bước đà lạm phát*. Đây là kết quả tổng hợp của việc thực hiện ba chương trình kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý, đổi mới chính sách giá và lãi suất, mở rộng lưu thông và điều hoà cung - cầu hàng hoá. Nếu chỉ số tăng giá bình quân hàng tháng của thị trường xã hội năm 1986 là 20%, năm 1987 10%, năm 1988 14%, thì năm 1989 là 2,5% và năm 1990 là 4,4%. Điều có ý nghĩa là chúng ta đạt được kết quả này trong hoàn cảnh nguồn trợ giúp bên ngoài giảm so với trước, vừa chống lạm phát vừa thực hiện chuyển từ giá bao cấp sang giá kinh doanh.

Tuy nhiên, kết quả kiềm chế lạm phát chưa vững chắc, giá cả có những thời gian tăng cao, lên xuống không ổn định. Cuộc đấu tranh để kiềm chế và đẩy lùi lạm phát vẫn đang là một nhiệm vụ cấp bách và cơ bản.

Trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội những năm qua, *khoa học và công nghệ* tiếp tục phát triển, bước đầu phát huy vai trò động lực, hướng vào nghiên cứu ứng dụng, góp phần phát triển sản xuất, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, nâng cao trình độ công nghệ của một số lĩnh vực sản xuất, tiếp thu

và làm chủ được các công nghệ nhập từ nước ngoài. Tiềm lực khoa học và công nghệ tăng lên.

Lực lượng khoa học đã góp phần xây dựng luận cứ khoa học cho các chủ trương phát triển kinh tế; đóng góp tích cực vào việc soạn thảo Cương lĩnh, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển khoa học và công nghệ; nghiên cứu những vấn đề về lịch sử, ngôn ngữ, văn hoá...

Cơ chế quản lý khoa học và công nghệ đã bước đầu được đổi mới nhằm gắn khoa học với sản xuất và đời sống, mở rộng quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các tập thể và cơ quan khoa học.

Tuy nhiên, khoa học và công nghệ nước ta phát triển chậm, chưa đáp ứng được những yêu cầu bức xúc của công cuộc đổi mới. Khoa học xã hội chưa nghiên cứu sâu sắc và lý giải một cách thuyết phục những vấn đề cơ bản về thời đại, về chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Khoa học và công nghệ chưa đóng góp được nhiều vào việc tạo chuyển biến mạnh mẽ nền kinh tế về mặt năng suất, chất lượng và hiệu quả, thúc đẩy phát triển nhanh các ngành có hàm lượng khoa học và công nghệ cao.

Còn thiếu những chính sách cụ thể để tạo môi trường thuận lợi cho việc ứng dụng rộng rãi hơn nữa các thành tựu khoa học và công nghệ. Việc chậm đổi mới chính sách sử dụng và đãi ngộ đối với cán bộ khoa học, kỹ thuật đã gây lãng phí lớn nguồn chất xám quý giá của đất nước. Đầu tư tài chính của Nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ còn quá ít, không bảo đảm điều kiện cần thiết để triển khai các nhiệm vụ trọng điểm và xây dựng tiềm lực khoa học - công

nghệ quốc gia. Chưa có cơ chế phù hợp để huy động được nhiều nguồn vốn cho hoạt động khoa học và công nghệ. Công tác kiểm tra, giám sát còn chưa thường xuyên và đầy đủ để hạn chế việc sử dụng lãng phí và kém hiệu quả các nguồn lực vật chất dành cho lĩnh vực này. Nhiều cán bộ lãnh đạo các ngành, các cấp và cơ sở chưa nhận thức đầy đủ vai trò động lực và chưa sử dụng khoa học và công nghệ để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

2. Thực hiện chính sách xã hội

Việc thực hiện chính sách xã hội tuy có một số tiến bộ, nhưng chưa được quan tâm đúng với tầm quan trọng của nó và còn nhiều thiếu sót.

Đời sống của một bộ phận nhân dân so với 5 năm trước ổn định hơn và có được cải thiện, nhưng nhìn chung còn khó khăn.

Từ cuối năm 1988 trở đi, vấn đề lương thực xét cân đối chung trên phạm vi cả nước đã được giải quyết tốt hơn. Thị trường thực phẩm dồi dào. Nhu cầu mặc được đáp ứng khá. Nhà ở của một bộ phận dân cư cả ở thành thị và nông thôn được cải thiện. Tiện nghi sinh hoạt trong nhiều gia đình tăng thêm. Việc đi lại của nhân dân dễ dàng hơn. Đời sống tinh thần của nhân dân có một số mặt được cải thiện như được tự do làm ăn theo pháp luật, làm chủ nguồn thu nhập hợp pháp, tham gia vào các quyết định lớn của Đảng và Nhà nước, nguồn thông tin và nhận thông tin được mở rộng hơn trước...

Một bộ phận nhân dân có thu nhập cao chính đáng nhờ biết kinh doanh, hoặc có lao động xuất khẩu.

Nhờ thực hiện các chính sách mới, tỷ lệ thu nhập của xã

viên trong giá trị sản phẩm thu hoạch sau khoán 10 đã tăng lên đáng kể. Tuy nhiên, vẫn có khoảng trên dưới 10% hộ nông dân còn thường xuyên gặp khó khăn, túng thiếu; ở những vùng hay bị thiên tai, một số vùng núi và vùng có đồng bào dân tộc thiểu số, ở những nơi có nhiều gia đình thuộc diện chính sách, các gia đình neo đơn thì tỷ lệ trên còn cao hơn. Nhà ở của nông dân một số vùng còn đơn sơ. Sinh hoạt văn hoá ở nông thôn nhiều nơi còn nghèo nàn.

Ở thành thị, người lao động ở những đơn vị sản xuất thua lỗ thì rất khó khăn, những người làm dịch vụ, buôn bán nhìn chung có thu nhập khá.

Một bộ phận không nhỏ nhân dân ta còn sống dưới nhu cầu tối thiểu. Số trẻ em suy dinh dưỡng còn lớn. Khó khăn gay gắt và mức sống bị giảm sút nhiều là những người mà nguồn thu nhập chính dựa vào tiền lương và trợ cấp xã hội.

Hơn bốn năm qua, để đáp ứng các nhu cầu đời sống nhân dân, chúng ta đã động viên và phát huy khả năng của toàn xã hội, khuyến khích người lao động tăng thu nhập và làm giàu chính đáng, chấp nhận sự chênh lệch trong thu nhập do năng suất và hiệu quả lao động. Đó là phương hướng đúng tạo động lực cho sự phát triển và nâng cao mức sống chung của xã hội. Khuyết điểm là còn thiếu chính sách, biện pháp có hiệu lực để ngăn chặn thu nhập phi pháp và điều tiết mức thu nhập. Tuy mức sống còn thấp nhưng trong tiêu dùng của một bộ phận nhân dân và cán bộ còn nhiều xa hoa, lãng phí, có một số mặt vượt quá trình độ và khả năng của nền kinh tế chung.

Nhiều khó khăn về kinh tế, xã hội của nước ta có nguyên nhân ở tốc độ phát triển dân số quá cao. Nhịp độ tăng dân số

năm 1990 khoảng 2,2%. Công tác tuyên truyền vận động nhân dân chưa tiến hành tốt, đầu tư phương tiện cho công tác này quá ít và còn thiếu những chính sách nhất quán, đồng bộ và có hiệu lực. Nhiều vùng nông thôn chưa có chuyển biến trong việc hạn chế sinh đẻ. Tốc độ tăng dân số quá nhanh tạo nên áp lực lớn về đời sống và việc làm, cản trở việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, nâng cao mức sống của nhân dân.

Vấn đề *việc làm* đặc biệt gay gắt. Trong hơn bốn năm qua, việc thực hiện chính sách kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đã tạo điều kiện quan trọng để giải quyết thêm việc làm. Đã phát triển nhiều hình thức đào tạo nghề nghiệp, giới thiệu việc làm do Nhà nước, các đoàn thể và cá nhân đứng ra tổ chức. Hình thức thanh niên xung phong đi xây dựng các khu kinh tế mới hoặc đảm nhiệm các công trình xây dựng tiếp tục phát triển. Các hình thức quân đội kết hợp làm kinh tế được mở rộng. Nhờ những biện pháp ấy, trong 5 năm 1986 - 1990 có thêm 4,2 triệu lao động đã tìm được việc làm. Tuy vậy, những cố gắng và tiến bộ trên mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu giải quyết việc làm cho toàn xã hội, số người không có việc làm từ nhiều nguồn tăng lên nhanh. Các chính sách và biện pháp giải quyết việc làm còn bị động, chắp vá.

Lĩnh vực *giáo dục và đào tạo* có một số tiến bộ trong việc xác định mục tiêu, nội dung và phương pháp cũng như cơ cấu hệ thống giáo dục. Những kết quả ban đầu được thể hiện ở việc từng bước đa dạng hoá loại hình giáo dục, đào tạo, dân chủ hoá quản lý nhà trường, tăng cường liên kết nhà trường với xã hội. Nội dung giáo dục phổ thông đã được đổi mới một phần, chất lượng lớp 1, lớp 2 và ở trường chuyên, lớp chọn có

tiến bộ. Quá trình đào tạo đại học và chuyên nghiệp được tổ chức lại và có một số cải tiến. Nhờ sự nỗ lực của đội ngũ giáo viên, sự đầu tư của Nhà nước cùng với sự đóng góp của nhân dân, sự nghiệp giáo dục, đào tạo được duy trì, có một số mặt ổn định hoặc phát triển. Số học sinh, sinh viên nước ta hiện nay là 15 triệu người, chiếm gần 1/4 dân số.

Nhưng nền giáo dục nước ta chưa thoát khỏi tình trạng yếu kém do trình độ kinh tế, do thiếu sự quan tâm đúng mức ở tầm chỉ đạo chiến lược, đồng thời do công tác quản lý của ngành giáo dục và đào tạo còn nhiều khuyết điểm và nhược điểm.

Chất lượng giáo dục, nhất là chất lượng giáo dục tư tưởng, đạo đức còn kém, một bộ phận học sinh, sinh viên mờ nhạt về lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Số học sinh phổ thông chán học và bỏ học ngày càng nhiều. Số người mù chữ tăng lên. Chính sách đối với giáo viên tuy có cải tiến, nhưng chưa hấp dẫn thanh niên học giỏi vào ngành sư phạm, đời sống của đa số các thầy cô giáo còn quá thấp, có nơi giáo viên bỏ nghề đến mức số mới được đào tạo ở các trường sư phạm không bù lại kịp. Trình độ chuyên môn của giáo viên chậm được nâng cao. Việc đầu tư cho giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số còn quá ít ỏi. Chậm sắp xếp lại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, và trường phổ thông.

Công tác bảo vệ sức khoẻ, nâng cao thể lực của nhân dân vẫn được duy trì trong điều kiện có nhiều khó khăn. Công tác chăm sóc sức khoẻ ban đầu có một số tiến bộ. Tiêm chủng mở rộng cho trẻ em được ngành y tế thực hiện tốt trên phạm vi cả nước, đạt kết quả đáng khích lệ, giảm nhiều số trẻ em chết

dưới một tuổi. Chủ trương bảo vệ sức khoẻ nhân dân nhằm giải quyết các vấn đề cơ bản và cấp bách, nhất là chống các bệnh nhiễm trùng, chống suy dinh dưỡng và vệ sinh môi trường, đồng thời phòng chống những bệnh tật của một nước đang phát triển công nghiệp, bước đầu đã thu được một số kết quả. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng được duy trì và mở rộng ở nhiều nơi.

Tuy nhiên, nhìn chung công tác phòng và chữa bệnh, bảo vệ sức khoẻ của nhân dân còn nhiều vấn đề phải giải quyết. Đa số các bệnh viện từ trung ương đến tỉnh, huyện xuống cấp nhiều. Bệnh sốt rét phát triển ở một số huyện, xã miền núi. Kinh phí của Nhà nước không đủ cho nhu cầu của y tế, nhưng chưa có những hình thức và biện pháp thích hợp để giải quyết. Việc thu viện phí chưa hợp lý, gây nhiều lộn xộn. Vệ sinh môi trường như cung cấp nước sạch, giải quyết chất thải công nghiệp, bảo vệ môi trường sống là những vấn đề tồn tại lớn.

Hoạt động *văn hoá, văn nghệ* phong phú hơn về nội dung, đa dạng hơn về hình thức và thể loại. Trong các ngành văn học, nghệ thuật đã có một số tác phẩm tốt. Đội ngũ văn nghệ sĩ thuộc các thế hệ có những đóng góp vào sự nghiệp đổi mới của đất nước. Trong hoạt động văn hoá, văn nghệ, dân chủ bước đầu được phát huy, tạo điều kiện thuận lợi cho sự sáng tạo.

Tuy nhiên, mức hưởng thụ văn hoá, văn nghệ của đông đảo nhân dân lao động còn thấp, nhất là ở nhiều vùng nông thôn, miền núi. Hoạt động văn hoá, văn nghệ thường tập trung ở các đô thị và có khuynh hướng chạy theo thị hiếu không lành mạnh. Đã xuất hiện một số tư tưởng lệch lạc: coi

nhẹ văn nghệ dân tộc và cách mạng, nhìn xã hội toàn màu đen, "để cho quần chúng tự chọn món ăn", v.v..

Công tác quản lý văn hoá tuy có đổi mới, nhưng còn nhiều khuyết điểm, chưa quản lý chặt chẽ công tác xuất bản, nhập phim, làm phim, để cho các văn hoá phẩm độc hại phổ biến tràn lan, gây hại lớn. Chưa có những biện pháp tích cực để phổ biến rộng rãi trong nhân dân các tác phẩm có giá trị. Một số ngành nghệ thuật như điện ảnh, tuồng, chèo... đang gặp nhiều khó khăn, chưa có biện pháp khắc phục.

3. Về quốc phòng và an ninh

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và Nghị quyết Bộ Chính trị về nhiệm vụ quốc phòng, công tác *quân sự và quốc phòng* đã có những đổi mới quan trọng. Xuất phát từ quan điểm chiến tranh nhân dân đã thực hiện một cuộc điều chỉnh chiến lược lớn, bố trí lại lực lượng trên phạm vi cả nước, tạo ra thế phòng thủ hợp lý, tăng cường khả năng phòng thủ ở các khu vực trọng điểm; từng bước xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố. Đã chấn chỉnh một bước cơ bản tổ chức biên chế lực lượng vũ trang, giảm được hơn 60 vạn quân thường trực; đồng thời chú ý xây dựng lực lượng dự bị động viên và nâng cao chất lượng dân quân tự vệ.

Đã chú trọng nâng cao chất lượng tổng hợp của quân đội, trước hết là về mặt chính trị, bảo đảm quân đội vững vàng trước tình hình phức tạp ở trong nước và trên thế giới, kiên định mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, chấp hành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Khắc phục nhiều khó khăn để bảo đảm đời sống và chính sách đối với bộ đội.

Đã thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào

và cách mạng Campuchia, rút hết quân tình nguyện ở Campuchia về nước.

Các xí nghiệp quốc phòng và các tổ chức làm kinh tế của quân đội bước đầu chuyển sang thực hiện cơ chế quản lý mới, phấn đấu thực hiện được kế hoạch hàng năm, góp phần bảo đảm cho quốc phòng và tham gia xây dựng đất nước.

Những kết quả trên lĩnh vực quân sự và quốc phòng đã tác động tích cực đến việc thực hiện cả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tạo điều kiện thuận lợi mới cho công cuộc xây dựng kinh tế.

Thiếu sót nổi lên là chất lượng tổng hợp các lực lượng vũ trang còn có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ. Sức chiến đấu, trình độ sẵn sàng chiến đấu, chất lượng huấn luyện của một số đơn vị chưa cao. Đời sống cán bộ và chiến sĩ còn nhiều khó khăn. Hiệu quả công tác đảng, đoàn, công tác chính trị còn hạn chế. Việc xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố, công tác quản lý và huấn luyện lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ còn nhiều vấn đề phải giải quyết. Nhiều xí nghiệp quốc phòng lúng túng trong quá trình chuyển sang thực hiện cơ chế quản lý mới.

Nghị quyết Bộ Chính trị về quốc phòng chưa được quán triệt sâu sắc trong cán bộ các cấp, các ngành. Sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng uỷ Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng có mặt, có lúc còn thiếu biện pháp tích cực và đồng bộ. Chậm nghiên cứu chiến lược quốc phòng gắn với chiến lược kinh tế - xã hội. Đảng uỷ và người chỉ huy một số đơn vị quản lý bộ đội thiếu chặt chẽ.

Công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn

xã hội đã có những đổi mới quan trọng về đường lối, chủ trương, phương pháp công tác và xây dựng lực lượng, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc đổi mới; phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế; xây dựng, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và mở rộng quan hệ đối ngoại; bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ những thành quả cách mạng trong tình hình mới.

Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc được khôi phục và phát triển ở nhiều địa bàn, từng bước hình thành một số tuyến, khu vực có phong trào liên hoàn, với nội dung, hình thức phong phú, phòng ngừa và tấn công bọn tội phạm. Đấu tranh kiên quyết chống âm mưu "diễn biến hoà bình", ngăn chặn các hoạt động gián điệp, biệt kích, bảo vệ nội bộ, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới, trừng trị bọn tội phạm hình sự, giữ gìn trật tự công cộng.

Tuy nhiên, tình hình an ninh, trật tự còn rất phức tạp. Các thế lực thù địch ở trong nước và ngoài nước câu kết với nhau, ra sức khai thác cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội và những sơ hở, yếu kém của chúng ta để phá ta bằng các thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt. An ninh nội bộ, an ninh kinh tế, tư tưởng, văn hoá, an ninh biên giới còn không ít sơ hở. Trật tự an toàn xã hội, nhất là ở các thành phố, thị xã, còn nhiều vấn đề phải giải quyết; tình hình thất thoát lớn tài sản xã hội chủ nghĩa, tham nhũng, buôn lậu, đạo đức suy đồi... đang là những vấn đề nóng bỏng.

Tình hình trên có nhiều nguyên nhân. Chúng ta chưa gắn chặt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ an ninh, trật tự; chưa quan tâm đúng mức giải quyết những

nguyên nhân và điều kiện làm nảy sinh, phát triển tội phạm; còn buông lỏng pháp chế, kỷ cương; đấu tranh chưa mạnh mẽ, xử lý chưa nghiêm minh những kẻ phạm tội; còn có mặt hữu khuynh, mất cảnh giác.

Công an nhân dân, lực lượng xung kích, nòng cốt đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự, đã được củng cố một bước về chính trị, tư tưởng và tổ chức; đã có những đổi mới về quan điểm phục vụ nhân dân, phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tinh thần chiến đấu, tác phong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật được nâng lên, lực lượng cơ sở, lực lượng bán chuyên trách được củng cố, tăng cường hơn. Nhưng nhìn chung, lực lượng công an chưa được xây dựng thực sự vững mạnh, chưa đáp ứng tốt yêu cầu của tình hình mới. Biểu hiện tiêu cực, quan liêu, cửa quyền còn nhiều. Việc bảo đảm cơ sở vật chất - kỹ thuật và chăm lo đời sống cho lực lượng công an chưa được quan tâm đúng mức.

4. Về công tác đối ngoại

Nghị quyết Đại hội VI, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị đã xác định mục tiêu của các hoạt động đối ngoại là giữ vững hoà bình, tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi để đẩy mạnh công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, góp phần tích cực vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Trong những năm qua, chúng ta đã từng bước thực hiện thắng lợi phương hướng trên. Quan hệ giữa nước ta với Liên Xô đang được đổi mới phù hợp với lợi ích của nhân dân mỗi nước. Tình hữu nghị và đoàn kết đặc biệt giữa Đảng và nhân

dân Việt Nam với Đảng và nhân dân Lào, Đảng và nhân dân Campuchia không ngừng phát triển; hiệu quả hợp tác đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau được nâng cao. Bằng những việc làm cụ thể, chúng ta đã và đang góp phần rất quan trọng vào quá trình giải quyết hoà bình vấn đề Campuchia. Quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân ta với Cuba và một số nước xã hội chủ nghĩa khác tiếp tục được tăng cường. Đã kiên trì thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc.

Chúng ta đã tăng cường tình đoàn kết chiến đấu với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào, các tổ chức quốc gia và quốc tế bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc, vì hoà bình và tiến bộ.

Sự hợp tác nhiều mặt và tình hữu nghị, đoàn kết giữa nước ta với Ấn Độ cũng như với nhiều nước độc lập dân tộc và Phong trào Không liên kết tiếp tục phát triển.

Với các nước Đông Nam Á, chúng ta chủ trương mở rộng quan hệ về nhiều mặt theo nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào nội bộ của nhau, hai bên cùng có lợi. Những năm qua cũng đã ghi nhận những cố gắng lớn của Nhà nước ta trong việc cải thiện quan hệ với nhiều nước ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Tây Âu, Bắc Âu và một số nước khác.

Những thành tựu đối ngoại đã tạo môi trường quốc tế thuận lợi hơn cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy lùi một bước âm mưu bao vây, cô lập đối với nước ta, tăng thêm bầu bạn, nâng cao uy tín của nước ta trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, công tác đối ngoại còn có khuyết điểm và những mặt yếu kém: khi tình hình thế giới và quan hệ quốc

tế thay đổi, có việc chưa đánh giá đầy đủ và kịp thời để có chủ trương sát đúng; chưa tạo được sự thống nhất cao về nhận thức và hành động giữa một số ngành trong một số trường hợp.

5. Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới hoạt động của Nhà nước và các đoàn thể nhân dân

Một trong những thành tựu của công cuộc đổi mới là *bước đầu thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa* trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các cơ chế và chính sách mới đã mở rộng quyền tự chủ của các cơ sở kinh tế, phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, tạo điều kiện cho mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật.

Các hoạt động văn hoá, thông tin, báo chí, xuất bản có bước phát triển mới về nội dung và phương pháp thông tin, về nghiên cứu và sáng tạo, về thảo luận dân chủ các ý kiến khác nhau, tự phê bình và phê bình, đấu tranh phê phán các hiện tượng tiêu cực.

Trong sinh hoạt đảng, hoạt động của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân, cũng như trong xã hội, đã có không khí thảo luận cởi mở, thẳng thắn, phê phán khuyết điểm, sai lầm, khắc phục dần hiện tượng dân chủ hình thức. Nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật quan trọng đã được nhân dân tham gia ý kiến trước khi quyết định.

Tuy nhiên, những tiến bộ đó còn hạn chế. Quyền làm chủ của nhân dân chưa được tôn trọng và phát huy đầy đủ. Trong xã hội còn không ít hiện tượng mất dân chủ, dân chủ hình thức, có nơi rất nghiêm trọng. Bệnh quan liêu, tư tưởng phong kiến, gia trưởng còn nặng. Đồng thời cũng xuất hiện

khuyh hướng dân chủ cực đoan, dân chủ không đi liền với thực hiện kỷ luật và pháp luật. Cơ chế và pháp luật bảo đảm thực hiện dân chủ chưa được cụ thể hoá đầy đủ.

Thực tế mấy năm qua cho thấy, để đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị, xây dựng và thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, *vấn đề mấu chốt là phân định rõ chức năng và giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và các đoàn thể nhân dân*; kiên quyết chống quan liêu, chống những hành vi xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời phê phán và khắc phục những khuynh hướng lệch lạc khác.

Theo hướng đó, đã có những chủ trương, biện pháp sửa đổi *tổ chức và phương thức hoạt động của các cơ quan nhà nước*. Hoạt động lập pháp được đẩy mạnh. Bốn năm qua (tính đến hết năm 1990), Quốc hội, Hội đồng Nhà nước đã ban hành 24 luật và 33 pháp lệnh. Các kỳ họp Quốc hội đã thể hiện rõ hơn tinh thần dân chủ, quyền hạn và trách nhiệm của các đại biểu nhân dân. Hoạt động giám sát của Quốc hội được tăng cường và có hiệu quả hơn trước.

Hội đồng Bộ trưởng và uỷ ban nhân dân các cấp đã bước đầu đổi mới phương thức hoạt động, có tiến bộ trong điều hành và quản lý nhà nước bằng pháp luật, giải quyết được nhiều vấn đề kinh tế, xã hội quan trọng. Hội đồng Bộ trưởng và các bộ đã coi trọng chỉ đạo các hoạt động ở tầm vĩ mô; đã sắp xếp một bước tổ chức bộ máy các bộ, tổng cục và các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, huyện.

Các cơ quan toà án, kiểm sát đã được kiện toàn một bước. Nhiều tổ chức hỗ trợ cho công tác xét xử đã hình thành.

Tuy nhiên, sự điều hành và quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô nói chung còn lúng túng và có nhiều khuyết điểm, nhược

điểm; một số quyết định còn sơ hở. Còn thiếu nhiều luật cần thiết. Không ít luật và pháp lệnh đã ban hành không được thực hiện nghiêm chỉnh và thống nhất. Nhiều vụ phạm pháp không được xét xử hoặc xét xử chậm, xử chưa nghiêm. Tổ chức các cơ quan xét xử còn yếu.

Chưa vận dụng tốt khoa học quản lý vào tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Sự phân công, phân nhiệm và các mối quan hệ giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp có những điểm chưa rõ. Sự phân cấp quản lý giữa trung ương với các địa phương và cơ sở vừa chưa đầy đủ, vừa chưa phù hợp với sự thay đổi của cơ chế quản lý. Đội ngũ cán bộ, viên chức nhà nước ít được đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức pháp luật và nghiệp vụ; thiếu kinh nghiệm về tổ chức và quản lý nhà nước, nhất là khi chuyển từ cơ chế quan liêu bao cấp sang cơ chế quản lý mới về kinh tế, xã hội; hiệu suất lao động và công tác còn thấp.

Tổ chức và biên chế của bộ máy nhà nước còn quá công kênh, nặng nề, chưa phù hợp với yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý và đổi mới phương thức hoạt động của Nhà nước. Việc sắp xếp lại tổ chức và giảm biên chế có những trường hợp còn hình thức, kém hiệu quả. Tóm lại, khuyết điểm lớn là đến nay *chưa thực hiện được cuộc cải cách cơ bản về tổ chức bộ máy nhà nước* như Đại hội VI đã đề ra.

Từ sau Đại hội VI của Đảng, nhất là từ sau Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương, *Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân* đã cố gắng đổi mới tổ chức và hoạt động. Đại hội của nhiều đoàn thể đã được tiến hành theo tinh thần: đổi mới - dân chủ - đoàn kết. Các đoàn thể, các tổ chức xã hội đã coi trọng việc đoàn kết, tổ chức đoàn viên, hội viên cùng

chăm lo giải quyết những lợi ích thiết thực. Bộ máy của các đoàn thể ở các cấp được sắp xếp lại một bước. Thêm nhiều tổ chức xã hội, tổ chức theo nghề nghiệp được thành lập, thu hút đông đảo hội viên, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, nhất là ở cơ sở.

Trước yêu cầu đổi mới hiện nay, nhiều đoàn thể chưa xác định được thật rõ chức năng, nhiệm vụ, còn lúng túng về phương thức hoạt động và xây dựng tổ chức. Lê lối làm việc còn nặng hành chính, hiệu quả giáo dục chính trị tư tưởng còn thấp. Nhiều tổ chức cơ sở của các đoàn thể hoạt động thất thường. Nhiều đoàn viên, hội viên không thiết tha gắn bó với tổ chức của mình. Một số cán bộ đoàn thể không yên tâm công tác.

6. Đảng trong công cuộc đổi mới

Từ Đại hội VI đến nay là thời gian có nhiều thử thách lớn đối với sự lãnh đạo của Đảng ta. Trong tình hình đất nước và quốc tế có những diễn biến nhanh và phức tạp, Đảng đã kiên trì đường lối đổi mới, đề ra và lãnh đạo nhân dân thực hiện có kết quả một số chủ trương, chính sách lớn về đối nội và đối ngoại, mở ra hướng phát triển mới của đất nước; tích cực sửa chữa những khuyết điểm mà Đại hội VI đã chỉ ra. Trong quá trình đó, Đảng có bước trưởng thành mới, có thêm những kiến thức và kinh nghiệm mới, nhất là về lãnh đạo kinh tế, lãnh đạo nhà nước.

Nét nổi bật là trong Đảng đã *có sự đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế*. Với tinh thần độc lập sáng tạo, Đảng đã cụ thể hoá và phát triển Nghị quyết Đại hội VI, *bước đầu hình thành hệ thống các quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo sự*

nghiệp đổi mới ở nước ta. Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, Đảng kịp thời khẳng định những vấn đề có tính nguyên tắc của công cuộc đổi mới, bảo đảm ổn định về chính trị để thực hiện đổi mới có kết quả. Những thành tựu đã đạt được trên các lĩnh vực chứng tỏ đường lối và bước đi của Đảng ta là đúng đắn, năng lực cụ thể hoá nghị quyết và tổ chức chỉ đạo thực hiện của các cấp, các ngành có tiến bộ.

Công tác tư tưởng đã được coi trọng, góp phần đổi mới tư duy, định hướng tư tưởng, bồi dưỡng những nhận thức đúng đắn cho đảng viên và nhân dân, tạo ra sự nhất trí đối với đường lối, quan điểm của Đảng. Đã chú ý mở rộng thông tin, thông tin nhiều chiều, tuyên truyền những nhân tố mới, phổ biến những kinh nghiệm tốt, đồng thời tích cực đấu tranh chống tiêu cực, chống những quan điểm và nhận thức sai trái, bảo vệ quan điểm đúng đắn của Đảng.

Về công tác tổ chức và cán bộ, đã sắp xếp lại một số tổ chức, điều chỉnh, thay đổi nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cơ quan, các ngành, các cấp. Thu gọn bớt một số ban, bộ, uỷ ban, tổng cục, bỏ nhiều vụ, cục, phòng trung gian. Bộ máy chính quyền ở nhiều cơ sở, bộ máy quản lý ở nhiều xí nghiệp, hợp tác xã gọn nhẹ hơn trước. Các chi bộ đảng ở nông thôn được sắp xếp lại hợp lý hơn, chủ yếu theo địa bàn dân cư (thôn, xóm, ấp, bản). Trong số cán bộ mới, nhiều đồng chí đã phát huy tác dụng tốt. Công tác cán bộ có mặt đã được cải tiến theo hướng dân chủ và tập thể hơn. Việc kết hợp nhiều độ tuổi ở mỗi cơ quan lãnh đạo là một kinh nghiệm tốt bảo đảm tính liên tục và tính kế thừa trong đội ngũ cán bộ.

Việc thực hiện các nghị quyết về xây dựng đảng, tiến

hành cuộc vận động *chỉnh đốn làm trong sạch Đảng* nhất là đợt sinh hoạt chính trị, tiến hành đại hội đảng bộ các cấp gần đây, đã thúc đẩy phát triển dân chủ trong Đảng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng, nâng thêm trình độ nhận thức và năng lực công tác của đội ngũ đảng viên. Cho đến nay, tuy có một bộ phận đảng viên thoái hoá, hư hỏng, một số kém tác dụng, nhưng số đông đảng viên mà nòng cốt là đội ngũ cán bộ chủ chốt từ trung ương đến cơ sở vẫn giữ vững phẩm chất chính trị, nhất trí với quan điểm, đường lối của Đảng, có tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện các nghị quyết của Đảng.

Phương thức lãnh đạo đã có những cải tiến trên cơ sở nhận thức rõ hơn chức năng lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý của Nhà nước và chức năng của các đoàn thể, tôn trọng vai trò và quyền hạn của cơ quan nhà nước và các đoàn thể; bớt được những hiện tượng ôm đồm, bao biện.

Tuy vậy, công tác xây dựng Đảng chuyển biến chậm. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ở các cấp chưa chuyển kịp theo yêu cầu đổi mới. Nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn nảy sinh trong công cuộc đổi mới chưa được làm sáng tỏ, một số quan điểm và chủ trương lớn của Đảng chưa được cụ thể hoá một cách đồng bộ. Hệ thống tổ chức của Đảng trước yêu cầu đổi mới còn những mặt chưa hợp lý, bộ máy vẫn chồng chéo, hoạt động kém hiệu quả. Một số tổ chức cơ sở đảng quá yếu, có nơi gần như tê liệt. Trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo, quản lý của cán bộ, đảng viên nói chung còn thấp. Sự suy thoái về phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên rất nghiêm trọng. Tình trạng mất đoàn kết nội bộ xảy ra trong nhiều tổ chức đảng. Trong Đảng

vừa có những biểu hiện bảo thủ, không chịu đổi mới, vừa có khuynh hướng đổi mới nóng vội, rập khuôn cách làm của nước khác; cũng có cả tư tưởng dao động, cơ hội về chính trị. Phương thức lãnh đạo chậm được đổi mới, tình trạng nhiều cấp uỷ đảng (nhất là ở nông thôn) bao biện, làm thay công việc của chính quyền vẫn chưa được khắc phục một cách căn bản; đồng thời cũng còn những biểu hiện buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng trên một số lĩnh vực và ở một số loại hình cơ sở (như xí nghiệp, cơ quan, trường học...).

Nhiều cấp uỷ không đi sâu chỉ đạo công tác xây dựng đảng. Một số nghị quyết, chỉ thị về xây dựng đảng không được thực hiện đến nơi đến chốn. Công tác tư tưởng có lúc bị buông lỏng, thiếu chủ động và không sắc bén. Công tác giáo dục phẩm chất đạo đức, khắc phục những hiện tượng tiêu cực trong cán bộ, đảng viên chưa được tiến hành một cách kiên quyết và có hiệu quả. Việc kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế đạt kết quả thấp là do thiếu những phương án tổng thể, khoa học, chỉ đạo không tập trung. Thực hiện kém việc quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Chưa có cơ chế hợp lý để phát hiện và lựa chọn nhân tài. Tư tưởng cá nhân, cục bộ, phong kiến đã gây trở ngại cho việc nhận xét, bố trí, đề bạt cán bộ. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu của cơ chế mới và nhiệm vụ mới.

7. Đánh giá tổng quát và kinh nghiệm tiến hành đổi mới

Tổng quát lại, sau hơn bốn năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, công cuộc đổi mới đã *đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng*.

Tình hình chính trị của đất nước ổn định.

Nền kinh tế có những chuyển biến tích cực: bước đầu hình thành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; nguồn lực sản xuất của xã hội được huy động tốt hơn; tốc độ lạm phát được kiềm chế bớt; đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận nhân dân có phần được cải thiện. So với trước đây thì hiện nay mức độ khủng hoảng đã giảm bớt.

Sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy. Nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị có một số đổi mới theo hướng phát huy dân chủ nội bộ và quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường quyền lực của các cơ quan dân cử, nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp, bước đầu chỉnh đốn Đảng đi đôi với đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội.

Quốc phòng được giữ vững, an ninh quốc gia được bảo đảm. Từng bước phá thế bị bao vây về kinh tế và chính trị, mở rộng quan hệ quốc tế, tạo ra môi trường thuận lợi hơn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

Những thành tựu nói trên chứng tỏ đường lối đổi mới do Đại hội VI đề ra là đúng đắn, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp. Qua thực tiễn, chúng ta có thêm những nhận thức mới và kinh nghiệm quan trọng về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm nước ta. Đó là cơ sở rất quan trọng để chúng ta tiếp tục tiến lên.

Mặt khác, cần nhận thức đầy đủ những yếu kém và khó khăn lớn: đất nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, công cuộc đổi mới còn những mặt hạn chế, nhiều vấn

đề kinh tế - xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết. Đáng chú ý là những vấn đề lớn sau đây:

Lạm phát còn ở mức cao, nhiều cơ sở sản xuất đình đốn kéo dài, lao động thiếu việc làm tăng lên. Chế độ lương quá bất hợp lý. Đời sống của những người sống chủ yếu bằng tiền lương hoặc trợ cấp xã hội và của một bộ phận nông dân bị giảm sút. Tốc độ tăng dân số còn cao.

Sự nghiệp văn hoá, xã hội có những mặt tiếp tục xuống cấp. Tình trạng tham nhũng, tiêu cực và bất công xã hội tăng thêm; lối sống thực dụng, hủ tục mê tín, dị đoan phát triển.

Tình trạng vi phạm dân chủ còn nhiều. Việc thực hiện pháp luật, kỷ cương chưa nghiêm. An ninh, trật tự và an toàn xã hội còn phức tạp. Vẫn có những nhân tố có thể gây mất ổn định chính trị không thể xem thường.

Bộ máy của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân công kênh, phong cách làm việc còn quan liêu, kém hiệu lực. Không ít cán bộ, đảng viên không đủ năng lực và phẩm chất đảm đương nhiệm vụ, thậm chí thoái hoá biến chất, không được quần chúng tín nhiệm. Việc nâng cao ý chí cách mạng trong Đảng, thanh lọc đảng viên; lựa chọn, bố trí, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cốt cán; cải cách căn bản hệ thống tổ chức là những vấn đề lớn đòi hỏi phải giải quyết.

Nhân tố quyết định đem lại những thành tựu đổi mới là sự lãnh đạo kiên định, vững vàng của Đảng, tinh thần cách mạng và sự nỗ lực phấn đấu của toàn dân. Hơn bốn năm qua, trong bối cảnh quốc tế và trong nước cực kỳ phức tạp, Đảng và Nhà nước ta đã kiên trì đổi mới theo những phương hướng và bước đi về cơ bản là đúng đắn; nhân dân ta với lòng yêu nước

nồng nàn và niềm tin vào sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã chấp nhận thử thách, chịu đựng và vượt qua nhiều khó khăn trong quá trình đổi mới, từng bước làm chuyển biến tình hình.

Nguyên nhân của những mặt khó khăn và yếu kém có phần là hậu quả của nhiều năm trước đây để lại và là khó khăn của quá trình đi lên, vừa do những tác động bất lợi của tình hình thế giới, song cần nhấn mạnh những khuyết điểm chủ quan trong sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước. Những khuyết điểm có tính chất bao trùm là Đảng chậm xác định rõ yêu cầu và nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo trong giai đoạn mới, chưa tập trung nghiên cứu đề ra phương hướng, chủ trương rõ ràng và chỉ đạo thực hiện tích cực việc tổ chức lại bộ máy, còn thiếu những biện pháp có hiệu lực để nâng cao chất lượng đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng ngang tầm đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng; công tác cán bộ còn nhiều khuyết điểm. Nhà nước ta còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm quản lý, có những việc làm chưa đúng với quy luật khách quan. Còn nhiều lúng túng, thiếu sót và sơ hở trong điều hành, quản lý vĩ mô nền kinh tế thị trường (nhất là trong các lĩnh vực tài chính, tiền tệ, tiền lương) cũng như trong quản lý văn hoá, xã hội. Vừa có tình trạng thiếu nhất quán trong một số chủ trương đổi mới, vừa có sự buông lỏng vai trò quản lý đối với xã hội.

Từ thực tiễn mấy năm qua, có thể nêu lên *mấy kinh nghiệm bước đầu* về tiến hành công cuộc đổi mới:

Một là, phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong

quá trình đổi mới, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới. Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của nước ta. Chúng ta phê phán những khuyết điểm, sai lầm trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng không quan niệm những lệch lạc đó là khuyết tật của bản thân chế độ, coi khuyết điểm là tất cả, phủ định thành tựu, từ đó dao động về mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có kết quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, bằng những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp. Chính vì vậy, *phải giữ vững tư duy độc lập và sáng tạo* trong việc đề ra đường lối đổi mới phù hợp với đặc điểm tình hình của nước ta, đáp ứng đúng lợi ích và nguyện vọng của nhân dân ta. Coi trọng học tập, tham khảo kinh nghiệm của thế giới, nhưng không lúc nào được giáo điều, sao chép máy móc cách làm của nước ngoài. Các chủ trương đổi mới đều phải nhằm phục vụ mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho dân giàu, nước mạnh, đều phải lấy kết quả xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam để kiểm nghiệm.

Điều kiện cốt yếu để công cuộc đổi mới giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa và đi đến thành công là trong quá trình đổi mới Đảng *phải kiên trì và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững vai trò lãnh đạo xã hội*. Đảng phải tự đổi mới và chỉnh đốn, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mình.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. Thực tiễn cho thấy đổi mới là cuộc cách mạng sâu sắc trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trên từng lĩnh vực, nội dung đổi mới cũng bao gồm nhiều mặt: từ đổi mới quan niệm đến đổi mới cơ chế, chính sách, tổ chức, cán bộ, phong cách và lề lối làm việc. Nếu chỉ đổi mới một lĩnh vực hoặc một khâu nào đó thì công cuộc đổi mới không thể đạt kết quả mong muốn. Đồng thời trong mỗi bước đi lại phải xác định đúng *khâu then chốt* để tập trung sức giải quyết làm cơ sở đổi mới các khâu khác và lĩnh vực khác.

Về quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, phải tập trung sức làm tốt đổi mới kinh tế, đáp ứng những đòi hỏi cấp bách của nhân dân về đời sống, việc làm và các nhu cầu xã hội khác, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, coi đó là điều kiện quan trọng để tiến hành thuận lợi đổi mới trong lĩnh vực chính trị. Đồng thời với đổi mới kinh tế, phải từng bước đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, phát huy ngày càng tốt quyền làm chủ và năng lực sáng tạo của nhân dân trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Vì chính trị đụng chạm đến các mối quan hệ đặc biệt phức tạp và nhạy cảm trong xã hội, nên việc đổi mới trong hệ thống chính trị nhất thiết phải trên cơ sở nghiên cứu và chuẩn bị rất nghiêm túc, không cho phép gây mất ổn định chính trị, dẫn đến sự rối loạn. Nhưng không vì vậy mà tiến hành chậm trễ đổi mới hệ thống chính trị, nhất là về tổ chức bộ máy và cán bộ, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, bởi

đó là điều kiện để thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và thực hiện dân chủ.

Ba là, phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế - xã hội. Đổi mới về kinh tế, chuyển nền kinh tế mang nặng tính tự cấp, tự túc với cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước là hoàn toàn cần thiết để giải phóng và phát huy được các tiềm năng sản xuất trong xã hội. Song thực tế cho thấy, bản thân nền kinh tế thị trường không phải là liều thuốc vạn năng. Hơn nữa, cùng với sự kích thích sản xuất phát triển, kinh tế thị trường cũng là môi trường thuận lợi để nảy sinh và phát triển nhiều loại tệ nạn xã hội. Để hạn chế và khắc phục những hậu quả tiêu cực ấy, giữ cho công cuộc đổi mới đi đúng hướng và phát huy bản chất tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội, Nhà nước phải thực hiện tốt vai trò quản lý về kinh tế - xã hội bằng luật pháp, kế hoạch, chính sách, thông tin, tuyên truyền giáo dục và các công cụ khác.

Bốn là, chúng ta khẳng định tiếp tục phát huy ngày càng sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng để phát huy dân chủ đúng hướng và đạt kết quả thì quá trình đó phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc phù hợp với tình hình chính trị, xã hội nói chung. Có như vậy mới thực sự bảo đảm được quyền làm chủ của nhân dân, động viên toàn dân hăng hái xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chạy theo những đòi hỏi dân chủ cực đoan, thực hiện dân chủ mà không gắn liền với kỷ luật, kỷ cương hoặc không tính toán đầy đủ đến tình hình chính trị, xã hội, thì mọi ý định tốt đẹp về phát huy dân chủ

không thể thực hiện thành công, ngược lại sẽ đưa đến những hậu quả làm tổn hại lợi ích của nhân dân.

Năm là, trong quá trình đổi mới, phải quan tâm dự báo tình hình, kịp thời phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần kiên định thực hiện đường lối đổi mới; tăng cường tổng kết thực tiễn và không ngừng hoàn chỉnh lý luận về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Mỗi chủ trương, chính sách, biện pháp kinh tế, xã hội, dù là đúng đắn nhất, thì trong quá trình thực hiện, bên cạnh mặt tích cực là chủ yếu cũng thường có những hệ quả tiêu cực nhất định, những vấn đề mới nảy sinh, cần phải dự kiến trước và theo dõi để chủ động ngăn ngừa, giải quyết. Tránh suy nghĩ đơn giản, một chiều, đến khi thấy có vấn đề mới nảy sinh, có mặt tiêu cực mới xuất hiện thì hoang mang, hốt hoảng. Không vì gặp khó khăn mà dao động và quay lại những cách làm sai lầm cũ.

Công cuộc đổi mới càng đi vào chiều sâu thì càng xuất hiện nhiều vấn đề mới liên quan đến nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chỉ có tăng cường tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận thì công cuộc đổi mới mới trở thành hoạt động tự giác, chủ động và sáng tạo, bớt được sai lầm và những bước đi quanh co, phức tạp.

Trong nhiệm kỳ Đại hội VI, nhờ sự phấn đấu của toàn Đảng và toàn dân, chúng ta đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, đồng thời còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết. Đổi mới là cuộc cách mạng đang trong quá trình vận động, chưa thể kết thúc trong một thời gian ngắn. Nhiệm kỳ Đại hội VII sẽ tiếp tục phát huy những ưu điểm đã đạt được, hoàn chỉnh, bổ sung và phát triển đường lối đổi

mới, ngăn ngừa những lệch lạc phát sinh, khắc phục khó khăn trở ngại, tiến lên giành những thắng lợi mới.

Phần thứ hai

**NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ
CHỦ YẾU TRONG 5 NĂM 1991-1995**

1. Đặc điểm tình hình

Bước vào kế hoạch 5 năm 1991-1995, *bối cảnh quốc tế* có những thay đổi lớn và tác động sâu sắc đến nước ta.

Từ năm 1991, nguồn vay bên ngoài giảm mạnh, sự ưu đãi về giá đã chấm dứt, nợ nước ngoài phải trả hàng năm tăng lên. Tình hình quốc tế cũng gây cho chúng ta những đảo lộn lớn và đột ngột về thị trường xuất khẩu và nhập khẩu, về nhiều chương trình hợp tác kinh tế và nhiều hợp đồng về lao động. Trong một thời gian ngắn, chúng ta phải chuyển một phần đáng kể khối lượng buôn bán từ các thị trường truyền thống sang các thị trường mới; chịu những tác động lớn về biến động cung - cầu và giá cả của thị trường thế giới. Trong khi đó một số nước còn bao vây về kinh tế nước ta. Tình hình trên đây gây nhiều khó khăn cho nền kinh tế nước ta trong thời gian qua và sắp tới.

Song chúng ta cũng có những thuận lợi mới. Quan hệ đối ngoại của nước ta ngày càng được mở rộng, trong đó quan hệ với một số nước gần đây có một số cải thiện, mở ra triển vọng từng bước bình thường hoá. Điều đó tạo thêm khả năng để chúng ta mở rộng thị trường, tham gia ngày càng sâu hơn vào sự phân công lao động quốc tế, thu hút nguồn vốn và kỹ

thuật, học hỏi kinh nghiệm của thế giới để xây dựng đất nước. Có cơ sở để dự đoán rằng, những khả năng này sẽ ngày càng lớn lên. Đồng thời, việc mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại đòi hỏi chúng ta phải nhanh chóng vươn lên thích ứng với những yêu cầu khắt khe về chất lượng, hiệu quả, về quy chế và luật pháp kinh doanh của thị trường thế giới.

Tình hình chính trị thế giới, bên cạnh những thuận lợi có những mặt phức tạp mới tác động vào nước ta. Các thế lực thù địch thực hiện âm mưu "diễn biến hoà bình", kích động việc thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng, xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng, truyền bá tư tưởng, văn hoá đồi trụy, độc hại, đưa lực lượng gián điệp, biệt kích vào phá hoại nước ta; câu kết với bọn phản động và các phần tử xấu trong nước tăng cường hoạt động hòng lật đổ chế độ. Nhiệm vụ bảo vệ đất nước còn nặng nề.

Ở *trong nước*, khủng hoảng kinh tế - xã hội vẫn chưa chấm dứt. Khó khăn hàng đầu phải giải quyết là tạo ra nguồn cân đối về vật chất, tài chính, mở rộng thị trường tiêu thụ, đáp ứng mục tiêu ổn định và phát triển kinh tế, khắc phục lạm phát đang ở mức cao. Trong khi đó, nền kinh tế về cơ bản chưa có tích lũy từ thu nhập quốc dân, sản xuất, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, hàng triệu người, trong đó số đông là thanh niên, chưa có việc làm hoặc việc làm chưa ổn định. Trật tự, kỷ cương còn lỏng lẻo; tiêu cực và tham nhũng còn nhiều. Năng lực quản lý của Nhà nước, tổ chức bộ máy và cán bộ nhiều mặt chưa đáp ứng được đòi hỏi của tình hình.

Mặt khác, cần thấy rõ những thuận lợi lớn để phát huy. Đó là: những thành tựu bước đầu rất quan trọng và những

kinh nghiệm đổi mới đã thu được trong những năm qua; đồng đảo nhân dân ủng hộ đường lối đổi mới; cục diện chính trị nước ta ổn định. Nước ta còn nhiều tiềm năng để phát triển: đội ngũ lao động và cán bộ khoa học, kỹ thuật cần cù, thông minh, sáng tạo; khả năng thâm canh, tăng vụ và mở rộng diện tích trong nông nghiệp, phát triển nghề rừng và thủy sản còn lớn; công nghiệp dầu khí, công nghiệp hàng tiêu dùng và xuất khẩu có những điều kiện thuận lợi để mở rộng; vốn nhân rỗi trong nhân dân còn nhiều...

Với những thành tựu và kinh nghiệm của hơn bốn năm đổi mới, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta chắc chắn có đủ bản lĩnh và khả năng đưa đất nước ta ra khỏi khủng hoảng, tiến lên giành những thắng lợi mới.

2. Mục tiêu tổng quát và phương châm chỉ đạo

Xuất phát từ tình hình nói trên và căn cứ vào mục tiêu của chặng đầu thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, *mục tiêu tổng quát của 5 năm tới là vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.*

Các mục tiêu cụ thể là:

- Tiếp tục kiểm chế và đẩy lùi lạm phát, giữ vững và phát triển sản xuất, bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế;
- Tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động, giảm mạnh nhịp độ tăng dân số;
- Ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Bảo đảm tiền lương tối thiểu đáp ứng

được nhu cầu thiết yếu của người lao động, ngăn chặn thu nhập phi pháp và bất công.

- Tiếp tục phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, đổi mới tổ chức và cán bộ.

- Bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự và an toàn xã hội, bảo vệ thành quả cách mạng.

Trong 5 năm 1991-1995, năm 1991 và năm 1992 là hai năm có tính chất quyết định để chuyển nền kinh tế thích ứng với những biến động của tình hình quốc tế, giữ vững và phát huy thành tựu đổi mới.

Những phương châm chỉ đạo là:

- *Tăng cường hơn nữa khối đoàn kết toàn dân*, động viên được lực lượng của mọi tầng lớp nhân dân vào việc thực hiện mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Giữ vững đoàn kết trong Đảng, thắt chặt mối quan hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân.

- *Kết hợp động lực kinh tế với động lực tinh thần*, thực hiện hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy lòng yêu nước và tự hào dân tộc, truyền thống cách mạng và kháng chiến, ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước, tạo ra phong trào quần chúng phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh.

- *Tiếp tục đổi mới toàn diện và đồng bộ, đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu* với bước đi vững chắc, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ việc đổi mới các lĩnh vực khác, nhất là về dân chủ hoá xã hội, tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, các chính sách giáo dục, văn hoá, xã hội.

- *Tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi, mở rộng và tăng cường quan hệ quốc tế về chính trị, kinh tế, văn hoá và khoa học, kỹ thuật trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, cùng có lợi, bảo vệ sản xuất, kinh tế và an ninh quốc gia, gìn giữ và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của văn hoá dân tộc.*

Dưới đây là *các nhiệm vụ chủ yếu* để thực hiện mục tiêu tổng quát nói trên.

3. Ổn định và phát triển kinh tế

Tập trung mọi nỗ lực *giải quyết các vấn đề cấp bách nhất về kinh tế, xã hội*, trên cơ sở đó thực hiện thắng lợi *mục tiêu kinh tế* của kế hoạch 5 năm 1991-1995: *đẩy lùi và kiểm soát được lạm phát, ổn định, phát triển và nâng cao hiệu quả nền sản xuất xã hội, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân và bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế.*

Để thực hiện nhiệm vụ trên, phải phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế; đẩy mạnh ba chương trình kinh tế với những nội dung cao hơn trước và từng bước xây dựng cơ cấu kinh tế mới theo yêu cầu công nghiệp hoá; đẩy nhanh nhịp độ ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật; hình thành về cơ bản và vận hành tương đối thông suốt cơ chế quản lý mới.

Về cơ cấu ngành và vùng:

Tập trung đầu tư cả chiều rộng lẫn chiều sâu, tạo chuyển biến rõ nét về cơ cấu kinh tế, trước hết đối với những ngành và vùng trọng điểm, có hiệu quả nhanh. Các phương hướng lớn là:

- Phát triển *nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng*

nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Xây dựng phương án tổng thể trên từng vùng, hình thành cơ cấu hợp lý về nông, lâm, ngư, công nghiệp phù hợp với sinh thái vùng, bảo vệ tài nguyên, gắn phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp với phát triển ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp và công nghiệp chế biến bằng công nghệ thích hợp; xây dựng các điểm kinh tế - kỹ thuật - dịch vụ ở từng vùng và tiểu vùng; xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và kết cấu hạ tầng xã hội ở nông thôn.

Trong sản xuất nông nghiệp, đặt trọng tâm vào chương trình lương thực - thực phẩm nhằm bảo đảm vững chắc nhu cầu trong nước và có khối lượng xuất khẩu lớn, nhất là gạo và sản phẩm chăn nuôi; phát triển cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày trên quy mô lớn để cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, xuất khẩu và thay thế nhập khẩu.

Quy hoạch khai thác, bảo vệ và sử dụng tài nguyên nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và đời sống, mở rộng tưới, tiêu nước cho nông nghiệp, phòng và giảm nhẹ tác động của thiên nhiên.

Khai thác tổng hợp *kinh tế biển*, nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản, nhất là các loại có khả năng xuất khẩu, gắn liền với chiến lược khai thác và bảo vệ vùng biển của đất nước.

Phát triển *kinh tế rừng*, trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng tài nguyên rừng, bảo vệ thiên nhiên và môi trường sinh thái.

- Đẩy mạnh sản xuất *hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*, đáp ứng nhu cầu đa dạng, chất lượng ngày càng cao,

phục vụ tốt tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, tăng thêm nhiều việc làm.

Đa dạng hoá và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại. Huy động tiềm năng của nền kinh tế, phát huy lợi thế tương đối, vừa đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và đời sống trong nước, vừa hướng mạnh về xuất khẩu. Tiếp tục coi trọng các thị trường truyền thống, đồng thời nhanh chóng thâm nhập thị trường mới, mở rộng thị trường khu vực. Cải tiến cơ cấu xuất khẩu theo hướng tăng tỉ trọng các mặt hàng chế biến, giảm tỉ trọng xuất khẩu nguyên liệu, tạo ra các sản phẩm xuất khẩu chủ lực như dầu mỏ, nông sản, thuỷ sản. Sớm tạo được một số mặt hàng gia công, lắp ráp, chế biến có công nghệ hiện đại, có sức cạnh tranh trong xuất khẩu. Phát triển du lịch, vận tải hàng không, thông tin, bưu điện quốc tế và các hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ khác. Mở rộng hợp tác lao động và chuyên gia. Phát triển hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. Có chính sách thu hút tư bản nước ngoài đầu tư vào nước ta, trước hết vào lĩnh vực sản xuất, dưới nhiều hình thức.

- Phát triển một số ngành *công nghiệp nặng* trước hết phục vụ cho sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, đồng thời tạo cơ sở cho những bước phát triển tiếp theo; coi trọng khai thác các tài nguyên, góp phần tạo nguồn tích lũy ban đầu.

Trong 5 năm 1991-1995, đặc biệt chú trọng tăng nhanh sản lượng khai thác dầu khí; phát triển điện lực, nhất là ở miền Trung và miền Nam; sắp xếp và đầu tư chiều sâu để phát triển ngành cơ khí nhằm trước hết phục vụ sản xuất và chế biến sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp; phát triển công

ngiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp điện tử - tin học; sớm xây dựng cơ sở lọc dầu, sản xuất phân đạm; khai thác đá quý, bôcxít, đất hiếm...

- Phát triển *kết cấu hạ tầng*, sớm khắc phục tình trạng xuống cấp, mở rộng và hiện đại hoá có trọng điểm mạng lưới giao thông vận tải, chú trọng phát triển vận tải đường biển, đường sông, đường sắt và hàng không quốc tế, phát triển giao thông nông thôn và miền núi. Tiếp tục hiện đại hoá mạng bưu điện quốc tế và trong nước; phủ sóng phát thanh và truyền hình khắp cả nước; phát triển ngành sản xuất thiết bị bưu điện.

- Sắp xếp lại và phát triển các loại hình *dịch vụ kinh tế - kỹ thuật* đáp ứng yêu cầu sản xuất, đời sống và hợp tác quốc tế.

Tiếp tục xây dựng và thực hiện chiến lược *phát triển kinh tế vùng* phù hợp với chiến lược chung của cả nước. Phát huy thế mạnh của từng vùng, từng địa phương, khai thác các nguồn lực tại chỗ, đồng thời chủ động mở rộng quan hệ phân công, hợp tác, liên kết với các vùng khác trong nước và với nước ngoài. Xác định chính sách phát triển đô thị và hai trung tâm lớn nhất cả nước là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Lựa chọn những thành phố, thị xã có vị trí thích hợp, xây dựng thành các trung tâm kinh tế, văn hoá của từng vùng.

Trong 5 năm tới, có kế hoạch khai thác các thế mạnh của vùng *trung du, miền núi*, tạo chuyển biến rõ nét ở một số vùng. Có những chính sách và biện pháp riêng đối với miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Sắp xếp lại bộ máy chỉ đạo của trung ương và địa phương đối với công tác này.

Tiếp tục xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và đổi mới quản lý kinh tế:

Phát huy thế mạnh của các thành phần kinh tế, vừa cạnh tranh vừa hợp tác, bổ sung cho nhau trong nền kinh tế quốc dân thống nhất.

Cơ chế vận hành nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa là *cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác.

Trong cơ chế đó, *các đơn vị kinh tế* có quyền tự chủ sản xuất kinh doanh, quan hệ bình đẳng, cạnh tranh hợp pháp, hợp tác và liên doanh tự nguyện; *thị trường* có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả; *Nhà nước* quản lý nền kinh tế nhằm định hướng, dẫn dắt các thành phần kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường, kiểm soát chặt chẽ và xử lý các vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh tế, bảo đảm sự hài hoà giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội.

Những công tác lớn cần tập trung tiến hành là:

- *Sắp xếp lại và củng cố các đơn vị kinh tế.*

Khẩn trương sắp xếp lại và đổi mới quản lý *kinh tế quốc doanh*, bảo đảm kinh tế quốc doanh phát triển có hiệu quả, nắm vững những lĩnh vực và ngành then chốt để phát huy vai trò chủ đạo trong nền kinh tế. Tập trung lực lượng củng cố và phát triển những cơ sở trọng điểm, những cơ sở làm ăn có hiệu quả và có ý nghĩa lớn đối với nền kinh tế quốc dân. Cho thuê, chuyển hình thức sở hữu hoặc giải thể các cơ sở

thua lỗ kéo dài và không có khả năng vươn lên. Sắp xếp lại các liên hiệp xí nghiệp, tổng công ty phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường.

Tổng kết việc thực hiện các cơ chế, chính sách trong các đơn vị kinh tế quốc doanh và hợp tác xã. Sửa đổi và bổ sung các cơ chế, chính sách cần thiết để giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng, quan hệ giữa Nhà nước và xí nghiệp quốc doanh, quan hệ giữa tổ chức đảng, đoàn thể với giám đốc. Tiến hành việc giao vốn và áp dụng rộng rãi các hình thức khoán trong xí nghiệp quốc doanh. Sớm ban hành quy chế về doanh nghiệp quốc doanh. Xây dựng một số công ty hoặc liên hiệp xí nghiệp lớn, có uy tín và khả năng cạnh tranh trong quan hệ kinh tế với nước ngoài.

Tiếp tục đổi mới và kiện toàn *kinh tế tập thể* theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, bình đẳng, phát huy và kết hợp hài hoà sức mạnh của tập thể và của xã viên. Phát triển các hình thức hợp tác đa dạng và mở rộng các hình thức kinh tế tập thể trong nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, mua bán, tín dụng (nông thôn) ở những nơi cần thiết và có điều kiện.

Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị; tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý các hợp tác xã nông nghiệp theo hướng vừa bảo đảm quyền tự chủ của hộ xã viên, vừa tăng cường vai trò của các ban quản trị trong một số việc quản lý, điều hành sản xuất, làm tốt những khâu dịch vụ cần thiết, cùng với chính quyền và các đoàn thể thực hiện các chính sách xã hội và xây dựng nông thôn mới. Gắn kinh tế hộ với quy hoạch vùng, phát triển công nghiệp chế biến, xây dựng công ty dịch vụ tổng hợp trên địa bàn. Giải quyết một cách cơ bản tình trạng tranh chấp ruộng đất. Trên cơ sở chế

độ sở hữu toàn dân về đất đai, ruộng đất được giao cho nông dân sử dụng lâu dài. Nhà nước quy định bằng luật pháp các vấn đề thừa kế, chuyển quyền sử dụng ruộng đất...

Phát triển mạnh *kinh tế gia đình* bằng nhiều hình thức.

Kinh tế tư nhân được phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, theo sự quản lý, hướng dẫn của Nhà nước; trong đó, kinh tế cá thể và tiểu chủ có phạm vi hoạt động tương đối rộng ở những nơi chưa có điều kiện tổ chức kinh tế tập thể, hướng kinh tế tư bản tư nhân phát triển theo con đường tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức.

Sớm chấn chỉnh về tổ chức và công tác quản lý đối với các cơ sở công nghiệp, xây dựng, vận tải ngoài quốc doanh.

Tổ chức từng bước việc thành lập các xí nghiệp, công ty cổ phần.

- *Từng bước hình thành và mở rộng đồng bộ các thị trường* hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, dịch vụ, thị trường vốn và tiền tệ, thị trường ngoại hối, thị trường sức lao động... Phát triển các hình thức thu hút vốn và bảo đảm chu chuyển vốn nhanh. Xây dựng thí điểm thị trường chứng khoán khi có điều kiện.

Mở rộng giao lưu hàng hoá trong cả nước, chú trọng nông thôn và miền núi, xoá bỏ triệt để mọi hình thức chia cắt thị trường theo địa giới hành chính. Gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, có chính sách bảo vệ sản xuất nội địa, kiên quyết chống buôn lậu và các hiện tượng tiêu cực khác trong lưu thông. Tăng cường vai trò của hợp đồng kinh tế theo đúng pháp luật. Làm tốt công tác dự báo và chủ động cân

đối về những mặt hàng thiết yếu, hạn chế đến mức thấp nhất và khắc phục kịp thời các đột biến về giá trên thị trường.

Sắp xếp và đổi mới hệ thống thương nghiệp quốc doanh, nâng cao hiệu quả, phát huy tác dụng tích cực trong việc ổn định và điều tiết giá cả thị trường. Tập trung làm tốt khâu bán buôn kết hợp với một phần bán lẻ những mặt hàng thiết yếu. Có chính sách giải quyết vốn cho thương nghiệp quốc doanh để kinh doanh và dự trữ lưu thông cần thiết. Có cơ chế phối hợp và điều hoà giữa dự trữ quốc gia và dự trữ lưu thông.

Sắp xếp, thu gọn đầu mối các tổ chức xuất, nhập khẩu ở trung ương và địa phương; thành lập hiệp hội xuất, nhập khẩu trên cơ sở tự nguyện. Đổi mới và quản lý chặt chẽ việc cấp giấy phép và hạn ngạch xuất, nhập khẩu.

Kiên trì vận dụng cơ chế giá thị trường đối với giá hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, tỉ giá hối đoái, lãi suất tín dụng; điều chỉnh từng bước mặt bằng giá và quan hệ tỉ giá cho phù hợp với sự thay đổi của giá quốc tế đối với các loại vật tư, nguyên liệu, thiết bị nhập khẩu, song phải chú ý bảo đảm sản xuất phát triển. Kiểm tra và giám sát giá các vật tư, hàng hoá, dịch vụ quan trọng nhất, giá của một số đơn vị độc quyền kinh doanh.

Tiếp tục xoá bỏ các hình thức phân phối hiện vật; tính đủ giá trị đối với đất đai, tài nguyên... đưa vào sử dụng.

- *Đổi mới và hoàn thiện các công cụ quản lý vĩ mô trọng yếu của Nhà nước.*

Tiếp tục đổi mới, bổ sung và đồng bộ hoá hệ thống *pháp luật kinh tế*. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc chấp hành các chính sách, chế độ của Nhà nước; các ngành, các

cấp không được tự ý thay đổi khi chưa có sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền.

Nâng cao chất lượng *kế hoạch hoá* nền kinh tế quốc dân, lấy thị trường làm đối tượng và là căn cứ quan trọng nhất. Sử dụng các chương trình mục tiêu, chính sách đầu tư, tín dụng và các chính sách kinh tế khác để tạo điều kiện và hướng dẫn sự phát triển của các ngành, các địa phương và các thành phần kinh tế. Kế hoạch phải xác định những cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân và có chính sách, biện pháp bảo đảm các cân đối đó. Nâng cao dần trình độ dự báo kinh tế - xã hội trong công tác kế hoạch hoá.

Xây dựng *chính sách tài chính quốc gia* và thực hiện cải cách cơ bản tài chính nhà nước theo hướng thúc đẩy khai thác tiềm năng thiên nhiên và của các tầng lớp nhân dân; vừa tích tụ vốn ở đơn vị kinh tế, vừa bảo đảm nguồn vốn tập trung của Nhà nước; vừa tạo điều kiện, vừa gây sức ép buộc các đơn vị kinh tế tìm mọi biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh; thực hiện phân phối hợp lý thu nhập quốc dân, đáp ứng các nhu cầu chi cần thiết đi liền với nâng cao dần tỉ lệ tích lũy, thực hành tiết kiệm và bảo đảm công bằng xã hội; góp phần tích cực kiểm chế và đẩy lùi lạm phát.

Tiếp tục đổi mới và bổ sung các luật thuế. Kiện toàn hệ thống thu thuế, chống thất thu và lạm thu, chống mọi biểu hiện tiêu cực trong công tác thuế. Phát triển đa dạng và quản lý tốt các hình thức bảo hiểm. Tăng cường thanh tra tài chính, kiểm soát việc chấp hành pháp lệnh kế toán - thống kê.

Hệ thống ngân hàng vươn lên làm tốt chức năng là trung tâm tiền tệ, tín dụng và thanh toán của các thành phần kinh

tế, huy động mọi nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội thúc đẩy sản xuất phát triển có hiệu quả, góp phần từng bước ổn định giá trị đồng tiền Việt Nam. Phân định rõ chức năng của ngân hàng nhà nước và ngân hàng kinh doanh; ngân sách và tín dụng. Áp dụng hình thức ngân hàng cổ phần. Thực hiện quản lý và giao dịch ngoại tệ qua ngân hàng, xây dựng thị trường hối đoái hợp pháp. Cho phép ngân hàng nước ngoài vào hoạt động theo luật pháp của Việt Nam.

Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống kế toán, thống kê và thông tin kinh tế phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và sản xuất kinh doanh.

- Cải tiến *công tác điều hành của Nhà nước về kinh tế* theo hướng bảo đảm sự nhất quán trong các quyết định; phối hợp đồng bộ giữa các cấp quản lý; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát; tiếp tục phân định rõ quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý kinh doanh của các đơn vị cơ sở; cải tiến phân cấp quản lý kinh tế giữa trung ương và các cấp chính quyền địa phương.

4. Chính sách xã hội

Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế, đều nhằm phát huy sức mạnh của nhân tố con người và vì con người. Kết hợp hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân. Coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện các chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế.

- Phương hướng giải quyết *đời sống* 5 năm tới là:

Đáp ứng tốt hơn các nhu cầu thiết yếu và ngày càng đa dạng của các tầng lớp dân cư; bảo đảm vững chắc nhu cầu lương thực, khắc phục tình trạng thiếu đói thường xuyên và nạn đói giập hạt ở một số vùng; nâng mức cung ứng và tiêu dùng thực phẩm, tăng thêm dinh dưỡng bữa ăn của đông đảo nhân dân.

Tạo điều kiện cho nhân dân cải thiện nhà ở, chú trọng các thành phố lớn, một số vùng nông thôn và các vùng hay gặp thiên tai. Từng bước cải thiện các điều kiện vệ sinh công cộng, bảo vệ môi trường, xây dựng nếp sống văn minh. Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giao thông công cộng.

Đổi mới *chính sách tiền lương và thu nhập*, khuyến khích mọi người tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động và hiệu quả kinh tế; bảo hộ các nguồn thu nhập hợp pháp; điều tiết hợp lý thu nhập giữa các bộ phận dân cư, các ngành và các vùng. Đấu tranh ngăn chặn thu nhập phi pháp.

Cải cách cơ bản chính sách tiền lương và tiền công theo các nguyên tắc: tiền lương và tiền công phải dựa trên số lượng và chất lượng lao động, bảo đảm tái sản xuất sức lao động; tiền tệ hoá tiền lương, xoá bỏ chế độ bao cấp ngoài lương dưới hình thức hiện vật; thực hiện mối tương quan hợp lý về tiền lương và thu nhập của các bộ phận lao động xã hội. Từ năm 1992 cải cách chính sách tiền lương với bước đi hợp lý gắn với tinh giản bộ máy, biên chế và tìm thêm việc làm cho số lao động dôi ra.

Đối với chiến sĩ quân đội và công an, thực hiện tốt chế độ cung cấp đủ tiêu chuẩn hiện vật theo định lượng. Có chế độ phụ cấp giúp sĩ quan và quân nhân xuất ngũ có thêm điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

Đổi mới *chính sách bảo hiểm xã hội* theo hướng: mọi người lao động và đơn vị kinh tế thuộc các thành phần kinh tế đều đóng góp vào quỹ bảo hiểm xã hội. Từng bước tách quỹ bảo hiểm xã hội đối với công nhân viên chức nhà nước khỏi ngân sách và hình thành quỹ bảo hiểm xã hội chung cho người lao động thuộc mọi thành phần kinh tế.

Quan tâm chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng, coi đó vừa là trách nhiệm của Nhà nước, vừa là trách nhiệm của toàn dân; sớm ban hành chế độ toàn dân đóng góp vào quỹ đền ơn, trả nghĩa để chăm lo đời sống thương binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với cách mạng.

Hình thành các tổ chức của người tàn tật và vì người tàn tật, các hội từ thiện, tổ chức việc giúp đỡ người già cô đơn và trẻ mồ côi, những người cơ nhỡ, bất hạnh trong cuộc sống. Nhà nước dành một phần quỹ dự phòng của ngân sách để chủ động cứu giúp những người gặp tai nạn do thiên tai.

Bảo vệ sức khoẻ, nâng cao thể lực của nhân dân phải trở thành hoạt động tự giác của mỗi người, với sự quan tâm của Nhà nước và của toàn xã hội.

Phát triển các hoạt động y tế bằng khả năng của Nhà nước và của nhân dân, theo hướng dự phòng là chính; kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền dân tộc. Sắp xếp lại hệ thống y tế, củng cố y tế cơ sở, đặc biệt là ở miền núi. Xây dựng kế hoạch bảo vệ sức khoẻ theo vùng lãnh thổ. Từng bước khắc phục về cơ bản các bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng, khống chế bệnh sốt rét, hạn chế đến mức thấp nhất bệnh bấu cổ, ngăn ngừa và chống bệnh SIDA. Bảo vệ, chăm

sóc bà mẹ và trẻ em, thực hiện tốt dự phòng tích cực ngay trong thời kỳ thai nhi.

Bảo đảm nhu cầu về thuốc chữa bệnh. Mở rộng công nghiệp trang thiết bị y tế, tích cực chuẩn bị xây dựng công nghiệp hoá dược và kháng sinh, phát triển nuôi trồng cây, con làm thuốc. Phát triển bảo hiểm khám chữa bệnh, tăng ngân sách cho hoạt động khám chữa bệnh.

Phát triển khoa học y dược học, xây dựng các mũi nhọn y dược học, y tế Việt Nam, chú trọng đào tạo cán bộ, tiếp nhận tiến bộ khoa học thế giới ứng dụng thích hợp vào nước ta trên cơ sở đồng - tây y kết hợp.

Mở rộng hợp tác quốc tế về y tế, sử dụng có hiệu quả các nguồn viện trợ quốc tế trong lĩnh vực này.

Công tác *thể dục, thể thao* cần coi trọng nâng cao chất lượng giáo dục thể chất trong các trường học; tổ chức hướng dẫn và vận động đông đảo nhân dân tham gia rèn luyện thân thể hằng ngày; nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng vận động viên, nâng cao thành tích một số môn thể thao. Cải tiến tổ chức, quản lý các hoạt động thể dục, thể thao theo hướng kết hợp chặt chẽ các tổ chức nhà nước và các tổ chức xã hội. Tạo các điều kiện về cán bộ, cơ sở vật chất và khoa học, kỹ thuật để phát triển nhanh một số môn thể thao Việt Nam có truyền thống và có triển vọng.

- Chính sách giải quyết *dân số và việc làm* được coi là một trong những mục tiêu rất quan trọng của kế hoạch 5 năm tới.

Giảm tốc độ tăng *dân số* là một quốc sách, phải trở thành cuộc vận động rộng lớn, mạnh mẽ và sâu sắc trong toàn dân. Tăng kinh phí, phương tiện, cán bộ, đồng thời thực hiện đồng

bộ các biện pháp để đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch. củng cố các tổ chức chuyên trách công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình.

Phương hướng quan trọng nhất để giải quyết *việc làm* là thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, coi trọng cả phát triển sản xuất và dịch vụ. Kết hợp giữa giải quyết việc làm tại chỗ với phân bố lại lao động theo vùng lãnh thổ, xây dựng các khu kinh tế mới, hình thành các cụm kinh tế - kỹ thuật - dịch vụ nhỏ ở nông thôn, ở các thị trấn, thị tứ, đồng thời mở rộng xuất khẩu lao động. Đa dạng hoá việc làm và thu nhập để thu hút lao động của mọi thành phần kinh tế. Giải quyết việc làm là trách nhiệm của mọi ngành, mọi cấp, mọi đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế, của từng gia đình, từng người, với sự đầu tư của Nhà nước, các đơn vị kinh tế và nhân dân. Có chương trình đồng bộ giải quyết việc làm. Sớm ban hành Luật lao động và các quy chế cụ thể để bảo đảm quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động.

- Đoàn kết, bình đẳng, giúp đỡ lẫn nhau giữa các *dân tộc*, cùng xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, đồng thời giữ gìn và phát huy bản sắc tốt đẹp của mỗi dân tộc là chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Có chính sách phát triển kinh tế hàng hoá ở các vùng dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện và đặc điểm từng vùng, từng dân tộc, bảo đảm cho đồng bào các dân tộc khai thác được thế mạnh của địa phương để làm giàu cho mình và đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Tôn trọng tiếng nói và có chính sách đúng đắn về chữ viết đối với các dân tộc. Đặc biệt có

chính sách khắc phục tình trạng suy giảm dân số đối với một số dân tộc ít người.

Bảo đảm cho người Hoa hưởng mọi quyền và nghĩa vụ công dân, tôn trọng văn hoá, chữ viết, tạo điều kiện để bà con người Hoa yên tâm làm ăn, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam và vun đắp quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt - Trung.

Tôn trọng văn hoá, tôn giáo của đồng bào Khơme, có chính sách giúp đỡ bà con người Khơme về đời sống, nhất là ở những vùng đồng bào có nhiều khó khăn.

Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đảng và Nhà nước ta tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, thực hiện bình đẳng, đoàn kết lương giáo và giữa các tôn giáo. Khắc phục mọi thái độ hẹp hòi, thành kiến, phân biệt đối xử với đồng bào có đạo, chống những hành động vi phạm tự do tín ngưỡng; đồng thời nghiêm cấm và ngăn chặn mọi hành vi lợi dụng tôn giáo phá hoại độc lập và đoàn kết dân tộc, chống phá chủ nghĩa xã hội, ngăn cản tín đồ làm nghĩa vụ công dân.

Đối với *những công dân đã tham gia chính quyền và quân đội dưới các chế độ cũ*, Đảng, Nhà nước và xã hội ta đánh giá căn cứ vào thái độ và việc làm của họ trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước ngày nay; xoá bỏ mọi thành kiến, tạo điều kiện để họ đóng góp tài năng và sức lực vào sự nghiệp dân giàu, nước mạnh.

Hơn hai triệu *người Việt Nam định cư ở nước ngoài* có mối quan hệ gắn bó với thân nhân, với quê hương, đất nước. Đảng và Nhà nước ta hoan nghênh bà con giữ gìn bản sắc, truyền thống và giá trị văn hoá dân tộc, tình cảm gắn bó với

quê hương, đất nước, nâng cao tính cộng đồng, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, xây dựng quan hệ tốt đẹp với nhân dân sở tại, đồng thời quan tâm theo dõi, ủng hộ và đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước. Cần tổ chức tốt việc thông tin tình hình trong nước và tạo điều kiện dễ dàng để bà con người Việt ở nước ngoài về thăm quê hương đất nước.

5. Khoa học, giáo dục, văn hoá

Phát triển sự nghiệp khoa học, giáo dục, văn hoá nhằm phát huy nhân tố con người và vì con người trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Khoa học và giáo dục đóng vai trò then chốt trong toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, là một động lực đưa đất nước thoát ra khỏi nghèo nàn, lạc hậu, vươn lên trình độ tiên tiến của thế giới.

Hoạt động *khoa học và công nghệ* phải bảo đảm cơ sở khoa học cho các quyết định quan trọng của các cơ quan lãnh đạo, quản lý, là công cụ chủ yếu để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của mọi hoạt động kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng nền văn hoá mới, con người mới, thúc đẩy công cuộc đổi mới toàn diện đất nước.

Khoa học xã hội phải góp phần xứng đáng trong việc đổi mới tư duy, xây dựng luận cứ khoa học cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, xây dựng lập trường, quan điểm, ý thức và nhân cách đúng đắn, khắc phục những tư tưởng sai lầm. Trong những năm tới, nhiệm vụ chủ yếu của các ngành khoa học xã hội là vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của nước ta và tiếp thu có chọn lọc những

thành tựu khoa học của thế giới, nghiên cứu những vấn đề cơ sở lý luận để hoàn thiện và triển khai Cương lĩnh, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội và những văn kiện khác của Đại hội VII. Khắc phục sự chậm trễ của khoa học xã hội, đổi mới một cách căn bản nội dung và phương pháp giảng dạy các bộ môn khoa học Mác - Lênin, khoa học kinh tế, khoa học quản lý; phát triển nhanh các ngành kinh tế học, xã hội học, luật học, khoa học chính trị và khoa học quản lý, đặc biệt là khoa học quản lý kinh tế và quản lý nhà nước.

Các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ tập trung vào việc cải tạo, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong nước hiện có, hiện đại hoá những công nghệ truyền thống có ý nghĩa kinh tế, xã hội cao, lựa chọn tiếp thu những công nghệ mới. Tập trung phát triển có trọng điểm một số hướng công nghệ hiện đại như điện tử, tin học, công nghệ sinh học, vật liệu mới. Nghiên cứu và phổ cập các giải pháp có hiệu quả nhằm sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Trong những năm trước mắt, cần thực hiện một số biện pháp quan trọng sau: xây dựng quy chế dân chủ, tăng cường sự hợp tác, khuyến khích tìm tòi và tranh luận trong sinh hoạt khoa học; chú trọng bồi dưỡng, tuyển chọn và phát huy năng lực đội ngũ cán bộ khoa học. Tăng mạnh đầu tư cho các hoạt động khoa học và công nghệ từ nhiều nguồn và quản lý việc sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư đó. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. Kiện toàn hệ thống các tổ chức khoa học và công nghệ, có những hình thức linh hoạt gắn hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và triển khai với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý và chính sách khoa học, công

nghệ phù hợp với yêu cầu phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần và yêu cầu mở rộng hợp tác quốc tế. Đẩy mạnh phong trào lao động sáng tạo và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong nhân dân. Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế và chính sách quản lý kinh tế để thúc đẩy mạnh mẽ việc ứng dụng khoa học và công nghệ. Thành lập Hội đồng chính sách khoa học và công nghệ quốc gia.

Mục tiêu *giáo dục và đào tạo* nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, hình thành đội ngũ lao động có tri thức và có tay nghề, có năng lực thực hành, tự chủ, năng động và sáng tạo, có đạo đức cách mạng, tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Nhà trường đào tạo thế hệ trẻ theo hướng toàn diện và có năng lực chuyên môn sâu, có ý thức và khả năng tự tạo việc làm trong nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần.

Nhiệm vụ của 5 năm tới là tiếp tục đổi mới, ổn định, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Coi trọng chất lượng giáo dục chính trị, đạo đức cho học sinh và sinh viên; hiện đại hoá một bước nội dung, phương pháp giáo dục; dân chủ hoá nhà trường và quản lý giáo dục; đa dạng hoá loại hình đào tạo và loại hình trường lớp; từng bước hình thành những trường bán công, dân lập, tư thục (dạy nghề), phát triển loại trường vừa học vừa làm. Mở rộng đào tạo nghề; bồi dưỡng nhiều người giỏi về khoa học, công nghệ, kinh doanh, về quản lý kinh tế, xã hội và nhiều công nhân lành nghề; nâng cao trình độ văn hoá, khoa học, kỹ thuật cho người lao động.

Củng cố, ổn định trường lớp hiện có của giáo dục mầm non. Tập trung thực hiện chương trình phổ cập giáo dục cấp I

và chống mù chữ; phát triển cấp II, cấp III phù hợp với yêu cầu và điều kiện của nền kinh tế. củng cố và phát triển trường phổ thông cho trẻ em có tật. Sắp xếp lại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Mở rộng một cách hợp lý quy mô đào tạo đại học, mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học. Tiếp tục cải tiến chế độ tuyển sinh và chế độ học bổng. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, thực nghiệm giáo dục, thể chế hoá cơ cấu của hệ thống giáo dục quốc dân.

Tăng đầu tư cho giáo dục ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số, mở rộng các trường nội trú, quy hoạch đào tạo cán bộ và trí thức người dân tộc.

Trong những năm tới, cần tổng kết cuộc cải cách giáo dục vừa qua, chuẩn bị tiến hành cuộc cải cách giáo dục mới theo hướng đào tạo một đội ngũ lao động có trí tuệ thích ứng với nền kinh tế hàng hoá.

Tiếp tục xây dựng và phát triển *sự nghiệp văn hoá* Việt Nam, bảo tồn và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của các dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại. Vận động toàn dân thực hiện lối sống cần, kiệm, văn minh, lịch sự. Phổ biến rộng rãi trong nhân dân những kiến thức văn hoá cần thiết cho sản xuất và đời sống. Thực hiện nam nữ bình đẳng, bảo vệ nhân phẩm phụ nữ. Phát động phong trào quần chúng bài trừ mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội khác.

Xây dựng gia đình văn hoá mới có ý nghĩa rất quan trọng trong tình hình hiện nay, góp phần phát triển lực lượng sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống, thực hiện kế hoạch hoá dân số, giữ gìn và phát huy những truyền thống đạo đức, văn hoá tốt đẹp của dân tộc. Nâng cao ý thức về nghĩa vụ gia

đình đối với mọi lớp người. Kết hợp và phát huy vai trò của xã hội, các đoàn thể, nhà trường, tập thể lao động và tập thể dân cư trong việc chăm lo bồi dưỡng tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách cao đẹp và nếp sống có văn hoá.

Văn học, nghệ thuật là một bộ phận quan trọng trong nền văn hoá, gắn bó với đời sống nhân dân và sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo. Khuyến khích tự do sáng tạo văn học, nghệ thuật vì sự hoàn thiện con người, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm cao đẹp, đề cao tinh thần tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, phấn đấu làm cho dân giàu, nước mạnh, phê phán những thói hư tật xấu, cái độc ác, thấp hèn. Vừa coi trọng những đề tài về truyền thống dân tộc, cách mạng và kháng chiến, vừa bám sát thực tiễn cuộc sống hiện nay. Qua phong trào sáng tạo văn học, nghệ thuật của quần chúng mà phát hiện, bồi dưỡng và phát huy mọi tài năng, chú ý tài năng trẻ. Nâng cao chất lượng công tác lý luận, nghiên cứu, giới thiệu và phê bình văn học, nghệ thuật; chọn lọc và tạo điều kiện công bố những tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật để phổ biến rộng rãi trong công chúng. Nghiêm trị những người truyền bá và kinh doanh văn hoá phẩm phản động, đồi trụy; chống văn hoá ngoại lai, không lành mạnh.

Phát triển sự nghiệp *thông tin, báo chí, xuất bản* theo hướng nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu thông tin và nâng cao kiến thức mọi mặt cho nhân dân. Tăng đầu tư phương tiện phát thanh, truyền hình, đưa thông tin đến mọi vùng của đất nước, đến phần lớn các gia đình, nhất là ở nông thôn và miền núi. Coi trọng công tác tuyên truyền đối ngoại. Quản lý chặt chẽ công tác xuất bản, thông tin, báo chí, phim ảnh.

Nhà nước có chính sách đúng đối với các loại sản phẩm văn hoá khác nhau; quan tâm thích đáng đào tạo nhân tài, chăm sóc các nhà văn hoá, các văn nghệ sĩ, các nhà báo có nhiều cống hiến; bồi dưỡng phẩm chất chính trị, lý luận, nghiệp vụ cho cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các lĩnh vực này. Sắp xếp lại tổ chức và cải tiến công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thông tin, báo chí, xuất bản. Đổi mới phương thức hoạt động của các đơn vị văn hoá, nghệ thuật và của các hội sáng tạo văn học, nghệ thuật.

6. Quốc phòng và an ninh

Củng cố nền *quốc phòng* toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân nhằm bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại và xâm lược của kẻ thù là nhiệm vụ quan trọng của toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị. Đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố trong thế trận quốc phòng toàn dân, có khả năng ngăn chặn, đập tan các âm mưu và hành động phản cách mạng tại địa phương và tích cực chiến đấu bảo vệ địa phương trong mọi tình huống. Xây dựng các công trình quốc phòng trọng điểm cần thiết. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế trong quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế của cả nước và trên từng địa phương; xây dựng, củng cố vững chắc các khu căn cứ hậu phương chiến lược; chuẩn bị các phương án động viên khi cần thiết.

Xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân với chất lượng ngày càng cao. Xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, từng bước hiện đại, tinh nhuệ, với cơ cấu tổ chức

và quân số hợp lý; nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, được huấn luyện và quản lý tốt, bảo đảm khi cần thiết có thể động viên được nhanh chóng theo kế hoạch. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ rộng khắp, lấy chất lượng làm chính.

Sử dụng có hiệu quả tiềm năng lao động, lực lượng khoa học và cơ sở vật chất - kỹ thuật của quân đội để tham gia xây dựng kinh tế và củng cố hệ thống công nghiệp quốc phòng. Coi trọng đầu tư chiều sâu, phát huy năng lực sản xuất của các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng hiện có. Xây dựng và từng bước thực hiện quy hoạch dài hạn và kế hoạch 5 năm về công nghiệp quốc phòng. Hoàn thành việc chuyển các xí nghiệp quốc phòng sang cơ chế quản lý mới. Hiệu quả làm kinh tế của quân đội được xem xét trên cả hai mặt kinh tế - xã hội và quốc phòng.

Chăm lo công tác đảng, công tác chính trị. Nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ. Bổ sung và thực hiện tốt các chính sách đối với quân đội và hậu phương quân đội phù hợp với tính chất lao động đặc thù của quân đội. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và sự nghiệp quốc phòng, bảo đảm quân đội luôn luôn là lực lượng trung thành với Tổ quốc, với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân, vững vàng trong mọi tình huống.

Giữ vững *an ninh quốc gia*, bảo đảm sự ổn định chính trị của đất nước, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại của các thế lực thù địch và các loại tội phạm khác; giữ gìn *trật tự an toàn xã hội*, bảo vệ vững chắc những thành quả của cách mạng, phục vụ đắc lực công cuộc đổi mới là một nhiệm vụ trọng yếu trong sự nghiệp xây dựng và bảo

vệ Tổ quốc. Kết hợp thành chiến lược thống nhất giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ an ninh, trật tự; kết hợp củng cố nền quốc phòng toàn dân với xây dựng thế trận an ninh nhân dân. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tính tích cực cách mạng của khối đoàn kết toàn dân, phối hợp lực lượng quốc phòng và an ninh trong cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh, trật tự.

Phát động sâu rộng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng các tuyến và địa bàn an toàn về an ninh, trật tự, chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả chống các thế lực thù địch và bọn tội phạm. Sử dụng đồng bộ các biện pháp đấu tranh; kết hợp chặt chẽ phòng ngừa với tấn công, lấy phòng ngừa là cơ bản; nghiêm trị với khoan hồng, trấn áp với giáo dục cải tạo.

Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, xứng đáng là một lực lượng vũ trang xung kích trên mặt trận bảo vệ an ninh, trật tự; coi trọng củng cố lực lượng cơ sở, lực lượng nửa chuyên trách; nâng cao chất lượng của lực lượng biên phòng. Thông qua phong trào quần chúng mà phát triển công tác nghiệp vụ và rèn luyện cán bộ, chiến sĩ.

Tăng cường trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của lực lượng công an nhân dân, chú trọng lực lượng thường xuyên hoạt động trên các tuyến biên giới, những vùng xa xôi hẻo lánh và địa bàn đặc biệt.

7. Chính sách đối ngoại

Nhiệm vụ đối ngoại bao trùm trong thời gian tới là giữ vững hoà bình, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác, tạo

điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Cần nhạy bén nhận thức và dự báo được những diễn biến phức tạp và thay đổi sâu sắc trong quan hệ quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng sản xuất và xu hướng quốc tế hoá của nền kinh tế thế giới để có những chủ trương đối ngoại phù hợp. Trong điều kiện mới càng phải coi trọng vận dụng bài học kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Chúng ta chủ trương hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình.

Trước sau như một tăng cường đoàn kết và hợp tác với Liên Xô, đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hợp tác Việt - Xô nhằm đáp ứng lợi ích của mỗi nước.

Không ngừng củng cố, phát triển quan hệ đoàn kết và hữu nghị đặc biệt giữa Đảng và nhân dân ta với Đảng và nhân dân Lào, Đảng và nhân dân Campuchia anh em. Đổi mới phương thức hợp tác, chú trọng hiệu quả theo nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và lợi ích chính đáng của nhau. Phấn đấu góp phần sớm đạt được một giải pháp chính trị toàn bộ về vấn đề Campuchia, trên cơ sở tôn trọng chủ quyền của Campuchia và Hiến chương Liên hợp quốc.

Thúc đẩy quá trình bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc,

từng bước mở rộng sự hợp tác Việt - Trung, giải quyết những vấn đề tồn tại giữa hai nước thông qua thương lượng.

Củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, đoàn kết, hợp tác với Cuba và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Đảng Cộng sản Việt Nam tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân, góp phần tích cực vào sự đoàn kết và hợp tác giữa các đảng anh em trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh vì những mục tiêu cao cả của thời đại.

Đoàn kết với các lực lượng đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, sẵn sàng thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng xã hội - dân chủ, các phong trào dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

Phát triển quan hệ đoàn kết, tin cậy và nâng cao hiệu quả hợp tác nhiều mặt với Ấn Độ. Tiếp tục mở rộng hợp tác với các nước đang phát triển khác. Tích cực góp phần củng cố và tăng cường Phong trào Không liên kết.

Phát triển quan hệ hữu nghị với các nước ở Đông Nam Á và châu Á - Thái Bình Dương, phấn đấu cho một Đông Nam Á hoà bình, hữu nghị và hợp tác. Mở rộng sự hợp tác bình đẳng cùng có lợi với các nước Bắc Âu, Tây Âu, Nhật Bản và các nước phát triển khác. Thúc đẩy quá trình bình thường hoá quan hệ với Hoa Kỳ.

Góp phần làm cho Liên hợp quốc phục vụ đắc lực hơn những mục tiêu của nhân loại là hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Hợp tác với các tổ chức tài chính và tiền tệ quốc tế cũng như các tổ chức chuyên môn của Liên hợp quốc và các tổ chức phi chính phủ.

8. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước và vai trò của các đoàn thể nhân dân

Thực hiện *dân chủ xã hội chủ nghĩa* là thực chất của việc đổi mới và kiện toàn hệ thống chính trị. Đây vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới.

Điều kiện quan trọng để phát huy dân chủ là xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao trình độ dân trí, trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức tuân thủ pháp luật của nhân dân. Đổi mới công tác thông tin và quy trình ra các quyết định của Đảng và Nhà nước, để các quyết định ấy phản ánh được ý chí, nguyện vọng và trí tuệ của toàn Đảng và của nhân dân. Chống tệ quan liêu và những hành vi xâm phạm quyền dân chủ của nhân dân; ngăn chặn và khắc phục dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan, dân chủ tư sản. Nghiêm trị những hoạt động phá hoại, gây rối, thù địch.

Tiếp tục cải cách *bộ máy nhà nước* theo phương hướng: Nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, dưới sự lãnh đạo của Đảng; tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện thống nhất quyền lực nhưng phân công, phân cấp rành mạch; bộ máy tinh giản, gọn nhẹ và hoạt động có chất lượng cao trên cơ sở ứng dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật, quản lý.

Cần tập trung làm tốt một số việc:

- Sửa đổi Hiến pháp; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục sửa đổi và xây dựng hệ thống pháp luật về kinh tế, văn hoá, xã hội, về hình sự, dân sự, hành chính, về

quyền và nghĩa vụ công dân... Nâng cao trình độ của các cơ quan nhà nước về xây dựng luật pháp, sớm ban hành luật về trình tự xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, bảo đảm cho Nhà nước quản lý mọi mặt của đời sống xã hội bằng pháp luật. Thường xuyên giáo dục pháp luật, xây dựng ý thức sống và làm việc theo pháp luật trong nhân dân.

- Cải tiến tổ chức và hoạt động của Quốc hội và hội đồng nhân dân để làm đúng chức năng quy định. Đổi mới tiêu chuẩn đại biểu, chế độ bầu cử và quy chế hoạt động của Quốc hội và hội đồng nhân dân

- Sửa đổi cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của Chính phủ, coi trọng bàn bạc tập thể, đồng thời đề cao trách nhiệm và quyền hạn cá nhân của người đứng đầu Chính phủ, đứng đầu bộ trong quản lý và điều hành.

- Xác định lại chức năng, nhiệm vụ của cấp tỉnh, huyện, xã để sắp xếp lại tổ chức của mỗi cấp; đề cao quyền chủ động và trách nhiệm của địa phương, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của nhà nước trung ương. Xây dựng chính quyền cấp xã, phường vững mạnh.

- Tăng cường hiệu lực của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Đổi mới hệ thống tổ chức và hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân và Toà án nhân dân. Bảo đảm các điều kiện và phương tiện cần thiết để các cơ quan bảo vệ pháp luật làm tốt nhiệm vụ.

- Kiên quyết sắp xếp lại tổ chức và tinh giản biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp ngay từ năm 1991, làm cho bộ máy gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả. Sớm ban hành quy chế viên chức nhà nước. Xây dựng đội ngũ viên chức nhà

nước có phẩm chất chính trị, tinh thần trách nhiệm cao và thành thạo nghiệp vụ.

- Tiếp tục tiến hành kiên quyết và thường xuyên cuộc đấu tranh chống tệ tham nhũng. Phương hướng cơ bản để khắc phục tệ tham nhũng là phải xây dựng và hoàn chỉnh bộ máy, cơ chế quản lý và pháp luật; xử lý nghiêm minh những người vi phạm, đồng thời tăng cường giáo dục tư tưởng, quản lý chặt chẽ nội bộ.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cần được đổi mới về tổ chức và hoạt động để thực sự góp phần thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân; tham gia các công việc quản lý nhà nước; giữ vững và tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân. Các đoàn thể có nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức mới, động viên, phát huy tính tích cực xã hội của các tầng lớp nhân dân, đoàn kết toàn dân, phấn đấu cho sự thành công của công cuộc đổi mới.

Hình thức tổ chức và sinh hoạt của đoàn thể phải đa dạng, đáp ứng nhu cầu chính đáng về nghề nghiệp và đời sống nhân dân, ích nước lợi nhà, tương thân tương ái; thành lập và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng và tuân theo pháp luật của Nhà nước, hướng về cơ sở, sát với đoàn viên, hội viên. Khắc phục tình trạng nhà nước hoá, hành chính hoá.

Bộ máy của các đoàn thể phải rất gọn nhẹ, hoạt động đúng với tính chất tổ chức quần chúng. Cán bộ của các đoàn thể đại bộ phận không chuyên trách, được lựa chọn từ những người ưu tú trong phong trào, có năng lực, phẩm chất và có tín nhiệm với đoàn viên, hội viên.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với công tác quần chúng và các đoàn thể nhân dân. Đặc biệt quan tâm xây dựng giai cấp công nhân, giáo dục bồi dưỡng thế hệ trẻ. Mỗi đảng viên đều phải làm công tác vận động quần chúng, hoạt động tích cực trong các đoàn thể, các tổ chức xã hội.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giữ vai trò rất quan trọng trong việc củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhà nước cần thể chế hóa quyền hạn và trách nhiệm của Mặt trận, của các đoàn thể trong việc tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội; phối hợp chặt chẽ hoạt động của các đoàn thể với nhau và với các cơ quan nhà nước từng cấp.

9. Đổi mới và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng

Để lãnh đạo thắng lợi công cuộc đổi mới cũng như toàn bộ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta phải tự đổi mới và chỉnh đốn để có kiến thức, năng lực và sức chiến đấu mới, khắc phục có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực và các mặt yếu kém, khôi phục và nâng cao uy tín của Đảng trong nhân dân. Đảng phải được xây dựng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức, thực sự là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Trong 5 năm tới cần giải quyết tốt những vấn đề quan trọng và bức xúc sau đây:

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận phục vụ tốt yêu cầu nâng cao trình độ trí tuệ trong Đảng,

quán triệt và phát triển các nghị quyết Đại hội VII của Đảng, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phấn đấu thực hiện thắng lợi các kế hoạch kinh tế - xã hội, nâng cao hơn nữa lòng tin của nhân dân vào sự nghiệp đổi mới.

Tiếp tục bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, những quan điểm, đường lối của Đảng. Bồi dưỡng tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực, tự cường, kết hợp với mở rộng hợp tác quốc tế, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nêu cao cảnh giác chống mọi âm mưu và thủ đoạn chia rẽ, phá hoại của kẻ thù đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Tổ chức tốt công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, nâng cao trình độ và năng lực vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào hoàn cảnh cụ thể của nước ta, góp phần xây dựng chủ trương, chính sách của Đảng, lý giải những vấn đề mới mà cuộc sống đặt ra. Đổi mới căn bản công tác giáo dục chính trị, lý luận.

Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng theo phương hướng mà Cương lĩnh đã đề ra. Trước mắt cần tập trung làm tốt việc hoàn chỉnh và cụ thể hóa Cương lĩnh, Chiến lược, định hướng cho hoạt động của hệ thống chính trị và toàn xã hội. Bổ sung, cụ thể hóa quan điểm về công tác tổ chức, cán bộ, lãnh đạo làm chuyển biến mạnh mẽ công tác tổ chức, cán bộ. Tổ chức tốt việc kiểm tra thực hiện các quyết định của Đảng. Mọi cán bộ là đảng viên trong cơ quan nhà nước phải phục tùng sự lãnh đạo của Đảng và thực hiện sáng tạo nghị quyết của Đảng, gương mẫu chấp hành luật pháp của Nhà nước.

Quy định cụ thể mối quan hệ và lễ lối làm việc giữa Đảng với Nhà nước và các đoàn thể nhân dân ở các cấp, trước hết là ở trung ương.

Chấn chỉnh tổ chức và bộ máy của Đảng, tạo ra sự chuyển biến có ý nghĩa cách mạng trong tổ chức và bộ máy ở các cấp. Xây dựng các cấp ủy đảng từ Ban Chấp hành Trung ương đến cấp ủy đảng cơ sở thật sự có đủ trí tuệ và năng lực lãnh đạo phù hợp với yêu cầu ở mỗi cấp. Kịp thời thay đổi, bổ sung các cấp ủy viên khi cần thiết, không chờ hết nhiệm kỳ. Tiếp tục kiện toàn các ban chuyên môn của cấp ủy theo hướng tinh gọn về tổ chức và biên chế, cán bộ có chất lượng. Chấn chỉnh tổ chức và hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng cho phù hợp với sự thay đổi của các tổ chức kinh tế, xã hội và phương thức lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới. Khắc phục bằng được tổ chức cơ sở đảng kém nát. Chú ý củng cố tổ chức đảng ở các vùng tôn giáo, dân tộc thiểu số.

Phát huy dân chủ nội bộ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Bảo đảm cho mọi đảng viên thực hiện quyền dân chủ thảo luận xây dựng đường lối, chính sách của Đảng; ứng cử, bầu cử các cơ quan lãnh đạo; giám sát, kiểm tra hoạt động của cấp ủy. Đảng viên được phát biểu hết ý kiến trong quá trình chuẩn bị ra nghị quyết, trình bày quan điểm trong tổ chức, được bảo lưu ý kiến, nhưng khi đã có nghị quyết thì phải chấp hành nghiêm túc, không được tuyên truyền và hành động theo quan điểm riêng. Cấp ủy đảng cần lắng nghe ý kiến của đảng viên, không định kiến, trù dập.

Mọi cấp ủy viên có quyền và có trách nhiệm phát biểu ý kiến, tranh luận thẳng thắn, tham gia các quyết định của

cấp ủy. Chống mọi biểu hiện độc đoán, gia trưởng, áp đặt ý kiến cá nhân, không dám đấu tranh với những quan điểm và việc làm sai trái.

Tăng quyền hạn của ủy ban kiểm tra các cấp, chú trọng kiểm tra việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, kiểm tra tư cách đảng viên kể cả cấp ủy viên cùng cấp, xem xét và xử lý kỷ luật đảng viên và các tổ chức đảng theo quy định của Điều lệ Đảng.

Đẩy mạnh hơn nữa tự phê bình và phê bình, từ cơ quan lãnh đạo cao nhất đến cơ sở. Bồi dưỡng tình đồng chí, kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, tư tưởng bè phái, cục bộ.

Làm trong sạch và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Căn cứ vào tiêu chuẩn đảng viên trong giai đoạn hiện nay đã ghi trong Điều lệ Đảng (sửa đổi), mọi đảng viên phải ra sức rèn luyện, học tập để có đủ phẩm chất, kiến thức và năng lực phù hợp với nhiệm vụ được giao, nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu trong lao động và trong lối sống. Các cấp ủy đảng phải thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất và trình độ nhận thức về các mặt của đảng viên, làm tốt công tác rèn luyện và quản lý đảng viên.

Khai trừ khỏi Đảng những đảng viên thoái hóa, biến chất về chính trị và đạo đức, gây chia rẽ, bè phái, tham ô, hối lộ, úc hiếp quần chúng. Đưa ra khỏi Đảng bằng các hình thức thích hợp những đảng viên không tha thiết với Đảng, giảm sút ý chí chiến đấu, thực sự không có tác dụng đối với công tác lãnh đạo của Đảng.

Việc kết nạp đảng viên mới nhất thiết phải bảo đảm chất

lượng. Chú trọng trẻ hóa đội ngũ và tăng thêm thành phần công nhân trong Đảng.

Tiếp tục đổi mới cán bộ và công tác cán bộ, xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ vững mạnh và đồng bộ, bao gồm cán bộ lãnh đạo chính trị, cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ kinh doanh, chuyên gia trên các lĩnh vực, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, thực hiện được sự chuyển tiếp vững vàng các thế hệ cán bộ.

Tiêu chuẩn cơ bản của cán bộ lãnh đạo trong giai đoạn hiện nay là: có phẩm chất cách mạng và bản lĩnh chính trị vững vàng, có kiến thức và năng lực thực hiện đổi mới, biết tổ chức và điều hành công việc, trung thực, thẳng thắn, có lối sống lành mạnh, có khả năng đoàn kết, có phong cách dân chủ tập thể, có ý thức tổ chức kỷ luật, nói đi đôi với làm, được quần chúng tín nhiệm.

Khẩn trương xây dựng tiêu chuẩn cụ thể cho từng loại, từng chức danh cán bộ ở các cấp, các ngành và căn cứ vào đó để đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ, chấm dứt tình trạng bố trí cán bộ theo kiểu thân quen, cảm tính chủ quan.

Trong công tác cán bộ, cần coi trọng cả ba mặt: bồi dưỡng, bố trí đúng để phát huy lực lượng cán bộ hiện có; kịp thời thay những cán bộ kém năng lực, xử lý những cán bộ tham nhũng, thoái hóa, những cán bộ có quan điểm và tư tưởng chính trị lệch lạc vi phạm kỷ luật của Đảng; tích cực quy hoạch, đào tạo cán bộ dự bị ở các cấp.

Đổi mới quan điểm về cán bộ và công tác cán bộ. Thực hiện chính sách đoàn kết, động viên, phát huy mọi lực lượng cán bộ, cả ở trong Đảng và ngoài Đảng; không hẹp hòi, định kiến về lý lịch và thành phần xuất thân. Xây dựng cơ chế

phát hiện, đề bạt và bãi miễn cán bộ, bảo đảm tính dân chủ và tập thể trong công tác cán bộ. Áp dụng các hình thức thích hợp với từng lĩnh vực, từng cấp trong việc phát hiện, tìm hiểu, đánh giá, giới thiệu cán bộ. Khắc phục những hiện tượng gò ép, áp đặt, dân chủ hình thức.

Đổi mới các chế độ, chính sách đối với cán bộ, trước hết là chính sách tiền lương, bảo đảm ổn định đời sống của cán bộ, khuyến khích những người có tài, có cống hiến xuất sắc, quan tâm chăm sóc các cán bộ có công với cách mạng, cán bộ hưu trí, cán bộ hoạt động ở những vùng có nhiều khó khăn. Xoá bỏ các chế độ, chính sách mang tính bình quân và các quy định tạo ra đặc quyền đặc lợi.

Tăng cường sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và trách nhiệm trực tiếp của các cơ quan nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức sản xuất kinh doanh đối với công tác cán bộ. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đơn vị phải đích thân chăm lo công tác cán bộ. Kiện toàn các cơ quan tham mưu về công tác cán bộ, không để những người không vững vàng về chính trị, không trung thực, kém phẩm chất và năng lực làm công tác cán bộ.

Các cấp ủy và tổ chức đảng cần tăng cường lãnh đạo *Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*, nâng cao chất lượng đoàn viên và cán bộ Đoàn, phát huy vai trò Đoàn là nòng cốt trong phong trào thanh niên, xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng.

10. Một số nhiệm vụ kinh tế, xã hội cấp bách

Cùng với việc thực hiện các phương hướng đổi mới toàn diện đã nêu ở trên, để ổn định một bước tình hình kinh tế -

xã hội, tiếp tục kiểm chế và đẩy lùi lạm phát, trong thời gian trước mắt tập trung sức giải quyết một số nhiệm vụ cấp bách sau đây:

- Đẩy mạnh sản xuất lương thực, cả lúa và màu. Tăng sản lượng cây công nghiệp và chăn nuôi để tạo thêm nguồn hàng xuất khẩu. Giải quyết đủ và kịp thời các loại vật tư nông nghiệp. Giúp nông dân vốn sản xuất bằng cách mở rộng các hình thức tín dụng.

- Đối với sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp thuộc tất cả các thành phần kinh tế: tìm mọi nguồn để đáp ứng nhu cầu về nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, phụ tùng, vốn cho sản xuất; mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước và xuất khẩu; quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu và chống buôn lậu để bảo hộ sản xuất nội địa; thực hiện tiết kiệm, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế trong sản xuất kinh doanh; xử lý các cơ sở làm ăn thua lỗ kéo dài để tập trung vốn, vật tư cho những cơ sở trọng điểm, làm ăn có hiệu quả.

- Có chính sách huy động mọi nguồn vốn để bảo đảm thực hiện kế hoạch xây dựng cơ bản năm 1991 và chuẩn bị cho những công trình xây dựng trọng yếu của nền kinh tế quốc dân.

- Đẩy mạnh xuất khẩu, huy động các nguồn ngoại tệ để nhập khẩu các vật tư, hàng hóa thiết yếu cho sản xuất và đời sống, tích cực cân đối thanh toán quốc tế, góp phần duy trì các cân đối lớn của nền kinh tế.

- Mở rộng lưu thông và điều hòa hàng hóa giữa các vùng trong nước. Thương nghiệp quốc doanh làm tốt khâu bán buôn, điều hòa các loại hàng hóa thiết yếu nhất cho sản xuất

và đời sống, góp phần tích cực cân đối cung - cầu và bình ổn giá cả.

- Tăng cường quản lý nhà nước về ngân hàng, quản lý chặt chẽ việc phát hành và lưu thông tiền tệ. Tiếp tục đổi mới hoạt động ngân hàng theo hướng kinh doanh, làm tốt công tác tín dụng, tích cực tạo thêm nguồn vốn cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế; làm tốt công tác thanh toán trong nền kinh tế quốc dân.

- Ra sức phấn đấu thực hiện kế hoạch ngân sách nhà nước năm 1991. Khuyến khích phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, thu đúng và thu đủ thuế, chống thất thu thuế để tạo thêm nguồn thu cho tài chính nhà nước, đáp ứng các yêu cầu chi cần thiết trên cơ sở tiết kiệm, lấy thu để chi, giảm bớt bội chi ngân sách.

- Thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp để giải quyết đời sống cho những đối tượng đang gặp khó khăn.

Nhà nước hỗ trợ nông dân ở những nơi bị thiên tai nặng khôi phục sản xuất và ổn định đời sống, đi đôi với vận động nông dân tương trợ lẫn nhau.

Xúc tiến nghiên cứu cải cách cơ bản chế độ tiền lương, gắn với việc sắp xếp hợp lý tổ chức và biên chế, xây dựng các chế độ bảo hiểm, thực hiện việc toàn dân đóng góp vào quỹ đền ơn đáp nghĩa đối với những người có công với cách mạng.

Phấn đấu tạo thêm nhiều việc làm, kể cả cho những người dôi ra trong quá trình sắp xếp lại sản xuất, kinh doanh và bộ máy quản lý, chú trọng đào tạo lại nghề nghiệp và giúp một phần vốn cần thiết ban đầu.

- Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng và nạn buôn lậu; rà soát lại và sửa đổi, bổ sung các chính sách, quy

định của Nhà nước để tạo điều kiện đấu tranh có kết quả chống tệ tham nhũng; kịp thời xử lý nghiêm minh những trường hợp đã phát hiện, loại bỏ khỏi guồng máy những cán bộ thoái hóa, biến chất.

- Tiếp tục cuộc vận động các tầng lớp nhân dân, với lực lượng công an nhân dân làm nòng cốt, bảo đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội.

*
* *
*

Đại hội VII của Đảng khẳng định quyết tâm của Đảng và nhân dân ta tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, đưa đất nước ta vượt qua những thử thách, đi dần vào thế ổn định và phát triển năng động, vững chắc.

Trước mắt chúng ta còn nhiều khó khăn trở ngại, song cũng có những thuận lợi mới. Trên cơ sở các thành tựu đã đạt được, với bản lĩnh chính trị và truyền thống cách mạng kiên cường của Đảng và nhân dân ta, chắc chắn sự nghiệp đổi mới sẽ tiếp tục giành được những thắng lợi to lớn hơn nữa.

Đi theo con đường của chủ nghĩa Mác - Lênin, con đường mà Bác Hồ đã lựa chọn, những người cộng sản Việt Nam và toàn thể nhân dân Việt Nam đồng tâm nhất trí, đoàn kết một lòng, quyết tâm phấn đấu xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CƯƠNG LĨNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I- QUÁ TRÌNH CÁCH MẠNG VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Thực hiện Cương lĩnh năm 1930, trong suốt 45 năm, Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ và giành được những thắng lợi vĩ đại: làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do; đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, giải phóng nửa nước, miền Bắc chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa; kháng chiến chống Mỹ, cứu nước thắng lợi giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Sau thắng lợi lịch sử mùa Xuân 1975, nhân dân ta tiếp tục nêu cao chủ nghĩa yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và đã đạt những thành tựu to lớn: thiết lập chính quyền nhân dân ở cả miền Nam, thống nhất nước nhà; khôi

phục kinh tế, khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh; từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới và cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, tìm tòi, xây dựng đường lối, xác định đúng mục tiêu và phương hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng Đảng đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan: nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần; có lúc đẩy mạnh quá mức việc xây dựng công nghiệp nặng; duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp; có nhiều chủ trương sai trong việc cải cách giá cả, tiền tệ, tiền lương. Công tác tư tưởng và tổ chức cán bộ phạm nhiều khuyết điểm nghiêm trọng.

Tại Đại hội lần thứ VI, Đảng đã tự phê bình và đề ra đường lối đổi mới. Đại hội VI là cột mốc lịch sử quan trọng trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta. Công cuộc đổi mới qua hơn bốn năm đã đạt những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Tình hình kinh tế - xã hội có chuyển biến tích cực, tạo thế đi lên và khẳng định con đường chúng ta đang đi là đúng. Tuy nhiên khó khăn còn nhiều, đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

2. Từ thực tiễn cách mạng với những thành công và khuyết điểm, sai lầm, có thể rút ra những bài học lớn:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là bài học xuyên suốt quá trình cách mạng nước ta. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc

cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc vẫn là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ hữu cơ với nhau. Toàn Đảng, toàn dân tiếp tục nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ngọn cờ vinh quang mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao lại cho thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời nhân dân sẽ đưa đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh của đất nước.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Đoàn kết là truyền thống quý báu và là bài học lớn của cách mạng nước ta như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết:

"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,

Thành công, thành công, đại thành công!"

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. Ngày nay, trước cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, trước sự phát triển vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại và quá trình quốc tế hoá mạnh mẽ nền kinh tế thế giới, càng cần phải kết hợp chặt chẽ yếu tố dân tộc với yếu tố quốc tế, yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để đưa đất nước tiến lên.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng

đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo và góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, bản lĩnh chính trị và năng lực tổ chức của mình để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra. Mọi đường lối chủ trương của Đảng phải *xuất phát từ thực tế, tôn trọng quy luật khách quan.* Phải phòng và chống được những nguy cơ lớn: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hoá, biến chất của cán bộ, đảng viên.

II- QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

3. Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong *hoàn cảnh quốc tế có những biến đổi to lớn và sâu sắc.*

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đang diễn ra mạnh mẽ, cuốn hút tất cả các nước ở mức độ khác nhau. Nền sản xuất vật chất và đời sống xã hội đang trong quá trình quốc tế hoá sâu sắc, ảnh hưởng lớn tới nhịp độ phát triển lịch sử và cuộc sống các dân tộc. Những xu thế đó vừa tạo thời cơ phát triển nhanh cho các nước, vừa đặt ra những thách thức gay gắt, nhất là đối với những nước lạc hậu về kinh tế.

Trong quá trình hình thành và phát triển, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã đạt những thành tựu to lớn về nhiều mặt, đã từng là chỗ dựa cho phong trào hoà bình và cách mạng thế giới, cho việc đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt

nhân, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Nhưng, do duy trì quá lâu những khuyết tật của mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội, chậm trễ trong cách mạng khoa học và công nghệ, nhiều nước xã hội chủ nghĩa đã lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Ở một số nước, đảng cộng sản và công nhân không còn nắm vai trò lãnh đạo; chế độ xã hội đã thay đổi. Các thế lực đế quốc lợi dụng những sai lầm và khó khăn đó đẩy mạnh cuộc phản kích quyết liệt nhằm xóa bỏ các nước xã hội chủ nghĩa. Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản đang diễn ra gay gắt.

Trước mắt, chủ nghĩa tư bản còn có tiềm năng phát triển kinh tế, nhờ ứng dụng những thành tựu mới của khoa học và công nghệ, cải tiến phương pháp quản lý, thay đổi cơ cấu sản xuất, điều chỉnh các hình thức sở hữu và chính sách xã hội. Tuy vậy, chủ nghĩa tư bản vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Mâu thuẫn cơ bản vốn có của chủ nghĩa tư bản giữa tính chất xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất với chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng sâu sắc. Mâu thuẫn giữa các tầng lớp nhân dân rộng rãi với giai cấp tư sản, giữa các tập đoàn tư bản độc quyền, các công ty xuyên quốc gia, các trung tâm tư bản lớn tiếp tục phát triển. Mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển và các nước đang phát triển ngày càng tăng lên. Chính sự vận động của tất cả những mâu thuẫn đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động các nước sẽ quyết định số phận của chủ nghĩa tư bản.

Các nước độc lập dân tộc và các nước đang phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn và phức tạp, chống

nghèo nàn và lạc hậu, chống chủ nghĩa thực dân mới dưới mọi hình thức, chống sự can thiệp và xâm lược của chủ nghĩa đế quốc nhằm bảo vệ độc lập và chủ quyền dân tộc.

Nhân dân các nước đang đứng trước những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người. Đó là giữ gìn hoà bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, bảo vệ môi trường sống, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo. Việc giải quyết những vấn đề đó đòi hỏi sự hợp tác và tinh thần trách nhiệm cao của tất cả các dân tộc.

Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn hiện nay của thời đại là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc gay go, phức tạp của nhân dân các nước vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Chủ nghĩa xã hội hiện đứng trước nhiều khó khăn, thử thách. Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, *loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hoá của lịch sử.*

4. Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản, từ một xã hội vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất rất thấp. Đất nước trải qua hàng chục năm chiến tranh, hậu quả để lại còn nặng nề. Những tàn dư thực dân, phong kiến còn nhiều. Các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại chế độ xã hội chủ nghĩa và nền độc lập dân tộc của nhân dân ta.

Nhưng chúng ta cũng có những thuận lợi: chính quyền thuộc về nhân dân, nước nhà đi vào giai đoạn hoà bình xây dựng. Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt. Nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, cần cù lao động và sáng tạo. Chúng ta đã xây dựng được một số cơ

sở vật chất ban đầu. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, cùng với xu thế quốc tế hoá đời sống kinh tế thế giới là một thời cơ để phát triển.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong tình hình đất nước và thế giới như trên, chúng ta phải tiếp tục *nâng cao ý chí tự lực tự cường, phát huy mọi tiềm năng vật chất và trí tuệ của dân tộc đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế*, tìm tòi bước đi, hình thức và biện pháp thích hợp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:

- Do nhân dân lao động làm chủ.
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Để thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa, điều quan trọng nhất là phải cải biến căn bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển, chiến thắng những lực lượng cản trở việc thực hiện mục tiêu đó, trước hết là các thế lực thù địch chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, cần nắm vững *những phương hướng cơ bản* sau đây:

Một là, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, lấy liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do đảng cộng sản lãnh đạo. Thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Hai là, phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm nhằm từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao năng suất lao động xã hội và cải thiện đời sống nhân dân.

Ba là, phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện nhiều hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu.

Bốn là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hoá tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những

tinh hoa văn hoá nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Chống tư tưởng, văn hoá phản tiến bộ, trái với những truyền thống tốt đẹp của dân tộc và những giá trị cao quý của loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Năm là, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất, tập hợp mọi lực lượng phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, với tất cả các lực lượng đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Sáu là, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam. Trong khi đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng đất nước, nhân dân ta luôn luôn nâng cao cảnh giác, củng cố quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ Tổ quốc và các thành quả cách mạng.

Bảy là, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm nhiệm vụ, bảo đảm cho Đảng làm tròn trách nhiệm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Mục tiêu tổng quát phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hoá phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường. *Mục tiêu của chặng đường đầu* là: thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau.

III- NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN VỀ CHÍNH SÁCH KINH TẾ, XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH, ĐỐI NGOẠI

5. Phát triển một nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng. Kinh tế cá thể còn có phạm vi tương đối lớn, từng bước đi vào con đường làm ăn hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi. Tư bản tư nhân được kinh doanh trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh do luật pháp quy định. Phát triển kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức. Kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển mạnh, nhưng không phải là một thành phần kinh tế độc lập. Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng. Các tổ chức kinh tế tự chủ và liên kết, hợp tác và cạnh tranh trong sản xuất và kinh doanh.

Khi kết thúc thời kỳ quá độ, hình thành về cơ bản nền kinh tế công nghiệp với *cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp - dịch vụ* gắn với phân công và hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

Trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế lạc hậu lên cơ cấu kinh tế hiện đại, nền kinh tế quốc dân sẽ bao gồm nhiều

ngành, nghề, nhiều quy mô, nhiều trình độ công nghệ. Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Đẩy mạnh công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, mở rộng kinh tế đối ngoại, phát triển kinh tế dịch vụ, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng. Xây dựng nền công nghiệp nặng với bước đi thích hợp, trước hết là các ngành trực tiếp phục vụ nông nghiệp. Thực hiện chuyên môn hoá và liên kết kinh tế giữa các vùng, các địa phương. Xây dựng các trung tâm kinh tế của từng vùng, để tạo điều kiện liên kết công nghiệp với nông nghiệp, thành thị với nông thôn, phát triển giao lưu hàng hoá.

Xoá bỏ triệt để cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp, hình thành *cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Xây dựng và phát triển đồng bộ các thị trường hàng tiêu dùng, vật tư, dịch vụ, tiền vốn; sức lao động...; thực hiện giao lưu kinh tế thông suốt cả nước và với thị trường thế giới. Xác định quyền của người sở hữu, quyền của người sử dụng tư liệu sản xuất và quyền quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, bảo đảm cho mọi tư liệu sản xuất đều có người làm chủ, mọi đơn vị kinh tế đều tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Đổi mới và nâng cao hiệu lực hướng dẫn, kiểm soát và điều tiết của Nhà nước.

Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong sự phát triển lực lượng sản xuất và nâng cao trình độ quản lý, bảo đảm chất lượng và tốc độ phát triển của nền kinh tế. Các chiến lược khoa học và công nghệ nhằm mục tiêu công nghiệp hoá theo hướng hiện đại, vươn lên trình độ tiên tiến của thế

giới. Sử dụng có hiệu quả và tăng nhanh tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước. Phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật đi đôi với phát triển giáo dục và văn hoá, nâng cao dân trí.

Giáo dục và đào tạo gắn liền với sự nghiệp phát triển kinh tế, phát triển khoa học, kỹ thuật, xây dựng nền văn hoá mới và con người mới. Nhà nước có chính sách toàn diện thực hiện giáo dục phổ cập phù hợp với yêu cầu và khả năng của nền kinh tế, phát triển năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài.

Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu.

6. Chính sách xã hội đúng đắn vì hạnh phúc con người là động lực to lớn phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Phương hướng lớn của chính sách xã hội là: phát huy nhân tố con người trên cơ sở bảo đảm công bằng, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ công dân; kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội; giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần; giữa đáp ứng các nhu cầu trước mắt với chăm lo lợi ích lâu dài; giữa cá nhân với tập thể và cộng đồng xã hội.

Chính sách xã hội bảo đảm và không ngừng nâng cao *đời sống vật chất* của mọi thành viên trong xã hội về ăn, ở, đi lại, học tập, nghỉ ngơi, chữa bệnh và nâng cao thể chất. Nhà nước tạo môi trường và điều kiện cho mọi người lao động có việc làm, chăm lo cải thiện điều kiện lao động. Khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào kết quả lao động. Có chính sách bảo trợ và điều tiết hợp lý thu nhập giữa các bộ phận dân cư, các ngành và các vùng. Cải cách căn bản chế độ tiền lương trong khu vực nhà nước theo nguyên tắc phân

phối theo lao động. Chú trọng cải thiện điều kiện sống, lao động và học tập của người mẹ và của thanh thiếu niên. Chăm sóc giáo dục và bảo vệ trẻ em. Phải thật sự coi việc giảm tốc độ tăng dân số là một quốc sách. Thiết lập một hệ thống đồng bộ và đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội. Có chính sách thích đáng đối với các gia đình liệt sĩ, thương binh, bệnh binh, cán bộ lão thành, những người về hưu. Chăm lo đời sống những người già cả, neo đơn, tàn tật, mất sức lao động và trẻ mồ côi. Phát triển các công trình công cộng như trường học, bệnh viện, các công trình văn hoá, thể dục, thể thao... Khuyến khích và tạo điều kiện để tập thể và nhân dân đầu tư xây dựng nhà ở. Tuân thủ nghiêm ngặt việc bảo vệ môi trường, giữ gìn cân bằng sinh thái cho thế hệ hiện tại và mai sau.

Xây dựng nền văn hoá mới, tạo ra một *đời sống tinh thần* cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ. Phát huy vai trò văn học, nghệ thuật trong việc nuôi dưỡng, nâng cao tâm hồn Việt Nam. Khẳng định và biểu dương những giá trị chân chính, bồi dưỡng cái chân, cái thiện, cái mỹ theo quan điểm tiến bộ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém. Bảo đảm quyền được thông tin, quyền tự do sáng tạo của công dân. Phát triển các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin đa dạng, nhiều chiều, kịp thời, chân thực và bổ ích.

Kết hợp và phát huy đầy đủ vai trò của xã hội, các đoàn thể, nhà trường, gia đình, từng tập thể lao động và tập thể dân cư trong việc chăm lo bồi dưỡng hình thành *con người mới*. Đó là con người có ý thức làm chủ, ý thức trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khoẻ và lao động giỏi; sống có văn

hoá và tình nghĩa; giàu lòng yêu nước và tinh thần quốc tế chân chính. *Gia đình* là tế bào của xã hội, là cái nôi thân yêu nuôi dưỡng cả đời người, là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách. Các chính sách của Nhà nước phải chú ý tới xây dựng gia đình no ấm, hoà thuận, tiến bộ. Nâng cao ý thức về nghĩa vụ gia đình đối với mọi lớp người. *Đơn vị sản xuất, công tác, học tập, chiến đấu* phải là môi trường xây dựng phong cách lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất và hiệu quả cao, nơi thể hiện tình bạn, tình đồng chí, đồng đội, hình thành nhân cách con người mới và nền văn hoá mới.

Chính sách xã hội tác động trực tiếp đến việc hình thành một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó *các giai cấp, các tầng lớp dân cư* đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh. Phát triển giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng để xứng đáng là giai cấp tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng giai cấp nông dân về mọi mặt để xứng đáng là một lực lượng cơ bản trong việc xây dựng nông thôn mới, góp phần đắc lực vào sự nghiệp công nghiệp hoá. Đào tạo, bồi dưỡng và phát huy mọi tiềm năng của đội ngũ trí thức để tạo nguồn lực trí tuệ và nhân tài cho đất nước. Đặc biệt coi trọng việc xây dựng một đội ngũ công nhân lành nghề, những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi và các nhà khoa học, kỹ thuật có trình độ cao. Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác vì sự nghiệp "ích nước lợi nhà". Động viên sự cống hiến của đồng bào Việt Nam ở nước ngoài góp phần tích cực xây dựng quê hương xứ sở.

Thực hiện bình đẳng nam nữ về mọi mặt.

Thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết, tương trợ giữa các *dân tộc*, tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hoá, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc. Chống tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi, kỳ thị và chia rẽ dân tộc. Các chính sách kinh tế - xã hội phải phù hợp với đặc thù của các vùng và các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số.

Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng. Chống mọi hành động vi phạm tự do tín ngưỡng, đồng thời chống việc lợi dụng tín ngưỡng để làm tổn hại đến lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

7. Nhiệm vụ của quốc phòng - an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực đế quốc, phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của toàn dân và của Nhà nước. Không ngừng nâng cao giác ngộ và cảnh giác chính trị của nhân dân, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân trong điều kiện mới, với những lực lượng nòng cốt tinh nhuệ.

Sự ổn định và phát triển mọi mặt đời sống xã hội là nền tảng của quốc phòng - an ninh. Phát triển kinh tế - xã hội đi

đôi với tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng - an ninh, quốc phòng - an ninh với kinh tế trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, bảo đảm cho các lực lượng vũ trang, trong đó có công an nhân dân được trang bị kỹ thuật ngày càng hiện đại.

Xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân với số quân thường trực thích hợp theo hướng cách mạng, chính quy, từng bước hiện đại, tinh nhuệ, với lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ hùng hậu, có sức chiến đấu cao. Phát triển đường lối và nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân trong hoàn cảnh mới.

Xây dựng lực lượng công an nhân dân thật sự là một lực lượng vũ trang chính quy từng bước hiện đại, tinh nhuệ. Ngăn chặn, trừng trị kịp thời mọi hành động phá hoại của bọn phản cách mạng và tội phạm khác, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, giữ gìn tốt trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền lợi, tính mạng và tài sản của nhân dân. Kết hợp lực lượng chuyên trách, nửa chuyên trách, các cơ quan bảo vệ pháp luật với phong trào quần chúng. Kết hợp biện pháp phòng ngừa, giáo dục là cơ bản với trấn áp, trừng trị các loại tội phạm.

Chăm lo nâng cao phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị, quân sự, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ cho các lực lượng vũ trang, cho đội ngũ sĩ quan và hạ sĩ quan chuyên nghiệp. Bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ và chiến sĩ phù hợp với tính chất hoạt động của quân đội nhân dân và công an nhân dân.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an nhân dân.

8. Mục tiêu của chính sách đối ngoại là tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình.

Không ngừng củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác truyền thống với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước anh em trên bán đảo Đông Dương.

Đảng Cộng sản Việt Nam trước sau như một ủng hộ các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào cách mạng trong cuộc đấu tranh vì những mục tiêu chung của thời đại. Đảng Cộng sản Việt Nam sẵn sàng thiết lập và mở rộng quan hệ với các đảng và các lực lượng đấu tranh chống các thế lực hiếu chiến, xâm lược, áp bức bóc lột các nước chậm tiến, vì hoà bình thế giới và tiến bộ xã hội. Tham gia tích cực các tổ chức quốc tế và Phong trào Không liên kết vì mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc và phát triển.

Phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á, tích cực góp phần xây dựng khu vực này thành khu vực hoà bình và hợp tác.

Phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, giúp đỡ lẫn nhau với các nước đang phát triển.

Mở rộng sự hợp tác cùng có lợi với các nước phát triển.

IV- HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

9. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện *nền dân chủ xã hội chủ nghĩa*, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân. Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hoá bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm.

Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người, quyền đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm.

10. Là tổ chức thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, *Nhà nước* ta phải có đủ quyền lực và đủ khả năng định ra luật pháp và tổ chức, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật. Sửa đổi hệ thống tổ chức nhà nước, cải cách bộ máy hành chính, kiện toàn các cơ quan luật pháp để thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý của Nhà nước.

Nhà nước có mối liên hệ thường xuyên và chặt chẽ với nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân. Có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, lộng quyền, vô trách nhiệm, xâm phạm quyền dân chủ của công dân. Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có sự

phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của trung ương.

Nhà nước Việt Nam *thống nhất ba quyền* lập pháp, hành pháp và tư pháp, với sự *phân công rành mạch* ba quyền đó.

11. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đoàn kết toàn dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chăm lo lợi ích của các đoàn viên, hội viên, thực hiện dân chủ và đổi mới xã hội, giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng, quyền và nghĩa vụ công dân, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo phương thức hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên theo chương trình hành động chung.

Các đoàn thể nhân dân tuỳ theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã xác định, vừa vận động đoàn viên, hội viên giúp nhau chăm lo, bảo vệ các lợi ích thiết thực; vừa giáo dục nâng cao trình độ mọi mặt cho đoàn viên, hội viên; vừa tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Đảng tôn trọng tính tự chủ, ủng hộ mọi hoạt động tích cực, sáng tạo và chân thành lắng nghe ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể. Nhà nước hỗ trợ, tạo điều kiện cho Mặt trận và các đoàn thể nhân dân hoạt động có hiệu quả.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của

giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, *phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn*, ra sức nâng cao *trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo*. Giữ vững *truyền thống đoàn kết thống nhất* trong Đảng, bảo đảm đầy đủ dân chủ và kỷ luật trong sinh hoạt Đảng. Thường xuyên tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội và mọi hành động chia rẽ, bè phái. Đảng chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong sạch, có phẩm chất, năng lực, có sức chiến đấu cao. Đảng quan tâm bồi dưỡng, đào tạo lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân.

*

* *

Cương lĩnh này là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng hiện nay và trong những thập kỷ tới. Thực hiện thắng lợi Cương lĩnh này, nước nhà nhất định trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Đảng kêu gọi tất cả những người cộng sản, toàn thể đồng bào ở trong nước và ở nước ngoài mang hết tinh thần và nghị lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Cương lĩnh.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHIẾN LƯỢC ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2000

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI CÁC LỢI THẾ VÀ NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN

I- THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Nước ta bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội từ điểm xuất phát rất thấp, đến nay vẫn là một *nước nghèo và kém phát triển*.

Sau khi hoàn thành sự nghiệp giải phóng và thống nhất đất nước, nhân dân ta đã đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, mở mang giáo dục, khoa học, văn hóa, y tế.

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn ở tình trạng nông nghiệp lạc hậu, còn nặng tính chất tự cấp, tự túc. Trang bị kỹ thuật và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thấp kém. Cơ cấu kinh tế mất cân đối nặng. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp để lại nhiều hậu quả nặng nề. Nền kinh tế rất kém hiệu

quả, năng suất lao động thấp, tích lũy trong nước chưa đáng kể, còn lệ thuộc nhiều vào bên ngoài.

Khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài nhiều năm nay: lạm phát nghiêm trọng; sản xuất bấp bênh; thất nghiệp tăng; tiền lương không đủ sống; trật tự an toàn xã hội không được bảo đảm; tham nhũng và nhiều tệ nạn xã hội khác lan rộng, công bằng xã hội bị vi phạm; nếp sống văn hóa, tinh thần và đạo đức bị xói mòn; lòng tin vào Đảng và Nhà nước giảm sút.

Thực trạng nêu trên có nguồn gốc sâu xa do lịch sử để lại và hậu quả nhiều năm chiến tranh, song chủ yếu là do chúng ta đã phạm sai lầm chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong tiến trình công nghiệp hóa và trong cơ chế quản lý kinh tế. Những sai lầm đó cùng với sự trì trệ trong công tác tổ chức, cán bộ đã kìm hãm lực lượng sản xuất và triệt tiêu nhiều động lực phát triển.

2. Những quan điểm và chính sách đổi mới về kinh tế - xã hội do Đại hội VI của Đảng đề ra được cụ thể hóa và phát triển trong quá trình thực hiện, đặc biệt là những giải pháp tích cực từ cuối năm 1988 đã đưa tới những thành tựu bước đầu rất quan trọng: hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; xóa bỏ về cơ bản cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, bước đầu chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; giảm tốc độ lạm phát; đáp ứng tốt hơn nhu cầu lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng; tăng nhanh xuất khẩu và có bước phát triển mới về kinh tế đối ngoại.

Tuy nhiên, bước tiến đó chưa vững chắc. Lạm phát còn ở mức cao; sản xuất chưa ổn định; tiêu cực xã hội vẫn trầm trọng. *Đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội*.

Việc chuyển sang cơ chế thị trường còn thiếu nhất quán, chưa đồng bộ, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ; quản lý vĩ mô chưa thoát hẳn cơ chế cũ, lại buông lỏng nhiều mặt; thể chế, bộ máy và đội ngũ cán bộ chưa theo kịp yêu cầu mới.

Hậu quả của những sai lầm cũ chưa khắc phục hết, lại thêm những khó khăn mới do những khuyết điểm trong quá trình đổi mới và những biến động bất lợi trong tình hình quốc tế.

Đất nước đang chuyển biến với những thành công bước đầu về cải cách kinh tế, có thêm thuận lợi mới, đồng thời đang đứng trước những thử thách rất gay gắt.

II- CÁC LỢI THẾ VÀ NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN

1. Nguồn nhân lực và con người Việt Nam

Bước vào thập kỷ 90, nước ta có 66 triệu dân với 33 triệu người trong tuổi lao động; đến năm 2000 có khoảng 80 triệu dân với hơn 40 triệu lao động.

Nguồn lao động dồi dào, con người Việt Nam có truyền thống yêu nước, cần cù, sáng tạo, có nền tảng văn hóa, giáo dục, có khả năng nắm bắt nhanh khoa học và công nghệ... *đó là nguồn lực quan trọng nhất.*

Mặt khác, dân số tăng nhanh gây sức ép lớn về đời sống và việc làm. Người Việt Nam đang có những hạn chế về thể lực, kiến thức, tay nghề, còn mang thói quen sản xuất lạc hậu và dấu ấn của cơ chế cũ. Khắc phục được những nhược điểm đó thì nguồn nhân lực và nhân tố con người mới thật sự trở thành thế mạnh của đất nước.

2. Tài nguyên thiên nhiên

Tài nguyên thiên nhiên nước ta tương đối phong phú, đa dạng.

Điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, tài nguyên sinh vật cho phép phát triển nông - lâm - ngư nghiệp nuôi được số dân đông và có nhiều loại sản phẩm xuất khẩu. Song thiên tai thường xảy ra cũng gây nhiều thiệt hại.

Đất canh tác ít, điều kiện mở rộng có hạn, nhưng khả năng tăng vụ và thâm canh còn lớn.

Rừng bị khai thác và đốt phá bừa bãi trở nên nghèo kiệt, song nếu có chính sách và giải pháp đúng sẽ khôi phục nhanh. Khoảng 9 triệu ha rừng còn lại được bảo vệ và khai thác tốt cùng với khoảng 10 triệu ha đất trống, đồi trọc được phủ xanh và sử dụng có hiệu quả sẽ là một thế mạnh về kinh tế và môi sinh.

Vùng biển và thềm lục địa rộng lớn có nhiều tiềm năng về thủy sản, dầu khí và sa khoáng, dịch vụ hàng hải và du lịch...

Tài nguyên nước đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất và đời sống. Nguồn thủy năng có thể khai thác trên nhiều vùng, cung cấp một phần năng lượng đáng kể.

Tài nguyên khoáng sản là một nguồn lực và lợi thế quan trọng, nhưng chưa được khảo sát kỹ và mới được khai thác ở mức thấp. Một số loại có trữ lượng đáng kể như dầu khí, than, bôxít, apatít, quặng sắt, đất hiếm, đá quý, các khoáng sản dùng làm vật liệu xây dựng... Nhiều loại khác phân bố rải rác, có thể khai thác theo quy mô và công nghệ thích hợp.

3. Vị trí địa lý

Ở vào khu vực đang phát triển kinh tế năng động nhất

thế giới, lại nằm trên các tuyến giao thông quốc tế quan trọng, có nhiều cửa ngõ thông ra biển thuận lợi (kể cả cho một số nước và vùng trong khu vực), nước ta có lợi thế để mở rộng kinh tế đối ngoại, thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển thương mại và các dịch vụ hàng không, hàng hải, du lịch.

4. Cơ sở vật chất và tiềm lực khoa học - kỹ thuật

Cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có tuy thiếu đồng bộ và phần lớn lạc hậu về công nghệ, song là vốn ban đầu để đi lên, trong đó có một số cơ sở quan trọng.

Nguồn vốn của các đơn vị kinh tế và trong dân không nhỏ, có thể sớm khai thác và phát huy hiệu quả.

Đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và công nhân cùng với mạng lưới các trường đào tạo, các viện nghiên cứu còn nhiều tiềm năng. Mặt khác, so với yêu cầu phát triển, chúng ta còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm về kinh tế thị trường, thiếu những nhà kinh doanh và quản lý giỏi, những nhà khoa học và công nghệ có tài năng, những công nhân lành nghề.

5. Các nguồn lực ngoài nước

Trong thập kỷ 90, tình hình thế giới còn diễn biến phức tạp, đặt nước ta trước nhiều khó khăn gay gắt, đặc biệt là trong những năm đầu. Mặt khác, quá trình quốc tế hóa nền kinh tế thế giới, quan hệ giao lưu kinh tế và khoa học, kỹ thuật, xu thế hòa bình và hợp tác ở khu vực và trên thế giới ngày càng phát triển. Với đường lối đổi mới và cởi mở, nước ta có thể tận dụng được những khả năng to lớn về vốn, thị trường, công nghệ và kinh nghiệm quản lý của bên ngoài để bổ sung và phát huy sức mạnh trong nước.

Các nguồn lực và lợi thế nêu trên phần lớn còn ở dạng tiềm năng mà việc khai thác phải vượt qua nhiều trở ngại. Xác định đúng các quan điểm, mục tiêu và giải pháp chiến lược là điều kiện tiên quyết để biến tiềm năng thành hiện thực.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

I

Xuất phát từ mục tiêu, phương hướng cơ bản và lâu dài đã nêu trong Cương lĩnh của Đảng, Chiến lược đến năm 2000 được xây dựng theo các **quan điểm phát triển** dưới đây:

Phát triển kinh tế - xã hội theo con đường củng cố độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình thực hiện dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại trong một xã hội nhân dân làm chủ, nhân ái, có văn hóa, có kỷ cương, xóa bỏ áp bức, bất công, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người. Chiến lược kinh tế - xã hội đặt con người vào vị trí trung tâm, giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, mỗi tập thể lao động và của cả cộng đồng dân tộc, động viên và tạo điều kiện cho mọi người Việt Nam phát huy ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước. Lợi ích của mỗi người, của từng tập thể và của toàn xã hội gắn bó hữu cơ với nhau, trong đó lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp.

Mọi người được *tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp. Nền kinh tế có nhiều thành phần với nhiều dạng sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh* phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển có hiệu quả nền sản xuất xã hội. Mọi đơn vị kinh tế, không phân biệt quan hệ sở hữu đều hoạt động theo cơ chế *tự chủ kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh với nhau bình đẳng trước pháp luật.*

Nền kinh tế vận động theo *cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước* bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Khuyến khích tính năng động, sáng tạo đi đôi với thiết lập trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế. Phát huy lợi thế tương đối, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của sản xuất và đời sống, hướng mạnh về xuất khẩu, thay thế nhập khẩu những mặt hàng trong nước sản xuất có hiệu quả.

Mở rộng quan hệ kinh tế với tất cả các nước, các tổ chức quốc tế, các công ty và tư nhân nước ngoài trên nguyên tắc giữ vững độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. Phát huy tinh thần độc lập tự chủ, không ỷ lại vào bên ngoài, khai thác tối đa mọi lợi thế và nguồn lực của đất nước là điều kiện cơ bản để mở rộng có hiệu quả kinh tế đối ngoại, bảo đảm cho nền kinh tế luôn luôn phát triển trong thế chủ động.

Hiệu quả kinh tế - xã hội là tiêu chuẩn quan trọng nhất của sự phát triển. Các đơn vị kinh tế kinh doanh có hiệu quả, có lãi và thực hiện các trách nhiệm xã hội theo luật pháp. Nhà nước có chính sách khuyến khích và hỗ trợ cho các đơn vị kinh tế bị thua thiệt khi phục vụ lợi ích chung.

Phát triển mạnh *giáo dục và đào tạo*, không ngừng nâng cao năng lực *khoa học và công nghệ*, chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai để *công nghiệp hóa và hiện đại hóa*

đất nước. Kết hợp nhiều trình độ công nghệ khác nhau, tranh thủ tối đa công nghệ tiên tiến, tận dụng lợi thế của nước đi sau. Khai thác các yếu tố phát triển cả về *chiều rộng và chiều sâu*, ngày càng hướng mạnh vào chiều sâu. Tận dụng lợi thế của loại hình xí nghiệp *quy mô vừa và nhỏ.*

Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với *tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường.* Lấy phân phối theo lao động làm hình thức chính, khuyến khích làm giàu đi đôi với giảm số người nghèo, nâng cao phúc lợi xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, thực hiện nam nữ bình đẳng, tạo cơ hội cho mọi người đều được cống hiến và được hưởng thành quả của sự phát triển.

Dân chủ hóa đời sống xã hội; *quyền công dân, quyền con người và tự do cá nhân* được bảo đảm bằng pháp luật, được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật và chỉ bị ràng buộc bởi pháp luật.

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với *ổn định và đổi mới về chính trị, tăng cường củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.*

II

Mục tiêu tổng quát của Chiến lược đến năm 2000 là: *ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng và an ninh, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ XXI.* Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đến năm 2000 tăng khoảng gấp đôi so với năm 1990.

Mục tiêu này bao gồm những nội dung dưới đây:

Một là, vượt qua những khó khăn gay gắt trước mắt, *ra*

khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Đẩy lùi và khống chế lạm phát, ổn định và phát triển sản xuất, ổn định đời sống của nhân dân, thu hẹp chênh lệch trong thanh toán quốc tế; chấm dứt tình trạng xuống cấp về giáo dục, văn hóa, y tế, đẩy lùi các tệ nạn xã hội; tiếp tục đẩy mạnh cải cách kinh tế, hình thành đồng bộ cơ chế thị trường; chỉnh đốn và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, chống tham nhũng, thiết lập trật tự, kỷ cương trong kinh tế và xã hội. Nhiệm vụ này là trọng tâm của kế hoạch 5 năm 1991 - 1995.

Hai là, phấn đấu xóa nạn đói, giảm số người nghèo khổ, giải quyết vấn đề việc làm, bảo đảm các nhu cầu cơ bản, cải thiện đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của nhân dân, tăng dần tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, thu hút nhiều nguồn lực bên ngoài; tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, chuyển dịch rõ rệt cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa.

Ba là, củng cố và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí, năng lực khoa học và công nghệ đáp ứng nhu cầu của những năm 90 và chuẩn bị cho tương lai.

Bốn là, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh trong tình hình mới, bảo đảm trật tự, an toàn và môi trường hòa bình, ổn định, hợp tác cho sự nghiệp phát triển kinh tế.

Phần thứ ba

CƠ CẤU KINH TẾ

Để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu chiến lược, cơ cấu kinh tế trong những năm 90 phải chuyển dịch rõ rệt theo những hướng chính dưới đây:

- Khắc phục tính chất tự cấp tự túc, khép kín, chuyển mạnh sang nền kinh tế hàng hóa, gắn thị trường trong nước với ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu nhập khẩu.

- Phát triển nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ *quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội*; tăng tốc độ và tỷ trọng của công nghiệp, mở rộng kinh tế dịch vụ, tăng cường cơ sở hạ tầng, bước đầu đưa nền kinh tế vượt khỏi tình trạng nông nghiệp lạc hậu. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của nông nghiệp đạt khoảng 4 - 5%, của công nghiệp khoảng 10 - 12%.

- Sắp xếp lại và đổi mới quản lý để bảo đảm sự phát triển có hiệu quả của kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể; khuyến khích mọi loại hình kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao, tạo môi trường hợp tác và cạnh tranh bình đẳng giữa các đơn vị kinh tế.

- Hướng trọng điểm đầu tư và phát triển của nền kinh tế vào những ngành, những sản phẩm, những vùng đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội nhanh nhất và nhiều nhất, tạo nguồn tích lũy làm đòn xeo thúc đẩy và hỗ trợ các lĩnh vực và các vùng khác.

Quá trình chuyển dịch cơ cấu được thực hiện thông qua hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của mọi thành phần kinh tế dưới tác động của cơ chế thị trường được Nhà nước hướng dẫn và thúc đẩy bằng các công cụ quản lý vĩ mô và bằng chương trình đầu tư dựa vào nguồn vốn tập trung.

I- CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

Trong nền kinh tế thị trường, với quyền tự do kinh doanh được pháp luật bảo đảm, từ ba loại hình sở hữu cơ bản (sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân), sẽ hình thành nhiều thành phần kinh tế với những hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng.

Kinh tế quốc doanh được củng cố và phát triển trong những ngành và lĩnh vực then chốt, nắm những doanh nghiệp trọng yếu và đảm đương những hoạt động mà các thành phần khác không có điều kiện hoặc không muốn đầu tư kinh doanh. Khu vực quốc doanh được sắp xếp lại, đổi mới công nghệ và tổ chức quản lý, kinh doanh có hiệu quả, liên kết và hỗ trợ các thành phần kinh tế khác, thực hiện vai trò chủ đạo và chức năng của một công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước.

Các xí nghiệp quốc doanh tồn tại và phát triển dưới hình thức 100% vốn Nhà nước hoặc hình thức doanh nghiệp cổ phần trong đó vốn nhà nước chiếm tỷ lệ khống chế, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ kinh doanh, tự trang trải và tích lũy trong môi trường hợp tác, cạnh tranh; Nhà nước chỉ tài trợ có thời hạn cho một số cơ sở thật sự cần thiết.

Những cơ sở không cần giữ hình thức quốc doanh thì Nhà nước chuyển hình thức kinh doanh, hình thức sở hữu hoặc giải thể, đồng thời có chính sách giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động.

Kinh tế tập thể, với hình thức phổ biến là hợp tác xã, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, phát triển rộng rãi và đa dạng trong các ngành, nghề với quy mô và mức độ tập thể

hóa khác nhau, trên cơ sở tự nguyện góp vốn, góp sức của những người lao động. Tổ chức và hoạt động của hợp tác xã không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Một hộ gia đình có thể tham gia các hợp tác xã khác nhau và có quyền rút ra khỏi hợp tác xã theo điều lệ.

Ở nông thôn, trên cơ sở tăng cường vai trò đơn vị kinh tế tự chủ của hộ xã viên, các hợp tác xã hướng hoạt động vào những khâu và lĩnh vực mà hộ xã viên không có điều kiện tự làm hoặc làm kém hiệu quả hơn kinh doanh tập thể; cùng với chính quyền và các đoàn thể chăm lo các vấn đề xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Đất đai thuộc sở hữu toàn dân. Các hộ nông dân được Nhà nước giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài và cấp giấy chứng nhận. Luật pháp quy định cụ thể việc thừa kế và chuyển quyền sử dụng ruộng đất.

Kinh tế cá thể được khuyến khích phát triển trong các ngành nghề ở cả thành thị và nông thôn, không bị hạn chế việc mở rộng kinh doanh, có thể tồn tại độc lập, tham gia các loại hình hợp tác xã, liên kết với các doanh nghiệp lớn bằng nhiều hình thức.

Kinh tế tư bản tư nhân được phát triển không hạn chế về quy mô và địa bàn hoạt động trong những ngành, nghề mà luật pháp không cấm. Nhà nước có thể liên doanh bằng nhiều hình thức với tư nhân trong và ngoài nước, hình thành loại doanh nghiệp thuộc thành phần *tư bản nhà nước*.

Kinh tế gia đình không là một thành phần kinh tế độc lập nhưng được khuyến khích phát triển mạnh.

Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có thể liên kết thành các liên hiệp hoặc tập đoàn kinh doanh theo

nguyên tắc tự nguyện, trên cơ sở hiệu quả kinh tế và cùng có lợi.

Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, không phân biệt đối xử, không tước đoạt tài sản hợp pháp, không gò ép tập thể hóa tư liệu sản xuất, không áp đặt hình thức kinh doanh, khuyến khích các hoạt động có lợi cho quốc kế dân sinh.

II- CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Nông - lâm - ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới

Nông - lâm - ngư nghiệp phát triển theo hướng kinh tế hàng hóa, gắn với công nghiệp chế biến, đáp ứng nhu cầu trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu, phát huy lợi thế sinh thái, bảo vệ môi trường và tài nguyên.

Sản xuất *nông nghiệp* đi vào chuyên canh kết hợp với kinh doanh tổng hợp nhằm đạt giá trị cao nhất trên một đơn vị diện tích. thâm canh, tăng vụ là chính và mở thêm diện tích ở những nơi có điều kiện. Tăng sản lượng lương thực đủ nhu cầu trong nước, có dự trữ và xuất khẩu. Tăng nhanh tỷ trọng cây công nghiệp, cây thực phẩm và chăn nuôi. Hình thành một số vùng chuyên canh cây công nghiệp và chăn nuôi, có cả công nghiệp chế biến, dành cho thị trường ngoài nước.

Phát triển và hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, giải quyết về căn bản vấn đề tưới tiêu nước cho những vùng trọng điểm lương thực và cây công nghiệp tập trung. Tận dụng phân hữu cơ, tăng mức đáp ứng nhu cầu phân hóa học, tích

cực phòng trừ sâu bệnh. Áp dụng rộng rãi công nghệ và các biện pháp sinh học trong các khâu chính của quá trình sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, hạn chế ô nhiễm môi trường và thoái hóa đất. Từng bước cơ giới hóa có hiệu quả các khâu sản xuất chủ yếu.

Lâm nghiệp có nhiệm vụ hàng đầu là bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng và đất rừng. Đẩy nhanh việc trồng và khoanh nuôi rừng, phủ xanh và sử dụng đất trống, đồi trọc gắn liền với phân bố lao động lên trung du, miền núi, thực hiện định canh, định cư, ổn định đời sống của các dân tộc. Mọi đất rừng đều có người làm chủ trực tiếp, kể cả rừng kinh tế, rừng phòng hộ và các khu bảo tồn thiên nhiên. Kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp, gắn với công nghiệp khai thác và chế biến, kinh doanh tổng hợp đất rừng.

Ngư nghiệp phát triển đánh bắt và nuôi trồng các loại thủy, hải sản nhất là các loại có khả năng xuất khẩu. Thực hiện nghiêm quy chế bảo vệ nguồn lợi thủy, hải sản, ngăn chặn việc khai thác hủy diệt tài nguyên. Xây dựng đội ngũ lao động giỏi nghề biển, cơ sở hạ tầng và chế biến, bảo hộ nghề cá nhân dân. Phát triển lực lượng tàu thuyền khai thác vùng biển xa.

Coi trọng các công nghệ sau thu hoạch. Phát triển rộng khắp *công nghiệp chế biến* nông, lâm, thủy sản, kết hợp nhiều hình thức, trình độ công nghệ, hợp tác, liên doanh với nước ngoài để hiện đại hóa công nghệ, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm. Giảm dần và tiến tới chấm dứt việc xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu.

Phát triển kinh tế gắn với *xây dựng nông thôn mới*. Phát huy tối đa tiềm năng của kinh tế hộ nông dân, kết hợp với

hoạt động có hiệu quả của các tổ chức kinh tế hợp tác thu hút phần lớn số hộ ở nông thôn và liên kết bằng nhiều hình thức với kinh tế quốc doanh.

Phát triển mạnh các ngành nghề, đặc biệt là công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn; đưa nhanh kỹ thuật nông nghiệp và công nghệ mới đến tận hộ gia đình; giải quyết việc làm và thay đổi cơ cấu lao động, giảm bớt số lao động sản xuất nông nghiệp. Hình thành các điểm công thương nghiệp và văn hóa ở nông thôn.

Nhà nước hỗ trợ xây dựng nông thôn mới chủ yếu là về xây dựng kết cấu hạ tầng và dùng các chính sách tài chính, tín dụng, giá cả, đầu tư để khuyến khích sản xuất, tăng thu nhập và sức mua của dân cư nông thôn.

Phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ với xây dựng văn hóa mới, thực hiện những tiến bộ xã hội, đặc biệt là về giáo dục, chăm sóc sức khỏe, thu hẹp diện những gia đình thiếu đói và vùng thiếu đói. Kiến thiết nông thôn mới theo quy hoạch, hết sức hạn chế mất đất canh tác.

2. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu

Tận dụng khả năng của tất cả các thành phần kinh tế, phát triển mạnh công nghiệp hàng tiêu dùng bằng nhiều hình thức, quy mô và công nghệ thích hợp để thỏa mãn nhu cầu về các loại hàng thông thường (hàng dệt và may mặc, giấy, thuốc chữa bệnh, kim khí tiêu dùng...), tăng mức đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của nhân dân và đẩy mạnh xuất khẩu.

Tích cực tạo nguồn nguyên liệu và tăng năng lực trang bị

kỹ thuật trong nước, đồng thời đẩy mạnh nhập nguyên liệu và thiết bị mà sản xuất trong nước chưa đáp ứng được. Đổi mới thiết bị, công nghệ và bảo đảm chất lượng các loại nguyên liệu, vật liệu để tăng sức cạnh tranh của hàng hóa. Khuyến khích chế tạo mặt hàng mới.

Mở rộng các hình thức liên doanh, hợp tác với nước ngoài làm hàng xuất khẩu là một hướng ưu tiên để phát triển và hiện đại hóa các ngành công nghiệp hàng tiêu dùng.

3. Công nghiệp tư liệu sản xuất và khai thác, chế biến khoáng sản

Phát triển có chọn lựa một số ngành, trước hết hướng vào phục vụ sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Quy mô, thời điểm xây dựng và mức độ phát triển các ngành này căn cứ vào hiệu quả, khả năng đầu tư, nhất là khả năng tranh thủ vốn và kỹ thuật ngoài nước.

Xây dựng quy hoạch tổng thể và chính sách năng lượng quốc gia, ưu tiên phát triển ngành *năng lượng*.

Thực hiện quy hoạch phát triển *điện*, cân đối nguồn thủy điện và nhiệt điện cùng với mạng lưới truyền tải và phân phối; chú ý đáp ứng nhu cầu điện ở miền Trung và miền Nam.

Xúc tiến mạnh việc hợp tác và liên doanh với nước ngoài thăm dò, khai thác và chế biến *dầu khí*. Xây dựng công nghiệp lọc, hóa dầu theo công nghệ hiện đại kéo theo sự phát triển một số ngành khác đi từ nguyên liệu dầu và khí.

Ổn định và phát triển sản xuất *than* đáp ứng nhu cầu nhiên liệu, chất đốt sinh hoạt và đẩy mạnh xuất khẩu; hợp tác với nước ngoài về khai thác, vận tải, sàng tuyển, chế biến than có kỹ thuật cao.

Phát triển một số ngành *công nghiệp nguyên liệu, vật liệu*, chủ yếu là hóa chất cơ bản, phân bón, thuốc trừ sâu, vật liệu xây dựng, một số kim loại đen và màu; hợp tác khai thác, chế biến quặng sắt, bôxít, đất hiếm... Sớm phát triển các vật liệu mới và tranh thủ công nghệ hiện đại trong công nghiệp nguyên liệu, vật liệu.

Điều tra, bảo vệ và đưa nhanh vào khai thác một số khoáng sản quý hiếm.

Sắp xếp lại, đổi mới kỹ thuật, công nghệ và sản phẩm *ngành cơ khí* nhằm phục vụ trước hết nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp chế biến và vận tải; bảo đảm dịch vụ sửa chữa. Mở rộng hợp tác trong nước và với nước ngoài trong lĩnh vực cơ khí, tăng sức cạnh tranh với hàng ngoại, tận dụng khả năng làm hàng xuất khẩu.

Phát huy năng lực khoa học và công nghệ trong nước và tranh thủ hợp tác quốc tế để phát triển ngành công nghiệp *điện tử - tin học* đi thẳng vào hiện đại, góp phần đáp ứng nhu cầu về hàng điện tử thông dụng, nâng cao từng bước trình độ tự động hóa sản xuất và tin học hóa quản lý.

Nâng cao năng lực và trình độ công nghệ của ngành *xây dựng* đáp ứng các nhu cầu xây dựng trong nước và mở rộng hoạt động ở nước ngoài.

Xây dựng *công nghiệp quốc phòng* phù hợp với khả năng của nền kinh tế, làm nòng cốt cùng với các ngành công nghiệp dân dụng bảo đảm nhiệm vụ sửa chữa, phục hồi và sản xuất một phần trang bị cho lực lượng vũ trang; phân công hiệp tác giữa công nghiệp dân dụng và công nghiệp quốc phòng, đáp ứng yêu cầu động viên công nghiệp khi tình thế đòi hỏi; huy động năng lực của xí nghiệp quốc phòng làm hàng dân dụng với hiệu quả thiết thực.

4. Kinh tế dịch vụ

Mở mang kinh tế dịch vụ ở cả thành thị và nông thôn, tăng tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động.

Phát triển thương nghiệp nhiều thành phần trên cơ sở tự do lưu thông hàng hóa theo luật pháp; sắp xếp lại và củng cố thương nghiệp quốc doanh trong kinh doanh vật tư kỹ thuật và một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu. Phát triển nhanh các dịch vụ vận tải, ngân hàng, bảo hiểm, khoa học và chuyển giao công nghệ, thông tin kinh tế và quảng cáo, đầu tư, pháp lý, xuất khẩu lao động và chuyên gia...

Khai thác sự hấp dẫn của thiên nhiên, di sản văn hóa phong phú và các lợi thế khác của đất nước, mở rộng hợp tác với nước ngoài để phát triển mạnh du lịch.

5. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Cải tạo, nâng cấp và mở rộng mạng lưới *giao thông vận tải*.

Ưu tiên đường thủy, tăng năng lực cảng biển, cảng sông hiện có, xây dựng thêm cảng biển nước sâu ở phía bắc và phía nam; phát triển các phương tiện vận tải thủy, tăng thêm tàu viễn dương.

Củng cố và nâng cấp các tuyến đường sắt Bắc - Nam và liên vận quốc tế.

Nâng cấp một số trục đường bộ chính, trước hết là quốc lộ số 1, số 5 và xây dựng một số cầu quan trọng trên các tuyến này; cải tạo các quốc lộ khác. Bảo đảm giao thông thông suốt bốn mùa trên các đường liên tỉnh, liên huyện. Phát triển giao thông nông thôn, miền núi.

Hợp tác với nước ngoài để phát triển hàng không dân

dụng trong nước và trên một số tuyến quốc tế; hiện đại hoá các sân bay quốc tế.

Hiện đại hoá và nâng cao năng lực *bưu điện* quốc tế và trong nước, bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt đến nông thôn, miền núi, hải đảo; chú trọng xây dựng công nghiệp sản xuất thiết bị bưu điện.

Coi trọng xây dựng *kết cấu hạ tầng văn hoá và xã hội* ở cả thành thị và nông thôn, trước hết là nhà ở, nước sinh hoạt, cơ sở vật chất cho nghiên cứu khoa học, giáo dục, y tế và văn hoá.

Trong sự phát triển chung của nền kinh tế, mấy ngành và lĩnh vực dưới đây *có điều kiện và cần phải tăng trưởng mạnh* trong thập kỷ 90 để thúc đẩy và hỗ trợ các ngành khác:

- Sản xuất lương thực, thực phẩm.
- Chế biến nông, lâm, thuỷ sản và hàng công nghiệp xuất khẩu.
- Thăm dò, khai thác, chế biến dầu khí và một số loại khoáng sản.
- Điện, giao thông, thuỷ lợi, thông tin liên lạc.

Trong quá trình thực hiện chiến lược sẽ xác định rõ thêm những sản phẩm mũi nhọn trong các ngành và lĩnh vực nêu trên và tùy theo khả năng mới về vốn, công nghệ và thị trường mà một số ngành và sản phẩm khác có thể trở thành mũi nhọn như điện tử - tin học, vật liệu mới, du lịch, v.v..

III - HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN CÁC VÙNG

Đồng bằng giữ vị trí hàng đầu trong sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả, chăn nuôi, phát triển công nghiệp nông thôn, mở mang dịch vụ.

Tập trung sức phát triển lương thực, thực phẩm ở đồng bằng sông Cửu Long và sông Hồng; ưu tiên cho những địa bàn có ưu thế về hiệu suất đầu tư và tỷ suất hàng hoá.

Trung du và miền núi chuyển sang kinh tế hàng hoá, phát huy thế mạnh về lâm nghiệp, hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, gắn với công nghiệp chế biến, phát triển chăn nuôi, khai khoáng. Huy động mọi nguồn lực tại chỗ và của cả nước đi đôi với tranh thủ viện trợ quốc tế nhằm sử dụng triệt để và có hiệu quả đất trồng, đồi trọc. Khai thác đi đôi với bảo vệ, tái tạo các nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo đảm lợi ích của đồng bào các dân tộc. Đẩy mạnh việc khai thác khoáng sản và thuỷ năng, hình thành những trung tâm công thương nghiệp và đô thị gắn với các tổ hợp kinh tế lãnh thổ như than ở Đông Bắc, hoá chất, phân bón, luyện kim, điện ở Tây Bắc và trung du phía bắc, thuỷ điện và khai khoáng ở Tây Nguyên.

Đối với miền núi, Nhà nước hỗ trợ về đầu tư mở mang giao thông vận tải, bảo vệ môi trường, tài trợ cho y tế, giáo dục và đào tạo cán bộ người dân tộc, đồng thời thực hiện chính sách ưu đãi về tài chính, tín dụng, tiền lương... để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Vùng biển và hải đảo hướng vào khai thác, nuôi trồng và chế biến thuỷ sản, khai thác chế biến dầu khí và các sa khoáng, phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ về hàng hải, mở mang du lịch... Từng bước khai thác toàn diện các tiềm năng to lớn của kinh tế biển, phát triển kinh tế ở hải đảo, làm chủ lãnh hải và thêm lục địa, thực hiện chủ quyền đối với vùng đặc quyền kinh tế.

Các tỉnh ven biển phát huy thuận lợi mở cửa ra bên

ngoài, điều chỉnh phương hướng sản xuất và xây dựng thích nghi với điều kiện bất lợi về thiên tai, phát triển và bảo vệ kinh tế gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

Các *thành phố, thị xã, thị trấn* là những trung tâm kinh tế và văn hoá, chủ yếu là trung tâm công nghiệp và thương mại trên từng vùng lớn, nhỏ. Phương hướng phát triển đô thị là hình thành nhiều trung tâm vừa và nhỏ, phân bố hợp lý, không tập trung dân quá đông vào các thành phố lớn.

Một số địa bàn có vị trí quan trọng đối với từng vùng lớn và đối với cả nước (ở phía bắc là khu vực Hà Nội - Hải Phòng, Quảng Ninh, phía nam là khu vực thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hoà - Vũng Tàu - Côn Đảo, miền Trung là Đà Nẵng và một số thành phố cảng khác) cần thu hút đầu tư của cả nước và của nước ngoài để phát huy mạnh mẽ vai trò trung tâm kinh tế, văn hoá, khoa học và kỹ thuật, đầu mối phát triển kinh tế đối ngoại, liên kết, thúc đẩy và lôi kéo các vùng khác phát triển. Hình thành trên các địa bàn này một số khu có quy chế đặc biệt về hành chính - kinh tế thuận lợi cho đầu tư làm hàng xuất khẩu và buôn bán với bên ngoài.

Từng tỉnh, thành phố căn cứ vào chiến lược cả nước và chiến lược vùng để xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn lãnh thổ, xây dựng nông thôn, đô thị, từ địa bàn dân cư nhỏ nhất (thôn, xã) tới thị trấn, thị xã, các khu phố và thành phố. Cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư hướng vào khai thác các thế mạnh, động viên các nguồn lực của tất cả các thành phần kinh tế ở địa phương và hợp tác, liên kết với các nơi khác, kể cả với nước ngoài; *kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng*. Trung ương và địa phương cùng đầu tư vào các vùng và cơ sở sớm đưa lại hiệu quả lớn, đồng thời

trung ương hỗ trợ cho các địa bàn xung yếu về quốc phòng, một số địa phương miền núi và những nơi đang có nhiều khó khăn ở các vùng căn cứ cũ trong kháng chiến.

Phần thứ tư

CƠ CHẾ QUẢN LÝ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH LỚN

I - ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ

Tiếp tục xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, hình thành đồng bộ và vận hành có hiệu quả cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Thiết lập trật tự, kỷ cương theo cơ chế mới vừa là nội dung vừa là điều kiện để ra khỏi khủng hoảng, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

1. *Thị trường* trực tiếp hướng dẫn các doanh nghiệp lựa chọn lĩnh vực hoạt động, mặt hàng, quy mô, công nghệ và hình thức tổ chức sản xuất - kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong môi trường hợp tác và cạnh tranh.

Hình thành *thị trường hoàn chỉnh*, bao gồm cả sức lao động, vốn và tiền tệ... thông suốt trong cả nước và với thị trường thế giới. Xoá bỏ các quan hệ hiện vật còn lại trong trả lương, sử dụng nhà, đất, phương tiện đi lại...

Giá cả, tỷ giá hối đoái, lãi suất tín dụng hình thành theo cơ chế thị trường. Nhà nước dùng các biện pháp kinh tế là chủ yếu để tác động đến cung cầu trên thị trường, ổn định giá cả, chỉ định giá một số rất ít sản phẩm thuộc diện độc quyền và thiết yếu, có chính sách bảo hiểm giá cho một số nông sản và hàng xuất khẩu.

Hình thành thị trường ngoại hối chính thức tạo thuận lợi cho việc giao dịch và mua bán ngoại tệ thông qua ngân hàng theo tỷ giá thị trường. Có chính sách khuyến khích sử dụng ngoại tệ theo định hướng kế hoạch.

Phấn đấu cân bằng cán cân thanh toán quốc tế, trả được nợ đến hạn. Tạo dự trữ ngoại tệ ngày càng lớn để có thực lực điều tiết thị trường ngoại hối, làm cho tỷ giá hối đoái phản ánh đúng hơn sức mua thực tế của đồng tiền Việt Nam, tiến tới làm cho đồng tiền có khả năng chuyển đổi.

Gắn hệ thống giá nội địa với giá quốc tế; áp dụng chính sách bảo hộ hợp lý, có thời hạn đối với sản xuất nội địa, trong chừng mực không dẫn đến sự ỷ lại, làm giảm sức cạnh tranh của hàng hoá.

Tôn trọng nguyên tắc lãi suất tín dụng cao hơn mức lạm phát, lãi suất tiền vay cao hơn lãi suất tiền gửi, xoá bỏ cấp qua tín dụng, bảo đảm cho ngân hàng thương mại có điều kiện kinh doanh bình thường. Ngân hàng mở rộng hoạt động không phân biệt đối xử đến tất cả các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư.

Tạo môi trường và điều kiện cho sự *cạnh tranh hợp pháp* và sự *hợp tác, liên doanh tự nguyện, bình đẳng* giữa các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế ở trong nước và với nước ngoài. Xoá bỏ độc quyền và đặc quyền ở hầu hết các ngành và lĩnh vực kinh tế. Đối với những trường hợp không thể tránh được độc quyền, Nhà nước có cơ chế kiểm soát để tránh cửa quyền, lũng đoạn. Chấp nhận sự phá sản của những đơn vị làm ăn thua lỗ, ban hành luật phá sản.

Cả nước chấp hành *luật kinh doanh thống nhất*, áp dụng các đơn vị đo lường và tiêu chuẩn chất lượng thống nhất.

Phát triển giao thông vận tải và mạng lưới các chợ, các điểm mua bán, các cơ sở thương nghiệp trên khắp các địa bàn. Phá bỏ mọi hàng rào chia cắt giao lưu hàng hoá giữa các ngành, các địa phương trong nước.

Nâng cao *khả năng tiếp thị* (marketing) của các doanh nghiệp. Xây dựng các hiệp hội kinh doanh, tăng cường phòng thương mại và công nghiệp làm đầu mối hỗ trợ quan hệ giao dịch giữa các nhà kinh doanh trong và ngoài nước. Phát triển nhiều hình thức dịch vụ thông tin kinh tế, quảng cáo, hội chợ, triển lãm... Tạo điều kiện thuận lợi cho người sản xuất trực tiếp tìm hiểu nhu cầu thị trường, giao dịch với bạn hàng trong và ngoài nước.

Các cơ sở thương nghiệp, đặc biệt là thương nghiệp quốc doanh làm tốt chức năng đại diện cho người tiêu dùng để đặt hàng cho người sản xuất. Mở rộng quan hệ hợp đồng. Tăng cường các bảo đảm pháp lý, kinh tế và tác động của dư luận xã hội nhằm đề cao chữ "tín" trong kinh doanh, chống hàng giả, đầu cơ buôn lậu.

2. Trên cơ sở bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của các doanh nghiệp, Nhà nước tập trung thực hiện tốt những chức năng quản lý vĩ mô sau đây:

Tạo môi trường và điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh:

Bảo đảm sự ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội cho mọi người yên tâm sản xuất kinh doanh. Duy trì luật pháp, trật tự và an toàn xã hội; thi hành nhất quán các chính sách và thể chế theo hướng đổi mới; ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, khống chế lạm phát, điều tiết thị trường, ngăn ngừa và xử lý những đột biến xấu.

Xây dựng cơ sở hạ tầng bảo đảm điều kiện cơ bản cho hoạt động kinh tế: cơ sở hạ tầng vật chất (như giao thông, điện, nước, thông tin, dự trữ quốc gia...), hệ thống tài chính - tiền tệ, hệ thống pháp chế, cơ sở hạ tầng văn hoá - xã hội (giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, y tế, bảo vệ môi trường...).

- *Dẫn dắt và hỗ trợ những nỗ lực phát triển* thông qua kế hoạch và các chính sách kinh tế, sử dụng có trọng điểm các nguồn tài lực tập trung và lực lượng dự trữ, phát huy vai trò của kinh tế quốc doanh, khai thông các quan hệ bang giao và làm chỗ dựa cho các tổ chức và cá nhân trong kinh tế đối ngoại.

- *Hoạch định và thực hiện các chính sách xã hội*, bảo đảm sự thống nhất giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội.

- *Quản lý và kiểm soát việc sử dụng tài sản quốc gia* nhằm bảo tồn và phát triển các tài sản đó, trong đó có bộ phận tài sản giao cho kinh tế quốc doanh.

3. Đổi mới và hoàn thiện các công cụ quản lý vĩ mô trọng yếu của Nhà nước

- *Đổi mới việc xây dựng, ban hành và thực thi luật pháp* đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội theo cơ chế thị trường. Bảo đảm tính hệ thống của luật và các văn bản dưới luật, chú ý đến luật pháp và thông lệ quốc tế. Khẩn trương xây dựng và ban hành hệ thống luật kinh tế, luật bảo vệ môi trường, luật dân sự... Phổ cập luật pháp cho toàn dân. Phát triển các hình thức dịch vụ pháp lý. Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo các luật gia, nhất là về luật kinh tế. Kiện toàn bộ máy kiểm tra và thi hành luật pháp. Nghiên cứu việc tổ chức toà án kinh tế.

- *Tăng cường kế hoạch hoá vĩ mô* trên cơ sở đổi mới kế hoạch hoá, chuyển từ kế hoạch hoá tập trung quan liêu sang kế hoạch hoá định hướng, bảo đảm các cân đối tổng thể cơ bản của nền kinh tế (cung - cầu, tiền - hàng, thu - chi, xuất - nhập, tích lũy - tiêu dùng...). Kế hoạch nhà nước có chương trình, dự án đầu tư của Chính phủ bảo đảm điều kiện thực hiện các mục tiêu lớn, đi đôi với sử dụng các chính sách đòn bẩy kinh tế là chính để hướng dẫn và hỗ trợ các ngành, các địa phương và cơ sở phát triển theo định hướng kế hoạch.

Xây dựng hệ thống *kế toán, thống kê và thông tin kinh tế* phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh đáp ứng yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và từng bước hiện đại hoá.

- *Đổi mới căn bản hệ thống tài chính - tiền tệ*.

Chính sách *tài chính* quốc gia hướng vào việc tạo vốn, và sử dụng vốn có hiệu quả trong toàn xã hội, tăng nhanh sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, điều tiết quan hệ tích lũy - tiêu dùng theo hướng nâng dần tỷ lệ tích lũy, cải thiện từng bước vững chắc đời sống của nhân dân, thực hiện công bằng xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế.

Phấn đấu cân bằng ngân sách nhà nước một cách tích cực: nuôi dưỡng và phát triển các nguồn thu, chống thất thu, đáp ứng nhu cầu chi tiêu cần thiết phục vụ lợi ích chung của sự phát triển; nếu còn bội chi thì bù đắp bằng các nguồn vay, không dựa vào phát hành tiền.

Hoàn chỉnh pháp chế về thuế làm đòn bẩy kích thích và hướng dẫn sản xuất kinh doanh, bảo đảm nguồn thu ngân sách và điều tiết thu nhập, thực hiện công bằng xã hội. Giáo

dục toàn dân nghĩa vụ đóng thuế. Xây dựng bộ máy và phương thức thu thuế có hiệu lực, đúng luật.

Cải tổ hệ thống *ngân hàng* để hoạt động có hiệu quả, thực sự trở thành trung tâm tiền tệ, tín dụng, thanh toán, đóng vai trò nòng cốt trên thị trường vốn và tiền tệ.

Ngân hàng nhà nước làm chức năng quản lý nhà nước đối với mọi hoạt động kinh doanh tín dụng - tiền tệ, cung ứng và điều hoà lưu thông tiền tệ, ổn định giá trị đồng tiền. Các ngân hàng thương mại làm chức năng đơn vị kinh doanh tín dụng - tiền tệ, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ tài chính, chịu sự kiểm soát của ngân hàng nhà nước về chế độ chính sách tín dụng - tiền tệ. Củng cố hoạt động của các ngân hàng thương mại quốc doanh, phát triển các tổ chức tín dụng nông thôn, xúc tiến hình thành các ngân hàng cổ phần, ngân hàng liên doanh với nước ngoài. Cho phép ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh hoạt động ở Việt Nam và tạo điều kiện cho ngân hàng Việt Nam lập chi nhánh ở nước ngoài.

4. Thực hiện chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh của các xí nghiệp quốc doanh

Xí nghiệp quốc doanh có *trách nhiệm* tuân thủ luật pháp, bảo tồn và phát triển vốn được Nhà nước giao, thực hiện các nghĩa vụ do Nhà nước quy định, bao gồm cả nhiệm vụ và đơn đặt hàng mà Nhà nước giao khi thấy cần thiết.

Xí nghiệp được bảo đảm thực hiện đầy đủ *các quyền*: chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh; tự chủ về tài chính; tuyển chọn, sắp xếp lao động, trả lương và cho thôi việc theo luật lao động; giao dịch với khách hàng trong và ngoài nước; lựa

chọn hình thức liên kết, liên doanh với các đơn vị kinh tế khác, không bị hạn chế bởi địa giới hành chính.

Các liên hiệp sản xuất kinh doanh được tổ chức và hoạt động có hiệu quả, có lợi cho các đơn vị thành viên; liên hiệp không phải là cấp quản lý hành chính nhà nước trung gian. Các xí nghiệp có tư cách pháp nhân là đơn vị tự chủ kinh doanh, được quyền tham gia hoặc rút khỏi liên hiệp theo điều lệ.

Mở rộng dần các hình thức doanh nghiệp cổ phần trong khu vực quốc doanh. Phân định rõ và có tổ chức, cơ chế bảo đảm thực hiện đúng trách nhiệm, quyền hạn của chủ sở hữu tài sản và của giám đốc điều hành. Xây dựng quy chế hoạt động của tổ chức đảng và các đoàn thể trong các đơn vị kinh tế quốc doanh cho phù hợp với cơ chế mới.

II - CÁC CHÍNH SÁCH VÀ GIẢI PHÁP VỀ VỐN VÀ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

1. Chính sách và giải pháp về vốn

Tích cực *tạo vốn trong nước*. Nguồn tích lũy trong nước so với thu nhập quốc dân sản xuất từ 2 - 3% năm 1990 phải nâng lên 8 - 10% vào năm 1995 và khoảng 15% vào năm 2000, bảo đảm khoảng 1/2 đến 2/3 nhu cầu vốn phát triển trong 10 năm. Nâng dần tỷ lệ động viên thu nhập quốc dân vào ngân sách đồng thời dành phần tích lũy cần thiết cho các doanh nghiệp và nhân dân tự đầu tư.

Nguồn cơ bản để tạo vốn là làm ăn có hiệu quả, *cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng*. Mọi người có sức lao động có việc làm, mọi tài năng được trọng dụng, mọi tài

nguyên, tài sản, tiền nhàn rỗi được đưa vào phát triển kinh tế, mọi doanh nghiệp hạch toán kinh doanh đầy đủ, tự trang trải, tự phát triển và đóng góp cho Nhà nước.

Đánh giá đúng và khai thác, sử dụng có hiệu quả tài sản, tài nguyên quốc gia. Thực hiện cơ chế bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước giao cho các đơn vị kinh doanh. Nhà nước cho thuê hoặc nhượng bán một số tài sản, tài nguyên chưa được khai thác hoặc sử dụng rất kém hiệu quả, để chuyển thành vốn sống, sinh lời, đầu tư vào những lĩnh vực cần thiết.

Đi đôi với việc cải tổ hệ thống ngân hàng, xúc tiến thành lập các tổ chức bảo hiểm, phát triển các loại doanh nghiệp cổ phần, các hình thức cổ phiếu, trái phiếu, tạo điều kiện hình thành thị trường chứng khoán. Ngăn chặn tệ cho vay nặng lãi, các hiện tượng lừa đảo và đầu cơ trên thị trường vốn và tiền tệ.

Khuyến khích và bảo đảm cho mọi tổ chức và cá nhân an tâm bỏ vốn đầu tư tự kinh doanh, mua cổ phiếu, trái phiếu, mua bảo hiểm, gửi quỹ tiết kiệm nhằm huy động mọi nguồn vốn trong xã hội vào chu chuyển kinh tế.

Tranh thủ mọi khả năng và dùng nhiều hình thức *thu hút vốn ngoài nước*.

Nắm vững nguyên tắc chính sách đối ngoại, kết hợp chính sách kinh tế cởi mở với sách lược ngoại giao mềm dẻo để phá thế bao vây, cấm vận về kinh tế đối với nước ta.

Tranh thủ viện trợ và vay dài hạn lãi suất thấp. Chú trọng hình thức công ty nước ngoài đầu tư trực tiếp vào nước ta, gắn với chuyển giao công nghệ tiên tiến và đẩy mạnh xuất khẩu.

Tạo điều kiện thuận tiện cho người Việt Nam ở nước

ngoài đầu tư phát triển kinh tế, trợ giúp người thân và đóng góp xây dựng quê hương, đất nước.

Các doanh nghiệp trong nước có thể vay vốn nước ngoài để tự đầu tư với điều kiện bảo đảm chắc chắn việc trả nợ, tranh thủ công nghệ tiên tiến.

Nhà nước quản lý chặt chẽ việc vay nợ, trả nợ nước ngoài. Điều đình với các chủ nợ về cách giải quyết trước mắt các khoản nợ đến hạn trả, bảo đảm thực hiện cam kết, tạo lập tín nhiệm, tranh thủ nguồn vay mới.

Nguồn vốn của Nhà nước được tập trung đầu tư cho các cơ sở chủ yếu thuộc kết cấu hạ tầng và những công trình quan trọng khác. Các công trình đầu tư bằng vốn của Nhà nước phải được quản lý chặt chẽ từ luận chứng kinh tế kỹ thuật đến thiết kế, dự toán, thi công, kết toán... chống lãng phí và tham nhũng. Hoàn thiện cơ chế đấu thầu để áp dụng phổ biến trong xây dựng.

Các doanh nghiệp và nhân dân đầu tư sản xuất kinh doanh bằng nguồn vốn tự có, vốn cổ phần, vốn đi vay; góp phần cùng Nhà nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và công trình phúc lợi.

2. Chính sách kinh tế đối ngoại

Đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ kinh tế với mọi quốc gia, mọi tổ chức kinh tế trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi. Củng cố và tăng cường vị trí ở các thị trường quen thuộc và với các bạn hàng truyền thống, tích cực thâm nhập, tạo chỗ đứng ở các thị trường mới, phát triển các quan hệ mới.

Tăng nhanh kim ngạch và cải tiến cơ cấu *xuất khẩu* theo

hướng tăng các mặt hàng chế biến, giảm tỷ trọng các sản phẩm thô, tạo một số mặt hàng có khối lượng lớn và thị trường tương đối ổn định. Áp dụng các chính sách tỷ giá và thuế khuyến khích mạnh mẽ xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm 1991-1995 gấp 2-2,5 lần so với 5 năm trước, đến năm 2000 tăng khoảng 5 lần so với năm 1990.

Phát triển nhiều hình thức dịch vụ thu ngoại tệ, nhất là hoạt động du lịch.

Chính sách *nhập khẩu* phải phục vụ có hiệu quả cho phát triển sản xuất và đổi mới công nghệ, thúc đẩy nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hoá, đáp ứng nhu cầu cần thiết về đời sống.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý xuất nhập khẩu và quản lý ngoại tệ.

Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài vào nước ta *đầu tư, hợp tác kinh doanh*. Xây dựng thể chế đồng bộ, ổn định, thuận tiện và tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh; thống nhất đầu mối giải quyết các thủ tục và yêu cầu đầu tư của nước ngoài. Bảo đảm những điều kiện thiết yếu về cơ sở hạ tầng, phương tiện làm việc và sinh hoạt cho người nước ngoài, trước hết là ở các khu chế xuất và những địa bàn đầu mối trong quan hệ kinh tế đối ngoại. Tổ chức tốt thông tin kinh tế và chủ động chuẩn bị các dự án gọi vốn đầu tư nước ngoài. Đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh tế đối ngoại theo cơ chế mới, với các đối tượng mới.

Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và quyền hạn thành viên của nước ta trong các tổ chức quốc tế; gia nhập các tổ chức và hiệp hội kinh tế quốc tế khác khi cần thiết và có điều kiện.

III- CÁC CHÍNH SÁCH VỀ DÂN SỐ VÀ VIỆC LÀM, VỀ THU NHẬP, BẢO ĐẢM XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ SỨC KHOẺ

1. Chính sách dân số và việc làm

Thực hiện đồng bộ chiến lược *dân số* trên cả ba mặt: quy mô dân số, cơ cấu dân số và sự phân bố dân số; giảm tỷ lệ phát triển dân số mỗi năm khoảng 0,4-0,6 phần nghìn.

Thực hiện chương trình kế hoạch hoá gia đình với những giải pháp mạnh mẽ, đồng bộ dựa trên cuộc vận động xã hội rộng lớn và sâu sắc, huy động mọi lực lượng, bằng nhiều hình thức tổ chức, bảo đảm tính tự nguyện, tính thuyết phục gắn với lợi ích của các đối tượng, với việc bảo vệ sức khoẻ bà mẹ và trẻ em, với sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Giảm tỷ lệ phát triển dân số hàng năm là một nhiệm vụ quan trọng của các cấp chính quyền và đoàn thể, nhất là ở những nơi, những tầng lớp dân cư đang còn tỷ lệ sinh đẻ cao. Nhà nước đầu tư đúng mức cho chương trình này đồng thời huy động các hình thức tự nguyện góp công, góp của, tích cực tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn tài trợ của Quỹ dân số Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế khác.

Giải quyết việc làm, sử dụng tối đa tiềm năng lao động xã hội là mục tiêu quan trọng hàng đầu của chiến lược, là một tiêu chuẩn để định hướng cơ cấu kinh tế và lựa chọn công nghệ. Hướng ưu tiên là giải quyết việc làm cho những người đến tuổi lao động, đặc biệt ở thành phố và bộ đội xuất ngũ, học sinh ra trường.

Người lao động chủ động tạo việc làm và tìm việc làm. Mọi nghề mang lại thu nhập cho người lao động và có ích cho xã hội đều được tôn trọng. Nhà nước tạo điều kiện về cơ chế,

chính sách, môi trường sản xuất kinh doanh và đào tạo nghề nghiệp. Tăng nhanh tỷ trọng lao động có nghề chuyên môn, khuyến khích biết nhiều nghề.

Ban hành Luật lao động, bảo đảm cho mọi người làm chủ sức lao động của mình. Trong khuôn khổ luật pháp, mọi người được tự do học nghề và hành nghề, lựa chọn việc làm và nơi làm việc, thuê mướn nhân công. Tổ chức thị trường sức lao động, các hình thức giao dịch về việc làm; đổi mới các chính sách cư trú và hộ khẩu; mở rộng chế độ hợp đồng lao động; có chính sách ưu đãi người làm việc ở những nơi điều kiện lao động và sinh hoạt khó khăn.

Chương trình quốc gia về việc làm hướng vào phát triển một số ngành và địa bàn trọng điểm tạo được nhiều việc làm như: nuôi trồng và chế biến nông, lâm, thủy sản, làm hàng xuất khẩu, các ngành công nghiệp dùng nhiều lao động, phủ xanh và sử dụng đất trống, đồi trọc, xây dựng kết cấu hạ tầng, mở mang các ngành dịch vụ, xuất khẩu lao động.

2. Chính sách thu nhập và bảo đảm xã hội

Khuyến khích mọi người làm ăn hợp pháp để tăng thu nhập. *Trả công lao động* theo năng suất lao động, hiệu quả sản xuất - kinh doanh và hiệu suất công tác; hình thành tương quan thu nhập phù hợp với thang bậc giá trị tiến bộ trong xã hội. Nhà nước dùng thuế thu nhập để góp phần thực hiện công bằng xã hội.

Cải cách chế độ tiền lương trong khu vực nhà nước theo hướng bảo đảm tái sản xuất sức lao động, tiền tệ hoá tiền lương, xoá bao cấp và khắc phục tính chất bình quân. Cải cách tiền lương gắn với việc cải tổ bộ máy; sắp xếp lại biên

chế theo cơ chế mới, cải cách chế độ bảo hiểm. Khi giá cả biến động lớn, Nhà nước bù đắp kịp thời và thoả đáng cho những người hưởng lương và trợ cấp cố định.

Phát triển các dịch vụ bảo hiểm sản xuất và đời sống dựa trên đóng góp tự nguyện, hoạt động theo phương thức hạch toán kinh doanh, được Nhà nước bảo hộ.

Thực hiện chính sách toàn dân đóng góp để *đền ơn trả nghĩa* đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với nước; chính sách *bảo trợ* trẻ mồ côi, người tàn tật, người già cô đơn; chính sách *cứu hộ* những vùng gặp thiên tai, rủi ro và những gia đình quá nghèo khổ. Nguồn kinh phí dựa vào các quỹ xã hội, các hội từ thiện, tranh thủ sự viện trợ của các tổ chức nhân đạo quốc tế và một phần dựa vào ngân sách nhà nước.

Đổi mới chính sách *nhà ở*. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân xây dựng nhà theo quy hoạch. Người có nhà được quyền cho thuê, nhượng, bán. Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước được bán hoặc cho thuê đúng giá, tính đủ tiền nhà vào tiền lương. Các công ty nhà ở hoạt động theo cơ chế hạch toán kinh doanh, thu hồi vốn để tái đầu tư. Phát triển ngân hàng nhà ở.

3. Chính sách bảo vệ sức khoẻ

Bảo vệ, nâng cao sức khoẻ và thể chất của nhân dân, chống suy dinh dưỡng trong trẻ em, tăng chiều cao, cân nặng của thế hệ trẻ, tăng tuổi thọ trung bình của người Việt Nam.

Xoá nạn đói kinh niên và giáp hạt còn tồn tại trên một số vùng; cải thiện bữa ăn, tăng thức ăn giàu năng lượng, chất dinh dưỡng; phát triển sản xuất thực phẩm chế biến sẵn;

phấn đấu đến năm 2000 đạt mức ăn bình quân đầu người 2.400 calo/ngày.

Mở rộng và nâng cao chất lượng *phòng bệnh và chữa bệnh*; phát triển đồng bộ nền y học dự phòng, kết hợp y dược học truyền thống với y dược học hiện đại, tạo một số mũi nhọn của y học Việt Nam.

Củng cố và mở rộng mạng lưới y tế cơ sở, chăm sóc sức khoẻ ban đầu đến hộ gia đình. Thực hiện tốt các chương trình tiêm chủng miễn dịch cho trẻ em, chống bệnh sốt rét, bấu cổ. Thanh toán trên từng vùng các bệnh nhiễm trùng, ký sinh trùng, các bệnh xã hội nhiều người mắc, khống chế các bệnh phổ biến khác; ngăn chặn kịp thời bệnh SIDA. Thực hiện các chương trình cung cấp nước sạch, xử lý chất thải, xây dựng các công trình vệ sinh ở thành thị và nông thôn. Khắc phục tình trạng xuống cấp, trang bị thêm phương tiện, nâng cao chất lượng điều trị của các bệnh viện nhà nước. Phát triển các cơ sở điều dưỡng, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khoẻ người già. Xây dựng một số trung tâm y tế hiện đại. Khuyến khích, hướng dẫn và kiểm soát hoạt động của các cơ sở dịch vụ y tế tập thể và tư nhân. Phát triển sản xuất và đẩy mạnh xuất nhập khẩu đáp ứng nhu cầu dược liệu, thuốc chữa bệnh và phương tiện y tế.

Thu phí dịch vụ y tế hợp lý; đưa kinh phí bảo vệ sức khoẻ của công nhân, viên chức vào tiền lương; có chính sách trợ cấp trực tiếp cho một số đối tượng cần thiết. Mở rộng hình thức mua bảo hiểm sức khoẻ, bảo hiểm tai nạn.

Xây dựng phong trào toàn dân rèn luyện thân thể, hoạt động *thể dục, thể thao*, nhất là trong thanh, thiếu niên; kết hợp phổ cập và nâng cao. Phát triển các câu lạc bộ và hội thể dục,

thể thao hoạt động theo nguyên tắc tự quản và tự bù đắp chi phí có sự quản lý và tài trợ một phần cần thiết của Nhà nước.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH VỀ VĂN HOÁ, GIÁO DỤC, KHOA HỌC, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Chính sách văn hoá

Nâng cao đời sống văn hoá và tinh thần của nhân dân, xây dựng nền văn hoá mới, lối sống mới, con người mới, bắt đầu từ mỗi gia đình.

Chọn lọc, giữ gìn và nâng cao tinh hoa văn hoá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và của từng dân tộc; bảo tồn và phát triển ngôn ngữ và chữ viết của các dân tộc; tiếp thu những giá trị văn hoá, khoa học của nhân loại. Dùng nhiều hình thức sinh động giáo dục lý tưởng, trau dồi đạo đức, bồi dưỡng tình cảm, tâm hồn và thẩm mỹ, nâng cao trình độ hiểu biết và hưởng thụ văn hoá, nghệ thuật của nhân dân, ngăn chặn các văn hoá phẩm và hoạt động nghệ thuật gây độc hại. Hình thành nếp sống và tâm lý xã hội có sức đề kháng chống những lề thói, tư tưởng lạc hậu, lối sống thấp hèn, suy đồi đạo đức. Bảo vệ nhân phẩm của phụ nữ.

Khuyến khích tự do sáng tạo các giá trị văn hoá, vun đắp các tài năng. Giữ gìn và nâng cao các loại hình văn hoá, nghệ thuật truyền thống, bảo vệ và tôn tạo các di tích văn hoá, lịch sử. Nhà nước đầu tư thích đáng và có cơ chế quản lý thích hợp với các hoạt động văn hoá, nghệ thuật.

Tăng cường và hiện đại hoá công tác thông tin đại chúng, nâng cao chất lượng, nội dung phù hợp với các loại đối tượng,

các dân tộc và mở rộng tới các vùng xa xôi hẻo lánh; phủ sóng phát thanh, truyền hình trên cả nước.

Phát triển các hình thức hoạt động văn hoá của cả Nhà nước, tập thể và tư nhân. Khắc phục tình trạng hành chính hoá các đơn vị hoạt động văn hoá, nghệ thuật và xu hướng thương mại hoá đơn thuần trong lĩnh vực này.

2. Chính sách giáo dục và đào tạo

Chính sách giáo dục và đào tạo hướng vào bồi dưỡng nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài; xây dựng đội ngũ trí thức, nhà kinh doanh, người quản lý, chuyên gia công nghệ và công nhân lành nghề đảm đương nhiệm vụ trước mắt và chuẩn bị tốt cho đất nước và thế hệ trẻ Việt Nam bước vào thế kỷ XXI.

Đổi mới hệ thống giáo dục và đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng và đạt hiệu quả thiết thực, mở rộng quy mô phù hợp với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Đánh giá cải cách *giáo dục phổ thông* trong thời gian qua để có chủ trương phù hợp với định hướng chiến lược. Tập trung sức phổ cập giáo dục cấp I; bảo đảm cho trẻ em đến tuổi đều đi học; đại bộ phận thanh niên có học vấn từ cấp II trở lên; chống mù chữ và mù chữ lại; củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục mầm non; đẩy mạnh bổ túc văn hoá.

Phát triển nhiều hình thức hướng nghiệp, dạy và truyền nghề của Nhà nước, tập thể và tư nhân, hình thành nền *giáo dục kỹ thuật* trong xã hội. Khuyến khích các doanh nghiệp tự tổ chức đào tạo, huấn luyện và dạy nghề. Phổ biến rộng rãi các nghề phổ thông, phát triển việc dạy các nghề kỹ thuật, nghiệp vụ bằng các lớp học ngắn hạn và dài hạn, học chính

quy và không chính quy; đưa việc dạy nghề vào giáo dục phổ thông. Các phương tiện truyền thông đại chúng dành thời gian truyền bá kiến thức và giảng dạy theo chương trình.

Sắp xếp hợp lý hệ thống *đào tạo đại học và giáo dục chuyên nghiệp*; đổi mới và hiện đại hoá nội dung chương trình và phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng, chú trọng trau dồi đạo đức, nhân cách và năng lực thực hành. Trường đại học đồng thời là trung tâm văn hoá, khoa học và công nghệ, đào tạo nhân tài. Mở rộng việc đào tạo và đào tạo lại sau đại học.

Khai thác mọi tiềm năng của toàn xã hội tham gia phát triển giáo dục và đào tạo. Đề cao vai trò và trách nhiệm của gia đình trong việc giáo dục con cái, chăm sóc và bồi dưỡng thế hệ trẻ. Tạo điều kiện và khuyến khích tự học; người tự học có quyền dự thi để được cấp bằng hoặc chứng chỉ. Bảo đảm cho mọi người, trong khuôn khổ pháp luật, có quyền được dạy, được học, được thi, được chọn nghề, chọn trường, chọn thầy, được đi học nước ngoài. Hoàn chỉnh chế độ học phí. Cấp học bổng cho những học sinh giỏi và các đối tượng cần trợ cấp xã hội. Củng cố hệ thống trường quốc lập và mở rộng các hình thức trường, lớp dân lập.

Có chính sách đặc biệt để phát triển *giáo dục và đào tạo ở miền núi và vùng dân tộc thiểu số*; mở rộng và nâng cao chất lượng các trường, lớp nội trú; coi trọng việc đào tạo cán bộ và trí thức người dân tộc.

Bằng vốn ngân sách và các nguồn khác, *tăng kinh phí cho giáo dục và đào tạo*. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ giáo viên; củng cố các trường sư phạm, tôn vinh nghề dạy học và các giáo viên dạy giỏi, mẫu mực. Xây

dựng và tu bổ trường sở, bảo đảm chất lượng và số lượng sách giáo khoa, tăng thêm phương tiện dạy và học, từng bước đưa kiến thức tin học vào nhà trường, kể cả trường phổ thông.

3. Chính sách khoa học và công nghệ

Khoa học và công nghệ cùng với giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao trình độ quản lý của Nhà nước và năng lực lãnh đạo của Đảng.

Phát triển đồng bộ khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, hướng vào thực hiện các chức năng cơ bản:

- Xây dựng luận cứ khoa học cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, cho các chính sách và kế hoạch lớn.

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tiếp thu những thành tựu mới của thế giới, nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản, đồng thời góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách về kinh tế và xã hội. Chú trọng các vấn đề thuộc khoa học nhân văn.

- Làm đòn xeo phát triển lực lượng sản xuất, từng bước hiện đại hoá đất nước. Hướng trọng tâm vào nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Cải tạo, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ của các cơ sở sản xuất hiện có, cải tiến, hiện đại hoá công nghệ truyền thống; xây dựng có trọng điểm một số hướng công nghệ hiện đại: điện tử và tin học, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, các dạng năng lượng mới, công nghệ chế biến tiên tiến; hình thành một số ngành công nghiệp và dịch vụ có trình độ công nghệ cao.

- Kết hợp chặt chẽ với giáo dục và đào tạo, không ngừng nâng cao tiềm lực trí tuệ của dân tộc, xây dựng nền văn hoá mới, con người mới, xây dựng nền khoa học và công nghệ tiên tiến đủ sức giải quyết những vấn đề do cuộc sống đặt ra.

Đổi mới cơ chế quản lý khoa học, thoát ra khỏi phương thức hành chính, bao cấp; mở rộng quyền chủ động của các cơ sở nghiên cứu và triển khai.

Nhà nước giao đề tài nghiên cứu theo phương thức đặt hàng, đấu thầu. Các cơ sở nghiên cứu khoa học ký hợp đồng trực tiếp với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế để tiến hành các hoạt động nghiên cứu khác. Sản phẩm khoa học và công nghệ là một loại hàng hoá đặc biệt được trả giá xứng đáng. Nhà nước bảo hộ quyền tác giả các sản phẩm khoa học và quyền sở hữu công nghiệp.

Tăng đầu tư cho nghiên cứu khoa học và công nghệ bằng nhiều nguồn vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Ngân sách nhà nước chủ yếu được sử dụng để xây dựng các cơ sở nghiên cứu khoa học và triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu có ý nghĩa quốc gia.

Khuyến khích sáng tạo và tranh luận khoa học, phát huy dân chủ, chống độc quyền, độc tôn trong khoa học. Tổ chức tốt thông tin khoa học, đáp ứng nhu cầu thông tin cho công tác nghiên cứu. Các tổ chức và cá nhân đều có quyền nghiên cứu, làm dịch vụ khoa học và công nghệ theo pháp luật.

Sắp xếp lại các cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ theo cơ chế mới, liên kết khoa học với đào tạo và sản xuất - kinh doanh. Xây dựng một số tổ chức nghiên cứu - đào tạo - sản xuất tầm cỡ quốc gia trong một số lĩnh vực công nghệ cao, tạo ra các mũi nhọn theo kịp trình độ quốc tế.

Có chính sách và quy chế tuyển chọn, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ xứng đáng nhân tài; bảo đảm điều kiện cho cán bộ khoa học chuyên tâm vào công việc nghiên cứu.

Mở rộng, đa dạng hoá và nâng cao hiệu quả *hợp tác quốc tế* về khoa học và công nghệ, tranh thủ sự hợp tác và tài trợ của các nước, các tổ chức và cá nhân, các nhà khoa học người Việt sống ở nước ngoài. Khuyến khích các quan hệ trực tiếp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ của các tổ chức và cá nhân với bên ngoài theo luật pháp.

Đẩy mạnh phong trào toàn dân học tập, tiếp thu, ứng dụng, làm chủ các tiến bộ khoa học và công nghệ.

Coi trọng việc nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội ở miền núi; đẩy mạnh việc ứng dụng kỹ thuật mới, chuyển giao công nghệ gắn với đào tạo cán bộ kỹ thuật cho miền núi.

4. Chính sách tài nguyên và bảo vệ môi trường

Bảo vệ và sử dụng hợp lý các tài nguyên, cải thiện môi trường, ngăn chặn tình trạng hủy hoại đang diễn ra nghiêm trọng, chống xu hướng chạy theo tốc độ tăng trưởng và lợi ích trước mắt, gây hại cho môi trường. Tích cực phòng chống thiên tai.

Mọi tài nguyên đưa vào sử dụng phải nộp thuế hoặc trả tiền thuê.

Đối với các nguồn tài nguyên tái tạo, khai thác phải đi đôi với bảo vệ, tận dụng những ưu thế của thiên nhiên nhiệt đới để bồi dưỡng, phục hồi và phát triển chúng; giữ gìn *quỹ gen* sinh vật. Giữ cho được vốn *rừng*, nhất là rừng đầu nguồn và phục hồi độ che phủ của rừng lên khoảng 40% vào

năm 2000. Sử dụng hợp lý tài nguyên *đất*, hạn chế việc dùng đất canh tác vào các mục đích phi nông nghiệp; chống xói mòn và thoái hoá đất. Lập quy hoạch khai thác và sử dụng tài nguyên *nước*; giải quyết nguồn nước cho công nghiệp và sinh hoạt ở thành thị và một số vùng nông thôn; thường xuyên kiểm tra các hệ thống xử lý nước thải. Khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên *biển*, ngăn chặn nguy cơ làm cạn kiệt nguồn hải sản; chủ động phòng ngừa ô nhiễm biển khi phát triển công nghiệp dầu khí. Khai thác và sử dụng tổng hợp, có hiệu quả nhất tài nguyên *khoáng sản*. Tất cả các xí nghiệp phải có luận chứng xử lý chất thải, không gây ô nhiễm hoặc gây tiếng ồn lớn cho các khu dân cư. Có biện pháp giảm bụi trong các thành phố.

Nhà nước quy định cụ thể quyền sở hữu, quyền và trách nhiệm sử dụng tài nguyên để chấm dứt tình trạng tài nguyên vô chủ. Ban hành Luật bảo vệ thiên nhiên. Giáo dục và tuyên truyền sâu rộng việc bảo vệ tài nguyên và môi trường ngay từ lứa tuổi trẻ em. Xây dựng tổ chức bảo vệ tài nguyên và môi trường từ trung ương đến địa phương, kết hợp với phong trào quần chúng trong lĩnh vực này. Sớm tham gia và phối hợp hoạt động với các tổ chức quốc tế và khu vực trong việc bảo vệ tài nguyên, môi trường và cảnh quan.

V. TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VÀ CÁN BỘ

1. Cải cách bộ máy nhà nước nhằm nâng cao hiệu lực quản lý, tăng cường pháp quyền.

Bảo đảm quyền lực nhà nước thống nhất, phân định chức năng và quyền hạn của các cơ quan lập pháp, hành

pháp, tư pháp; phân biệt bộ máy quản lý nhà nước và các tổ chức kinh doanh; đổi mới quan hệ làm việc giữa bộ máy nhà nước với hệ thống tổ chức đảng và các đoàn thể; xây dựng cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của bộ máy nhà nước một cách khoa học, có đội ngũ cán bộ đủ năng lực. Trọng tâm *cải cách nhằm vào hệ thống hành chính* với nội dung chính là xây dựng một hệ thống hành pháp và quản lý hành chính nhà nước thông suốt từ trung ương xuống cơ sở, có đủ quyền lực, năng lực, hiệu lực.

Các bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngành hoặc lĩnh vực trong phạm vi cả nước. Chức năng quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật đối với tất cả các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế bao gồm việc xây dựng chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển ngành, quản lý khoa học và công nghệ, xây dựng và kiểm tra việc thực hiện các luật lệ, chính sách, thể chế quản lý và đào tạo cán bộ. Giảm bớt các bộ chuyên ngành, tăng cường sự điều phối hoạt động giữa các bộ.

Cơ quan *chính quyền nhà nước ở các cấp địa phương* dựa trên hệ thống thống nhất về luật pháp, chính sách và theo định hướng của kế hoạch nhà nước để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội đối với mọi tổ chức và cá nhân hoạt động trên lãnh thổ, bảo đảm thi hành pháp luật nghiêm minh, chăm lo đời sống nhân dân, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở địa phương, củng cố an ninh và quốc phòng.

Ngân sách nhà nước là một hệ thống thống nhất về chính sách, chế độ thu chi; nguồn thu và nhiệm vụ chi hàng năm có hiệu lực pháp luật, được phân cấp thực hiện tương ứng với

trách nhiệm quản lý của chính quyền từng cấp. Các cơ quan chính quyền không được lập quỹ để ngoài sổ sách kế toán. Xoá bỏ sự chia cắt, cát cứ trong quản lý kinh tế và quản lý ngân sách. Xoá bỏ sự phân biệt kinh tế trung ương và kinh tế địa phương.

Giảm bớt cấp quản lý hành chính từ trung ương đến cơ sở, thu gọn chức năng và bộ máy của cấp huyện. Xác định hợp lý quy mô và địa giới các cấp hành chính.

Cải cách tổ chức và quy chế hoạt động của các loại công sở, loại bỏ những khâu trung gian không cần thiết, tinh giản biên chế. Cải cách các thủ tục và nghiệp vụ hành chính, từng bước hiện đại hoá kỹ thuật hành chính.

2. Đổi mới căn bản công tác cán bộ phù hợp với cơ chế mới

Phân định rõ *cán bộ dân cử* hoạt động theo nhiệm kỳ và các loại *công chức, viên chức chuyên nghiệp*.

Đối với cán bộ quản lý nhà nước do dân cử, tiêu chuẩn bầu cử bao gồm cả phẩm chất, kiến thức và năng lực cần thiết để đảm đương được trách nhiệm khi được bầu.

Xây dựng quy chế công chức, viên chức trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước, hoạt động sự nghiệp, sản xuất - kinh doanh nhằm hình thành đội ngũ cán bộ chuyên môn có phẩm chất, có kiến thức, thành thạo nghề nghiệp, nắm vững pháp luật.

Phát triển đội ngũ những nhà kinh doanh giỏi thuộc nhiều tầng cỡ, từ người chủ kinh tế hộ gia đình đến người quản lý các doanh nghiệp lớn. Tạo môi trường cho những người có khả năng kinh doanh phát huy được tài năng.

Đánh giá và sử dụng cán bộ qua hiệu quả công tác thực tiễn, không phân biệt đối xử giữa đảng viên và người ngoài Đảng; xoá bỏ những định kiến về thành phần xuất thân. Sửa đổi những cơ chế, chính sách tạo kẽ hở và điều kiện cho tệ quan liêu, tham nhũng. Thanh trừng những phần tử tham nhũng, áp chế dân ở bất cứ cương vị nào; kịp thời thay thế những người không đủ khả năng thực hành chức trách. Thực hiện nguyên tắc người phụ trách công việc có quyền hạn và trách nhiệm chính trong việc tuyển chọn, sử dụng cán bộ dưới quyền.

Đổi mới công tác *đào tạo cán bộ*. Phát triển nhiều hình thức đào tạo lại, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước và các nhà kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế theo kịp yêu cầu của cơ chế quản lý mới và nắm bắt được kiến thức quản lý hiện đại.

*

* *

Chiến lược này là phương hướng hành động của nhân dân Việt Nam đến năm 2000 nhằm chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, làm giàu cho mình và cho đất nước.

Toàn Đảng, toàn dân ta khảng định quyết tâm thực hiện thành công chiến lược này, đáp ứng điều mong muốn cuối cùng của Bác Hồ để lại trong Di chúc là "*xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới*".

Phụ lục

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 1995 VÀ NĂM 2000

A- Các chỉ tiêu toàn kỳ:

Chỉ tiêu	Đơn vị	1991-1995	1996-2000	1991-2000
1. Nhịp độ tăng bình quân Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%			
- Phương án 1		5,0-5,5	8,0	6,9
- Phương án 2		6,0-6,5	8,5	7,5
2. Nhịp độ tăng bình quân Tổng sản lượng nông nghiệp	%			
- Phương án 1		3,7-4,0	4,0-4,5	4,0
- Phương án 2		4,0-4,5	4,0-4,5	4,2
3. Nhịp độ tăng bình quân Tổng sản lượng công nghiệp	%			
- Phương án 1		8,0-9,0	10,0-11,0	9,5
- Phương án 2		10-11	14-15	12,5
4. Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tỷ USD			
- Phương án 1		12	25	37
- Phương án 2		15	30	45
5. Nhịp độ tăng quỹ tiêu dùng	%	3,5-4,1	5,0-6,0	4,5-5,0
6. Nhịp độ tăng quỹ tích lũy	%	10-15	16-20	14-18
7. Tổng đầu tư XD CB	Tỷ USD			
- Phương án 1		7,7	27,3	35
- Phương án 2		10,5	34,5	45
a) Vốn trong nước				
- Phương án 1		4,1	17,9	22
- Phương án 2		5,0	20,0	25
a1) Vốn nhà nước				
- Phương án 1		2,4	7,6	10
- Phương án 2		3,0	9,0	12

Chỉ tiêu	Đơn vị	1991-1995	1996-2000	1991-2000
a2) Vốn các doanh nghiệp và nhân dân				
- Phương án 1		1,7	10,3	12
- Phương án 2		2,0	11	13
b) Vốn nước ngoài				
- Phương án 1		3,6	9,4	13
- Phương án 2		5,5	14,5	20

B. Các chỉ tiêu một số năm mốc:

Chỉ tiêu	Đơn vị	1990	1995	2000
1. Dân số	Triệu người	67,6	73,2	80-81
2. Lao động	"	32,7	37,4	42,0
3. Tỷ trọng các ngành trong thu nhập quốc dân sản xuất	%			
- Nông nghiệp		50,6	48,0	42,0
- Công nghiệp		20,2	22,0	28,0
4. Tích lũy từ nội bộ nền kinh tế	%	2,9	4,2-8,6	13-20
5. Cơ cấu tích lũy tiêu dùng	%			
- Quỹ tích lũy		8,1	14-18	23-30
- Quỹ tiêu dùng		91,9	82-86	70-77
6. Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu trong GDP	%	14,0	24-26	27-30

Lưu tại Kho Lưu trữ Trung ương Đảng.

**BÁO CÁO
XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
(KHÓA VI)**

Từ ngày thành lập đến nay, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh anh dũng, làm cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, tiến hành các cuộc kháng chiến chống xâm lược, xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước, đưa cả nước chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ngày nay Đảng đang lãnh đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng không ngừng được tôi luyện, trưởng thành và đã xây dựng nên nhiều truyền thống quý báu, thể hiện bản chất tốt đẹp của Đảng ta. Đó là *bản lĩnh chính trị vững vàng, tính kiên định cách mạng, tinh thần độc lập sáng tạo; nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; gắn bó với nhân dân; giữ gìn đoàn kết nội bộ, đoàn kết quốc tế*. Tuy có những lúc Đảng phạm sai lầm, khuyết điểm nhưng do biết công khai tự phê

bình và quyết tâm sửa chữa, nên Đảng vẫn được nhân dân tin cậy và thừa nhận là đội tiên phong chính trị, người lãnh đạo chân chính duy nhất của dân tộc.

Thực tiễn chứng tỏ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng nước ta; để lãnh đạo được cách mạng, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, xây dựng đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, có trình độ trí tuệ và năng lực lãnh đạo theo yêu cầu của từng giai đoạn cách mạng, phải phòng và chống được những nguy cơ lớn đối với một đảng lãnh đạo chính quyền là: sai lầm về đường lối, bệnh quan liêu và sự thoái hóa biến chất của cán bộ, đảng viên.

Thắng lợi của cách mạng Việt Nam và truyền thống của Đảng ta gắn liền với tên tuổi đồng chí Hồ Chí Minh - Người sáng lập Đảng, có công lao to lớn vận dụng và phát triển sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, đề ra những luận điểm cơ bản về đảng và dày công xây dựng, rèn luyện Đảng ta. Tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là biểu hiện tập trung nhất những truyền thống tốt đẹp của Đảng và của dân tộc.

Chúng ta tự hào về Đảng ta và những truyền thống tốt đẹp của Đảng, quyết tâm giữ vững, kế thừa và phát triển các truyền thống đó, ra sức khắc phục những khuyết điểm và nhược điểm, chăm lo xây dựng và bảo vệ Đảng, làm cho Đảng đủ sức lãnh đạo cách mạng Việt Nam tiếp tục tiến lên.

Tại Đại hội VII của Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đã trình Đại hội nhiều văn kiện quan trọng. Nhiệm vụ chủ yếu của báo cáo này là trình bày tình hình Đảng và công tác

xây dựng đảng từ sau Đại hội VI đến nay, nêu ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng đảng trong thời gian tới và những vấn đề lớn về sửa đổi Điều lệ Đảng để Đại hội xem xét và quyết định.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH ĐẢNG VÀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

Thời gian từ Đại hội VI đến nay là một chặng đường có nhiều thử thách lớn đối với Đảng ta, nhân dân ta. Trong tình hình đất nước có nhiều khó khăn, kinh tế - xã hội khủng hoảng, thế giới có những diễn biến hết sức phức tạp, Đảng đã kiên trì lý tưởng xã hội chủ nghĩa, lãnh đạo nhân dân vượt mọi khó khăn, từng bước đưa đường lối Đại hội VI vào cuộc sống và đã thu được *những thành tựu bước đầu rất quan trọng*.

Bám sát yêu cầu của công cuộc đổi mới, thực hiện phương hướng xây dựng đảng do Đại hội VI đề ra, *công tác xây dựng đảng đã đạt một số kết quả:*

- Trong Đảng tiếp tục có sự đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, bước đầu hình thành hệ thống các quan điểm và nguyên tắc chỉ đạo sự nghiệp đổi mới ở nước ta.

Qua tổng kết hoạt động thực tiễn phong phú từ cơ sở, với tinh thần độc lập và sáng tạo, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã cụ thể hóa và phát triển Nghị quyết Đại hội, đề ra nhiều chủ trương, chính sách về đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý, về quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Việc khẳng định phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành

phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, mở rộng quan hệ với bên ngoài, mở rộng dân chủ trong đời sống xã hội là bước chuyển rất quan trọng, đánh dấu sự tiến bộ trong tư duy lý luận gắn liền với hoạt động thực tiễn của Đảng ta.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, Đảng đã đề ra những nguyên tắc định hướng công cuộc đổi mới ở nước ta, trên cơ sở đó xây dựng sự nhất trí trong Đảng, phê phán những nhận thức mơ hồ, những quan điểm lệch lạc, nâng cao ý thức cảnh giác đối với mọi âm mưu phá hoại và chống đối.

- Thực hiện dân chủ trong Đảng và lãnh đạo thực hiện dân chủ trong xã hội một cách đúng hướng, vừa phát huy trí tuệ tập thể, thực hiện quyền công dân, vừa bảo đảm sự ổn định về chính trị.

Trong sinh hoạt của nhiều cấp ủy và tổ chức đảng, đã có không khí thảo luận thẳng thắn, phát huy trí tuệ của đông đảo cán bộ, đảng viên trong việc chuẩn bị các đề án, nghị quyết, trong việc bầu cử các cơ quan lãnh đạo. Nhiều cấp ủy đảng thực hiện tốt hơn chế độ kiểm điểm công tác, tự phê bình và phê bình. Ban Chấp hành Trung ương đã kiểm điểm việc chấp hành Nghị quyết Đại hội vào giữa nhiệm kỳ; các ủy viên Bộ Chính trị tự phê bình trước Ban Chấp hành Trung ương.

Với cơ chế và chính sách mới, đã bước đầu mở rộng quyền tự chủ của các cơ sở kinh tế, phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, tạo điều kiện cho mọi người được tự do sản xuất, kinh doanh theo pháp luật. Đã tích cực thực hiện việc lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến của nhân dân tham gia xây

dựng các chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Chú ý nâng cao vai trò của các cơ quan dân cử và các đoàn thể nhân dân. Các phương tiện thông tin đại chúng và các hoạt động văn hóa, văn nghệ có một số đổi mới với nội dung phong phú hơn trước, thảo luận công khai các ý kiến khác nhau, đấu tranh phê phán các hiện tượng tham nhũng, tiêu cực, biểu dương những nhân tố mới.

Kết quả về thực hiện dân chủ trong Đảng và trong xã hội tuy mới là bước đầu, còn nhiều hạn chế, nhưng đã góp phần quan trọng thúc đẩy công cuộc đổi mới.

- Đã có những cố gắng trong việc làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên.

Nhiều cấp ủy và tổ chức đảng đã triển khai thực hiện Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 05 của Ban Chấp hành Trung ương, tăng cường kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng; thông qua tự phê bình và phê bình, lấy ý kiến quần chúng để đánh giá, xem xét tư cách đảng viên; giải quyết nhiều vụ việc tiêu cực, thư tố cáo cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật đảng và pháp luật nhà nước; bố trí lại đội ngũ cốt cán. Từ sau Đại hội VI đến tháng 12-1990 đã thi hành kỷ luật 206.181 đảng viên, trong đó đưa ra khỏi Đảng 78.206 người.

Đợt củng cố, làm trong sạch Đảng trước Đại hội VII gắn với đấu tranh chống tham nhũng được chỉ đạo tích cực hơn, đạt một số kết quả. Đại hội đảng bộ hai cấp tiến hành vào cuối năm 1988 đầu năm 1989 và đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội VII vừa qua thật sự là các đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng của toàn Đảng, góp phần quan trọng nâng cao ý

thức đảng, ý thức trách nhiệm của đông đảo cán bộ, đảng viên đối với sự nghiệp cách mạng.

Từ sau Đại hội VI đến nay, các tổ chức đảng đã kết nạp 303.237 đảng viên mới, trong đó có 68,4% là đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, góp phần tăng thêm sức chiến đấu mới cho Đảng. Đến cuối năm 1990, toàn Đảng có 2.155.022 đảng viên, sinh hoạt trong 43.088 chi bộ và đảng bộ cơ sở (dưới đảng ủy cơ sở có 121.311 chi bộ).

Trải qua đấu tranh cách mạng lâu dài và hơn bốn năm tiến hành công cuộc đổi mới, số đông đảng viên mà nòng cốt là đội ngũ cán bộ chủ chốt từ trung ương đến cơ sở đã thể hiện phẩm chất chính trị vững vàng trước mọi thử thách, nhất là trước những biến động hết sức phức tạp của tình hình thế giới; đã kiên định và quyết tâm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng. Trình độ nhận thức lý luận và thực tiễn của nhiều cán bộ, đảng viên đã được nâng lên thể hiện rõ trong việc đóng góp ý kiến vào các văn kiện Đại hội VII ở đại hội đảng bộ các cấp vừa qua. Những cán bộ, đảng viên và những tổ chức đảng năng động, sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ, đã đóng góp cho Đảng những kinh nghiệm tốt, góp phần bổ sung đường lối, chính sách của Đảng.

- Đã thực hiện một bước việc kiện toàn tổ chức và đổi mới cán bộ.

Trên cơ sở nhận thức mới về chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị, nhất là trong điều kiện đổi mới chính sách và cơ chế quản lý, đã tiến hành một bước việc đổi mới cán bộ các cấp, các ngành, sắp xếp lại một số tổ chức, tinh giản biên chế, bỏ bớt một số khâu trung gian. Ở nông thôn, phù hợp với yêu cầu tổ chức lại sản xuất, đổi mới cơ chế

quản lý nông nghiệp, nhiều chi bộ đảng được sắp xếp lại theo địa bàn dân cư (thôn, xóm, ấp, bản) kết hợp với tổ chức theo đơn vị sản xuất, công tác.

Đã có sự cải tiến nhất định trong quan hệ làm việc giữa Trung ương Đảng với Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng và các đoàn thể; giữa cấp ủy đảng với cơ quan nhà nước và đoàn thể ở các cấp; khắc phục một phần tình trạng cấp ủy đảng bao biện làm thay công việc của các cơ quan nhà nước và đoàn thể. Có tiến bộ nhất định trong lãnh đạo, quản lý ở tầm vĩ mô và phát huy quyền chủ động của các đơn vị cơ sở.

Các cấp, các ngành đã chú ý bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ những kiến thức, kinh nghiệm mới về lãnh đạo và quản lý. Đồng thời đã điều chỉnh, sắp xếp lại nhiều cán bộ lãnh đạo và quản lý, tăng thêm một số cán bộ trẻ được đào tạo cơ bản, có triển vọng; thay đổi nhiều cán bộ kém năng lực và phẩm chất không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Chú trọng bố trí cán bộ trong các cơ quan nhà nước, cho các chương trình kinh tế, các ngành và đơn vị trọng điểm. Đã có một số đổi mới về quan điểm đánh giá cán bộ, cải tiến một bước sự phân công, phân cấp quản lý cán bộ. Có tiến bộ hơn về thực hiện nguyên tắc tập thể, dân chủ trong bầu cử và bổ nhiệm cán bộ.

Cần đánh giá đúng những kết quả và chuyển biến tích cực nêu trên và khẳng định đó là mặt cơ bản. Đồng thời phải thấy hết những yếu kém và khuyết điểm thể hiện tập trung nhất ở các mặt:

- Trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo của Đảng ở các cấp nói chung còn thấp, chưa chuyển kịp theo yêu cầu đổi mới.

Vẫn còn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn nảy sinh trong

công cuộc đổi mới chưa được làm sáng tỏ. Một số quan điểm và chủ trương lớn của Đảng chưa được cụ thể hóa một cách đồng bộ. Trình độ các mặt của cán bộ, đảng viên, nhất là trình độ và kinh nghiệm quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, lãnh đạo sản xuất kinh doanh theo cơ chế quản lý mới còn nhiều mặt yếu. Sự nhất trí đối với một số chủ trương, chính sách chưa cao. Trong Đảng vừa có những biểu hiện bảo thủ, vừa có khuynh hướng nóng vội, bất chước cách làm của nước khác; cũng có cả tư tưởng dao động, cơ hội về chính trị.

- Nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đổi mới còn chậm, cơ cấu tổ chức còn nhiều bất hợp lý, bộ máy vẫn cồng kềnh, kém hiệu quả.

Chuyển sang thực hiện cơ chế mới, chúng ta lúng túng trong việc xác định chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ và lề lối làm việc giữa Đảng với các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, nhất là giữa Đảng với Nhà nước ở tất cả các cấp. Nhiều cấp ủy và tổ chức đảng vẫn còn ôm đồm bao biện công việc của chính quyền và các đoàn thể, đồng thời lại có những biểu hiện buông lỏng và xem nhẹ vai trò lãnh đạo của Đảng trên một số lĩnh vực và ở một số loại hình cơ sở (như xí nghiệp, cơ quan, trường học...). Công tác quần chúng của Đảng chưa được quan tâm đúng mức và chưa có sự đổi mới cơ bản.

Còn nhiều vướng mắc trong quan hệ lãnh đạo, quản lý giữa ngành và lãnh thổ, trong việc xác định cơ cấu bộ máy hành chính các cấp, hệ thống tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở và chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Tổ chức bộ máy và biên chế các cơ quan đảng, nhà nước và đoàn thể ở các cấp vẫn nặng nề. Việc tinh giản bộ máy đạt kết quả thấp do thiếu những phương án tổng thể khoa học,

thiếu biện pháp đồng bộ, chỉ đạo không tập trung, kiên quyết. Số tổ chức cơ sở đảng yếu kém còn nhiều, có nơi mất sức chiến đấu.

- Đội ngũ cán bộ tuy có thay đổi khá nhiều nhưng chưa tạo ra chất lượng mới, công tác cán bộ có nhiều khuyết điểm.

Số cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực đảm đương tốt nhiệm vụ trong thời kỳ mới chưa nhiều, hoặc chưa được phát hiện và sử dụng hợp lý. Còn thiếu nhiều cán bộ giỏi về quản lý nhà nước, quản lý sản xuất, kinh doanh và chuyên gia đầu ngành. Vẫn còn tình trạng "hụt hẫng", lúng túng trong bố trí hạt nhân lãnh đạo ở các cấp, kể cả ở cấp chiến lược. Đó là do công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm chưa tốt; quản lý cán bộ chưa khoa học, nắm cán bộ không chắc. Trong nhận xét, đánh giá, bố trí, đề bạt cán bộ, không ít trường hợp còn theo quan điểm cũ, thiếu dân chủ, có khi còn lệ thuộc vào ý kiến của một vài cán bộ có thẩm quyền. Tư tưởng cá nhân, cục bộ địa phương, phong kiến còn nặng làm cho việc đánh giá, sử dụng cán bộ nhiều khi thiếu chính xác. Chưa có cơ chế hợp lý để phát hiện và lựa chọn nhân tài, thay đổi, bãi miễn những cán bộ không đủ phẩm chất hoặc năng lực đảm đương nhiệm vụ. Chậm đổi mới công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo yêu cầu mới. Chính sách đãi ngộ cán bộ còn nhiều bất hợp lý nhưng vẫn chưa được cải tiến một cách căn bản.

- Dân chủ trong Đảng còn hạn chế, kỷ luật không nghiêm, một số nơi mất đoàn kết nghiêm trọng.

Không ít cấp ủy và tổ chức đảng thiếu tôn trọng và phát huy quyền của đảng viên, ít lắng nghe ý kiến cấp dưới.

Không ít cán bộ lãnh đạo chưa quen với những thông tin ngược chiều, không thích nghe ý kiến khác với ý kiến của mình. Còn thiếu những cơ chế cụ thể có hiệu lực bảo đảm phát huy dân chủ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng. Có những quy định trong Điều lệ Đảng, trong các quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương và các cấp ủy không được chấp hành nghiêm túc. Hiện tượng cán bộ lãnh đạo độc đoán, mệnh lệnh, trù dập, ức hiếp quần chúng còn xảy ra ở một số nơi, có khi rất trắng trợn. Trong khi tình trạng mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức còn nặng thì những biểu hiện dân chủ cực đoan, tự do vô kỷ luật cũng không ít. Tệ bè cánh, mất đoàn kết ở một số cấp ủy và cơ quan lãnh đạo rất nghiêm trọng. Công tác tư tưởng, công tác kiểm tra chưa thường xuyên và chặt chẽ, nhiều lúc thiếu sắc bén, kịp thời, còn hữu khuynh trong đấu tranh chống tiêu cực và các quan điểm sai trái, lệch lạc. Vẫn còn tình trạng "ô dù" bao che lẫn nhau làm cho việc xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật đảng, pháp luật nhà nước không nghiêm, còn "nhẹ trên, nặng dưới", để các hiện tượng tiêu cực phát triển, gây thắc mắc, bất bình trong Đảng và trong nhân dân.

- Nhiều đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, một bộ phận đã tha hóa, tham nhũng, xa dân, làm giảm sút nghiêm trọng uy tín của Đảng.

Trong đội ngũ đảng viên, bộ phận thực sự tiên phong gương mẫu, đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới cả về năng lực, phẩm chất chiếm tỷ lệ chưa cao. Là một Đảng có lịch sử đấu tranh trên 60 năm, số đảng viên là người hưu trí đã chiếm 23% tổng số đảng viên; nhiều đồng chí có phẩm

chất chính trị vững vàng, vẫn tích cực tham gia sinh hoạt và công tác, nhưng hạn chế về sức khỏe và khả năng hoạt động. Một bộ phận đảng viên, tuổi chưa cao, được rèn luyện trong chiến đấu, đã phát huy vai trò tích cực trong chiến tranh, nhưng ít có điều kiện học tập, nâng cao trình độ, nay không theo kịp nhiệm vụ mới.

Nhiều đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, phai nhạt lý tưởng, không phát huy được vai trò tích cực trong quần chúng. Tình trạng cán bộ, đảng viên vi phạm các nguyên tắc quản lý hoặc lợi dụng những sơ hở trong cơ chế quản lý để lấy cắp của công, ăn hối lộ, buôn lậu, làm giàu bất chính, vi phạm đạo đức, lối sống cách mạng có chiều hướng tăng lên, nhất là trong cán bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý nhà nước và ngay cả trong một số cơ quan bảo vệ pháp luật, cơ quan đảng và đoàn thể.

Tình trạng yếu kém nói trên có *nhiều nguyên nhân*, chủ yếu là:

- Chúng ta tiến hành xây dựng đảng trong tình hình đất nước có rất nhiều khó khăn với hậu quả nặng nề của chiến tranh và cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp kéo dài. Chủ nghĩa xã hội và nhiều đảng cộng sản trên thế giới lâm vào khủng hoảng toàn diện và sâu sắc nhất từ trước tới nay đã tác động mạnh mẽ đến nước ta. Chúng ta còn thiếu kiến thức và kinh nghiệm khi chuyển sang giai đoạn cách mạng mới. Cơ chế quản lý kinh tế - xã hội chưa đồng bộ và có nhiều sơ hở, chính sách tiền lương còn nhiều bất hợp lý, làm cho công tác xây dựng đảng về tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ gặp nhiều khó khăn.

- Đảng chưa đặt đúng tầm quan trọng của việc chỉnh đốn đảng theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chưa coi trọng đúng mức việc nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội và xây dựng đảng trong điều kiện Đảng lãnh đạo chính quyền, ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Một số cấp ủy đảng và cán bộ lãnh đạo chưa coi trọng đúng mức công tác xây dựng đảng, không chăm lo đầy đủ công tác giáo dục, rèn luyện đảng viên theo phương hướng tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả không ít cán bộ lãnh đạo cao cấp, trung cấp thiếu sự tu dưỡng, rèn luyện, học tập để vươn lên.

- Sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, trước hết là của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với công tác xây dựng đảng, nhất là đối với việc chấp hành Điều lệ Đảng, thực hiện Nghị quyết 05 của Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết 04 của Bộ Chính trị và một số chủ trương lớn về tổ chức cán bộ tuy đã có nhiều cố gắng nhưng chưa tập trung, kiên quyết và đồng bộ, thiếu kiểm tra, đôn đốc, tổng kết rút kinh nghiệm, nhiều khi khoán trắng công việc này cho các ban chuyên môn về xây dựng đảng. Chưa gắn chặt công tác xây dựng đảng với việc cải cách bộ máy nhà nước và đổi mới công tác quần chúng.

Các cấp ủy chưa tích cực chỉ đạo việc củng cố và đổi mới các cơ quan tham mưu và nghiên cứu về xây dựng đảng, nhất là đổi mới tư duy và phương thức công tác. Các ban của Đảng, các cơ quan nghiên cứu, các trường đảng ở cả trung ương và địa phương còn có những biểu hiện quan liêu, bảo thủ, trì trệ, chưa nỗ lực vươn lên nâng cao chất lượng công tác của mình đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI VÀ CHỈNH ĐỐN ĐẢNG TRONG THỜI GIAN TỚI

Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước trong bối cảnh quốc tế, trong nước và tình hình Đảng ta hiện nay đòi hỏi *Đảng nhất thiết phải tự đổi mới*, tự chỉnh đốn. Đây là một nhiệm vụ rất quan trọng và cấp bách, có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công của sự nghiệp đổi mới, sự ổn định và phát triển của đất nước và đối với vận mệnh của bản thân Đảng. Đây cũng là nguyện vọng và đòi hỏi của nhân dân.

Phương hướng cơ bản của việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng là: Phát huy truyền thống cách mạng, tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng, xây dựng đảng thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, gắn liền với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, cải cách bộ máy nhà nước, đổi mới công tác quần chúng, bảo đảm cho Đảng ta - đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc - làm tròn trách nhiệm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Theo phương hướng trên đây, dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) trong phần mở đầu đã khẳng định *những vấn đề cơ bản về Đảng và xây dựng đảng* với những nội dung cơ bản như sau:

Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của dân tộc và của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan và thực tiễn của

đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân.

Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam dân chủ, giàu mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa và cuối cùng là thực hiện lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Đảng giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới.

Đảng kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, ủng hộ sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân và thường xuyên chịu sự giám sát của nhân dân, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng tôn trọng và phát huy vai trò của Nhà nước, của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, chống quan liêu, lạm quyền, đặc quyền đặc lợi.

Đảng là một khối thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện lãnh đạo tập thể và cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, giữ vững đoàn kết, thống nhất trong Đảng trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa cơ hội, chống mọi biểu hiện độc đoán, chuyên quyền, cục bộ, địa phương, chia rẽ, bè phái trong Đảng. Trong tình hình hiện nay, việc khẳng định những vấn đề cơ bản trên đây có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bảo đảm

cho việc đổi mới và chỉnh đốn đảng không đi chệch những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng đảng.

Yêu cầu đổi mới và chỉnh đốn đảng trong những năm tới là:

Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, nâng cao trình độ trí tuệ và năng lực lãnh đạo chính trị; đổi mới một bước cơ bản nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng; bảo đảm dân chủ, giữ gìn kỷ luật, tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng; làm trong sạch và nâng cao chất lượng đảng viên; khắc phục có hiệu quả các hiện tượng tiêu cực, đặc biệt là tệ tham nhũng, khôi phục và nâng cao lòng tin của nhân dân đối với Đảng; chấn chỉnh tổ chức, bộ máy và đội ngũ cán bộ; làm cho Đảng có bản lĩnh chính trị, có kiến thức, năng lực và sức chiến đấu mới, đủ sức đoàn kết lãnh đạo toàn dân vượt mọi khó khăn, thử thách, phấn đấu thực hiện có kết quả các nghị quyết của Đại hội VII.

Để đạt được những yêu cầu trên, cần làm tốt *những nhiệm vụ chủ yếu* dưới đây:

Một là, phải tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao trình độ trí tuệ và năng lực lãnh đạo chính trị của Đảng. Đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu.

Phát triển công tác lý luận gắn với tổng kết thực tiễn, chú trọng tổng kết những cái mới đang hàng ngày nảy sinh trong đời sống đất nước và trên thế giới.

Tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; quán triệt, phát triển, cụ thể hóa Cương lĩnh chính trị, Chiến lược kinh tế - xã hội và các văn kiện khác của Đại

hội một cách đúng đắn, có căn cứ khoa học, đưa công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu. Nghiên cứu có hệ thống tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Kịp thời nắm bắt, dự báo và giải đáp những vấn đề mới xuất hiện ở trong nước và quốc tế.

Chấn chỉnh hệ thống thông tin, bảo đảm cho cấp ủy đảng, đặc biệt là cấp trung ương có điều kiện tiếp cận được những vấn đề mới nhất về lý luận và thực tiễn. Cải tiến quy trình chuẩn bị nghị quyết, ra nghị quyết, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện nghị quyết, làm cho các nghị quyết thật sự phản ánh được trí tuệ tập thể của Đảng, của nhân dân và được thực hiện đến nơi đến chốn. Có biện pháp và tổ chức thích hợp bảo đảm cho cán bộ, đảng viên, các chuyên gia, các nhà khoa học trong và ngoài Đảng phát huy mọi sáng kiến và sự suy nghĩ độc lập, tích cực tham gia vào các quá trình trên. Đối với những vấn đề mới và khó, hoặc còn nhiều ý kiến khác nhau cần chuẩn bị nhiều phương án để cân nhắc, thực hiện chế độ làm thử, rút kinh nghiệm trước khi ra nghị quyết.

Các cơ quan tham mưu, cơ quan nghiên cứu giúp cấp ủy chuẩn bị nghị quyết phải được kiện toàn, bao gồm những cán bộ và chuyên gia có phẩm chất chính trị và kiến thức khoa học, am hiểu thực tế, có khả năng tư duy độc lập, phân tích tổng hợp, biết lắng nghe các ý kiến khác nhau, tiếp thu những ý kiến đúng.

Hai là, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, nâng cao trình độ kiến thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Công tác chính trị tư tưởng có nhiệm vụ làm cho thế giới

quan Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh thấm nhuần trong Đảng và giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội; nâng cao ý chí phấn đấu, xây dựng niềm tin vững chắc vào con đường xã hội chủ nghĩa, đấu tranh không khoan nhượng với các luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng; xây dựng phương pháp tư duy khoa học, chống chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa kinh nghiệm và chủ nghĩa cơ hội dưới mọi màu sắc. Khắc phục những biểu hiện bi quan dao động, giảm sút ý chí phấn đấu, bảo thủ trì trệ, chủ quan nóng vội. Đặc biệt chú trọng giáo dục lý tưởng cách mạng cho thế hệ trẻ.

Bảo vệ và phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng của Đảng, của giai cấp công nhân và của dân tộc đồng thời tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại. Phê phán tư tưởng coi nhẹ hoặc phủ định truyền thống và thành quả cách mạng của Đảng và nhân dân. Nâng cao kiến thức và năng lực tổ chức thực tiễn cho cán bộ, đảng viên, gắn liền với đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, không ngừng nâng cao dân trí.

Bồi dưỡng đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tiêu cực trong Đảng và trong xã hội. Chống sự tha hóa về phẩm chất chính trị, xa rời quần chúng, tham nhũng, làm ăn bất chính, chạy theo tiền tài, danh vị, chia rẽ bè phái. Chống việc phục hồi các hủ tục, mê tín, dị đoan.

Nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, không mơ hồ về bản chất của chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng chống chủ nghĩa xã hội. Kịp thời đấu tranh chống những luận điệu chiến tranh tâm lý, phản tuyên truyền của các thế lực thù

dịch và những phần tử xấu. Tăng cường công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Đổi mới mạnh mẽ phương pháp công tác tư tưởng, có nhiều hình thức thiết thực, sinh động, phù hợp với từng đối tượng.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác thông tin, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ. Bố trí đúng và nâng cao trách nhiệm của những cán bộ phụ trách các cơ quan này.

Tăng cường và từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất - kỹ thuật của các cơ quan làm công tác tư tưởng. Có chính sách tài chính đúng đắn đối với các hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin cổ động, văn hóa, văn nghệ, giáo dục lý luận, nghiên cứu khoa học.

Ba là, đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, trước hết là đối với Nhà nước; đổi mới công tác quần chúng của Đảng.

- Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và những chủ trương công tác, lãnh đạo Nhà nước thể chế hóa thành hiến pháp, pháp luật, chính sách, trên cơ sở đó Nhà nước quản lý, điều hành mọi mặt đời sống xã hội.

Đảng kiểm tra và giám sát việc thực hiện đường lối, nghị quyết của Đảng thông qua hoạt động của đảng viên và tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước và dựa vào ý kiến của nhân dân.

Đảng chăm lo công tác cán bộ, bồi dưỡng, lựa chọn cán bộ đưa ra ứng cử vào các cơ quan dân cử, hoặc giới thiệu với Nhà nước để đề bạt, bổ nhiệm vào các cương vị chủ chốt ở các ngành, các cấp. Đảng tôn trọng cơ chế của Nhà nước về bầu

cử, tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ, không gò ép, áp đặt.

Đảng lãnh đạo xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh thực sự là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, phân công phân nhiệm rõ ràng.

Đảng lãnh đạo bằng công tác tư tưởng, tổ chức, vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên và tổ chức đảng (như đảng đoàn, ban cán sự, tổ chức cơ sở đảng).

Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng không bao biện làm thay công việc của Nhà nước. Đảng viên công tác trong cơ quan nhà nước phải nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết của Đảng, làm tròn nhiệm vụ Đảng giao, gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, tuân theo pháp luật, không được lợi dụng chức quyền làm điều sai trái, giành đặc quyền, đặc lợi.

- Trong điều kiện lãnh đạo chính quyền, Đảng đặc biệt coi trọng đổi mới công tác quần chúng của Đảng theo quan điểm: cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, mệnh lệnh, xa rời nhân dân, làm suy yếu sức mạnh của Đảng, của cách mạng sẽ đưa đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh của đất nước.

Đường lối, chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân. Tạo mọi điều kiện để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Khắc phục tình trạng vi phạm dân chủ, dân chủ hình thức; đồng thời chống dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để gây rối trong xã hội.

Các tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở phải lấy công tác vận động quần chúng và lãnh đạo công tác của các đoàn

thể làm một nội dung thường xuyên trong hoạt động của mình. Cán bộ lãnh đạo phải thường xuyên đi sát cơ sở, đi sát nhân dân, trực tiếp trao đổi ý kiến với nhân dân, học hỏi kinh nghiệm sáng tạo của nhân dân.

Đảng tôn trọng tính tự chủ về tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, hướng dẫn và tạo điều kiện cho Mặt trận và các đoàn thể, nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ... đổi mới nội dung và phương thức hoạt động đúng hướng, đạt hiệu quả. Đảng lắng nghe và trân trọng ý kiến đóng góp của Mặt trận và các đoàn thể đối với sự lãnh đạo của Đảng và cán bộ, đảng viên, khuyến khích các đoàn thể chủ động đóng góp ý kiến xây dựng đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Bốn là, bảo đảm dân chủ, giữ gìn kỷ luật, tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Có nhận thức đúng đắn và thống nhất về yêu cầu, nội dung dân chủ và nguyên tắc tập trung dân chủ; đồng thời có *cơ chế bảo đảm thực hiện* những nội dung đó. Dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) lần này có bổ sung một số quy định chính là nhằm tạo ra cơ chế đó.

Trước hết, phải bảo đảm thực hiện *các quyền của đảng viên*, nhất là quyền được thảo luận một cách thẳng thắn các vấn đề đường lối, chính sách của Đảng, quyền được phê bình, chất vấn trong phạm vi tổ chức về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp. Dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) nhấn mạnh quyền được thông tin, quyền được bảo lưu ý kiến của đảng viên. Những quy định trên tạo điều kiện khắc phục

tình trạng cấp ủy vi phạm quyền của đảng viên, còn đảng viên thì thụ động tiêu cực.

Để tăng cường sự kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của cấp ủy, dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) yêu cầu phải thực hiện đúng các quy định về triệu tập đại hội thường lệ và đại hội bất thường, kể cả ở cơ sở. Đồng thời đề nghị tăng thêm quyền của hội nghị đại biểu: hội nghị đại biểu được triệu tập giữa hai kỳ đại hội; hội nghị đại biểu có thẩm quyền bổ sung nghị quyết của đại hội cho phù hợp với tình hình mới trên cơ sở Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng, nghị quyết của cấp trên; bầu bổ sung ủy viên ban chấp hành; nghị quyết của hội nghị đại biểu, kể cả ở cấp trung ương, không phải thông qua ban chấp hành.

Trong Đảng từ trung ương đến cơ sở phải chấp hành nghiêm túc các quy định về chế độ báo cáo, chế độ tự phê bình và phê bình. Các cơ quan được bầu phải chịu sự giám sát của tổ chức đảng và đảng viên, phải báo cáo hoạt động trước cơ quan đã bầu ra mình, thường xuyên thông báo tình hình và hoạt động của mình đến các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. Thực hiện chế độ Ban Chấp hành Trung ương kiểm tra, giám sát hoạt động của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; các cấp ủy kiểm tra, giám sát hoạt động của ban thường vụ; các ủy viên Bộ Chính trị, ủy viên thường vụ các cấp tự phê bình trước ban chấp hành. Quy định cụ thể chế độ cấp trên tự phê bình trước cấp dưới và tổ chức việc phê bình từ dưới lên thực hiện đều đặn chế độ quần chúng phê bình cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng. Cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu tự phê bình và tiếp thu phê bình. Nghiêm cấm việc trừ dập người phê bình thẳng thắn; đồng thời kiên quyết xử lý những kẻ lợi dụng phê bình để đả kích cá nhân, vu cáo, chia rẽ.

Để nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của ủy ban kiểm tra các cấp, dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) đề nghị quy định: ủy ban kiểm tra có chức năng kiểm tra việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, kiểm tra việc chấp hành quy chế làm việc của tổ chức đảng cấp dưới, kiểm tra việc giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng của đảng viên, xem xét và xử lý kỷ luật các tổ chức đảng và đảng viên theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

Năm là, làm trong sạch Đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

Đảng viên phải làm tròn những *nhiệm vụ đảng viên* ghi trong Điều lệ Đảng. Trong giai đoạn cách mạng mới cần nhấn mạnh: đảng viên phải có phẩm chất chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng, có thái độ tích cực đối với công cuộc đổi mới, đồng thời phải có trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo để thực hiện nhiệm vụ đổi mới.

Trong cuộc đấu tranh để xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, thực hiện dân giàu, nước mạnh, đảng viên hoạt động trong các thành phần kinh tế phải nêu được vai trò tiên phong, gương mẫu; bằng lao động sáng tạo, có năng suất và chất lượng cao của mình góp phần tích cực vào việc phát triển lực lượng sản xuất, giải quyết việc làm cho người lao động, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân, trong đó có bản thân và gia đình mình. Đảng viên làm kinh tế phải gương mẫu chấp hành luật pháp, chính sách của Nhà nước, có lối sống lành mạnh và giữ được quan hệ tốt với quần chúng.

Đảng viên là công nhân, viên chức tại chức, ngoài việc hoàn thành nhiệm vụ công tác, được khuyến khích phát triển

kinh tế gia đình. Đảng viên được góp cổ phần vào các công ty, xí nghiệp quốc doanh, tập thể. Đảng viên không ở trong biên chế của các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, bản thân trực tiếp lao động (lao động chân tay, lao động kỹ thuật, lao động quản lý) được đứng ra tổ chức các đơn vị kinh tế tập thể (tổ sản xuất, hợp tác xã...); được đầu thầu, nhận khoán đất đai, thuê tài sản của Nhà nước, của tập thể để tổ chức kinh doanh; được làm kinh tế cá thể, tiểu chủ. Đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân; đối với những trường hợp đặc biệt thì tổ chức đảng sẽ xem xét giải quyết từng trường hợp cụ thể theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên, cần có kế hoạch giáo dục, bồi dưỡng nâng cao giác ngộ lý tưởng xã hội chủ nghĩa và trình độ mọi mặt của đảng viên. Thực hiện nền nếp phân công đảng viên, kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng và nhiệm vụ được giao. Thông qua công tác thực tế, qua phong trào quần chúng để giáo dục, rèn luyện đảng viên. Biểu dương, khuyến khích và phát huy vai trò tích cực của những đảng viên tiên phong gương mẫu, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chú trọng bồi dưỡng các đảng viên mới, đảng viên trẻ.

Đối với những đảng viên già yếu, không trực tiếp sản xuất, công tác, tổ chức đảng cần có hình thức sinh hoạt thích hợp và phân công hợp lý để các đồng chí thuận tiện trong sinh hoạt đảng và tiếp tục đóng góp vào công việc chung. Những đồng chí già yếu, ốm đau lâu ngày, tự nguyện xin miễn công tác và sinh hoạt đảng, thì chi bộ xem xét quyết định.

Đối với những đảng viên tự nguyện xin ra Đảng vì những lý do khác nhau (không phải là do vi phạm kỷ luật của

Đảng), thì chi bộ xem xét, chấp nhận và báo cáo lên cấp ủy có thẩm quyền để kiểm tra lại. Đảng trân trọng ghi nhận những cống hiến của đảng viên và giữ mối liên hệ tốt với các đồng chí ấy.

Đối với những đảng viên trình độ hạn chế, nhưng vẫn gắn bó với Đảng, tổ chức đảng cần tận tình giúp đỡ, tạo điều kiện để các đồng chí đó làm tốt nhiệm vụ đảng viên.

Kiên quyết làm trong sạch đội ngũ đảng viên. Thông qua công tác kiểm tra của Đảng và dựa vào quần chúng để nhận xét, đánh giá đúng đảng viên, đưa ra khỏi Đảng những người không còn tư cách đảng viên, trước hết là những đảng viên thoái hóa, biến chất, tham nhũng, cơ hội, gây chia rẽ, bè phái, trù dập, ức hiếp quần chúng, bị quần chúng oán ghét. Kịp thời xử lý bằng những hình thức kỷ luật thích hợp đối với những đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng, dù đảng viên đó là cán bộ lãnh đạo ở bất cứ cấp nào.

Xóa tên trong danh sách đảng viên những người không thiết tha với Đảng, giảm sút ý chí phấn đấu, không tích cực làm nhiệm vụ đảng viên, không còn tín nhiệm trong quần chúng và những đảng viên bỏ sinh hoạt đảng hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng. Một số trường hợp xét còn có thể giúp đỡ để tiến bộ thì định thời hạn để những đảng viên đó phấn đấu và tổ chức đảng phải có kế hoạch giáo dục, bồi dưỡng; nếu hết thời hạn mà không tiến bộ thì cũng xóa tên trong danh sách đảng viên, hoặc khuyên rút ra khỏi Đảng. Đây là việc phải tập trung chỉ đạo thực hiện tốt để khắc phục "sức ỳ" lớn trong Đảng hiện nay, từ đó nâng cao sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên.

Chỉ đạo chặt chẽ công tác kết nạp đảng viên mới nhằm tăng thêm năng lực và trí tuệ mới, trẻ hóa đội ngũ, từng bước khắc phục tình trạng tỷ lệ đảng viên quá thấp ở một số đơn vị (như xí nghiệp, trường học, cơ sở tiểu, thủ công nghiệp) và một số vùng (như vùng đồng bào dân tộc, vùng tôn giáo). Coi trọng chất lượng, không chạy theo số lượng, đề phòng bọn cơ hội tìm cách vào Đảng.

Chăm lo bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng những người ưu tú trong công nhân, nông dân, trong trí thức, trong lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Tùy theo hoàn cảnh từng nơi, tỉnh ủy, thành ủy có thể quy định trình độ học vấn đối với người kết nạp vào Đảng. Đặc biệt coi trọng kết nạp những thanh niên nam nữ ưu tú vào Đảng. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phải được các cấp ủy đảng coi trọng giúp đỡ xây dựng để xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng, hạt nhân nòng cốt của phong trào thanh niên và là lực lượng kế tục sự nghiệp cách mạng của dân tộc và của Đảng. Phải đặt công tác xây dựng đoàn trong mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với công tác xây dựng đảng.

Sáu là, củng cố các tổ chức cơ sở đảng và các cấp ủy đảng.

Theo yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý, đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo, phải nghiên cứu *sắp xếp lại tổ chức của Đảng*. Tổ chức cơ sở đảng được lập theo đơn vị cơ sở hành chính, kinh tế hoặc công tác, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương. Không tổ chức đảng theo ngành dọc, trừ đảng bộ quân đội theo quy định của Điều lệ Đảng và một số ngành công tác đặc biệt do Trung ương quy định; nhưng cần tăng cường mối quan hệ giữa cấp ủy địa phương và cơ quan lãnh đạo ngành trong chỉ đạo các hoạt động có liên quan ở cơ sở.

Trong một số trường hợp nhất định, nếu được sự đồng ý của Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy có thể thành lập một số đảng ủy (hoặc ban cán sự đảng) cấp trên của những tổ chức cơ sở chưa thể giao về trực thuộc các quận ủy, huyện ủy. Một số tổ chức cơ sở đảng trong các viện nghiên cứu, trường đại học, công ty, xí nghiệp lớn có thể đặt trực thuộc các tỉnh ủy, thành ủy. Sắp xếp lại và củng cố tổ chức, tăng cường hoạt động của các đảng ủy khối các cơ quan trung ương. Tất cả các đảng bộ cơ sở và cấp trên của cơ sở đóng trên địa bàn lãnh thổ và những đảng viên thuộc các đảng bộ này đều có trách nhiệm tham gia công tác xã hội, công tác vận động quần chúng ở địa phương theo hướng dẫn của cấp ủy địa phương.

Các tổ chức cơ sở đảng thuộc các loại hình khác nhau như nông thôn, xí nghiệp, trường học, cơ quan, viện nghiên cứu, đơn vị quân đội, công an... đều phải được củng cố để thật sự phát huy vai trò lãnh đạo trong đơn vị. Căn cứ vào nhiệm vụ chung của tổ chức cơ sở đảng trong dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) cần sớm cụ thể hóa nhiệm vụ, chức trách, phương thức lãnh đạo của từng loại hình cơ sở đảng.

Cải tiến sinh hoạt đảng, nhất là sinh hoạt chi bộ. Mọi đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo, phải thực hiện tốt những nhiệm vụ do chi bộ phân công, phải chịu sự giám sát của chi bộ về ý thức chấp hành đường lối, chính sách, nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng và về đạo đức, lối sống, quan hệ với quần chúng ở nơi làm việc và nơi ở. Đảng ủy cấp trên cần chỉ đạo chặt chẽ việc kiện toàn tổ chức cơ sở đảng. Thu hẹp diện cơ sở yếu kém. Tổng kết để phổ biến kinh nghiệm của những tổ chức cơ sở đảng vững mạnh. Đặc biệt chú trọng bồi dưỡng, bố trí đội ngũ cốt cán. Nâng cao chất

lượng cán bộ đảng chuyên trách; bồi dưỡng bí thư đảng ủy và đảng viên đủ tiêu chuẩn để giới thiệu vào các cương vị lãnh đạo và quản lý ở cơ sở.

Một công việc hết sức quan trọng là phải *nâng cao chất lượng cấp ủy đảng từ trung ương đến cơ sở*, đặc biệt là Ban Chấp hành Trung ương Đảng, theo những tiêu chuẩn cấp ủy viên đã nêu trong dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi), bảo đảm tập trung trí tuệ của toàn Đảng, của mỗi đảng bộ. Nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mỗi cấp. Thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng của cấp ủy qua mỗi kỳ đại hội và bảo đảm tính kế thừa trong cơ quan lãnh đạo. Kịp thời thay đổi, rút ra khỏi cấp ủy những người giảm sút tín nhiệm do năng lực và phẩm chất kém, không chờ đến hết nhiệm kỳ, bổ sung cấp ủy viên khi có yêu cầu theo quy định của Điều lệ Đảng. Xây dựng và thực hiện nghiêm túc các quy chế làm việc của cấp ủy từ trung ương đến cơ sở.

Bây là, tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới và kế tục sự nghiệp cách mạng.

Đây là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng.

Mục tiêu của công tác cán bộ là xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ và có chất lượng, mà nòng cốt là đội ngũ cán bộ chủ chốt của các ngành, các cấp và cơ sở, trước hết là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, có đủ phẩm chất và năng lực, bảo đảm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ của 5 năm tới và sự vững vàng của Đảng trước mọi khó khăn, thử thách, đồng thời tích cực chuẩn bị cán bộ cho những năm tiếp theo.

Tiêu chuẩn cơ bản của cán bộ lãnh đạo trong giai đoạn

hiện nay là: có bản lĩnh chính trị vững vàng; có ý thức trách nhiệm và tinh thần đổi mới; trung thực và thẳng thắn; có kiến thức và năng lực tổ chức thực tiễn; có tinh thần học tập để không ngừng nâng cao trình độ; có lối sống lành mạnh, được nhân dân tín nhiệm. Trên cơ sở xác định tiêu chuẩn cơ bản của cán bộ lãnh đạo và quản lý, cần khẩn trương xây dựng tiêu chuẩn cán bộ theo từng chức danh ở các cấp, các ngành.

Xúc tiến và đổi mới công tác quy hoạch cán bộ, tích cực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo của Đảng, cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh, chuyên gia trên các lĩnh vực theo yêu cầu thiết thực của công cuộc đổi mới, coi đây là nhiệm vụ hàng đầu và cấp bách của công tác cán bộ. Sắp xếp lại hệ thống trường lớp; cải cách nội dung và quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Trong bố trí, sử dụng cán bộ phải thể hiện rõ quan điểm đổi mới. Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ và căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ để bố trí, sử dụng cán bộ. Phải lấy kết quả thực tế thực hiện nhiệm vụ được giao làm căn cứ chủ yếu để nhận xét, đánh giá cán bộ; không đơn thuần theo quá trình, bằng cấp, học vị, tuổi tác. Kiên quyết bãi miễn và đưa ra khỏi cương vị lãnh đạo và quản lý ở mọi cấp những cán bộ kém phẩm chất và năng lực, không đảm đương được nhiệm vụ. Bố trí lại những cán bộ phân công không hợp lý. Mạnh dạn đề bạt cán bộ trẻ có đủ tiêu chuẩn và có triển vọng. Không điều chuyển cán bộ từ ngành này, vị trí này sang ngành khác, vị trí khác nếu những cán bộ đó không phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Xóa bỏ quan niệm hễ là cấp ủy viên thì bố trí làm cán bộ

lãnh đạo ở ngành nào, ở đơn vị nào cũng được, không kể năng lực có phù hợp không. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng tốt đội ngũ trí thức, đội ngũ cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ xuất thân là công nhân. Đoàn kết, sử dụng hợp lý mọi lực lượng cán bộ trong Đảng và ngoài Đảng; không hẹp hòi, định kiến về lý lịch và thành phần xuất thân. Kịp thời phát hiện những cán bộ trẻ, có tài, đồng thời biết sử dụng có hiệu quả những cán bộ lớn tuổi đã từng trải, có kinh nghiệm. Chống tư tưởng phong kiến gia trưởng, cục bộ địa phương trong công tác cán bộ.

Từng bước hình thành các cơ chế phát hiện, tuyển chọn, đề bạt và bãi miễn cán bộ một cách khoa học và có hiệu quả. Làm đúng các quy định và quy trình dân chủ, tôn trọng ý kiến của cấp dưới và tập thể, không áp đặt ý kiến cá nhân. Rút kinh nghiệm để làm tốt việc thi tuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các đơn vị kinh tế, sự nghiệp...

Sửa đổi các *chính sách, chế độ đãi ngộ cán bộ*, xóa bỏ các chế độ chính sách mang tính bình quân, bao cấp và những quy định có tính đặc quyền, đặc lợi. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với những cán bộ có tài, có cống hiến xuất sắc, cán bộ có nhiều công lao với Tổ quốc, cán bộ cơ sở, kể cả cán bộ trong và ngoài Đảng. Sớm cải tiến chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ xã hội khác. Thực hiện đúng đắn chính sách, chế độ đối với cán bộ hoạt động lâu năm, cán bộ hưu.

Tăng cường sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các đoàn thể đối với công tác cán bộ. Cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở mỗi cấp, mỗi ngành phải đích thân chăm lo công tác cán bộ và khắc phục bệnh chủ quan, thiếu công tâm trong công tác cán bộ để làm

tốt công tác quan trọng này. Kiện toàn các cơ quan tham mưu các cấp về công tác cán bộ, không để những cán bộ không vững vàng về chính trị, không trung thực, kém phẩm chất và năng lực làm công tác cán bộ.

*
* *

Công tác xây dựng đảng vốn đã quan trọng, lúc này càng hết sức quan trọng. Vì vậy trong thời gian tới việc đổi mới và chỉnh đốn đảng phải được chỉ đạo một cách kiên quyết, có bước đi vững chắc, làm từ trung ương đến cơ sở, bằng nhiều biện pháp đồng bộ, gắn với quá trình đổi mới cơ chế quản lý, tăng cường hệ thống chính trị, cải cách bộ máy nhà nước, dựa vào nhân dân, thông qua phong trào cách mạng của nhân dân để đổi mới, chỉnh đốn đảng.

Ban Chấp hành Trung ương cần có kế hoạch cụ thể để chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các quyết định của Đại hội về công tác xây dựng đảng và Điều lệ Đảng, tạo ra một bước chuyển biến quan trọng về đổi mới và chỉnh đốn đảng trong 5 năm tới. Đồng thời xúc tiến tổng kết công tác xây dựng đảng trong các thời kỳ, nhất là trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, góp phần nâng cao trình độ lý luận về xây dựng đảng và hoàn chỉnh lịch sử Đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO CỦA BAN THẨM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII CỦA ĐẢNG

*Kính thưa Đoàn Chủ tịch,
Kính thưa các đồng chí đại biểu,*

Thi hành Nghị quyết Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám (khóa VI) về việc triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng và Chỉ thị 59-CT/TW, ngày 22-5-1991 của Ban Bí thư về mở đại hội đảng bộ các cấp để tiến tới từ cơ sở đến các đảng bộ tỉnh, thành phố và các đảng bộ trực thuộc trung ương đều tiến hành đại hội xong vòng 1 đã cử đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII.

Theo sự ủy nhiệm của Đại hội, Ban thẩm tra tư cách đại biểu đã được Ban Bí thư Trung ương Đảng và Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương cung cấp tình hình đại hội các đảng bộ tiến hành bầu cử đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc, tình hình nhân sự đại biểu và đã xem xét các biên bản bầu cử, cùng những thư tố cáo, phản ánh và các tài liệu có liên quan đến nguyên tắc, thủ tục bầu cử và tư cách

đại biểu. Căn cứ vào quy định của Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương về nguyên tắc, thủ tục bầu cử, Ban thẩm tra tư cách đại biểu xin báo cáo với Đại hội như sau:

1. Chấp hành Quyết định số 119-QĐ/TW, ngày 24-1-1991 của Bộ Chính trị về nguyên tắc phân bổ đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng và Quy định số 120-QĐ/TW, ngày 25-1-1991 của Ban Bí thư về phân bổ đại biểu cho các đảng bộ tỉnh, thành phố và đảng bộ trực thuộc trung ương, tổng số đại biểu được triệu tập về dự Đại hội VII là 1.176 đồng chí, đủ số lượng do Trung ương phân bổ, bao gồm:

- 1.171 đại biểu được bầu qua đại hội (930 đại biểu của 44 tỉnh, thành phố và đặc khu, trong đó có 89 đồng chí uỷ viên Trung ương Đảng được Trung ương giới thiệu về ứng cử; 241 đại biểu của 11 đảng bộ trực thuộc trung ương).

- 5 đại biểu đảng bộ ngoài nước do Trung ương chỉ định.

1.176 đại biểu về dự Đại hội đã đại diện cho 100% đảng bộ trực thuộc và 100% đảng viên của toàn Đảng theo đúng nguyên tắc, thể lệ về cử đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc đã được quy định tại các Điều 12, Điều 13 của Điều lệ Đảng và Quy định số 06-QĐ/TW, ngày 4-10-1982, Quy định số 53-QĐ/TW, ngày 17-5-1988 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; bảo đảm dân chủ trong bầu cử. Các biên bản về việc bầu cử đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc do các đoàn chủ tịch đại hội gửi về Trung ương đã được đại hội các đảng bộ trực thuộc trung ương thông qua, đều làm đúng thể thức, nội dung và thời gian quy định.

Trong số đại biểu về dự Đại hội có 5 đại biểu dự khuyết được các đoàn cử thay thế 5 đại biểu chính thức vắng mặt có lý do. Các đồng chí được thay thế nói trên đều là những đồng

chí trùng cử đại biểu dự khuyết với số phiếu cao nhất trong danh sách bầu cử đại biểu dự khuyết của đại hội các đảng bộ.

Vì vậy, tổng số đại biểu có mặt tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng là 1.176 đồng chí.

2. Các đại biểu về dự Đại hội đều là những đồng chí được đại hội các cấp chọn lọc kỹ lưỡng, hầu hết là những đồng chí đã có quá trình cống hiến trên mọi lĩnh vực công tác của Đảng, Nhà nước, quân đội, công an và các đoàn thể quần chúng ở các cấp và cơ sở; đại diện cho các lứa tuổi, dân tộc, các tầng lớp trong xã hội...

Trong tổng số 1.176 đại biểu, có:

- 115 đồng chí (9,77%) là công nhân và 319 đồng chí (27,12%) là nông dân (trước khi vào Đảng); 134 đồng chí (11,39%) là nữ; 124 đồng chí (10,54%) là dân tộc ít người; 98 đồng chí (8,25%) đại biểu Quân đội nhân dân Việt Nam; 47 đồng chí (4%) đại biểu Công an nhân dân Việt Nam; 11 đồng chí (0,94%) là cán bộ hưu trí.

- Có 1 đại biểu cao tuổi nhất là 86 tuổi và 1 đại biểu trẻ nhất là 29 tuổi; đại biểu tuổi đời từ 51 - 60, có 504 đồng chí (42,85%) là số đông nhất.

- Thời gian vào Đảng: 1 đồng chí vào Đảng từ năm 1930 về trước; 19 đồng chí vào Đảng từ 1931 đến 1940 (1,62%); 15 đồng chí vào Đảng từ 1941 đến 8-1945 (1,27%); số đại biểu vào Đảng từ 9-1945 đến 7-1954 là 258 đồng chí (21,93%). Số đại biểu vào Đảng từ 8-1954 đến 4-1975 chiếm tỷ lệ cao nhất, 66,33% (780 đồng chí); và số đại biểu vào Đảng từ tháng 5-1975 đến nay là 103 đồng chí (8,75%).

- Trình độ học vấn phổ thông và trình độ khoa học, kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ:

+ 19 đồng chí cấp I (1,62%); 188 đồng chí cấp II (15,99%) và 969 đồng chí cấp III (82,4%).

+ 78 đồng chí (6,63%) là trung học chuyên nghiệp; 743 đồng chí (63,18%) có trình độ đại học, cao đẳng và trên đại học, trong đó có 158 đồng chí là phó tiến sĩ, tiến sĩ và giáo sư cấp I, II.

- Trình độ lý luận chính trị và quản lý kinh tế: 840 đồng chí (71,42%) có trình độ lý luận cao cấp; 257 đồng chí (21,85%) có trình độ lý luận trung cấp; 461 đồng chí (39,2%) đã qua đào tạo quản lý kinh tế và 152 đồng chí (12,93%) đã học quản lý nhà nước.

- Về chức vụ trong Đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp:

+ 1.126 đồng chí (87,24%) đại biểu là cấp ủy viên các cấp, trong đó có 158 đồng chí ủy viên Trung ương Đảng.

+ 258 (24,2%) đại biểu giữ chức vụ chính quyền (trong đó có 178 đồng chí là bộ trưởng, chủ tịch ủy ban nhân dân và chủ tịch hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, thủ trưởng và tương đương); 23 đồng chí (1,96%) là trưởng, phó các đoàn thể ở trung ương; 116 đồng chí (9,86%) hoạt động trong lĩnh vực kinh tế (trong đó, có 81 đồng chí (6,97%) đại biểu hoạt động trực tiếp sản xuất).

- Số đại biểu hoạt động ở cấp huyện, quận, thị xã và cơ sở là 281 đồng chí (23,9%).

- Số đại biểu dự Đại hội Đảng toàn quốc lần đầu là 715 đồng chí (chiếm 60,8%).

Tổng số đại biểu được bầu ở 44 tỉnh, thành phố, 11 đảng bộ trực thuộc trung ương và 5 đại biểu do Trung ương chỉ định của các đảng bộ ngoài nước được tổ chức thành 54 đoàn đại biểu trong Đại hội.

3. Trong tổng số đại biểu về dự Đại hội, có một số trường hợp có thư tố cáo hoặc phản ánh đến cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp. Các cơ quan có trách nhiệm ở trung ương đã cùng với cấp ủy và ủy ban kiểm tra các địa phương, đơn vị xem xét. Đến nay, Ban thẩm tra tư cách đại biểu thấy các đồng chí đại biểu có thư tố cáo hoặc phản ánh sau khi được xem xét, đều có đủ tư cách đại biểu dự Đại hội (kể cả số mới phát sinh).

Như vậy, tổng số đại biểu về dự Đại hội là đủ số lượng do Trung ương quyết định triệu tập; việc bầu cử đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng ở đại hội (vòng 1), các đảng bộ trực thuộc đều bảo đảm tiêu chuẩn và nguyên tắc, thủ tục quy định; tất cả các đại biểu đều đủ tư cách đại biểu dự Đại hội.

Ban thẩm tra tư cách đại biểu xin trình Đại hội xét và quyết định.

**BAN THẨM TRA TƯ CÁCH ĐẠI BIỂU
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ VII CỦA ĐẢNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẢO LUẬN CÁC VĂN KIỆN CỦA ĐẠI HỘI

**Do đồng chí Đào Duy Tùng thay mặt
Đoàn Chủ tịch đọc tại Đại hội VII**

Ngày 27 tháng 6 năm 1991

Thưa các đồng chí đại biểu,

Qua việc lấy ý kiến rộng rãi trong nhân dân, qua việc thảo luận ở đại hội đảng bộ các cấp; ở các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương và trong Đại hội của chúng ta về các dự thảo văn kiện, có nhiều nội dung cơ bản của các văn kiện đã được đại đa số cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân bày tỏ sự đồng tình, nhất trí cao. Bên cạnh đó, cũng còn một số vấn đề mà ý kiến còn chưa nhất trí toàn bộ hoặc một phần. Đại hội chúng ta, sau khi thảo luận một cách dân chủ với tinh thần trách nhiệm cao đã tiến hành biểu quyết bằng cách ghi vào phiếu một số vấn đề quan trọng còn có ý kiến khác nhau.

Trước khi Đại hội thông qua nghị quyết về các văn kiện và toàn văn Điều lệ Đảng (sửa đổi), Đoàn Chủ tịch xin báo

cáo kết quả thảo luận và biểu quyết của Đại hội về một số vấn đề quan trọng:

1. *Về tên Cương lĩnh:* Đã có khá nhiều tên gọi khác nhau được đề xuất. Tại Đại hội này cũng có một số đồng chí đưa ra những tên gọi mới. Sau khi thảo luận và biểu quyết, 97,8% số đại biểu trong Đại hội đã nhất trí lấy tên gọi của Cương lĩnh là: "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội". Tên gọi này phản ánh được bản chất của Cương lĩnh, xác định rõ xã hội mà nhân dân ta xây dựng là xã hội xã hội chủ nghĩa, phạm vi thời gian của Cương lĩnh là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. *Về đánh giá sai lầm trong cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta:*

Trong quá trình thảo luận, có mấy loại ý kiến khác nhau:

Loại ý kiến thứ nhất tán thành nói như Đại hội VI, tức là Đảng ta có sai lầm về chủ trương chính sách lớn, về chỉ đạo chiến lược.

Loại ý kiến thứ hai cho rằng Đảng có sai lầm về đường lối.

Loại ý kiến thứ ba cho rằng Đảng có sai lầm về đường lối cụ thể hoặc sai lầm về đường lối trên một số mặt.

Loại ý kiến thứ tư đồng ý cách viết như trong dự thảo Cương lĩnh: "Đảng đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan" (tiếp đó kể những sai lầm cụ thể).

Sau khi thảo luận Đại hội đã tiến hành biểu quyết, 80,3% số đại biểu đã nhất trí ghi vào Cương lĩnh như sau: "Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, Đảng ta đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, tìm tòi, xây dựng đường lối, xác định đúng mục tiêu và phương hướng xã hội chủ nghĩa. Nhưng Đảng đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách

quan (với những biểu hiện như đã trình bày trong dự thảo Cương lĩnh). Cách trình bày như thế vừa khẳng định được mặt đúng, vừa nói lên được thực chất, nội dung và nguồn gốc chủ yếu của sai lầm.

3. Đánh giá thành tựu đổi mới:

a) Về đánh giá tổng quát, trong quá trình thảo luận, có các loại ý kiến sau:

- Đã đạt được "những thành tựu bước đầu rất quan trọng".
- Đã đạt được "những thành tựu bước đầu quan trọng".
- Ngoài ra còn một số ý kiến khác.

Đại hội đã biểu quyết, có 77,3% số đại biểu đã nhất trí đánh giá: "sau hơn bốn năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng".

b) Về chính trị: Có các loại ý kiến đánh giá như sau:

Loại ý kiến thứ nhất: Tình hình chính trị ổn định, tuy vậy vẫn có những nhân tố có thể gây mất ổn định chính trị không thể xem thường.

Loại ý kiến thứ hai: Tình hình chính trị cơ bản ổn định.

Loại ý kiến thứ ba: Tình hình chính trị ổn định.

Ngoài ra còn có một số ý kiến đánh giá khác.

Đại hội đã thảo luận, phân tích: tuyệt đại đa số nhân dân ta ủng hộ đường lối đổi mới của Đảng; thừa nhận Đảng ta là tổ chức chính trị duy nhất lãnh đạo xã hội, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng, đảng đối lập. Các lực lượng chuyên chính của chúng ta vững vàng. Qua hơn bốn năm thực hiện đổi mới, với những thành tựu bước đầu rất quan trọng đã đạt được, lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước có được nâng lên. Tình

hình chính trị không có những biến động lớn, mặc dù bối cảnh quốc tế rất phức tạp và các thế lực phản động luôn tìm mọi thủ đoạn chống phá ta. Tuy vậy, chúng ta phải đề cao cảnh giác, không thể xem thường những nhân tố có thể gây mất ổn định và phải có phương án chủ động đối phó với mọi tình huống xấu nhất có thể xảy ra. Làm được như vậy sẽ bảo đảm tình hình chính trị của nước ta luôn luôn ổn định.

Trên cơ sở phân tích như trên, Đại hội đã biểu quyết có 86,3% số đại biểu nhất trí đánh giá: tình hình chính trị của đất nước ổn định, tuy vẫn có những nhân tố có thể gây mất ổn định chính trị không thể xem thường.

4. Về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng:

Có ba loại ý kiến:

Loại ý kiến thứ nhất: nêu các đặc trưng cơ bản như cách trình bày của dự thảo Cương lĩnh.

Loại ý kiến thứ hai: thêm, bớt hoặc ghép một số đặc trưng lại với nhau.

Loại ý kiến thứ ba: cho rằng chưa nên nói các đặc trưng của chủ nghĩa xã hội vì còn có vấn đề chưa rõ. Do vậy chỉ cần trình bày các phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội là đủ.

Sau khi thảo luận, Đại hội đã biểu quyết, 69,8% số đại biểu nhất trí hoàn toàn và 24,3% số đại biểu nhất trí về cơ bản với các đặc trưng nêu trong dự thảo Cương lĩnh.

5. Về mâu thuẫn cơ bản của xã hội nước ta trong thời kỳ quá độ:

Trong quá trình thảo luận có nhiều loại ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng cần nói mâu thuẫn cơ bản là mâu

thuần giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Cũng có nhiều ý kiến đề xuất khác về cách trình bày mâu thuẫn cơ bản, nhưng chưa có được một công thức nào đủ sức thuyết phục.

Khi thảo luận nhiều ý kiến cho rằng:

a) Việc xác định mâu thuẫn cơ bản trong thời kỳ quá độ là cần thiết để từ đó xác định đúng phương hướng, nhiệm vụ cơ bản, có tác dụng chỉ đạo mọi mặt hoạt động.

b) Song vì vấn đề còn có chỗ chưa được nhất trí cao, nhất là về mặt học thuật, trong Cương lĩnh chưa cần dùng thuật ngữ mâu thuẫn cơ bản và đề nghị trình bày như sau: "Để thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa, điều quan trọng nhất là phải cải biến một cách cơ bản tình trạng kinh tế - xã hội kém phát triển, chiến thắng những lực lượng cản trở việc thực hiện mục tiêu đó, trước hết là các thế lực thù địch chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội".

Có thể coi đó là mâu thuẫn cơ bản trong thời kỳ quá độ ở nước ta, đó là mâu thuẫn giữa hai con đường, nhưng được trình bày với những nội dung cụ thể để tránh lặp lại những sai lầm cũ do hiểu giản đơn về đấu tranh giữa hai con đường. Cách trình bày trên bao hàm được cả hai mặt độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đại hội đã biểu quyết và có 92,3% số đại biểu đã nhất trí với cách trình bày như dự thảo Cương lĩnh.

6. Về các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ, có các cách phân loại dưới đây:

Loại ý kiến thứ nhất cho rằng các thành phần kinh tế chủ yếu bao gồm: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá

thể, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước. (Kinh tế gia đình rất quan trọng nhưng không phải tồn tại với tư cách một thành phần kinh tế độc lập).

Loại ý kiến thứ hai phân loại các thành phần kinh tế như sau: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế hộ gia đình (bao gồm hộ xã viên, hộ cá thể, hộ tiểu chủ), kinh tế tư nhân (muốn nói tư bản tư nhân).

Ngoài ra có ý kiến cho rằng còn cần đề cập đến thành phần kinh tế tự nhiên tự cấp tự túc hiện đang tồn tại ở một số vùng dân tộc miền núi.

Đại hội đã thảo luận và biểu quyết, kết quả có 86,1% số đại biểu đã nhất trí xác định các thành phần kinh tế *chủ yếu* trong thời kỳ quá độ ở nước ta là: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước.

7. Về cơ chế vận hành nền kinh tế. Có hai loại ý kiến:

- *Loại ý kiến thứ nhất* cho rằng ta đã khẳng định xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thực hiện chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế; do đó nên nói rõ "cơ chế thị trường có sự quản lý vĩ mô của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch hoá, các chính sách kinh tế và những biện pháp khác" để tránh xu hướng can thiệp quá sâu của Nhà nước vào những việc thuộc quyền tự chủ kinh doanh của cơ sở.

- *Loại ý kiến thứ hai* đề nghị dùng khái niệm "cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác".

Loại ý kiến này chủ yếu khác với loại ý kiến thứ nhất ở chỗ không thêm từ "vĩ mô" vào sau từ "quản lý", vì thông

thường có quan niệm cho rằng quản lý vĩ mô là quản lý của Nhà nước Trung ương, không bao gồm vai trò quản lý của Nhà nước cấp tỉnh - thành, huyện - quận, xã - phường.

Đại hội đã thảo luận và biểu quyết với 95,7% số đại biểu nhất trí cho rằng cơ chế vận hành nền kinh tế của nước ta là: "cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác".

8. Mục tiêu:

a) Về mục tiêu chặng đường đầu của thời kỳ quá độ, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết, có 96,6% số đại biểu nhất trí mục tiêu của chặng đường đầu là thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau.

b) Về mục tiêu tổng quát của Chiến lược đến năm 2000:

Có những ý kiến cho rằng sau 10 năm tăng khoảng gấp đôi tổng sản phẩm trong nước, vượt qua trình trạng nước nghèo và kém phát triển là mục tiêu quá cao, khó thực hiện. Ngược lại cũng có ý kiến cho rằng mục tiêu đó quá thấp, tốc độ phát triển kinh tế như vậy không thể đuổi kịp các nước tiên tiến.

Đa số ý kiến cho rằng:

- Mức tăng khoảng gấp đôi tổng sản phẩm trong nước dựa trên sự tính toán khả năng khai thác và phát huy các nguồn lực trong nước và khả năng thu hút các nguồn lực bên ngoài có thể đánh giá được. Khi có điều kiện tiếp nhận thêm các nguồn lực mới bên ngoài, chúng ta sẽ điều chỉnh mục tiêu trong các kế hoạch 5 năm và hằng năm.

- Mục tiêu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển có yêu cầu cụ thể về mức cải thiện đời sống và tăng tích

lũy trong nội bộ nền kinh tế, tương ứng với mức tăng khoảng gấp đôi tổng sản phẩm trong nước sau 10 năm.

- Trong bản Chiến lược, chúng ta nêu rất hạn chế chỉ tiêu định lượng, song những mục tiêu đã đề ra ở trên là rất cần thiết để động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phấn đấu đưa đất nước đi lên. Mức phấn đấu đó còn rất khiêm tốn so với sự phát triển của nhiều nước trong vùng. Chúng ta có khả năng thực hiện và phải quyết tâm thực hiện.

Đại hội đã biểu quyết có 94,5% số đại biểu nhất trí mục tiêu tổng quát của Chiến lược đến năm 2000 là: Ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng và an ninh, tạo điều kiện cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ XXI. Tổng sản phẩm trong nước đến năm 2000 tăng khoảng gấp đôi so với năm 1990.

c) Về mục tiêu 5 năm 1991-1995:

Có các loại ý kiến sau:

- Chưa thể nói đến năm 1995 ra khỏi khủng hoảng hoặc về cơ bản ra khỏi khủng hoảng, vì vậy không nên ghi vào Báo cáo chính trị.

- Ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội vào năm 1995, từ 1996 trở đi là thời kỳ phát triển nhanh.

- Đến năm 1995 về cơ bản ra khỏi khủng hoảng hiện nay.

Trong khi thảo luận, nhiều ý kiến cho rằng để làm rõ vấn đề này, trước hết cần xác định các nội dung chủ yếu của khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay:

- Sản xuất tăng trưởng chậm và chưa ổn định.

- Lạm phát còn ở mức cao; bội chi ngân sách lớn.

- Số lao động chưa có việc làm hoặc thiếu việc làm còn nhiều và ngày càng tăng.

- Đời sống của một bộ phận đáng kể nhân dân, đặc biệt là của những người sống bằng tiền lương hoặc trợ cấp xã hội có nhiều khó khăn, không đủ bảo đảm tái sản xuất sức lao động; nhiều lĩnh vực xã hội xuống cấp nghiêm trọng, tệ nạn xã hội tăng.

So với trước đây thì hiện nay mức độ khủng hoảng đã giảm được một phần, song đất nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Trên đà chuyển biến tích cực của hơn bốn năm thực hiện đổi mới vừa qua, chúng ta phải bằng mọi cách phấn đấu để về cơ bản ra khỏi khủng hoảng. Không làm được việc này thì toàn bộ mục tiêu đề ra trong các văn kiện của Đại hội không thể thực hiện được, nhân dân ta không chấp nhận và hậu quả về các mặt chính trị, kinh tế, xã hội sẽ vô cùng lớn lao. Nhưng nếu cho rằng trong 5 năm 1991-1995 sẽ khắc phục được hoàn toàn khủng hoảng kinh tế - xã hội để từ năm 1996 trở đi là thời kỳ phát triển nhanh thì quá lạc quan.

Kết quả biểu quyết về vấn đề này, có 94,7% số đại biểu đã nhất trí mục tiêu đến năm 1995 là: vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

9. Về vấn đề ruộng đất.

Trong quá trình thảo luận ở đại hội các cấp cũng như trong đại hội toàn quốc vấn đề ruộng đất rất được quan tâm và có những ý kiến khác nhau. Sau khi thảo luận, Đại hội đã biểu quyết, có 97% số đại biểu nhất trí ghi vào văn kiện

Đảng: ruộng đất thuộc quyền sở hữu toàn dân, giao cho nông dân quyền sử dụng lâu dài (các vấn đề khác như việc chuyển quyền sử dụng, kế thừa, thế chấp... do Nhà nước quy định).

10. *Về bản chất giai cấp của Đảng*: đây là vấn đề có tính nguyên tắc, được đại hội các cấp thảo luận nhiều. Đại hội chúng ta đã thảo luận và biểu quyết với sự nhất trí cao, có 98,8% số đại biểu tán thành: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

11. *Về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng*.

Về nền tảng tư tưởng của Đảng chỉ nên nói đó là chủ nghĩa Mác - Lênin hay nói chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng *Hồ Chí Minh*?

Trong quá trình thảo luận hầu hết đại biểu đã thống nhất hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh là sản phẩm của sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam. Đại hội đã biểu quyết, có 89,7% số đại biểu nhất trí: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động".

12. *Về đại biểu của đại hội các cấp*: Có hai loại ý kiến khác nhau:

+ Loại *ý kiến thứ nhất*: thành phần đại hội đại biểu gồm các uỷ viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội và đại biểu do đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên cấp dưới bầu.

+ Loại *ý kiến thứ hai*: tất cả các đại biểu, kể cả cấp uỷ viên cấp triệu tập đại hội, đều phải qua bầu cử từ dưới lên.

Sau khi thảo luận Đại hội biểu quyết nhất trí tán thành

ý kiến thứ nhất với 71,8% số phiếu. Như vậy thành phần đại hội đại biểu gồm các uỷ viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội và đại biểu do đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên cấp dưới bầu.

13. Về hội nghị đại biểu các cấp.

Sau khi thảo luận, Đại hội đã biểu quyết:

- 62% số đại biểu tán thành giữa hai nhiệm kỳ đại hội đại biểu, ban chấp hành đảng bộ các cấp triệu tập hội nghị đại biểu.

- 57,5% số đại biểu tán thành chỉ có cấp trên cơ sở mới có hội nghị đại biểu.

14. Về việc điều động, bổ sung cấp uỷ.

Đại hội đã biểu quyết nhất trí, có 91,8% số đại biểu: trường hợp thật cần thiết, cấp uỷ cấp trên trực tiếp được điều động hoặc chỉ định bổ sung một số uỷ viên ban chấp hành cấp dưới, song không được quá 1/3 số uỷ viên do Đại hội bầu.

15. Về một số vấn đề cụ thể trong Điều lệ Đảng: Đại hội đã biểu quyết:

- Ở những bộ phận (phân xưởng ở xí nghiệp, khoa ở trường học, thôn, ấp ở xã...) có từ 30 đến 50 đảng viên có thể lập nhiều chi bộ. Trường hợp đặc biệt nếu có 50 đảng viên, nhưng xét thấy không cần thiết, thì có thể chỉ tổ chức một chi bộ, nhưng phải được đảng uỷ cấp trên cơ sở đồng ý, có 63,5% số đại biểu tán thành.

- Hội nghị đảng uỷ cơ sở họp thường lệ mỗi tháng một lần, có 56,1% số đại biểu tán thành.

16. Về cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng.

Đại hội đã thảo luận và biểu quyết:

- Ban chấp hành đảng bộ các cấp từ cơ sở đến trung ương không có uỷ viên dự khuyết, chỉ có uỷ viên chính thức, có 82,4% số đại biểu tán thành.

- Uỷ ban kiểm tra các cấp do ban chấp hành cùng cấp bầu, có 95,7% số đại biểu tán thành.

- Tổng Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu, có 95,4% số đại biểu tán thành.

- Có lập Ban Bí thư, ngoài số uỷ viên Bộ Chính trị được Bộ Chính trị phân công tham gia Ban Bí thư, số thành viên còn lại của Ban Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu, có 84,1% số đại biểu tán thành.

- Tán thành lập Hội đồng cố vấn, không do Đại hội bầu mà do Ban Chấp hành Trung ương quy định (không phải ghi vào Điều lệ), có 75,7% số đại biểu tán thành.

- Về nguyên tắc tính phiếu bầu: người trúng cử phải được số phiếu tín nhiệm bằng trên 1/2 số đại biểu, hoặc đảng viên được triệu tập, có 51,4% số đại biểu tán thành.

17. Về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam.

Đại hội biểu quyết:

- Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt, có 95,8% số đại biểu tán thành.

- Đảng uỷ Quân sự Trung ương (gọi tắt là Quân uỷ Trung ương) do Ban Chấp hành Trung ương chỉ định, có 78,1% số đại biểu tán thành.

- Về tổ chức đảng trong Công an nhân dân Việt Nam do Ban Chấp hành Trung ương quy định, có 94,6% số đại biểu tán thành.

Ngoài những vấn đề nêu trên, Đại hội còn thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến cụ thể vào các văn kiện. Những ý kiến đó sẽ được Ban Chấp hành Trung ương khoá VII nghiên cứu chọn lọc tiếp thu để bổ sung, chỉnh lý các văn kiện Đại hội trước khi công bố chính thức. Riêng Điều lệ Đảng (sửa đổi) đã được tu chỉnh để Đại hội sẽ thông qua toàn văn.

Quá trình thảo luận và tiến hành biểu quyết những vấn đề lớn trong các văn kiện Đại hội trên đây đã được tiến hành một cách dân chủ và nghiêm túc. Có thể nói kết quả biểu quyết của Đại hội chúng ta về những vấn đề đó là sự kết tinh ý chí và trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, thể hiện sự nhất trí cao của Đại hội chúng ta đối với những vấn đề trọng đại của Đảng và của dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Đó là cơ sở vững chắc để đoàn kết thống nhất toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, tiếp tục thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, đưa đất nước tiến lên.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI

Ngày 19 tháng 6 năm 1991

Về kết quả biểu quyết một số vấn đề trong Điều lệ Đảng (sửa đổi) liên quan đến việc bầu cử Ban Chấp hành Trung ương

Ngày 18-6-1991, Đại hội tiến hành biểu quyết bằng phiếu về một số vấn đề trong Điều lệ Đảng (sửa đổi) liên quan đến việc bầu cử Ban Chấp hành Trung ương.

Có 54 đoàn với tổng số 1.163 đại biểu đã tham gia biểu quyết và đã gửi đủ biên bản báo cáo đến Đoàn Chủ tịch Đại hội.

Có một số rất ít đại biểu đã không ghi ý kiến đồng ý hay không đồng ý về một vài vấn đề nêu trong phiếu.

Dưới đây Đoàn Chủ tịch xin báo cáo với Đại hội kết quả biểu quyết:

1. Về uỷ viên ban chấp hành đảng bộ các cấp:

- Không có uỷ viên dự khuyết 958 ý kiến, bằng 82,4% số phiếu.

- Có uỷ viên dự khuyết 197 ý kiến, bằng 16,9% số phiếu.

Như vậy Đại hội quyết định ban chấp hành đảng bộ các cấp không có uỷ viên dự khuyết.

2. Về Ủy ban Kiểm tra Trung ương:

- Do Ban Chấp hành Trung ương bầu 1.113 ý kiến, bằng 95,7% số phiếu.

- Do Đại hội bầu 44 ý kiến, bằng 3,8% số phiếu.

Như vậy Đại hội quyết định Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương bầu.

3. Về Ban Bí thư:

- Có lập 978 ý kiến, bằng 84,1% số phiếu.

- Không lập 178 ý kiến, bằng 15,3% số phiếu.

Như vậy Đại hội quyết định có lập Ban Bí thư.

4. Về Tổng Bí thư:

- Do Ban Chấp hành Trung ương bầu 1.110 ý kiến, bằng 95,4% số phiếu.

- Do Đại hội bầu 47 ý kiến, bằng 4% số phiếu.

Như vậy Đại hội quyết định Tổng Bí thư do Ban Chấp hành Trung ương bầu.

5. Về Hội đồng cố vấn:

- Có lập 679 ý kiến, bằng 58,4% số phiếu.

- Không lập 260 ý kiến, bằng 23,4% số phiếu.

Trong đó: Tán thành có cố vấn, nhưng không lập Hội đồng cố vấn 118 ý kiến, bằng 11,0% số phiếu.

Như vậy, Đại hội quyết định có lập Hội đồng cố vấn.

- Do Đại hội bầu 34 ý kiến, bằng 2,9% số phiếu.

- Do Ban Chấp hành Trung ương quy định (không phải ghi vào Điều lệ) 880 ý kiến, bằng 75,7% số phiếu.

Như vậy, Đại hội quyết định Hội đồng cố vấn do Ban Chấp hành Trung ương quy định (không phải ghi vào Điều lệ).

6. Về nguyên tắc tính phiếu bầu:

- Người trúng cử phải được số phiếu tín nhiệm bằng trên một nửa số đại biểu hoặc đảng viên được triệu tập 598 ý kiến, bằng 51,4% số phiếu.

- Người trúng cử phải được sự tín nhiệm của trên một nửa số phiếu hợp lệ 549 ý kiến, bằng 47,2% số phiếu.

Có 1 phiếu đề nghị số người trúng cử phải được sự tín nhiệm của trên một nửa số phiếu hợp lệ, nhưng số phiếu phát ra phải đạt 2/3 tổng số người được triệu tập.

Có 4 phiếu, đề nghị số người trúng cử phải được sự tín nhiệm của trên một nửa số người có mặt.

Như vậy Đại hội quyết định người trúng cử phải được số phiếu tín nhiệm bằng trên một nửa số đại biểu hoặc đảng viên được triệu tập.

Đại hội chúng ta sẽ tiến hành bầu cử Ban Chấp hành Trung ương khoá VII theo những quy định vừa được Đại hội biểu quyết nói trên.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH

Ngày 25 tháng 6 năm 1991

Về kết quả lấy ý kiến về dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi)*

Ngày 24-6-1991, 680 đại biểu đã trả lời tờ trình của Đoàn Chủ tịch về 12 vấn đề cần xin ý kiến tiếp trong nội dung dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi).

Kết quả như sau:

1. Về nhiệm vụ đảng viên

a) Về ý kiến đề nghị tách "nhiệm vụ quốc tế của đảng viên" thành một nhiệm vụ riêng.

Đoàn Chủ tịch đề nghị vẫn giữ như dự thảo. Nhiệm vụ quốc tế của đảng viên được ghi ở nhiệm vụ thứ nhất là "chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng...". Trong 680 đại biểu trả lời, có 675 ý kiến đồng ý với Đoàn Chủ tịch vẫn giữ như dự thảo.

b) Tiếp thu ý kiến của các đại biểu *Đoàn Chủ tịch* đề nghị bổ sung nhiệm vụ một như sau: *tuyệt đối trung thành với lý*

* Đợt lấy ý kiến Đại hội ngày 24-6-1991.

tường cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ được giao. Trong 680 đại biểu trả lời, 676 ý kiến đồng ý với Đoàn Chủ tịch.

2. Về người giới thiệu

Về ý kiến đề nghị "không cần thiết phải quy định người giới thiệu phải có hai năm tuổi Đảng".

Đoàn Chủ tịch đề nghị vẫn cần quy định người giới thiệu phải có hai năm tuổi Đảng trở lên như dự thảo để bảo đảm trình độ và chất lượng của người giới thiệu. 670 ý kiến đồng ý với Đoàn Chủ tịch.

3. Về thời gian dự bị

Về ý kiến đề nghị "thời gian dự bị tính từ ngày cấp trên chuẩn y".

Đoàn Chủ tịch cho rằng quy định như dự thảo hợp lý hơn:

+ Thời gian dự bị tính từ ngày chi bộ quyết định kết nạp đảng viên.

+ Cũng như vậy, tuổi đảng tính từ ngày chi bộ quyết định công nhận chính thức.

679 ý kiến tán thành quy định như dự thảo.

4. Về Đại hội thường nhiệm

Về ý kiến đề nghị có hình thức đại hội thường nhiệm. Về vấn đề này, Đại hội đã biểu quyết cần tổ chức hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ ở các đảng bộ cấp trên cơ sở. Như vậy là không tổ chức đại hội đại biểu thường nhiệm. 651 ý kiến đồng ý với đề nghị của Đoàn Chủ tịch.

5. Về ý kiến đề nghị quy định "bí thư các cấp uỷ cấp trên cơ sở (hoặc chỉ Tổng Bí thư) giữ nhiệm vụ không quá hai nhiệm kỳ".

Vấn đề này đã được thảo luận ở nhiều đại hội đảng bộ các cấp. Sau khi cân nhắc nhiều mặt và căn cứ vào ý kiến của nhiều đại biểu, *Đoàn Chủ tịch đề nghị* vẫn giữ như dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi). 664 ý kiến đồng ý vẫn giữ như dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi).

6. *Về kỳ hạn đại hội đảng bộ cơ sở và đảng bộ huyện*

a) *Về đại hội đảng bộ cơ sở*, có ý kiến đề nghị 5 năm một lần.

Đoàn Chủ tịch cho rằng quy định "5 năm hai lần" như dự thảo là hợp lý, bởi vì đảng bộ cơ sở không nên kéo dài như cấp huyện, cấp tỉnh. 677 ý kiến đồng ý với Đoàn Chủ tịch.

b) *Về đại hội đảng bộ huyện*, có ý kiến đề nghị 5 năm hai lần, trong đó có một ý kiến đề nghị ghi rõ hai năm rưỡi một lần.

Đoàn Chủ tịch sau khi cân nhắc đề nghị vẫn nên quy định như dự thảo, 5 năm đại hội một lần; giữa hai kỳ đại hội đã có hội nghị đại biểu. 676 ý kiến đồng ý như dự thảo.

7. *Về quy định cấp uỷ ở cơ sở có từ 100 đảng viên trở lên* nếu được cấp trên quyết định, được quyền quyết định kết nạp và khai trừ đảng viên.

Về ý kiến đề nghị chỉ nên quy định quyền hạn này đối với những cơ sở có từ 500 đảng viên trở lên.

Đoàn Chủ tịch cho rằng quy định như dự thảo "đối với những cơ sở từ 100 đảng viên trở lên và do cấp trên xem xét quyết định" là thích hợp. Bởi vì thực tế có những đảng bộ cơ sở thuộc một số cơ quan tham mưu của Trung ương và cấp tỉnh, thành, đặc khu cũng như một số cơ sở kinh tế, văn hoá..., tuy có trên 100 đảng viên nhưng có đủ điều kiện cần thiết để thực hiện quy định trên. Và lại, đối với những cơ sở trên 100 đảng viên nhưng còn yếu kém thì cấp uỷ cấp trên có

thể quyết định không giao quyền này. 675 ý kiến đồng ý với đề nghị của Đoàn Chủ tịch.

8. *Về bí thư, phó bí thư chi bộ*

Về ý kiến đề nghị quy định chỉ uỷ bầu bí thư, phó bí thư chi bộ. 675 ý kiến đồng ý với *Đoàn Chủ tịch đề nghị* giữ như dự thảo Điều lệ (sửa đổi) để đảng viên trực tiếp bầu bí thư, phó bí thư chi bộ, bởi vì trong chi bộ, đảng viên có điều kiện hiểu biết lẫn nhau, do đó không cần thiết phải qua chỉ uỷ bầu bí thư và phó bí thư.

9. Về ý kiến cho rằng nên bỏ quy định công nhận đảng viên bị thi hành kỷ luật đã sửa chữa khuyết điểm, vì thực tế rất hình thức.

Đoàn Chủ tịch đề nghị vẫn giữ như dự thảo, vì quy định này một mặt thể hiện thái độ của Đảng không định kiến đối với đảng viên mắc khuyết điểm, sai lầm phải thi hành kỷ luật; mặt khác có tác dụng tích cực khuyến khích đối với người bị kỷ luật quyết tâm rèn luyện, phấn đấu vươn lên. 671 ý kiến đồng ý với đề nghị của Đoàn Chủ tịch.

10. *Về tài chính của Đảng*

Về ý kiến đề nghị về tài chính của Đảng không nên quy định có nguồn thu từ sản xuất kinh doanh.

Đoàn Chủ tịch cho rằng quy định này là hợp lý, vì tài chính của Đảng phải nâng dần nguồn thu từ sản xuất kinh doanh, từng bước giảm dần phần tài trợ của Nhà nước. 659 ý kiến đồng ý với đề nghị của Đoàn Chủ tịch.

11. Về ý kiến của một đoàn đại biểu đề nghị cần quy định Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương phải có 10 tuổi hoặc 8 tuổi đảng trở lên.

Đoàn Chủ tịch cho rằng dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) đã quy định rõ tiêu chuẩn, chất lượng của các cấp uỷ viên,

không cần thiết phải quy định tuổi đảng của uỷ viên Trung ương Đảng và tuổi đảng cấp uỷ viên các cấp khác. 660 ý kiến đồng ý với đề nghị của Đoàn Chủ tịch.

12. Về các hình thức kỷ luật

Một số đại biểu đề nghị các loại ý kiến như sau:

- Bỏ hình thức cách chức, chỉ để ba hình thức: khiển trách, cảnh cáo, khai trừ (đảng viên có chức vụ trong Đảng bị cảnh cáo đồng thời mất chức).

- Bỏ hình thức cách chức thay bằng hình thức lưu Đảng; có bốn hình thức kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, lưu Đảng, khai trừ.

- Chia làm hai loại:

+ Đối với đảng viên có bốn hình thức kỷ luật: khiển trách, cảnh cáo, cảnh cáo nghiêm khắc (hoặc cảnh cáo nặng), khai trừ.

+ Đối với đảng viên có chức vụ trong Đảng: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ.

Trong số 680 đại biểu trả lời, có 659 ý kiến đồng ý với Đoàn Chủ tịch vẫn giữ bốn hình thức kỷ luật như dự thảo Điều lệ: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ.

Đề nghị giữ như dự thảo Điều lệ.

Ngoài 12 điểm trên (trong lần góp ý kiến ngày 24-6-1991) còn một số đại biểu đề nghị sửa một số điểm khác trong dự thảo như sau:

1. Về mục đích của Đảng:

- Có một ý kiến đề nghị: Mục đích của Đảng là xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam.

- Có một ý kiến đề nghị: "Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất, dân chủ, giàu

manh theo con đường xã hội chủ nghĩa và cuối cùng là thực hiện lý tưởng cộng sản chủ nghĩa".

Đoàn Chủ tịch đề nghị giữ như đã ghi trong dự thảo Điều lệ: Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam dân chủ và giàu mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa và cuối cùng là thực hiện lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

2. Về Đảng lãnh đạo Nhà nước và các đoàn thể nhân dân (Điều 40), có một số ý kiến đề nghị ghi "Đảng lãnh đạo Nhà nước và các đoàn thể nhân dân bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và phương hướng chủ trương công tác" để thể hiện được cả sự lãnh đạo của Đảng ở địa phương và cơ sở.

Đoàn Chủ tịch đề nghị tiếp thu ý kiến này và sửa vào dự thảo Điều lệ Đảng và các chủ trương công tác.

3. Có ý kiến đề nghị giao cho uỷ ban kiểm tra thêm nhiệm vụ "kiểm tra việc chấp hành các nghị quyết của Đảng".

Đoàn Chủ tịch đề nghị giữ như dự thảo Điều lệ về phân nhiệm vụ của uỷ ban kiểm tra.

Ngoài ra còn một số ý kiến đề nghị sửa một số điểm cụ thể và sửa câu chữ, Đoàn Chủ tịch đã tiếp thu, xử lý và sửa chữa bổ sung bản dự thảo Điều lệ để trình Đại hội thông qua.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

ĐIỀU LỆ
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
(Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII
thông qua ngày 27 tháng 6 năm 1991)

Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo nhân dân làm Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tiến hành thắng lợi các cuộc kháng chiến chống xâm lược, xóa bỏ chế độ thực dân phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc, đưa cả nước chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam dân chủ, giàu mạnh theo con đường xã hội chủ nghĩa và cuối cùng là thực hiện lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của dân tộc và của nhân loại, nắm vững quy luật khách quan và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn và phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân.

Đảng kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, ủng hộ sự nghiệp đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới.

Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ và chịu sự giám sát của nhân dân, đoàn kết và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp cách mạng. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng tôn trọng vai trò của Nhà nước, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đảng là một khối thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện lãnh đạo tập thể và cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, thực hiện dân chủ đầy đủ và kỷ luật chặt chẽ trong sinh hoạt đảng; giữ vững đoàn kết, thống nhất trong Đảng trên cơ sở Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam phải được xây dựng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng Việt Nam và góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới.

CHƯƠNG I
ĐẢNG VIÊN

Điều 1:

Những công dân Việt Nam từ mười tám tuổi trở lên đều có thể được xét để kết nạp vào Đảng, nếu: thừa nhận và tự nguyện phấn đấu thực hiện Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng, hoạt động trong một tổ chức cơ sở của Đảng, phục tùng kỷ luật Đảng, sẵn sàng nhận nhiệm vụ được giao; gương mẫu trong lao động, chiến đấu, học tập, có lối sống lành mạnh, không bóc lột; có kiến thức và năng lực thực hiện nhiệm vụ đảng viên; gắn bó mật thiết với quần chúng, được quần chúng tín nhiệm, qua thực tiễn chứng tỏ là người ưu tú.

Điều 2:

Nhiệm vụ của đảng viên:

1. Tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ được giao.

2. Tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội ở nơi làm việc và nơi ở; tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách và pháp luật.

3. Không ngừng học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chính trị, kiến thức, năng lực công tác, phẩm chất đạo đức cách mạng; đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực.

4. Tham gia xây dựng, bảo vệ đường lối, chính sách và tổ chức của Đảng; phục tùng kỷ luật, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong Đảng; thường xuyên tự phê bình và phê bình, trung thực với Đảng; tuyên truyền phát triển ảnh hưởng của Đảng, làm công tác kết nạp đảng viên mới, tham gia sinh hoạt đảng và đóng đảng phí theo quy định.

Điều 3:

Quyền của đảng viên:

1. Được thông tin và thảo luận các vấn đề về đường lối, chính sách và công tác của Đảng; biểu quyết công việc của Đảng.

2. Được ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

3. Được phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức; báo cáo, đề đạt ý kiến hoặc khiếu nại với các cơ quan lãnh đạo của Đảng và yêu cầu được trả lời.

4. Được trình bày ý kiến khi tổ chức đảng nhận xét, quyết định công tác hoặc thi hành kỷ luật đối với mình.

Đảng viên dự bị có các quyền trên đây, trừ quyền biểu quyết, ứng cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Điều 4:

Thủ tục kết nạp người vào Đảng:

a) Người xin vào Đảng phải:

- Có đơn tự nguyện xin vào Đảng;
- Báo cáo lý lịch với chi bộ;
- Được hai đảng viên giới thiệu;

Ở nơi có tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thì người xin vào Đảng còn trong độ tuổi thanh niên phải là đoàn viên thanh niên, được ban chấp hành Đoàn cơ sở và một đảng viên giới thiệu.

b) Người giới thiệu phải:

- Có ít nhất hai tuổi đảng và cùng công tác với người xin vào Đảng ít nhất một năm.

- Báo cáo với chi bộ về lý lịch, phẩm chất, năng lực của người xin vào Đảng và chịu trách nhiệm về lời bảo đảm của mình. Có điều gì chưa rõ thì báo cáo để chi bộ và cấp trên xem xét.

c) Trách nhiệm của chi bộ và cấp ủy:

- Trước khi chi bộ xét và quyết định kết nạp, chi ủy phải kiểm tra lại điều kiện của người xin vào Đảng và lấy ý kiến nhận xét của quần chúng về người đó. Nếu người xin vào Đảng có vấn đề lịch sử chính trị thì giải quyết theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương

- Chi bộ tổ chức hội nghị xét và quyết định kết nạp từng người một, với sự đồng ý của ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức trong chi bộ.

- Nghị quyết của chi bộ về kết nạp đảng viên phải được đảng ủy cơ sở (nếu có) tán thành, cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc đảng ủy cơ sở được ủy quyền chuẩn y từng người một.

d) Nơi chưa có tổ chức cơ sở đảng, chưa có đảng viên hoặc có đảng viên nhưng chưa đủ điều kiện giới thiệu thì cấp ủy cấp trên trực tiếp cử đảng viên về làm công tác tuyên truyền, thẩm tra, giới thiệu, để xem xét kết nạp người vào Đảng.

Điều 5:

Người được kết nạp vào Đảng phải trải qua thời kỳ dự bị mười hai tháng, tính từ ngày chi bộ tuyên bố kết nạp. Trong thời kỳ dự bị, chi bộ tiếp tục giáo dục, rèn luyện và phân công đảng viên chính thức giúp đảng viên đó tiến bộ.

Khi hết thời kỳ dự bị, chi bộ xét công nhận đảng viên chính thức từng người một và biểu quyết như khi xét kết nạp; nếu thấy không đủ tư cách đảng viên thì quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên dự bị và báo cáo lên cấp ủy đã chuẩn y kết nạp để thẩm tra lại.

Nghị quyết của chi bộ về việc công nhận đảng viên chính thức phải được cấp ủy có thẩm quyền chuẩn y theo điểm c điều 4.

Tuổi đảng của đảng viên tính từ ngày được chi bộ công nhận là đảng viên chính thức.

Điều 6:

Việc phát và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Điều 7:

Đảng viên già yếu xin được miễn công tác và sinh hoạt đảng do chi bộ xem xét, quyết định.

Điều 8:

Đảng viên bỏ sinh hoạt chi bộ hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng, hoặc đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu, không làm nhiệm vụ

đảng viên, đã được chi bộ giáo dục và định thời hạn sửa chữa mà không tiến bộ thì chi bộ xem xét quyết định xóa tên trong danh sách đảng viên.

Đảng viên xin ra khỏi Đảng do chi bộ xem xét quyết định.

Các trường hợp trên, chi bộ báo cáo lên cấp ủy có thẩm quyền chuẩn y kết nạp đảng viên để thẩm tra lại.

CHƯƠNG II

NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA ĐẢNG

Điều 9:

Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Nội dung cơ bản của nguyên tắc đó là:

1. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng đều do bầu cử lập ra.

2. Cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng thực hiện nguyên tắc lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách.

3. Ban chấp hành đảng bộ các cấp báo cáo và chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước đại hội cùng cấp, trước ban chấp hành đảng bộ cấp trên và cấp dưới; định kỳ thông báo tình hình hoạt động của mình đến các tổ chức đảng trực thuộc, thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình.

4. Nghị quyết của Đảng phải được chấp hành nghiêm chỉnh. Thiếu số phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức, các tổ chức trong toàn Đảng phục tùng Đại hội đại biểu toàn quốc, Hội nghị đại biểu toàn quốc và Ban Chấp hành Trung ương.

5. Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Đảng phải được biểu quyết với sự tán thành của trên một nửa số thành viên trong cơ quan đó. Trước khi biểu quyết, các đảng viên được phát biểu hết ý kiến của mình. Đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số được quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp ủy cấp trên cho đến Đại hội đại biểu toàn quốc, song phải chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết, không được truyền bá ý kiến trái với nghị quyết của Đảng. Cấp ủy có thẩm quyền nghiên cứu xem xét ý kiến đó, nếu thấy thực tiễn chứng minh là đúng thì tiếp thu. Tổ chức đảng không được phân biệt đối xử với đảng viên có ý kiến thuộc về thiểu số.

6. Tổ chức đảng cấp dưới được quyền quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quyền hạn của mình, song không được trái với đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết của cấp trên.

Điều 10:

Hệ thống tổ chức của Đảng về cơ bản được tổ chức theo hệ thống hành chính của Nhà nước; tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam theo quy định tại điều 29; ngành có đặc điểm riêng được tổ chức đảng bộ ngành dọc theo quyết định của Ban Chấp hành Trung ương.

Tổ chức cơ sở đảng được lập ra theo đơn vị cơ sở hành chính, kinh tế hoặc công tác, đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Trường hợp cần thiết, Ban Chấp hành Trung ương có thể quyết định thành lập đảng bộ (gồm một số tổ chức cơ sở đảng có tính chất, đặc điểm riêng) trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương. Ở các tỉnh, thành phố nếu được sự đồng ý của

Trung ương cũng được thành lập đảng bộ tương tự trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy. Cấp ủy quyết định thành lập đảng bộ quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ của đảng bộ này với cấp ủy địa phương nơi đơn vị đóng theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

Thành lập hoặc giải thể một đảng bộ do cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định.

Điều 11:

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của đảng bộ mỗi cấp là đại hội đại biểu; ở cơ sở là đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên.

Các cấp ủy triệu tập đại hội đúng kỳ hạn, thông báo trước cho đảng bộ về thời gian và nội dung đại hội, nêu các vấn đề thảo luận ở đại hội để cấp dưới đóng góp ý kiến trước.

Khi ban chấp hành đảng bộ xét thấy cần, hoặc khi có trên một nửa số cấp ủy trực thuộc yêu cầu và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý thì triệu tập đại hội bất thường.

Cấp ủy triệu tập đại hội quyết định số lượng đại biểu và phân bổ cho các đảng bộ trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng đảng bộ trực thuộc, vị trí quan trọng của từng đảng bộ, theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

Đại biểu dự đại hội đại biểu gồm các ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội và đại biểu do đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên cấp dưới bầu.

Việc chỉ định đại biểu chỉ thực hiện đối với tổ chức đảng hoạt động trong điều kiện đặc biệt không thể mở đại hội để bầu cử được, theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Đại biểu dự đại hội phải được đại hội thẩm tra về tư cách và biểu quyết công nhận. Cấp ủy triệu tập đại hội không

được bác bỏ tư cách đại biểu do đại hội đảng bộ cấp dưới bầu, trừ trường hợp đại biểu bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị truy tố trước pháp luật hoặc bị tạm giam. Nếu bầu không đúng nguyên tắc, thủ tục thì phải bầu lại.

Đại hội hoặc hội nghị đại biểu, đại hội hoặc hội nghị đảng viên ở tổ chức cơ sở đảng chỉ có giá trị khi có ít nhất hai phần ba số đại biểu hoặc đảng viên được triệu tập tham dự, thay mặt cho ít nhất hai phần ba số tổ chức đảng trực thuộc.

Đại hội, hội nghị bầu đoàn chủ tịch hoặc chủ tịch để điều hành công việc của đại hội, hội nghị.

Điều 12:

Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo là ban chấp hành đảng bộ (gọi tắt là cấp ủy) do đại hội cùng cấp bầu ra.

Số lượng ủy viên Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội đại biểu toàn quốc quyết định; số lượng ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp nào do đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của đảng bộ cấp đó quyết định, theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

Ban chấp hành đảng bộ các cấp cần được đổi mới một bộ phận và bảo đảm tính kế thừa qua mỗi lần đại hội. Người được bầu vào ban chấp hành phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực, nhất là có bản lĩnh chính trị vững vàng và tinh thần đổi mới, đã qua rèn luyện trong thực tế, có kiến thức và năng lực tham gia lãnh đạo tập thể và hoàn thành nhiệm vụ được giao, có khả năng quy tụ cán bộ để thực hiện nhiệm vụ, được đảng viên và quần chúng tín nhiệm.

Đoàn chủ tịch đại hội tổ chức và hướng dẫn bầu cử. Đại biểu có quyền nhận xét, chất vấn về người ứng cử và người

được đề cử. Danh sách bầu cử phải được đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua. Bầu cử bằng phiếu kín. Người trúng cử phải được số phiếu tín nhiệm bằng trên một nửa số đại biểu hoặc đảng viên được triệu tập.

Điều 13:

Nhiệm kỳ của ban chấp hành đảng bộ các cấp là thời gian giữa hai kỳ của đại hội từng cấp.

Ban chấp hành và bí thư ban chấp hành cấp dưới phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y.

Trường hợp thật cần thiết, cấp ủy cấp trên trực tiếp được điều động hoặc chỉ định bổ sung một số ủy viên ban chấp hành cấp dưới, song không được quá một phần ba số ủy viên do đại hội đã bầu. Trước khi điều động hoặc chỉ định bổ sung, cấp ủy cấp trên lấy ý kiến của cấp ủy cấp dưới. Hội nghị đại biểu được bầu bổ sung số ủy viên ban chấp hành thiếu và được bầu tăng thêm, nhưng số lượng bầu tăng thêm không quá 10% số ủy viên ban chấp hành do đại hội đảng bộ đã bầu.

Đối với đảng bộ mới thành lập, nếu chưa tiến hành đại hội ngay được, ban chấp hành cấp trên trực tiếp chỉ định ban chấp hành lâm thời; chậm nhất trong vòng một năm phải tổ chức đại hội bầu chính thức.

Điều 14:

Ban chấp hành các cấp lập các cơ quan giúp việc (ban, tiểu ban) và quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, quy chế làm việc của các cơ quan này theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương. Khi cần, cấp ủy có thể lập các cơ quan giúp việc và giải thể khi hoàn thành công việc.

Điều 15:

Giữa hai kỳ đại hội đại biểu, ban chấp hành đảng bộ các cấp (trừ đảng bộ cơ sở) triệu tập hội nghị đại biểu.

Thành phần hội nghị đại biểu gồm các ủy viên của ban chấp hành cấp triệu tập hội nghị và các đại biểu do ban chấp hành cấp dưới cử lên.

Hội nghị đại biểu có nhiệm vụ thảo luận báo cáo của ban chấp hành; quyết định những chủ trương, biện pháp đẩy mạnh việc thực hiện nghị quyết đại hội hoặc bổ sung nghị quyết đại hội cho phù hợp với tình hình mới trên cơ sở Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng, nghị quyết của cấp trên; bầu bổ sung hoặc bầu tăng thêm ủy viên ban chấp hành theo quy định tại điều 13.

Nghị quyết của hội nghị đại biểu phải được cấp ủy triệu tập hội nghị, các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên chấp hành.

Các ủy viên ban chấp hành được bầu bổ sung hoặc tăng thêm phải được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y.

CHƯƠNG III

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG
Ở TRUNG ƯƠNG**Điều 16:**

Đại hội đại biểu toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương triệu tập thường lệ năm năm một lần, khi có tình hình

đặc biệt, có thể triệu tập sớm hoặc muộn hơn, và thông báo rõ lý do cho toàn Đảng biết; thời gian triệu tập chậm không được quá một năm.

Điều 17:

Đại hội đại biểu toàn quốc có nhiệm vụ xét và chuẩn y báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương; quyết định đường lối đối nội, đối ngoại và nhiệm vụ cơ bản của Đảng; quyết định hoặc bổ sung sửa đổi Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 18:

Ban Chấp hành Trung ương có nhiệm vụ lãnh đạo công tác của Đảng giữa hai kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội và của Hội nghị đại biểu toàn quốc; quyết định những vấn đề quan trọng về công tác đối nội và đối ngoại, công tác quần chúng và công tác xây dựng Đảng; quan hệ với các đảng cộng sản và công nhân, các đảng phái và tổ chức chính trị tiến bộ trên thế giới; quyết định và thực hiện chính sách cán bộ và quản lý cán bộ; lập các ban, đảng đoàn, ban cán sự và chỉ đạo các cơ quan đó hoạt động; quy định các nguyên tắc thu nộp đảng phí và quản lý tài chính của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương họp thường lệ sáu tháng một lần; khi cần, họp bất thường; sáu tháng một lần báo cáo tình hình chung và công việc đã làm cho cấp dưới; khi cần, nêu vấn đề để cấp dưới góp ý kiến.

Điều 19:

Ban Chấp hành Trung ương bầu Bộ Chính trị, bầu Tổng

Bí thư trong số uỷ viên Bộ Chính trị; thành lập Ban Bí thư gồm một số uỷ viên Bộ Chính trị do Bộ Chính trị phân công và một số bí thư Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương bầu; bầu Uỷ ban Kiểm tra Trung ương. Số lượng uỷ viên Bộ Chính trị; bí thư Trung ương và uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Bộ Chính trị lãnh đạo hoạt động của Đảng giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương trên cơ sở nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc, nghị quyết của Hội nghị đại biểu toàn quốc và nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương; báo cáo công việc của mình trước hội nghị thường kỳ của Ban Chấp hành Trung ương hoặc theo yêu cầu của Ban Chấp hành Trung ương.

Ban Bí thư lãnh đạo công việc hằng ngày của Đảng, chỉ đạo và kiểm tra hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên trong việc thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Đảng; chỉ đạo công tác xây dựng đảng, công tác cán bộ và công tác quần chúng; tổ chức chỉ đạo việc chuẩn bị các vấn đề đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định.

CHƯƠNG IV

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG
Ở ĐỊA PHƯƠNG**Điều 20:**

Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương, đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh do cấp uỷ cùng cấp triệu tập thường lệ năm năm

một lần; khi có tình hình đặc biệt, được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý, có thể triệu tập sớm hơn hoặc muộn hơn và thông báo rõ lý do cho toàn đảng bộ biết; thời gian triệu tập chậm không được quá một năm.

Điều 21:

Đại hội đại biểu đảng bộ có nhiệm vụ thảo luận các vấn đề do cấp uỷ cấp trên nêu ra; xét và chuẩn y báo cáo của ban chấp hành; quyết định các nhiệm vụ, chủ trương công tác quan trọng thuộc phạm vi địa phương; bầu ban chấp hành đảng bộ và bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Điều 22:

Ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương (gọi tắt là tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ), ban chấp hành đảng bộ huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi tắt là huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ, thành uỷ) có nhiệm vụ lãnh đạo hoạt động của đảng bộ giữa hai kỳ đại hội đại biểu; chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, các nghị quyết của đại hội đại biểu, hội nghị đại biểu và các nghị quyết, chỉ thị của cấp uỷ cấp trên; tham gia xây dựng và cụ thể hoá đường lối, chính sách của Đảng; quyết định những vấn đề về chủ trương, nhiệm vụ quan trọng của đảng bộ; lập các ban, đảng đoàn và chỉ đạo các cơ quan đó hoạt động; quản lý cán bộ; quản lý tài chính của đảng bộ.

Hội nghị tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ, huyện uỷ, quận uỷ... do ban thường vụ triệu tập ba tháng một lần; khi cần, có thể triệu tập bất thường.

Ban chấp hành đảng bộ các cấp báo cáo tình hình hoạt động của mình lên cấp trên theo quy định, ba tháng một lần

báo cáo tình hình chung và công việc đã làm với tổ chức đảng cấp dưới; khi cần, nêu vấn đề để cấp dưới góp ý kiến.

Điều 23:

Hội nghị tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ, huyện uỷ, quận uỷ... bầu ban thường vụ, bầu bí thư và phó bí thư trong số uỷ viên thường vụ, bầu uỷ ban kiểm tra.

Số lượng uỷ viên ban thường vụ và uỷ viên uỷ ban kiểm tra do hội nghị ban chấp hành quyết định theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương.

Ban thường vụ lãnh đạo hoạt động của đảng bộ giữa hai kỳ họp ban chấp hành trên cơ sở các nghị quyết của đại hội đại biểu, hội nghị đại biểu, hội nghị ban chấp hành và các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên; báo cáo tình hình chung và công việc đã làm trong phiên họp thường lệ của ban chấp hành hoặc theo yêu cầu của ban chấp hành; chuẩn bị các vấn đề đưa ra hội nghị ban chấp hành thảo luận và quyết định.

Bí thư và phó bí thư căn cứ vào nghị quyết của ban chấp hành, của ban thường vụ và các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên để chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện; giải quyết công việc hàng ngày của đảng bộ; chuẩn bị các vấn đề đưa ra ban thường vụ thảo luận và quyết định.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC CƠ SỞ CỦA ĐẢNG

Điều 24:

Các chi bộ cơ sở và đảng bộ cơ sở (gọi chung là tổ chức cơ

sở đảng) lập thành nền tảng của Đảng. Đơn vị cơ sở (xã, phường, thị trấn, cơ quan, hợp tác xã, xí nghiệp, công ty, trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu khoa học, đơn vị cơ sở trong lực lượng vũ trang và các đơn vị cơ sở khác) có từ ba đảng viên chính thức trở lên được thành lập chi bộ; nếu không đủ ba đảng viên chính thức thì cấp uỷ cấp trên trực tiếp giới thiệu đảng viên sinh hoạt ở một tổ chức cơ sở đảng gần đó.

Ở những đơn vị cơ sở hoặc một bộ phận trong đơn vị cơ sở (phân xưởng ở xí nghiệp, thôn ấp ở xã, khoa ở trường học, v.v.) có từ ba mươi đảng viên trở lên có thể lập nhiều chi bộ, đặt trực thuộc đảng uỷ cơ sở.

Những trường hợp sau đây, cấp uỷ cơ sở phải báo cáo và phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý mới được thực hiện:

- Tổ chức nhiều chi bộ trong một đơn vị cơ sở hoặc một bộ phận trong đơn vị cơ sở chưa đủ ba mươi đảng viên.
- Chỉ lập một chi bộ trong một đơn vị cơ sở hoặc một bộ phận trong đơn vị cơ sở có trên năm mươi đảng viên.
- Lập đảng bộ bộ phận trong đảng bộ cơ sở.

Đảng bộ xã, phường, thị trấn bao gồm các chi bộ ở các thôn, ấp, bản, đường phố và các đơn vị kinh tế - xã hội của xã, phường, thị trấn.

Tổ chức đảng ở những bộ phận hoạt động cách xa đơn vị cơ sở, đặt trực thuộc cấp uỷ địa phương nơi bộ phận ấy hoạt động.

Điều 25:

Đại hội đại biểu hoặc đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng do cấp uỷ cơ sở triệu tập năm năm hai lần. Đại hội thảo

luận các vấn đề do cấp trên đưa xuống; xét và chuẩn y báo cáo của cấp uỷ; quyết định nhiệm vụ, chủ trương công tác; bầu cấp uỷ; bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Đảng uỷ cơ sở họp thường lệ mỗi tháng một lần và họp bất thường khi cần.

Đảng uỷ cơ sở có từ chín uỷ viên trở lên bầu ban thường vụ; bầu bí thư, phó bí thư trong số uỷ viên thường vụ.

Điều 26:

Nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng:

1. Quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và căn cứ vào tình hình của đơn vị đề ra chủ trương, nhiệm vụ của đảng bộ; kiểm tra việc thực hiện, bảo đảm cho nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh.
2. Lãnh đạo quần chúng hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng, xây dựng mối liên hệ mật thiết với quần chúng; xây dựng chính quyền, bộ máy quản lý, lực lượng dân quân tự vệ, an ninh nhân dân và các đoàn thể nhân dân.
3. Xây dựng đảng bộ và đội ngũ cán bộ ở đơn vị; chăm lo công tác giáo dục chính trị tư tưởng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, nâng cao trình độ kiến thức và năng lực công tác của đảng viên; tuyên truyền phát triển ảnh hưởng của Đảng trong quần chúng và kết nạp đảng viên mới; nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình, kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, giữ gìn kỷ luật và tăng cường đoàn kết thống nhất của Đảng; xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên; thu nộp đảng phí.
4. Tham gia và lãnh đạo quần chúng tham gia xây dựng

đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nắm vững ý kiến, nguyện vọng của quần chúng để kịp thời giải quyết, báo cáo trung thực tình hình và hoạt động của đảng bộ lên cấp trên.

Cấp uỷ của đảng bộ cơ sở có từ một trăm đảng viên trở lên, nếu được cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng quyết định, được quyền như đảng uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng trong việc chuẩn y kết nạp người vào Đảng và thi hành kỷ luật khai trừ đảng viên.

Điều 27:

Chi bộ là nơi trực tiếp nối liền Đảng với quần chúng, được tổ chức theo nơi làm việc hoặc nơi ở của đảng viên. Chi bộ có nhiệm vụ giáo dục, rèn luyện, quản lý, phân công và kiểm tra công tác của đảng viên, kết nạp đảng viên mới và thi hành kỷ luật đảng viên, lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ trong phạm vi đơn vị.

Đại hội chi bộ do chi uỷ triệu tập mỗi năm một lần. Đại hội thảo luận các vấn đề do cấp trên đưa xuống và báo cáo của chi uỷ, quyết định nhiệm vụ của chi bộ; bầu cấp uỷ và bầu đại biểu đi dự đại hội cấp trên.

Chi bộ có dưới chín đảng viên chính thức, bầu bí thư chi bộ; nếu cần, bầu phó bí thư. Chi bộ có chín đảng viên chính thức trở lên, bầu ban chấp hành chi bộ (gọi tắt là chi uỷ); bầu bí thư và phó bí thư chi bộ trong số chi uỷ viên.

Bí thư chi bộ, chi uỷ phải được đảng uỷ cơ sở chuẩn y; nếu là chi uỷ của chi bộ cơ sở phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng chuẩn y.

Chi uỷ họp thường lệ mỗi tháng một lần.

Chi bộ họp thường lệ mỗi tháng một lần để thảo luận quán triệt và bàn biện pháp thi hành nghị quyết, chỉ thị của cấp trên; kiểm điểm và đề ra nhiệm vụ công tác của chi bộ; phân công công tác cho đảng viên.

Chi bộ đông đảng viên có thể chia thành nhiều tổ đảng; tổ đảng bầu tổ trưởng; tổ trưởng làm việc dưới sự chỉ đạo của chi uỷ.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM VÀ CÔNG AN NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 28:

Đảng lãnh đạo Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt theo quy chế do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

Đảng lãnh đạo xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, là lực lượng nòng cốt cùng toàn dân bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tham gia xây dựng đất nước.

Các ban của cấp uỷ đảng theo chức năng giúp cấp uỷ đảng hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng trong Quân đội nhân dân Việt Nam và Công an nhân dân Việt Nam.

Điều 29:

Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam được tổ chức theo hệ thống dọc, hoạt động theo Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương.

Đảng uỷ Quân sự Trung ương (Quân uỷ Trung ương) do Ban Chấp hành Trung ương chỉ định, gồm một số uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác trong quân đội và một số uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương công tác ngoài quân đội, đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Quân uỷ Trung ương có nhiệm vụ nghiên cứu đề xuất để Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng, đồng thời lãnh đạo mọi mặt công tác trong quân đội.

Ban chấp hành đảng bộ cấp nào do đại hội cấp đó bầu, có nhiệm vụ lãnh đạo các đơn vị thuộc cấp mình về mọi mặt; trường hợp đặc biệt do đảng uỷ cấp trên chỉ định theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Tổng cục Chính trị đảm nhiệm công tác Đảng, công tác chính trị đối với toàn quân, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư và trực tiếp thường xuyên của Quân uỷ Trung ương. Ở mỗi cấp có cơ quan chính trị và cán bộ chính trị đảm nhiệm công tác tư tưởng và công tác tổ chức dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp uỷ đảng cấp mình và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

Điều 30:

Tổ chức đảng ở cơ quan quân sự địa phương và đơn vị bộ đội địa phương đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ địa phương về mọi mặt, đồng thời có nhiệm vụ chấp hành nghị

quyết của đảng uỷ quân sự cấp trên về nhiệm vụ quốc phòng toàn dân và công tác quân sự địa phương. Cơ quan chính trị cấp trên phối hợp với cấp uỷ địa phương về chỉ đạo công tác xây dựng Đảng và công tác quần chúng trong lực lượng vũ trang địa phương.

Điều 31:

Tổ chức đảng trong lực lượng Công an nhân dân Việt Nam do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

CHƯƠNG VII

UỶ BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

Điều 32:

Ủy ban kiểm tra các cấp do ban chấp hành đảng bộ cùng cấp bầu, gồm một số đồng chí trong cấp uỷ và một số đồng chí ngoài cấp uỷ.

Chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y, nếu điều động sang công tác khác phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp đồng ý.

Ủy ban kiểm tra các cấp làm việc theo nguyên tắc tập thể dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ cùng cấp, báo cáo trước hội nghị thường kỳ của cấp uỷ và hoạt động theo nhiệm vụ, quyền hạn do Điều lệ Đảng quy định.

Điều 33:

Nhiệm vụ của uỷ ban kiểm tra các cấp:

1. Kiểm tra đảng viên (kể cả cấp uỷ viên cùng cấp) và tổ

chức đảng cấp dưới chấp hành nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng của đảng viên; xem xét, kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật và căn cứ thẩm quyền quy định tại điều 36 mà quyết định hoặc đề nghị cấp uỷ quyết định thi hành kỷ luật.

2. Kiểm tra việc chấp hành quy chế làm việc của cấp uỷ cấp dưới.

3. Kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới.

4. Kiểm tra tài chính của cấp uỷ cấp dưới và của cơ quan tài chính của cấp uỷ cùng cấp.

5. Giải quyết thư tố cáo về những nội dung quy định tại điểm 1 điều 33 đối với đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới.

6. Giải quyết thư khiếu nại về việc thi hành kỷ luật trong Đảng theo thẩm quyền quy định tại điều 36.

Điều 34:

Ủy ban kiểm tra các cấp được quyền yêu cầu các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

Ủy ban kiểm tra cấp trên được quyền kiểm tra hoạt động của uỷ ban kiểm tra cấp dưới.

CHƯƠNG VIII

VIỆC THI HÀNH KỶ LUẬT TRONG ĐẢNG

Điều 35:

Việc thi hành kỷ luật trong Đảng phải công minh, chính xác, kịp thời nhằm giữ vững sự thống nhất ý chí và

hành động, tăng cường sức chiến đấu của Đảng và giáo dục đảng viên.

Tuỳ mức độ, tính chất sai lầm của đảng viên và của tổ chức đảng, áp dụng các hình thức kỷ luật sau đây:

Đối với đảng viên: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ.

Đối với tổ chức đảng: khiển trách, cảnh cáo, giải tán.

Điều 36:

Về thẩm quyền thi hành kỷ luật:

a) Đối với đảng viên:

1. Việc thi hành kỷ luật đảng viên phải được chi bộ chủ động xem xét. Chi bộ có quyền quyết định khiển trách, cảnh cáo đảng viên; kỷ luật khai trừ đảng viên phải được hội nghị chi bộ biểu quyết với sự đồng ý của ít nhất hai phần ba số đảng viên chính thức của chi bộ và phải được đảng uỷ cơ sở (nếu có) tán thành, uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền chuẩn y.

2. Đối với đảng viên là cán bộ do cấp uỷ cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên các cấp, phạm kỷ luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của chi bộ hoặc về lối sống, chi bộ có quyền thi hành kỷ luật như quy định tại điểm 1 điều 36, song phải báo cáo với uỷ ban kiểm tra cấp quản lý cán bộ đó để thẩm tra lại.

3. Đối với đảng viên là cán bộ do cấp uỷ cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên cùng cấp hoặc cấp uỷ viên cấp dưới trực tiếp, phạm kỷ luật trong việc thực hiện nhiệm vụ do cấp trên giao, chi bộ và đảng uỷ cơ sở có quyền đề nghị các hình thức kỷ luật; uỷ ban kiểm tra các cấp quản lý cán bộ đó quyết định các hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo;

cấp uỷ cấp quản lý cán bộ đó quyết định các hình thức kỷ luật cách chức, khai trừ.

4. Đối với đảng viên là uỷ viên ban chấp hành các cấp (kể cả uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương):

- Phạm kỷ luật trong việc thực hiện nhiệm vụ của chi bộ hoặc về lối sống thì chi bộ quyết định các hình thức khiển trách, cảnh cáo; nếu cần xử lý hình thức kỷ luật cao hơn thì chi bộ đề nghị lên cấp uỷ cấp trên.

- Phạm kỷ luật trong việc thực hiện nhiệm vụ do cấp uỷ giao, cấp uỷ nào giao nhiệm vụ thì cấp uỷ đó quyết định các hình thức kỷ luật; riêng kỷ luật khai trừ ra khỏi Đảng hoặc cách chức uỷ viên ban chấp hành, do ban chấp hành quyết định với sự đồng ý của ít nhất hai phần ba số uỷ viên ban chấp hành, được cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y và báo cáo với đại hội đảng bộ trong kỳ họp gần nhất; nếu đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ thì cấp uỷ quyết định kỷ luật phải báo cáo lên cấp uỷ cao nhất mà đảng viên đó tham gia để chuẩn y.

Các hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo do chi bộ hoặc cấp uỷ cấp dưới quyết định phải được báo cáo lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp và cấp uỷ cao nhất mà đảng viên đó tham gia để thẩm tra lại.

Việc thi hành kỷ luật chi uỷ viên do chi bộ quyết định; riêng kỷ luật cách chức chi uỷ viên phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y.

5. Trường hợp đảng viên vi phạm kỷ luật, tuy đã được cấp trên nhắc nhở, song tổ chức đảng cấp dưới không xử lý kỷ luật hoặc xử lý chưa đúng mức, thì cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên có thẩm quyền trực tiếp quyết định thi hành kỷ luật hoặc sửa đổi mức kỷ luật đối với đảng viên đó.

6. Khi giải quyết các khiếu nại về kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới quyết định đối với đảng viên (kể cả cấp uỷ viên cấp dưới) và khi kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức đảng cấp dưới, uỷ ban kiểm tra cấp trên được quyết định chuẩn y, sửa đổi hoặc xoá bỏ hình thức kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới quyết định, trừ hình thức khai trừ ra khỏi Đảng và cách chức uỷ viên ban chấp hành đảng bộ cấp dưới trực tiếp.

7. Quyết định của cấp trên thi hành kỷ luật cấp uỷ viên và cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý được thông báo đến chi bộ, đảng bộ cơ sở nơi đảng viên đó sinh hoạt.

b) Đối với tổ chức đảng:

Kỷ luật khiển trách, cảnh cáo một tổ chức đảng do cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định.

Kỷ luật giải tán một tổ chức đảng do cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định với sự đồng ý của ít nhất hai phần ba số uỷ viên ban chấp hành và phải được cấp uỷ cấp trên cách một cấp chuẩn y.

Quyết định đó phải được báo cáo lên Ban Chấp hành Trung ương và Uỷ ban Kiểm tra Trung ương.

Chỉ giải tán một chi bộ, đảng bộ hoặc ban chấp hành nếu vi phạm một trong ba trường hợp sau đây: có ít nhất hai phần ba số đảng viên (đối với chi bộ, đảng bộ) hoặc ít nhất hai phần ba số uỷ viên ban chấp hành (đối với ban chấp hành) phạm sai lầm đến mức phải khai trừ; tập thể tổ chức đó đã có hành động chống lại đường lối, chính sách của Đảng một cách cố ý thức; có đủ bằng chứng tập thể đó không đủ tin cậy về chính trị.

Ở chi bộ, đảng bộ bị giải tán, đảng viên không có khuyết

điểm, hoặc có khuyết điểm nhưng chưa đến mức phải khai trừ, được cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định chuyển sinh hoạt đảng vào chi bộ mới thành lập, hoặc đến một chi bộ khác.

Điều 37:

Trước khi quyết định kỷ luật, tổ chức đảng có trách nhiệm nghe đảng viên hoặc người đại diện cho tổ chức đảng bị xem xét về kỷ luật trình bày ý kiến.

Sau khi quyết định về kỷ luật đã được công bố, nếu không đồng ý thì trong vòng ba tháng, đảng viên hoặc tổ chức bị thi hành kỷ luật có quyền yêu cầu tổ chức đã quyết định kỷ luật đó xem xét lại và được khiếu nại lên cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên cho đến Ban Chấp hành Trung ương.

Khi nhận được thư khiếu nại kỷ luật, cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên báo cho người khiếu nại biết; trong vòng một tháng phải tổ chức xem xét. Ba tháng một lần, uỷ ban kiểm tra cấp dưới báo cáo lên uỷ ban kiểm tra cấp trên về tình hình giải quyết thư khiếu nại kỷ luật. Cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra cấp trên thường xuyên kiểm tra việc giải quyết thư khiếu nại của cấp dưới.

Điều 38:

Trong khi nghị quyết về khai trừ đảng viên hoặc giải tán một tổ chức đảng chưa được cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền chuẩn y, đảng viên đó vẫn được sinh hoạt đảng, tổ chức đó vẫn hoạt động. Việc tạm đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, hoạt động của tổ chức đảng chỉ được áp dụng trong trường hợp đặc biệt và phải được cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền chuẩn y theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

Đảng viên bị hình phạt tù hình thức cải tạo không giam giữ trở lên phải khai trừ ra khỏi Đảng.

Điều 39:

Từ sáu tháng đến một năm, sau khi đảng viên bị thi hành kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức, chi bộ nghe đảng viên đó báo cáo để xem xét; nếu đảng viên đó thật sự đã sửa chữa khuyết điểm, chi bộ công nhận và báo cáo lên cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp trên; cấp nào quyết định thi hành kỷ luật thì cấp đó chuẩn y công nhận đảng viên đã sửa chữa khuyết điểm.

CHƯƠNG IX

**ĐẢNG ĐỐI VỚI TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC
VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN**

Điều 40:

Đảng lãnh đạo Nhà nước và các đoàn thể nhân dân bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và các chủ trương công tác; bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Đảng giới thiệu những cán bộ đủ tiêu chuẩn để cơ quan nhà nước và đoàn thể nhân dân lựa chọn và sử dụng.

Tổ chức đảng và đảng viên công tác trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân phải nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết, chỉ thị của cấp uỷ; tôn trọng chức năng của các tổ chức đó; ủng hộ sáng kiến của quần chúng; gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân và nhiệm vụ được giao; góp phần tích cực xây dựng Nhà nước và các đoàn thể nhân dân.

Điều 41:

Trong các cơ quan lãnh đạo của Nhà nước và đoàn thể nhân dân do bầu cử lập ra, cấp uỷ cùng cấp lập đảng đoàn gồm một số đảng viên công tác trong tổ chức đó. Nơi không lập đảng đoàn, cấp uỷ phân công đảng viên công tác trong tổ chức đó làm nhiệm vụ của đảng đoàn.

Đảng đoàn có bí thư; nếu cần, có phó bí thư do cấp uỷ cùng cấp chỉ định. Đảng đoàn phục tùng sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng, làm việc tập thể và chịu trách nhiệm trước cấp uỷ.

Đảng đoàn có nhiệm vụ vận động, thuyết phục những thành viên trong cơ quan lãnh đạo và quần chúng trong tổ chức mình thực hiện đường lối, chính sách của Đảng; tăng cường ảnh hưởng của Đảng và mối liên hệ mật thiết giữa đảng viên với người ngoài Đảng, nghiên cứu đề đạt với cấp uỷ đảng về phương hướng, nhiệm vụ và tổ chức, cán bộ của tổ chức đó.

Khi cần, đảng đoàn được triệu tập các đảng viên trong tổ chức đó để thảo luận chủ trương của cấp uỷ và bàn biện pháp thực hiện.

CHƯƠNG X

**ĐẢNG ĐỐI VỚI ĐOÀN THANH NIÊN
CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH**

Điều 42:

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy thường xuyên bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng, kế tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh; là lực lượng nòng cốt trong phong trào thanh niên; là trường học xã hội chủ nghĩa và đại diện quyền lợi của thanh niên.

Ban chấp hành đảng bộ các cấp lãnh đạo trực tiếp ban chấp hành đoàn cùng cấp.

Điều 43:

Đảng viên còn trong tuổi đoàn phải sinh hoạt và công tác trong tổ chức đoàn, tích cực góp phần xây dựng Đoàn vững mạnh.

CHƯƠNG XI

TÀI CHÍNH CỦA ĐẢNG

Điều 44:

Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, thu từ các xí nghiệp sản xuất, kinh doanh của Đảng và các khoản thu khác.

Điều 45:

Ban Chấp hành Trung ương quy định thống nhất nguyên tắc, chế độ thu chi, quản lý tài chính của Đảng, mức đóng đảng phí của đảng viên, chế độ thu nộp và sử dụng đảng phí.

Hàng năm, ban chấp hành các cấp nghe báo cáo và quyết định nhiệm vụ công tác tài chính của cấp mình.

CHƯƠNG XII

CHẤP HÀNH ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Điều 46:

Mọi đảng viên và tổ chức của Đảng có trách nhiệm chấp

hành nghiêm chỉnh và kịp thời đấu tranh chống mọi biểu hiện vi phạm Điều lệ Đảng.

Điều 47:

Chỉ Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Đảng.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHƯƠNG HƯỚNG LỰA CHỌN NHÂN SỰ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG (KHÓA VII)**

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII được triệu tập trong thời điểm lịch sử rất quan trọng: tình hình thế giới đã và đang có những diễn biến rất phức tạp.

Chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ đang ra sức phản kích phong trào cách mạng của nhân dân thế giới mưu toan làm suy yếu và xóa bỏ chủ nghĩa xã hội, đang ra sức thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình ở một số nước.

Tình hình trong nước sau 5 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội VI tuy đã đạt được những kết quả rất quan trọng, song dân tộc ta đang đứng trước những thử thách mới cần phải vượt qua.

Kẻ địch bên ngoài đang cấu kết với một số phần tử đang tìm mọi thủ đoạn đả kích sự lãnh đạo của Đảng, đả kích chế độ xã hội chủ nghĩa. Một số người cơ hội, tham vọng cá nhân đang có những hoạt động bè phái nhằm mục đích chia rẽ nội bộ.

Trong bối cảnh như vậy, việc lựa chọn nhân sự Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

I- YÊU CẦU

1. Tập trung trí tuệ của toàn Đảng, bảo đảm thật sự vững vàng về chính trị và có đủ kiến thức năng lực, có uy tín để cụ thể hóa đường lối và lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Đại hội, giải quyết được những tình huống phức tạp đặt ra trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

2. Bảo đảm sự kế thừa liên tục trong Ban Chấp hành Trung ương và đặc biệt là phải bảo đảm sự kế thừa chuyển tiếp cán bộ trong Bộ Chính trị, một lòng trung thành với Đảng, với chủ nghĩa Mác - Lênin và với chủ nghĩa xã hội, xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, của nhân dân, kế tiếp sự nghiệp của Đảng và của Bác Hồ đã chọn.

3. Bảo đảm lựa chọn cán bộ tham gia Ban Chấp hành Trung ương theo đúng tiêu chuẩn quy định vừa bảo đảm nâng cao chất lượng lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, vừa bảo đảm tăng thêm uy tín và lòng tin với Đảng. Không được vì yêu cầu cơ cấu mà chần chừ yêu cầu về tiêu chuẩn.

II- NHỮNG ĐỒNG CHÍ ĐƯỢC GIỚI THIỆU THAM GIA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VII)
PHẢI CÓ ĐỦ NHỮNG TIÊU CHUẨN SAU ĐÂY:

1. *Một lòng trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với chủ nghĩa Mác - Lênin và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội:*

- Bản lĩnh chính trị vững vàng, không mơ hồ trong đấu tranh giai cấp, không dao động trước khó khăn, không đa nguyên đa đảng.

- Dũng cảm đấu tranh chống những quan điểm, hành động và khuynh hướng sai trái trên mọi lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội, văn hóa, nghệ thuật, báo chí, v.v. để bảo vệ chân lý, bảo vệ đường lối của Đảng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội.

2. *Có kiến thức và năng lực thực tiễn* để đóng góp vào sự lãnh đạo của Trung ương. Có năng lực cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng trong lĩnh vực công tác được phân công và tổ chức thực hiện có hiệu quả công việc do mình phụ trách.

3. *Chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ:*

- Tôn trọng, phát huy đầy đủ dân chủ trong sinh hoạt của Đảng và của quần chúng, không quan liêu, không độc đoán.

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, tôn trọng nguyên tắc kỷ cương của Đảng và pháp luật của Nhà nước, không vì cảm tình riêng tư để bao che cho người có khuyết điểm.

4. *Có đạo đức, phẩm chất cách mạng theo gương Bác Hồ*, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, giản dị, khiêm tốn, được Đảng và quần chúng tín nhiệm.

- Trung thực, khiêm tốn, không cơ hội, không xu nịnh, không tham vọng cá nhân, không hoạt động bè phái.

- Không lợi dụng chức quyền để thu vén cá nhân, trái với chế độ của Đảng và Nhà nước đã quy định.

- Có ý thức chăm lo lợi ích của quần chúng, có tinh thần đấu tranh để xây dựng đoàn kết nội bộ; có uy tín để quy tụ và đoàn kết cán bộ.

- Có ý thức chăm lo cho lợi ích chung của cả nước, không cục bộ địa phương.

5. *Có đủ điều kiện sức khỏe để đảm nhiệm công tác.*

III- VỀ CƠ CẤU VÀ SỐ LƯỢNG

1. Trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn, Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) cần có ba độ tuổi (từ 60 trở lên, từ 50 đến 59, dưới 50). Số đông nên ở độ tuổi từ 45 đến 59 tuổi để bảo đảm sự kế thừa liên tục và sự vững vàng, ổn định trong lãnh đạo; cần mạnh dạn đưa số cán bộ ở độ tuổi 50 trở xuống có đủ tiêu chuẩn và có triển vọng tham gia Ban Chấp hành Trung ương.

2. Để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, Ban Chấp hành Trung ương cần có những đồng chí hiểu biết trên các lĩnh vực hoạt động và mọi miền đất nước. Vì vậy cơ cấu Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) cần có: ở các lĩnh vực công tác quan trọng như quốc phòng, an ninh, ngoại giao, kinh tế, văn hóa giáo dục, xây dựng đảng, quản lý nhà nước, công tác vận động quần chúng, hai thành phố: Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương.

Không nhất thiết tất cả các ngành và địa phương đều phải có Trung ương. Ở một số cơ sở sản xuất kinh doanh, viện nghiên cứu khoa học, trường đại học; văn nghệ sĩ, công tác nghiên cứu lý luận, cũng cần có cán bộ đủ tiêu chuẩn tham gia Ban Chấp hành Trung ương. Chú ý lựa chọn cán bộ thuộc thành phần công nhân; cán bộ dân tộc ít người, cán bộ nữ có đủ tiêu chuẩn tham gia Ban Chấp hành Trung ương. Việc lựa chọn cán bộ tham gia Ban Chấp hành Trung ương phải gắn với yêu cầu phân công phụ trách công việc quan trọng của ngành và địa phương.

3. Tuổi đời tuy không phải là tiêu chuẩn, song vì để bảo đảm yêu cầu có ba độ tuổi trong Ban Chấp hành Trung ương,

nên đối với các ủy viên Trung ương (khóa VI) từ 66 tuổi trở lên nói chung không giới thiệu tham gia Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII), trừ số rất ít đồng chí xét có yêu cầu thật cần thiết mới tiếp tục tham gia Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII).

- Số cán bộ được giới thiệu tham gia Trung ương (khóa VII), tuổi đời nói chung không quá 60, trừ một số trường hợp tuổi ngoài 60 nhưng xét có đủ tiêu chuẩn và thật sự có yêu cầu thì mới xem xét để giới thiệu.

4. Để bảo đảm chất lượng của Ban Chấp hành Trung ương như đã trình bày trên đây, đề nghị số lượng Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) khoảng trên dưới 150 ủy viên.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÁO CÁO CHÍNH THỨC
KẾT QUẢ BẦU CỬ BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG, BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ
VÀ ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG**

**DANH SÁCH ỦY VIÊN
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG (KHÓA VII)
(XẾP THEO VẤN A, B, C)**

1. Nguyễn Văn An	Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương
2. Lê Đức Anh	Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng
3. Đỗ Văn Ân	Bí thư Tỉnh ủy Sơn La
4. Nguyễn Bá	Bí thư Tỉnh ủy Nghệ Tĩnh
5. Nguyễn Đức Bình	Giám đốc Học viện Nguyễn Ái Quốc
6. Lê Đức Bình	Bí thư Tỉnh ủy Hải Hưng
7. Nguyễn Thới Bưng	Trung tướng, Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam
8. Nguyễn Mạnh Cầm	Đại sứ Việt Nam tại Liên Xô
9. Nguyễn Kỳ Cầm	Tổng thanh tra Nhà nước

10. Huỳnh Văn Cấn	Bí thư Tỉnh ủy Đắc Lắc
11. Nguyễn Văn Chi	Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng
12. Võ Trần Chí	Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh
13. Nguyễn Văn Chiêu	Bí thư Tỉnh ủy Long An
14. Nguyễn Văn Chính	Phó Trưởng ban thứ nhất Ban Tổ chức Trung ương
15. Đỗ Chính	Trưởng ban Kinh tế Trung ương
16. Nguyễn Chơn	Thượng tướng, Phó Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam
17. Đặng Vũ Chú	Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ
18. Nguyễn Nhiêu Cốc	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Sơn Bình
19. Trần Quang Cơ	Thứ trưởng Bộ Ngoại giao
20. Vũ Đình Cự	Phó Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam
21. Huỳnh Cương	Phó Chủ tịch Quốc hội
22. Nguyễn Cảnh Dinh	Bộ trưởng Bộ Thủy lợi
23. Nguyễn Tấn Dũng	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang
24. Phạm Thế Duyệt	Bí thư Thành ủy Hà Nội
25. Hà Quang Dự	Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh
26. Đỗ Bình Dương	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Bắc

27. Lê Văn Dĩ	Thứ trưởng thứ nhất Bộ Công nghiệp nặng
28. Trần Văn Đăng	Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phú
29. Hà Đăng	Tổng biên tập Báo <i>Nhân Dân</i>
30. Nguyễn Đệ	Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 9
31. Trương Quang Được	Tổng cục trưởng Tổng cục Hải Quan
32. Trần Thị Đường	Phó Tổng giám đốc Liên hiệp dệt kiêm Giám đốc Nhà máy dệt Phong Phú
33. Nguyễn Bình Giang	Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh
34. Hồng Hà	Chánh Văn phòng Trung ương Đảng
35. Phạm Minh Hạc	Thứ trưởng thứ nhất Bộ Giáo dục và Đào tạo
36. Nguyễn Ngô Hai	Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái
37. Vũ Ngọc Hải	Bộ trưởng Bộ Năng lượng
38. Nguyễn Thị Hằng	Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
39. Cù Thị Hậu	Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
40. Nguyễn Văn Hiệu	Viện trưởng Viện Khoa học Việt Nam
41. Trương Mỹ Hoa	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
42. Trần Đình Hoan	Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

43. Nguyễn Đức Hoan	Bí thư Tỉnh ủy Quảng Trị
44. Trần Hoàn	Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Du lịch
45. Vũ Tuyên Hoàng	Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm
46. Nguyễn Thị Kim Hồng	Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Châu Thành, An Giang
47. Nguyễn Văn Hơn	Bí thư Tỉnh ủy An Giang
48. Vũ Quốc Hùng	Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương
49. Phạm Hưng	Chánh án Tòa án nhân dân tối cao
50. Nguyễn Đình Hương	Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương
51. Lê Minh Hương	Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ
52. Đặng Hữu	Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước
53. Phạm Văn Hy	Bí thư Tỉnh ủy Đồng Nai
54. Phan Văn Khải	Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước
55. Nguyễn Khánh	Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
56. Nguyễn Nam Khánh	Thượng tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị
57. Hà Thị Khiết	Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tuyên

58. Vũ Khoan Thứ trưởng Bộ Ngoại giao
59. Đoàn Khuê Đại tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam
60. Cao Sỹ Kiêm Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
61. Lê Văn Kiến Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương
62. Võ Văn Kiệt Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng
63. Đặng Xuân Kỳ Viện trưởng Viện Mác - Lênin
64. Nguyễn Xuân Kỳ Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre
65. Mai Thúc Lân Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - Kế hoạch và ngân sách của Quốc hội
66. Trịnh Văn Lâu Bí thư Tỉnh ủy Cửu Long
67. Phạm Tâm Long Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ
68. Ngô Xuân Lộc Bộ trưởng Bộ Xây dựng
69. Nguyễn Duy Luân Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên
70. Trần Lum Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng
71. Đào Đình Luyện Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng
72. Trần Đức Lương Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
73. Bùi Danh Lưu Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bưu điện
74. Nông Đức Mạnh Trưởng ban Dân tộc Trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội

75. Vũ Mão Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước
76. Nguyễn Thị Minh Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
77. Đỗ Mười Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
78. Nguyễn Thị Xuân Mỹ Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương
79. Phạm Thanh Ngân Thiếu tướng, Tư lệnh Quân chủng Không quân
80. Hoàng Đức Nghi Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng miền núi và dân tộc
81. Lê Huy Ngọ Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa
82. Bùi Thiện Ngộ Trung tướng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Nội vụ
83. Đàm Văn Ngụy Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 1
84. Lê Thanh Nhàn Bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang
85. Nguyễn Trọng Nhân Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam
86. Võ Hồng Nhân Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy Đồng Tháp
87. Thái Bá Nhiệm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Bình
88. Huỳnh Văn Niềm Bí thư Tỉnh ủy Tiền Giang
89. Nguyễn Niệm Bí thư Tỉnh ủy Lai Châu
90. Nguyễn Dy Niên Thứ trưởng Bộ Ngoại giao
91. Nguyễn Thái Ninh Phó Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương
92. Vũ Oanh Phụ trách công tác dân vận Trung ương Đảng

93. Tráng A Pao	Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn
94. Nguyễn Hà Phan	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang
95. Lê Khả Phiêu	Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị
96. Nguyễn Minh Triết (Trần Phong)	Phó Bí thư Tỉnh ủy Sông Bé
97. Đỗ Phượng	Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam
98. A Ma Pui	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk
99. Lò Văn Puồn	Bí thư Huyện ủy Điện Biên, Lai Châu
100. Trần Hồng Quân	Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
101. Nguyễn Duy Quý	Bí thư Đảng ủy khối, Phó Trưởng ban Khoa giáo Trung ương
102. Chu Văn Ry	Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình
103. Đỗ Quốc Sam	Phó Chủ nhiệm thứ nhất Ủy ban Kế hoạch Nhà nước
104. Trương Tấn Sang	Ủy viên thường vụ Thành ủy, Giám đốc Sở Nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh
105. Phạm Song	Bộ trưởng Bộ Y tế
106. Nguyễn Đình Sở	Bí thư Tỉnh ủy Hà Sơn Bình
107. Bùi Xuân Sơn	Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam Ninh

108. Nguyễn Văn Sỹ	Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai - Kon Tum
109. Nguyễn Công Tạn	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm
110. Hoàng Tanh	Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn
111. Phan Minh Tánh	Trưởng ban Dân vận Trung ương
112. Nguyễn Thị Tâm	Bí thư Quận ủy Ba Đình, Hà Nội
113. Trần Trọng Tân	Trưởng ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương
114. Nông Hồng Thái	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng
115. Trần Thị Thanh Thanh	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
116. Tạ Hữu Thanh	Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hoàng Liên Sơn
117. Đỗ Quang Thắng	Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi
118. Vũ Thắng	Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế
119. Nguyễn Thị Thân	Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
120. Đặng Văn Thân	Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu chính viễn thông
121. Phạm Văn Thọ	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Hưng
122. Lê Phước Thọ	Phụ trách công tác nông nghiệp Trung ương Đảng

123. Hữu Thọ	Phó Tổng biên tập Báo <i>Nhân Dân</i>
124. Phan Thu	Trung tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp quốc phòng và kinh tế
125. Đặng Quân Thụy	Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 2
126. Phan Văn Tiêm	Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước
127. Nguyễn Trung Tín	Bí thư Tỉnh ủy Bình Định
128. Phạm Văn Trà	Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 3
129. Hà Học Trạc	Chủ tịch Liên hiệp các hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam
130. Lê Văn Triết	Thứ trưởng thứ nhất Bộ Thương nghiệp
131. Nguyễn Đức Triều	Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Hải Hậu, Hà Nam Ninh
132. Lê Xuân Trinh	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước
133. Nguyễn Tấn Trịnh	Bộ trưởng Bộ Thủy sản
134. Trương Vĩnh Trọng	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre
135. Đỗ Quang Trung	Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh
136. Lê Văn Tu	Phó Bí thư thường trực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

137. Đào Duy Tùng	Phụ trách công tác tư tưởng Trung ương Đảng
138. Lê Xuân Tùng	Trợ lý Tổng Bí thư
139. Nguyễn Văn Tư	Chủ tịch Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam
140. Nguyễn Đình Tứ	Ủy viên Hội đồng Nhà nước, Viện trưởng Viện nghiên cứu Năng lượng nguyên tử quốc gia
141. Phan Ngọc Tường	Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức và Cán bộ của Hội đồng Bộ trưởng
142. Nguyễn Thị Hồng Vân	Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy Khánh Hòa
143. Bùi Thanh Vân	Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 7
144. Đậu Ngọc Xuân	Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư
145. Nguyễn Trọng Xuyên	Trung tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần
146. Lê Danh Xương	Bí thư Thành ủy Hải Phòng

DANH SÁCH
BỘ CHÍNH TRỊ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHÓA VII)

1. Đỗ Mười
2. Lê Đức Anh
3. Võ Văn Kiệt
4. Đào Duy Tùng
5. Đoàn Khuê
6. Vũ Oanh
7. Lê Phước Thọ
8. Phan Văn Khải
9. Nông Đức Mạnh
10. Bùi Thiện Ngộ
11. Phạm Thế Duyệt
12. Nguyễn Đức Bình
13. Võ Trần Chí.

DANH SÁCH
BAN BÍ THƯ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHÓA VII)

1. Đỗ Mười
2. Lê Đức Anh
3. Đào Duy Tùng
4. Lê Phước Thọ
5. Nguyễn Hà Phan
6. Hồng Hà
7. Nguyễn Đình Tứ
8. Trương Mỹ Hoa
9. Đỗ Quang Thắng.

DANH SÁCH
ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHOÁ VII)

1. Đỗ Quang Thắng, Chủ nhiệm
2. Lê Văn Kiến
3. Trương Vĩnh Trọng
4. Nguyễn Thị Xuân Mỹ
5. Nguyễn Đức Triều
6. Vũ Quốc Hùng
7. Trần Hữu Đắc
8. Nguyễn Anh Liên
9. Hà Tấn Trung.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ ĐỖ MƯỜI
TỔNG BÍ THƯ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
(KHOÁ VII) KẾT THÚC HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG
LẦN THỨ NHẤT**

Ngày 26 tháng 6 năm 1991

Thưa các đồng chí Ủy viên Trung ương thân mến,

Tôi xin phép được thay mặt các đồng chí Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương vừa được bầu, bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc đối với Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII).

Riêng đối với cá nhân tôi, hôm nay tôi rất cảm kích trước việc Ban Chấp hành Trung ương phân công cho tôi trách nhiệm hết sức nặng nề là Tổng Bí thư của Đảng. Tôi rất lo lắng vì tự thấy, tuy đã tham gia cách mạng từ lâu, nhưng tuổi đã cao, năng lực có hạn, hiểu biết chưa nhiều trong lúc sự nghiệp đổi mới đòi hỏi nhiều trí tuệ và tài năng lãnh đạo cũng như bản lĩnh chính trị vững vàng.

Điều động viên tôi nhiều khi nhận trọng trách mới này là sự tin cậy của Ban Chấp hành Trung ương, sự ủng hộ và

khuyến khích của anh Nguyễn Văn Linh, anh Phạm Văn Đồng, anh Võ Chí Công và nhiều đồng chí khác khoá trước cũng như khoá này đối với tôi.

Song, tôi vẫn suy nghĩ đây cũng là một bước quá độ trong quá trình chuyển tiếp thể hệ lãnh đạo, đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương chuẩn bị người thay thế tôi đảm đương trách nhiệm hết sức nặng nề này.

Nhân đây cho phép tôi nhân danh Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) và từ đáy lòng mình, xin bày tỏ lòng biết ơn và sự đánh giá cao đối với những cống hiến to lớn hơn bốn năm qua của đồng chí Nguyễn Văn Linh trong cương vị Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI).

Đại hội VII đã giao cho Ban Chấp hành Trung ương chúng ta trách nhiệm lịch sử lãnh đạo nhân dân ta vượt qua khó khăn, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đưa nền kinh tế - xã hội căn bản ra khỏi khủng hoảng, cải thiện đời sống nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Đó là nguyện vọng tha thiết của toàn Đảng, toàn dân ta, của Bác Hồ kính yêu. Năm năm tới là một chặng đường đầy thử thách, với những công việc to lớn, nặng nề, nhưng trong bất cứ tình hình nào chúng ta cũng phải làm tròn trách nhiệm nói trên trước Đảng và trước nhân dân.

Chúng ta có thể hoàn thành được nhiệm vụ đó nếu toàn Ban Chấp hành Trung ương chúng ta đoàn kết nhất trí, đồng tâm hiệp lực, toàn tâm toàn ý, vì nước, vì dân mà làm việc. Chúng ta phải là một tập thể lãnh đạo thống nhất, kiên cường, có tổ chức, có kỷ luật, nắm vững thực tiễn và vận dụng quy luật, đi sát nhân dân và gắn bó với nhân dân, chủ động và sáng tạo thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng.

Kinh nghiệm cho chúng ta thấy: Ban Chấp hành Trung ương phải có năng lực và phẩm chất mới tạo được niềm tin và lòng phấn khởi trong đồng bào, đồng chí. Nhân dân đòi hỏi Đảng ta tự đổi mới và chỉnh đốn phương thức lãnh đạo, lời nói đi đôi việc làm. Nhân dân đang nhìn vào hiệu quả công việc hàng ngày và phong cách của chúng ta. Mong rằng Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) Đảng ta không phụ lòng tin của nhân dân.

Chúng ta có một may mắn lớn là Ban Chấp hành Trung ương đã cử ra Hội đồng Cố vấn do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Chủ tịch, cùng đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Võ Chí Công và một số đồng chí lão thành cách mạng khác, với bề dày kinh nghiệm chính trị và lãnh đạo của mình, giúp tư vấn cho Ban Chấp hành Trung ương.

Ban Chấp hành Trung ương sẽ thường xuyên báo cáo tình hình công việc với các đồng chí Cố vấn và mong các đồng chí cũng thường xuyên góp ý kiến, giúp đỡ, ủng hộ và động viên chúng tôi.

Xin chúc các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công và các đồng chí Trung ương mạnh khoẻ.

Xin chúc Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) hoàn thành nhiệm vụ của mình, xứng đáng với sự mong đợi của toàn Đảng, toàn dân.

Tôi tuyên bố kết thúc Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII).

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII họp từ ngày 24-6-1991 đến ngày 27-6-1991 quyết định:

1. Thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*; giao cho Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) căn cứ vào ý kiến của Đại hội để chỉnh lý văn bản trước khi công bố chính thức.

2. Thông qua nội dung cơ bản của *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của nước ta đến năm 2000*; giao cho Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) căn cứ vào ý kiến của Đại hội để bổ sung, hoàn chỉnh trước khi công bố chính thức.

3. Thông qua *Báo cáo chính trị* của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) về đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và phương hướng nhiệm vụ chủ yếu 5 năm 1991-1995; giao cho Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) căn cứ vào ý kiến của Đại hội để hoàn chỉnh trước khi công bố chính thức.

4. Thông qua *Báo cáo xây dựng đảng và sửa đổi Điều lệ*

Đảng của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) và thông qua toàn văn *Điều lệ Đảng* (sửa đổi).

Hà Nội, ngày 27-6-1991
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ VII ĐẢNG CỘNG SẢN
VIỆT NAM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DIỄN VĂN BẾ MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ VII
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM*

Ngày 27 tháng 6 năm 1991

*Thưa Đoàn Chủ tịch,
Thưa các đồng chí đại biểu,
Thưa các vị khách quốc tế,*

Qua bốn ngày làm việc tích cực, khẩn trương và đầy tinh thần trách nhiệm trước toàn Đảng và trước nhân dân, hôm nay chúng ta đã hoàn thành toàn bộ chương trình Đại hội.

Đại hội đã thảo luận và thông qua các văn kiện quan trọng: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Báo cáo chính trị, Báo cáo xây dựng đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng, Điều lệ Đảng* (sửa đổi).

Kết quả nổi bật của Đại hội chúng ta là sự thống nhất cao trên tất cả các vấn đề lớn thuộc về quan điểm, đường lối có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh đất nước trong thời kỳ 1991-1995 và cả tương lai lâu dài.

* Do đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười trình bày (B.T).

Kết quả này của Đại hội là sản phẩm trí tuệ của toàn Đảng và của nhân dân trong việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những giá trị của loài người và giai đoạn hiện nay của sự nghiệp cách mạng nước ta.

Sự nhất trí cao của Đại hội về những quyết định chính trị trọng đại ở một thời điểm lịch sử không đơn giản như hiện nay, cho phép chúng ta khẳng định rằng Đại hội đánh dấu một bước trưởng thành mới của Đảng, một cột mốc mới trong tiến trình cách mạng nước ta; rằng Đại hội đã đáp ứng ý chí và nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân, đáp ứng lòng mong đợi và sự tin cậy của bạn bè gần xa trên thế giới.

Đại hội đã bầu được Ban Chấp hành Trung ương mới đảm đương trọng trách của nhiệm kỳ khoá VII. Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khoá VII) vừa thể hiện tính liên tục và tính kế thừa, vừa thể hiện quyết tâm đổi mới cán bộ đảng ở một thời điểm có sự chuyển tiếp lớn giữa các thế hệ lãnh đạo. Đây cũng là một kết quả rất quan trọng của Đại hội chúng ta.

Với những kết quả nói trên, chúng ta có thể báo cáo với toàn Đảng, toàn dân: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành công tốt đẹp.

Thưa các đồng chí,

Đại hội chúng ta vô cùng xúc động về đề nghị của đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Võ Chí Công, các đồng chí lão thành cách mạng khác trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư và trong Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) không ứng cử vào Trung ương khoá VII vì tuổi cao, sức khoẻ có giảm, nhưng vẫn sẵn sàng gánh vác trọng trách là Cố vấn Ban

Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị (khoá VII) hoặc những nhiệm vụ khác mà Đảng phân công. Các đồng chí đã nêu một tấm gương cao đẹp về tinh thần suốt đời tận tụy phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, về tấm lòng trong sáng cộng sản chủ nghĩa.

Từ đáy lòng mình, chúng ta chân thành chúc các đồng chí Phạm Văn Đồng, Nguyễn Văn Linh, Võ Chí Công và các đồng chí lão thành cách mạng khác luôn luôn mạnh khoẻ, tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân.

Thưa các đồng chí,

Kết quả Đại hội VII của Đảng ta có ý nghĩa rất to lớn trong tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế hiện nay.

Kết quả đó khẳng định, trong đường lối của mình, Đảng ta và nhân dân ta quyết tâm không gì lay chuyển nổi đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn, đó là con đường duy nhất đúng đắn.

Kết quả đó khẳng định Đảng ta kiên trì và tích cực đẩy mạnh công cuộc đổi mới do chính bản thân Đảng khởi xướng theo những nguyên tắc đã được xác định. Trong khi tiếp tục lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, Đảng đẩy mạnh hơn nữa nhiệm vụ đổi mới hệ thống chính trị, dân chủ hoá sinh hoạt xã hội, đổi mới mọi mặt đời sống và hoạt động xã hội. Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có nguyên tắc và có bước đi vững chắc, đó là mệnh lệnh của cuộc sống, là quá trình không thể đảo ngược.

Để hoàn thành sự nghiệp đổi mới, bản thân Đảng phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức

chiến đấu của mình, vươn lên ngang tầm đòi hỏi của hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Thưa các đồng chí,

Tại Đại hội này, các đồng chí đại biểu quốc tế đã đem đến cho Đại hội Đảng ta và nhân dân ta tình hữu nghị và đoàn kết, lòng tin cậy và sự ủng hộ mạnh mẽ của Đảng Cộng sản Liên Xô và nhân dân Liên Xô quang vinh; của Đảng và nhân dân Lào, Đảng và nhân dân Campuchia anh em đầy tình nghĩa trong sáng, đặc biệt thuỷ chung; của Đảng Cộng sản Cuba và nhân dân Cuba anh hùng.

Từ diễn đàn này của Đại hội, những tiếng nói chân tình, thấm thiết của các đoàn đại biểu quốc tế anh em đã vang vọng khắp đất nước ta, làm xúc động sâu sắc tình cảm những người cộng sản và nhân dân Việt Nam, góp phần quý báu vào thành công của Đại hội.

Cũng từ diễn đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc, tình cảm thấm thiết và tình đoàn kết trước sau như một của Đảng và nhân dân ta với Đảng và nhân dân các nước anh em, với tất cả bầu bạn khắp năm châu.

Chúng ta chân thành cảm ơn các đảng anh em, các tổ chức và cá nhân ở nhiều nước đang đấu tranh vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội đã gửi đến Đại hội Đảng ta những bức điện và bức thư chào mừng chứa chan tình cảm và đầy khích lệ đối với Đảng ta và nhân dân ta.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh đồng bào, chiến sĩ cả nước và đồng bào ở nước ngoài đã đóng góp trí tuệ xây dựng các

văn kiện Đại hội, lập nhiều thành tích chào mừng Đại hội và đã gửi đến Đại hội nhiều điện, thư chúc mừng nồng nhiệt.

Đại hội nhiệt liệt biểu dương và cảm ơn đội ngũ cán bộ, chuyên viên, các chiến sĩ, anh chị em công nhân, nhân viên phục vụ đã ngày đêm làm việc tận tụy, góp phần cho Đại hội thành công.

Đại hội chân thành cảm ơn sự có mặt của Đoàn ngoại giao, của đồng chí đại diện Đảng Cộng sản Nhật Bản, đại diện các tổ chức quốc gia và quốc tế, các tổ chức phi chính phủ tại Hà Nội; cảm ơn các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh và vô tuyến truyền hình trong nước và nước ngoài đến theo dõi và đưa tin kịp thời về Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Thành công của Đại hội là nguồn sức mạnh mới hết sức to lớn để tăng cường hơn nữa sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng và khối đại đoàn kết toàn dân. Chặng đường trước mắt có những thuận lợi mới và cả những cơ hội mới, đồng thời cũng đầy khó khăn và thách thức mới, đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu vượt qua.

Trước mắt chúng ta là việc tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh những nghị quyết của Đại hội, biến những quyết định thành hành động trong cuộc sống.

Nhận thức đầy đủ trách nhiệm nặng nề mà Đại hội giao phó, Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) chúng tôi nguyện cố gắng hết sức mình, đồng tâm hiệp lực, lời nói đi đôi với việc làm, cùng toàn Đảng, toàn dân thực hiện thành công các nghị quyết của Đại hội.

Tôi xin long trọng tuyên bố bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

- Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta!

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 01-QĐ/TW, ngày 3 tháng 7 năm 1991

**VỀ PHÂN CÔNG CÁC ĐỒNG CHÍ ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ
và Bí thư Trung ương Đảng (khoá VII)**

Tại phiên họp ngày 2-7-1991, Bộ Chính trị đã quyết định phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị và Bí thư Trung ương Đảng (khoá VII) như sau:

CÁC ĐỒNG CHÍ ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ:

- | | |
|---------------------------|--|
| 1. Đồng chí Đỗ Mười | Tổng Bí thư |
| 2. Đồng chí Lê Đức Anh, | Phụ trách quốc phòng, an ninh, đối ngoại |
| 3. Đồng chí Võ Văn Kiệt, | Giới thiệu với Nhà nước cử làm Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng |
| 4. Đồng chí Đào Duy Tùng, | Thường trực Ban Bí thư |
| 5. Đồng chí Đoàn Khuê, | Giới thiệu với Nhà nước cử làm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng |
| 6. Đồng chí Vũ Oanh, | Phụ trách Dân vận và Mặt trận |

- | | |
|-------------------------------|---|
| 7. Đồng chí Lê Phước Thọ, | Phụ trách Tổ chức |
| 8. Đồng chí Phan Văn Khải | Giới thiệu với Nhà nước cử làm Phó Chủ tịch trực Hội đồng Bộ trưởng kiêm Bộ trưởng Bộ Tài chính |
| 9. Đồng chí Bùi Thiện Ngộ, | Giới thiệu với Nhà nước cử làm Bộ trưởng Bộ Nội vụ |
| 10. Đồng chí Nông Đức Mạnh, | Phụ trách vấn đề Dân tộc |
| 11. Đồng chí Phạm Thế Duyệt, | Bí thư Thành uỷ Hà Nội |
| 12. Đồng chí Nguyễn Đức Bình, | Phụ trách công tác Tư tưởng - Văn hoá và Khoa giáo |
| 13. Đồng chí Võ Trần Chí, | Bí thư Thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh |

CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG:

- | | |
|-----------------------------|---|
| 1. Đồng chí Nguyễn Hà Phan, | Phụ trách khối kinh tế; phụ trách Tài chính của Đảng |
| 2. Đồng chí Hồng Hà, | Phụ trách Đối ngoại, phụ trách Văn phòng Trung ương, Cơ yếu, Lưu trữ |
| 3. Đồng chí Nguyễn Đình Tứ, | Phụ trách Khoa giáo |
| 4. Đồng chí Trương Mỹ Hoa, | Giới thiệu với Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cử làm Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; cùng đồng chí Vũ Oanh lo công tác dân vận |
| 5. Đồng chí Đỗ Quang Thắng, | Chủ nhiệm Uỷ ban Kiểm tra Trung ương |

BỘ PHẬN THƯỜNG TRỰC BỘ CHÍNH TRỊ VÀ BAN BÍ THƯ:

1. Đồng chí Đỗ Mười
2. Đồng chí Lê Đức Anh
3. Đồng chí Đào Duy Tùng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 01-CT/TW, ngày 16 tháng 7 năm 1991

**VỀ VIỆC quán triệt Nghị quyết Đại hội VII
của Đảng**

Để đưa nhanh Nghị quyết Đại hội VII vào cuộc sống, các cấp uỷ đảng cần tổ chức nghiên cứu, quán triệt nghị quyết trong toàn Đảng, toàn dân gắn với việc tổ chức phong trào hành động thực hiện nghị quyết.

1. *Yêu cầu:*

a) Làm cho cán bộ, đảng viên, nhân dân nhận thức đúng các quan điểm của Đại hội, các mục tiêu, nhiệm vụ phấn đấu thời kỳ 1991-1995, nhận rõ thuận lợi và khó khăn, vận dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội vào hoàn cảnh địa phương và ngành mình; khắc phục những nhận thức không đúng; phê phán các quan điểm, luận điệu chống đối, phá hoại, chia rẽ của kẻ địch và những phần tử xấu.

b) Làm cho cán bộ, đảng viên có quan điểm đúng về tổ chức, nhân sự cấp uỷ, về cách làm việc dân chủ; phê phán các biểu hiện tư tưởng không lành mạnh, không nghĩ đến lợi ích chung của Đảng, của nhân dân trong việc bầu cử Ban Chấp

hành đảng bộ cấp tỉnh, thành, quận, huyện, cơ sở, v.v. ở đại hội đảng bộ các cấp vòng 2.

c) Xác định chương trình hành động cụ thể, tạo ra được phong trào cách mạng của quần chúng làm chuyển biến tình hình một cách rõ rệt.

2. Nội dung, hình thức và phương pháp:

a) Nội dung nghiên cứu trong Đại hội đảng bộ các cấp vòng 2 chủ yếu là báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI về các văn kiện trình Đại hội VII; báo cáo của Đoàn Chủ tịch Đại hội về những vấn đề lớn đã thảo luận, kết luận và biểu quyết tại Đại hội; Điều lệ Đảng (sửa đổi). Trên cơ sở các nội dung nói trên, các đại biểu vận dụng sáng tạo vào việc xây dựng báo cáo và nghị quyết về nhiệm vụ chính trị của đảng bộ, bầu ban chấp hành đảng bộ đủ tiêu chuẩn, bảo đảm thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị đề ra.

Hình thức tổ chức, phương pháp nghiên cứu của các đại biểu đại hội do tỉnh uỷ, thành uỷ quyết định.

Trong dịp đại hội chi bộ sắp tới, toàn thể đảng viên ở mọi cương vị công tác đều phải dự sinh hoạt nghiên cứu kỹ Điều lệ Đảng để hiểu rõ những quy định mới, nâng cao ý thức trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ đảng viên và chấp hành Điều lệ Đảng, liên hệ, phê phán các biểu hiện xem thường sinh hoạt chi bộ và các hiện tượng vi phạm Điều lệ Đảng.

b) Đối với các ngành, các cơ quan đảng, nhà nước, các lực lượng vũ trang, mặt trận, ban chấp hành các đoàn thể, các đồng chí thủ trưởng hoặc các đảng đoàn tổ chức cho cán bộ nghiên cứu các văn kiện nói trên và đề ra chương trình hành động cụ thể.

c) Sau việc nghiên cứu các nội dung đã nêu trên, cần tổ chức đợt *nghiên cứu sâu hơn các văn kiện Đại hội VII*.

Học viện Nguyễn Ái Quốc, các trường Nguyễn Ái Quốc khu vực và trường Đảng tỉnh mở các lớp bồi dưỡng ngắn ngày về các văn kiện Đại hội cho các cán bộ lãnh đạo chủ chốt thuộc diện được phân công.

Trong cán bộ, đảng viên và đoàn viên thanh niên, hình thức tổ chức chủ yếu là nghiên cứu tại chức ở chi bộ, chi đoàn gắn với việc đề ra chương trình hành động thiết thực của từng đảng bộ, từng cơ quan, đơn vị. Tài liệu nghiên cứu là các văn kiện Đại hội, có thảo luận, giải đáp, theo kế hoạch và đề cương hướng dẫn của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương. Hoàn thành đợt nghiên cứu này chậm nhất trong tháng 4-1992.

Cấp uỷ cần tổ chức cho cán bộ trực tiếp làm công tác tư tưởng như: cán bộ tuyên huấn, báo, đài, nhà xuất bản, báo cáo viên, văn nghệ sĩ... tập trung nghiên cứu, quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm Đại hội VII, đủ sức tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết Đại hội VII.

Ban Khoa giáo Trung ương phối hợp với Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức bồi dưỡng nội dung các văn kiện Đại hội cho giáo viên và đưa nội dung chủ yếu các văn kiện Đại hội vào chương trình giảng dạy chính trị chính khoá cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, học sinh các trường trung học phổ thông và dạy nghề.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương phối hợp với Ban Cán sự Đảng ngoài nước có kế hoạch tổ chức quán triệt Nghị quyết Đại hội cho các đảng viên, cán bộ, công nhân và sinh viên đang công tác, lao động và học tập ở nước ngoài.

d) *Báo, đài và các cơ quan thông tin đại chúng* có kế hoạch tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân nội dung các văn kiện Đại hội, làm rõ các quan điểm, những mục tiêu, nhiệm vụ phấn đấu Đại hội đã đề ra, gắn với tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ trước mắt; giới thiệu kinh nghiệm những nơi làm tốt, cổ vũ phong trào quần chúng thực hiện nghị quyết. Nâng cao tính chiến đấu của báo, đài, phân tích, phê phán những quan điểm sai trái và đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc, phá hoại của địch, góp phần giữ vững và tăng cường sự ổn định về chính trị, đẩy mạnh toàn diện sự nghiệp đổi mới.

đ) *Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân* có kế hoạch tuyên truyền, quán triệt trong đoàn viên, hội viên, tạo ra phong trào hành động của quần chúng thực hiện Nghị quyết Đại hội VII.

3. *Tích cực tuyên truyền ra nước ngoài* kết quả Đại hội VII, làm cho nhân dân thế giới, các đảng, các tổ chức, phong trào tiến bộ và bè bạn quốc tế, hiểu đúng tình hình Việt Nam, đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, tranh thủ dư luận quốc tế có lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của ta.

Ban Đối ngoại Trung ương gửi tài liệu thông tin về Đại hội VII cho các đảng, tổ chức, phong trào tiến bộ, v.v. và cử đến một số đảng báo cáo viên của ta giới thiệu kết quả Đại hội VII.

Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Việt kiều Trung ương có kế hoạch tuyên truyền về Đại hội VII và thông tin về tình hình Việt Nam đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, chống lại luận điệu xuyên tạc và thủ đoạn

gây chia rẽ của các thế lực thù địch đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

4. Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì cùng Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Viện Mác - Lênin, Học viện Nguyễn Ái Quốc và Viện Khoa học xã hội tổ chức *hội nghị về công tác lý luận* (vào quý IV - 1991) nhằm kiểm điểm, đánh giá, rút kinh nghiệm công tác lý luận thời kỳ qua, đề ra phương hướng, nhiệm vụ và những biện pháp đẩy mạnh công tác lý luận và tổng kết thực tiễn trong giai đoạn mới nhằm làm sáng tỏ những vấn đề cơ bản trong các văn kiện Đại hội VII, cung cấp cơ sở khoa học cho việc cụ thể hoá và phát triển đường lối, quan điểm của Đảng.

5. Thấu suốt và thực hiện đúng *phương châm: quán triệt Nghị quyết Đại hội VII đi đôi với thực hiện nghị quyết, nói đi đôi với làm*; qua mỗi bước có sơ kết, kiểm điểm rút kinh nghiệm, biểu dương và phê bình, đề cao ý thức trách nhiệm thực hiện Nghị quyết của Đảng.

Các cấp uỷ đảng, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành chịu trách nhiệm lãnh đạo đợt nghiên cứu quán triệt này. Các đồng chí Ủy viên Trung ương và các uỷ viên ban chấp hành đảng bộ các cấp giới thiệu nghị quyết và giải đáp, gợi ra những vấn đề cần suy nghĩ, vận dụng thực hiện ở địa phương, cơ quan và ngành mình.

Các ban của Trung ương giúp Ban Bí thư chỉ đạo, theo dõi tình hình thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 01-TT/TW, ngày 22 tháng 7 năm 1991

Về mở đại hội đảng bộ các cấp vòng 2

Đại hội đảng bộ các cấp vòng 2 có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, đại hội của "trí tuệ - đổi mới - dân chủ - kỷ cương - đoàn kết".

Đại hội tiến hành theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VII và nội dung Chỉ thị số 59-CT/TW và Chỉ thị số 65-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VI) về mở đại hội các cấp.

Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VII) hướng dẫn thêm một số vấn đề trong việc tiến hành đại hội đảng bộ các cấp vòng 2 như sau:

1. Đại hội đảng bộ các cấp vòng 2 có nhiệm vụ: quán triệt Nghị quyết Đại hội VII; thảo luận góp ý kiến đề án của đảng bộ cấp trên trực tiếp; tổng kết công tác nhiệm kỳ qua và đề ra phương hướng, nhiệm vụ của đảng bộ nhiệm kỳ tới; bầu Ban Chấp hành đảng bộ.

Các nhiệm vụ nói trên gắn chặt với nhau và đều phải được làm tốt, không coi nhẹ nhiệm vụ nào.

2. Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội VII, theo

Chỉ thị số 01-CT/TW của Ban Bí thư ngày 16-7-1991, đại hội các cấp đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình, đánh giá đúng thực trạng tình hình, phân tích ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan và trực tiếp; vận dụng Nghị quyết Đại hội VII một cách sáng tạo vào tình hình thực tiễn của đảng bộ, *đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tới của đảng bộ* trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, công tác vận động quần chúng, công tác xây dựng đảng; đề ra chương trình hành động thiết thực, cụ thể hai năm trước mắt, nhằm tạo sự chuyển biến tích cực, rõ rệt trong đảng bộ.

Tại đại hội, có một báo cáo chung của cấp uỷ trình đại hội, trong đó có phần kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành. Nơi nào xét thấy cần có thể có báo cáo kiểm điểm riêng. Cần dành thời gian thích đáng thảo luận tại hội trường những vấn đề lớn và quan trọng còn có những ý kiến khác nhau.

Cấp uỷ cấp trên đưa đề cương báo cáo tại đại hội xuống cấp dưới để lấy ý kiến của đảng viên và nhân dân.

3. Đại hội đảng bộ các cấp vòng 2 phải *bầu được Ban Chấp hành đảng bộ có đủ phẩm chất, năng lực và tin nhiệm*. Cần làm cho các đại biểu nắm vững tiêu chuẩn cấp uỷ viên và phương hướng cơ cấu cấp uỷ (quy định tại Điều 12 của Điều lệ Đảng và Chỉ thị số 59-CT/TW), đề cao trách nhiệm của đại biểu trong tất cả các khâu ứng cử, đề cử và bầu cử; nắm vững tiêu chuẩn cấp uỷ viên là chính, đồng thời chú trọng thích đáng những yêu cầu về cơ cấu cấp uỷ: tăng cán bộ nữ, cán bộ trẻ, công nhân và cán bộ người dân tộc thiểu số ở

vùng dân tộc miền núi, không nhất thiết địa phương nào, ngành nào cũng có cán bộ tham gia cấp uỷ.

Cần cấu tạo cấp uỷ có ba độ tuổi theo hướng tăng cường cán bộ trẻ và bảo đảm tính kế thừa. Ở cấp tỉnh ba độ tuổi là: dưới 40 tuổi; từ 41 đến 55 tuổi; một số ít đồng chí từ 56 tuổi trở lên. Đối với đồng chí lớn tuổi, hoặc sức khoẻ, năng lực hạn chế thì cần phát huy tinh thần tự nguyện không tham gia cấp uỷ; trường hợp đồng chí chủ chốt trong cấp uỷ tuy lớn tuổi, song còn sức khoẻ, có năng lực, có tín nhiệm và có yêu cầu thì có thể vẫn tham gia cấp uỷ. Ở cấp huyện, quận... và cơ sở, nói chung độ tuổi thấp hơn, do tỉnh uỷ, thành uỷ hướng dẫn.

Theo Điều lệ Đảng do Đại hội VII thông qua, Ban Chấp hành đảng bộ các cấp không có uỷ viên dự khuyết, Ban Bí thư quy định số lượng cấp uỷ viên Ban Chấp hành đảng bộ các cấp thay cho quy định trong Chỉ thị 59-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương (khoá VI) như sau: cấp tỉnh, thành phố, nhiều nhất không quá 47 đồng chí; riêng Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có thể nhiều hơn song không quá 51; cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, nhiều nhất không quá 35; đảng uỷ cơ sở nhiều nhất không quá 15. Căn cứ vào quy định trên đây đại hội đảng bộ các cấp vận dụng để quyết định số lượng thích hợp theo hướng nâng cao chất lượng cấp uỷ.

Số lượng uỷ viên thường vụ các cấp không quá 1/3 số lượng cấp uỷ viên Ban Chấp hành, song ở cấp tỉnh nhiều nhất không quá 13, ở hai thành phố lớn không quá 15; cấp huyện, quận... không quá 11; cấp cơ sở không quá 5. Ban

Chấp hành đảng bộ mỗi cấp bầu từ 1 đến 2 phó bí thư trong số uỷ viên thường vụ.

Cấp uỷ có trách nhiệm chuẩn bị nhân sự chu đáo và lãnh đạo bầu cử bảo đảm dân chủ, không gò ép; có thể giới thiệu danh sách dự kiến cấp uỷ mới vào một thời điểm thích hợp để đại hội lựa chọn.

Uỷ ban kiểm tra các cấp do cấp uỷ cùng cấp bầu chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và các uỷ viên cùng một lần: chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra do cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y.

Cấp uỷ cùng cấp quyết định số lượng uỷ viên Uỷ ban kiểm tra, nhưng ở cấp tỉnh, thành phố nhiều nhất không quá 9 uỷ viên; ở cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nhiều nhất không quá 7 uỷ viên; ở cơ sở nhiều nhất không quá 5 uỷ viên. Uỷ ban kiểm tra cấp tỉnh, thành phố và huyện, quận... ít nhất có 2 cấp uỷ viên chuyên trách, trong đó có 1 uỷ viên thường vụ cấp uỷ làm chủ nhiệm.

4. Một số nguyên tắc, thủ tục.

Thi hành Điều lệ Đảng do Đại hội VII thông qua, Ban Bí thư Quy định một số điểm thay cho Quy định số 06-QĐ/TW và Quy định số 53-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương (khoá VI) như sau:

a) Về đại biểu dự đại hội đảng bộ các cấp vòng 2:

+ Các đại biểu dự đại hội vòng 1 nay tiếp tục là đại biểu dự đại hội vòng 2, vì từ đại hội vòng 1 đến đại hội vòng 2 tuy cách nhau một thời gian, song vẫn là một đại hội. Đồng chí cấp uỷ viên không phải là đại biểu chính thức dự đại hội vòng 1 thì đến đại hội vòng 2 đồng chí đó chỉ có thể là khách mời dự đại hội.

+ Các đại biểu dự khuyết đã thay đại biểu chính thức

trong đại hội vòng 1 và đã được đại hội công nhận thì vẫn dự đại hội vòng 2 với tư cách là đại biểu chính thức.

+ Sau đại hội vòng 1, nếu có đại biểu chuyển công tác sinh hoạt đảng ra ngoài đảng bộ thì đảng bộ đó được đưa đại biểu dự khuyết lên thay. Nếu chuyển công tác, sinh hoạt đảng sang đơn vị khác nhưng trong cùng đảng bộ thì cấp uỷ triệu tập đại hội vẫn triệu tập đồng chí đó về dự đại hội vòng 2.

+ Trường hợp sau đại hội vòng 1, nếu tổ chức cơ sở đảng chuyển từ đảng bộ này sang đảng bộ khác thì đoàn đại biểu của tổ chức cơ sở đó được tham dự đại hội vòng 2 của đảng bộ mới. Đoàn chủ tịch phải báo cáo đại hội.

+ Trường hợp 2 tổ chức đảng hợp nhất mà vẫn ở trong cùng một đảng bộ thì 2 đoàn đại biểu của 2 tổ chức đảng đó hợp nhất thành một đoàn thể dự đại hội cấp trên.

+ Trường hợp một tổ chức đảng tách làm đôi mà vẫn trong cùng một đảng bộ, thì đoàn đại biểu cũng được tách ra làm 2 đoàn để đi dự Đại hội cấp trên. Nếu cần, cấp uỷ triệu tập đại hội hướng dẫn cho đại hội của cấp dưới được bầu bổ sung đại biểu.

+ Trường hợp ở đại hội vòng 1, do không đủ 2/3 đảng viên có mặt, nên cấp uỷ triệu tập đại hội đã chỉ định đại biểu đi dự đại hội cấp trên; đến đại hội vòng 2, nếu có điều kiện để mở đại hội, cấp uỷ cấp trên cần hướng dẫn để đại hội đảng bộ bầu đại biểu đi dự đại hội vòng 2 của đảng bộ cấp trên thay cho đại biểu được chỉ định dự đại hội vòng 1.

+ Đảng bộ nào tại đại hội vòng 1 bầu không đúng nguyên tắc, thủ tục, có đồng chí không được công nhận là đại biểu, hoặc bầu thiếu đại biểu thì đến đại hội vòng 2 cấp

uỷ cấp trên hướng dẫn để đại hội cấp dưới bầu bổ sung cho đủ số lượng đại biểu đã được phân bổ. Nếu đại hội bầu không đủ đại biểu chính thức thì không được đưa đại biểu dự khuyết thay.

+ Đại hội vòng 1 đã biểu quyết thông qua việc thẩm tra tư cách đại biểu; nay đến đại hội vòng 2 ban thẩm tra tư cách đại biểu báo cáo với đại hội về kết quả thẩm tra những đại biểu bị khiếu nại, tố cáo mà ở đại hội vòng 1 không đủ thời gian xem xét, kết luận, hoặc những đại biểu vi phạm kỷ luật từ sau đại hội vòng 1, hoặc những trường hợp đại biểu có sự thay đổi. Nếu có đại biểu vi phạm kỷ luật đến mức bị đình chỉ sinh hoạt đảng, bị truy tố trước pháp luật hoặc bị tạm giam thì cấp uỷ không triệu tập đồng chí đó đến dự đại hội và báo cáo để Đoàn Chủ tịch trình đại hội.

b) Về quyền ứng cử, đề cử vào Ban Chấp hành đảng bộ các cấp:

Điều 3 của Điều lệ Đảng quy định quyền của đảng viên "được ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương".

Những đảng viên không phải là đại biểu dự đại hội nếu ứng cử vào Ban Chấp hành đảng bộ từ cấp trên cơ sở trở lên thì trước đại hội một tháng phải gửi đến cấp uỷ cấp triệu tập đại hội đơn xin ứng cử, trong đơn nói rõ nếu trúng cử vào Ban Chấp hành thì có thể đảm nhận công tác gì; kèm theo bản tóm tắt lý lịch được đảng uỷ cơ sở xác nhận về lý lịch và tư cách đảng viên. Nếu người ứng cử là cán bộ thuộc diện cấp uỷ cấp trên quản lý thì cấp uỷ cấp triệu tập đại hội yêu cầu cấp uỷ quản lý có nhận xét về phẩm chất, năng lực của cán bộ đó.

Nếu đại biểu dự đại hội đề cử đảng viên không phải là đại biểu vào Ban Chấp hành đảng bộ thì người đề cử phải báo cáo và bảo đảm với đại hội về lý lịch, ưu điểm, khuyết điểm, phẩm chất, năng lực của người mình đề cử và bảo đảm người được đề cử đồng ý với sự đề cử đó.

Cấp uỷ triệu tập đại hội báo cáo với Đoàn Chủ tịch đại hội về những người ứng cử và được đề cử để trình đại hội quyết định chấp nhận hay không chấp nhận đưa vào danh sách bầu cử.

c) Về bầu cử:

- Đối với đảng viên già yếu đã được chi bộ quyết định cho miễn công tác và sinh hoạt đảng (theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ Đảng) không có mặt ở đại hội đảng viên thì khi biểu quyết và bầu cử không tính đồng chí đó vào tổng số đảng viên được triệu tập. Nếu đảng viên nói trên có mặt ở đại hội đảng viên thì khi biểu quyết hoặc bầu cử được tính vào tổng số đảng viên được triệu tập.

- Khi bầu Ban Chấp hành đảng bộ, gặp trường hợp ở cuối danh sách trúng cử có hai hoặc nhiều người ngang phiếu nhau và vượt quá số lượng quy định thì bầu lại những người có số phiếu ngang nhau để lấy người có số phiếu cao hơn cho đủ số lượng.

d) *Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký, Ban Thẩm tra tư cách đại biểu và Ban kiểm phiếu ở đại hội vòng 1* có trách nhiệm tiếp tục công việc ở cả đại hội vòng 2. Nếu có thành viên phạm sai lầm, khuyết điểm, không còn đủ tín nhiệm thì cấp uỷ đảng báo cáo với Đoàn Chủ tịch để trình Đại hội xem xét quyết định. Nếu cần bầu bổ sung hoặc bầu lại một trong những cơ quan nói trên thì phải do đại hội quyết định. Nếu

thành viên nào trong Ban kiểm phiếu có tên trong danh sách bầu Ban Chấp hành đảng bộ thì rút đồng chí đó ra khỏi danh sách Ban kiểm phiếu và đại hội bầu bổ sung đồng chí khác.

đ) Các đồng chí Uỷ viên Trung ương (khoá VI) ứng cử tại đại hội vòng 1 đảng bộ tỉnh, thành phố làm đại biểu đi dự đại hội toàn quốc nay không phải về dự đại hội đảng bộ vòng 2 của tỉnh, thành phố.

5. Chỉ đạo đại hội đảng bộ các cấp vòng 2.

Cấp uỷ các cấp cần rút kinh nghiệm đại hội vòng 1 và vận dụng kinh nghiệm đại hội đại biểu toàn quốc để chỉ đạo tốt đại hội cấp mình và đại hội cấp dưới, không làm lướt, chiếu lệ.

Phải làm thật tốt việc quán triệt các quan điểm, tư tưởng cơ bản của Nghị quyết Đại hội VII. Trước khi tiến hành đại hội các cấp vòng 2, tất cả các chi bộ trong toàn Đảng phải sinh hoạt để đảng viên thảo luận quán triệt Điều lệ Đảng.

Cấp uỷ cấp trên nghe báo cáo và cho ý kiến với cấp uỷ cấp dưới về chuẩn bị đề án báo cáo và nhân sự cấp uỷ; phân công cấp uỷ viên trực tiếp chỉ đạo một số đại hội đảng bộ cấp dưới.

Ở những nơi có vấn đề đoàn kết nội bộ hoặc tồn đọng các vụ khiếu tố, nhất là những việc trực tiếp liên quan tới đại biểu đại hội, thì các cấp uỷ cần chỉ đạo việc xem xét, thẩm tra, kết luận và giải quyết rõ ràng trước khi tiến hành đại hội vòng 2.

Quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội gắn chặt với việc thực hiện nhiệm vụ thường xuyên của địa phương, đơn vị, vận động quần chúng thi đua lập thành tích chào mừng đại hội đảng bộ các cấp.

Đại hội đảng bộ các cấp vòng 2 nói chung tiến hành từ dưới lên; nơi nào cấp uỷ xét thấy cần thì có thể tiến hành từ trên xuống và *kết thúc chậm nhất trong tháng 12-1991*.

Trong thời gian chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ các cấp vòng 2, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương báo cáo về Ban Bí thư nửa tháng một lần; các ban và Văn phòng Trung ương theo chức năng của mình giúp Ban Bí thư hướng dẫn, theo dõi tình hình đại hội các cấp, kịp thời báo cáo và đề xuất ý kiến với Ban Bí thư.

Ban Bí thư trực tiếp nghe báo cáo của một số cấp uỷ tỉnh, thành phố về chuẩn bị báo cáo và nhân sự cấp uỷ, phân công các đồng chí Bí thư Trung ương trực tiếp chỉ đạo đại hội của một số đảng bộ trực thuộc.

Sau đại hội vòng 2, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổng kết và báo cáo Ban Bí thư (qua Văn phòng Trung ương), chậm nhất là 15 ngày.

Thông tri này được phổ biến tới chi bộ.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**TIẾP TỤC ĐỔI MỚI NỘI DUNG
VÀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG,
GIẢI QUYẾT TỐT MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG,
NHÀ NƯỚC VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN,
TIẾN HÀNH CẢI CÁCH BỘ MÁY NHÀ NƯỚC**

**Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười
tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khoá VIII**

Ngày 27 tháng 7 năm 1991

*Thưa đồng chí Phạm Văn Đồng, Cố vấn Ban Chấp hành
Trung ương Đảng,*

*Thưa đồng chí Võ Chí Công, Cố vấn Ban Chấp hành
Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước,*

Thưa đồng chí Lê Quang Đạo, Chủ tịch Quốc hội,

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Thưa các vị khách quốc tế,

Thưa các đồng chí và các bạn,

Tôi xin thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam nhiệt liệt chào mừng các đại biểu Quốc hội về dự Kỳ họp thứ 9 của Quốc hội khoá VIII nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Một tháng trước đây, cũng tại Hội trường Ba Đình lịch sử này, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và Đại hội đã thành công tốt đẹp. Đây là một sự kiện có ý nghĩa trọng đại đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta, đối với triển vọng phát triển của đất nước ta.

Đại hội VII đã diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước tuy rất phức tạp nhưng cũng có những thuận lợi và khả năng mới. Một mặt, sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện đại; sự quốc tế hoá đời sống kinh tế thế giới; xu thế hợp tác, đối thoại giữa các nước trong khu vực cũng như trên toàn cầu; triển vọng giải quyết hoà bình vấn đề Campuchia và khả năng mở rộng hơn nữa quan hệ hữu nghị và hợp tác cùng có lợi giữa nước ta với các nước và các tổ chức quốc tế đang và sẽ tạo ra cho chúng ta những cơ hội thuận lợi mới để đưa đất nước ra khỏi nghèo nàn, lạc hậu.

Mặt khác, hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa lâm vào cuộc khủng hoảng toàn diện và sâu sắc. Công cuộc cải tổ của Liên Xô đang gặp nhiều khó khăn. Ở một số nước, Đảng Cộng sản mất quyền lãnh đạo nhà nước, lãnh đạo xã hội. Các lực lượng thù địch nhân cơ hội này đẩy mạnh sự công kích từ nhiều phía, bằng nhiều thủ đoạn và phương tiện vào chủ nghĩa xã hội. Họ công khai đề ra mục tiêu xoá bỏ chủ nghĩa xã hội thế giới trước năm 2000.

Sự bao vây, cấm vận kinh tế đối với nước ta vẫn chưa bị xoá bỏ. Sự cạnh tranh ác liệt trên thị trường thế giới gây cho ta không ít thua thiệt.

Tình hình đó tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã

hội trong nước, ảnh hưởng nhất định đến nhận thức, tư tưởng của một bộ phận đảng viên và nhân dân ta.

Sau hơn bốn năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện do Đại hội VI đề ra, nhờ sự nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng và toàn dân, chúng ta *đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng* về chính trị, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, chúng ta đã đứng vững và tiếp tục đi lên. Tuy nhiên, đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, khó khăn còn chồng chất, nhiều vấn đề mới đang nảy sinh đòi hỏi phải giải quyết.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, một câu hỏi lớn đặt ra trước toàn Đảng, toàn dân ta, trở thành nỗi băn khoăn trăn trở của nhiều người: Đó là đất nước ta phải đi theo con đường nào, chúng ta cần phải làm gì để sớm ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, khắc phục nghèo nàn, xây dựng được cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc?

Cuộc sinh hoạt chính trị dân chủ và rộng lớn trong Đảng và trong nhân dân góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện Đại hội VII cũng như các quyết định mà Đại hội thông qua đã khẳng định: kiên trì mục tiêu và con đường xã hội chủ nghĩa, đó chính là ý chí, là nguyện vọng và quyết tâm không lay chuyển của Đảng và của nhân dân ta, chúng ta tin rằng chủ nghĩa xã hội là xu thế phát triển tất yếu của lịch sử. Chúng ta phê phán những khuyết điểm, sai lầm trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhưng không quan niệm những lệch lạc đó là bản chất vốn có không thể khắc phục được của chế độ, coi khuyết điểm là tất cả, phủ định thành tựu, từ đó mà

dao động về mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Thực tiễn công cuộc đổi mới ngày càng cho phép chúng ta tin tưởng rằng có thể thực hiện thắng lợi mục tiêu ấy, nếu có sự đổi mới tư duy và hành động, tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp với hoàn cảnh lịch sử và quy luật khách quan, vì lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân.

Với chính quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta nhất định có thể động viên và phát huy có hiệu quả những nguồn lực vật chất, trí tuệ và tinh thần trong xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, yếu tố truyền thống và yếu tố hiện đại để tận lực phát triển kinh tế, rút ngắn quá trình lịch sử tự nhiên, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa với tư cách là một chế độ xã hội.

Đại hội VII đã đề ra quan niệm về những nét đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa tương lai; chỉ rõ phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; khẳng định quyết tâm tiếp tục đổi mới toàn diện, vững chắc, đưa đất nước sớm ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; phấn đấu đến năm 2000 và những năm tiếp theo vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, thực hiện dân giàu, nước mạnh, trong một xã hội do nhân dân làm chủ, nhân ái, có kỷ cương, xoá bỏ áp bức, bất công, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Đại hội VII khẳng định thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của

Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác; coi phát triển nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội, đồng thời từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, khắc phục dần tình trạng nông nghiệp lạc hậu. Mọi chiến lược, kế hoạch, chính sách của Đảng và Nhà nước đều đặt con người vào vị trí trung tâm, vì con người và do con người, thống nhất tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội. Đại hội nhấn mạnh dành nỗ lực lớn hơn nữa cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ, coi đó là cơ sở để phát huy nhân tố con người - động lực chính của sự phát triển.

Đại hội đặc biệt đề cao yêu cầu phải tiếp tục mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, được thể chế hoá thành pháp luật và được thực hiện trong khuôn khổ pháp luật; nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước; bài trừ quan liêu, tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội khác, tăng cường kỷ cương, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội, tạo lập môi trường ổn định cần thiết cho sự phát triển.

Đại hội VII chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị xã hội trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng độc lập chủ quyền của mỗi bên. Đại hội long trọng tuyên bố: Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, tích cực góp phần cùng các nước Đông Nam Á và trên thế giới vào sự nghiệp chung vì hoà bình, ổn định, độc lập và phát triển.

Đại hội VII xác định rõ ràng, để làm tròn trách nhiệm nặng nề mà lịch sử giao phó, Đảng phải tự đổi mới, tự chỉnh đốn và nâng cao năng lực lãnh đạo, coi đó là yêu cầu quan trọng hàng đầu trong công tác xây dựng đảng, là công việc thường xuyên bảo đảm cho Đảng luôn ngang tầm nhiệm vụ cách mạng. Đảng là tổ chức lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng đặt cho mình nhiệm vụ phải tăng cường liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Đạt được sự nhất trí cao về những vấn đề trên đây. Đại hội VII đã xây dựng được đường lối chính trị đúng đắn cho thời kỳ sắp tới của cách mạng nước ta. Thành công nổi bật này đánh dấu một bước trưởng thành mới của Đảng ta, nhân dân ta trong việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những giá trị của loài người vào điều kiện lịch sử cụ thể của cách mạng nước ta.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Một thành công khác của Đại hội VII là đã bầu được cơ quan lãnh đạo mới của Đảng thể hiện được tính kế thừa và sự chuyển tiếp thế hệ cán bộ lãnh đạo.

Đảng ta nhận thức sâu sắc rằng, để hoàn thành trách nhiệm trước dân tộc đòi hỏi không những phải có đường lối cách mạng và phương pháp cách mạng đúng mà Đảng phải có một Ban Chấp hành Trung ương vừa vững vàng về chính trị, vừa năng động sáng tạo, đủ sức lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân trong giai đoạn mới, vượt qua khó khăn, thử thách, tranh thủ được thời cơ, đưa đất nước thoát khỏi

khủng hoảng kinh tế - xã hội và tiếp tục tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Sau khi cân nhắc, lựa chọn kỹ và với cách làm dân chủ, Đại hội VII đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) gồm 146 đồng chí. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) đã bầu ra Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tổng Bí thư và Ủy ban Kiểm tra Trung ương của Đảng. Đại hội cũng nhất trí với đề nghị của Ban Chấp hành Trung ương mời các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công tham gia Hội đồng Cố vấn cho Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) và các đồng chí đó đã nhận lời. Thành phần các cơ quan lãnh đạo khoá VII của Đảng vừa bảo đảm sự kế thừa, vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới. Tin rằng với sự ủng hộ của toàn Đảng và của nhân dân, Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) sẽ hoàn thành thắng lợi trọng trách mà Đảng và nhân dân giao phó.

Với cơ cấu tổ chức và phương thức làm việc mới, Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) sẽ phối hợp gắn bó hơn, chặt chẽ hơn với các cơ quan nhà nước, làm cho guồng máy chính trị của toàn xã hội chuyển động nhịp nhàng hơn, bảo đảm thực hiện có kết quả quyền làm chủ của nhân dân, đẩy mạnh công cuộc đổi mới vì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Trong các văn kiện Đại hội VII, Đảng Cộng sản Việt Nam đã trình bày một số tư tưởng lớn về hệ thống chính trị ở nước ta. Trên cơ sở kiểm điểm kết quả việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, Đại hội VII đề ra nhiệm vụ tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động và mối quan hệ giữa các bộ

phận cấu thành hệ thống chính trị, coi đó là một điều kiện quan trọng hàng đầu để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Chúng ta chủ trương tăng cường sự ổn định chính trị để tạo môi trường thuận lợi cho ổn định và phát triển kinh tế. Quan điểm đó đã được thực tiễn xác nhận là hoàn toàn đúng đắn. Tuy nhiên, ổn định không có nghĩa là giữ nguyên trạng những cái đã lỗi thời, trì trệ, xơ cứng, không còn khả năng thích ứng với những điều kiện đã thay đổi. Nếu không kịp thời đổi mới những mặt chưa phù hợp trong hệ thống chính trị thì chúng sẽ trở thành lực cản đối với quá trình phát triển kinh tế và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Chính vì vậy mà Đại hội VII đề ra nhiệm vụ tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, tiến hành cải cách bộ máy nhà nước.

Không thể không nhận thấy rằng, từ sau Đại hội VI đến nay, chúng ta đã đạt được một số thành tựu nhất định trên lĩnh vực này. Trong đó, rõ nhất là hoạt động của Quốc hội có thực chất hơn, sinh hoạt dân chủ hơn, bộ máy nhà nước có tiến bộ trong việc thực hiện chức năng quản lý, phương thức quan hệ giữa Đảng với Nhà nước có được đổi mới một bước. Tuy vậy, còn không ít vấn đề cả về lý luận và thực tiễn đòi hỏi phải đi sâu giải quyết, nhất là về nhiệm vụ cải cách bộ máy nhà nước, mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước.

Tại diễn đàn này, tôi xin phát biểu một số vấn đề về mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, về tiếp tục đổi mới hoạt động của Quốc hội để thực hiện đúng chức năng là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

Theo quan niệm của chúng ta, trong điều kiện Đảng lãnh

đạo chính quyền, hiệu lực và hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng được thể hiện chủ yếu thông qua hiệu lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống tổ chức nhà nước. Đó là vì Đảng và Nhà nước ta đều có mục tiêu chung và duy nhất là phục vụ lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân, vì chỉ có một Nhà nước mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng thì các đường lối, chủ trương của Đảng mới có thể đi vào cuộc sống và mang lại kết quả tốt đẹp. Sự lãnh đạo của Đảng được thực hiện một cách đúng đắn chẳng những không mâu thuẫn hoặc hạn chế vai trò các cơ quan Nhà nước, ngược lại bảo đảm và phát huy mạnh mẽ vai trò đó. Mấu chốt để giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước trước hết là xác định rõ nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng. Thực tiễn hơn bốn năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI đã đem lại cho chúng ta những nhận thức quan trọng về vấn đề này.

Cương lĩnh của Đảng ghi rõ: "Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác, bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật".

Cơ sở để phân định ranh giới nói trên là ở chỗ Đảng là hạt nhân lãnh đạo chứ không phải là cơ quan quản lý nhà

nước. Đồng nhất chức năng, nhiệm vụ của Đảng với Nhà nước sẽ dẫn đến tình trạng vừa làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa làm suy yếu vai trò quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân. Chúng ta đã từng có sự lẩn lộn như thế trong một thời gian trước đây và hiện nay trong một chừng mực nào đó chưa phải đã chấm dứt. Tình trạng cấp uỷ nhiều địa phương can thiệp quá sâu vào công tác của chính quyền không phải đã hết. Nói cho đầy đủ thì vừa có hiện tượng Đảng bao biện, làm thay công việc của chính quyền, vừa có hiện tượng Đảng buông lỏng vai trò lãnh đạo đối với chính quyền. Cả hai đều gây ra những hệ quả xấu như nhau. Trên thực tế, cuộc sống phong phú và phức tạp hơn những quy định. Có những việc cụ thể không phải bao giờ cũng phân định được rành mạch ranh giới do Đảng hay chính quyền quyết định. Chỉ có thể rút ra được kết luận chính xác thông qua quá trình vừa làm vừa rút kinh nghiệm, vì đây là vấn đề rất mới. Nếu thường xuyên có ý thức đối với vấn đề này thì tôi nghĩ rằng trở ngại này sẽ được giải quyết. Và một điều quan trọng nữa là tới đây cần từng bước cụ thể hoá thành cơ chế các nội dung cơ bản trên đây làm chuẩn mực cho hành động.

Các văn kiện của Đại hội VII cũng nêu quan niệm về Nhà nước ta như cơ quan quyền lực thống nhất, xuất phát từ nguyên tắc toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân, đồng thời có sự phân công, phân cấp rành mạch. Theo đó, Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp, quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện quyền giám sát tối đa đối với toàn bộ hoạt

động của Nhà nước. Đây là những chức năng rất quan trọng, đồng thời cũng là những yêu cầu rất cao đối với Quốc hội, liên quan đến vận mệnh của nhân dân và tiền đồ phát triển của đất nước. Mấy năm qua, Quốc hội của chúng ta đã tích cực hoạt động theo các phương hướng này. Tuy vậy, vẫn còn nhiều việc phải làm để thực hiện đầy đủ chức năng là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Như đánh giá của các đại biểu Quốc hội, tính chất hình thức trong hoạt động của Quốc hội vẫn chưa được khắc phục hoàn toàn, tổ chức và lề lối làm việc vẫn còn những vướng mắc và thiếu khoa học, do đó mà hiệu quả hoạt động chưa cao.

Tôi cho rằng trước mắt cũng như lâu dài, hoạt động của Quốc hội cần hướng vào việc thực hiện hai yêu cầu cơ bản. *Một là*, xây dựng Nhà nước pháp quyền, Nhà nước có năng lực định ra một hệ thống luật pháp đồng bộ đáp ứng được yêu cầu mới của sự phát triển kinh tế - xã hội và quản lý mọi mặt xã hội văn minh, tiến bộ; hệ thống pháp luật đó là cơ sở bảo đảm cho đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được thực thi có hiệu quả, là một nhân tố trọng yếu làm cho các quan hệ xã hội của chúng ta trở nên lành mạnh hơn. *Hai là*, bảo đảm quyền lực và hiệu lực trên thực tế của Quốc hội do Hiến pháp quy định. Diễn đàn của Quốc hội phải thực sự là tiếng nói của nhân dân thông qua các đại biểu của mình về những vấn đề có quy mô quốc gia, không những trong các quyết sách quan trọng, trong việc tổ chức thực hiện, mà cả những nhận xét đối với hoạt động của chính quyền, kể cả vấn đề nhân sự. Tất cả những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định về mặt Nhà nước phải được đưa ra Quốc hội bàn bạc dân chủ, không được đặt Quốc

hội trước việc đã rồi. Nghị quyết của Quốc hội là mệnh lệnh tối cao, mang tính pháp lý, không một tổ chức hoặc cá nhân nào được phép thay đổi hoặc không thực hiện. Các quyền của Quốc hội và của đại biểu Quốc hội theo luật định phải được tôn trọng và thực hiện đầy đủ.

Điều nói trên đặt ra yêu cầu rất cao đối với Quốc hội và mỗi đại biểu Quốc hội về tầm nhìn trí tuệ, về ý thức trách nhiệm, bảo đảm sao cho mỗi luật lệ cũng như từng quyết định đưa ra có chất lượng cao. Tất cả những vấn đề này có liên quan đến việc cải tiến tổ chức và hoạt động của Quốc hội mà sắp tới chúng ta sẽ tiến hành. Đó là những vấn đề như đổi mới tiêu chuẩn đại biểu, chế độ bầu cử và quy chế làm việc của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, tăng cường hơn nữa trách nhiệm của các Ủy ban thường trực của Quốc hội, quy định về chế độ làm việc chuyên trách và không chuyên trách của đại biểu Quốc hội, v.v..

Những điểm đó, được dự kiến trong dự thảo Hiến pháp sửa đổi là cần thiết nhằm làm cho hoạt động của Quốc hội có thực chất hơn, bảo đảm cho Quốc hội thực hiện đầy đủ quyền lực và có hiệu lực.

Từ nay đến hết nhiệm kỳ Quốc hội khoá VIII, thời gian còn lại không bao nhiêu. Vậy mà trước mắt chúng ta còn nhiều việc phải hoàn thành. Tôi xin đề nghị với Quốc hội một số nhiệm vụ lớn:

1. Quán triệt các văn kiện Đại hội VII của Đảng, khẩn trương hoàn tất bản dự thảo Hiến pháp sửa đổi, công việc mà kỳ họp lần này của Quốc hội chúng ta phải giải quyết, để sau đó tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân trước khi thông qua chính thức vào kỳ họp cuối năm nay.

Tiến hành sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các luật lệ hiện hành, đồng thời xúc tiến chương trình xây dựng luật pháp và pháp lệnh đã dự kiến. Đây là công việc nặng nề và phức tạp, phải có quyết tâm rất cao và cách làm thật khoa học mới có thể hoàn thành được.

2. Đổi mới và kiện toàn một bước tổ chức bộ máy và cán bộ của Quốc hội và cơ quan nhà nước các cấp theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, bảo đảm hoạt động có hiệu quả và hiệu lực, đủ sức thể chế hoá và thực hiện tốt Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII.

3. Tổ chức và động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi toàn diện kế hoạch Nhà nước năm 1991, tạo bước mở đầu thuận lợi để triển khai thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của kế hoạch 5 năm 1991-1995. Chú trọng những nhiệm vụ cấp bách trước mắt để góp phần tháo gỡ những khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tăng thu cho ngân sách, hạn chế bội chi, giảm nhẹ lạm phát, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, chống buôn lậu và chống thất thu thuế, bảo đảm trật tự và an toàn xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

4. Tăng cường công tác giám sát của Quốc hội đối với việc thực hiện các nhiệm vụ lớn mà Quốc hội đã đề ra, bảo đảm trật tự kỷ cương, sống và làm việc theo pháp luật, nghiêm trị mọi hành vi phạm pháp, không có ngoại lệ.

Thưa các vị đại biểu Quốc hội,

Các văn kiện Đại hội VII Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ ra những phương hướng và nhiệm vụ cơ bản trong những năm trước mắt và các định hướng lâu dài cho đất nước và

nhân dân ta. Xây dựng đường lối chính trị đúng đắn thể hiện ý chí, nguyện vọng và trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân đã là việc khó, nhưng việc đưa đường lối vào cuộc sống là việc còn khó khăn hơn nhiều. Trong nhiệm vụ phức tạp và lớn lao này, Đảng Cộng sản Việt Nam đặt hy vọng và nguyện vọng cộng tác chặt chẽ với các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước ta, đặc biệt là với Quốc hội.

Đảng Cộng sản Việt Nam tin tưởng sâu sắc rằng, phát huy thắng lợi của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Quốc hội sẽ tiếp tục làm tròn trọng trách mà nhân dân ta giao phó trong giai đoạn mới.

Xin chúc Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khoá VIII thành công tốt đẹp.

Xin chúc sức khoẻ các vị đại biểu.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**XÂY DỰNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN,
TRÍ THỨC HOÁ ĐỘI NGŨ, NẮM VỮNG
CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI**

**Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười
tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (khoá VI)**

Ngày 22 tháng 8 năm 1991

Thưa các đồng chí,

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi thân ái chào mừng các đồng chí trong Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và qua các đồng chí gửi lời chào mừng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tới toàn thể anh chị em đoàn viên, công nhân lao động và gia đình. Chúc toàn thể anh chị em đang lao động sinh sống trong nước và ở nước ngoài đoàn kết, sáng tạo, phát huy truyền thống của giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn Việt Nam, phấn đấu cùng nhân dân cả nước vượt qua khó khăn, thử thách, đưa đất nước ta đi dần vào ổn định và phát triển.

Như các đồng chí đã biết, Đại hội lần thứ VII của Đảng

Cộng sản Việt Nam vừa thành công tốt đẹp. Đại hội đã khẳng định Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Nâng cao bản chất giai cấp công nhân là tinh thần xuyên suốt các văn kiện của Đại hội Đảng. Đại hội nhận định rằng Đảng ta, nhân dân ta đang trải qua một bước ngoặt lịch sử, không những phải xác định mục tiêu đúng mà còn phải lựa chọn đường đi, nước bước thông minh, sáng tạo để sớm thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, quyết tâm xây dựng đất nước giàu mạnh, quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là con đường mà nhân dân ta đã lựa chọn bằng xương máu của mình. Trên con đường đó, yếu tố quyết định là con người.

Có nhân dân thì sẽ có tất cả. Hơn lúc nào hết, Đảng tin tưởng rằng giai cấp công nhân sẽ tiếp tục đi đầu trong công cuộc đổi mới đất nước.

Hiện nay, nhân dân cả nước đang ra sức phấn đấu đưa nội dung Nghị quyết Đại hội vào cuộc sống. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn lần này, các đồng chí đã chọn ra năm vấn đề đưa vào phong trào hành động của công đoàn và công nhân lao động nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội. Tôi hoan nghênh tinh thần khẩn trương đó của các đồng chí và hy vọng rằng, với những phương hướng và hành động ấy, với những nỗ lực, cố gắng của toàn thể cán bộ và đoàn viên công đoàn, phong trào lao động sản xuất, tiết kiệm sẽ có nhiều chuyển biến tích cực, mở ra một thời kỳ mới cho các hoạt động công đoàn.

Nhân dịp này, tôi xin góp một số ý kiến để các đồng chí

trao đổi, bổ sung và hoàn chỉnh phương hướng hoạt động của công đoàn trong thời gian tới.

Trước hết, phải làm cho đoàn viên và toàn thể công nhân, lao động thực sự nhất trí cả trong nhận thức lẫn trong hành động với những quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ mà Đại hội Đảng đề ra. Như chúng ta đều biết, chủ nghĩa xã hội thế giới đang lâm vào một cuộc khủng hoảng sâu sắc, các thế lực thù địch đang âm mưu thủ tiêu chủ nghĩa xã hội. Song, chúng không thể lay chuyển được định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam, không thể đảo ngược được xu thế phát triển tất yếu của loài người. Hiện nay, nước ta còn đang đứng trước nhiều khó khăn gay gắt, chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội; nhưng chúng ta cũng có những thuận lợi lớn. Với truyền thống đoàn kết toàn dân, chúng ta quyết tâm phát huy mạnh mẽ tiềm lực vật chất và trí tuệ của dân tộc, của thời đại, giữ vững ổn định chính trị, vượt qua khó khăn, khai thác thuận lợi để tiếp tục tiến lên. Trong khoảng 10 đến 15 năm tới, chúng ta cần phải và có thể thực thi một chiến lược nhằm phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, từng bước thực hiện dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại.

Với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, Tổng Liên đoàn Lao động có vai trò to lớn trong việc thực hiện những nhiệm vụ, mục tiêu cao cả đó. Một khi giai cấp công nhân, các tầng lớp nhân dân lao động quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết của Đại hội Đảng, họ sẽ hăng hái đưa nội dung Nghị quyết vào cuộc sống. Vì vậy, việc đầu tiên mà Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn cần bàn là phối hợp với các cấp uỷ đảng, các đoàn thể quần chúng, tổ chức tốt việc học tập,

tuyên truyền, giải thích Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII trong công nhân và lao động thuộc tất cả các ngành, nghề, lĩnh vực, các thành phần kinh tế.

Về vấn đề *công đoàn với việc phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước*, Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn nhấn mạnh vai trò của công đoàn trong việc củng cố kinh tế quốc doanh là rất đúng.

Đại hội Đảng lần thứ VII khẳng định phát triển kinh tế quốc doanh trong những ngành và lĩnh vực then chốt, nắm những doanh nghiệp trọng yếu, kinh doanh có hiệu quả, thực hiện vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần. Đó là phương tiện vật chất mạnh mẽ để giai cấp công nhân nước ta thực hiện được ý đồ vận hành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, hướng dẫn và thúc đẩy các thành phần kinh tế khác đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Thực tiễn vừa qua cho thấy khu vực kinh tế quốc doanh, nhất là trong công nghiệp, đã vươn lên để giữ vai trò chủ đạo của mình. Không ít xí nghiệp thuộc các ngành điện, dầu khí, xi măng, cơ khí, bưu điện viễn thông, dệt, thuốc lá, bia, chế biến nông, lâm, hải sản v.v. đã kiên quyết từ bỏ cơ chế bao cấp, thực hiện hạch toán kinh doanh, sắp xếp lại sản xuất, giữ gìn và phát huy năng lực của đội ngũ công nhân lành nghề, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiếp cận với thị trường, phát triển sản xuất, bảo đảm việc làm và đời sống, có tích lũy cho Nhà nước. Những ngành và cơ sở đó đã chứng tỏ sức mạnh của giai cấp công nhân nước ta, khả năng phát huy tiềm năng công nghệ và kỹ thuật hiện có, tiếp thu và ứng

dụng có hiệu quả công nghệ mới, đương đầu thắng lợi với sóng gió cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Tuy vậy, nhìn chung kinh tế quốc doanh còn nhiều yếu kém; hiệu quả kinh doanh thấp, chưa đảm nhiệm tốt vai trò chủ đạo. Một bộ phận lớn làm ăn thua lỗ kéo dài, không bảo tồn được vốn, tài sản, không tạo được việc làm và thu nhập cho người lao động. Tình trạng tham ô, lãng phí, ăn chia phân phối tùy tiện, xu hướng chạy theo lợi ích cục bộ đang phát triển mạnh. Vì vậy, củng cố kinh tế quốc doanh là một trọng tâm của chính sách kinh tế của Đảng, trong đó công đoàn có vai trò rất quan trọng.

Ở đây, khâu cốt lõi là phải xây dựng được một cơ chế phân định rõ quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu, của người quản lý và sử dụng, của tập thể lao động, với nhiều hình thức đa dạng. Trước hết, công đoàn phải cùng các cơ quan nhà nước triển khai tốt việc thí điểm tổ chức cơ chế kiểu Hội đồng quản trị xí nghiệp, trong đó có đại diện của Nhà nước và của tập thể công nhân, tuyển chọn giám đốc điều hành hoạt động theo những phương hướng và với những chức năng do Hội đồng quản trị quy định. Sớm có kết luận thực tiễn về cơ chế Hội đồng quản trị trong xí nghiệp quốc doanh để nhân ra diện rộng. Đồng thời nghiên cứu sáng tạo những hình thức quản lý khác, nhằm đạt hiệu quả sản xuất - kinh doanh cao, bảo đảm cho người lao động thực sự có vai trò làm chủ trong sản xuất, phân phối, tiêu dùng, kiểm kê và kiểm soát mọi mặt hoạt động của xí nghiệp theo đúng pháp luật, các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo vệ lợi ích của người lao động và của toàn xã hội.

Ở những xí nghiệp kinh doanh đang gặp nhiều khó khăn,

công đoàn phải tổ chức, động viên công nhân đoàn kết, đồng cam cộng khổ, bàn bạc dân chủ, hiến kế cùng ban giám đốc xí nghiệp, đảng uỷ và cơ quan cấp trên tháo gỡ ách tắc, phục hồi và phát triển sản xuất.

Đối với những xí nghiệp thua lỗ kéo dài mà xét ra không cần thiết phải duy trì hình thức quốc doanh, công đoàn phối hợp với các tổ chức có trách nhiệm làm tốt việc sắp xếp lại, đấu thầu, chuyển hình thức sở hữu, giải thể, sao cho tài sản, vốn liếng của Nhà nước không bị thất thoát, công nhân sớm thu xếp được việc làm và ổn định đời sống, không để xảy ra những vấn đề kinh tế - xã hội phức tạp.

Đi đôi với việc ra sức củng cố kinh tế quốc doanh trong những ngành và lĩnh vực then chốt, công đoàn phải tích cực góp phần thực hiện chính sách phát triển các thành phần kinh tế khác mà Đại hội lần thứ VII của Đảng coi là một phương hướng chiến lược lâu dài, một nguồn tiềm năng to lớn trong việc giải quyết các vấn đề về việc làm, thu nhập và đời sống cho người lao động, nhất là trong tình hình hiện nay.

Công đoàn phải giúp đỡ, hướng dẫn đoàn viên và người lao động phát triển kinh tế gia đình, mở mang sản xuất, dịch vụ, tự giải quyết một phần việc làm và thu nhập cho bản thân và gia đình. Công đoàn phải phát huy tình tương thân tương ái, tình giai cấp giữa những người lao động để cùng giúp nhau vốn liếng, kinh nghiệm, công sức trong làm ăn, từ đó mà tập hợp, gắn bó họ trong các tổ chức kinh tế hợp tác đa dạng, tự nguyện cùng có lợi.

Công đoàn cần làm cho đoàn viên và người lao động thấu suốt nhận thức mới đối với các thành phần kinh tế tư nhân, cá thể. Không chỉ tìm việc làm trong kinh tế quốc doanh,

trong biên chế nhà nước. Không có thái độ kỳ thị đối với các loại hình kinh tế tư doanh cá thể, tôn trọng lợi ích hợp pháp và địa vị xã hội bình đẳng của người chủ sở hữu tư nhân, thực hiện tốt trách nhiệm trong hợp đồng lao động. Đồng thời, kiên quyết đấu tranh bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động, chống mọi hành vi kinh doanh trái pháp luật, trốn tránh nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội.

Trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường, công đoàn phải quan tâm đến việc tăng cường củng cố khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức. Công đoàn phải chủ động phát hiện những sai sót trong thể chế, luật lệ, chủ trương, chính sách, những hành vi của chủ doanh nghiệp hay người quản trị phương hại lợi ích chính đáng của người lao động, làm suy yếu khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức. Thông qua hoạt động của tổ chức công đoàn, giai cấp công nhân phát huy vai trò lãnh đạo, đoàn kết tất cả các giai cấp, các tầng lớp để xây dựng đất nước, thực hiện thành công các nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VII.

Đồng thời, đổi mới hoạt động công đoàn có ý nghĩa lớn đối với việc *xây dựng giai cấp công nhân - lực lượng nòng cốt của khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức - trong tình hình mới.*

Do những điều kiện lịch sử của đất nước, trong cơ chế thị trường mới hình thành, những biến động về cơ cấu giai cấp công nhân và thực trạng đầy mâu thuẫn của nó là điều khó tránh khỏi.

Một mặt, đã xuất hiện hàng loạt ngành, nghề mới, như dầu khí, điện tử, tin học, sản xuất hàng xuất khẩu, dịch vụ... với đội ngũ đông đảo công nhân, cán bộ kỹ thuật, cán bộ

quản lý năng động, sáng tạo, nắm bắt nhanh công nghệ hiện đại, thích ứng nhanh với cơ chế mới.

Mặt khác, việc sắp xếp lại sản xuất làm giảm hàng loạt cơ sở sản xuất, giảm mạnh về số lượng công nhân, lao động, kéo theo làm giảm nhiều đoàn viên công đoàn. Nhiều người trong số đó trở thành nông dân, tiểu thương, tiểu chủ. Đội ngũ công nhân lành nghề phân tán và nhìn chung không đáp ứng yêu cầu công nghệ mới. Tuổi đời bình quân tăng lên.

Bên cạnh số đông công nhân vững vàng về chính trị, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng, ở mục tiêu xã hội chủ nghĩa, kiên cường phấn đấu, góp phần to lớn vào những thành công bước đầu rất quan trọng của công cuộc đổi mới, vẫn còn không ít người giác ngộ giai cấp thấp, giảm sút nhiệt tình cách mạng, hoài nghi, động dao trước những diễn biến phức tạp của tình hình, thậm chí thoái hoá biến chất trong lao động và trong sinh hoạt xã hội.

Do vậy, việc xây dựng giai cấp công nhân, làm cho giai cấp công nhân tiếp tục giữ vững vai trò tiên phong trong những điều kiện mới là vấn đề có tầm quan trọng chiến lược. Đó là công việc của cả hệ thống chính trị, trong đó công đoàn có trọng trách lớn.

Tôi hoan nghênh Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn đã đề xuất và sẵn sàng gánh vác trọng trách đó.

Giai cấp công nhân bao gồm công nhân, người lao động làm việc ở các cơ sở thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, trong tình hình mới phải là một giai cấp công nhân vững vàng về định hướng xã hội chủ nghĩa, có đội ngũ giỏi ngành nghề, có trình độ văn hoá cao, đáp ứng yêu cầu phát triển, đi đầu trong công cuộc đổi mới của đất nước.

Tôi đồng ý phương hướng và các giải pháp của công đoàn nhằm tăng cường xây dựng giai cấp công nhân. Tôi chỉ lưu ý thêm mấy điểm: *Một là*, phải xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề, đội ngũ viên chức có trình độ nghiệp vụ cao, đội ngũ trí thức giỏi. Đi đôi với đào tạo mới, phải rất chú ý đào tạo lại để có những công nhân, cán bộ đủ điều kiện tiếp cận với công nghệ mới, tiếp cận với thị trường. *Hai là*, phải coi trọng việc trí thức hoá đội ngũ công nhân. Trong khung cảnh thế giới đã bước vào một thời kỳ mới, việc trí thức hoá giai cấp công nhân là một đòi hỏi khách quan. Phải đầu tư chiều sâu, tạo ra đội ngũ công nhân vững vàng cả về lý thuyết lẫn tay nghề, nắm vững các công nghệ hiện đại. *Ba là*, việc xây dựng Đảng vững mạnh, tạo nên sự gắn bó chặt chẽ giữa Đảng với giai cấp công nhân, là một phương hướng cơ bản để xây dựng giai cấp công nhân. Công đoàn phải là cầu nối giữa giai cấp công nhân với đảng tiên phong, là chỗ dựa về tổ chức để Đảng phát triển ảnh hưởng của mình trong quần chúng công nhân lao động. Công đoàn có thể làm hạt nhân trong việc soạn thảo đề xuất với Đảng một chiến lược xây dựng giai cấp công nhân.

Một vấn đề lớn của công tác công đoàn trong thời gian tới là *đổi mới tổ chức hoạt động công đoàn*.

Khi đặt vấn đề đổi mới công tác công đoàn nói chung, Đại hội lần thứ VI của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã nêu phương hướng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động công đoàn.

Đến nay, vấn đề chức năng công đoàn đã có những nội dung mới và đã được Luật Công đoàn xác nhận. Vì vậy, nếu chỉ đổi mới nội dung và phương thức hoạt động thì

không đủ nữa. Cần đổi mới về mô hình tổ chức để có thể làm tròn các chức năng đại diện, bảo vệ lợi ích hợp pháp và chính đáng của người lao động; tham gia quản lý; tổ chức giáo dục, làm trường học xã hội chủ nghĩa của đoàn viên và công nhân lao động thuộc mọi thành phần kinh tế và trong cơ chế thị trường.

Đây là một vấn đề cần nghiên cứu, tìm hiểu. Ban Chấp hành cần thảo luận xác định từ nguyên tắc tổ chức, mô hình tổ chức đến hệ thống tổ chức, chuẩn bị thật tốt rồi đưa ra Đại hội thông qua. Tất nhiên các cơ quan Trung ương Đảng có trách nhiệm giúp đỡ các đồng chí trên tinh thần tôn trọng tính tự chủ về tổ chức của công đoàn.

Hiện nay, Luật Công đoàn đã quy định cho công đoàn nhiều quyền và nghĩa vụ, nhiều điều kiện để công đoàn thực hiện quyền và nghĩa vụ ấy.

Để làm cho Luật Công đoàn có hiệu lực đầy đủ, điều cốt yếu là phải sớm đào tạo, bồi dưỡng được đội ngũ cán bộ công đoàn có năng lực và có phẩm chất tốt, đáp ứng yêu cầu mới. Người cán bộ công đoàn phải giữ vững và phát huy được bản chất cách mạng của giai cấp công nhân; nắm vững và biết vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng trong công tác công đoàn; không bị những yếu tố tiêu cực của cơ chế thị trường làm cho biến chất, trở thành phường hội; biết động viên, tổ chức công nhân, lao động hợp lý hoá sản xuất, cải tiến kỹ thuật và công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất, hiệu suất công tác lớn nhất, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội và thu nhập quốc dân; thực hiện khẩu hiệu "mỗi người sống trên cơ sở kết quả lao động của mình và đóng góp ngày

càng nhiều hơn để xây dựng đất nước"; có tinh thần đoàn kết quốc tế.

Người cán bộ công đoàn giỏi sẽ trưởng thành từ phong trào công đoàn sôi động và đến lượt mình, trở thành nhân tố tác động tích cực để đưa phong trào tiến lên những bước mới về chất. Tôi mong rằng Hội nghị Tổng Liên đoàn Lao động lần này sẽ đưa ra những quyết định đúng đắn, sớm đi vào phong trào công đoàn, đào luyện nên những lực lượng cán bộ nòng cốt giỏi ở tất cả các cấp và dựa vào lực lượng đó mà làm cho phong trào ngày càng phát triển, góp phần xứng đáng vào việc thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ VII.

Chúc Hội nghị của các đồng chí đạt kết quả tốt.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 03-QĐ/TW, ngày 22 tháng 8 năm 1991

Về thành lập Hội đồng Tư tưởng văn hoá và Khoa giáo

Căn cứ yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các mặt công tác tư tưởng, văn hoá, khoa học và giáo dục, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định thành lập *Hội đồng Tư tưởng văn hoá và Khoa giáo*.

1. *Nhiệm vụ của Hội đồng* là:

- Phân tích, đánh giá tình hình tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân (do Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương chuẩn bị dự thảo) để báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo định kỳ (6 tháng, một năm) và khi có những diễn biến quan trọng.

- Đề xuất với Ban Bí thư, Bộ Chính trị những vấn đề thấy cần thiết, tham gia ý kiến vào các dự thảo quyết định lớn của Đảng (do các ban, ngành chủ quản chuẩn bị) về các mặt công tác lý luận, tư tưởng, văn hoá và khoa giáo trước khi trình Ban Bí thư, Bộ Chính trị.

- Tạo điều kiện phối hợp triển khai thực hiện các quyết định của Đảng trên các mặt công tác đó khi cần thiết.

2. Thành viên của Hội đồng (danh sách kèm theo) gồm các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng phụ trách các cơ quan của Đảng và Nhà nước trong khối các cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng, văn hoá và khoa giáo, đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phụ

trách công tác văn hoá, thông tin, giáo dục, khoa học..., đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng phụ trách công tác chính trị, tư tưởng trong quân đội (Tổng cục Chính trị) và đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ phụ trách công tác đấu tranh chống địch về tư tưởng và văn hoá.

3. Hội đồng Tư tưởng văn hoá và Khoa giáo do đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách công tác tư tưởng, văn hoá và khoa giáo làm Chủ tịch. *Thường trực của Hội đồng* là đồng chí Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương (về mặt công tác tư tưởng, văn hoá) và đồng chí Trưởng ban Khoa giáo Trung ương (về mặt công tác khoa giáo).

4. Tuỳ theo nội dung các kỳ họp, Chủ tịch Hội đồng có thể mời họp toàn thể Hội đồng, hoặc chỉ mời một số thành viên Hội đồng có liên quan; khi cần thiết có thể mời một số cán bộ lãnh đạo, chuyên gia dự các kỳ họp của Hội đồng.

Thường trực của Hội đồng có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Hội đồng tổ chức việc cung cấp thông tin cho các thành viên, xây dựng chương trình làm việc và chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Hội đồng.

5. Hoạt động của Hội đồng dựa vào *bộ máy và kinh phí* của hai cơ quan thường trực là Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương và Ban Khoa giáo Trung ương, không lập bộ máy riêng. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, mỗi cơ quan phân công một số chuyên viên giúp

việc cho Hội đồng. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương bảo đảm về tài chính cho hoạt động của Hội đồng ghi vào ngân sách hàng năm của Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương và Ban Khoa giáo Trung ương.

6. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các đồng chí thành viên Hội đồng Tư tưởng văn hoá và Khoa giáo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THƯ

Số 02-TB/TW, ngày 23 tháng 8 năm 1991

Về chỉ đạo đại hội các cấp vòng 2

Ngày 21-8-1991, Ban Bí thư đã nghe báo cáo tình hình và cho ý kiến về chỉ đạo đại hội các cấp vòng 2.

Đến nay đã có hai tỉnh (Hải Hưng, Quảng Bình), hai huyện, thị xã và nhiều đảng bộ cơ sở tổ chức xong đại hội vòng 2 cấp mình.

Ban Bí thư nhận thấy đối chiếu với Chỉ thị 01 và Thông tri 01 của Ban Bí thư về việc quán triệt những quan điểm cơ bản của Nghị quyết Đại hội VII và tổ chức đại hội các cấp vòng 2, ở những nơi đã làm, các cấp uỷ đã tập trung chỉ đạo đạt được một số kết quả nhất định.

- Việc quán triệt những quan điểm cơ bản của Nghị quyết Đại hội VII được thực hiện nhanh ở cấp tỉnh, thành phố, đảng bộ trực thuộc Trung ương, trong cán bộ chủ chốt các ban, ngành, nhưng ở nhiều nơi do chưa chuẩn bị tốt đội ngũ báo cáo viên, nhiều cán bộ chủ chốt chưa trực tiếp làm, nên việc quán triệt chưa sâu sắc, nhất là chưa gắn với thực tiễn

địa phương, đơn vị. Việc phổ biến ra quần chúng lại càng hạn chế và chưa làm được nhiều.

- Trước khi mở đại hội các cấp vòng 2, một số tỉnh, thành phố có chủ trương tiến hành kiểm tra lại việc củng cố và làm trong sạch tổ chức Đảng theo tinh thần Chỉ thị 59 của Ban Bí thư, công nhận những đảng viên, cán bộ đã sửa chữa khuyết điểm, biểu dương đảng viên phấn đấu tốt, tiếp tục xem xét xử lý, kết luận những việc còn tồn đọng trong nội bộ đảng, trước hết đối với cán bộ chủ chốt.

Việc chuẩn bị báo cáo trình trước Đại hội được coi trọng, đã tổ chức lấy ý kiến của cán bộ lãnh đạo chủ chốt, cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ đoàn thể quần chúng, cán bộ hưu trí... Việc chuẩn bị nhân sự cho cấp uỷ mới cũng được thực hiện với tinh thần nghiêm túc, nhiều nơi đã tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong cấp uỷ và cán bộ chủ chốt.

Tuy nhiên qua kiểm tra ở một số nơi đang chuẩn bị Đại hội và đã tổ chức xong đại hội, thấy còn bộc lộ nhiều khuyết điểm, lúng túng:

- Nổi rõ là các đề án trình ra Đại hội chưa sâu sắc, chưa cụ thể hoá được những quan điểm của Nghị quyết Đại hội VII, đặc biệt là tinh thần và nội dung của Báo cáo chính trị ở Đại hội VII. Nhiệm vụ đề ra cho nhiệm kỳ tới thường còn dừng lại ở mức chung nhất, chưa thể hiện rõ tinh thần chủ động, sáng tạo, chưa xuất phát từ đặc điểm tình hình, thế mạnh, tiềm năng của từng đơn vị, xác định những vấn đề cơ bản và cấp bách nhất là về kinh tế, xã hội, biện pháp chưa rõ ràng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng ở xí nghiệp, cơ quan, đơn vị sự nghiệp... lúng túng trong việc

chuẩn bị, xây dựng đề án do chưa xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng.

- Trách nhiệm chỉ đạo chuẩn bị đại hội thường mới tập trung ở các đồng chí thường trực cấp uỷ và các ban xây dựng đảng, chưa có sự huy động và phối hợp sử dụng lực lượng của các ban, ngành. Nhiều đồng chí trong cấp uỷ từ trung ương đến địa phương công tác ở cơ quan nhà nước và đoàn thể chưa làm tốt trách nhiệm của mình đối với việc tham gia chỉ đạo chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ nơi mình sinh hoạt, công tác và đối với các đơn vị cơ sở thuộc lĩnh vực mình phụ trách.

- Việc tổ chức lấy ý kiến quần chúng ngoài Đảng, nhất là ở cơ sở nhìn chung chưa được thực hiện tốt.

- Việc tổ chức thảo luận ở đại hội chưa đổi mới, vẫn mang nặng tính tham luận, chỉ nói công việc riêng của ngành mình, cơ sở mình, tính tranh luận thấp, do vậy chất lượng thảo luận ở đại hội không cao, chưa thực sự huy động trí tuệ của đại hội cho việc định ra nhiệm vụ chính trị cho nhiệm kỳ tới và nhiệm vụ trước mắt.

- Trong việc chuẩn bị nhân sự, việc tự phê bình và phê bình trong cấp uỷ, nhất là ở những nơi có vấn đề mất đoàn kết nghiêm trọng chưa thật nghiêm túc và chưa được sự chỉ đạo chặt chẽ của cấp trên. Việc tổ chức thảo luận, đề cử, ứng cử và bầu cử cấp uỷ mới ở một vài nơi chưa thật sự dân chủ.

Từ tình hình trên, Ban Bí thư có một số ý kiến như sau:

1. Trước hết phải nhận thức đúng vị trí của đại hội các cấp vòng 2. Nghị quyết Đại hội VII có đi vào cuộc sống và trở

thành hành động cách mạng của toàn đảng bộ và quần chúng hay không là ở việc tổ chức đại hội vòng 2 có đạt kết quả thiết thực hay không. Đồng thời quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội cũng là quá trình thực hiện việc đổi mới và chỉnh đốn. Do vậy, ngoài công tác thường xuyên, các cấp phải coi việc chỉ đạo đại hội vòng 2 là một nhiệm vụ trung tâm từ nay đến hết năm 1991.

Trong đại hội các cấp vòng 2 này, đại hội ở các đảng bộ cơ sở có tầm quan trọng đặc biệt trong việc đưa Nghị quyết của Đại hội Đảng vào cuộc sống. Các cấp uỷ đảng cần quan tâm chỉ đạo đại hội đảng bộ cơ sở, nhất là ở các đơn vị kinh tế quan trọng, ở các vùng trọng điểm, ở các đô thị và ở các cơ quan tham mưu của Đảng và Nhà nước, trước hết là ở cấp trung ương nơi có trách nhiệm quán triệt và cụ thể hoá đường lối của Đại hội VII thành chính sách, pháp luật, quy định và các chủ trương công tác lớn.

2. Yêu cầu quan trọng đầu tiên của đại hội vòng 2 là xác định rõ nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ sở. Nhằm đạt được yêu cầu trên, phải bám chắc nội dung Nghị quyết Đại hội VII, đặc biệt là Báo cáo chính trị tại Đại hội. Việc chuẩn bị báo cáo không phải là việc của riêng cấp uỷ, mà phải có sự tham gia của chính quyền, đoàn thể quần chúng, huy động sức mạnh tổng thể của bộ máy và có kế hoạch lấy ý kiến rộng rãi của quần chúng một cách thiết thực. Báo cáo phải phân tích vị trí, đặc điểm, thực trạng tình hình của địa phương, cơ sở, dự đoán khả năng phát triển với quan điểm, tư duy mới, chủ động đề ra những nhiệm vụ cơ bản và then chốt, những biện pháp thiết thực, cụ thể. Hết sức tránh việc nêu phương

hướng chung chung. Ở địa phương và cơ sở, nhất là ở xí nghiệp, cơ quan, chính quyền, của thủ trưởng đơn vị, nêu lên những vấn đề cơ bản trong nhiệm vụ kinh tế - xã hội của đơn vị với những biện pháp thiết thực để đại hội thảo luận và tham gia ý kiến.

Khi thảo luận ở đại hội, chủ tịch đoàn cần nêu lên một số vấn đề quan trọng và mấu chốt cần được làm rõ hoặc còn có ý kiến khác nhau để đại hội tranh luận, và cần thiết thì tiến hành biểu quyết. Tránh lối tham luận chung chung, không bám sát các nội dung do đại hội đặt ra. Nếu các đại biểu đã được đọc báo cáo thì không nhất thiết phải đọc lại báo cáo ở đại hội.

3. Các cấp uỷ cần chỉ đạo chặt chẽ công tác chuẩn bị nhân sự, chú trọng khắc phục những quan điểm sai trái như bảo thủ, cục bộ, địa phương chủ nghĩa đang nặng nề ở một số nơi. Ở những nơi có tình hình nội bộ mất đoàn kết, hoặc những vụ việc tiêu cực tồn đọng chưa kết luận, giải quyết xong, cần tiến hành tốt việc tự phê bình và phê bình, làm rõ đúng sai; cấp trên cần trực tiếp giúp đỡ giải quyết.

Việc chuẩn bị và tiến hành bầu cử cấp uỷ phải bảo đảm lãnh đạo chặt chẽ và phát huy đầy đủ dân chủ, tránh gò ép, nhằm nâng cao chất lượng cấp uỷ như Thông tri 01 đã nêu.

4. Để đại hội vòng 2 các cấp đạt kết quả thiết thực, trách nhiệm chỉ đạo đại hội không phải chỉ ở các đồng chí trong thường vụ cấp uỷ, các ban xây dựng đảng, mà là trách nhiệm của cả cấp uỷ (của từng đồng chí Uỷ viên Trung ương cũng như tỉnh uỷ viên, huyện uỷ viên) và của các ban.

Ban Bí thư có kế hoạch cụ thể chỉ đạo trực tiếp việc chuẩn bị và tiến hành đại hội các đảng bộ trực thuộc, nhất là các thành phố, tỉnh trọng điểm, các khối cơ quan trung ương. Để chuẩn bị tốt, Đại hội đảng bộ khối cơ quan Trung ương sẽ làm vào cuối năm 1991.

Các đồng chí Ủy viên Trung ương và các đảng viên là cán bộ lãnh đạo ở các ban, bộ, ngành, cơ quan trung ương cần tham gia chỉ đạo đại hội các đảng bộ nơi mình sinh hoạt và công tác, phối hợp với các cấp ủy địa phương chỉ đạo việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng bộ ở các cơ quan, đơn vị trực thuộc ngành mình quản lý. Đồng chí thủ trưởng cơ quan cần báo cáo tình hình và nhiệm vụ công tác của cơ quan trước đại hội đảng bộ cơ quan, tạo điều kiện cho công tác tư tưởng và tổ chức của đảng bộ cơ quan gắn chặt với công tác chuyên môn của cơ quan, nâng cao chất lượng hoạt động của đảng bộ cơ quan.

Kiên quyết không để đại hội đảng bộ làm lướt. Ở những đảng bộ tỉnh, thành, quận, huyện và cơ sở chưa làm tốt việc chuẩn bị nội dung báo cáo và nhân sự thì chưa cho tiến hành đại hội. Các đảng bộ cấp tỉnh, thành đang thực hiện phương án phân chia lại địa giới thì tiến hành đại hội đại biểu vào cuối năm 1991 đầu năm 1992.

Các cấp ủy tỉnh, thành và các đảng ủy khối, đảng ủy trực thuộc trung ương cần sớm báo cáo lịch tiến hành đại hội, báo cáo tình hình các bước đã tiến hành và báo cáo tổng kết khi kết thúc đại hội ở đảng bộ mình, gửi về Ban Bí thư (đồng gửi về Ban Tổ chức Trung ương là cơ quan được Ban Bí thư giao nhiệm vụ thường trực nắm tình hình đại hội). Cần tuyên

truyền kịp thời các kinh nghiệm tốt trên các phương tiện thông tin đại chúng.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 04-QĐ/TW, ngày 24 tháng 8 năm 1991

**Về sáp nhập hai Ban Nông nghiệp Trung ương,
Ban Kinh tế Trung ương thành
Ban Kinh tế Trung ương**

Tại phiên họp ngày 7-8-1991, Bộ Chính trị đã quyết định:

1. Nhập hai ban, Ban Nông nghiệp Trung ương và Ban Kinh tế Trung ương, thành Ban Kinh tế Trung ương.
2. Đồng chí Trưởng ban Nông nghiệp Trung ương, đồng chí Trưởng ban Kinh tế Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 05-QĐ/TW, ngày 27 tháng 8 năm 1991

**Về việc thành lập Hội đồng công tác quần chúng
Trung ương**

Xét yêu cầu tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quần chúng,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. *Thành lập Hội đồng công tác quần chúng Trung ương.*

Hội đồng làm chức năng tư vấn cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác quần chúng. Hội đồng không làm thay chức năng, nhiệm vụ của các ban, ngành, đoàn thể nhân dân.

Hội đồng công tác quần chúng Trung ương có nhiệm vụ:

- Đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề về công tác quần chúng cần được xem xét, giải quyết.
- Tham gia ý kiến vào các dự thảo đề án, các quyết định lớn về công tác quần chúng của Đảng do các ban, ngành, đoàn thể Trung ương chuẩn bị trước khi trình Ban Bí thư, Bộ Chính trị hoặc Ban Chấp hành Trung ương.

- Tạo điều kiện phối hợp tổ chức thực hiện các chủ trương về công tác quần chúng đã được Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

2. Hội đồng công tác quần chúng Trung ương do đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách công tác dân vận và mặt trận làm Chủ tịch. Thành viên Hội đồng gồm các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương, Ủy viên Trung ương hoặc không phải là Ủy viên Trung ương phụ trách các Ban Dân vận, Ban Dân tộc, đoàn thể nhân dân và một số ban của đảng và ngành của chính quyền có trách nhiệm lớn và trực tiếp đối với công tác quần chúng của Đảng.

3. Hội đồng làm việc theo chương trình hằng quý, hằng năm và dài hạn do cơ quan thường trực Hội đồng chuẩn bị và tập thể Hội đồng thông qua. Hội đồng sinh hoạt định kỳ ba tháng một lần hoặc bất thường tùy theo yêu cầu công việc. Các kỳ họp của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng triệu tập. Ngoài các kỳ họp toàn thể Hội đồng bàn những việc lớn có liên quan chung, còn có các cuộc họp chuyên đề liên quan đến một bộ phận thành viên Hội đồng. Tùy theo yêu cầu và tính chất của các vấn đề được xem xét, Chủ tịch Hội đồng có thể mời một số cán bộ lãnh đạo các ban, ngành, các chuyên gia, nhân sĩ, trí thức... có liên quan tham gia sinh hoạt.

4. Hội đồng công tác quần chúng chỉ lập ở cấp trung ương, không có bộ máy biên chế riêng. Ban Dân vận Trung ương là cơ quan thường trực giúp việc Hội đồng. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cấp kinh phí cho Hội đồng vào ngân sách hằng năm của Ban Dân vận Trung ương.

5. Ban Dân vận Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung

ương và các đồng chí có tên trong danh sách thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 06-QĐ/TW, ngày 21 tháng 9 năm 1991

**Về việc chuyển Cục Lưu trữ Trung ương Đảng
trực thuộc Ban Bí thư thành Cục Lưu trữ
Văn phòng Trung ương Đảng**

- Căn cứ Điều 18 (Chương III) Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam,
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Trung ương (tờ trình Ban Bí thư ngày 24-8-1991) và đề án của Cục Lưu trữ Trung ương,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuyển Cục Lưu trữ Trung ương Đảng trực thuộc Ban Bí thư thành Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

Điều 2: Nhiệm vụ, tổ chức, biên chế của Cục Lưu trữ do Chánh Văn phòng Trung ương quyết định.

Điều 3: Cục Lưu trữ Trung ương có trách nhiệm bàn giao về tổ chức, biên chế, toàn bộ tài liệu lưu trữ, cơ sở vật chất kỹ thuật, ngân sách và sổ sách giấy tờ của cơ quan cho Văn phòng Trung ương Đảng.

Điều 4: Cục Lưu trữ Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 07-QĐ/TW, ngày 21 tháng 9 năm 1991

**VỀ VIỆC CHUYỂN BAN CƠ YẾU TRUNG ƯƠNG
SANG TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

- Căn cứ Điều 18, Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam khoá VII,
- Căn cứ tờ trình của Ban Tổ chức Trung ương ngày 24-8-1991 và đề án của Ban Cơ yếu Trung ương,
- Xét tính chất, chức năng, nhiệm vụ tổ chức của Ban Cơ yếu Trung ương,
- Sau khi trao đổi thống nhất với Hội đồng Bộ trưởng,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuyển Ban Cơ yếu Trung ương trực thuộc Ban Bí thư sang trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 2: Lãnh đạo Ban Cơ yếu Trung ương có trách nhiệm báo cáo toàn bộ tình hình và nhiệm vụ của Ban với Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 3: Ban Cơ yếu Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Văn phòng Trung ương và các ban, các đồng chí lãnh đạo bộ, ngành liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI
TẠI CUỘC MÍT TINH KỶ NIỆM LẦN THỨ 61
NGÀY THÀNH LẬP HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 10 năm 1991

Thưa các đồng chí và các bạn

Hôm nay, một sự kiện chính trị quan trọng diễn ra trong đời sống của giai cấp nông dân và toàn thể nhân dân lao động nước ta, kỷ niệm 61 năm ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam.

Ngay sau khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 14-10-1930, Hội Nông dân Việt Nam đã ra đời, tập hợp giai cấp nông dân Việt Nam trong cuộc đấu tranh kiên cường vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Với đường lối, chủ trương của Đảng: "Độc lập dân tộc và người cày có ruộng", truyền thống yêu nước của nông dân được nhân lên gấp bội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và chỉ đạo của Nông hội đỏ, Hội Nông dân phản đế, nhiều cuộc nổi dậy của nông dân diễn ra liên tiếp từ Xôviết Nghệ - Tĩnh năm 1930-1931 đến cuộc khởi nghĩa Tháng Tám 1945 giành chính quyền trong cả nước.

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân, giai cấp nông dân đã hăng hái thi đua thực hiện lời dạy của Bác Hồ "Ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ, hậu phương thi đua với tiền phương", đóng góp to lớn sức người, sức của vào thắng lợi của cuộc kháng chiến. Chủ trương của Đảng về giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất, giải phóng nông dân khỏi ách áp bức, bóc lột của địa chủ, thực hiện người cày có ruộng đã làm nức lòng nông dân, cổ vũ họ hăng hái khôi phục và phát triển kinh tế, thực hiện hợp tác hoá nông nghiệp, đi vào làm ăn tập thể. Đi theo con đường mà Đảng vạch ra, nông dân nước ta đã thật sự đổi đời, trở thành người chủ ở nông thôn.

Trong chiến tranh chống đế quốc xâm lược, giai cấp nông dân Việt Nam tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng của mình, góp phần to lớn vào thắng lợi của cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc, cả nước cùng quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Với khí thế cách mạng sau ngày giải phóng miền Nam, hưởng ứng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nông dân cả nước hăng hái thi đua lao động sản xuất, khôi phục kinh tế, tiếp tục thực hiện chính sách của Đảng ở miền Nam, đem ruộng đất cho nông dân nghèo, vận động tổ chức nông dân từng bước đi vào các hình thức hợp tác sản xuất, kinh doanh trên nguyên tắc tự nguyện, bước đầu tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật mới cho nông nghiệp như thủy lợi, cải tạo đồng ruộng, khai hoang phục hoá, áp dụng giống mới, thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất và thu nhập của nông dân. Nhờ đó, nông nghiệp nước ta nhất là ở miền Nam có bước phát triển.

Từ sau Đại hội V và nhất là sau Đại hội VI của Đảng, tình hình đòi hỏi phải nghiên cứu, ban hành những chính sách phù hợp nhằm triệt để giải phóng lực lượng sản xuất, phát huy cao độ tiềm năng về mọi mặt của đất nước. Trong nông nghiệp, cơ chế mới được mở đầu bằng Chỉ thị 100 của Ban Bí thư, tiếp đến Nghị quyết sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, xác lập *hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ* ở nông thôn, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, tự do lưu thông theo pháp luật. Giai cấp nông dân cả nước vô cùng phấn khởi đón nhận các chỉ thị và nghị quyết đó, đã nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, khai thác tiềm năng lao động và đất đai rừng, biển, làm chuyển biến một bước nền nông nghiệp nước ta theo hướng phát triển nông nghiệp toàn diện, gắn với công nghiệp chế biến, từ nông nghiệp tự cấp, tự túc chuyển dần sang nông nghiệp hàng hoá.

Kết quả là trong mấy năm qua, sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh. Từ chỗ thường xuyên phải nhập lương thực, chúng ta đã vươn lên chẳng những đáp ứng đủ nhu cầu trong nước về lương thực, thực phẩm, mà còn dành được một phần lương thực, thực phẩm để xuất khẩu. Cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày đều phát triển, đáp ứng một phần nguyên liệu cho công nghiệp. Đánh bắt, nuôi trồng thuỷ sản đều tăng khá. Nông nghiệp hàng hoá đang có đà phát triển ở nhiều nơi, nhất là ở miền Nam. Đời sống nông dân nói chung được cải thiện rõ, trừ một số vùng còn gặp khó khăn. Đảng ta, nhân dân ta rất tự hào và đánh giá cao vai trò của giai cấp nông dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong sự nghiệp trọng đại đó, Hội Nông dân Việt Nam trải qua các thời kỳ với những tên gọi khác nhau, đã luôn luôn làm tốt nhiệm vụ của mình, xứng đáng là người đại diện lợi ích chính đáng của giai cấp nông dân: tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ nông dân đi theo đường lối của Đảng, Hội Nông dân là cầu nối vững chắc giữa giai cấp nông dân với Đảng, là chỗ dựa tin cậy của chính quyền nhân dân ở nông thôn, là tổ chức tập hợp rộng rãi lực lượng to lớn và hùng hậu của giai cấp nông dân trong khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức.

Nhân ngày truyền thống vẻ vang này, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi nhiệt liệt chào mừng và biểu dương công lao to lớn của giai cấp nông dân, của Hội Nông dân Việt Nam đã có những cống hiến rất quan trọng cho sự nghiệp cách mạng hơn nửa thế kỷ qua.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Toàn Đảng, toàn dân ta đang ra sức đưa nhanh nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VII vào cuộc sống trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn phức tạp. Đại hội đã vạch ra mục tiêu tổng quát của 5 năm tới là: vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay, từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Để thực hiện những mục tiêu chiến lược đó, nhiệm vụ quan trọng hàng đầu hiện nay là phải phát triển mạnh nông,

lâm, ngư nghiệp, gắn với công nghiệp chế biến và dịch vụ sản xuất, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới, nhằm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tạo điều kiện và tiền đề để công nghiệp hoá đất nước. Trong sản xuất nông nghiệp, phải đặt trọng tâm vào chương trình lương thực - thực phẩm, bảo đảm vững chắc nhu cầu trong nước, tạo ra khối lượng xuất khẩu lớn, nhất là gạo và sản phẩm chăn nuôi. Phát triển cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày trên quy mô lớn để cung cấp cho công nghiệp chế biến xuất khẩu và thay thế nhập khẩu. Khai thác tổng hợp kinh tế biển, nuôi trồng, đánh bắt và chế biến thủy sản, nhất là các loại có khả năng xuất khẩu. Phát triển kinh tế rừng, trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng tài nguyên rừng, bảo vệ thiên nhiên và môi trường sinh thái.

Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp nông thôn theo hướng trên đây, từng bước hình thành cơ cấu kinh tế mới ở nông thôn, thực hiện phân công lại lao động, giải quyết việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống nông dân là phương hướng phấn đấu của cả nước, của các cấp, các ngành và trực tiếp là của giai cấp nông dân.

Trong những năm qua, cuộc vận động nông dân thi đua sản xuất, tiết kiệm theo cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp đã phát huy mạnh mẽ tiềm năng to lớn của nông dân. Những thành tựu về sản xuất lương thực, thực phẩm và nông sản xuất khẩu rất đáng phấn khởi. Hội Nông dân cần tổng kết và phổ biến kinh nghiệm của phong trào thi đua này, tiếp tục phát huy tinh thần tự lực, tự cường của hàng chục triệu

nông dân, phấn đấu đạt các mục tiêu trong nông nghiệp được đề ra trong Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng, đạt 30 triệu tấn lương thực và đưa tổng sản phẩm xã hội lên gấp hai lần vào cuối thập kỷ này.

Chúng ta chủ trương phát triển kinh tế hộ nông dân, đồng thời phải tiếp tục đổi mới cơ chế hợp tác xã nông nghiệp, nâng cao trình độ quản lý, làm tốt những khâu mà từng hộ nông dân không có điều kiện làm hoặc làm kém hiệu quả. Khuyến khích mở rộng các hình thức kinh tế hợp tác tự nguyện trong nông dân, bảo đảm cho nông dân chủ động trong quá trình sản xuất, vừa phát huy sức mạnh của từng hộ nông dân, vừa phát huy sức mạnh của tập thể, nhất là trong các khâu dịch vụ kỹ thuật, tín dụng, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt..., tạo nên sức mạnh tổng hợp thúc đẩy nông nghiệp phát triển toàn diện.

Trên cơ sở phát triển mạnh sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp gắn với củng cố và mở rộng các hình thức hợp tác tự nguyện trong nông dân, *một mặt*, chúng ta khuyến khích những hộ nông dân giỏi đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, làm giàu đúng pháp luật; *mặt khác*, đẩy mạnh phong trào đoàn kết giúp đỡ nhau ở nông thôn, tạo điều kiện để mọi người tự vươn lên, từng bước giảm bớt, tiến tới giảm hẳn hộ nghèo.

Các ngành nông nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, thương nghiệp, hợp tác xã mua bán, tín dụng, ngân hàng, v.v. cần hướng về nông thôn, phục vụ đắc lực nông dân và sản xuất nông nghiệp, đáp ứng kịp thời nhu cầu của sản xuất và đời

sống của nông dân; tăng tỷ suất hàng hoá trong nông nghiệp, nâng cao sức mua của nông dân, tạo nên thị trường trong nước rộng lớn, phong phú và đa dạng, thúc đẩy nền kinh tế nước ta phát triển nhanh.

Các ngành khoa học kỹ thuật cần hướng mạnh hoạt động về nông thôn để đáp ứng đòi hỏi của nền nông nghiệp nước ta đang trong quá trình chuyển nhanh sang sản xuất hàng hoá với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Song song với phát triển kinh tế, cần tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, xây dựng các quỹ bảo hiểm, quỹ đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà ở, trường học, trạm y tế, giếng nước, công trình vệ sinh, đường giao thông, hệ thống truyền thanh, phấn đấu từng bước đưa điện về nông thôn, v.v.. Đấu tranh chống tham nhũng, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Tăng cường đoàn kết, vun đắp tình làng nghĩa xóm, đùm bọc lẫn nhau khi tắt lửa tối đèn. Xây dựng gia đình văn hoá mới, nâng cao dân trí và sức khoẻ của dân, xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học. Tỷ lệ sinh đẻ ở nông thôn hiện còn quá cao so với tỷ lệ chung của cả nước; vì vậy, phải đặc biệt coi trọng và thực hiện tốt chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình. Giữ gìn an ninh trật tự và an toàn xã hội, chống hủ tục, mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc, làm cho nông thôn trở nên lành mạnh, tạo ra động lực thúc đẩy kinh tế phát triển, đóng góp xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong nền sản xuất xã hội hiện nay, cần nhận thức đúng đắn mối quan hệ gắn bó chặt chẽ giữa nông nghiệp với công

nghiệp, giữa công - nông nghiệp với dịch vụ và mối quan hệ mật thiết giữa công nhân, nông dân và trí thức. Mỗi sản phẩm làm ra, dù sản phẩm công nghiệp hay nông nghiệp, đều là thành quả lao động chung của cả công nhân, nông dân và trí thức. Vì vậy, cùng với việc tập trung năng lực của cả nước, của các ngành cho nông nghiệp, bản thân nông dân cần nhận thức rõ nghĩa vụ của mình.

Trước hết, đó là nghĩa vụ đóng góp của nông dân với Nhà nước theo đúng chính sách và pháp luật. Đó là nghĩa vụ tạo ra nguồn nguyên liệu ngày càng phong phú, dồi dào, đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp, trước hết là công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản.

Đó là nghĩa vụ bảo đảm cung ứng lương thực, thực phẩm cho công nhân, nhân dân ở các đô thị và các khu công nghiệp, làm tròn nghĩa vụ của nông nghiệp đối với công nghiệp, nghĩa vụ của nông dân đối với đồng bào cả nước. Đó chính là nền tảng kinh tế để củng cố, tăng cường khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức nước ta.

Nhân dân cả nước, trước hết là nông dân phải coi tác đất là tác vàng, quản lý, sử dụng thật tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả đất đai, rừng, biển, cây cối, nguồn sinh vật, nguồn nước là những tài nguyên vô cùng quý báu nuôi sống chúng ta. Trong quá trình khai thác, phải coi trọng bồi bổ đất, chống xói mòn, bạc màu, thoái hoá, làm cho đất ngày càng màu mỡ, phì nhiêu. Ngăn chặn biến đất sản xuất nhất là đất thuộc đất trồng lúa, thành thổ cư. Phải chú trọng làm cho rừng, biển ngày càng giàu thêm, nhất thiết không được để tài nguyên nghèo kiệt, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và

điều kiện sống, chẳng những đối với chúng ta hôm nay mà còn đối với các thế hệ con cháu mai sau.

Đó là nhiệm vụ rất cấp bách, rất cơ bản của cả nước, là trách nhiệm của đảng bộ và chính quyền các cấp, trước hết là cấp cơ sở ở nông thôn, của Hội Nông dân và của bản thân giai cấp nông dân, là người được nhân dân và Nhà nước giao quyền sử dụng trực tiếp nguồn tài nguyên vô cùng quan trọng đó.

Để đáp ứng nhu cầu vận động nông dân trong giai đoạn hiện nay, Hội Nông dân phải phấn đấu vươn lên về nhiều mặt theo tinh thần Nghị quyết tám (khoá VI) và Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng.

Một là, phải đổi mới về tổ chức và phương thức vận động nông dân phù hợp với tình hình mới để có thể tập hợp rộng rãi và giáo dục, động viên nông dân thực hiện đường lối, chính sách, nhiệm vụ của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, cần chăm lo lợi ích chính đáng của nông dân. Hội có trách nhiệm thay mặt nông dân tham gia quản lý Nhà nước, chủ động đóng góp về chủ trương, chính sách với Đảng và Nhà nước, phát hiện những sai sót trong thể chế, luật lệ, chủ trương, chính sách và những hành vi sai trái của cán bộ, nhân viên nhà nước gây phương hại đến lợi ích chung của xã hội và lợi ích chính đáng của nông dân, làm suy yếu khối liên minh công nhân, nông dân và trí thức, phản ánh với Đảng và Nhà nước để kịp thời uốn nắn, khắc phục.

Hai là, phải đổi mới đội ngũ cán bộ của Hội đủ sức làm công tác vận động nông dân trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường. Phải sớm đào tạo, bồi dưỡng

đội ngũ cán bộ của Hội có năng lực, phẩm chất, nhiệt tình và tin nhiệm, biết động viên, tổ chức nông dân lao động sản xuất, kinh doanh, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, phấn đấu thực hiện dân giàu, nước mạnh.

Ba là, nông dân thuộc nhiều dân tộc, nhiều tôn giáo sống trên những vùng sinh thái khác nhau, với những thành phần kinh tế và ngành nghề khác nhau, phong tục tập quán và tâm lý cũng rất khác nhau. Vì vậy, chỉ có hướng về cơ sở, đi sát hội viên, Hội Nông dân mới có thể nắm được tâm tư, nguyện vọng của nông dân và thông qua các phong trào hành động cách mạng của chính nông dân để giải quyết những vấn đề do nông dân đặt ra một cách sát hợp với từng nơi, từng lúc, từng dân tộc, tôn giáo, từng thành phần kinh tế và nghề nghiệp.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân. Quan hệ giữa đảng với nhân dân là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng. Vì vậy, phải tiếp tục củng cố và tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa nông dân với Đảng. Mỗi đảng viên ở nông thôn, dù ở cương vị công tác nào cũng cần tham gia sinh hoạt trong tổ chức Hội Nông dân, nêu gương sáng về phẩm chất đạo đức, về tôn trọng pháp luật nhà nước, thực hiện đúng đắn quyền và nghĩa vụ nông dân, phấn đấu làm giàu cho mình và cho xã hội, cùng Hội Nông dân ở cơ sở vừa chăm lo lợi ích chính đáng của nông dân, vừa tuyên truyền, giáo dục nông dân hiểu rõ và thực hiện tốt chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, giải quyết tốt những vấn đề

trong sản xuất, tiết kiệm và đời sống nông dân. Các cấp uỷ đảng ở nông thôn cần phát huy đầy đủ vai trò của Hội Nông dân, dựa vào Hội Nông dân và thông qua Hội Nông dân mà tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng. Các cấp uỷ phải định kỳ nghe Hội Nông dân báo cáo kết quả hoạt động của Hội, đề ra chủ trương công tác và uốn nắn những lệch lạc; cụ thể hoá đường lối, chính sách của Đảng thành chương trình hành động của Hội Nông dân và các đoàn thể nhân dân. Kiên quyết làm trong sạch và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên ở nông thôn, đưa ra khỏi Đảng những phần tử tham nhũng, thoái hoá, biến chất, đặc quyền, đặc lợi, ức hiếp nông dân, củng cố lòng tin của nông dân đối với Đảng.

Chính quyền của ta là chính quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, là công cụ của nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân, được nhân dân trao cho quyền lực quản lý mọi mặt đời sống xã hội. Hiệu lực của chính quyền chỉ có thể được phát huy khi dựa vào nhân dân, thực sự bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân thông qua các đoàn thể. Vì vậy, các cấp chính quyền ở nông thôn phải tạo điều kiện để thực hiện đầy đủ vai trò của các đoàn thể và quyền làm chủ của nhân dân trong việc quản lý mọi mặt đời sống xã hội ở nông thôn.

Thưa các đồng chí và các bạn,

Nhân dịp kỷ niệm 61 năm ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam, tôi xin chúc giai cấp nông dân và Hội Nông dân nước ta tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của mình, phấn đấu không mệt mỏi cho thắng lợi của công cuộc đổi mới,

đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng, biến Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng thành hiện thực, đưa nước ta tiến lên theo con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn, xây dựng nông thôn Việt Nam xã hội chủ nghĩa văn minh, giàu đẹp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 03-TT/TW, ngày 17 tháng 10 năm 1991

Về công tác đối với đồng bào Chăm

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Bí thư Trung ương (khoá VI), Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh Thuận Hải đã tổ chức Hội nghị công tác dân tộc Chăm để tổng kết việc thực hiện Chỉ thị số 121-CT/TW, ngày 26-10-1981 của Ban Bí thư Trung ương về công tác đối với đồng bào Chăm. Đại biểu các tỉnh, thành có đồng bào Chăm cư trú, một số cán bộ tiêu biểu đồng bào Chăm và một số ngành Trung ương đã tham dự.

Hội nghị đã đánh giá thực trạng vùng đồng bào Chăm.

Đồng bào Chăm với trên 90.000 người sống tại bảy tỉnh và thành phố phía Nam, tập trung đông nhất ở các tỉnh Thuận Hải và An Giang. Những năm qua được sự chỉ đạo của các cấp uỷ đảng và chính quyền, tình hình kinh tế - xã hội, chính trị các vùng đồng bào Chăm có những tiến bộ đáng kể: đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, thâm canh, tăng vụ, phát triển sản xuất nông nghiệp, tăng sản lượng lương thực, phục hồi và phát triển nghề thủ công. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá phát triển;

số giáo viên, cán bộ y tế người Chăm tăng. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào được cải thiện một bước. An ninh chính trị và an toàn xã hội được giữ vững. Quan hệ đoàn kết giữa đồng bào Chăm, đồng bào Kinh và đồng bào các dân tộc thiểu số khác được củng cố. Đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên người Chăm ngày càng trưởng thành.

Tuy nhiên, sự chuyển biến về kinh tế - xã hội ở các vùng đồng bào Chăm còn chậm, không đều giữa các vùng. Công trình thuỷ lợi ít được xây dựng, sản xuất bắp bênh, độc canh cây lúa. Nhiều hộ nông dân thiếu vốn, thiếu ăn. Nghề dệt truyền thống thiếu nguyên liệu, sản xuất thủ công nghiệp kém phát triển. Việc tranh chấp đất đai, nhất là ruộng "cút", ruộng thánh đường ở một số nơi chưa được giải quyết tốt. Một số công trình kiến trúc và di sản văn hoá dân tộc Chăm chưa được chú ý bảo vệ. Đảng viên phát triển chậm, cơ sở đảng nhiều nơi còn yếu.

Tình hình trên là do một số cấp uỷ đảng và chính quyền chưa quán triệt sâu sắc chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, thiếu đi sâu nghiên cứu đặc điểm dân tộc, tâm lý, nguyện vọng của đồng bào Chăm để có những biện pháp chỉ đạo cụ thể.

Để thực hiện đúng đắn chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, các cấp uỷ đảng cần tập trung làm tốt một số việc sau đây:

1. Về kinh tế, đời sống

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Chăm cần được xây dựng trong kế hoạch chung phát triển kinh tế - xã hội của mỗi tỉnh có đồng bào Chăm và của cả nước. Cần chú ý đến đặc điểm kinh tế và tập quán của từng vùng để bố

trí cơ cấu kinh tế cho phù hợp, xác định cụ thể cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ngành nghề theo hướng phát triển *kinh tế hàng hoá nhiều thành phần* làm cho sản xuất, đời sống của đồng bào Chăm có *bước tiến rõ rệt trong những năm tới*.

Phải tiếp tục phát huy tinh thần tự lực tự cường, khai thác đến mức cao nhất mọi tiềm năng của nhân dân kết hợp với sự đầu tư thích đáng của từng địa phương và sự hỗ trợ của Trung ương.

Coi trọng đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, trọng tâm là sản xuất lương thực, với biện pháp hàng đầu là phát triển thuỷ lợi, gắn với phát triển ngành nghề, chăn nuôi, thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến, nhất là các nghề truyền thống, từng bước xây dựng kết cấu hạ tầng, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, xây dựng nông thôn mới. Giải quyết hợp lý hợp tình vấn đề tranh chấp đất đai để đồng bào có đất ổn định sản xuất, củng cố đoàn kết dân tộc, xử lý phù hợp phong tục, tập quán vấn đề ruộng "cút" của đồng bào theo đạo Bàlamôn, ruộng thánh đường của đồng bào theo đạo Hồi. Nhà nước cần đặc biệt quan tâm đầu tư thích đáng về thuỷ lợi, nước sinh hoạt và nâng cấp một số đường giao thông cho đồng bào Chăm ở những nơi điều kiện sản xuất và đời sống đang rất khó khăn; trước mắt đầu tư hỗ trợ kinh phí cho địa phương có đông đồng bào Chăm ở vùng khô hạn giải quyết nước cho sinh hoạt và sản xuất. Các ngành chức năng cần nghiên cứu tạo điều kiện cho đồng bào Chăm vay vốn sản xuất; có chính sách bảo trợ nghề dệt truyền thống. Đối với một số vùng sản xuất còn nhiều khó khăn, Nhà nước xem xét miễn hoặc giảm thuế, xoá nợ, bán những mặt hàng thiết yếu như dầu thắp sáng, thuốc chữa bệnh, giấy viết cho học sinh

theo giá phù hợp. Đồng bào Chăm được thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 22-NQ/TW của Bộ Chính trị và Quyết định số 72-QĐ/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng.

2. Về văn hoá - xã hội

Có kế hoạch bảo tồn, khai thác và phát huy vốn văn hoá dân tộc Chăm, trùng tu các ngôi tháp Chăm, nhất là số tháp đang ở trong tình trạng hư hỏng; khôi phục một số trung tâm văn hoá tiêu biểu của đồng bào Chăm, trước hết phục hồi trung tâm văn hoá Chăm ở khu vực Phan Rang (Thuận Hải). Tiếp tục thực hiện việc dạy chữ Chăm cổ, tái bản bộ sách giáo khoa chữ Chăm đáp ứng nhu cầu các trường học ở bậc tiểu học. Tiếp tục công trình nghiên cứu latin hoá chữ Chăm đáp ứng nguyện vọng đồng bào Chăm ở An Giang. Khuyến khích phong trào văn nghệ quần chúng, nhất là ở cơ sở, đầu tư củng cố, xây dựng đoàn văn nghệ Chăm không chuyên đang hoạt động.

Đi đôi với củng cố và phát triển các ngành học phổ thông, mẫu giáo, bổ túc văn hoá, cần nghiên cứu tổ chức các loại trường phổ thông dân tộc nội trú, mở lại trường dân tộc Pô Klông ở thị xã Phan Rang để đào tạo con em đồng bào Chăm và các dân tộc thiểu số khác theo quy hoạch. Nhà nước xét miễn học phí cho học sinh Chăm ở các cấp học, nghiên cứu cấp học bổng cho những học sinh thuộc diện chính sách và học giỏi ở tất cả các cấp học, ngành học; có chế độ trợ cấp thích đáng cho đội ngũ giáo viên người Chăm, nhất là đối với giáo viên dạy song ngữ.

Đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh và xây dựng nếp sống mới, bài trừ mê tín dị đoan và những phong tục, tập quán lạc hậu. Làm tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khoẻ ban đầu,

đặc biệt quan tâm giải quyết bệnh phụ khoa cho phụ nữ và bệnh suy dinh dưỡng cho trẻ em. Cung ứng kịp thời thuốc chống dịch bệnh, các loại thuốc thiết yếu cho phòng chữa bệnh. Nhà nước xem xét miễn viện phí cho đồng bào Chăm nghèo. Khuyến khích khai thác, nuôi trồng và sử dụng có hiệu quả các loại thuốc gia truyền dân tộc.

3. Về an ninh chính trị

Tăng cường giáo dục, nâng cao giác ngộ chính trị cho cán bộ và đồng bào Chăm cũng như Kinh, làm cho mọi người quán triệt chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, chấp hành luật pháp, tăng cường đoàn kết dân tộc, hăng hái góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đi đôi với việc phổ biến tình hình thời sự trong nước và thế giới, tuyên truyền quyền lợi và nghĩa vụ công dân, cần thường xuyên cảnh giác đấu tranh chống những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề lịch sử, vấn đề dân tộc, tôn giáo và những khuyết điểm trong việc thực hiện chính sách dân tộc hòng xuyên tạc, gây chia rẽ, kích động hằn thù dân tộc, gieo rắc hoang mang trong nhân dân, phá hoại việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

4. Công tác quần chúng, xây dựng đảng và đào tạo cán bộ

Đổi mới nội dung, hình thức, phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) phù hợp với đặc điểm và thực tế vùng đồng bào Chăm. Chú ý kết hợp chặt chẽ công tác dân tộc với những đặc điểm về công tác tôn giáo trong vùng đồng bào Chăm.

Có kế hoạch xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng trong vùng dân tộc. Phát triển đảng viên người Chăm. Trên cơ sở

xây dựng đội ngũ trung kiên, cốt cán, lựa chọn những đoàn viên, học viên ưu tú để đào tạo, bồi dưỡng trở thành cán bộ, đảng viên.

Cần có sự quan tâm hơn đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên dân tộc Chăm để có kế hoạch và quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng. Xây dựng một đội ngũ cán bộ đồng bộ hoạt động trong lĩnh vực kinh tế, văn hoá, chính trị. Có chính sách đối với những cán bộ cốt cán chủ chốt người Chăm và cán bộ công tác ở cơ sở.

Ban Bí thư Trung ương Đảng yêu cầu:

- Các cấp uỷ đảng và chính quyền từ trung ương đến địa phương, cùng các ban, ngành và cơ quan ở trung ương có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ của mình cần nghiên cứu vận dụng cụ thể hoá nội dung Thông tri này để tổ chức thực hiện có hiệu quả.

- Đối với các tỉnh, huyện có đông đồng bào Chăm thì tùy theo tính chất, quy mô của vấn đề dân tộc ở địa phương, phân công một số cấp uỷ viên và uỷ viên Uỷ ban nhân dân phụ trách công tác dân tộc Chăm, coi trọng nghiên cứu, kiểm tra việc vận dụng và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong vùng đồng bào Chăm.

Các cơ quan chỉ đạo về công tác dân tộc của Đảng có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Thông tri này và báo cáo Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 09-QĐ/TW, ngày 19 tháng 10 năm 1991

**Về việc thống nhất Đảng bộ khối cơ quan kinh tế
Trung ương và Đảng bộ khối cơ quan
Nông nghiệp Trung ương**

Thi hành Quyết định số 04-QĐ/TW, ngày 24-8-1991 của Bộ Chính trị về việc thống nhất Ban Kinh tế Trung ương và Ban Nông nghiệp Trung ương thành Ban Kinh tế Trung ương,
Thi hành Quyết định số 12-QĐ/TW, ngày 8-11-1982 của Ban Bí thư về hệ thống chỉ đạo các đảng bộ cơ quan,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Thống nhất Đảng bộ khối cơ quan kinh tế Trung ương và Đảng bộ khối cơ quan Nông nghiệp Trung ương thành Đảng bộ khối cơ quan Kinh tế Trung ương.
2. Chỉ định các đồng chí có tên trong danh sách kèm theo Quyết định này vào Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ khối cơ quan Kinh tế Trung ương.
Ban Chấp hành lâm thời có trách nhiệm lãnh đạo các

mặt hoạt động của đảng bộ trực thuộc, chuẩn bị và mở đại hội đảng bộ khối vòng 2.

3. Đảng uỷ khối cơ quan Kinh tế Trung ương, Đảng uỷ khối cơ quan Nông nghiệp Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và các đồng chí có tên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 10-QĐ/TW, ngày 11 tháng 11 năm 1991

**Về thành lập Ban Hợp tác với Lào trực thuộc
Ban Chấp hành Trung ương Đảng**

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn do Điều lệ Đảng quy định,
- Xét nhu cầu công tác và nhằm phát triển quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc biệt với Lào,
- Được sự đồng ý của Bộ Chính trị,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

1. Thành lập Ban Hợp tác với Lào trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng với chức năng, nhiệm vụ:
 - Giúp Bộ Chính trị và Ban Bí thư nghiên cứu đề xuất chủ trương, chính sách, điều hành các quan hệ về đảng với Đảng Nhân dân Cách mạng Lào ở các cấp của Đảng.
 - Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc quan hệ hợp tác của các cấp uỷ đảng và các đoàn thể nhân dân với Lào theo đúng quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Cử đồng chí Lê Đức Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng làm Trưởng ban và đồng chí Hồng Hà, Bí thư Trung ương Đảng làm Phó trưởng ban hợp tác với Lào.

3. Tổ chức bộ máy, cán bộ và quy chế làm việc do lãnh đạo Ban Hợp tác với Lào quyết định và báo cáo Ban Bí thư.

4. Ban được quyền quan hệ trực tiếp với các cấp uỷ đảng, các ban của Đảng, các bộ và ngành của Nhà nước, các đoàn thể nhân dân của Việt Nam để phối hợp xử lý các công tác cần thiết; quan hệ trực tiếp với cơ quan tương ứng của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào để giải quyết các công việc giữa hai bên.

Ban có con dấu và ngân sách riêng.

5. Các vấn đề về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật với Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào sẽ do đồng chí Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và đồng chí Chủ nhiệm Phân ban hợp tác kinh tế - văn hoá với Lào trực tiếp giải quyết.

6. Ban Tổ chức Trung ương, Văn phòng Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Ban Hợp tác với Lào của Trung ương và hai đồng chí: Lê Đức Anh và Hồng Hà có trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ ĐỒ MƯỜI
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG (KHOÁ VII)**

Ngày 25 tháng 11 năm 1991

*Thưa các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí,*

Hôm nay, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) bắt đầu làm việc.

Năm tháng qua, kể từ Hội nghị Trung ương lần thứ nhất, chúng ta đã triển khai nhiều công tác nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII. Đại hội đảng bộ các cấp (vòng 2) đã và đang được tiến hành. Việc bố trí cán bộ và sắp xếp một bước tổ chức ở các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể nhân dân ở cấp Trung ương và tỉnh, thành phố về cơ bản đã hoàn thành.

Trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, đi đôi với việc giữ vững sự ổn định chính trị, chúng ta đã bảo đảm cho nền kinh tế không bị đảo lộn lớn. Sự chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành có tiến bộ, nhất là trong việc dự báo tình hình, xử

lý các cân đối lớn, điều hoà lương thực, chuyển hướng thị trường xuất nhập khẩu.

Tuy nhiên, công tác xây dựng đảng về tư tưởng, chính trị, tổ chức còn nhiều việc chưa làm tốt, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục diễn biến phức tạp.

Năm tháng qua, chúng ta đã có một số hoạt động đối ngoại quan trọng:

- Bộ Chính trị ta cử đại diện đặc biệt đến Bắc Kinh tiến hành cuộc gặp cấp cao Việt - Trung bàn về bình thường hoá quan hệ (tháng 7-1991) và Đoàn đại biểu cấp cao nước ta đi thăm chính thức Trung Quốc (tháng 11-1991).

- Nước ta tham gia ký kết Hiệp định Pari về Campuchia.

- Bộ Chính trị Đảng ta hội đàm với Bộ Chính trị Đảng Nhân dân Cách mạng Lào (tháng 10-1991) và hội đàm với Ban Thường vụ Đảng Nhân dân Campuchia (tháng 11-1991).

- Đồng chí Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước ta đi thăm chính thức một số nước Đông Nam Á.

- Ta có một số cuộc gặp với đại diện Mỹ để bàn việc bình thường hoá quan hệ Việt - Mỹ.

Hội nghị Trung ương hai chúng ta họp trong bối cảnh nói trên có những nhiệm vụ sau đây:

1. Cho ý kiến về phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp ổn định và phát triển kinh tế - xã hội trong các năm 1992-1995.

2. Cho ý kiến về những quan điểm và nội dung cơ bản sửa đổi Hiến pháp năm 1980.

3. Cho ý kiến về chương trình toàn khoá của Ban Chấp hành Trung ương, về quy chế làm việc của Trung ương và quy chế Hội đồng Cố vấn.

4. Cho ý kiến về nhiệm vụ của chúng ta trước tình hình mới ở Liên Xô và Campuchia.

5. Cho ý kiến về một số vấn đề nhân sự.

Thưa các đồng chí,

Trước khi Trung ương bước vào thảo luận, tôi xin nêu lên một số ý kiến về hai đề án chính của Hội nghị này:

1. Về nhiệm vụ và giải pháp ổn định, phát triển kinh tế - xã hội trong các năm 1992-1995, 1992.

Đây là một vấn đề lớn và phức tạp đòi hỏi Trung ương thảo luận đi đến sự nhất trí cao về những quan điểm, phương hướng và giải pháp cơ bản trên cơ sở Cương lĩnh và Chiến lược đã được Đại hội VII thông qua. Tôi đề nghị Hội nghị Trung ương tập trung thảo luận một số vấn đề sau đây:

- Chúng ta phải làm gì và làm như thế nào để thực hiện nhiệm vụ quan trọng bậc nhất mà Đại hội VII đã quyết định là phải ra sức đẩy mạnh sản xuất, từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội?

Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương, chính sách nhằm giải phóng lực lượng sản xuất, phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, bước đầu đem lại hiệu quả rõ rệt trong cuộc sống, được nhân dân đồng tình.

Tuy nhiên, chúng ta chưa phát huy đầy đủ khả năng của các thành phần kinh tế, chưa xây dựng được những cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết để tạo bước phát triển nhanh của nền kinh tế quốc dân. Cơ sở hạ tầng còn rất yếu kém, thiết bị máy móc và công nghệ của nhiều xí nghiệp rất lạc hậu, nhiều tiềm năng trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp chưa được khai thác tốt. Tình hình trên có nhiều nguyên nhân, trong đó

thiếu vốn là một nguyên nhân quan trọng và có tính chất quyết định trực tiếp nhất. Do đó, vấn đề đặt ra là chúng ta phải tiếp tục hoàn thiện chính sách và cơ chế để phát huy khả năng của các thành phần kinh tế phát triển sản xuất và dịch vụ, giải quyết tốt mối quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng. Chúng ta cần lãnh đạo từng địa phương, từng ngành, từng cơ sở cho đến từng gia đình, từng người dân có ý thức đầy đủ về vấn đề này, thực hiện triệt để tiết kiệm, tiết kiệm trong sản xuất và tiết kiệm trong tiêu dùng, dành dụm đồng vốn cho sản xuất, xây dựng đất nước và đầu tư có trọng điểm tạo cơ sở cho bước phát triển sau.

Làm được như thế thì góp phần giải quyết công ăn việc làm, tăng nhanh sản phẩm cho xã hội và thu nhập quốc dân, nâng cao mức sống của nhân dân và tăng nguồn thu cho ngân sách, từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đặt vấn đề chiến lược đẩy mạnh khai thác tiềm năng kinh tế của trung du và miền núi cũng là với tinh thần đó. Rất mong các đồng chí phân tích để làm sáng tỏ, đi đến thống nhất cao về các quan điểm và giải pháp cần thực hiện.

- *Về chống lạm phát*, tuy đạt một số kết quả nhất định, nhưng đó chưa cơ bản, chưa vững chắc. Xu hướng giá cả ngày càng tăng cao hơn trong năm 1991 và đặc biệt là tình trạng tăng đột biến liên tục của giá vàng và đôla gần đây đang tác động rất xấu đến nhiều hoạt động kinh tế - xã hội; đến tâm lý, lòng tin của nhân dân đối với sự điều hành của Nhà nước.

Chúng ta cần phân tích những nguyên nhân trực tiếp, đặc biệt là nguyên nhân chủ quan gây ra tình trạng lạm phát tăng trong năm 1991, từ đó đề ra được những giải pháp thích hợp để từng bước ổn định tình hình tài chính, tiền tệ, kiểm

chế mức lạm phát trong năm 1992 và giảm dần trong những năm tới. Ở Hội nghị Trung ương này, chúng ta cần có sự nhất trí cao đối với các chủ trương: tiếp tục chống bao cấp qua tín dụng, tiền lương, giá cả; quản lý ngoại hối và chống buôn lậu; phân cấp quản lý ngân sách...

- Về *kinh tế quốc doanh*, cần thảo luận: vì sao đã nhiều năm, nhiều nghị quyết của Đảng đã đặt ra vấn đề củng cố kinh tế quốc doanh, làm cho kinh tế quốc doanh đóng được vai trò chủ đạo nền kinh tế quốc dân, mà đến nay, nhìn tổng quát tình trạng suy yếu, kém hiệu quả của lĩnh vực kinh tế này vẫn chưa được khắc phục? Về quan điểm còn gì vướng mắc, cản trở? Về nội dung chính sách, kế hoạch, biện pháp tổ chức và chỉ đạo có gì không phù hợp và chúng ta phải giải quyết như thế nào?

- Một vấn đề nữa cực kỳ nóng bỏng, vừa có nội dung kinh tế, vừa có ý nghĩa xã hội và chính trị rất quan trọng là vấn đề *chống tham nhũng*. Hiện nay tệ tham nhũng vẫn đang phát triển một cách nghiêm trọng. Đó là cái ung nhọt lớn đang phá hoại tài sản đất nước, phá hoại uy tín của Đảng và Nhà nước, đang làm nhân dân rất bất bình và lo ngại. Tại Hội nghị này, Ban Chấp hành Trung ương chúng ta không những phải thể hiện được quyết tâm cao, mà quan trọng hơn là phải đề ra được kế hoạch, biện pháp tiến hành cuộc đấu tranh chống tham nhũng có hiệu quả, bất kể kẻ tham nhũng là ai, ở cấp lãnh đạo nào.

2. Về sửa đổi Hiến pháp, cải cách bộ máy nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước

Hiến pháp là đạo luật cơ bản của Nhà nước. Sửa đổi Hiến pháp là một công việc hệ trọng, là một trong những nội dung

lớn của việc đổi mới hệ thống chính trị mà Cương lĩnh của Đảng đã vạch ra.

Tại Hội nghị Trung ương này chúng ta sẽ thảo luận và xác định những quan điểm cơ bản chỉ đạo việc sửa đổi Hiến pháp. Đồng thời chúng ta cũng sẽ thảo luận về một vấn đề rộng lớn, phức tạp và bức thiết là "những quan điểm và phương hướng cơ bản cải cách bộ máy nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước". Đây là những vấn đề vừa là đòi hỏi cấp bách của thực tiễn cách mạng, vừa có ý nghĩa cơ bản và lâu dài. Trong quá trình chuẩn bị, còn những ý kiến khác nhau về tổ chức bộ máy nhà nước ở Trung ương cũng như ở địa phương, có những vấn đề tuy về quan điểm, nguyên tắc thì nhất trí với nhau nhưng ý kiến về nội dung cụ thể thì khác nhau, cần được phân tích kỹ lưỡng. Về phương thức lãnh đạo của Đảng, Đại hội VII mới xác định những quan điểm chung, Hội nghị này cần cụ thể hoá thêm một bước.

Đề nghị các đồng chí Trung ương dành thời gian nghiên cứu và tập trung thảo luận về hệ thống những quan điểm và phương hướng cơ bản cải cách bộ máy nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Việc sửa đổi Hiến pháp, cải cách bộ máy Nhà nước phải trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối chính trị của Đảng ta, xuất phát từ thực tiễn hoạt động của chính quyền nhân dân ở nước ta trong mấy chục năm qua và truyền thống lâu đời của xã hội và dân tộc Việt Nam, đồng thời nghiên cứu những kinh nghiệm và kiến thức tiên tiến trên thế giới.

Thưa các đồng chí,

Ngoài hai vấn đề lớn nói trên, như tôi đã trình bày, Hội nghị của chúng ta còn phải giải quyết một số công việc quan trọng khác. Chương trình của Hội nghị Trung ương lần này khá nặng, nhưng thời gian hội nghị có hạn, không cho phép kéo dài thêm. Vì vậy, Hội nghị chúng ta phải có cách làm việc tốt.

Đoàn Chủ tịch Hội nghị đề nghị: đối với các vấn đề nhiệm vụ và giải pháp ổn định và phát triển kinh tế - xã hội trong các năm 1992-1995, sửa đổi Hiến pháp năm 1980, nhân sự, chúng ta thảo luận ở hội trường và có biểu quyết về từng nội dung quan trọng.

Về các vấn đề tình hình Liên Xô, tình hình Campuchia và nhiệm vụ của chúng ta; chương trình làm việc toàn khoá, quy chế làm việc của Trung ương và quy chế Hội đồng Cố vấn thì Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có dịp báo cáo với các đồng chí hoặc gửi văn bản xin ý kiến trước, đề nghị từng đồng chí Trung ương sửa trực tiếp vào văn bản và gửi đến Đoàn Chủ tịch theo hạn định. Đoàn Chủ tịch sẽ thông báo kết quả ý kiến đóng góp và tiếp thu rồi biểu quyết thông qua; trường hợp nếu có ý kiến lớn khác nhau thì mới tổ chức thảo luận ngắn về những ý kiến khác nhau đó ở hội trường trước khi biểu quyết.

Việc thảo luận ở hội trường cần ngắn gọn, rõ ràng, tập trung vào những vấn đề trọng tâm, đúng tâm của Trung ương, không đi sâu vào những vấn đề riêng của địa phương mình, ngành mình. Đặc biệt cần tranh luận về những ý kiến khác nhau để làm rõ vấn đề và có căn cứ kết luận.

Với tinh thần và cách làm việc nói trên, chúng ta tin

tưởng rằng Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) sẽ thành công tốt đẹp.

Tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị Trung ương hai (khoá VII).

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO
VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KINH TẾ -
XÃ HỘI 5 NĂM 1991-1995 VÀ NĂM 1992
Báo cáo tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành
Trung ương (khóa VII)

Đại hội VII đã phân tích, đánh giá toàn diện tình hình 5 năm 1986-1990 và đề ra những phương hướng, mục tiêu chủ yếu trong 5 năm 1991-1995, Báo cáo này nêu những nét lớn về thực trạng kinh tế - xã hội, từ đó xác lập những định hướng về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1991-1995 và năm 1992.

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI
VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA NÓ ĐẾN NĂM 1992
VÀ CÁC NĂM SAU

Trong 5 năm 1986-1990, quán triệt Nghị quyết Đại hội VI, chúng ta đã thực hiện một bước đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo hướng phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành

phần có sự quản lý của Nhà nước. Nền kinh tế bắt đầu có những chuyển biến rất có ý nghĩa, bước đầu giải phóng lực lượng sản xuất xã hội, nhất là trong hai năm 1989-1990:

- Lạm phát đã được kiềm chế và đẩy lùi một bước.
- Sản xuất và lưu thông đạt một số tiến bộ, đặc biệt là sản xuất lương thực và một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu.
- Một số công trình quan trọng được hoàn thành.
- Xuất khẩu tăng nhanh, nhất là xuất sang khu vực II, nhập khẩu đã cơ bản đáp ứng nhu cầu vật tư quan trọng cho nền kinh tế; việc gọi vốn đầu tư nước ngoài đã đạt được kết quả bước đầu.

- Đời sống của nhân dân về các mặt đi lại, mua bán, làm ăn nói chung được thuận tiện, dễ chịu hơn, một số vùng có được cải thiện; các hoạt động giáo dục, đào tạo, khoa học, y tế, văn hóa được duy trì và có bước phát triển.

Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn mất cân đối nặng, các yếu tố phát sinh lạm phát chưa được loại trừ, kết quả chống lạm phát chưa vững chắc. Sản xuất chưa ổn định, tăng trưởng chậm. Vấn đề việc làm và xã hội còn rất gay gắt. Đời sống của nhân dân lao động còn khó khăn. Kinh tế quốc doanh chưa vươn lên rõ rệt trước thử thách của cơ chế mới, làm ăn ít hiệu quả. Nợ nần, chiếm dụng vốn lẫn nhau còn rất nặng nề.

Bước vào kế hoạch năm 1991, chúng ta đã nhận thức được tình hình trong nước còn nhiều khó khăn gay gắt, tình hình ngoài nước có những khó khăn phức tạp hơn. Do vậy, tư tưởng chỉ đạo là phải nêu cao ý chí tự lực, tự cường, phấn đấu giữ cho nền kinh tế đương đầu được với những nhân tố bất

lợi, bảo đảm cục diện kinh tế - xã hội không bị đảo lộn lớn và tạo thế đi lên.

Tình hình thực tế diễn biến phức tạp hơn dự kiến: thiên tai mất mùa và lũ lụt lớn ở Sơn La, Lai Châu và đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là sự đổ vỡ nhanh chóng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô làm cho các hiệp định đã ký bị mất hiệu lực, thị trường xuất, nhập khẩu truyền thống với Liên Xô bị cắt giảm đột ngột, quan hệ buôn bán bị đảo lộn. Trong bối cảnh cực kỳ khó khăn, phức tạp và đầy thách thức đó, chúng ta đã có những cố gắng rất lớn, giữ cho nền kinh tế không bị đảo lộn và trên một số mặt có chuyển biến tích cực. Thu nhập quốc dân sản xuất vẫn tăng 2,3% so với năm 1990.

- Sản xuất lương thực mặc dù bị thiên tai nặng nề, vụ đông xuân ở miền Bắc mất mùa lớn, giảm hơn một triệu tấn, nhưng sản lượng lương thực cả nước vẫn đạt 21,7 triệu tấn, có khả năng xuất khẩu được một triệu tấn gạo. Tình hình lương thực không căng thẳng, giá lương thực không đột biến. Đó là kết quả quá trình tập trung đầu tư cho thủy lợi, nhất là ở đồng bằng sông Cửu Long, tạo điều kiện mở thêm diện tích, tăng vụ; thực hiện chuyển vụ, tăng lúa hè thu ở miền Tây Nam Bộ và Khu IV cũ; bảo đảm các yếu tố vật chất cho nông nghiệp. Đó cũng là kết quả của chính sách lưu thông thông thoáng và kịp thời điều hòa lương thực giữa các miền, là kết quả thực hiện cơ chế mới trong khu vực nông nghiệp.

- Sản xuất công nghiệp có tăng trưởng. So với năm 1990 giá trị sản lượng công nghiệp tăng 5,3%, trong đó công nghiệp trung ương tăng 16%, chủ yếu là do đã tập trung phát triển các ngành then chốt, các sản phẩm quan trọng và các sản phẩm có nguồn thu lớn cho ngân sách nên có mức tăng

khá, nhất là dầu thô, điện, xi măng, thiếc, thép, phân bón, bia, giấy, đường... Một số sản phẩm các năm trước tiêu thụ khó khăn, năm nay do đổi mới một phần thiết bị và công nghệ, thay đổi mẫu mã nên đã bắt đầu len chân được vào thị trường và sản xuất có phát triển: lớp xe đạp, quạt điện, diêm, phích nước, đồ dùng bằng nhựa... Nhiều cơ sở đã tự lo trang bị lại kỹ thuật, nâng chất lượng sản phẩm như may mặc, dệt kim, làm hàng xuất khẩu,... Một số tư nhân và thợ thủ công đã bỏ vốn xây dựng cơ sở sản xuất, thu hút công nhân và sản phẩm cạnh tranh được thị trường. Trong quá trình thực hiện cơ chế mới, nhiều cơ sở công nghiệp quốc doanh, nhất là công nghiệp trung ương đã đứng vững được và đang đi lên.

- Vận tải hàng hóa và hành khách không căng thẳng, mất cân đối như các năm trước và chất lượng khá hơn mặc dầu lực lượng vận tải không thay đổi nhiều. Lực lượng vận tải ngoài quốc doanh đang từng bước phát triển.

- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản tuy có nhiều khó khăn, nhưng đã tập trung vào các công trình quan trọng về điện, phân bón, thủy lợi, giao thông, nên đạt được các mục tiêu: đưa tổ máy số 3 và số 4 thủy điện Hòa Bình vào vận hành; hoàn thành thủy điện An Điem, đưa điện từ miền Bắc vào Quảng Ngãi; đưa vào hoạt động dây chuyền tuyển quặng pirít Giáp Lai, nhà máy Supe lân Long Thành và hệ thống tuyển quặng thô mỏ thiếc Quý Hợp; hoàn thành xây dựng cầu Lai Vu, Cầu Bo, cầu Mực Sơn, các tuyến viba số đi Sơn La, Lai Châu; hoàn thành 12 công trình thủy lợi, năng lực tưới tăng thêm 2 vạn ha; trồng mới 6.500 ha cao su, 1.400 ha cà phê, 4.000 ha chè; hoàn thành một số công trình văn hóa, y tế, xã hội quan trọng khác...

- Trong tình hình thị trường Liên Xô và Đông Âu bị ách tắc, các công ty kinh doanh đã kịp thời chủ động chuyển nhanh xuất, nhập khẩu sang các thị trường khác nên kim ngạch xuất khẩu ước 1,8 tỷ rúp/đôla, đạt mức kế hoạch; bảo đảm nhập được những vật tư chủ yếu cho sản xuất, xây dựng, góp phần duy trì và phát triển sản xuất trong nước.

- Bằng nhiều biện pháp đẩy mạnh sản xuất, ban hành một số luật thuế và pháp lệnh thuế mới, tăng cường đôn đốc việc thu nộp thuế, chấn chỉnh lại bộ máy thu thuế, nên tổng số thu ngân sách ước vượt khá so với kế hoạch đầu năm. Nguồn thu tăng chủ yếu là từ tăng sản lượng dầu thô, thuế công thương nghiệp, thuế xuất nhập khẩu phi mậu dịch... Nguồn thu trong nước đáp ứng được tiêu dùng thường xuyên, các khoản chi đột xuất và có phần dành trả nợ nước ngoài.

Phát hành theo mục tiêu có kiểm soát, giữ được giá vật tư, hàng hóa không để xảy ra những cơn sốt như các năm trước.

- Cùng với những tiến bộ trên lĩnh vực kinh tế, các hoạt động khoa học, giáo dục, đào tạo, văn hóa thông tin, y tế, xã hội... cũng có những cố gắng góp phần quan trọng vào việc ổn định dần tình hình kinh tế - xã hội.

Nhìn chung, trong tình hình khó khăn, phức tạp của năm 1991, chúng ta đã tập trung sức bảo đảm cho nền kinh tế *không xảy ra những đảo lộn lớn* và trên một số mặt có phát triển. Đó là kết quả của quá trình chuyển đổi sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, đã bước đầu khai thác được tiềm năng của các thành phần kinh tế. Trong chỉ đạo đã chủ động điều hành các cân đối lớn, nhất là cân đối lương thực và một số vật tư chủ yếu, điều khiển mức phát hành tiền mặt, ban hành tiếp một số cơ chế chính sách vĩ mô

như tỷ giá bám sát thị trường, sửa đổi lãi suất tiền gửi và tiền vay, cho nông dân vay vốn ngắn hạn, xúc tiến việc xử lý nợ nần dây dưa, ban hành các cơ chế chính sách mới về xuất nhập khẩu, quản lý ngoại tệ, sắp xếp lại kinh tế quốc doanh và xử lý các cơ sở làm ăn thua lỗ... Thực tiễn vừa qua đã cho thấy càng xóa bao cấp đến đâu thì liền theo đó là giảm bớt nhu cầu giả tạo, quan hệ cung cầu bớt căng thẳng.

Những việc làm được như trên tuy còn khiêm tốn, nhưng có ý nghĩa quan trọng và tạo cơ sở cho việc bố trí kế hoạch năm 1992 và các năm sau. Song, cho đến nay *tình hình kinh tế - xã hội vẫn chưa ổn định, chưa thoát khỏi tình trạng khủng hoảng và lạm phát*. Nổi bật là những vấn đề lớn sau đây:

- Việc kiềm chế và đẩy lùi lạm phát chưa đạt được yêu cầu, còn nhiều nhân tố tái lạm phát, bội chi ngân sách vẫn còn lớn. Từ giữa năm đến nay giá vàng, giá đôla tăng liên tục ở mức cao nhưng chưa có biện pháp xử lý hữu hiệu, đang có nguy cơ kéo mặt bằng giá tăng lên, nạn chảy máu vàng, đôla qua biên giới còn lớn. Trong khi đó thì việc thanh tra, kiểm tra, quản lý tài chính, tiền tệ lại rất yếu, nhất là quản lý tài chính xí nghiệp quá lỏng lẻo. Vấn đề quản lý tài sản, kỷ luật tài chính không nghiêm, chi tiêu không đúng nguyên tắc, lãng phí nghiêm trọng. Tình trạng buôn lậu ngày càng tăng, không ít các quận, huyện, phường, xã mở ra kinh doanh buôn bán không đúng pháp luật, không đóng thuế, sử dụng tiền nong tùy tiện... hậu quả là Nhà nước thất thu lớn.

- Nền kinh tế rất kém hiệu quả. Tốc độ phát triển chậm và không vững chắc. Nông nghiệp còn bấp bênh, công nghiệp địa phương và tiểu thủ công nghiệp tiếp tục bị sa sút. So với

năm 1990 công nghiệp địa phương giảm 3,7%, công nghiệp ngoài quốc doanh giảm 5%. Sản xuất hàng tiêu thủ công mỹ nghệ bị đình đốn. Vốn lưu động không nhỏ, nhưng hầu như bị đông cứng, vòng quay của vốn rất thấp. Tài sản cố định không sử dụng tốt. Tiêu hao vật chất lớn, nền kinh tế chưa có tích lũy, dẫn đến khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản ngày một giảm. Phần vốn đầu tư Nhà nước chi phối (ngân sách, tín dụng, khấu hao cơ bản) năm 1991 giảm 10% so với năm 1990 và giảm 47% so với năm 1985. Vốn ít nhưng bố trí quá nhiều công trình, nên dở dang nhiều, lãng phí lớn, không có công trình quan trọng chuyển tiếp, cơ sở hạ tầng về giao thông, giáo dục, y tế, văn hóa vẫn tiếp tục xuống cấp. Trong khi đó, chưa có chính sách hấp dẫn để huy động hết mức tiềm lực của các thành phần kinh tế, làm cho nhân dân thật sự yên tâm bỏ vốn đầu tư vào sản xuất.

- Đời sống của nhân dân còn rất nhiều khó khăn, nhất là nhân dân ở các vùng thiên tai lũ lụt, đồng bào các dân tộc miền núi. Số lao động thiếu việc làm và không có việc làm ngày một đông. Năm 1991 ước tính chỉ thu hút khoảng 36% trong tổng số 3,5 triệu người cần sắp xếp, chủ yếu là làm nông nghiệp tại chỗ. Chính sách tiền lương quá bất hợp lý kéo dài, không bảo đảm mức sống tối thiểu. Mặc dầu từ đầu năm đến nay đã trợ cấp vài lần, tăng mức trợ cấp cho thân nhân liệt sĩ, những người về hưu có mức lương thấp, song những cố gắng đó cũng chỉ mang tính chất đắp đổi, giá cả tiếp tục tăng, tiền lương thực tế tiếp tục giảm sút. Cộng thêm số người thất nghiệp trong gia đình nên cuộc sống rất khó khăn. Trong khi đó, một bộ phận dân cư do làm ăn không chính đáng từ các nguồn buôn lậu, làm hàng giả, trốn thuế,

tham nhũng thì ăn tiêu phung phí quá mức. Một số cơ sở làm ăn không có lãi nhưng vẫn trả công, trả thưởng quá cao,... đã gây ra sự bất công lớn trong xã hội.

- Tình hình tư tưởng tâm lý xã hội, trật tự xã hội... diễn ra rất phức tạp, tình trạng phá rối trật tự, tham nhũng, buôn lậu, lừa đảo đang phát triển, có nhiều trường hợp rất nghiêm trọng nhưng xử lý chưa nghiêm và chưa kịp thời. Trật tự, kỷ luật, kỷ cương và thi hành pháp luật bị coi thường đến mức hết sức nghiêm trọng, có thể nói đất nước đang trong tình trạng khủng hoảng về kỷ luật, trật tự, làm cho bất kỳ cơ chế, chính sách nào dù hoạch định đúng đắn cũng có thể bị vận hành một cách sai lệch, thậm chí ngược lại sự mong muốn. Tình hình trì trệ, bất lực trước các hành vi vi phạm kỷ luật, pháp chế nhà nước, trật tự kinh tế, trật tự xã hội đang dẫn đến tình trạng không bình thường, vô tổ chức trong đời sống xã hội, an toàn xã hội không bảo đảm, tệ nạn xã hội phát triển. Sự phân hóa giàu nghèo trong các cộng đồng dân cư và giữa các vùng ngày càng lớn mà chưa có sự điều tiết lại cho hợp lý. Quyền làm chủ, bình đẳng của nhân dân bị xâm phạm, chủ nghĩa vụ lợi, lối sống xa hoa dựa trên nguồn thu nhập bất hợp pháp, tiêu xài tiền của Nhà nước và tập thể bừa bãi; sự thoái hóa biến chất ngay cả trong một số người có chức, có quyền ở các cấp, các đơn vị sản xuất kinh doanh đang gây ra nổi bất bình lớn trong xã hội; lòng tin của người dân đối với chính quyền, với Đảng bị giảm sút. Bên cạnh đó, kẻ thù bên trong và bên ngoài đang lợi dụng những khó khăn và khoét sâu những mâu thuẫn, tấn công ta từ nhiều hướng, đang là nguy cơ tạo ra mất ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội.

Ngoài những nguyên nhân khách quan do nền kinh tế kém phát triển, mất cân đối lớn, Mỹ vẫn áp dụng chính sách cấm vận, quan hệ làm ăn với bên ngoài còn nhiều hạn chế, những tác động bất lợi của tình hình Liên Xô,... thì những nguyên nhân chủ quan là:

- Về quản lý vĩ mô, nhận thức và vận dụng chủ trương chuyển nền kinh tế theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước còn nhiều lúng túng; công tác tổng kết từ thực tiễn làm rất ít, các điển hình tốt chưa được nhân rộng. Nhiều chủ trương, chính sách cơ chế chưa dứt khoát, mang tính chấp vá, thiếu đồng bộ và còn sơ hở, thậm chí mâu thuẫn và triệt tiêu nhau. Kéo dài tình trạng bao cấp về vốn, về tín dụng. Cơ chế quản lý ngoại tệ không có hiệu lực, sử dụng ngoại tệ không đúng mục tiêu. Đối phó với cơn sốt vàng và đôla kém, gây tâm lý giữ vàng và đôla trong nhân dân; cộng với buôn lậu qua biên giới làm cho giá tăng liên tục. Chậm luật hóa quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho nông dân. Việc sắp xếp lại kinh tế quốc doanh chậm; chưa định hướng rõ về đổi mới quản lý đối với kinh tế tập thể,... nên chưa tạo được môi trường thuận lợi để phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế.

- Bộ máy quản lý Nhà nước còn công kênh, thiếu hiệu lực, nhiều khâu trung gian, cán bộ thiếu năng lực, không đáp ứng được yêu cầu trong công cuộc đổi mới. Công tác thanh tra, kiểm tra kém, trật tự kỷ cương bị buông lỏng. Tình trạng cục bộ, bản vị, cửa quyền, mất dân chủ, vô tổ chức, vô kỷ luật, thiếu trách nhiệm trong một số cán bộ, một số tổ chức quản lý và một số cơ sở sản xuất kinh doanh... cũng là một trong những nhân tố làm cho tình hình không ổn định.

Từ tình hình trên, bước vào năm 1992 sẽ gặp nhiều khó khăn hơn năm 1991, nổi bật là:

- Không còn nguồn dự trữ vật tư, tài chính của năm trước chuyển sang, đặc biệt là nguồn ngoại tệ rất hạn hẹp, nguồn thu ngân sách còn ít nên việc xử lý các cân đối rất khó khăn.

- Các yếu tố gây lạm phát vẫn trong tình trạng nghiêm trọng, giá vàng và đôla vẫn tiếp tục tăng. Vấn đề việc làm, tiền lương và các vấn đề xã hội khác đang đặt ra hết sức gay gắt.

- Sức mua và thị trường trong nước hạn hẹp, thị trường ngoài nước chưa được mở rộng.

- Mỹ vẫn tiếp tục chính sách bao vây, cấm vận. Tình hình Liên Xô diễn biến phức tạp. Giải pháp mới về Campuchia tạo điều kiện hòa bình cho ba nước Đông Dương, đồng thời đặt nước ta trước những vấn đề phức tạp mới, nhất là trong việc bảo vệ an ninh, quốc phòng. Tuy quan hệ với Trung Quốc được lập lại, nhưng trước mắt cũng chỉ có khả năng mở rộng buôn bán.

Mặt khác, có những thuận lợi, trước hết là đường lối đổi mới của Đảng đang đi vào cuộc sống; năng lực sản xuất của một số ngành then chốt được tăng thêm nên một số sản phẩm quan trọng có khả năng phát triển nhanh như dầu thô, điện, than, xi măng, phân bón, thép... đã bước đầu có một số mô hình sản xuất, kinh doanh tốt; việc chỉ đạo, điều hành cũng đã có những kinh nghiệm...

Với xu hướng chung trên thế giới có chuyển biến, quan hệ kinh tế với nước ngoài có triển vọng được khai thông, nhưng khả năng đưa vào sử dụng trong năm 1992 còn hạn chế.

*Phần thứ hai***NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH
5 NĂM 1991-1995****I- NHIỆM VỤ CHỦ YẾU**

Đại hội VII đã xác định mục tiêu tổng quát, các nhiệm vụ chung trong 5 năm và nhiệm vụ cấp bách trước mắt. Quán triệt tinh thần đó, *nhiệm vụ chủ yếu* của kế hoạch 5 năm 1991-1995 được xác định là:

1. Thực hiện những biện pháp có hiệu quả để tiếp tục đẩy lùi và kiểm soát được lạm phát ở mức dưới hai con số vào năm 1995.

2. Đưa nền kinh tế đi vào thế ổn định và có tốc độ tăng trưởng. Tập trung vào những ngành then chốt và những sản phẩm quan trọng nhất; phát huy thế mạnh của từng vùng và huy động tối đa khả năng của các thành phần kinh tế vào phát triển sản xuất. Ổn định và cải thiện một số mặt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Cơ bản giải quyết tình trạng thiếu đói kinh niên và giáp hạt ở một số vùng; tạo việc làm cho phần lớn lao động mới tăng, tiến hành cải cách chế độ tiền lương, đáp ứng tốt hơn nhu cầu về học tập, hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật; bảo vệ và tăng cường sức khỏe cho nhân dân.

3. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, tạo tiền đề ổn định và phát triển, trước hết là đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa những cơ sở sản xuất có điều kiện phát triển, nhất là các cơ sở làm hàng xuất khẩu. Xây dựng mới một số công trình

then chốt về điện, dầu khí, phân đạm, lọc dầu, xi măng, chế biến nông sản, làm hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, khai hoang, cải tạo và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

4. Tiếp tục đổi mới một cách đồng bộ cơ chế quản lý nhà nước và cơ chế quản lý sản xuất kinh doanh, chuyển hẳn sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác, thiết lập trật tự kinh tế, bảo đảm sự thống nhất quyền lực và hiệu lực của bộ máy nhà nước; cải cách hệ thống hành chính nhà nước, mở rộng dân chủ gắn liền với việc thực thi nghiêm minh kỷ luật, kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng.

5. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh trong tình hình mới.

Dự kiến những mục tiêu phấn đấu chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1991-1995 như sau:

	Đơn vị	1995	5 năm 1991-1995 bình quân hàng năm
- Nhịp độ tăng thu nhập quốc dân sản xuất	%		5,5-6
- Nhịp độ tăng giá trị sản lượng nông nghiệp	%		3,5-4,0
+ Sản lượng lương thực quy thóc	triệu tấn	24-25	23
- Nhịp độ tăng giá trị sản lượng công nghiệp	%		6,85-7,5
+ Sản lượng điện	tỷ kWh	15-16	
+ Dầu thô	triệu tấn	7-8	
+ Thép	nghìn tấn	270-300	
+ Xi măng	triệu tấn	3,7-4	
- Kim ngạch xuất khẩu	tỷ đôla	3,1-4,3	Cộng 5 năm: 12-15
- Kim ngạch xuất khẩu	tỷ đôla	3	Cộng 5 năm: 12-14

II- NHỮNG CHỦ TRƯỞNG VÀ GIẢI PHÁP LỚN

1. Nhanh chóng ổn định nền tài chính, tiền tệ quốc gia

Đổi mới cơ cấu ngân sách theo hướng Nhà nước thống nhất quản lý ngân sách trong cả nước, phù hợp với nền kinh tế đang chuyển sang cơ chế thị trường, tiếp tục xóa bao cấp.

Khắc phục tình trạng làm ăn kém hiệu quả, trước hết là trong khu vực kinh tế quốc doanh để nuôi dưỡng các nguồn thu. Thực hiện thu đúng, thu đủ theo các luật thuế, coi thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách và phải chiếm tỷ trọng ngày càng cao. Tìm thêm các nguồn thu mới như bán bất động sản và các tài sản không sinh lợi, cổ phần hóa một số xí nghiệp làm ăn có lãi để thu hồi nguồn vốn. Đưa tất cả mọi nguồn thu kể cả các loại phí, các khoản viện trợ phi chính phủ vào ngân sách. Tính đúng, tính đủ khấu hao cơ bản của các cơ sở quốc doanh và đưa toàn bộ vốn khấu hao cơ bản vào ngân sách để sử dụng vào mục tiêu xây dựng cơ bản và dành một phần để trả nợ.

Về chi, phải lượng thu để chi. Nguồn thu trong nước bảo đảm đủ các khoản chi thường xuyên một cách hợp lý và chi trả nợ, phần đầu tăng dần chi cho đầu tư phát triển. Toàn bộ nguồn vay nợ, viện trợ dành cho đầu tư. Thực hiện tiết kiệm từ trong mỗi khoản chi. Triệt để xóa bao cấp, mở rộng các loại bảo hiểm và thực hiện rộng rãi hình thức "Nhà nước và nhân dân cùng lo liệu" trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội,... để vừa giảm gánh nặng ngân sách, vừa đáp ứng nhu cầu của nhân dân; kiểm soát chặt chẽ tài chính xí nghiệp, thực hiện đầy đủ các pháp lệnh kế toán - thống kê.

Thực hiện lãi suất dương, tạo điều kiện cho ngân hàng

thực sự đi vào hạch toán kinh doanh. Mở rộng cho vay đối với nông dân và tư nhân trên cơ sở tăng cường hiệu lực pháp lý về vay, trả, bảo lãnh, thế chấp; chống tình trạng cho vay nặng lãi của tư nhân. Áp dụng một mức lãi suất vay vốn lưu động trong cả nước. Nâng lãi suất tín dụng đầu tư so với hiện nay, có sự ưu đãi cho các đối tượng cần khuyến khích đầu tư trong các thành phần kinh tế.

Từng bước *hình thành thị trường vốn*, khuyến khích ngân hàng nước ngoài mở chi nhánh tại Việt Nam hoặc liên doanh với ngân hàng nước ta. Hình thành các trung tâm mua bán ngoại tệ để có tỷ giá hợp lý và từng bước loại trừ thị trường chợ đen về ngoại tệ. Giá cả hình thành theo cơ chế thị trường. Nhà nước tăng cường quản lý bằng cách kiểm tra căn cứ định giá. Đối với sản phẩm mang tính độc quyền như điện, xi măng, cước bưu điện... thì Nhà nước sẽ can thiệp về giá khi cần thiết.

2. Khai thác khả năng của các thành phần kinh tế.

Tiếp tục giải phóng và phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế là một giải pháp vừa cơ bản, vừa cấp bách để vượt qua khó khăn, thử thách tạo nên bước chuyển biến mạnh mẽ về kinh tế - xã hội trong thời gian đến. Cần tập trung vào các vấn đề sau đây:

- *Củng cố và tăng cường kinh tế quốc doanh* để giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, thể hiện trên các mặt:

+ Bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế về vật tư, thiết bị, hàng hóa thiết yếu và nộp ngân sách.

+ Đảm nhận các nhiệm vụ quan trọng mà các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh không thể thay thế được tất cả như cơ sở hạ tầng, vận tải cho miền núi, cung cấp muối... cho vùng cao.

+ Đảm nhận các yêu cầu đặc biệt (sản phẩm quốc phòng - an ninh...).

+ Làm nòng cốt và thúc đẩy đổi mới công nghệ, liên kết, liên doanh hỗ trợ các thành phần kinh tế khác phát triển.

Trên cơ sở đó, sắp xếp lại khu vực kinh tế quốc doanh, những ngành nghề nào kinh tế tập thể và tư nhân có thể làm được thì khuyến khích các thành phần đó phát triển. Những cơ sở quốc doanh cần thiết và triển vọng làm ăn có lãi thì cấp và cho vay vốn lưu động, pháp định để hoạt động, thực hiện cơ chế bảo toàn vốn. Hình thành các loại xí nghiệp hỗn hợp bằng nhiều hình thức liên doanh, góp cổ phần, bán trái phiếu. Làm thí điểm và mở rộng việc cổ phần hóa các xí nghiệp quốc doanh, trước hết là các xí nghiệp làm ăn có lãi, có sức thu hút vốn. Nhà nước giữ lại một tỷ lệ cổ phần có sức khống chế tùy theo sự cần thiết của từng xí nghiệp. Đối với các xí nghiệp không cần giữ hình thức quốc doanh và các xí nghiệp thua lỗ kéo dài, cần kiên quyết xử lý bằng các hình thức thích hợp với điều kiện thực tế như cho thuê, bán, sáp nhập với các đơn vị khác hoặc giải thể. Thu hút nước ngoài đầu tư trực tiếp hoặc liên doanh vào các cơ sở quốc doanh hiện có để giải quyết cả nhu cầu về vốn, công nghệ và trình độ quản lý.

- *Phát triển kinh tế hộ nông dân xã viên, hộ cá thể* và các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp, phát huy mạnh mẽ tiềm năng to lớn của kinh tế nông thôn. Cần bổ sung sửa đổi Luật đất đai và các văn bản dưới luật, xác định rõ quyền sử dụng ruộng đất lâu dài, quyền chuyển nhượng, thừa kế của các hộ nông dân. Các chính sách tài chính - tín dụng phải thật sự khuyến khích và hỗ trợ nông dân phát triển sản xuất,

kinh doanh, tận dụng đất đai, đầu tư thâm canh, mở mang diện tích và ngành nghề, tăng sức mua và khả năng tích lũy ở nông thôn; mặt khác cần rút ngắn thời gian chuyển giao kỹ thuật đến hộ nông dân, tổ chức tốt việc chế biến các loại nông sản và giúp tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp. Đổi mới phương thức tổ chức và hoạt động của kinh tế tập thể, khuyến khích phát triển các hình thức kinh tế hợp tác đa dạng, quy mô và mức độ tập thể hóa khác nhau tùy theo nhu cầu sản xuất và nguyện vọng của nông dân.

- Phát huy tiềm năng của *kinh tế tập thể, tư nhân và cá thể ở thành thị*. Khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp và làm ăn theo pháp luật, bảo đảm sự bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế. Bằng nhiều hình thức huy động vốn của tư nhân, cá thể vào phát triển sản xuất, tạo điều kiện để họ tự đầu tư, góp cổ phần, mua cổ phiếu... Phát triển hình thức kinh tế tập thể ở thành thị dưới nhiều dạng và quy mô phù hợp với trình độ công nghệ, khả năng huy động vốn, khả năng quản lý và với đặc điểm của từng ngành nghề do người lao động tự nguyện tham gia. Hình thành nhiều hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế quốc doanh, tập thể và tư nhân, cá thể để phát huy đầy đủ tiềm năng của từng thành phần kinh tế và bảo đảm tính hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

3. *Đẩy mạnh xuất, nhập khẩu và mở rộng kinh tế đối ngoại.*

Phải tìm mọi cách tăng nhanh khả năng xuất khẩu, mở rộng các dịch vụ thu ngoại tệ... để đáp ứng nhập khẩu vật tư, hàng hóa, mua thiết bị và có ngoại tệ để trả nợ; đồng thời phải quản lý chặt chẽ nhập khẩu để sử dụng ngoại tệ có hiệu quả theo mục tiêu kế hoạch.

Cần nghiên cứu và tiếp cận thị trường, tạo môi trường kinh tế, chính trị thuận lợi cho hợp tác buôn bán, xây dựng chính sách thị trường đúng đắn để tìm cách chen chân, mở thêm thị trường mới. Đối với thị trường Liên Xô và Đông Âu cần mở quan hệ trực tiếp với các công ty, các xí nghiệp của từng nước Cộng hòa; đối với thị trường Trung Quốc phải tận dụng khả năng mở rộng quan hệ buôn bán tiểu ngạch và chính ngạch; đối với các thị trường khác cần phải nâng cao chất lượng hàng hóa, tăng chủng loại các sản phẩm nông sản và nông sản chế biến, hàng may mặc, các loại khoáng sản... để giữ vững và mở rộng thị trường, nhất là thị trường các nước Đông Nam Á, Đài Loan, Nam Triều Tiên, Hồng Kông, Nhật Bản...

Cơ cấu hàng xuất khẩu cần chuyển biến theo yêu cầu của thị trường thế giới. Hàng nông sản xuất khẩu phải đi mạnh vào chế biến sâu. Nâng cao chất lượng sản phẩm hàng công nghiệp nhẹ. Nắm bắt và phát triển nhanh những mặt hàng mới có hàm lượng kỹ thuật cao và có thị trường như may mặc, dệt, điện tử dân dụng... Đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng đang có thị trường tiêu thụ không hạn chế như dầu mỏ, đá quý, tơ tằm, tôm...

Phấn đấu 5 năm 1991-1995 xuất khẩu khoảng 12-15 tỷ đôla, gấp 2 lần so với 5 năm trước. Dự kiến kim ngạch nhập khẩu 5 năm 1991-1995 khoảng 12-14 tỷ đôla, tăng 33% so với 5 năm 1986-1990. Trong đó dành 6-7 tỷ nhập các loại vật tư chủ yếu như 14-15 triệu tấn xăng dầu, 14-15 triệu tấn phân đạm quy SA, 1,5 -2 triệu tấn sắt thép, 20-25 vạn tấn bông xơ...

Các hoạt động dịch vụ thu ngoại tệ như du lịch, kiều hối, xuất khẩu lao động chuyên gia, vận tải biển, hàng không,

bưu điện... là lĩnh vực được phát triển mạnh. Cần có chính sách thích hợp từng khu vực, từng đối tượng để tranh thủ tối đa nguồn viện trợ, vay nợ, hợp tác liên doanh hoặc gọi vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Biện pháp có ý nghĩa nhằm tăng nhanh năng lực xuất nhập khẩu là phải đổi mới cơ chế quản lý và chính sách xuất nhập khẩu với nội dung như sau:

- Chấn chỉnh lại tổ chức xuất nhập khẩu, xóa bỏ các đầu mối trung gian không cần thiết.

- Thực hiện đầy đủ Quyết định 337 của Hội đồng Bộ trưởng về quản lý ngoại tệ. Ngân hàng bảo đảm có dự trữ ngoại tệ để các đơn vị có ngoại tệ được sử dụng khi cần thiết và chuẩn bị đủ tiền Việt Nam để mua số ngoại tệ của người bán, tránh các thủ tục phiền hà.

- Khuyến khích cao nhất xuất khẩu, quản lý chặt chẽ nhập khẩu:

+ Cấp hạn ngạch (quota) dựa trên cơ sở cân đối của kế hoạch Nhà nước được Hội đồng Bộ trưởng duyệt; cấp hạn ngạch cho người trực tiếp kinh doanh.

+ Giảm, miễn thuế đối với một số mặt hàng xuất khẩu cần khuyến khích nhất là nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ. Về nhập khẩu, ngoài danh mục những mặt hàng cấm sẽ chia làm hai loại:

+ Đối với vật tư, nguyên liệu, thiết bị lẻ để đổi mới công nghệ thì khuyến khích nhập khẩu, nhưng để tránh tình trạng nhập khẩu vượt quá yêu cầu, gây ứ đọng vốn, cần hướng dẫn các công ty kinh doanh nhập khẩu trong khuôn khổ bảo đảm nhu cầu theo định hướng kế hoạch, đồng thời phải thường xuyên theo dõi để điều chỉnh kịp thời. Miễn hoặc giảm thuế nhập khẩu đối với một số loại vật tư chiến lược.

+ Đối với các loại hàng hóa khác, vừa sử dụng công cụ thuế theo hướng nâng mạnh thuế suất hàng nhập khẩu đối với loại chưa cấp thiết để hạn chế nhập, vừa sử dụng hình thức quota.

4. *Phấn đấu tăng vốn đầu tư và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư.*

- Tìm mọi cách huy động tối đa các nguồn vốn trong toàn xã hội, tạo môi trường cho mọi người yên tâm và thấy có lợi trong việc đầu tư vào sản xuất. Trước hết, cần sớm luật hóa quyền sử dụng ruộng đất lâu dài, quyền chuyển nhượng và thừa kế, quyền sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, quyền tự do di chuyển vốn và tài sản trong nước, quyền tham gia xuất nhập khẩu của tư nhân, dành ưu đãi cho tư nhân đầu tư khai thác những vùng đất mới.

- Thực hiện cổ phần hóa các xí nghiệp đang làm ăn có lãi như xi măng, thuốc lá, bia, khách sạn,... để thu hút vốn của nhân dân (kể cả người ngoài) và Nhà nước nắm được phần vốn nhất định để đầu tư mới.

- Tính đúng, tính đủ vốn khấu hao cơ bản trong khu vực kinh tế quốc doanh để tăng thêm vốn đầu tư. Toàn bộ vốn khấu hao cần được đưa vào ngân sách và được kế hoạch hóa chặt chẽ cho đầu tư phát triển.

- Khuyến khích các cơ sở làm ăn có hiệu quả vay vốn hoặc liên doanh với nước ngoài theo nguyên tắc tự vay, tự trả.

- Khuyến khích người nước ngoài đầu tư vào những công trình quan trọng, đặc biệt có sự ưu đãi trong việc đầu tư trực tiếp vào những vùng khó khăn, cơ sở hạ tầng còn yếu kém.

- Nhà nước mạnh dạn vay vốn đầu tư vào những công trình then chốt theo phương thức vay vốn tự làm (kể cả vay

lãi suất bình thường nếu được trả chậm), hoặc phương thức chìa khóa trao tay và trả bằng sản phẩm sau một thời gian.

- Chuyển mạnh từ đầu tư bằng vốn ngân sách sang sử dụng các nguồn vốn vay tín dụng, góp cổ phần, vay nước ngoài và nước ngoài đầu tư trực tiếp. Ngân sách Nhà nước chỉ đầu tư cho thủy lợi, giao thông, công cộng đô thị, cấp thoát nước ở các thành phố, thị xã, nghiên cứu khoa học và văn hóa - xã hội. Chú trọng hỗ trợ cho các tỉnh miền núi, vùng dân tộc và các tỉnh thường xuyên bị thiên tai đe dọa. Các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đầu tư bằng vốn vay trong nước, ngoài nước, vốn liên doanh, góp cổ phần,...

Phấn đấu đến năm 1995, năng lực mới của một số ngành như sau:

+ Nguồn điện thêm 2 triệu kW (nếu các công trình gối đầu Hàm Thuận, Yaly, nhiệt điện huy động tổ I vào năm 1995 thì sẽ tăng thêm ở miền Nam và miền Trung là 1 triệu kW).

+ Năng lực khai thác dầu khí của Liên doanh Việt - Xô tăng thêm 5 triệu tấn.

+ Năng lực luyện, cán thép tăng thêm 15 vạn tấn.

+ Công suất xi măng tăng thêm 1,6 triệu tấn.

+ Năng lực tưới nước tăng thêm 20-25 vạn ha, năng lực tiêu úng tăng thêm 10-13 vạn ha.

+ Trồng mới 3 vạn ha cao su, 2-3 vạn ha cà phê, 7-10 vạn ha chè, 5-7 vạn ha bông, 5 vạn ha dâu tằm... chủ yếu do dân đầu tư.

+ Diện tích trồng rừng tập trung hơn 1 triệu ha, khoanh nuôi rừng vài triệu ha.

+ Nâng cấp và cải tạo các trục chính đường bộ, năng lực

cảng biển tăng thêm 2,5 triệu tấn/năm, tăng thêm 40 vạn tấn tàu biển.

+ Nguồn cấp nước tăng thêm khoảng 80 vạn m³/ngày đêm, 70% dân đô thị được cấp nước sạch.

5. Về giải quyết việc làm và tiền lương.

- Giải quyết việc làm là một trong những nhiệm vụ bức bách hàng đầu, không chỉ là vấn đề đời sống, mà còn có ý nghĩa xã hội và chính trị rất lớn, cần được thực hiện theo một chương trình đồng bộ, gắn giải quyết việc làm với thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

Số người cần sắp xếp việc làm trong 5 năm 1991-1995 khoảng 7,5 triệu người, trong đó số thanh niên đến tuổi khoảng 4 triệu, học sinh tốt nghiệp ra trường và số hợp tác lao động trở về 60 vạn, số công nhân viên chức giảm biên chế 30 vạn... Trước mắt cấp bách nhất là 1,4 triệu người ở thành phố, thị xã...

Thực sự kết hợp hài hòa giữa người lao động tự tạo, tự tìm việc làm và trách nhiệm của Nhà nước trong việc tạo ra cơ chế, chính sách, môi trường để dân phát triển sản xuất, dịch vụ, đầu tư có trọng điểm xây dựng kết cấu hạ tầng, đào tạo và đào tạo lại nghề cho người lao động. Phát huy mọi nguồn tiềm năng trong nước, đặc biệt là khơi nguồn vốn trong dân, đồng thời tranh thủ các nguồn lực quốc tế, tập trung cho các chương trình và dự án tạo việc làm.

Hướng chủ yếu để giải quyết việc làm trong 5 năm tới là:

+ Thu hút lao động tại chỗ vào sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới bằng khai hoang, tăng vụ, thâm canh, phát triển chăn nuôi phục vụ xuất khẩu, nuôi trồng hải

sản, phủ xanh đất trống, đồi trọc, lấn biển, tạo ra nhiều ngành nghề mới trong nông thôn.

+ Phát triển mạng lưới dịch vụ và khuyến khích phát triển công nghiệp gia đình. Phát triển các hộ sản xuất kinh doanh nhỏ, nhất là khai thác khả năng của thanh niên có vốn, có kiến thức và tay nghề ở các thành phố, thị xã để thu hút số lao động ở thành thị.

+ Phát triển các tổ chức thanh niên xung phong làm kinh tế nhằm thu hút một số thanh niên đến tuổi lao động vào các mục tiêu trồng chè, cà phê, cao su, dâu tằm, phủ xanh đất trống đồi trọc, nuôi trồng thủy sản, phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, xây dựng các công trình giao thông, các công trình văn hóa, xã hội...

+ Tìm thị trường mới để xuất khẩu lao động và chuyên gia.

+ Tổ chức tốt việc thực hiện chương trình EC về tạo việc làm cho những người hồi hương.

+ Dành một phần vốn ngân sách để giải quyết lao động dôi ra trong quá trình thực hiện giảm biên chế.

+ Tổ chức phân bổ lại khoảng 1,2 triệu người với 60 vạn lao động để trong 5 năm khai hoang 30-40 vạn ha, tạo thêm nhiều chỗ làm việc mới.

Với hướng trên, trong 5 năm tới cũng chỉ mới giải quyết khoảng hơn 5 triệu người có việc làm. Số người chưa có việc làm đến cuối năm 1995 còn khoảng trên 2 triệu, cần được tiếp tục tạo ra các điều kiện để giải quyết.

- Cải cách cơ bản chế độ tiền lương. Xoá dần các khoản bao cấp trong chính sách tiền lương và những sự chênh lệch vô lý trong việc trả lương để dần dần ổn định cuộc sống của người lao động, thực hiện công bằng xã hội. Việc cải cách tiền

lương phải gắn với việc chống lạm phát, đổi mới các chính sách xã hội, giảm biên chế và tăng năng suất lao động. Hơn nữa nền kinh tế còn nhiều khó khăn nên chưa thể cải cách toàn diện cùng một lúc, mà phải có bước đi thích hợp: Năm 1992 tiếp tục bù trượt giá và thực hiện một bước tiền tệ hoá tiền lương. Năm 1993 tiến hành cải cách chế độ tiền lương một cách cơ bản.

6. Tăng cường hiệu lực điều hành vĩ mô và quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước trong điều kiện chuyển sang cơ chế thị trường.

Trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ về quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường với chế độ tự chủ kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, phải bố trí lại cơ cấu, tổ chức bộ máy nhà nước hợp lý nhằm tăng cường vai trò quản lý thống nhất ở tầm vĩ mô trên mọi lĩnh vực và mọi thành phần kinh tế, khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo, thu gọn tổ chức, giảm đầu mối, bớt trung gian trong từng ngành cũng như trong hệ thống bộ máy nói chung.

Các bộ, các địa phương, các cơ quan quản lý nhà nước nhanh chóng chuyển giao chức năng trực tiếp tổ chức kinh doanh cho các doanh nghiệp, để tập trung thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý nhà nước. Xác định lại quan điểm và giải quyết sự chia cắt giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương hiện nay. Vai trò quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước được xác định bằng những chức năng chủ yếu sau đây:

- Tạo môi trường và điều kiện cho hoạt động sản xuất, kinh doanh bằng việc thực thi luật pháp, bảo đảm trật tự và an toàn xã hội; thi hành nhất quán các chính sách và thể chế

theo hướng đổi mới; ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, khống chế lạm phát, điều tiết thị trường, ngăn ngừa và xử lý những đột biến xấu. Bảo đảm sự ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội cho mọi người yên tâm sản xuất, kinh doanh. Xây dựng cơ sở hạ tầng về kinh tế và xã hội.

- Dẫn dắt và hỗ trợ những nỗ lực phát triển thông qua kế hoạch và các chính sách kinh tế, sử dụng có trọng điểm các nguồn tài lực tập trung và lực lượng dự trữ, phát huy vai trò của kinh tế quốc doanh, khai thông các quan hệ bang giao và làm chỗ dựa cho các tổ chức hoạt động về kinh tế đối ngoại.

- Hoạch định và thực hiện các chính sách xã hội, bảo đảm sự thống nhất và hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội.

- Quản lý và kiểm soát việc sử dụng tài sản quốc gia nhằm bảo tồn và phát triển các tài sản đó, trong đó có bộ phận tài sản giao cho kinh tế quốc doanh.

Để thực hiện các chức năng trên, cần phải đổi mới và hoàn thiện các công cụ quản lý vĩ mô trọng yếu như: xây dựng hệ thống luật pháp và ban hành đồng bộ các văn bản dưới luật, đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội theo cơ chế thị trường. Phổ cập luật pháp toàn dân, phát triển các hình thức dịch vụ pháp lý. Kiện toàn bộ máy kiểm tra và thi hành luật pháp. Bổ sung và cải tiến các thể chế pháp quy để bảo đảm thực hiện chủ trương chống tham nhũng, chống tiêu cực có hiệu quả. Tăng cường vai trò của kế hoạch hoá vĩ mô trên cơ sở đổi mới kế hoạch hoá, chuyển sang mô hình kế hoạch hoá định hướng, bảo đảm các cân đối tổng thể của nền kinh tế (cung - cầu vật tư hàng hoá, tiền - hàng, thu - chi,

xuất - nhập,...). Kế hoạch Nhà nước có chương trình dự án đầu tư của Chính phủ đi đôi với sử dụng các chính sách đòn bẩy kinh tế là chính để hướng dẫn và hỗ trợ các ngành, các địa phương và cơ sở phát triển theo định hướng kế hoạch. Xây dựng hệ thống kế toán, thống kê và thông tin kinh tế phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ, phù hợp chuẩn mực quốc tế và từng bước hiện đại hoá.

Phần thứ ba

NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 1992

I- NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Nhằm thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội 5 năm 1991-1995, năm 1992 cần phải tiếp tục vượt qua những khó khăn và thử thách mới, khắc phục những yếu kém, giữ vững và phát huy những thành quả đã đạt được. Trước hết phải tạo sức bật mới, nhất là sức bật nội tại, tiếp tục đổi mới và đổi mới triệt để hơn, có bước đi thích hợp trong việc xoá bao cấp, nhằm thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển; đồng thời tranh thủ tối đa khả năng bên ngoài để tạo dần sự ổn định kinh tế - xã hội và tạo thế đi lên trong những năm sau. Tập trung thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. *Tiến mạnh hơn trong việc kiềm chế và đẩy lùi lạm phát*, bằng cách kiềm chế bội chi ngân sách, khống chế

phát hành tiền mặt; tận thu mọi khả năng có thể thu được từ nguồn trong và ngoài nước; điều chỉnh hệ thống thuế và chống thất thu thuế. Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi, triệt để chống lãng phí, thực hiện tiết kiệm từ trong các khoản chi ở các đơn vị sản xuất, kinh doanh và trong các cơ quan nhà nước.

2. *Ổn định và phát triển sản xuất, tiếp tục coi nông nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu* và tập trung bảo đảm các điều kiện để phát triển nhanh những sản phẩm trọng yếu của nền kinh tế như lương thực, thịt, hải sản, dầu khí, điện, xi măng, phân bón, thép, các loại khoáng sản, các sản phẩm công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến phục vụ xuất khẩu và có nguồn thu lớn cho ngân sách. Thu nhập quốc dân tăng 4,6%, nông nghiệp tăng 3,3-3,5%, công nghiệp tăng 6-7%, kim ngạch xuất khẩu 2,2-2,4 tỷ đôla.

3. *Giải quyết một số vấn đề cấp bách về đời sống và xã hội*, nhằm ổn định một bước tình hình xã hội, tư tưởng và đời sống nhân dân. Chú trọng giải quyết việc làm, thực hiện một bước việc cải tiến tiền lương, giải quyết một số vấn đề cấp bách trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá - xã hội.

4. *Tăng cường công tác quản lý*, thực hiện một bước cải cách hệ thống bộ máy hành chính và cán bộ các cấp, đổi mới và bổ sung hệ thống pháp luật kinh tế, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước.

5. *Thực hiện một cách ráo riết, mạnh mẽ việc chống tham nhũng, buôn lậu*, chống làm hàng giả, chống các hiện tượng tiêu cực; thiết lập trật tự, kỷ cương trong quản lý kinh tế, xã hội, khôi phục lòng tin, giữ thế ổn định chính trị bảo đảm an toàn xã hội.

II- CHỦ TRƯỞNG VÀ NHỮNG BIỆN PHÁP CHỦ YẾU VỀ CÁC LĨNH VỰC VÀ CÁC NGÀNH

Những chủ trương và các giải pháp lớn của kế hoạch 5 năm 1991-1995 sẽ được thực hiện một bước mạnh mẽ ngay trong năm 1992:

1. Về tài chính tiền tệ - giá cả

a) Trên cơ sở đổi mới cơ cấu ngân sách, thực hiện các luật thuế và sắc thuế mới, đưa tất cả mọi nguồn thu kể cả vay, viện trợ nước ngoài vào ngân sách. Dự kiến tổng nguồn thu ngân sách nhà nước năm 1992 là 19.026 tỷ đồng, các khoản thu về thuế và phí trong nước là 13.370 tỷ đồng, trong đó các loại thuế từ kinh tế quốc doanh là 3.620 tỷ đồng chiếm 27% so với các khoản thuế và phí trong ngân sách nhà nước; thu từ bán dầu thô 3.900 tỷ đồng chiếm 29%. Thuế trong khu vực kinh tế ngoài quốc doanh 1.450 tỷ đồng tăng 38% so với năm 1991. Thu khấu hao cơ bản 1.680 tỷ đồng, trong đó để lại cho các ngành đầu tư nhưng phải làm đầy đủ thủ tục và theo kế hoạch Nhà nước là 1.360 triệu đồng. Thu vay nợ và viện trợ 1.400 tỷ đồng, chiếm 7,3% trong tổng số thu, vay dân 1.600 tỷ đồng, chiếm 8,3%.

Nguồn thu trong nước phải bảo đảm chi thường xuyên và trả nợ, vay nước ngoài chỉ để đầu tư phát triển. Trong khi nguồn ngân sách còn hạn hẹp, có thể sử dụng một phần nhỏ vốn vay để trả nợ đến hạn. Chi ngân sách tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách như cải tiến tiền lương, xử lý các vấn đề về xã hội, y tế, giáo dục đào tạo, văn hoá, tăng cường công tác quốc phòng, an ninh và xây dựng một số cơ sở hạ tầng kinh tế. Theo hướng đó, tổng chi

ngân sách dự kiến 19.026 tỷ đồng. So với chi thường xuyên thì chi sự nghiệp kinh tế chiếm 10%; chi sự nghiệp giáo dục, y tế, đào tạo, văn hoá chiếm 30%, chi bảo đảm xã hội chiếm 19,8%, chi quốc phòng, an ninh chiếm 21%. So với tổng số chi ngân sách thì chi trả nợ nước ngoài chiếm 9,4%, chi đầu tư, phát triển chiếm 16% (ngân sách cấp 8,9%; khấu hao cơ bản để lại 7,1%).

Tuy nhiên, đối chiếu với nhu cầu chi tối thiểu cần thiết của các ngành, các địa phương, mức độ bố trí các khoản chi trong phương án trên chưa đáp ứng được. Vì vậy, để bảo đảm các nhu cầu chi trong khu vực nhà nước và góp phần tạo công ăn việc làm cho nhân dân trong điều kiện phải phấn đấu giữ bội chi 1.600 tỷ đồng hoặc thấp hơn, cần phải:

- Tận thu và quản lý chặt chẽ các khoản thu lệ phí ở các ngành, các địa phương, từng bước tính đủ khấu hao cơ bản theo tỷ giá thị trường vào giá thành sản phẩm của những ngành làm ăn có hiệu quả; đặc biệt phải theo sát trượt giá để tính lại các khoản thu, nhất là dầu khí và các loại thuế trong và ngoài quốc doanh; tiếp tục thăm dò, khai thác thêm nguồn vốn bên ngoài... để tăng thu ngân sách. Riêng khoản lệ phí năm 1992 sẽ tính toán đầy đủ vào ngân sách.

- Rà soát lại một cách chặt chẽ các khoản chi trên tinh thần *triệt để tiết kiệm* và các khoản chi phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên. Đồng thời phải động viên cao hơn nữa mức đóng góp và khả năng lo liệu của nhân dân, của các thành phần kinh tế vào việc phát triển sự nghiệp văn hoá thông tin, giáo dục, đào tạo, y tế, ngân sách chỉ đảm nhận 60-70%.

b) Do tình hình giá đôla, giá vàng tăng nhanh từ quý IV-

1991 nên năm 1992 cần thiết phải điều chỉnh một số yếu tố đầu vào:

- Tính đủ, tính đúng khấu hao cơ bản sát giá thị trường.
- Xác định lại một số giá vật tư nguyên liệu nhập khẩu.
- Tiền lương tính sát tốc độ trượt giá.
- Lãi suất ngân hàng từng bước tiếp cận lãi suất dương.

Dự kiến giá vật tư năm 1992 tăng khoảng 30-35% so với mặt bằng giá hiện hành. Riêng giá điện, cước vận tải đường bộ, đường sắt, đường sông và giá bán lẻ có thể tăng cao hơn.

Với mức tăng giá nêu trên, chắc chắn sẽ có thêm nhiều xí nghiệp gặp khó khăn, do giá của nhiều sản phẩm cao, thị trường khó chấp nhận. Vì vậy, cần thông qua chính sách tài chính để hỗ trợ những xí nghiệp quốc doanh có sản phẩm phục vụ quốc kế dân sinh, những xí nghiệp có khả năng vươn lên, đứng được trên thị trường, đồng thời kiên quyết xử lý những xí nghiệp làm ăn thua lỗ, không còn khả năng phục hồi, phát triển. Cần tính đủ khấu hao cơ bản theo tỷ giá thị trường để phản ánh đúng các yếu tố của giá thành sản phẩm và giá trị tài sản của Nhà nước, nhưng đối với một số sản phẩm trọng yếu, thị trường chưa chấp nhận sẽ định tỷ lệ khấu hao thấp hơn. Việc đưa lãi suất dương cũng thực hiện từng bước trên cơ sở xử lý nợ nần dây dưa và sắp xếp tổ chức lại xí nghiệp quốc doanh, trước hết áp dụng đối với những cơ sở làm ăn có lãi.

c) Để đạt mục tiêu đẩy lùi và kiềm chế lạm phát trong điều kiện phải điều chỉnh giá "đầu vào", vấn đề có ý nghĩa quyết định là phải hạn chế lượng tiền phát hành thêm vào lưu thông. Dự kiến năm 1992 chỉ phát hành 1.100 tỷ đồng, như vậy có thể đưa chỉ số lạm phát xuống thấp hơn so với

năm 1991. Tuy nhiên mức điều chỉnh giá "đầu vào" năm 1992 lớn hơn nhưng lượng tiền phát hành lại giảm một nửa (50%). Vì vậy cần phải thực hiện những biện pháp sau đây:

- Triệt để tiết kiệm trong sản xuất, lưu thông và tiêu dùng, đặc biệt phải quản lý chặt chẽ các khoản thu - chi ngân sách nhà nước. Kiên quyết không phát hành tiền để bù đắp thiếu hụt ngân sách.

- Giảm mạnh biên chế, phấn đấu đến cuối năm 1992 giảm 20% so với biên chế đầu năm 1991.

- Quản lý chặt ngoại tệ theo tinh thần Quyết định 337 của Hội đồng Bộ trưởng. Tăng cường chống buôn lậu qua biên giới, đánh thuế cao đối với hàng nhập ngoại, nhất là những mặt hàng xa xỉ.

- Kiểm soát chặt chẽ tiền lương, các cơ sở sản xuất không được tùy tiện tăng lương và phụ cấp ngoài lương trái với các quy định của Nhà nước.

- Phải tập trung xử lý, sắp xếp xí nghiệp và việc làm ở mức độ cao hơn, bởi vì sẽ có nhiều xí nghiệp lâm vào tình trạng thua lỗ, nguồn thu ngân sách sẽ khó khăn,...

Tuy vậy, xuất phát từ yêu cầu ổn định tình hình kinh tế - xã hội, cần quyết tâm thực hiện phương án tích cực nêu trên. Trong quá trình chỉ đạo điều hành để tránh cho các hoạt động của nền kinh tế khỏi bị hẫng hụt quá lớn, gây ra những đảo lộn không cần thiết, cần phải kịp thời điều chỉnh lượng tiền phát hành cho phù hợp với tình hình cụ thể, bảo đảm cho sản xuất và lưu thông thông suốt, xử lý tốt các vấn đề tiền lương, việc làm cho người lao động.

2. Về xuất, nhập khẩu và bảo đảm các vật tư chủ yếu

Khuyến khích mạnh mẽ xuất khẩu, quản lý chặt chẽ

nhập khẩu, đổi mới cơ bản các chính sách xuất, nhập khẩu và quản lý ngoại tệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và tận dụng mọi thời cơ mở rộng thị trường buôn bán... tạo khả năng cho năm 1992 tăng nhanh xuất khẩu, bảo đảm nhập khẩu các loại vật tư chủ yếu cho nền kinh tế.

Kim ngạch xuất khẩu dự kiến khoảng 2,2 - 2,4 tỷ đôla tăng 22% so với năm 1991, trong đó hàng nông sản và nông sản chế biến tăng 15%, hàng thủy sản tăng 12%, hàng công nghiệp và thủ công nghiệp tăng 15%, dầu thô và các loại khoáng sản tăng 33%.

Hướng xử lý các loại vật tư chủ yếu là tận dụng các khả năng để tăng nhanh các nguồn sản xuất trong nước như xi măng, thép, xút, bông, đồng thời áp dụng các tiến bộ kỹ thuật và sử dụng các loại vật tư thay thế, tiết kiệm tiêu dùng vật tư... để giảm bớt nhập khẩu. Theo tinh thần đó, nhu cầu nhập khẩu các loại vật tư hàng hoá trong năm 1992 cần khoảng 1,9 tỷ đôla, trong đó các loại vật tư chủ yếu chiếm khoảng 50%, bao gồm: xăng dầu 2,2-2,4 triệu tấn; phân đạm (quy SA) 2,2 - 2,4 triệu tấn; thép 20 vạn tấn; bông xơ 3-4 vạn tấn...

Khâu then chốt là phải chấn chỉnh và hoàn thiện cơ chế quản lý xuất, nhập khẩu, thực hiện nghiêm chỉnh Quyết định 337 của Hội đồng Bộ trưởng về quản lý ngoại tệ. Cùng cố các tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu. Xoá bỏ các tổ chức trung gian, nâng cao hiệu quả xuất, nhập khẩu, bảo đảm thị trường ổn định cho xuất, nhập khẩu. Việc cấp quota dựa trên cơ sở cân đối của kế hoạch Nhà nước đã được duyệt, cấp hạn ngạch cho người sản xuất kinh doanh. Năm 1992 chỉ cấp quota cho xuất khẩu gạo.

Nguồn ngoại tệ xuất khẩu có khả năng cân đối được nhu cầu nhập khẩu. Nói chung Nhà nước không ôm đồm tất cả nhưng đồng thời, cũng không buông các cân đối lớn.

Theo hướng đó, các loại vật tư chủ yếu được xử lý như sau:

Về xăng dầu, trong số ngoại tệ xuất khẩu dầu thô, Nhà nước dành một phần để nhập khoảng 1 triệu tấn dầu tinh, bảo đảm cho các nhu cầu quốc phòng, an ninh, phát điện, xây dựng các công trình chủ yếu. Phần xăng dầu còn thiếu, Nhà nước sẽ tạo điều kiện cho các công ty của trung ương và địa phương mua hàng để xuất khẩu và nhập đủ cho nhu cầu xã hội.

Về phân bón: ngành nông nghiệp - công nghiệp thực phẩm điều hành bằng hàng xuất khẩu gạo để nhập khoảng 50% nhu cầu phân bón, chủ yếu bán cho các tỉnh từ Thuận Hải trở ra. Phần còn lại Nhà nước tạo điều kiện cho các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và một số tỉnh khác xuất nông sản nhập phân bón để đáp ứng yêu cầu.

Về các loại vật tư khác: chủ yếu là các công ty kinh doanh trung ương và địa phương tự kinh doanh bằng suất, nhập khẩu để trang trải nhu cầu, Nhà nước sẽ hỗ trợ một số điều kiện như cho vay vốn và giành một số mặt hàng xuất khẩu có giá trị cao để có ngoại tệ nhập...

Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, các ngành và cơ sở khai thác các nguồn vật tư trong và ngoài nước, tự giải quyết một phần nhu cầu cho sản xuất và tiêu dùng của xã hội.

3. Đầu tư xây dựng cơ bản

a) Chủ trương:

Thực sự đổi mới việc quản lý vốn đầu tư và bố trí cơ cấu đầu tư theo hướng xoá bao cấp, bố trí tập trung, có hiệu quả,

đồng thời tìm mọi cách khai thác các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài nhằm tăng nguồn vốn đầu tư, không để khối lượng đầu tư năm 1992 giảm hơn năm trước.

Vốn ngân sách nhà nước chỉ đầu tư cho kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội như thuỷ lợi, giao thông, văn hoá xã hội, giáo dục đào tạo... Các doanh nghiệp phải vay tín dụng, gọi vốn cổ phần, liên doanh với nước ngoài và trực tiếp vay vốn của nước ngoài.

Vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước sẽ nâng lãi suất cao hơn hiện nay, cho vay đối với các công trình như khai khoáng, hoá chất phân bón, cơ khí điện tử và luyện kim; trồng rừng kinh tế, trồng cây công nghiệp dài ngày. Đầu tư các cơ sở chế biến thực phẩm, công nghiệp nhẹ, thương nghiệp dịch vụ... chủ yếu phải vay vốn đầu tư với lãi suất bình thường của ngân hàng, gọi vốn cổ phần, liên doanh và vay vốn nước ngoài.

Vốn khấu hao cơ bản là một phần của vốn ngân sách, được để lại phát triển bản thân ngành, vì vậy phải được bố trí và quản lý chặt chẽ như nguồn vốn ngân sách cấp phát.

b) Nguồn vốn:

Dự tính nguồn vốn đầu tư toàn xã hội năm 1992 có khoảng 10.300 tỷ đồng bao gồm:

- Vốn ngân sách cấp phát trực tiếp 1.700 tỷ đồng.
- Vốn khấu hao cơ bản 1.360 tỷ đồng (không kể 320 tỷ đồng của cơ sở nộp vào ngân sách).
- Vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước 640 tỷ đồng.
- Vốn của tư nhân và nhân dân (ước) 3.000 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (300 triệu đôla) 3.600 tỷ đồng.

Vốn ngân sách tính theo khối lượng thì vốn trong nước

giảm 10% so với năm 1991. Do vậy cần bố trí thật tập trung, bảo đảm có hiệu quả, ưu tiên cho các công trình quan trọng chuyển tiếp để hoàn thành và phát huy tác dụng trong năm 1992, trong đó không giảm nhiều khối lượng của ngành thuỷ lợi và giao thông so với năm 1991; tỷ trọng và lượng tuyệt đối của hai ngành này có tăng lên, còn các ngành khác giữ được vốn tuyệt đối nhưng tỷ trọng xấp xỉ hoặc có giảm chút ít so với năm 1991.

Cụ thể phân bổ như sau:

<i>Tổng số:</i>	100%
Trong đó:	
Trung ương	50%
Địa phương	50%
Công nghiệp (điện miền núi, v.v..)	3,6%
Nông nghiệp	4,6%
Thuỷ lợi	20,5%
Trồng rừng đầu nguồn	2,0%
Giao thông	28,5%
Bưu điện liên lạc	0,8%
Kho dự trữ quốc gia	1,3%
Nhà ở	3%
Công cộng	4,2%
Cấp nước	4%
Nghiên cứu khoa học	3,6%
Giáo dục, đào tạo	7,2%
Văn hoá, thông tin	3,8%
Y tế, xã hội, TDTT	6,6%
Quản lý nhà nước	2,0%
Rà phá bom mìn	0,8%
Quốc phòng, an ninh	3,5%

c) *Mục tiêu của các ngành:* (Bao gồm vốn ngân sách, tín dụng, khấu hao cơ bản).

- *Trong nông - lâm - ngư nghiệp:* Tập trung đầu tư thi công kênh mương để phát huy khả năng tưới của đầu mối Thạch Nham, sông Rác, các công trình tạo nguồn nước tưới ở đồng bằng sông Cửu Long và chống úng ở đồng bằng Bắc Bộ, chú trọng đầu tư thủy lợi miền núi, củng cố đê kè xung yếu.

Tiếp tục đầu tư để hoàn thành các cơ sở giữ giống gốc, cấp 1 (cả cây trồng và chăn nuôi); định canh định cư đồng bào dân tộc miền núi, Tây Nguyên; xây dựng cơ sở hạ tầng và công trình phúc lợi vùng kinh tế mới; trồng rừng đầu nguồn. Bằng nguồn vốn tín dụng đầu tư chăm sóc cây dài ngày, trồng rừng nguyên liệu, nuôi tôm. Ngân sách dành một khoản vốn giải quyết việc làm cho hộ dân vay để đầu tư phát triển nông - lâm - ngư nghiệp.

- *Các ngành công nghiệp:*

Vận hành tổ máy số 5 thủy điện Hoà Bình, đẩy mạnh thi công thủy điện Vĩnh Sơn, sông Hinh, Thác Mơ, đưa điện miền Bắc vào đến Quy Nhơn, nhập tiếp hai tổ tước bin khí (37MW x 2) của cụm tước bin khí số 1, vận hành thủy điện sông Pha (Lâm Đồng), Thác Bay (Lai Châu). Xúc tiến vay vốn để sớm khởi công đường dây tải điện siêu cao áp Bắc Nam. Hỗ trợ các huyện miền núi có khó khăn xây dựng đường dây 35 KV.

Đầu tư duy trì công suất các mỏ than hiện có để thay thế công suất mỏ mất đi, hoàn thiện đường sắt Quán Triều - Núi Hồng, cải tạo cảng xuất than Hòn Gai, Cửa Ông.

Chuẩn bị đầu tư nhà máy lọc dầu, vay ngoại tệ trong năm 1992 để chuẩn bị và khởi công đường ống dẫn khí.

Hoàn thành phân xưởng tuyển tinh thiếc Quý Hợp, mỏ chì kềm Chợ Điền; mở vỉa mới thiếc Tĩnh Túc.

Hoàn thành nhà máy supe Long Thành, một dây chuyên nhà máy cao su Sao Vàng, xí nghiệp bột giặt Đà Nẵng; mở thêm khai trường pirít Giáp Lai.

Đầu tư đồng bộ các nhà máy xi măng Bỉm Sơn, Hoàng Thạch, Hà Tiên và đầu tư chiều sâu một số cơ sở xi măng lò đứng, xây dựng mới một - hai cơ sở xi măng lò đứng 10 vạn tấn/năm.

Đầu tư chiều sâu vào các cơ sở sản xuất, đồng hồ đo điện, đo nước, sửa chữa tàu biển.

Các ngành công nghiệp nhẹ, chế biến thực phẩm, đầu tư mới hoặc đầu tư chiều sâu, dùng vốn vay, lãi suất bình thường, vốn liên doanh, vay trực tiếp của nước ngoài.

- *Ngành giao thông và bưu điện:*

Thông xe đường sắt Lạng Sơn - Biên giới và phố Lu - Biên giới, bảo đảm tiến độ cầu Việt Trì năm 1993 thông xe. Tiếp tục đầu tư nâng cấp mặt đường các tuyến đường bộ đi miền núi phía bắc và tây nam như đường 2, 6, 70, 30, 80, 14, 279, hoàn thành các cầu Âu Lâu, Ba Chẽ. Nâng cấp một số đoạn bị hỏng nặng của đường 5, đường 1A, sửa chữa đường băng sân bay Tân Sơn Nhất.

Hoàn chỉnh các tuyến viba số lên miền núi, hải đảo, tiếp tục xây dựng tuyến cáp quang Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh.

- *Các ngành công cộng đô thị:*

Nhà ở: Chỉ đầu tư một số công trình đang xây dựng dở dang, tạo mặt bằng để bán hoặc cấp cho dân xây dựng nhà ở.

Công cộng đô thị: Giải quyết thoát nước Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, nâng cấp đường nội thị Hà Nội, Hải Phòng;

cải tạo đèn đường Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh. Trang bị thêm xe ô tô vệ sinh phân rác.

Cấp nước: Tập trung đầu tư hệ thống cấp nước Hà Nội, Hải Phòng, thành phố Hồ Chí Minh và một số thành phố, thị xã quá khó khăn. Xây dựng nhà máy sản xuất ống nước bê tông và nhà máy sản xuất đồng hồ đo nước.

- *Nghiên cứu khoa học:* Tập trung các công trình Viện nghiên cứu đầu ngành chuyên tiếp.

- *Giáo dục, đào tạo:* Xây dựng bổ sung nhà ở cho học sinh, lớp học, nhà ăn các trường đại học, sửa chữa thay thế nhà bị hư hỏng của trường trung học ở một số địa phương.

- *Y tế, xã hội, thể dục thể thao:* Đầu tư bổ sung một số bệnh viện tuyến trung ương; chú trọng các tỉnh miền núi, Tây Nguyên; xây dựng mới các trạm kế hoạch hoá gia đình; trại thương binh nặng, nghĩa trang liệt sĩ; nhà thi đấu (Quảng Nam - Đà Nẵng).

- *Văn hoá, thông tin:* Hoàn chỉnh các công trình rạp xiếc, nhà hát dân tộc, xây dựng mới một số trạm phát lại truyền hình.

- *Quản lý nhà nước:* Tập trung giải quyết một số công trình cấp bách của hệ thống viện kiểm sát, toà án và một vài trụ sở các tỉnh mới chia.

- *Các công trình phục vụ quốc phòng, an ninh:* Cải tạo một số công trình sửa chữa vũ khí, khí tài và xây dựng kho bảo quản; sửa chữa một số trại cải tạo, đồn, trạm biên phòng.

Vốn ngân sách đầu tư cho địa phương chiếm khoảng 50%, trong đó được chú trọng:

Giải quyết một bước những yêu cầu bức bách của các tỉnh, huyện miền núi về đời sống của đồng bào dân tộc vùng

cao, như đường giao thông, nước ăn, định canh định cư, trồng rừng đầu nguồn, y tế, giáo dục, rà phá bom mìn.

- *Hai thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh:*

Nâng cấp và xây dựng kết cấu hạ tầng: bố trí đủ vốn trong nước để tiếp nhận vốn của Phần Lan và Ý đưa vào xây dựng hệ thống cấp nước, đầu tư cho thoát nước ở những khu vực trọng yếu, nạo vét sông và đào thêm hồ chứa. Nâng cấp các tuyến trục giao thông ngang và các đầu nút giao thông, nâng cấp các trường học, bệnh viện, nhà văn hoá và dứt điểm xong một số công trình đã xây dựng kéo dài nhiều năm. Nhìn chung với khả năng vốn đầu tư như trên, cần vay vốn làm đường dây 500KV Bắc - Nam, đường ống dẫn khí, hai tổ tua bin khí, điện tử Hà Nội. Cần tìm thêm nguồn vốn ngân sách để bố trí thêm cho các ngành thuỷ lợi, giao thông bưu điện, nông nghiệp, trồng rừng, cấp nước và các ngành văn hoá xã hội, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo. Ngân hàng cần huy động thêm vốn trong nước và vay vốn nước ngoài để cho vay đầu tư chiều sâu các công trình công nghiệp nhẹ, hàng tiêu dùng và cho dân vay phát triển nông - lâm - ngư nghiệp.

d) *Tăng cường quản lý đầu tư và xây dựng:*

Để bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, năm 1992 cần:

- Rà soát hệ thống các văn bản pháp quy về đầu tư và xây dựng, bổ sung những quy định về phân cấp xét duyệt chủ trương đầu tư, thiết kế, dự toán, đơn giá, giao nhận thầu xây dựng cho phù hợp với tình hình mới (nhiều thành phần kinh tế đầu tư và xây dựng). Bổ sung cơ chế tín dụng đầu tư đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, các đơn vị kinh tế trong nước liên doanh với nước ngoài. Bảo đảm kiểm soát

chặt chẽ các khâu quyết định đầu tư, giao thầu và thanh quyết toán.

- Kiểm tra chặt chẽ tình hình thực hiện đầu tư và xây dựng coi là việc làm thường xuyên của các cơ quan chức năng của Hội đồng Bộ trưởng trên cơ sở kế hoạch đã được Hội đồng Bộ trưởng thông qua, đặc biệt là: sử dụng vốn đầu tư, thiết kế dự toán, đơn giá và chất lượng xây dựng.

4. Nông - lâm - ngư nghiệp

Sản lượng lương thực năm 1992 khoảng 22 - 22,5 triệu tấn.

Hướng chủ yếu là thâm canh, tăng vụ; chú trọng hai vùng đồng bằng có tiềm năng và sản lượng lớn. Đối với các tỉnh miền Bắc vẫn còn thiếu lương thực; sản xuất bấp bênh, cần được tạo điều kiện để có sự tăng trưởng nhanh và sản xuất ổn định. Ngoài việc bảo đảm đủ các yếu tố vật chất như phân bón, thuốc trừ sâu, xăng dầu, điện để tưới tiêu nước, phải tập trung đúng mức công tác thuỷ lợi, nhằm tăng diện tích tưới và thu hẹp diện tích úng, tạo thêm nguồn nước ngọt và ngăn mặn ở đồng bằng sông Cửu Long. Trước hết, cải tạo, tu bổ, nâng cấp các công trình hiện có, tiếp tục xây dựng các công trình dở dang để năm 1992 đưa vào sử dụng 28 công trình thuỷ lợi mới, nâng diện tích lúa được tưới lên khoảng 5,5 triệu ha, chuyển biến mạnh mẽ trong việc chỉ đạo kỹ thuật, trước hết bảo đảm giống tốt và bố trí cơ cấu giống, trà giống phù hợp từng vùng, từng vụ, bảo đảm đúng thời vụ gieo trồng.

Đưa diện tích *cây công nghiệp* tăng thêm 10 vạn ha so với năm 1991. Phát triển mạnh cây công nghiệp ngắn ngày có nhu cầu thị trường như: lạc, bông, đậu tằm, mía, đỗ tương, đậu... Đối với cây công nghiệp dài ngày, tập trung chăm sóc

để thâm canh các diện tích đã có; việc trồng mới chủ yếu khuyến khích nông dân tự bỏ vốn và vay vốn để trồng.

Hướng phát triển *chăn nuôi* là khuyến khích mạnh mẽ nhân dân tăng nhanh đàn trâu bò, đàn lợn, gia cầm, hình thành một số vùng chăn nuôi xuất khẩu; chú trọng tăng trọng lượng xuất chuồng. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, cải tạo giống lợn có tỷ lệ nạc cao... tổ chức tốt mạng lưới thú y, phòng trừ dịch bệnh.

Bằng các biện pháp hướng dẫn kỹ thuật, cho vay vốn, Nhà nước đầu tư cơ sở giống và xây dựng thêm cơ sở đông lạnh để nhân dân tiếp tục phát triển *nuôi trồng thuỷ hải sản*. Bảo đảm ngư cụ, thuyền lưới để nâng sản lượng đánh bắt hải sản ven bờ, tăng dần nghề khơi.

Triển khai một bước chương trình *trồng rừng* phủ xanh đất trống, đồi trọc, gắn việc phát triển kinh tế rừng với chương trình giải quyết việc làm, định canh định cư, xây dựng vùng kinh tế mới. Ngoài vốn Nhà nước đầu tư để trồng rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, tạo điều kiện khuyến khích nhân dân phát triển kinh tế rừng.

Diện tích trồng rừng tập trung 20 vạn ha, hạn chế mức khai thác gỗ tròn nhằm bảo vệ tài nguyên rừng; ngăn chặn nạn đốt rẫy cháy rừng, phá rừng.

5. Công nghiệp và giao thông vận tải

Tiếp tục phát triển các sản phẩm quan trọng, các sản phẩm có nguồn thu cao cho ngân sách và các sản phẩm phục vụ xuất khẩu.

- Trong lĩnh vực *năng lượng*, tập trung phát triển ngành dầu khí, đưa sản lượng dầu thô lên 4,8 - 5 triệu tấn, tăng 26-32% so với năm 1991. Sử dụng có hiệu quả nguồn điện ở

miền Bắc, đưa nhanh nguồn điện vào đến Quy Nhơn và điều hành tốt việc phân phối điện ở miền Nam, ưu tiên dành điện cho sản xuất. Dự kiến sản lượng điện khoảng 9,6–10 tỷ kWh. Chấn chỉnh tổ chức khai thác, nâng chất lượng và tìm thị trường xuất khẩu 1,5 - 2 triệu tấn than, để đưa mức khai thác than lên 5,1 triệu tấn.

- Chú trọng phát triển các ngành *khai khoáng và chế biến nguyên liệu, vật liệu*, tiếp tục đầu tư đồng bộ hoá để nâng công suất cơ sở luyện thép Thái Nguyên và tận dụng các lò luyện thép nhỏ ở các nhà máy cơ khí để đưa sản lượng thép lên 16 vạn tấn. Hoàn thành cơ bản mỏ thiếc Quý Hợp giai đoạn I, đưa sản lượng thiếc lên 2.500 - 2.700 tấn. Tìm thị trường tăng mức sản xuất và xuất khẩu crômít, đá quý và các loại kim loại quý hiếm khác. Tận dụng năng lực sản xuất của các nhà máy xi măng hiện có, đầu tư chiều sâu một số cơ sở sản xuất xi măng nhỏ để đạt sản lượng xi măng 3,5 triệu tấn. Phát triển các loại vật liệu xây dựng như gạch, ngói.

Bảo đảm nguyên liệu và các điều kiện cho hai nhà máy supe lân Lâm Thao và Long Thành để đưa sản lượng phân lân chế biến lên 42,5 vạn tấn. Nâng cao năng lực sản xuất xút, các loại hoá chất, sắm lớp ô tô, máy kéo, thuốc trừ sâu,... tăng sản lượng các loại hoá chất tiêu dùng như lớp xe đạp.

- *Đối với công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm*. Cần đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị để sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường. Chú trọng công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản. Những cơ sở sản xuất không có khả năng tiêu thụ thì không chủ trương đầu tư tiếp. Những cơ sở làm ăn tốt, phải bảo đảm các điều kiện sản xuất, cung ứng đủ nguyên liệu để phát triển sản xuất.

- Tổ chức lại ngành *cơ khí - điện tử* đi đôi với việc đầu tư chiều sâu để nâng cao chất lượng sản phẩm. Chú trọng các mặt hàng kim khí tiêu dùng như xe đạp, quạt điện, các thiết bị nhỏ và vừa phục vụ nông nghiệp, công nghiệp chế biến, tăng khả năng sửa chữa và trang bị lại một số dây chuyền công nghệ. Mở rộng liên doanh với nước ngoài trong việc gia công lắp ráp, chế tạo các sản phẩm cơ khí và điện tử.

- Tiếp tục đổi mới cơ cấu *vận tải* theo hướng chú trọng phát triển vận tải đường thủy, tăng năng lực vận tải cho miền núi và các tỉnh biên giới; tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế khác phát triển. Nâng cao hiệu quả kinh tế và chất lượng vận tải, đáp ứng đầy đủ và kịp thời yêu cầu vận tải hàng hoá và đi lại của nhân dân. Tăng khối lượng vận tải 4–6% so với năm 1991.

- Mở rộng hợp tác với các nước trên lĩnh vực bưu chính - viễn thông; tiếp tục hiện đại hoá mạng thông tin quốc tế và trong nước; tập trung xây dựng trục cáp quang Bắc - Nam. Phát triển các loại hình thông tin phục vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, đưa thông tin phục vụ các vùng xa xôi hẻo lánh.

6. *Lưu thông vật tư - hàng hoá*

Phát triển thương mại và mở mang các loại hình dịch vụ trong các thành phần kinh tế; hình thành một số trung tâm thương mại và dịch vụ làm đầu mối giao lưu hàng hoá trong vùng và trao đổi với bên ngoài, tạo cho lưu thông thông suốt, thị trường sôi động và có thêm nguồn thu cho ngân sách.

Trên cơ sở xác định tổng cung - tổng cầu, cần tìm biện pháp khai thác tốt nguồn vật tư trong và ngoài nước để đáp ứng yêu cầu sản xuất và xây dựng của toàn xã hội, nhất là

việc cung ứng các loại vật tư chiến lược như xăng dầu, phân đạm, thép, bông xơ... Đồng thời cung ứng đầy đủ và kịp thời các loại nhu yếu phẩm như lương thực, thực phẩm, đường, sữa, thuốc chữa bệnh... cho nhân dân, đặc biệt có chính sách ưu tiên, trợ giá cho đồng bào vùng xa xôi hẻo lánh và vùng dân tộc ít người. Tăng nguồn dự trữ hợp lý trong lưu thông và trong dự trữ quốc gia các loại vật tư hàng hoá cần thiết, kể cả vật tư hàng hoá chống bão lụt để tham gia tích cực trong điều tiết thị trường khi cần thiết, tránh sự đột biến về giá, gây đảo lộn trong nền kinh tế.

Tổ chức lại hệ thống kinh doanh vật tư, thương nghiệp và dịch vụ với sự tham gia của các thành phần kinh tế. Gắn sản xuất với lưu thông, thực hiện cơ chế giá thị trường, xoá bỏ sự cắt khúc và phân chia theo địa giới hành chính. Củng cố và phát triển một số công ty thương nghiệp quốc doanh thành những công ty đầu ngành xuyên suốt cả nước, chủ yếu làm nhiệm vụ mua buôn, bán buôn, giúp Nhà nước quản lý vĩ mô về hướng dẫn và điều tiết thị trường. Mạng lưới bán lẻ để cho các thành phần kinh tế khác đảm nhiệm.

Coi trọng công tác điều tra và nghiên cứu thị trường, bồi dưỡng sức mua của các tầng lớp dân cư, góp phần giải quyết những ách tắc trong lưu thông và tiêu thụ sản phẩm.

Du lịch là lĩnh vực quan trọng cần đầu tư có trọng điểm nhằm nâng cấp một số khách sạn, xây dựng những điểm du lịch hấp dẫn và tăng cường một bước các cơ sở vật chất cho ngành du lịch. Phấn đấu tăng nhanh doanh thu của ngành du lịch, đặc biệt doanh thu bằng ngoại tệ.

7. Khoa học công nghệ

Hướng nghiên cứu khoa học và công nghệ là tập trung

vào các mục tiêu kinh tế, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong sản xuất kinh doanh; nâng cao trình độ công nghệ góp phần tạo ra những sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật cao. Tiến mạnh hơn trong việc nghiên cứu các giống cây trồng, vật nuôi tốt cho nông nghiệp, sản xuất vật liệu mới, cải tiến các dây chuyền sản xuất, hướng trang bị công nghệ hiện đại trong các ngành kinh tế mũi nhọn...

Rút ngắn thời gian chuyển giao kỹ thuật và nhanh chóng đưa vào ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật đã được kết luận. Dự kiến năm 1992 sẽ đưa khoảng 40-50 tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Tăng cường công tác quản lý khoa học kỹ thuật và mở rộng mạng lưới dịch vụ và hướng dẫn khoa học kỹ thuật nhằm đạt hiệu quả cao trong việc đưa kỹ thuật mới vào các ngành kinh tế. Sắp xếp, kiện toàn hệ thống các viện nghiên cứu khoa học công nghệ để tăng năng lực nghiên cứu ở các viện đầu ngành, áp dụng rộng rãi hình thức ký hợp đồng nghiên cứu với các cơ sở. Có chính sách khen thưởng thoả đáng đối với cán bộ khoa học hoặc đơn vị nghiên cứu có đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

8. Giáo dục, đào tạo

- Tiếp tục thực hiện tốt chương trình phổ cập bậc tiểu học và xoá nạn mù chữ. Huy động khoảng 25-30 vạn em trong độ tuổi 6-14 tuổi thất học đến lớp học và khoảng 20 vạn người đến lớp xoá mù chữ. Phát triển cấp II, III với nhiều loại hình trường lớp (công, bán công, dân lập), duy trì tỷ lệ chuyển cấp từ cấp I lên cấp II khoảng 70%, từ cấp II lên cấp III khoảng 35%. Tiếp tục hỗ trợ giáo dục miền núi, củng cố trường phổ thông dân tộc miền núi, trước mắt các trường nội trú tỉnh.

- Số lượng tuyển sinh vào hệ chính quy đại học và trung

học chuyên nghiệp giữ ở mức như năm 1991 (khoảng 16.500 học sinh vào đại học và 35.000 học sinh vào trung học chuyên nghiệp). Mở rộng hệ không chính quy để thu hút nhiều hơn số học sinh vào học ở các trường.

Việc dạy nghề, sẽ mở rộng hệ đào tạo không chính quy, phát triển trung tâm dạy nghề ở các quận, huyện, thị xã, Nhà nước chỉ tập trung đào tạo những ngành nghề cần khuyến khích như địa chất, khí tượng thuỷ văn, lâm nghiệp, làm tốt công tác đào tạo lại và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ hiện có, mở rộng các hình thức đào tạo sau đại học.

9. Dân số, việc làm và tiền lương

- Phấn đấu giảm tỷ lệ sinh 0,6 phần nghìn, mở rộng các hình thức giáo dục tuyên truyền dân số và kế hoạch hoá gia đình, xây dựng 140 trung tâm hướng dẫn sinh đẻ có kế hoạch, tăng tỷ lệ các cặp vợ chồng áp dụng phương pháp tránh thai lên 44,5% (tăng 2% so với năm 1991).

- Số người cần sắp xếp việc làm khoảng 3,6 triệu người, bao gồm số chưa có việc làm từ năm 1991 chuyển qua khoảng 2,1 triệu người, số đến tuổi lao động trên 1 triệu người, trong đó cấp bách nhất là 1,4 triệu người ở thành phố, thị xã.

Hướng chung để thu hút nguồn lao động là dựa vào việc thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, tạo điều kiện cho người dân tự đầu tư vào các đối tượng lao động để giải quyết việc làm. Năm 1992, thực hiện tốt các biện pháp thu hút lao động sau đây:

+ Tiếp tục thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp, khai hoang, tăng vụ, phát triển chăn nuôi, kinh tế vườn, nuôi trồng thuỷ sản, tăng cường mạng lưới dịch vụ khoa học kỹ thuật và cung ứng vật tư nông nghiệp, phát

triển thêm ngành nghề mới ở nông thôn nhằm thu hút phần lớn lao động nông nghiệp tại chỗ. Mở rộng hình thức thanh niên xung phong làm kinh tế, tiếp tục thu hút 15-20 vạn lao động đi vùng kinh tế mới, cho dân vay vốn khai hoang trồng rừng, trồng cây công nghiệp, phủ xanh đất trống, đồi trọc.

+ Phát triển các loại hình dịch vụ ở thành phố và công nghiệp nhỏ gia đình để tạo thêm việc làm. Giải quyết những khó khăn trong sản xuất công nghiệp để duy trì số người làm việc ở các cơ sở sản xuất. Tìm thêm thị trường để tiếp tục xuất khẩu lao động và chuyên gia... Với các biện pháp trên năm 1992 cũng chỉ mới thu hút khoảng 1,3 triệu lao động. Số người chưa có việc làm vẫn còn lớn.

- Năm 1992 tiếp tục bù trượt giá để tiền lương thực tế không giảm hơn năm 1991. Thực hiện một bước tiền tệ hoá tiền lương, đưa một số khoản trợ cấp vào lương. Có chính sách điều tiết hợp lý các khoản thu nhập của các tầng lớp dân cư nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu của những người ăn lương, thực hiện một bước công bằng xã hội.

10. Văn hoá - thông tin - thể dục thể thao

- Mở rộng các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, thông tin báo chí hướng vào việc động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội, khôi phục lòng tin. Phát triển hài hoà các loại hình văn hoá nghệ thuật mang tính hiện đại với nghệ thuật truyền thống dân gian. Ngân sách Nhà nước sẽ hỗ trợ các hoạt động của ngành, đẩy mạnh các hoạt động có thu để trang trải các nguồn chi, đồng thời huy động nguồn đóng góp của dân để tăng khả năng tài chính cho hoạt động của ngành.

Sắp xếp lại các đoàn nghệ thuật quốc doanh, mở rộng

nhiều hình thức tổ chức khác nhau, tạo điều kiện tối đa để các nghệ sĩ được phát huy tài năng trong sự nghiệp phát triển văn hoá nghệ thuật của đất nước.

- Tiếp tục chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình trong cả nước bằng vệ tinh, phát triển các trạm phát lại truyền hình đến các huyện trung du, miền núi. Từng bước đổi mới thiết bị cho ngành điện ảnh và ngành in để tăng chất lượng ấn phẩm và sản lượng phim. Tiếp tục trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử và sửa chữa các công trình văn hoá. Xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh. Đấu tranh có hiệu quả chống văn hoá đồi trụy, mê tín dị đoan, đồi phong bại tục, chống các loại tuyên truyền phản động.

- Phát triển phong trào rèn luyện thân thể, tăng cường thể chất, trước hết trong thanh niên và học sinh, chú trọng các môn thể thao dân tộc.

11. Y tế - xã hội

- Các hoạt động của ngành y tế tập trung theo hướng chăm sóc sức khoẻ ban đầu. Tiếp tục thực hiện các chương trình quốc gia về tiêm chủng mở rộng, phòng và chống bệnh sốt rét, bệnh bướu cổ và các bệnh xã hội khác, tiến thêm một bước trong chương trình làm sạch và cung cấp nước uống. Chăm sóc sức khoẻ cho bà mẹ và trẻ em, giảm tỷ lệ trẻ em chết dưới 5 tuổi và suy dinh dưỡng. Sắp xếp lại mạng lưới y tế của các huyện, sử dụng hợp lý cơ sở vật chất - kỹ thuật và đội ngũ thầy thuốc hiện có. củng cố y tế xã, phường và mở rộng mạng lưới dịch vụ chữa bệnh trong dân. Mở rộng diện thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, cải tiến việc thu viện phí.

Việc tính toán và cấp kinh phí y tế cho các địa phương sẽ theo nhiệm vụ phòng chữa bệnh và dân số.

Quan tâm chăm sóc thương binh, bệnh binh, các gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, các trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa, những người tàn tật... Ngoài việc tăng kinh phí cho bảo trợ xã hội của Nhà nước, cần phát triển các hoạt động từ thiện của các tổ chức và cá nhân, bảo đảm mức sống của các đối tượng chính sách ngang mức sống trung bình ở địa phương. Củng cố các cơ sở nuôi dưỡng thương binh nặng và tiếp tục đưa thương binh nặng về gia đình. Phát triển phong trào xây dựng ngôi nhà tình nghĩa.

12. Quốc phòng và an ninh

Tăng cường khả năng phòng thủ đất nước, triển khai từng bước và có trọng điểm các khu vực phòng thủ, chú trọng vùng biên giới, miền núi và hải đảo. Xây dựng, củng cố lực lượng dự bị động viên, dân quân, tự vệ. Nâng cao chất lượng quân đội nhân dân, giữ quân thường trực hợp lý theo hướng chính quy. Bảo đảm các điều kiện vật chất cho hoạt động thường xuyên của quốc phòng - an ninh. Xây dựng lực lượng an ninh trong sạch, vững mạnh, tinh thông nghiệp vụ để bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trừng trị có hiệu quả và giảm nhanh các loại tội phạm hình sự, bảo vệ sự bất khả xâm phạm về tính mạng và tài sản của công dân. Đồng thời chú trọng bảo đảm nhu cầu gìn giữ bảo quản, sửa chữa vũ khí, khí tài trang bị kỹ thuật hiện có.

Sắp xếp và quy hoạch lại các xí nghiệp công nghiệp quốc phòng để vừa tăng năng lực phục vụ quốc phòng, vừa chuyên hướng phục vụ phát triển kinh tế, sử dụng có hiệu quả tiềm năng lao động, lực lượng khoa học - kỹ thuật, cơ sở vật chất - kỹ thuật của quân đội.

Củng cố lực lượng quân đội làm kinh tế để tự bảo đảm

một phần về nhu cầu đời sống của bộ đội, tham gia xây dựng các địa bàn chiến lược về kinh tế và quốc phòng, một số công trình quan trọng.

13. Kinh tế - xã hội miền núi

- củng cố và mở rộng diện định canh, định cư theo hướng chuyển tình trạng phá rừng làm nương rẫy sang kinh doanh nghề rừng, gắn với giải quyết giao thông, nước ăn, y tế, giáo dục cho các dân tộc vùng cao. Khôi phục một bước rừng đầu nguồn, đẩy mạnh trồng rừng đặc dụng, rừng kinh tế, cây công nghiệp dài ngày, phủ xanh đất trống, đồi trọc. Phấn đấu đến năm 1995 ở Tây Nguyên cơ bản hoàn thành định canh, định cư; ở các tỉnh phía Bắc ổn định 60-70% diện du canh, du cư. Năm 1992 tập trung đẩy mạnh định canh định cư ở 25 huyện vùng cao, đặc biệt 9 huyện đồng bào dân tộc H'Mông, vùng di dân lòng hồ; vùng giáp biên.

- Hoàn thành cơ bản việc rà phá bom, mìn ở các tỉnh biên giới phía Bắc, khôi phục giao thông, thuỷ lợi, giải quyết nước ăn, chuyển dân trở lại quê cũ, mở rộng giao lưu, trao đổi hàng hoá qua biên giới để góp phần phát triển sản xuất và ổn định đời sống cho đồng bào các dân tộc.

- Giải quyết một bước các vấn đề xã hội của miền núi như xoá dần nạn mù chữ cho cán bộ cốt cán, thanh thiếu niên, đồng bào dân tộc, củng cố và nâng cao chất lượng các trường thanh thiếu niên dân tộc của tỉnh, huyện, phát động nhân dân dùng màn chống muỗi. Bán đủ muối iốt và thuốc chống bệnh bướu cổ. Nâng mức hưởng thụ văn hoá - thông tin cho đồng bào miền núi.

- Đầu tư tập trung màng lưới giao thông từ đường quốc lộ, tỉnh lộ về đến huyện, một số trung tâm kinh tế. Phát triển

thuỷ điện nhỏ ở những nơi có điều kiện, cải thiện nhanh hệ thống thông tin - liên lạc.

Cần triển khai tốt việc thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Quyết định 72 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về phát triển kinh tế - xã hội miền núi, trước hết ban hành một số cơ chế, chính sách cho miền núi như:

- Chính sách ưu tiên vốn ngân sách đầu tư.

- Chính sách ưu đãi vốn vay cả về thời gian và lãi suất, mở rộng diện cho vay trong tất cả các thành phần kinh tế.

- Giao quyền sử dụng lâu dài về đất ruộng, đất rừng, rừng, giải quyết tranh chấp ruộng đất.

- Khuyến khích những hộ có vốn bỏ ra đầu tư sản xuất kinh doanh lập nghiệp không phụ thuộc vào nơi cư trú.

- Hỗ trợ các tỉnh miền núi, có quỹ dự trữ bốn mặt hàng (gạo, muối, dầu hoả, giấy viết). Giúp tiêu thụ các nông, lâm sản ở miền núi.

14. *Tăng cường hiệu lực bộ máy nhà nước, lập lại kỷ luật, kỷ cương trong quản lý kinh tế - xã hội, tích cực chống tham nhũng, buôn lậu*, trước hết nhanh chóng ổn định tổ chức bộ máy nhà nước các cấp - sắp xếp lại đội ngũ cán bộ quản lý, đổi mới và bổ sung hệ thống pháp luật, nhất là luật kinh tế, hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước và quản lý kinh tế - xã hội nhằm tăng cường hiệu lực điều hành vĩ mô và quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước trong điều kiện chuyển sang cơ chế thị trường. Coi trọng chức năng quản lý và kiểm soát việc sử dụng tài sản quốc gia, công tác thanh tra, các chính sách, chế độ... để nhanh chóng lập lại trật tự kỷ cương trong sản xuất, kinh doanh và trong mọi mặt đời sống xã hội. Phải có những biện pháp cụ thể và mạnh mẽ trong việc chống buôn

lậu, tham nhũng. Phải có thái độ kiên quyết và xử lý nghiêm minh đối với các tổ chức, các cá nhân bất kỳ ở cương vị nào mắc phải những tội này, nhằm lành mạnh bộ máy nhà nước, trong sạch đội ngũ cán bộ và khôi phục được lòng tin của nhân dân với Đảng với Nhà nước. Mặt khác, phải giải quyết vấn đề tiền lương, đời sống cho cán bộ quản lý nhà nước để họ đủ sống và tiến tới có nguồn thu nhập tương xứng với năng lực và hiệu quả công tác của họ, tránh những tiêu cực có thể xảy ra.

15. *Tiếp tục đổi mới cơ chế kế hoạch hoá trong năm 1992.*

Tiếp tục hoàn thiện thêm một bước yêu cầu chuyển từ cơ chế giao kế hoạch, pháp lệnh sang cơ chế kế hoạch hướng dẫn. Duy trì một số chỉ tiêu pháp lệnh thật cần thiết để Nhà nước có thể điều hành trực tiếp một số khâu đặc biệt quan trọng của nền kinh tế. Đồng thời, giao một số chỉ tiêu hướng dẫn kết hợp với vận dụng các công cụ kinh tế để điều tiết thị trường theo phương hướng cân đối tổng cung, tổng cầu của kế hoạch đối với một số mặt hàng quan trọng. Phần còn lại hoàn toàn vận động theo cơ chế thị trường và theo luật pháp của Nhà nước.

Về xuất, nhập khẩu

Các ngành, địa phương xây dựng kế hoạch xuất, nhập khẩu về trị giá và số lượng những mặt hàng chủ yếu. Trên cơ sở đó, Uỷ ban kế hoạch Nhà nước cùng Bộ Thương mại và Du lịch cân đối và tổng hợp trình Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kế hoạch xuất, nhập khẩu của cả nước.

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao pháp lệnh kế hoạch xuất khẩu gạo và nhập khẩu 50-60% nhu cầu xăng dầu, phân bón.

Phần xăng dầu, phân bón còn lại và các hàng hoá khác các ngành, địa phương tự cân đối xuất, nhập.

Nhà nước sẽ ban hành danh mục một số mặt hàng cấm xuất hoặc cấm nhập khẩu và sử dụng công cụ thuế là chủ yếu để điều tiết việc xuất nhập khẩu. Thu hẹp danh mục hàng hoá xuất, nhập khẩu quản lý bằng hạn ngạch, đồng thời tập trung vào một đầu mối để cấp quota.

Về đầu tư xây dựng cơ bản

Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao pháp lệnh: tổng nguồn vốn đầu tư, phân rõ vốn ngân sách, vốn tín dụng đầu tư và vốn khấu hao cơ bản; danh mục và vốn đầu tư một số công trình quan trọng. Chủ nhiệm Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước hướng dẫn danh mục và vốn đầu tư một số công trình cần thiết khác.

Tổng vốn đầu tư cho những công trình do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giao và Chủ nhiệm Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước hướng dẫn không quá 70% tổng mức vốn ngân sách và 60% vốn tín dụng của các ngành và địa phương. Phần còn lại bộ, địa phương chủ động phân bổ và đăng ký với Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và Ngân hàng Đầu tư phát triển. Bộ Tài chính và Ngân hàng Đầu tư phát triển thực hiện nghiêm chỉnh tổng mức vốn đầu tư, danh mục và vốn đầu tư từng công trình có ghi trong kế hoạch.

Về tài chính - tiền tệ

Kế hoạch giá trị và kế hoạch hiện vật trình lên Hội đồng Bộ trưởng cùng một lúc và quyết định cùng một lần. Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước chịu trách nhiệm tổng hợp, cân đối chung trên cơ sở kế hoạch ngân sách, kế hoạch tín dụng, kế hoạch kinh tế - xã hội do Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước

và các bộ, địa phương xây dựng. Nếu có ý kiến khác nhau sẽ trình rõ sự khác nhau đó để Hội đồng Bộ trưởng quyết định.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cùng với Ngân hàng Nhà nước, Bộ Thương mại và Du lịch dự tính nguồn ngoại tệ có thể nắm được để hướng dẫn nhập khẩu.

Các mặt kế hoạch khác: thực hiện như năm 1991, riêng về sản xuất, Hội đồng Bộ trưởng chỉ giao một chỉ tiêu điện thương phẩm.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CẢI CÁCH MỘT BƯỚC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC VÀ ĐỔI MỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

**Bài nói của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười
tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành
Trung ương khoá VII, ngày 29 tháng 11 năm 1991**

*Thưa các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí,*

Trong thời gian qua, chúng ta đã từng bước đổi mới hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu đổi mới kinh tế - xã hội. Tình hình hiện nay đòi hỏi và cho phép chúng ta tiến hành đổi mới hệ thống chính trị một bước căn bản hơn, có hệ thống hơn, vững chắc hơn, làm sâu sắc thêm nội dung của quá trình đổi mới đồng bộ và toàn diện do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Để thực hiện bước đổi mới đó, tại kỳ họp này, Ban Chấp hành Trung ương sẽ cho ý kiến về sửa đổi Hiến pháp. Đó là công việc rất hệ trọng. Trước khi Trung ương cho ý kiến và ra nghị quyết về sửa đổi Hiến pháp, thay mặt Bộ Chính trị, tôi

xin trình bày một số vấn đề về quan điểm và phương hướng cơ bản cải cách một bước bộ máy nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, là hai vấn đề quan trọng nhất trong đổi mới hệ thống chính trị, cần được quán triệt trong việc sửa đổi Hiến pháp cũng như trong quá trình thực hiện Hiến pháp sửa đổi.

Thư các đồng chí,

Từ sau Cách mạng Tháng Tám thành công, hệ thống chính trị mới ra đời, trong đó Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và sau đó là Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã đóng vai trò lịch sử hết sức quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Từ đó đến nay và mãi mãi sau này, Nhà nước ta là Nhà nước *của dân, do dân và vì dân*. Sự ra đời của Nhà nước ta là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài đầy hy sinh, gian khổ của nhân dân ta, là thành quả cách mạng to lớn của dân tộc mà chúng ta phải quyết tâm bảo vệ.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, chúng ta đã đạt được một số tiến bộ trong đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của bộ máy nhà nước và sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, đáp ứng yêu cầu của cách mạng nước ta trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, đó mới chỉ là bước đầu; còn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn phải được tiếp tục nghiên cứu, tìm tòi và dần dần hoàn thiện. Trước yêu cầu đổi mới toàn diện của đất nước, mà trọng tâm là đổi mới về kinh tế, hệ thống chính trị đã bộc lộ nhiều khuyết điểm và nhược điểm; trong đó nhược điểm lớn nhất là bộ máy đảng, nhà nước và các đoàn thể nhân dân chưa thể hiện và thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân; chế

độ trách nhiệm không rõ ràng, tổ chức rất công kênh, cách làm việc thủ công, thiếu trật tự, kỷ cương và kém hiệu lực. Bệnh quan liêu, tệ tham nhũng khá phổ biến và nặng nề.

Vì vậy, cải cách cơ bản tổ chức bộ máy nhà nước là một yêu cầu khách quan của công cuộc đổi mới, của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Sửa đổi Hiến pháp, cải cách bộ máy nhà nước hoàn toàn không phải là thay đổi bản chất của hệ thống chính trị của Nhà nước ta, mà chính là nhằm tăng cường hiệu lực quản lý xã hội của Nhà nước bằng pháp luật, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, làm kiến trúc thượng tầng phát huy tốt vai trò thúc đẩy, mở đường cho sự phát triển của cơ sở hạ tầng.

Công cuộc đổi mới nói chung và cải cách bộ máy nhà nước nói riêng là một quá trình phải tiến hành tích cực, khẩn trương, song phải thận trọng, quyết không thể nôn nóng, vội vàng. Phải tính toán từng bước đi vững chắc, bảo đảm giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong tình hình đất nước có nhiều khó khăn, tình hình thế giới rất phức tạp và đầy biến động hiện nay. Quá trình ấy phải dựa chắc trên cơ sở vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát từ thực tiễn đất nước và những kinh nghiệm xây dựng Nhà nước Việt Nam trong hàng chục năm qua, có tính đến những kiến thức và kinh nghiệm tiên tiến trên thế giới.

Cần nhấn mạnh rằng, sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là điều kiện cơ bản và yêu cầu khách quan bảo đảm cho Nhà nước giữ đúng bản chất là Nhà nước của nhân dân, do

nhân dân và vì nhân dân, lấy liên minh công nhân, nông dân, trí thức làm nền tảng; thực hiện ngày càng đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, động viên, khai thác được tiềm năng mọi mặt của đất nước, phấn đấu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Trong những năm trước đây, Đảng ta có một số khuyết điểm như lẫn lộn chức năng của Đảng với chức năng của Nhà nước, Đảng bao biện làm thay công việc Nhà nước; thậm chí có nơi, có lúc có cả hiện tượng độc đoán, chuyên quyền, làm cho cơ quan nhà nước mang tính hình thức, không phát huy được hiệu lực thực tế. Chúng ta đang sửa và quyết tâm sửa. Nhưng không thể vì thế mà lại phạm sai lầm cực đoan khác, dẫn đến buông trôi hoặc hạ thấp sự lãnh đạo của Đảng. Kinh nghiệm các nước cho thấy, chỉ cần một chút mơ hồ, buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng là lập tức tạo điều kiện cho các thế lực chống đối cướp lấy chính quyền, xoá bỏ thành quả cách mạng, đưa đất nước đi theo con đường ngược với lợi ích của nhân dân. Chúng ta quyết tâm thực hiện công cuộc đổi mới, đồng thời kiên quyết bác bỏ những luận điệu mị dân, mượn có "đổi mới", "dân chủ" để rêu rao chiêu bài "xoá bỏ độc quyền lãnh đạo", "tất cả chính quyền về tay nhân dân". Thực chất của những luận điệu đó là mưu toan gạt bỏ sự lãnh đạo của Đảng, gạt bỏ nhân dân khỏi chính quyền.

Lý luận và thực tiễn đều khẳng định tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và phát huy hiệu lực của Nhà nước là hai mặt thống nhất. Cơ sở của tính thống nhất ấy là tuy có vai trò và chức năng khác nhau, cần phải phân định rõ, nhưng cả Đảng và Nhà nước đều là những công cụ thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đều phấn đấu vì lợi ích của

nhân dân. Đảng ta là đảng cầm quyền, lãnh đạo nhân dân nắm chính quyền, được nhân dân thừa nhận trước sau như một. Điều đó đòi hỏi Đảng càng phải hết sức quan tâm làm sao cho những nguyên tắc dân chủ không chỉ là những khẩu hiệu mà được thực hiện trong thực tế. Nhân dân giao phó quyền lãnh đạo cho Đảng ta, đồng thời yêu cầu Đảng phải nâng cao năng lực và phẩm chất, đạo đức cách mạng, nâng cao tính tiên phong về lý luận cũng như về tổ chức thực hiện. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng nói chung và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước chính là nhằm đáp ứng yêu cầu đó.

Sau đây, tôi sẽ trình bày rõ hơn về cải cách bộ máy nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

I- NHỮNG NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN CẢI CÁCH BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

1. Cải cách bộ máy nhà nước phải đặt trong tổng thể công cuộc đổi mới *hệ thống chính trị* nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân.

Nhà nước ta thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân. Nhân dân là người chủ của đất nước. Hiến pháp là đạo luật cơ bản thể chế hoá quyền làm chủ đó. Nhân dân tổ chức ra Nhà nước của mình, uỷ nhiệm quyền lực cho Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình bằng Nhà nước, bằng các tổ chức và hoạt động của các đoàn thể nhân dân, bằng các tập thể lao động, bằng quyền và nghĩa vụ của công dân. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở nước ta bao gồm các giai

cấp, các tầng lớp nhân dân rất rộng rãi, tạo thành cơ sở chính trị, chỗ dựa vững chắc của Nhà nước. Vai trò, vị trí của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ngày càng quan trọng, càng được mở rộng với nền dân chủ ngày càng phát triển, với nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, với nền văn hoá phát huy những giá trị nhân văn cao quý của dân tộc và của nhân loại. Nhà nước ta phải dựa vào Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tôn trọng và tạo mọi điều kiện để nhân dân trực tiếp hoặc thông qua đoàn thể của mình tham gia xây dựng, quản lý và bảo vệ Nhà nước.

Đổi mới bộ máy nhà nước trên cơ sở Hiến pháp sửa đổi là nhằm nâng cao hiệu lực của Nhà nước, khắc phục chủ nghĩa quan liêu, tạo nên sức mạnh tổng hợp đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, bảo vệ Tổ quốc, chống mọi âm mưu và hành động phá hoại của kẻ thù, từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

2. Cải cách bộ máy nhà nước phải tiến hành theo những nguyên tắc cơ bản sau đây:

- *Quyền lực nhà nước là thống nhất, không phân chia, nhưng có phân công rành mạch.* Trên cơ sở thống nhất quyền lực, cần có sự phân công và phân định rõ mối quan hệ giữa ba quyền: lập pháp, hành pháp và tư pháp, mà quyền lực nhà nước cao nhất được tập trung ở Quốc hội. Nguyên tắc này thể hiện sự tiếp thu có chọn lọc những thành tựu của thế giới về khoa học tổ chức và quản lý nhà nước, vận dụng chúng một cách thích hợp vào hoàn cảnh thực tế nước ta.

Việc cải cách bộ máy nhà nước cũng như sửa đổi Hiến pháp phải bảo đảm tính thống nhất của quyền lực, khắc phục

tình trạng lẫn lộn, chồng chéo giữa ba quyền, làm suy yếu quyền lực tập trung cũng như chức năng, quyền hạn của các bộ phận được phân công theo Hiến pháp.

Nhà nước ta phải được xây dựng với đầy đủ *tính pháp quyền* cả trên ba mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp. Cần sớm khắc phục sự yếu kém trong hệ thống pháp luật hiện hành như tình trạng thiếu hệ thống, không đầy đủ và lạc hậu so với cuộc sống. Đặc biệt là phải kiên quyết xoá bỏ tình trạng vô tổ chức, vô chính phủ, thiếu trật tự, kỷ cương, không chấp hành nghiêm chỉnh và đầy đủ các đạo luật đã ban hành.

- *Xác định rõ quan hệ giữa Nhà nước và quản lý nhà nước với tổ chức kinh tế và quản lý kinh doanh.* Sai lầm trước đây mà chúng ta đang khắc phục là ở chỗ không vận dụng đúng đắn quy luật khách quan nên đã tạo ra sở hữu công cộng tràn lan, kém hiệu quả và ở chỗ lẫn lộn giữa chức năng quản lý nhà nước về kinh tế với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh. Chúng ta đã không xác lập quyền tự chủ kinh doanh của các đơn vị kinh tế, đã duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế theo kế hoạch tập trung quan liêu, bao cấp, bất chấp thị trường. Chính sự quản lý yếu kém của Nhà nước đã tạo cơ hội phát triển nhiều hiện tượng tiêu cực (buôn lậu, đầu cơ, tham nhũng, xâm phạm tài sản và vốn của Nhà nước...), gây tổn hại lợi ích chung của nhân dân, làm rối loạn kinh tế và xã hội. Khắc phục những sai lầm trên, chúng ta đang và phải tiếp tục xây dựng một cách nhất quán cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý mới; thiết lập hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, nâng cao hiệu lực quản lý nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần; điều chỉnh, sắp xếp lại để quản lý tốt hơn thành phần

kinh tế quốc doanh và tạo điều kiện phát triển đúng hướng các thành phần kinh tế khác. Kiên quyết chống những quan điểm cực đoan, lệch lạc như từ chỗ quốc doanh hoá tràn lan nay lại chuyển sang tư nhân hoá tràn lan, thả nổi thị trường, buông trôi quản lý Nhà nước.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền, tổ chức và quản lý theo nguyên tắc *tập trung dân chủ*, cả nước là một chỉnh thể, thống nhất quốc gia, thống nhất thị trường. Để thể hiện đúng nguyên tắc đó, nhất là trong hệ thống quản lý hành chính Nhà nước, Hiến pháp sửa đổi cần tính đến cơ cấu và hình thức tổ chức hợp lý để vừa giữ vững sự thống nhất quyền lực nhà nước, vừa phát huy đầy đủ tính chủ động, sáng tạo của địa phương và cơ sở; vừa chống tập trung quan liêu, vừa chống phân tán, cực bộ, "cát cứ" địa phương và vô chính phủ.

Từ những nguyên tắc trên đây, tôi muốn đề cập một vài vấn đề về đổi mới bộ máy nhà nước, liên quan đến nội dung Hiến pháp sửa đổi.

Trước hết, Hiến pháp sửa đổi phải định ra được cơ sở cho việc *đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Quốc hội* và Hội đồng nhân dân các cấp, bảo đảm cho các cơ quan này có thực quyền, hoạt động có hiệu quả theo đúng chức năng do Hiến pháp và pháp luật quy định, khắc phục chủ nghĩa hình thức.

Quốc hội ta là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân và là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Thay mặt nhân dân cả nước thực thi quyền lực mà nhân dân giao cho, Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp; quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước; bầu và bãi miễn

những người đứng đầu các cơ quan cao nhất của Nhà nước, giám sát tối cao hoạt động của bộ máy nhà nước. Với tư cách là cơ quan quyền lực nhà nước tối cao, Quốc hội vừa quyết định luật, vừa giám sát các cơ quan nhà nước thi hành luật, nhưng không lẫn lộn với quyền hành pháp của Chính phủ, cũng như quyền độc lập xét xử của toà án.

Để hoàn thành được nhiệm vụ của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, Quốc hội phải gồm những đại biểu có đủ năng lực và phẩm chất, được bầu một cách thực sự dân chủ, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn, không nên có nhiều người kiêm nhiệm công tác chủ chốt của ngành hành pháp và tư pháp. Trong điều kiện nước ta hiện nay, tất cả hoặc ít nhất là phần lớn các uỷ viên thường trực của Hội đồng Dân tộc và các uỷ ban của Quốc hội phải làm việc chuyên trách, còn các đại biểu khác cũng cần dành nhiều thời gian, tập trung trí tuệ làm nhiệm vụ người đại biểu Quốc hội. Hướng lâu dài là Quốc hội chuyển dần sang hoạt động thường xuyên.

Việc đổi mới hệ thống hành pháp có ý nghĩa cực kỳ quan trọng nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước.

Hiện nay, mặc dù đã có những tiến bộ đáng kể trong lĩnh vực lập pháp cũng như hành pháp, nhưng tình hình vẫn chưa thể làm chúng ta hài lòng. Chỗ yếu nổi bật của hệ thống các cơ quan hành pháp lâu nay vẫn là kém hiệu lực trong quản lý, điều hành. Đó là tình trạng vừa tập trung quan liêu và trì trệ, vừa phân tán, thiếu thống nhất, bộ máy rất công kênh, hoạt động kém hiệu lực và hiệu quả. Phải nhanh chóng khắc phục chỗ yếu đó trong thời gian tới.

Tăng cường hệ thống hành pháp trước tiên là *đổi mới tổ*

chức và cơ chế hoạt động của Chính phủ. Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội, đồng thời là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Điều đó phù hợp với yêu cầu đề cao hành pháp mà không vi phạm nguyên tắc thống nhất quyền lực vào Quốc hội; nó tạo điều kiện để cơ quan hành pháp có đủ thẩm quyền ứng xử linh hoạt và nhanh nhạy trước mọi biến đổi và phát triển phức tạp của tình hình, kể cả thúc đẩy, chuẩn bị và phục vụ đắc lực cho công tác lập pháp.

Để tránh sự lẫn lộn giữa quyền lập pháp của Quốc hội và quyền lập quy của Chính phủ, đòi hỏi Chính phủ phải rất chủ động, năng động thực thi quyền hạn của mình. Bản thân Chính phủ và các bộ phải quản lý Nhà nước về mọi mặt. Trong quản lý nhà nước về kinh tế, trên cơ sở phân biệt chức năng quản lý hành chính nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế, cần xem xét loại bỏ các quy định, quy chế và cách tổ chức không phù hợp, bảo đảm cho Chính phủ thực sự đi vào quản lý vĩ mô, thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật, không can thiệp trực tiếp vào hoạt động của các tổ chức kinh tế, các đơn vị sản xuất, kinh doanh và quyền tự quản của các cơ sở văn hoá, xã hội.

Để cho cơ quan hành chính nhà nước cao nhất hoạt động có hiệu lực, Ủy ban sửa đổi Hiến pháp kiến nghị lập thiết chế *Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ* thay cho Hội đồng Bộ trưởng. Hiến pháp trao cho Thủ tướng đủ quyền hạn để thực thi nhiệm vụ, trong đó có quyền lựa chọn bộ trưởng để đề nghị Quốc hội phê chuẩn; bổ nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính cấp dưới trực tiếp theo đề nghị của Hội đồng nhân dân cùng cấp và thống nhất điều hành bộ máy hành chính nhà nước thông suốt, từ trung ương đến cơ sở. Đồng chí

Thủ tướng phải báo cáo việc lựa chọn bộ trưởng và chủ tịch tỉnh, thành phố trực thuộc để Bộ Chính trị xem xét, quyết định trước khi trình Quốc hội. Trong việc điều hành, Thủ tướng phải lắng nghe, tôn trọng ý kiến của tập thể Hội đồng Chính phủ.

Các bộ trưởng vừa phải phát huy cao trách nhiệm cá nhân, tích cực tham gia vào hoạt động của tập thể Chính phủ, vừa chịu sự chỉ huy, điều hoà, phối hợp của Thủ tướng, khắc phục tình trạng thiếu trách nhiệm, dựa dẫm, chờ đợi nhau, làm giảm hiệu lực và sự nhạy bén trong quản lý, điều hành.

Bộ trưởng có thẩm quyền và có trách nhiệm trong phạm vi cả nước đối với ngành hay lĩnh vực được phân công. Các quyết định của bộ trưởng về nội dung quản lý ngành hay lĩnh vực có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với tất cả các bộ khác, các cơ quan chính quyền địa phương, các đơn vị và công dân trong cả nước.

Cải cách tư pháp là một bộ phận rất quan trọng trong cải cách bộ máy và hoạt động của Nhà nước. Đổi mới hệ thống tư pháp phải tiến hành đồng bộ với đổi mới lập pháp và hành pháp. Các cơ quan tư pháp của ta hiện nay còn yếu trên nhiều mặt, từ phòng ngừa, phát hiện, điều tra đến truy tố, xét xử. Từ tổ chức đến phương pháp hoạt động, trách nhiệm và chất lượng cán bộ ngành tư pháp đều còn những mặt hạn chế, chưa bao quát được các lĩnh vực của xã hội đang phát triển, nhất là về kinh tế và hành chính. Để khắc phục những non yếu và hạn chế đó, chúng ta phải quan tâm đầy đủ đến lĩnh vực tư pháp là lĩnh vực liên quan mật thiết nhất với việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền.

Quyền tư pháp bao quát một phạm vi rất rộng, trong đó phải bảo đảm nguyên tắc thẩm phán được độc lập, chỉ tuân theo pháp luật khi xét xử.

Cần làm rõ chức năng kiểm tra, thanh tra, kiểm sát để bảo đảm giữ gìn trật tự, kỷ cương trong toàn xã hội cũng như trong bản thân bộ máy nhà nước theo đúng Hiến pháp và pháp luật; trong đó có nhiệm vụ kiểm sát chung về tính hợp pháp của các văn bản thuộc quyền hành pháp.

Để thực hiện dân chủ, tăng cường pháp chế, phải tích cực nghiên cứu và sửa đổi hệ thống pháp luật, chuẩn bị cán bộ có bước đi và cách làm thích hợp để thực hiện cải cách tư pháp phù hợp với yêu cầu đổi mới kinh tế - xã hội cũng như với yêu cầu mở rộng quan hệ quốc tế.

Cần đổi mới và tăng cường các cơ quan chính quyền địa phương theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất; bảo đảm một hệ thống hành chính nhà nước thống nhất, thông suốt và có hiệu lực cao.

Cải cách bộ máy nhà nước còn bao hàm một nội dung quan trọng là tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Nhà nước với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Các đoàn thể nhân dân tham gia xây dựng, quản lý, giám sát và bảo vệ Nhà nước. Nhà nước dựa vào các đoàn thể nhân dân để phát huy quyền làm chủ và sức mạnh có tổ chức của nhân dân. Đó cũng chính là sức mạnh của bản thân Nhà nước.

Mặt trận và các đoàn thể phải vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện quyền làm chủ xây dựng Nhà nước, trước hết là bầu ra các cơ quan dân cử (Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp) một cách thực sự dân chủ, thông qua việc giới thiệu người ứng cử, tổ chức hiệp thương dân chủ, tuyên

truyền vận động bầu cử; kiên quyết khắc phục lối dân chủ hình thức, làm thay nhân dân.

Mặt trận và các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm tổ chức và vận động các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia xây dựng pháp luật và chính sách, đóng góp ý kiến với cơ quan nhà nước các cấp; vận động nhân dân xây dựng các quy chế, quy ước trên địa bàn mà mình cư trú về các vấn đề liên quan đến nghĩa vụ và lợi ích của công dân phù hợp với pháp luật và chủ trương, chính sách của Nhà nước; tham gia việc phổ biến pháp luật trong nhân dân và tổ chức phong trào hành động của quần chúng, làm cho pháp luật và các quyết định của Nhà nước được thực hiện có hiệu quả.

Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phải tích cực tham gia cuộc đấu tranh chống hai tệ nạn, đó là bệnh *quan liêu*, của quyền, gây phiền hà cho nhân dân, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và *tệ tham nhũng* đang lan tràn khiến cho nhân dân giảm niềm tin vào Đảng và Nhà nước.

Trong quá trình ra quyết định và quản lý, điều hành, Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Chính phủ và Ủy ban hành chính các cấp cần lắng nghe những kiến nghị của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Nhà nước cần có quy chế tổ chức và cơ chế hoạt động giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước với Mặt trận và các đoàn thể nhân dân.

Mặt trận và các đoàn thể phải đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, để có thể làm tròn trách nhiệm của mình, góp phần tăng sức mạnh và hiệu lực quản lý của Nhà nước, hết sức tránh cách làm hình thức lâu nay.

II- ĐỔI MỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là một tất yếu lịch sử đối với một nước xã hội chủ nghĩa. Đó là một luận điểm cực kỳ quan trọng của học thuyết Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự lãnh đạo đó bao quát toàn bộ công cuộc cách mạng với những trọng tâm, trọng điểm trong từng giai đoạn, phù hợp với đòi hỏi của tình hình thực tế.

Trên sáu mươi năm qua, từ ngày thành lập, Đảng ta đã đảm nhiệm vai trò lãnh đạo cách mạng Việt Nam, động viên được sức mạnh của toàn dân trong cuộc chiến tranh giải phóng, giành độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc. Ngày nay, tiếp tục sự nghiệp cách mạng vẻ vang đó, Đảng ta phải đảm nhiệm vai trò lãnh đạo của mình, động viên nhân dân cả nước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Đó là việc vô cùng trọng đại, rất nặng nề, với nhiều phức tạp, khó khăn, đồng thời cũng rất vẻ vang.

Nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình, Đảng ta phải phấn đấu vươn lên ngang tầm với sứ mệnh lịch sử, với đòi hỏi của cách mạng, của nhân dân. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng chính là nhằm đáp ứng đòi hỏi đó.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là điều kiện quan trọng nhất để tiến hành đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, làm cho sự lãnh đạo của Đảng có chất lượng và có hiệu quả hơn, đồng thời làm cho sự quản lý và điều hành của Nhà nước có hiệu lực hơn, pháp luật được tôn trọng hơn, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy hơn. Đảng là người lãnh đạo hệ thống chính trị, hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật; Đảng lãnh đạo Nhà nước chứ

không làm thay Nhà nước. Vì vậy, điều hết sức quan trọng là phải phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước, làm cho cả Đảng, cả Nhà nước đều làm đúng chức năng và phát huy đầy đủ vai trò của mình.

Các văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII đã nêu rõ những quan điểm và nguyên tắc chung về vấn đề này. Ở đây tôi xin nói thêm một số điểm:

1. *Trong việc lãnh đạo Nhà nước thể chế hoá đường lối của Đảng*, điều quan trọng nhất là phải bảo đảm sao cho các quá trình lập pháp, lập quy, chuẩn bị các kế hoạch, chính sách của Nhà nước thể hiện đúng tư tưởng, quan điểm của Đảng và bảo đảm thực hiện có kết quả đường lối, chủ trương của Đảng. Các cấp, các ngành, nhân dân thực hiện các chính sách, pháp luật, kế hoạch của Nhà nước cũng tức là thực hiện đường lối của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị định ra những nguyên tắc và định hướng lớn về chính trị, kinh tế, xã hội... xác định những nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản, những cân đối lớn trong kế hoạch phát triển, những giải pháp chính. Căn cứ vào những nguyên tắc, mục tiêu và định hướng lớn đó, Quốc hội, Chính phủ thể chế hoá những nội dung đó dưới hình thức các văn bản pháp quy và quyết định những vấn đề về kế hoạch, chính sách, biện pháp tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

Đối với công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đề ra đường lối, chiến lược, chính sách lớn, những vấn đề đặc biệt hệ trọng liên quan đến vận mệnh của đất nước như chiến tranh và hoà

bình, biên giới và lãnh thổ quốc gia, bố trí chiến lược... Chính phủ trình đề Quốc hội quyết định về mặt Nhà nước. Về những vấn đề như xây dựng lực lượng, xây dựng công nghiệp quốc phòng, thực hiện nghĩa vụ quân sự, chính sách hậu phương quân đội, trật tự an toàn xã hội... Chính phủ chỉ đạo các Bộ Quốc phòng, Nội vụ, Ngoại giao và các ngành có liên quan chuẩn bị các đề án để Quốc hội xem xét, quyết định.

Trong việc xây dựng pháp luật, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị nêu những quan điểm tư tưởng, nguyên tắc chỉ đạo, những vấn đề quan trọng và phức tạp, phương hướng và đường lối xét xử để các cơ quan nhà nước có trách nhiệm chuẩn bị trình ra Quốc hội xem xét, quyết định và ban hành các văn bản luật.

Tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước chủ động tổ chức việc chuẩn bị các đề án, đề xuất các chính sách, chủ trương để Trung ương bàn. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị lắng nghe ý kiến của các đại biểu Quốc hội, các thành viên trong Hội đồng Chính phủ, các đoàn thể nhân dân để bổ sung, hoàn thiện đường lối, chủ trương của mình.

Các ban của Đảng là cơ quan tham mưu giúp việc cấp uỷ, có nhiệm vụ chuẩn bị định hướng nghiên cứu, theo dõi và tham gia ý kiến trong quá trình chuẩn bị các đề án của các cơ quan nhà nước, phát biểu ý kiến của mình về các đề án đó trước khi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thảo luận và quyết định.

Ở các địa phương, cấp uỷ đảng có trách nhiệm quán triệt đường lối, chủ trương của Trung ương và các quyết định của Nhà nước và căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương mình mà xác định các mục tiêu kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ quan trọng khác của địa phương, không trực tiếp ra lệnh cho chính quyền hoặc quyết định những nhiệm vụ thuộc chức

năng của chính quyền; lãnh đạo chính quyền thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và của cơ quan nhà nước cấp trên cũng như của cấp uỷ đảng địa phương phù hợp với pháp luật nhà nước.

Đối với hoạt động của ngành kiểm sát và toà án, cấp uỷ định kỳ nghe báo cáo tình hình và nêu ý kiến về phương hướng chỉ đạo, bảo đảm thực hiện đúng pháp luật và các quy định của Nhà nước, không can thiệp trực tiếp, nhất là vào công tác xét xử; không quyết định tội danh và các mức án. Khi xét xử, toà án phải theo đúng pháp luật và chỉ tuân theo pháp luật. Đối với những vụ án có ảnh hưởng chính trị rộng, có liên quan đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hoặc liên quan đến những cán bộ thuộc diện cấp uỷ quản lý, cấp uỷ cần tham gia ý kiến về quan điểm xét xử, làm cơ sở cho việc xét xử, quyết định của cơ quan kiểm sát và toà án. Cần kiên quyết khắc phục tình trạng một số đồng chí trong cấp uỷ can thiệp vào công tác xét xử, thậm chí thô bạo đến mức quyết định cả các bản án, mức án. Phải ngăn chặn tệ bao che, ô dù và nhiều tiêu cực khác, làm suy giảm hiệu lực của pháp luật, gây bất bình trong nhân dân.

2. Trong việc lãnh đạo xây dựng bộ máy nhà nước và bố trí cán bộ nhà nước, Đảng đưa ra các quan điểm, nguyên tắc và phương hướng chỉ đạo việc tổ chức bộ máy nhà nước; xem xét, góp ý kiến về các đề xuất của Nhà nước, để Nhà nước quyết định.

Trong công tác cán bộ, cấp uỷ đảng đề ra tiêu chuẩn, chính sách; Nhà nước thể chế hoá thành luật, quy chế; trên cơ sở đó, các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước lựa chọn, đề xuất; cấp uỷ đảng xem xét, quyết định đối với các chức danh cán bộ chủ chốt, cơ quan nhà nước làm thủ tục bổ

nhiệm. Khắc phục tình trạng cấp uỷ đảng, ban tổ chức đảng bao biện, làm thay mọi việc về nhân sự của bộ máy nhà nước.

Một biện pháp rất quan trọng bảo đảm hiệu lực quản lý của Nhà nước, đồng thời tăng cường được sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là cần giới thiệu những cán bộ chủ chốt có uy tín và có năng lực quản lý giữ các chức vụ chủ chốt trong bộ máy nhà nước. Ví dụ, bí thư hoặc phó bí thư cấp uỷ đảng có thể ứng cử làm chủ tịch Hội đồng nhân dân; một số cán bộ tham mưu có năng lực có thể ứng cử đại biểu và tham gia các uỷ ban của Quốc hội, Hội đồng nhân dân để tiện kết hợp công tác, thẩm tra các đề án và giám sát việc thực hiện.

3. Tăng cường vai trò và trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua các tổ chức đảng và đảng viên làm việc trong các cơ quan nhà nước, chứ không trực tiếp ra lệnh cho cơ quan nhà nước. Thông qua những tổ chức đảng và đảng viên đó, Đảng đưa tư tưởng, quan điểm và đường lối của mình vào hoạt động của bộ máy nhà nước, đồng thời lắng nghe ý kiến của các thành viên khác thuộc bộ máy nhà nước trong quá trình thể chế hoá đường lối của Đảng thành chính sách, pháp luật của Nhà nước, tổ chức vận động các thành viên trong bộ máy nhà nước chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng. Vì vậy, phải nâng cao yêu cầu đối với đảng viên. Mọi đảng viên công tác trong bộ máy nhà nước, trước hết là đảng viên giữ những trách nhiệm chủ chốt, phải không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ, chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu, chấp hành nghị quyết và phục tùng kỷ luật của Đảng, chấp hành pháp luật của Nhà nước, phát huy ảnh hưởng chính trị và đạo đức của mình trong các cơ quan nhà nước.

Phải làm cho toàn thể đảng viên hiểu rõ rằng chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước cũng chính là thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng.

Trong Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, số đại biểu là đảng viên chiếm tỷ lệ khá cao, nhưng tiếng nói của Đảng ở các tổ chức đó hiện đang phân tán; có trường hợp đảng viên nói ngược lại nghị quyết của Đảng. Phải kiên quyết khắc phục tình hình không bình thường đó. Cần lập lại và tăng cường hoạt động của đảng đoàn hoặc ban cán sự trong một số cơ quan nhà nước theo quy định của Điều lệ Đảng. Ở những nơi không có đảng đoàn thì đồng chí đảng viên là thủ trưởng cơ quan làm nhiệm vụ của đảng đoàn. Không buông lỏng trách nhiệm đảng viên, đồng thời không được lạm dụng uy tín của Đảng để áp đặt ý kiến của mình lên cơ quan nhà nước. Phải sớm nghiên cứu tổ chức bộ máy của Đảng một cách hợp lý; xác định rõ chức năng của các cơ quan trong bộ máy đảng, từ đó mà sắp xếp tổ chức, cán bộ theo hướng tinh giản, thiết thực có hiệu quả.

Các tổ chức cơ sở đảng trong các cơ quan nhà nước có trách nhiệm giáo dục, quản lý tốt đảng viên, kể cả những đảng viên giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt. Chú trọng kiểm tra việc đảng viên chấp hành đường lối, chính sách và Điều lệ Đảng, bảo đảm cho đảng viên nêu cao tính tiên phong gương mẫu, giữ vững quan điểm, đường lối của Đảng khi bàn bạc thể chế hoá các chủ trương của Đảng, phục tùng kỷ luật Đảng. Các tổ chức cơ sở đảng phải làm tốt việc vận động quần chúng tham gia xây dựng chủ trương, chính sách.

4. Trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước, Đảng tập trung chủ yếu vào việc xem xét về mặt quan điểm, phương hướng chính trị, bảo đảm thực hiện đúng

đường lối của Đảng, giữ vững bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đảng không tiến hành việc kiểm tra trùng lặp với việc kiểm tra, thanh tra, giám sát của Nhà nước.

Công tác kiểm tra của Đảng được tiến hành chủ yếu thông qua các đảng viên, các tổ chức đảng, đồng thời tổ chức vận động quần chúng giám sát, kiểm tra. Qua đó kịp thời phát hiện các vấn đề và kiến nghị với Nhà nước những giải pháp uốn nắn lệch lạc hoặc tập trung chỉ đạo những khâu công tác trọng yếu; rút kinh nghiệm bổ sung hoàn chỉnh đường lối của Đảng.

Tóm lại, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng hoàn toàn không phải là buông lỏng hoặc hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng mà chính là nhằm tăng cường sự lãnh đạo đó một cách có hiệu quả hơn, bảo đảm cho Nhà nước hoạt động đúng hướng và nâng cao hiệu lực quản lý, phát huy mạnh mẽ vai trò làm chủ của nhân dân thông qua Nhà nước.

Đương nhiên, để đổi mới có hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, bản thân Đảng cũng phải *tự đổi mới, tự chỉnh đốn*, nâng cao trình độ và năng lực lãnh đạo của mình. Đảng chỉ có thể thực hiện tốt vai trò lãnh đạo Nhà nước khi bản thân Đảng có đủ trình độ và năng lực, có những kiến thức sâu sắc về đảng cầm quyền, về cách tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, về pháp luật... Đảng phải xây dựng được một đội ngũ cán bộ có đủ năng lực và phẩm chất thành thạo về công tác nhà nước.

Thư các đồng chí,

Cải cách bộ máy nhà nước vừa là yêu cầu cơ bản phải tiến hành trong một thời gian dài, lại vừa là đòi hỏi cấp bách phải thực hiện sớm với bước đi thích hợp. Vì vậy, trên cơ sở mục tiêu tổng quát, cần định rõ những *mục tiêu cụ thể* cho từng bước, trước hết là cho những năm 1992-1993:

+ Lãnh đạo việc sửa đổi Hiến pháp, coi đó là một công tác trọng tâm. Cần tập trung trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân để nghiên cứu, thảo luận và tham gia ý kiến. Lãnh đạo chặt chẽ các phương tiện thông tin đại chúng trong quá trình lấy ý kiến đóng góp vào dự thảo Hiến pháp sửa đổi.

+ Trên cơ sở Hiến pháp sửa đổi, ban hành các đạo luật về sửa đổi cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động; định ra kế hoạch và trình tự giải quyết các vấn đề, tiến hành từng bước và bảo đảm tính đồng bộ trong mỗi bước, không làm tràn lan.

+ Cải cách bộ máy nhà nước đụng chạm đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Vì vậy, để giữ vững ổn định chính trị, chúng ta cần tiến hành cải cách một cách thận trọng và vững chắc, có điều tra, nghiên cứu, định phương án, có văn bản pháp quy cần thiết, thử nghiệm đối với những vấn đề cần thử nghiệm; có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để mở rộng dần.

Đưa Hiến pháp sửa đổi và chủ trương cải cách một bước bộ máy nhà nước vào cuộc sống là một việc phức tạp, đòi hỏi không chỉ ý chí cách mạng mà cả những kiến thức khoa học, lý luận và năng lực thực tiễn. Ban Chấp hành Trung ương và đảng bộ các cấp cần nâng cao năng lực lãnh đạo, động viên sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn dân để làm tốt công việc này, tạo ra động lực mới thúc đẩy sự nghiệp cách mạng phát triển.

Xin cảm ơn các đồng chí.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

TỔNG KẾT CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 28/TLHN, ngày 3 tháng 12 năm 1991

Về cuộc thảo luận Báo cáo kinh tế - xã hội ở Hội nghị Trung ương lần thứ hai

Qua ba ngày thảo luận, đã có 51 đồng chí phát biểu ý kiến.

Hầu hết các ý kiến phát biểu đều chuẩn bị cẩn thận, có bài viết, nội dung có chiều sâu, cách nói gọn. Những ý kiến khác nhau được trình bày thẳng thắn. Có thể nói Ban Chấp hành Trung ương khoá mới, trong phiên họp mở đầu bàn công tác đã thể hiện những nét mới trong phong cách thảo luận.

Các ý kiến phát biểu đều biểu thị sự đồng tình, hoan nghênh báo cáo của Bộ Chính trị cùng các tài liệu bổ sung trình ra Hội nghị, cho rằng cách đặt vấn đề cũng như nội dung đề cập đáp ứng đúng những yêu cầu đang đặt ra cho sự lãnh đạo của Đảng về kinh tế - xã hội, chú trọng các giải pháp, các chủ trương, chính sách và chương trình có tính hiện thực. Đây là một bước tiến bộ trong việc chuẩn bị và tiến hành Hội nghị Trung ương; tuy vậy, chưa phải mọi vấn đề cấp bách đều đã có cách giải quyết đủ hiệu lực mà còn

phải tiếp tục nghiên cứu xử lý trong quá trình thực hiện nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này.

Bản tổng kết này phân tích sâu thêm một số vấn đề lớn có ý nghĩa tư tưởng chỉ đạo, trình bày ý kiến của Bộ Chính trị về những vấn đề đang còn ý kiến khác nhau và những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong báo cáo.

I- VỀ ĐÁNH GIÁ VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Hội nghị Trung ương nhất trí đánh giá trực trạng và nguyên nhân của những chuyển biến, tiến bộ và những mặt yếu kém trong năm 1991 như đã trình bày trong báo cáo, nhấn mạnh ý nghĩa to lớn của những cố gắng bảo đảm cho nền kinh tế trụ được trong bối cảnh đầy thử thách với những biến động đột xuất từ sau Đại hội VII. Một số ý kiến nêu cụ thể hơn các khuyết điểm trong chính sách tài chính - tiền tệ, đề nghị dự báo tình hình rõ hơn cả về chính trị và kinh tế, sẽ được lưu ý khi tu chỉnh nghị quyết.

Ý kiến còn khác nhau chủ yếu là xoay quanh việc đánh giá mức độ những khó khăn trở lực và những khả năng, cơ hội mới đối với năm 1992 và mấy năm tới.

Báo cáo đã nêu những khó khăn trở lực và những mâu thuẫn lớn phải giải quyết khi bước vào năm 1992, đặc biệt là một số nhân tố mất ổn định gay gắt hơn năm trước, như mặt bằng giá có nguy cơ đột biến, dự trữ tài chính, vật tư không còn nguồn bổ sung như đầu năm 1991. Đáng lo ngại nhất là tình trạng khủng hoảng về trật tự, kỷ cương, vi phạm pháp luật, nhất là tệ tham nhũng, buôn lậu, cửa quyền, ức hiếp dân, ăn chơi sa đọa diễn ra nghiêm trọng. Tình trạng coi

thường phép nước từ trong nội bộ Đảng, trong cơ quan nhà nước, trong các hoạt động kinh tế, các lĩnh vực văn hoá, xã hội đang làm giảm sút sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực của pháp chế, gây lo ngại và bất bình lớn trong nhân dân, cản trở, thậm chí phá hoại những nỗ lực đổi mới.

Để quốc Mỹ và các thế lực phản động ra sức khai thác, kích động tình hình này, khoét sâu những khó khăn, sơ hở của ta, đồng thời lợi dụng sự sụp đổ của Liên Xô và cục diện mới ở Campuchia, lợi dụng sự thay đổi tương quan lực lượng trên thế giới rất bất lợi cho chủ nghĩa xã hội và các phong trào cách mạng, để xúc tiến âm mưu "diễn biến hoà bình" đối với nước ta. Chúng ta không thể đánh giá thấp khả năng tình hình diễn biến phức tạp dẫn tới nguy cơ uy hiếp chế độ. Chủ quan, mất cảnh giác là hết sức nguy hiểm.

Song cũng rất nguy hại nếu đánh giá thấp và để tuột tay những khả năng và cơ hội mới đang được mở ra từ cục diện năm 1991. Trước những thử thách hết sức gay gắt, tình hình chính trị nước ta vẫn ổn định, nền kinh tế không bị biến động lớn, công cuộc đổi mới tiếp tục được triển khai và đưa lại một số chuyển biến tích cực. Tình hình đó cùng với việc giải quyết hoà bình vấn đề Campuchia, bình thường hoá quan hệ Việt - Trung, nối lại và phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á đang tạo ra thế mới cả ở trong nước và trong quan hệ với bên ngoài. Ở trong nước, tâm trạng xã hội tuy còn diễn biến phức tạp, song đông đảo nhân dân có lòng tin vào công cuộc đổi mới. Chúng ta có thêm kinh nghiệm trong việc lãnh đạo, điều hành, có những điển hình tốt trong nhiều lĩnh vực, có thêm nguồn lực vật chất, nhất là điện, dầu khí, lương thực, năng lực xuất khẩu... Trong quan hệ với bên ngoài, những sự

kiện gần đây cho thấy sự tin cậy và thiện chí đối với Việt Nam đang tăng lên, nhất là ở các nước trong khu vực; nhiều nước nối lại và mở rộng quan hệ với Việt Nam, vượt qua chính sách cấm vận của Mỹ. Tuy trở lực còn nhiều, nhưng rõ ràng đang xuất hiện những cơ hội mới cho việc mở rộng quan hệ với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực, tranh thủ nguồn vốn và công nghệ bên ngoài để nhân lên các nguồn lực trong nước.

Từ sự phân tích và dự báo tình hình, có thể rút ra mấy kết luận:

- Chúng ta đang ở vào một tình thế mà cả hai mặt khó khăn, thử thách cũng như khả năng và cơ hội mới đều lớn, không thể coi nhẹ mặt nào. Nguy cơ lớn nhất bắt nguồn từ sự tha hoá trong nội bộ của chúng ta, trước hết là từ trong Đảng và bộ máy nhà nước. Vì vậy, sự phát triển của tình hình phụ thuộc trước hết vào nỗ lực chủ quan của chúng ta.

- Bối cảnh mới ở trong nước và trên thế giới vừa tạo cơ hội, vừa thúc bách chúng ta phải có quyết tâm lớn, có quyết sách mạnh dạn để xoay chuyển cục diện kinh tế, xã hội, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng và phát triển nhanh hơn. Năm 1992 và mấy năm trước mắt là thời điểm có ý nghĩa quyết định. Ổn định và phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội là điều kiện cơ bản để tăng cường sự ổn định về chính trị, tư tưởng, là trận địa chủ yếu trong thế trận đấu tranh làm thất bại âm mưu diễn biến hoà bình, tạo thế đứng vững chắc của nước ta trên bán đảo Đông Dương và trong khu vực. Bỏ lỡ cơ hội ở thời điểm này thì khó khăn sẽ chồng chất thêm, tâm trạng tiêu cực và bất bình trong xã hội sẽ tích tụ thêm, dẫn tới những hệ quả xấu khôn lường.

Toàn Đảng, trước hết là Trung ương Đảng phải thấy rõ tình hình, nắm lấy những khả năng và cơ hội mới, phát huy ý chí tiến công mạnh mẽ, thể hiện trong những nỗ lực mới với những biện pháp thiết thực tăng cường hiệu lực của Nhà nước, dẫn dắt và động viên phong trào quần chúng vượt qua khó khăn và trở lực, đưa đất nước tiến lên.

II- VỀ NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Ý kiến chung của hội nghị tán thành những nhiệm vụ chủ yếu trong những năm 1992-1995 và riêng năm 1992 cũng như phương hướng phát triển gắn với cơ cấu sản xuất và đầu tư đã nêu trong báo cáo, cho rằng mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng do Đại hội VII đề ra đã được cụ thể hoá phù hợp với yêu cầu của tình hình mới. Nhiều ý kiến nhấn mạnh các khả năng to lớn và hiện thực trong việc phát huy nguồn lực của các thành phần kinh tế để phát triển nông nghiệp toàn diện, tiến công vào đất trống, đồi trọc, phát triển mạnh các cơ sở công nghiệp nhỏ và vừa ở thành thị và nông thôn, đẩy mạnh xuất khẩu; Nhà nước chủ yếu là dẫn dắt, hỗ trợ bằng cơ chế, chính sách và tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, trước hết là một số công trình then chốt. Một số ý kiến đề nghị nêu đúng tầm hơn các vấn đề tư tưởng, văn hoá, xã hội, bổ sung thêm chương trình quốc gia vì trẻ em, dân số và kế hoạch hoá gia đình, nêu rõ hơn việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, tận dụng năng lực của quân đội và công nghiệp quốc phòng vào các chương trình phát triển kinh tế. Bộ Chính trị tán thành và sẽ bổ sung vào nghị quyết.

Chúng ta đã biết rõ phải làm gì để ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Các giải pháp lớn đi liền với nhiều chủ trương, chính sách cụ thể đề ra trong báo cáo cũng được sự nhất trí cao. Điều mà nhiều đồng chí Trung ương còn băn khoăn lớn là khả năng và điều kiện thực hiện.

Chúng ta biết rằng các điều kiện vật chất không tự nó đến mà phải tạo ra, phải khai thác, tranh thủ từ nhiều nguồn. Trong tình thế đang còn diễn biến phức tạp, chưa thể tính toán xác định ngay từ đầu mà phải tiếp tục làm rõ trong quá trình thực hiện Nghị quyết của Trung ương và kế hoạch 5 năm 1991-1995 và năm 1992.

Đường lối đổi mới được bổ sung và phát triển qua Đại hội VII là phương hướng cơ bản để giải phóng và phát huy mọi khả năng, tạo nguồn lực và các điều kiện cho việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã xác định.

Điều quan trọng là trong từng thời gian, phải nắm lấy những khâu chính như những đòn xeo làm xoay chuyển toàn cục. Với tinh thần đó, qua cuộc thảo luận ở Hội nghị này, Bộ Chính trị thấy cần phân tích rõ mấy vấn đề dưới đây:

Yếu tố đầu tiên hết sức cơ bản, quyết định sự thành bại của mọi nhiệm vụ, chủ trương, chính sách là phải thiết lập cho được trật tự, kỷ cương theo cơ chế mới, vừa phát triển, vừa lành mạnh hoá quan hệ thị trường và mọi quan hệ kinh tế, xã hội khác.

Ai cũng thấy rõ tình trạng mất trật tự kỷ cương, coi thường phép nước trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đã nghiêm trọng tới mức nguy hiểm. Cần khắc phục quan niệm cho rằng tình trạng đó là tất yếu khi chuyển sang cơ chế thị trường. Nhiều nước theo cơ chế thị trường vẫn giữ nghiêm

trật tự, kỷ cương theo pháp luật. Chúng ta mới ở những bước đầu chuyển sang kinh tế thị trường và thực hiện chính sách mở mà trật tự kỷ cương đã hết sức lỏng lẻo, ảnh hưởng lớn đến công cuộc đổi mới, không chỉ gây ra thiệt hại về vật chất mà còn làm suy thoái bản chất vốn có của con người Việt Nam. Phải nhận rõ đây là một nguy cơ lớn bên trong của đất nước ta. Nếu không ngăn chặn, chấn chỉnh được tình hình này thì những nỗ lực đổi mới chẳng những khó thực hiện mà còn có thể bị biến dạng, đưa tới kết quả rất xấu.

Điều cần khẳng định là cơ chế kinh tế nào cũng phải có trật tự, kỷ cương của nó; nếu không thì không thể ổn định và phát triển. Một bài học từ thực tiễn nước ta cũng như ở các nước xung quanh ta theo cơ chế thị trường là "trật tự kỷ cương và giữ thật nghiêm trật tự kỷ cương" trên mọi mặt kinh tế, văn hoá, đời sống xã hội lẽ ra phải được thiết lập ngay từ đầu, cả trong kinh tế và đặc biệt là trong lĩnh vực văn hoá quan hệ đến giá trị con người.

Trước đây, những hành động "xé rào", tùy tiện còn có phần dựa vào lý do là cơ chế cũ trói buộc. Đến nay, chúng ta đã hình thành dần hệ thống luật pháp, thể chế theo cơ chế mới, tuy chưa đồng bộ, còn phải tiếp tục bổ sung, hoàn chỉnh. Việc thiết lập trật tự kỷ cương theo cơ chế mới vừa hết sức bức xúc, vừa có cơ sở pháp lý cần thiết để thực hiện. Đây là công việc bao trùm mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và là khâu mấu chốt hiện nay để ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tạo tiền đề cho sự phát triển, là một bảo đảm hàng đầu cho sự ổn định chính trị, tạo sức đề kháng chống lại mọi âm mưu diễn biến hoà bình.

Trật tự, kỷ cương trong Đảng và bộ máy nhà nước thể

hiện ở ý thức kỷ luật, sức chiến đấu và phẩm chất của cán bộ, đảng viên và đội ngũ công chức, của các cấp bộ đảng và chính quyền từ trung ương đến cơ sở. Đối với đảng cầm quyền, việc giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, tuân thủ và bảo vệ pháp luật là một yêu cầu bắt buộc rất nghiêm khắc đối với mọi cán bộ, đảng viên ở bất kỳ cương vị nào và là một khâu cốt lõi bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng.

Trật tự trong kinh tế trước hết là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phải kinh doanh theo pháp luật, chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật tài chính, tạo ra quan hệ thị trường lành mạnh, cạnh tranh bằng năng suất và chất lượng, chống bất công trong phân phối làm đảo lộn thang bậc giá trị trong xã hội. Đây là một điều kiện cơ bản để chống lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an toàn cho mọi hoạt động kinh doanh, đồng thời cũng là một tiền đề để chống đầu cơ, buôn lậu, tham nhũng.

Chúng ta chủ trương mở về kinh tế, nhưng phải đặc biệt quan tâm bảo tồn và phát triển phẩm chất, đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Thiết lập trật tự trong lĩnh vực này không có nghĩa là hạn chế sáng tạo mà chủ yếu là chống những hoạt động trái pháp luật, du nhập và truyền bá văn hoá độc hại, đồi trụy, mau chóng chấm dứt tình trạng xuống cấp và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, khoa học, văn hoá. Chúng ta tiếp nhận giá trị văn hoá của nhân loại trên cơ sở giữ gìn và phát huy tinh hoa văn hoá của dân tộc, không ngừng nâng cao tinh thần tự tôn dân tộc và ý chí tự lực tự cường để vượt qua khó khăn trong thời điểm đầy thử thách hiện nay. Kinh nghiệm thành công của một số nước trong khu vực là kết hợp hài hoà công nghệ hiện đại với truyền

thống văn hoá, đạo đức dân tộc, tạo thành động lực cho sự phát triển. Nhiều nước đánh giá cao truyền thống quật cường và di sản văn hoá phong phú của dân tộc ta, coi đó là một nhân tố thuận lợi cho quan hệ hợp tác với nước ta.

Trật tự trong lĩnh vực xã hội phải được thiết lập từ những điều cơ bản và sơ đẳng nhất, từ giữ gìn trật tự công cộng, môi trường lành mạnh để tiến hành các hoạt động xã hội, đến bảo đảm an toàn về sinh mạng, tài sản cho mọi người dân.

Thiết lập trật tự, kỷ cương của cơ chế mới là một cuộc đấu tranh phức tạp, khó khăn, phụ thuộc chủ yếu không phải vào điều kiện vật chất mà vào ý chí kiên quyết, bền bỉ của Đảng và Nhà nước. Mỗi đảng viên nêu cao tính tiên phong gương mẫu, trước hết là ở việc chấp hành pháp luật, trật tự kỷ cương xã hội. Sự lãnh đạo của các cấp phải tập trung nỗ lực cao nhất vào việc thiết lập trật tự kỷ cương. Quyết tâm của Hội nghị Trung ương lần này là bước khởi động có ý nghĩa quyết định để lùi cuốn phong trào rộng lớn trong toàn xã hội, thiết lập cho được trật tự, kỷ cương theo pháp luật trong mọi lĩnh vực.

Yếu tố thứ hai là phải có những quyết sách đáp ứng được đòi hỏi của tình thế để khai thác mọi khả năng, tranh thủ mọi cơ hội đẩy mạnh công cuộc ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Các nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra như chống lạm phát, phát triển sản xuất, xây dựng các công trình then chốt, giải quyết việc làm, cải cách tiền lương, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hoá, khoa học, khôi phục và phát triển các phúc lợi xã hội, bảo đảm quốc phòng và an

ninh... đều có những yêu cầu to lớn và bức xúc, đòi hỏi nhiều nguồn lực, đặc biệt là vốn. Báo cáo đã nêu những hình thức, chính sách và biện pháp khai thác các nguồn lực trong và ngoài nước.

Chúng ta đặc biệt nhấn mạnh các biện pháp khai thác mọi nguồn lực trong nước, phát huy mọi tiềm năng của dân tộc. Đây chính là thời điểm quan trọng đòi hỏi và tạo cơ hội phát huy truyền thống, ý chí tự tôn dân tộc; mọi người dân, mọi thành phần kinh tế đều tìm thấy trong cơ hội mới chỗ đứng và lợi ích thiết thân của mình, mọi người đều phát huy sáng tạo, năng động trên mọi lĩnh vực, từ kinh tế đến văn hoá, khoa học kỹ thuật, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước.

Vấn đề đặt ra là: Tình thế đặc biệt ở thời điểm hết sức gay gắt và quyết liệt hiện nay đòi hỏi phải có quyết sách đặc biệt, không giống điều kiện bình thường, được định hướng và thực hiện trong thời gian 1992-1995 mà năm 1992 là năm mở đầu.

Lúc này, Nhà nước phải có chính sách ưu đãi về thuế và tín dụng ở mức đặc biệt trong thời hạn mấy năm đối với bất cứ ai bỏ vốn đầu tư phát triển. Những đối tượng cần ưu tiên như những người ra khỏi biên chế nhà nước và quân đội, những lĩnh vực cần khuyến khích như phủ xanh và sử dụng đất trống, đồi trọc, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, dùng nhiều lao động... càng được hưởng mức ưu đãi cao hơn.

Đối với nguồn vốn bên ngoài, cũng cần phải có quyết sách để huy động đến mức cao nhất nhằm tạo điều kiện phát huy nguồn vốn bên trong. Hoạt động đối ngoại của ta phải tạo ra sức ép để phá cấm vận, chống lại mọi âm mưu bao vây ta;

phải tranh thủ mọi khả năng lớn, nhỏ, vay mượn, thu hút đầu tư trực tiếp, gián tiếp; tạo ra một sự cạnh tranh cần thiết giữa các nhà đầu tư nước ngoài nhằm khai thác các ngành, nghề ở các vùng cần khuyến khích. Cần khẳng định: ở thời điểm 1992-1995, khi ta đang rất thiếu vốn và kỹ thuật và Mỹ còn duy trì chính sách cấm vận, cần phải có chính sách ưu đãi đặc biệt đối với đầu tư của nước ngoài. Đương nhiên, khi khuyến khích đầu tư từ bên ngoài, vẫn cần nhấn mạnh trật tự kỷ cương - đó chính là tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư; đồng thời phải triệt để chống lại sự xâm nhập của văn hoá xấu, bảo vệ và phát huy truyền thống dân tộc.

Nguồn thu trong nước được huy động đến mức cao nhất cho ngân sách, trong điều kiện bình thường, phải bảo đảm chi thường xuyên và có phần dành cho đầu tư phát triển. Song trong tình hình hiện nay, cần mạnh dạn đặt vấn đề ngân sách vay dân và vay nước ngoài để chi cho đầu tư phát triển, bảo đảm xây dựng cho được những công trình then chốt; trên cơ sở đó, dồn toàn bộ nguồn thu trong nước cho chi thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhiều nhu cầu bức xúc. Đặc biệt về tiền lương, năm 1992 không thể dừng lại ở việc bù giá mà phải thực hiện một bước cải cách có ý nghĩa đi đôi với tích cực giảm biên chế. Những vấn đề xã hội, nhất là việc làm, giáo dục, y tế cũng không thể kéo dài tình trạng như hiện nay. Vấn đề dân số và kế hoạch hoá gia đình phải được đặt ở một tầm cao hơn, như một nhân tố rất quan trọng đối với sự phát triển hiện nay và tương lai của đất nước. Đương nhiên năm 1992 chưa thể đáp ứng những nhu cầu này, song phải chủ động tạo điều kiện và phải tập trung giải quyết có trọng điểm để đạt được chuyển biến có ý nghĩa. Đó là những

việc không thể không làm và mức giải quyết trong năm 1992 phải tạo được niềm tin vào những bước đi tiếp theo nhằm tạo lập công bằng và tiến bộ xã hội trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường.

Trên đây là một số điểm nhấn mạnh sự cần thiết và khả năng áp dụng những chính sách đặc biệt nhằm khai thác vốn và các nguồn lực trong tình thế hiện nay, bảo đảm điều kiện cho việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của năm 1992 và mấy năm tới.

Theo tinh thần đó, Hội đồng Bộ trưởng phải nghiên cứu một cách đồng bộ các chính sách cụ thể, thiết thực để áp dụng ngay vào đầu năm 1992.

III- VỀ CÁC GIẢI PHÁP LỚN

Phần này chủ yếu là trình bày ý kiến của Bộ Chính trị về những vấn đề đang còn ý kiến khác nhau.

1. Về chống lạm phát, ổn định tài chính - tiền tệ

- Đại hội VII khi xác định mục tiêu và nhiệm vụ trong 5 năm 1991-1995 đã đưa lên hàng đầu việc đẩy lùi và kiểm soát lạm phát bởi vì không chống được lạm phát thì sản xuất không thể phát triển mạnh mẽ, có hiệu quả. Do cơn sốt kéo dài về vàng và đôla, chúng ta đang đứng trước nguy cơ đột biến về giá với những hệ quả rất xấu trên nhiều mặt.

Đa số ý kiến tán thành phải tập trung sức chống lạm phát, dần dần ổn định thị trường và tài chính - tiền tệ bằng các chủ trương, biện pháp nêu trong báo cáo. Muốn vậy, phải có sự nhất trí và quyết tâm rất cao của lãnh đạo và của quần chúng trong việc thực hiện các biện pháp đã đề ra, đặc biệt là

bảo đảm thu ngân sách, chỉnh đốn khu vực kinh tế quốc doanh, tích cực chống buôn lậu, hết sức tiết kiệm chi tiêu, hạn chế những nhu cầu chi chưa có điều kiện giải quyết, ngăn chặn ngay tình trạng tiêu xài xa hoa, lãng phí, tệ quà cáp, biếu xén, tiệc tùng trong các dịp lễ lạt, hội thảo, kỷ niệm năm chẵn một cách rất hình thức.

- Chủ trương xoá bao cấp qua tín dụng được nhất trí cao, nhưng có ý kiến lo ngại việc áp dụng cơ chế lãi suất tiền vay cao hơn lãi suất tiền gửi sẽ gây thêm khó khăn cho các xí nghiệp quốc doanh hiện nay đã thiếu vốn. Trong báo cáo đã đề ra các biện pháp giải quyết vốn và tài trợ bằng phương thức tài chính cho những xí nghiệp cần thiết, có lựa chọn, bảo đảm cho những đơn vị sản xuất có vị trí quan trọng có thể tiếp tục hoạt động và phát triển.

Nhiều ý kiến đề nghị nâng lãi suất tiền gửi tiết kiệm để thu hút vốn nhàn rỗi trong nhân dân, giảm sức ép của khối lượng tiền tệ lưu thông và hãm việc rút tiền mua vàng, đôla.

Bộ Chính trị cho rằng nghị quyết của Trung ương chỉ nên nêu yêu cầu có tính nguyên tắc là phải bảo tồn vốn và có một mức lãi nhất định cho người gửi tiền tiết kiệm; còn cách xử lý cụ thể thì nên để Chính phủ điều hành.

- Về cơ chế quản lý ngoại tệ, ý kiến chung đồng tình với Quyết định 337 mới ban hành của Hội đồng Bộ trưởng và cho rằng phải kiên quyết thực hiện để góp phần hạ cơ sở đôla. Mặt khác, cũng cần thấy rằng, cách giải quyết này mới là một bước, chưa triệt để; trong năm 1992, phải tạo điều kiện cho việc thực hiện cơ chế ngân hàng mua, bán toàn bộ ngoại tệ theo phương thức kinh doanh, dùng biện pháp kinh tế để tập trung quản lý ngoại tệ.

- Nhiều ý kiến tán thành đổi mới cơ cấu và phương thức cân đối ngân sách, cải tiến việc phân cấp quản lý ngân sách. Các cấp hành chính phải coi việc thu thuế đúng luật pháp là trách nhiệm hàng đầu của mình. Tiếp tục nghiên cứu cải tiến chính sách thuế, chú trọng thuế gián thu, khuyến khích sản xuất và tiết kiệm đầu tư.

Trong những năm trước mắt, chúng ta phải hết sức coi trọng tạo vốn trong nước, song phần lớn vốn đầu tư cho phát triển còn phải dựa vào nguồn bên ngoài (bao gồm cả đầu tư trực tiếp và vay nợ, viện trợ). Điều quan trọng là vốn đó phải được sử dụng tốt, có hiệu quả thiết thực, góp phần khơi dậy và nhân lên các nguồn lực trong nước, tăng dần tỷ trọng đầu tư bằng nguồn vốn bên trong kể cả của nhân dân, của các doanh nghiệp và của ngân sách Nhà nước.

Đề nghị Trung ương thông qua những nguyên tắc đó, còn việc tính toán mức vay cũng như hướng sử dụng cụ thể thì để Hội đồng Bộ trưởng xác định và sẽ đưa ra Bộ Chính trị bàn những dự án lớn, quan trọng. Các dự án đầu tư bằng nguồn vay nợ chính phủ phải do các cơ quan có trách nhiệm của Trung ương thẩm định luận chứng kinh tế - kỹ thuật. Các cơ quan chính quyền địa phương và các ngành không được phép vay nợ nước ngoài và bảo lãnh cho các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp muốn vay nợ phải tìm nguồn vay, tìm người bảo lãnh từ các tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài, do đó phải chịu sự thẩm định của người cho vay và người bảo lãnh đối với dự án đầu tư và khả năng trả nợ.

2. Về khai thác khả năng của các thành phần kinh tế

a) Đối với kinh tế quốc doanh

Tất cả các ý kiến đều khẳng định phải phát huy cho được

vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trên cơ sở sắp xếp lại các cơ sở hiện có, chỉnh đốn công tác quản lý để nâng cao hiệu quả của kinh tế quốc doanh, đồng thời phát huy sức mạnh của mọi thành phần kinh tế.

Ý kiến chung tán thành phương hướng và biện pháp củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh trong những ngành và lĩnh vực then chốt. Đối với những ngành, lĩnh vực mà các thành phần kinh tế khác có thể đầu tư kinh doanh có hiệu quả thì khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế ấy phát triển. Có ý kiến chủ trương loại bỏ hoàn toàn kinh tế quốc doanh trong một số lĩnh vực như thương nghiệp bán lẻ, vận tải ô tô, đường sông... Bộ Chính trị không tán thành chủ trương đó và cho rằng trong những lĩnh vực này có thể phát huy mạnh các thành phần kinh tế khác, song vẫn cần duy trì và củng cố kinh tế quốc doanh trong một phạm vi cần thiết do yêu cầu kinh tế và xã hội.

Phải xác định rõ những xí nghiệp cần duy trì hình thức quốc doanh, tiến hành sắp xếp và đăng ký lại các xí nghiệp đó và có biện pháp củng cố, phát triển, nâng cao hiệu quả. Sớm xử lý dứt điểm các xí nghiệp không cần giữ hình thức quốc doanh trước hết là những xí nghiệp thuộc loại này đang bị thua lỗ kéo dài.

Hầu hết các đồng chí đều nhất trí với chủ trương phát triển hình thức công ty cổ phần, lập hội đồng quản trị. Việc cổ phần hoá một số xí nghiệp quốc doanh là cần thiết và có lợi, nhất là khi Nhà nước đang rất thiếu vốn.

Chủ trương cổ phần hoá có thể áp dụng đối với các xí nghiệp quốc doanh có điều kiện thu hút vốn, kể cả những xí nghiệp mới và những xí nghiệp hiện có, với tỷ lệ cổ phần của

Nhà nước được xác định tùy theo sự cần thiết đối với từng ngành kinh tế kỹ thuật, từng xí nghiệp. Chủ trương này phải được tiến hành từng bước vững chắc; trong năm 1992 làm thí điểm ở một số xí nghiệp được chỉ định và phải tổng kết chặt chẽ trước khi mở rộng.

- Để thực hiện được quyền đại diện chủ sở hữu toàn dân đối với phần tài sản và vốn Nhà nước giao cho các đơn vị kinh tế quốc doanh, điều quan trọng là phải tiếp tục bổ sung và đổi mới các quy định pháp luật để xác định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của giám đốc và của tập thể lao động trong việc sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn được Nhà nước giao, đồng thời phát huy vai trò của cơ sở đảng, tăng cường sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan nhà nước đối với việc thực hiện các quy định pháp luật, đặc biệt là về kế toán - thống kê, về quy chế tài chính xí nghiệp và nộp ngân sách của các xí nghiệp quốc doanh.

Về việc tổ chức Hội đồng quản trị đối với xí nghiệp quốc doanh 100% vốn Nhà nước, nhiều ý kiến còn phân vân; Hội đồng Bộ trưởng cần tổ chức chặt chẽ việc làm thí điểm để sớm rút ra kết luận.

b) *Đối với kinh tế nông thôn*

- *Về hợp tác xã nông nghiệp:*

Ý kiến chung đồng tình với phương hướng tiếp tục đổi mới một cách căn bản các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất hiện có cả về hình thức tổ chức, nội dung kinh doanh và cơ chế quản lý, trên cơ sở phát huy vai trò đơn vị kinh tế tự chủ của hộ xã viên, đồng thời bảo hộ, hướng dẫn và khuyến khích phát triển các hình thức kinh tế hợp tác đa dạng mới ra đời ở nông thôn.

Bộ Chính trị thấy cần giao cho Ban Kinh tế Trung ương dựa trên kết quả sơ kết "Khoán 10" để hoàn chỉnh thành chỉ thị của Ban Bí thư hướng dẫn việc chấn chỉnh, đổi mới hợp tác xã đồng thời tích cực nghiên cứu, xây dựng luật về hợp tác xã.

- Về vấn đề ruộng đất, các đồng chí đều nhấn mạnh đây là vấn đề nổi cộm trong nông thôn đòi hỏi phải khẩn trương giải quyết một cách căn bản và đồng bộ. Nhiều đồng chí tán thành các chủ trương đã nêu trong báo cáo nhằm cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội VII xác định đất đai thuộc sở hữu toàn dân, được Nhà nước giao cho nông dân quyền sử dụng lâu dài.

Luật pháp phải quy định rõ các quyền và nghĩa vụ cụ thể của người sử dụng đất, đặc biệt là việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất phải có điều kiện nhất định (như chuyển sang làm nghề khác, chuyển chỗ ở đi nơi khác, hoặc không còn sức lao động...) và phải chuyển cho người làm ruộng, ngăn ngừa tình trạng người sống bằng nghề nông không còn ruộng đất canh tác.

Tích tụ ruộng đất là quá trình gắn liền việc phát triển nông nghiệp hàng hoá với việc phân công và phân bố lại lao động, thực hiện công nghiệp hoá. Trên thực tế, việc này đang diễn ra, tuy chưa nhiều và ở từng vùng có khác nhau. Vì vậy, luật pháp cần quy định giới hạn tối đa về mức diện tích tập trung vào một hộ tùy theo vùng và loại đất.

Xung quanh việc giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân, còn nhiều vấn đề phức tạp phải nghiên cứu, song không thể kéo dài làm cho nông dân không an tâm. Hội đồng Bộ trưởng cần xúc tiến khẩn trương để hoàn thành trong năm 1992 việc bổ sung, sửa đổi Luật đất đai trình

Quốc hội thông qua và ban hành các văn bản dưới luật nhằm thể chế hoá nghị quyết của Đại hội và của Trung ương về chính sách ruộng đất.

3. Về kinh tế đối ngoại

Ý kiến chung tán thành phương hướng, chính sách tranh thủ các khả năng và cơ hội mới để phát triển có hiệu quả kinh tế đối ngoại trên nguyên tắc giữ vững độc lập, tự chủ, bình đẳng, cùng có lợi.

Về mấy vấn đề còn ý kiến khác nhau, Bộ Chính trị thấy như sau:

- Chức năng quản lý hành chính nhà nước đối với hoạt động xuất, nhập khẩu, đặc biệt là việc cấp quota và giấy phép đối với tất cả các mặt hàng xuất, nhập khẩu cần được tập trung vào một đầu mối là Bộ Thương mại và Du lịch. Bộ Thương mại và Du lịch phải đổi mới phương thức quản lý, sắp xếp lại các tổ chức xuất, nhập khẩu, chấn chỉnh việc cấp quota và giấy phép để nâng cao hiệu lực pháp chế nhưng không gây cản trở, phiền hà cho các hoạt động xuất, nhập khẩu.

- Đối với hàng xuất khẩu, không nên đặt vấn đề chỉ cấp quota cho những đơn vị, địa phương có sản xuất mặt hàng đó, vì như vậy không phù hợp với cơ chế thị trường. Đây là vấn đề cụ thể, nên để cho Hội đồng Bộ trưởng quyết định, trên nguyên tắc ngăn ngừa được việc chuyển bán quota để kiếm lời.

- Đối với hàng nhập khẩu, nghị quyết của Trung ương chỉ nên đề ra hướng chung là điều tiết bằng chính sách thuế là chính, đi đôi với biện pháp quản lý bằng hạn ngạch đối với một số mặt hàng cần hạn chế nhập khẩu. Việc quy định hoặc

bãi bỏ mặt hàng cấm nhập trong từng thời kỳ do Hội đồng Bộ trưởng cân nhắc và quyết định.

4. Về việc làm và tiền lương

Ý kiến còn khác nhau chủ yếu là ở mức độ tiến hành cải cách tiền lương.

Chúng ta cần thấy hết tính chất cấp bách và trách nhiệm lớn của Đảng và Nhà nước trong việc cải cách tiền lương. Mặc dù lạm phát còn cao, ngân sách còn eo hẹp, không thể thụ động ngồi chờ điều kiện mà phải tìm mọi biện pháp xúc tiến việc cải cách tiền lương, với mức cố gắng cao nhất, đi đôi với tinh giản biên chế. Mức giải quyết cho năm 1992 nêu trong báo cáo là mức tối thiểu và phải chuẩn bị điều kiện để có thể hoàn thành căn bản việc cải cách tiền lương trong năm 1993, không nên kéo dài hơn.

5. Về chống tham nhũng, buôn lậu, thiết lập trật tự, kỷ cương theo pháp luật

- Một số đồng chí nhấn mạnh tham nhũng, buôn lậu trước hết là do cơ chế, chính sách không phù hợp, có sơ hở, do đời sống quá khó khăn. Phải thấy rằng đây là điều kiện cho sự nảy sinh các tệ nạn đó, còn nguyên nhân trực tiếp của tệ tham nhũng, buôn lậu là ở sự tha hoá, biến chất của người phạm tội. Do đó, trong khi chú ý khắc phục những điều kiện gây ra tham nhũng, buôn lậu, cần phải đặt mạnh việc giáo dục, rèn luyện của cán bộ, đảng viên, làm trong sạch các tổ chức cơ sở đảng. Vấn đề xây dựng đảng, đặc biệt là đảng bộ cơ sở có tầm quan trọng quyết định trong việc chống tham nhũng, buôn lậu, lập lại trật tự, kỷ cương, khôi phục lòng tin của quần chúng. Bộ Chính trị tán thành ý kiến của một số

đồng chí cần tích cực chuẩn bị một hội nghị trung ương bàn sâu về xây dựng đảng.

- Trong lĩnh vực đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, các cơ quan thông tin đại chúng có vai trò và tác dụng quan trọng, song phải tránh đưa tin tùy tiện, không đúng sự thật, dễ gây kích động, bị địch lợi dụng. Đề nghị giao cho Ban Tư tưởng - Văn hoá cùng các cơ quan có liên quan tổng kết việc báo chí tham gia đấu tranh chống tham nhũng để có biện pháp phát huy mặt tích cực và uốn nắn những sai trái, những điều bất lợi. Các đảng viên làm công tác báo chí phải tự giác chấp hành chủ trương này.

- Dựa trên ý kiến tham gia của Trung ương, Bộ Chính trị sẽ chuẩn bị thảo luận kỹ hơn về chống tham nhũng để ra chỉ thị cho các ngành, các cấp phối hợp thực hiện đồng bộ. Tuy nhiên, ngay sau Hội nghị này, những việc có thể làm ngay thì các ngành và các địa phương cần xúc tiến khẩn trương, không chờ đợi.

*

* *

Tình hình và nhiệm vụ mới đang đòi hỏi phải nêu cao vai trò và trách nhiệm của mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương ở các địa phương, các ngành. Đó là trách nhiệm thiết lập và thực hiện triệt để kỷ luật, kỷ cương, là hoàn thành có hiệu quả các nhiệm vụ kinh tế - xã hội với ý chí và quyết tâm cao nhất. Sự nhất trí cao của Trung ương đối với các vấn đề cấp bách về kinh tế, xã hội tại Hội nghị này cùng với sự nỗ lực cao trong tổ chức thực hiện là yếu tố rất quyết định, bảo đảm

giành những tiến bộ rõ rệt ngay trong năm 1992 và các năm tới, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII.

Đề nghị các đồng chí tham gia ý kiến vào bản tổng kết này và uỷ nhiệm cho Bộ Chính trị dựa trên các ý kiến kết luận để tu chỉnh bản báo cáo đã trình Trung ương về nhiệm vụ và giải pháp ổn định, phát triển kinh tế - xã hội những năm 1992-1995 thành Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BÁO CÁO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

**Xin ý kiến Trung ương về chủ trương kinh tế -
xã hội những năm 1992-1995**

Ngày 4 tháng 12 năm 1991

I- KẾT QUẢ XIN Ý KIẾN BẰNG PHIẾU

Tổng số có 137 đồng chí Ủy viên Trung ương cho ý kiến vào phiếu. Kết quả như sau:

1. Về chủ trương chuyển một số xí nghiệp quốc doanh thành công ty cổ phần:

- Tán thành áp dụng đối với cả xí nghiệp cũ và mới, kể cả xí nghiệp đang có lãi, nhưng phải làm thí điểm và tiến hành từng bước vững chắc.

Trong đó:

+ Quốc doanh phải chiếm tỷ lệ cổ phần chi phối, có 115 đồng chí đồng ý, chiếm 84%.

+ Không cần quy định tỷ lệ cổ phần, có 13 đồng chí đồng ý, chiếm 9%.

- Chỉ tán thành áp dụng đối với xí nghiệp mới xây dựng.

Trong đó:

+ Quốc doanh chiếm tỷ lệ cổ phần chi phối, có 4 đồng chí đồng ý.

+ Không cần quy định tỷ lệ cổ phần, có 2 đồng chí đồng ý.

- Không có đồng chí nào không tán thành.

- 1 phiếu không hợp lệ.

Như vậy, Trung ương tán thành chuyển một số xí nghiệp quốc doanh thành công ty cổ phần đối với cả xí nghiệp cũ và mới, kể cả xí nghiệp có lãi nhưng phải làm thí điểm và tiến hành từng bước vững chắc, trong đó quốc doanh chiếm cổ phần chi phối.

2. Áp dụng thí điểm hình thức hội đồng quản trị đối với xí nghiệp quốc doanh 100% vốn nhà nước

- Tán thành: có 98 đồng chí, chiếm 71,5%.

- Không tán thành: có 37 đồng chí, chiếm 27%.

- 2 phiếu không hợp lệ.

Như vậy, Trung ương đồng ý thí điểm hình thức hội đồng quản trị đối với xí nghiệp quốc doanh 100% vốn nhà nước.

3. Hướng xử lý đối với các hợp tác xã nông nghiệp hiện có

- 127 đồng chí, chiếm 92% đồng ý tiếp tục đổi mới các hợp tác xã hiện có theo hướng vừa bảo đảm quyền tự chủ của hộ xã viên, vừa tăng cường vai trò của các ban quản trị... như Đại hội VII đã quyết định.

- 7 đồng chí đồng ý giải thể các hợp tác xã hiện có đang lúng túng không làm được chức năng, nhiệm vụ của đơn vị kinh tế tập thể.

Như vậy, Trung ương tán thành tiếp tục đổi mới các hợp tác xã như Đại hội VII đã quyết định.

4. Về chuyển quyền sử dụng ruộng đất

- Cho chuyển có điều kiện (như tổng kết của Bộ Chính trị), có 133 đồng chí đồng ý, chiếm 97%.

- Cho chuyển không cần điều kiện, có 1 đồng chí.

- Không cho chuyển, có 3 đồng chí.

Như vậy, Trung ương tán thành cho chuyển quyền sử dụng ruộng đất có điều kiện.

5. Lãi suất tín dụng

Lãi suất cho vay cao hơn lãi suất tiền gửi và lãi suất tiết kiệm bảo đảm giá trị tiền gửi và có lãi (với các bước đi cụ thể do Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo).

- Có 135 đồng chí tán thành, chiếm 98,8%.

- Có 2 đồng chí không tán thành.

Như vậy, Trung ương tán thành chủ trương lãi suất cho vay cao hơn lãi suất tiền gửi; lãi suất tiết kiệm bảo đảm giá trị tiền gửi và có lãi (với các bước đi cụ thể do Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo).

6. Về ngân sách, phải phấn đấu tăng thu để bảo đảm chi, khi cần thiết mới vay dân và vay dân chủ yếu để đầu tư phát triển

- Có 135 đồng chí tán thành, chiếm 98,5%.

- Không tán thành chỉ có 2 đồng chí.

Như vậy Trung ương tán thành chủ trương tăng thu để bảo đảm chi, khi cần thiết mới vay dân và vay dân chủ yếu để đầu tư phát triển.

7. Trong một số năm trước mắt, vốn đầu tư cho phát triển một phần phải dựa vào tích lũy trong nước, một phần quan trọng có thể tìm vốn bên ngoài

- 100% đồng chí tán thành.

Như vậy, Trung ương tán thành trong một số năm trước mắt, vốn đầu tư cho phát triển một phần phải dựa vào tích lũy trong nước, một phần quan trọng có thể tìm vốn bên ngoài.

II- Ý KIẾN CỦA TRUNG ƯƠNG VỀ BẢN TỔNG KẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ ĐỐI VỚI CUỘC THẢO LUẬN
BÁO CÁO KINH TẾ - XÃ HỘI

Hầu hết ý kiến đều nhất trí với bản tổng kết. Nhiều ý kiến nhận xét bản tổng kết được chuẩn bị công phu, nội dung sâu sắc, cách đặt vấn đề phù hợp.

Có một số ý kiến đề nghị bổ sung, nhấn mạnh hoặc cân nhắc thêm một số vấn đề, hoặc chi tiết cụ thể.

Bộ Chính trị đề nghị Ban Chấp hành Trung ương giao cho Bộ Chính trị căn cứ vào các ý kiến trên đây của Trung ương để chỉnh lý bản báo cáo về nhiệm vụ và giải pháp ổn định, phát triển kinh tế - xã hội những năm 1992-1995 thành nghị quyết chính thức của Hội nghị Trung ương.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHOÁ VII)

Số 15-QĐ/TW, ngày 4 tháng 12 năm 1991

Căn cứ vào Điều lệ Đảng do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng thông qua ngày 27-6-1991, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) quyết định quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương như sau:

Chương I

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG, BỘ CHÍNH TRỊ,
BAN BÍ THƯ

Điều 1:

Ban Chấp hành Trung ương:

- Quyết định các chủ trương, chính sách để cụ thể hoá đường lối và tổ chức chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của Đại hội và Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng.

- Quyết định những vấn đề quan trọng về đường lối trong

từng lĩnh vực do tình hình mới đặt ra và báo cáo với Đại hội hoặc Hội nghị đại biểu toàn quốc.

- Quyết định nhân sự ứng cử các chức danh Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Quốc hội và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

- Cho ý kiến về báo cáo định kỳ trình Ban Chấp hành Trung ương của Bộ Chính trị, Ủy ban kiểm tra Trung ương.

- Chuẩn bị Đại hội và Hội nghị đại biểu toàn quốc.

Điều 2:

Bộ Chính trị:

- Quyết định các chủ trương, chính sách và biện pháp quan trọng để cụ thể hoá và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội, Hội nghị đại biểu toàn quốc, Ban Chấp hành Trung ương.

- Quyết định các chủ trương, chính sách lớn về tổ chức và cán bộ.

- Quyết định bố trí, đề bạt, thi hành kỷ luật đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý.

- Chuẩn bị Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương.

Điều 3:

Ban Bí thư:

- Chỉ đạo tổ chức đảng các cấp thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội, Hội nghị đại biểu toàn quốc, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị; sơ kết, tổng kết và rút kinh nghiệm.

- Thường xuyên chỉ đạo công tác xây dựng đảng, công tác vận động nhân dân; định kỳ nghe báo cáo và chỉ đạo các cấp uỷ đảng trực thuộc, các ban đảng, đảng đoàn.

- Xây dựng và điều hành bộ máy của Ban Chấp hành Trung ương để bảo đảm hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Quyết định bố trí, đề bạt, thi hành kỷ luật đối với cán bộ thuộc diện Ban Bí thư quản lý.

- Chỉ đạo chuẩn bị các đề án đưa ra Bộ Chính trị thảo luận và quyết định.

- Báo cáo tình hình chung vào công việc của Trung ương cho cấp dưới theo quy định của Điều lệ Đảng; chỉ đạo việc thông tin tình hình trong và ngoài nước cho Ủy viên Trung ương và các cấp uỷ đảng.

Chương II

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN
CỦA ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Điều 4:

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, ngoài trách nhiệm ở các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, có trách nhiệm:

- Tham gia các tiểu ban, các Hội đồng tư vấn của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; có trách nhiệm xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức trong địa phương và ngành mình phụ trách.

- Đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương cụ thể hoá đường lối của Đảng, trước hết là trong các lĩnh vực công tác được phân công, quán triệt các quyết định của Trung ương trong đơn vị mình.

- Các Ủy viên Trung ương công tác trong các cơ quan nhà

nước có trách nhiệm lãnh đạo cơ quan nhà nước thể chế hoá và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng; khi giải quyết công việc, không lấy danh nghĩa thay mặt Trung ương, trừ trường hợp được Trung ương uỷ nhiệm.

- gương mẫu trong việc chấp hành nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện nhiệm vụ của đảng viên, của công dân, của người cán bộ trong cơ quan.

Báo cáo với Bộ Chính trị, Ban Bí thư về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và xin ý kiến về những chủ trương, chính sách lớn. Chủ động báo cáo và đề xuất những vấn đề mình quan tâm với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương. Có quyền được thông tin, chất vấn hoạt động của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cá nhân Uỷ viên Trung ương khác và phải được trả lời.

Điều 5:

Đồng chí Tổng Bí thư chủ trì công việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư; đề xuất những vấn đề lớn để Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn và quyết định; chỉ đạo việc tổ chức thực hiện những quyết định của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Điều 6:

Uỷ viên Bộ Chính trị chịu trách nhiệm trước Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư về tổ chức chỉ đạo thực hiện các quyết định của Ban Chấp hành Trung ương và của Bộ Chính trị, Ban Bí thư ở lĩnh vực công tác được phân công; thường xuyên đề xuất với Bộ Chính trị và Trung ương những vấn đề về chủ trương, chính sách và giải pháp trong lĩnh vực được phân công và các lĩnh vực khác.

Điều 7:

Mỗi đồng chí Bí thư Trung ương Đảng chịu trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong lĩnh vực mình phụ trách và là người thường trực giải quyết công việc hàng ngày của Đảng trên lĩnh vực đó; đối với các vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc thấy cần thiết thì xin ý kiến đồng chí Tổng Bí thư, hoặc đưa ra tập thể Ban Bí thư giải quyết.

Đồng chí Bí thư Thường trực giải quyết công việc hàng ngày của Ban Bí thư, thường xuyên trao đổi với các đồng chí Bí thư và báo cáo tình hình giải quyết công việc với đồng chí Tổng Bí thư.

Điều 8:

Khi đồng chí Tổng Bí thư vắng mặt thì Bộ Chính trị cử một Uỷ viên Bộ Chính trị chủ trì công việc của Bộ Chính trị; đồng chí Bí thư thường trực thay mặt đồng chí Tổng Bí thư chủ trì công việc của Ban Bí thư.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ PHƯƠNG PHÁP CÔNG TÁC

Điều 9:

Ban Chấp hành Trung ương có chương trình làm việc hằng năm và toàn khoá (từng thời kỳ có bổ sung, điều chỉnh). Bộ Chính trị, Ban Bí thư có chương trình làm việc 6 tháng, hằng tháng, hằng tuần.

Điều 10:

Bộ Chính trị, Ban Bí thư mỗi năm một lần kiểm điểm hoạt động của mình trong việc lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và gửi báo cáo tới các Ủy viên Trung ương.

Điều 11:

Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư phải được ít nhất 2/3 tổng số ủy viên, các cơ quan nói trên dự hội nghị hoặc cho ý kiến bằng văn bản và quá 1/2 tổng số ủy viên tán thành mới có giá trị.

Khi cần thiết, Bộ Chính trị triệu tập hội nghị Ban Chấp hành Trung ương mở rộng.

Điều 12:

Đề án trình ra Hội nghị Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư phải được chuẩn bị theo một quy trình do Ban Bí thư quy định, gửi trước hội nghị Trung ương 10 ngày, trước hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư ít nhất 3 ngày.

Điều 13:

Điều hành hội nghị Ban Chấp hành Trung ương là tập thể Bộ Chính trị; tùy theo tính chất và nội dung từng hội nghị Trung ương, Bộ Chính trị sẽ cử một số đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị điều hành hội nghị và thông báo sự phân công đó trước hội nghị. Chương trình làm việc của hội nghị do hội nghị Ban Chấp hành Trung ương thông qua. Những ý kiến khác nhau trong thảo luận ở hội nghị phải được biểu quyết. Các cuộc họp Bộ Chính trị do đồng chí Tổng Bí thư chủ trì.

Các cuộc họp Ban Bí thư do đồng chí Tổng Bí thư hoặc đồng chí Bí thư thường trực chủ trì.

Điều 14:

Các Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương, Ủy viên Trung ương phải có chương trình làm việc với cấp dưới và cơ sở, tiếp xúc với nhân dân. Việc đi cơ sở phải tổ chức gọn nhẹ, thiết thực, tránh phô trương hình thức, lãng phí.

Điều 15:

Các ban của Trung ương là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư, có nhiệm vụ giúp Trung ương chuẩn bị hoặc phối hợp chuẩn bị các quyết định; thẩm tra các đề án trình Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; kiểm tra việc thực hiện các quyết định của Đảng; quản lý cán bộ theo quy định của Bộ Chính trị và giải quyết một số việc cụ thể được Bộ Chính trị, Ban bí thư giao; phối hợp với các cơ quan nhà nước để giải quyết những vấn đề có liên quan trong khối.

Ban Bí thư nghe báo cáo và cho ý kiến về công tác của các ban Đảng, ít nhất mỗi ban một năm một lần.

Điều 16:

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thực hiện sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và các đoàn thể nhân dân thông qua các tổ chức đảng, đảng viên công tác trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể nhân dân, đồng thời có các phương thức lãnh đạo khác tùy từng vấn đề cụ thể.

Điều 17:

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

cần cải tiến cách làm việc, giảm bớt hội họp, giấy tờ không cần thiết, nâng cao hiệu quả công việc.

Điều 18:

Các đồng chí Ủy viên Trung ương có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế làm việc này.

Ban Bí thư chỉ đạo các cơ quan chức năng theo dõi việc thực hiện quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương; hằng năm rút kinh nghiệm, báo cáo trước Ban Chấp hành Trung ương.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA CÁC ĐỒNG CHÍ CỐ VẤN BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VII)**

Số 16-QĐ/TW, ngày 4 tháng 12 năm 1991

1. Các đồng chí Cố vấn có nhiệm vụ tham gia ý kiến với Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị các vấn đề chiến lược về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, công tác xây dựng đảng và công tác vận động nhân dân.

Trong trường hợp cần thiết, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị uỷ nhiệm các đồng chí Cố vấn giải quyết một số vấn đề cụ thể.

2. Các đồng chí Cố vấn chủ động đề xuất ý kiến về những vấn đề mà các đồng chí quan tâm.

3. Các đồng chí Cố vấn được mời dự Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương và Hội nghị Bộ Chính trị bàn các vấn đề tùy theo nội dung và tính chất hội nghị.

4. Các đồng chí Cố vấn được yêu cầu các cấp uỷ đảng, các ban ngành trực tiếp báo cáo và cung cấp thông tin; Văn phòng Trung ương Đảng thường xuyên cung cấp tài liệu cho các đồng chí Cố vấn như đối với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị.

5. Các đồng chí Cố vấn làm việc chủ yếu dựa vào Văn phòng Trung ương và các ban của Trung ương Đảng, không tổ chức bộ máy riêng.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ VII

Số 02-NQ/HNTW, ngày 4 tháng 12 năm 1991

Về nhiệm vụ và giải pháp ổn định, phát triển
kinh tế - xã hội trong những năm 1992-1995

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Bước vào năm 1991, đứng trước những khó khăn, thử thách hết sức gay gắt, chúng ta đã xác định tư tưởng chỉ đạo là phấn đấu giữ cho nền kinh tế không bị đảo lộn lớn, dần dần ổn định và tạo thế đi lên.

Tình hình thực tế diễn ra phức tạp hơn dự kiến: thời tiết không thuận, gây thiệt hại nặng cho vụ đông xuân ở miền Bắc (mất trên 1 triệu tấn lương thực); lũ lụt lớn ở hai tỉnh Tây Bắc, ở đồng bằng sông Cửu Long và một số tỉnh miền Trung; sự tan rã quá nhanh của Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô làm cho các hiệp định kinh tế bị mất hiệu lực, gây nhiều khó khăn cho hoạt động xuất - nhập khẩu của ta.

Vượt qua những khó khăn lớn trên đây, trong năm 1991, công cuộc đổi mới tiếp tục được triển khai, tình hình kinh tế nước ta vẫn được giữ vững và có một số mặt phát triển.

Sản xuất nông nghiệp và lương thực vẫn giữ được ổn định. Sản lượng công nghiệp tăng khá hơn năm trước. Thương nghiệp, dịch vụ tiếp tục được mở rộng. Kinh tế đối ngoại có bước tiến bộ mới về chuyển hướng thị trường, cân đối xuất - nhập khẩu, thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Các lĩnh vực văn hoá, xã hội đều có những cố gắng thích ứng với cơ chế mới.

Khả năng của các thành phần kinh tế được phát huy thêm một bước.

Qua Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng và đại hội vòng 2 của đảng bộ các cấp, sự nhất trí trong Đảng và trong nhân dân được tăng cường. Đứng trước những biến động phức tạp theo chiều hướng xấu ở Liên Xô và diễn biến của tình hình Campuchia, công tác tư tưởng được tiến hành kịp thời. Sự ổn định chính trị được củng cố một bước.

Trong bối cảnh đầy thử thách của năm 1991, việc giữ vững ổn định về chính trị và bảo đảm cho nền kinh tế không bị đảo lộn lớn có ý nghĩa rất quan trọng. Đó là kết quả của đường lối đổi mới từ Đại hội VI, được tiếp tục triển khai trong năm 1991 theo hướng phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Cơ chế mới mở đường cho sự xuất hiện nhiều đơn vị kinh tế chủ động vượt qua khó khăn, kinh doanh có hiệu quả. Sự chỉ đạo, điều hành của các ngành, các cấp có tiến bộ, rõ nét nhất là trong việc dự báo tình hình, xử lý các

cân đối lớn, điều hoà lương thực, chuyển hướng thị trường ngoại thương, kiềm chế phát hành tiền.

Tuy nhiên, nhìn tổng quát, tình hình kinh tế và xã hội tiếp tục diễn biến phức tạp. Lạm phát còn ở mức cao. Sản xuất công nghiệp chưa ổn định, hiệu quả thấp. Tích lũy của nền kinh tế còn rất nhỏ bé. Mức tăng dân số còn cao, số người thiếu việc làm tăng thêm, đời sống một bộ phận dân cư rất khó khăn. Tình trạng vi phạm pháp luật, mất trật tự an ninh xã hội diễn ra nghiêm trọng; tệ tham nhũng, sách nhiễu, nạn buôn lậu và làm hàng giả, thu nhập phi pháp, bất công cùng với sự lan tràn văn hoá đồi trụy và các tệ nạn xã hội đang gây nhiều băn khoăn lo ngại trong nhân dân.

Tình hình trên có những nguyên nhân sâu xa và những yếu tố khách quan chưa thể khắc phục trong một thời gian ngắn. Song về mặt chủ quan, những khuyết điểm nổi lên là:

Chính sách quản lý vĩ mô có những thiếu sót và sơ hở như: duy trì quá lâu bao cấp vốn, tín dụng..., cơ chế quản lý ngoại hối kém hiệu lực, không ngăn chặn được tình trạng buôn lậu, đầu cơ và sử dụng lãng phí ngoại tệ, không kịp thời đối phó với cơn sốt giá vàng, đôla; có nhiều sơ hở trong quản lý ngoại thương và kinh tế đối ngoại; chậm cụ thể hoá chính sách ruộng đất và chưa giải quyết dứt khoát tình trạng tranh chấp ruộng đất; chậm sắp xếp lại khu vực kinh tế quốc doanh và đổi mới kinh tế tập thể...

Kỷ luật Đảng và phép nước không nghiêm.

Tổ chức bộ máy và cán bộ chuyển quá chậm; không ít cơ quan và cán bộ ở các ngành, các cấp kém cả năng lực và phẩm chất.

2. Bước vào năm 1992, nền kinh tế còn nhiều nhân tố

không ổn định, mất cân đối, có mặt gay gắt hơn trước nhất là về tài chính - tiền tệ và không còn nguồn bổ sung vật tư, tài chính như năm trước. Sức mua của thị trường trong nước còn hạn chế, chỗ đứng trên thị trường ngoài nước chưa vững chắc. Việc làm, tiền lương và nhiều vấn đề xã hội khác đang là những vấn đề cấp bách đòi hỏi phải giải quyết. Tình trạng mất trật tự, kỷ cương đang cản trở những nỗ lực đổi mới.

Trước sự tan vỡ của Liên Xô, chúng ta phải điều chỉnh quan hệ kinh tế đối ngoại, chuyển sang quan hệ trực tiếp với các nước cộng hoà trong Liên bang Xôviết trước đây cũng như với các nước khác. Song bước chuyển đó đang còn gặp nhiều trở ngại.

Cục diện mới ở Campuchia đặt nước ta trước những vấn đề phức tạp mới trong quan hệ với Campuchia và trong việc bảo vệ an ninh, quốc phòng.

Các thế lực phản động ra sức lợi dụng tình hình trên, khoét sâu các khó khăn và sơ hở của ta để xúc tiến âm mưu và thủ đoạn chống phá đối với nước ta. Chính quyền Mỹ vẫn đang duy trì chính sách cấm vận, ngăn cản các nước và các tổ chức quốc tế tăng cường quan hệ kinh tế với Việt Nam.

Tuy nhiên, chúng ta cũng đang có những khả năng và cơ hội mới. Cục diện chính trị, kinh tế nước ta trong bối cảnh đầy thử thách của năm 1991 đã giữ được ổn định và có bước phát triển, cùng với việc giải quyết hoà bình vấn đề Campuchia, bình thường hoá quan hệ Việt - Trung, nối lại và phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á đang mở ra thế mới cả ở trong nước và trong quan hệ với bên ngoài.

Nghị quyết Đại hội VII cùng với những điển hình tốt trong sản xuất kinh doanh và những kinh nghiệm trong lãnh

đạo, điều hành là những nhân tố thúc đẩy tiến trình đổi mới. Nền kinh tế có thêm nguồn lực vật chất, đặc biệt là điện, dầu khí, lương thực, năng lực xuất khẩu.

Nhiều nước, trước hết là các nước trong khu vực quan tâm và tỏ rõ thiện chí đối với Việt Nam. Một số nước nối lại viện trợ và tăng cường buôn bán, hợp tác với nước ta, vượt qua chính sách cấm vận của Mỹ. Xu thế này đang phát triển, tạo cơ hội mới cho nước ta mở rộng quan hệ đối ngoại.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG ỔN ĐỊNH, PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

I- NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Năm 1992 và mấy năm trước mắt là thời điểm có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của công cuộc đổi mới, tạo thế và lực cho sự phát triển.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, chúng ta phải *tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới* nhằm phát huy cao độ các tiềm năng về lao động và trí tuệ, ruộng đất và tài nguyên, vốn và tài sản trong mỗi gia đình, mỗi tập thể và trong toàn xã hội, động viên *mọi người ra sức cần kiệm với ý chí tự lực tự cường rất cao để xây dựng đất nước, đồng thời tích cực mở rộng kinh tế đối ngoại*, thu hút vốn và công nghệ từ bên ngoài, tạo chỗ đứng trên thị trường quốc tế, không chủ quan mất cảnh giác hoặc bị quan dao động, không ỷ lại trông chờ nhưng cũng không co mình lại.

Theo tư tưởng chỉ đạo nêu trên, những nhiệm vụ chủ yếu được đặt ra cho các năm 1992-1995 là:

1. Kiên quyết đẩy lùi và khống chế lạm phát, ổn định và tăng cường nền tài chính - tiền tệ, tạo môi trường cho sản xuất hàng hoá phát triển có hiệu quả.

2. Ổn định và phát triển sản xuất, nâng dần nhịp độ tăng trưởng và hiệu quả kinh tế - xã hội. Ưu tiên phát triển những ngành, những địa bàn và những cơ sở sớm đưa lại hiệu quả và tạo ra nhiều việc làm. Đẩy mạnh xuất khẩu và hợp tác kinh tế với nước ngoài.

3. Ổn định và cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân đi đôi với đẩy mạnh tiết kiệm và tích lũy cho đầu tư phát triển trong cả khu vực nhà nước và các tầng lớp nhân dân.

Giảm tỷ lệ sinh đẻ, giảm tình trạng suy dinh dưỡng; thu hẹp diện thiếu đói kinh niên và giáp hạt còn tồn tại ở một số vùng, đặc biệt chú trọng cải thiện đời sống của đồng bào miền núi. Tiến hành cải cách chế độ tiền lương và chính sách nhà ở, cải thiện điều kiện phòng và chữa bệnh, học tập, di lại và hưởng thụ văn hoá, nghệ thuật của nhân dân; kiên quyết chống văn hoá độc hại, đồi trụy.

4. Sử dụng tốt lực lượng hiện có và nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của đất nước; phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, thực hiện việc phổ cập giáo dục tiểu học, mở rộng dạy nghề và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế.

5. Tiếp tục đổi mới và đồng bộ hoá cơ chế quản lý kinh tế, trọng tâm là cơ chế quản lý vĩ mô của nhà nước và cơ chế quản lý các đơn vị kinh tế quốc doanh. Cải cách bộ máy nhà

nước cả về tổ chức, phương thức hoạt động và cán bộ. Thiết lập cho được kỷ luật, trật tự theo cơ chế mới, kiên quyết chống tham nhũng, buôn lậu.

6. Tăng cường sự ổn định chính trị, giữ vững an ninh, củng cố quốc phòng, đề cao cảnh giác và chủ động đối phó với mọi tình huống.

Tăng cường khả năng phòng thủ đất nước, triển khai có trọng điểm các khu vực phòng thủ, trước hết là biên giới, hải đảo. Nâng cao chất lượng quân thường trực được bố trí ở mức hợp lý, củng cố lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ. Tăng thêm năng lực công nghiệp quốc phòng và phát triển công nghiệp đáp ứng yêu cầu quốc phòng. Kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, đặc biệt là trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở các địa bàn xung yếu, tận dụng năng lực của quân đội và công nghiệp quốc phòng tham gia vào các chương trình phát triển kinh tế.

Xây dựng lực lượng an ninh trong sạch, vững mạnh, tinh thông nghiệp vụ, được tăng cường điều kiện hoạt động; tăng cường các tổ chức bảo vệ pháp luật đi đôi với đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, giảm các loại tội phạm hình sự.

7. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chỉnh đốn đảng, xây dựng các đảng bộ cơ sở trong sạch, vững mạnh, gắn bó với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm. Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân, hướng về cơ sở, sát với đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân, khắc phục tình trạng nhà nước hoá, hành chính hoá. Tăng cường công tác xây dựng đảng và công tác vận động nhân dân là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp bộ đảng từ trung ương đến cơ sở.

Trong việc thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, năm 1992 phải tập trung giải quyết cho được mấy vấn đề dưới đây:

Một là, đẩy lùi lạm phát xuống khoảng 30-40% cả năm, hạ cơ sở giá vàng, đôla và ngăn ngừa đột biến giá cả.

Hai là, sắp xếp lại, củng cố, tăng cường khu vực kinh tế quốc doanh, tiếp tục đổi mới kinh tế tập thể, loại bỏ những trở ngại đang kìm hãm các thành phần kinh tế khác, tạo ra sức bật mới từ các nguồn lực trong nước để ổn định và phát triển sản xuất.

Ba là, đẩy mạnh xuất khẩu, mở rộng thị trường, phát triển các hoạt động kinh tế đối ngoại.

Bốn là, triển khai việc chuẩn bị xây dựng một số công trình then chốt và thực hiện bước đầu chương trình phủ xanh, sử dụng đất trồng, đồi trọc.

Năm là, giải quyết một số vấn đề cấp bách về đời sống và xã hội; đặc biệt chú trọng giải quyết việc làm, thực hiện một bước việc cải cách chế độ tiền lương; sắp xếp lại và đầu tư có trọng điểm để củng cố và nâng chất lượng trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, khoa học, văn hoá, xã hội.

Sáu là, tăng cường pháp chế, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống các hiện tượng vi phạm và coi thường pháp luật, đặc biệt là chống tham nhũng, buôn lậu, tạo chuyển biến rõ rệt về trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế và đời sống xã hội.

II- PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Theo phương hướng phát triển các ngành và các vùng đã được Đại hội VII đề ra, *cơ cấu sản xuất và đầu tư* trong những năm 1992-1995 cần coi trọng những mặt dưới đây:

1. Phát triển *nông - lâm - ngư nghiệp* gắn với công nghiệp chế biến

Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ và cải tiến cơ cấu giống, cơ cấu cây trồng trên diện tích đang sử dụng, phát triển chăn nuôi thành ngành chính. Đi đôi với huy động sức dân là chính, Nhà nước tăng tỷ trọng và nâng cao hiệu quả đầu tư vào khâu giống và thuỷ lợi; nâng tỷ lệ diện tích được tưới chủ động, thu hẹp diện tích bị úng. Tiếp tục xây dựng các công trình tạo nguồn nước ngọt và ngăn mặn; tập trung vào các chương trình khai thác vùng Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên, vùng tây sông Hậu, bán đảo Cà Mau, xây dựng vùng lúa xuất khẩu. Phát triển các hồ chứa nước, các công trình thuỷ lợi nhỏ và vừa ở miền núi. Bảo đảm đủ giống tốt, phân bón, thuốc trừ sâu và công cụ máy móc cho nông nghiệp. Mở rộng việc áp dụng các biện pháp bảo vệ thực vật không dùng hoá chất. Chuyển giao kỹ thuật tới hộ nông dân, hướng dẫn và hỗ trợ cho nông dân bố trí lại cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ phù hợp với sinh thái từng vùng, tránh những bất lợi về thời tiết.

Tiến công mạnh vào đất trồng, đồi trọc, đất mới bồi và mặt nước chưa sử dụng. Phương hướng khai thác vùng đất mới là kết hợp nông - lâm - ngư nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi, với cơ cấu sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, đi vào thâm canh ngay từ đầu và gắn ngay với công nghiệp chế biến. Từ nay đến năm 1995, đưa vào sử dụng 3 triệu ha đất trồng, đồi trọc. Phương châm thực hiện là chỗ dễ, chỗ gàn làm trước, kết hợp cây ngắn ngày với cây dài ngày, lấy ngắn nuôi dài; khai thác khả năng đầu tư của tất cả các thành phần kinh tế, kể cả của nước ngoài. Nhà nước đầu tư xây

dựng kết cấu hạ tầng cần thiết, giao đất sử dụng lâu dài, có chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng và hỗ trợ kỹ thuật cho những người đầu tư khai thác vùng đất mới. Hộ nông dân đi lập nghiệp ở vùng đất mới được chuyển nhượng quyền sử dụng ruộng đất ở nơi cư trú cũ để có thêm vốn đầu tư.

Cơ cấu sản xuất nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng cây công nghiệp, cây thực phẩm và chăn nuôi trong khi sản lượng lương thực vẫn tăng về số tuyệt đối; tăng tỷ trọng sản phẩm xuất khẩu. Nghề cá tăng tỷ trọng của sản lượng nuôi trồng. Lâm nghiệp tăng nhanh diện tích trồng và tái sinh rừng, hạn chế sản lượng khai thác gỗ trong giới hạn cho phép. Nâng cao trình độ chế biến sản phẩm nông - lâm - ngư nghiệp, đặc biệt là sản phẩm xuất khẩu.

2. Ổn định và phát triển sản xuất *công nghiệp*, khuyến khích các thành phần kinh tế và nhân dân đầu tư, đồng thời thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài để cải tạo, đổi mới công nghệ của các cơ sở hiện có, xây dựng mới các cơ sở quy mô nhỏ và vừa là chính nhằm phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản với trình độ tinh chế và tận dụng nguyên liệu ngày càng cao, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu.

Nhà nước tập trung đầu tư và thu hút vốn nước ngoài để phát triển một số công trình thuộc những lĩnh vực then chốt trong công nghiệp nặng và kết cấu hạ tầng.

Dầu khí là một mũi nhọn cần phát triển mạnh. Tăng nhanh năng lực và sản lượng khai thác, tiếp tục cho các công ty nước ngoài vào thăm dò, khai thác các lô mới. Cân nhắc thời điểm xây dựng đường ống dẫn khí, nhà máy phân đạm, nhà máy lọc dầu và tích cực tìm vốn để thực hiện.

Hoàn thành công trình thủy điện Hoà Bình, đưa điện miền Bắc vào đến Quy Nhơn. Tích cực tạo nguồn điện ở phía Nam; đi đôi với việc xây dựng và đưa vào vận hành các cơ sở thủy điện đã khởi công, cần tìm thêm nguồn vốn xây dựng thêm các cơ sở phát điện và hệ thống tải điện ở Tây Nguyên và Nam Bộ.

Cải tạo, đồng bộ hoá các nhà sàng, đường sắt và cảng, hợp tác với nước ngoài tăng sản lượng khai thác than đi đôi với tìm thị trường xuất khẩu than.

Hoàn thành công trình apatít Lào Cai và các công trình đang thực hiện để tăng sản lượng phân lân, phân đạm. Mở rộng cơ sở sản xuất xút, soda.

Đầu tư chiều sâu và mở rộng các cơ sở luyện thép hiện có, tìm nguồn vốn xây dựng cơ sở mới và hợp tác với nước ngoài về mỏ sắt Thạch Khê. Tăng năng lực khai thác và tinh luyện thiếc.

Khẩn trương tổ chức và quản lý việc khai thác vàng, đá quý, đất hiếm. Dùng nhiều hình thức khai thác các khoáng sản phân tán khác.

Tổ chức lại và đầu tư chiều sâu để tận dụng năng lực cơ khí chế tạo và sửa chữa hiện có, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng lực trang bị và bảo đảm kỹ thuật cho nông nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp nhẹ, tăng sản lượng cơ khí tiêu dùng; liên doanh với nước ngoài để lắp ráp ô tô, xe máy và các loại máy thông dụng, nâng dần trình độ tự sản xuất các bộ phận. Phát triển ngành điện tử, tin học đi thẳng vào hiện đại, tập trung vào máy trung tâm có tiềm lực khá về khoa học - kỹ thuật. Từ gia công, lắp ráp nâng dần năng lực sản xuất các linh kiện, vật liệu điện tử, đáp ứng

nhu cầu về hàng điện tử dân dụng, từng bước mở rộng tự động hoá sản xuất và tin học hoá quản lý.

Phát triển mạnh công nghiệp vật liệu xây dựng. Đầu tư chiều sâu để nâng công suất các cơ sở xi măng hiện có; tìm nguồn vốn xây dựng nhà máy xi măng mới.

3. *Cải tạo và nâng cấp giao thông vận tải, bưu điện*, tiếp tục đổi mới cơ cấu vận tải theo hướng phát triển nhanh vận tải thuỷ, hàng không, khai thác tốt vận tải đường sắt, hợp lý hoá vận tải đường bộ, tăng năng lực vận tải cho các tỉnh miền núi và biên giới. Phát triển lực lượng vận tải của nhiều thành phần kinh tế.

Nâng cấp một số tuyến đường trục ô tô, các đường lên trung du và miền núi. Áp dụng hình thức Nhà nước đầu tư, kết hợp với vay tiền của dân để xây dựng những đoạn đường và cầu có thể thu hồi vốn để trả nợ. củng cố, cải tạo và nâng cấp một số tuyến đường sắt, khôi phục và tăng năng lực vận chuyển các tuyến lên biên giới Việt - Trung. Đầu tư đồng bộ và chiều sâu để tăng công suất hai cụm cảng Hải Phòng và Sài Gòn. Nghiên cứu xây dựng cảng sâu ở hai miền. Phát triển đội tàu viễn dương cả hàng khô và hàng nước. Cải tạo các sân bay quốc tế. Liên doanh với nước ngoài, mở thêm các đường bay, tăng thêm phương tiện bay.

Mở rộng hợp tác với nước ngoài để hiện đại hoá mạng thông tin quốc tế và trong nước. Hoàn thành xây dựng tuyến cáp quang và tuyến viba Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh; tuyến viba lên các tỉnh miền núi, cải tạo mạng nội hạt các thành phố lớn. Từng bước trang bị lại các trung tâm phát sóng trung ương; xây dựng thêm một số đài phát sóng khu vực.

Trong các lĩnh vực khác thuộc kết cấu hạ tầng, hướng đầu tư chính là các công trình đô thị (chủ yếu là cấp nước ở các thành phố lớn và một số thị xã), giải quyết nước sinh hoạt cho một số vùng nông thôn, miền núi và chống xuống cấp các công trình giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội.

4. Sắp xếp lại *thương nghiệp và mở mang dịch vụ* ở cả thành thị và nông thôn; hình thành các trung tâm thương mại và dịch vụ làm đầu mối giao lưu hàng hoá trên từng địa bàn. Từng bước hình thành các trung tâm tài chính ở các thành phố lớn.

Tạo nguồn vật tư trong và ngoài nước, đáp ứng nhu cầu về các vật tư chiến lược như xăng dầu, phân đạm, thép, bông xơ...

Cân đối cung - cầu, bảo đảm đầy đủ và kịp thời các loại nhu yếu phẩm cho nhân dân; có chính sách ưu tiên, trợ giá một số nhu yếu phẩm cho đồng bào vùng xa xôi hẻo lánh và vùng dân tộc ít người. Tăng nguồn dự trữ hợp lý các loại vật tư hàng hoá cần thiết và ngoại tệ để tham gia điều tiết thị trường.

Trong lĩnh vực kinh doanh vật tư, thương nghiệp và dịch vụ gồm nhiều thành phần kinh tế, cần củng cố và phát triển một số công ty thương nghiệp quốc doanh lưu thông những vật tư, hàng hoá thiết yếu.

Coi trọng công tác điều tra và nghiên cứu thị trường, bồi dưỡng sức mua của các tầng lớp dân cư, giải toả những ách tắc trong lưu thông và tiêu thụ sản phẩm.

Đổi mới căn bản công tác thống kê và thông tin kinh tế. Phát triển các loại hình dịch vụ khác, đặc biệt là các dịch vụ đáp ứng nhu cầu của kinh tế thị trường mở ra với bên ngoài.

5. Tiếp tục đổi mới tổ chức và quản lý hoạt động *khoa học, công nghệ*, tập trung thực hiện các chương trình cấp nhà nước, xây dựng luận cứ khoa học cho các quyết định của Đảng và Nhà nước, nhất là về chính sách kinh tế - xã hội.

Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, nâng cao dân trí; thực hiện tốt Luật phổ cập *giáo dục*; hợp lý hoá cơ cấu của hệ thống giáo dục quốc dân với nhiều loại hình, xây dựng nền *giáo dục* kỹ thuật trong xã hội, phát triển và nâng cao chất lượng *đào tạo* và *đào tạo* lại đội ngũ cán bộ. Đưa *Luật bảo vệ sức khoẻ* của nhân dân vào cuộc sống, chú trọng chăm sóc sức khoẻ ban đầu, triển khai thực hiện chương trình quốc gia vì trẻ em và các chương trình quốc gia về y tế. *Đẩy mạnh* cuộc vận động *kế hoạch hoá gia đình*, tập trung ở những vùng có tỷ lệ sinh đẻ cao.

Hoàn thành việc phủ sóng *truyền hình* trong cả nước, tăng công suất Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam, mở rộng thông tin tuyên truyền trong nước và đối ngoại. Lập lại trật tự trong *xuất bản, báo chí*, hỗ trợ các hoạt động *nghệ thuật*; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, tiếp thụ có chọn lọc tinh hoa văn hoá của thế giới, chống lại việc lưu hành những ấn phẩm đồi trụy, kích động, gây ô nhiễm tinh thần. *Đẩy mạnh* cuộc đấu tranh chống các tệ nạn xã hội và lối sống đồi trụy, lạc hậu. Phát huy thành tích đã đạt được, tiếp tục *đẩy mạnh* công tác thể dục, thể thao.

Các lĩnh vực hoạt động nêu trên đều phải có chương trình, kế hoạch riêng, với mức đầu tư thoả đáng cho các cùng đồng bào dân tộc.

*
* *

Để tạo nguồn vốn đầu tư đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo phương hướng trên, cần có chính sách tiêu dùng hợp lý, khuyến khích cần kiệm để xây dựng đầu tư làm giàu cho mình và cho đất nước. Hết sức coi trọng tạo vốn trong nước, đồng thời tranh thủ khả năng cao nhất thu hút các nguồn vốn bên ngoài.

Vốn đầu tư của Nhà nước dành chủ yếu cho các công trình thuộc kết cấu hạ tầng và một số công trình then chốt khác; có một phần hỗ trợ cho các cơ sở sản xuất kinh doanh dưới nhiều hình thức. Nhà nước bán hoặc cho thuê một số bất động sản và tài sản không dùng đến hoặc sử dụng kém hiệu quả để có thêm vốn đầu tư.

Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kể cả xí nghiệp quốc doanh tự đầu tư cải tạo và mở rộng sản xuất; những cơ sở có yêu cầu và có điều kiện thì được phép gọi vốn cổ phần, liên doanh, hoặc vay vốn của nước ngoài theo nguyên tắc tự vay, tự trả. Vốn khấu hao cơ bản trong khu vực kinh tế quốc doanh cần được tính đúng, tính đủ để tạo nguồn trả nợ và đầu tư.

Huy động tối đa các nguồn vốn trong xã hội bằng nhiều hình thức; tự đầu tư, góp cổ phần, mua cổ phiếu, gửi quỹ tiết kiệm, góp quỹ bảo hiểm... Đặc biệt khuyến khích đi đôi với hướng dẫn những người có vốn đầu tư vào sản xuất. Tăng dần tỷ lệ tích lũy tự đầu tư của nhân dân.

Tích cực thu hút vốn nước ngoài đầu tư trực tiếp vào nước ta; Nhà nước tranh thủ viện trợ và vay ưu đãi qua đường chính phủ, mạnh dạn vay vốn đầu tư vào những công trình then chốt theo nhiều phương thức.

Trong tình hình hiện nay, phải dự tính vài phương án đầu tư tương ứng với khả năng tạo nguồn vốn.

Theo phương hướng phát triển và đầu tư nêu trên, nhịp độ tăng trưởng kinh tế trong các năm 1992-1995 như sau:

	Đơn vị	Năm 1992	Năm 1995	5 năm 1991-1995
- Nhịp độ tăng thu nhập quốc dân sản xuất	%	4-4,5	8-8,5	5,5-6 (bình quân hàng năm)
- Nhịp độ tăng giá trị SLNN	%	3,5-4	4,2-4,4	3,6-4,2 (bình quân hàng năm)
- Sản lượng lương thực (quy thóc)	triệu tấn	22-22,5	24-25	
- Nhịp độ tăng giá trị SLCN	%	5,5-6,4	10,5-12	7,5-8,5 (bình quân hàng năm)
- Kim ngạch xuất khẩu	tỷ đôla	2,2-2,4	3,1-4,3	12-15 (cộng 5 năm)
- Kim ngạch nhập hàng lẻ	tỷ đôla	1,8	3	12-14 (cộng 5 năm)

Phấn đấu đạt được mức tăng trưởng nêu trên và đưa được nền kinh tế về cơ bản ra khỏi khủng hoảng và lạm phát, đi vào ổn định với cơ chế mới được hình thành đồng bộ, khôi phục được trật tự kỷ cương, chúng ta sẽ có cơ sở để thực hiện các mục tiêu chiến lược đến năm 2000.

Phần thứ ba

CÁC GIẢI PHÁP LỚN

I- ỔN ĐỊNH TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

Mục tiêu chủ yếu của việc ổn định tài chính - tiền tệ là từng bước đẩy lùi và kiểm soát lạm phát, ổn định sức mua

của đồng tiền, tạo môi trường an toàn cho hoạt động kinh doanh, nhằm động viên các nguồn lực tài chính trong nước và nước ngoài đầu tư phát triển sản xuất; thúc đẩy nền kinh tế chuyển đồng bộ sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

Phương hướng chủ yếu là xoá bỏ bao cấp còn tồn tại qua vốn, tín dụng, giá...; thực hiện chặt chẽ việc tăng thu, tiết kiệm chi, cân đối ngân sách một cách tích cực; mở rộng tín dụng cho sản xuất kinh doanh, kiểm soát lưu thông tiền tệ, kể cả ngoại hối. Phấn đấu giảm tỷ lệ lạm phát xuống khoảng 30-40% năm 1992 và dưới hai con số vào năm 1995.

1. Xoá bỏ bao cấp qua tín dụng

Sớm thực hiện "cơ chế một lãi suất" đối với tín dụng thương mại, thống nhất và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Lãi suất cho vay cao hơn lãi suất tiền gửi.

Người gửi tiền tiết kiệm được bảo toàn vốn và có mức lãi thoả đáng. Không dùng mức lãi suất để điều tiết lợi nhuận, nếu cần điều tiết thì thực hiện bằng chính sách thuế.

Lãi suất tín dụng ngân hàng hình thành theo quan hệ cung - cầu về vốn trên thị trường, trên nguyên tắc thu hút được tiền gửi để cho vay. Lãi suất ưu đãi của Chính phủ cho các dự án đầu tư được thực hiện bằng nguồn tín dụng nhà nước. Quản lý chặt chẽ phát hành tiền, kiềm chế lạm phát. Nâng cao chất lượng dịch vụ thanh toán, phát triển các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Giải quyết dứt điểm trong một thời gian ngắn việc thanh toán nợ nần dây dưa trong các doanh nghiệp, gắn với việc sắp xếp lại các xí nghiệp quốc doanh và xử lý những trường hợp

phá sản. Đối với các xí nghiệp quốc doanh cần củng cố và phát triển mà đang thiếu vốn, Nhà nước tài trợ tùy theo tình hình thực tế của từng xí nghiệp.

Các ngân hàng thương mại thực sự chuyển sang kinh doanh, tự chủ về tài chính, được giao vốn và chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn, mở rộng hoạt động tín dụng vay và cho vay, dịch vụ thanh toán và các dịch vụ khác cho các thành phần kinh tế.

Triển khai mạnh hệ thống tín dụng nông thôn. Tăng cường hiệu lực pháp lý về vay nợ, trả nợ, bảo lãnh, thế chấp, chống quyt nợ, đầu cơ tiền tệ, cho vay nặng lãi.

Ngân hàng trung ương tập trung thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về tiền tệ, chủ yếu là quản lý chặt chẽ phát hành, kiểm soát lưu thông tiền tệ (kể cả ngoại hối) để ổn định giá trị đồng tiền bằng cơ chế kiểm soát các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính khác. Nhà nước tạo điều kiện và đòi hỏi Ngân hàng Trung ương chủ động thực hiện chính sách tiền tệ - tín dụng theo pháp lệnh đã ban hành.

2. Đổi mới cơ chế quản lý ngoại hối, hạ cơ sở vàng và ngoại tệ

Để hạ cơ sở vàng và ngoại tệ, cần chỉ đạo chặt chẽ, sát sao một số biện pháp cấp bách: sử dụng có hiệu quả lực lượng ngoại tệ và vàng cần thiết để can thiệp kịp thời vào cung - cầu; điều chỉnh lãi suất tiền gửi để hạn chế việc rút tiền mua vàng và đôla; kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu và tập trung lực lượng chống buôn lậu, nhất là ở biên giới tây nam. Đồng thời, để làm lành mạnh quan hệ cung - cầu về ngoại

tệ, cần sửa đổi cơ chế quản lý ngoại hối theo hướng bảo vệ lợi ích chính đáng của người có ngoại tệ, đi đôi với tăng cường sự kiểm soát của Nhà nước và lập lại trật tự trên thị trường ngoại hối.

Các doanh nghiệp không được mua bán, thanh toán trực tiếp với nhau bằng ngoại tệ mà phải thông qua các ngân hàng được phép kinh doanh ngoại hối. Các doanh nghiệp có ngoại tệ không được gửi ra nước ngoài mà phải gửi vào ngân hàng trong nước, được hưởng lãi, được rút ra để sử dụng theo quy định của Nhà nước (như để trả nợ, góp vốn liên doanh với nước ngoài, để nhập khẩu theo giấy phép...). Các doanh nghiệp được mua, bán ngoại tệ với ngân hàng hoặc ở trung tâm giao dịch ngoại hối theo tỷ giá hình thành ở các trung tâm này. Mở thêm và tổ chức tốt hoạt động của các trung tâm giao dịch ngoại hối ở những nơi cần thiết.

Các ngân hàng thương mại được phép kinh doanh ngoại tệ phải thực hiện việc mua, bán, thanh toán sòng phẳng, thuận tiện, nhanh chóng, kinh doanh theo tỷ giá hình thành trên thị trường ngoại hối, chống độc quyền, cửa quyền, ép giá. Lãi suất tín dụng bằng ngoại tệ phải bảo đảm nguyên tắc kinh doanh, phù hợp với quan hệ cung - cầu trên thị trường ngoại hối nội địa và thị trường tiền tệ quốc tế.

Ngân hàng Trung ương tăng dự trữ ngoại tệ (kể cả bằng biện pháp vay nước ngoài) để có lực lượng can thiệp vào thị trường ngoại hối khi cần thiết.

Tích cực chuẩn bị điều kiện áp dụng cơ chế ngân hàng mua, bán toàn bộ ngoại tệ theo phương thức kinh doanh, dùng biện pháp kinh tế để tập trung quản lý ngoại tệ, phấn đấu nâng cao khả năng chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam.

3. Đổi mới cơ cấu và phương thức cân đối ngân sách

Tiếp tục cải tiến chính sách thuế theo hướng khuyến khích sản xuất và tiết kiệm đầu tư, chú trọng thuế gián thu và các hình thức thuế tiến bộ. Hoàn chỉnh bộ luật thuế, bộ máy thu và cơ chế quản lý thu, nâng dần tỷ lệ thu ngân sách so với thu nhập quốc dân.

Phân rõ ba loại chi ngân sách với phương thức cân đối thu chi thích ứng với từng loại:

- *Chi thường xuyên* để đáp ứng nhu cầu của bộ máy nhà nước, an ninh quốc phòng và các phúc lợi xã hội. Phần chi này phải hoàn toàn dựa vào nguồn thu trong nước, chỉ được chi trong giới hạn thu, kiên quyết không phát hành để chi.

- *Chi trả nợ* dựa một phần vào số dư của chi thường xuyên và một phần vào vay nợ để trả nợ, ưu tiên giải quyết các khoản nợ trả để vay tiếp.

- *Chi đầu tư phát triển* dưới hình thức ngân sách đầu tư trực tiếp và bổ sung cho nguồn vốn tín dụng nhà nước. Về nguyên tắc, nguồn vốn cho chi đầu tư phát triển là số dư của chi thường xuyên và trả nợ; còn thiếu phải tìm nguồn bù đắp không gây lạm phát.

Có chính sách thu hút mọi nguồn tiền nhàn rỗi của dân, tạo ra nguồn tài chính quan trọng mà ngân sách có thể vay để chi đầu tư phát triển thay cho phát hành.

Khai thác mọi khả năng và cơ hội mới để thu hút vốn ngoài nước, kể cả vốn viện trợ, vốn đầu tư trực tiếp và vốn cho vay. Trước mắt, phải tích cực tìm nguồn vốn vay với thời hạn và lãi suất chấp nhận được để đầu tư phát triển và tăng dự trữ ngoại tệ.

Vốn vay cho đầu tư phát triển phải dựa trên những dự

án được tính toán kỹ hiệu quả, bảo đảm huy động nhanh và tạo được nguồn trả nợ.

Các dự án đầu tư bằng nguồn vay nợ Chính phủ phải do các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước thẩm định luận chứng kinh tế - kỹ thuật. Các cơ quan chính quyền địa phương và các ngành không được phép vay nợ nước ngoài và bảo lãnh cho các doanh nghiệp. Vay nợ phi chính phủ, do các doanh nghiệp thực hiện phải tự chịu trách nhiệm trả nợ, tự tìm kiếm người bảo lãnh từ các tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài.

Đi đôi với việc hoàn thiện cơ chế quản lý vốn và tài sản Nhà nước giao cho các doanh nghiệp, cần tiến hành kiểm kê lại toàn bộ tài sản, nhà, đất trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp, các đoàn thể, lực lượng vũ trang để giao quyền và trách nhiệm sử dụng, bảo quản. Chấn chỉnh ngay việc cấp đất cho dân làm nhà, nhất là ở thành phố, thị trấn, ven trục giao thông để bảo vệ đất canh tác, bảo đảm quy hoạch xây dựng và giao thông; tiền thuê đất phải tính đúng giá và nộp vào ngân sách Nhà nước, không được sử dụng tùy tiện hoặc tư túi. Đối với một số tài sản có thể cho thuê hoặc bán, cần quy định cụ thể, chặt chẽ. Những trường hợp đã chuyển sở hữu công thành sở hữu tư trái pháp luật cần phải truy cứu trách nhiệm và xử lý như tội tham nhũng.

4. Cải tiến việc phân cấp quản lý ngân sách

Về nguyên tắc, phải bảo đảm tính thống nhất của nền tài chính Nhà nước, được điều hành trong cả nước theo pháp luật, chính sách thu và chế độ, định mức chi do Trung ương ban hành.

Hình thành ba cấp ngân sách: trung ương - tỉnh, thành phố - xã. Quận, huyện không còn là cấp ngân sách mà chỉ là cấp dự toán.

Chấm dứt việc quy định tỷ lệ điều tiết ngân sách hàng năm đối với từng địa phương. Thay vào đó, xác định nhiệm vụ chi giao cho ngân sách địa phương, đồng thời quy định thống nhất và ổn định tỷ lệ những khoản thuế và lệ phí được thu. Ngân sách trung ương chỉ bổ sung cho một số rất ít địa phương thu không đủ chi.

Hướng lâu dài là giảm nhiệm vụ chi giao cho ngân sách địa phương, chuyển về cho ngân sách trung ương đảm nhận những nhiệm vụ chi theo chương trình quốc gia và theo chế độ công chức cần phải thống nhất trong cả nước.

5. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý giá

Cơ chế quản lý nhà nước về giá trong điều kiện đã chuyển cơ bản sang hệ thống giá theo cơ chế thị trường cần phải giải quyết tiếp những vấn đề sau đây:

- Tiếp tục tính đủ, tính đúng theo thời giá tài sản cố định và các vật tư, cước phí do Nhà nước kiểm soát giá, giá đất, giá nhà ở, điện nước, đồng bộ với cải cách tiền lương. Nghiên cứu sự vận động của giá dịch vụ, tiền công để có chính sách, cơ chế quản lý thích hợp. Xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa giá trong nước và giá cả quốc tế; kiểm soát giá cả xuất, nhập khẩu.

- Nhà nước kiểm soát trực tiếp giá cả một số sản phẩm độc quyền nhưng không thoát ly mặt bằng giá thị trường. Thực hiện giá bảo hộ sản xuất đối với một số nông sản và hàng xuất khẩu khi giá thị trường xuống quá thấp, ảnh hưởng lớn đến sản xuất và xuất khẩu.

- Nhà nước kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp theo chế độ kế toán tài chính. Xây dựng hệ thống kiểm toán có hiệu lực pháp lý.

- Thực hiện chế độ đăng ký, niêm yết giá đối với một số vật tư, hàng hoá quan trọng và trên các thị trường chính, từng bước nâng cao văn minh thương nghiệp.

*
* *

Các giải pháp nêu trên cần được thực hiện đồng bộ, nhất quán, tích cực và có bước đi phù hợp với điều kiện thực tế, nhằm đạt được chuyển biến quan trọng trong năm 1992, tạo cơ sở cho việc ổn định và làm lành mạnh tài chính - tiền tệ trong các năm sau.

II- PHÁT HUY MẠNH MỀ TIỀM NĂNG CỦA CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ

1. Chinh đốn và nâng cao hiệu quả kinh tế quốc doanh

- Tập trung củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh trong những ngành và lĩnh vực then chốt, những doanh nghiệp trọng yếu. Trong một số lĩnh vực quan trọng khác có nhiều thành phần kinh tế tham gia, quốc doanh phải có vị trí cần thiết để góp phần bảo đảm vai trò điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Việc xác định các xí nghiệp quốc doanh hiện có cần củng cố và phát triển căn cứ vào những yêu cầu dưới đây: góp phần quan trọng bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, vật tư, thiết bị, hàng hoá thiết yếu; đảm nhận các nhiệm

vụ quan trọng mà các phân kinh tế khác không thay thế được; đảm nhận các yêu cầu đặc biệt có quan hệ đến quốc phòng, an ninh; kinh doanh có hiệu quả và đóng góp nhiều cho ngân sách; làm nòng cốt thúc đẩy đổi mới công nghệ; có quy mô tương đối lớn.

Những ngành, lĩnh vực nào mà các thành phần kinh tế khác có thể đầu tư kinh doanh có hiệu quả thì nên khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế ấy phát triển. Theo hướng đó, cần soát xét các xí nghiệp quốc doanh hiện có trong tất cả các lĩnh vực, xác định cụ thể từng xí nghiệp cần duy trì hình thức quốc doanh. Tiến hành đăng ký lại các xí nghiệp quốc doanh; chỉ coi là xí nghiệp hợp pháp khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động; các cơ quan, tổ chức khác không được phép ra quyết định thành lập xí nghiệp.

- Đối với các xí nghiệp không cần giữ hình thức quốc doanh, trước hết là các xí nghiệp thuộc loại này đang thua lỗ kéo dài cần kiên quyết xử lý dứt điểm trong năm 1992 bằng các hình thức thích hợp với điều kiện thực tế như cho thuê, bán, sáp nhập với các đơn vị khác hoặc giải thể. Trước mắt, tập trung giải quyết đối với khu vực thương nghiệp bán lẻ, dịch vụ, các đơn vị quốc doanh quận, huyện và các xí nghiệp thuộc các cơ quan hành chính, sự nghiệp, đoàn thể, lực lượng vũ trang.

Khi giải thể các xí nghiệp thua lỗ, phải truy cứu trách nhiệm về tài chính, trách nhiệm dân sự và hình sự (nếu có) của những người quản lý. Trong việc thanh lý tài sản của các đơn vị giải thể, số vốn Nhà nước thu lại được cần dành ưu

tiên giải quyết việc làm và đời sống cho những người lao động ra khỏi biên chế nhà nước.

- Trên cơ sở sắp xếp lại xí nghiệp quốc doanh và giải quyết dứt điểm việc thanh toán công nợ, tài chính nhà nước bảo đảm một phần vốn cho các xí nghiệp cần thiết phải duy trì và phát triển. Hoàn chỉnh các quy định về bảo toàn, phát triển vốn và tài sản mà xí nghiệp nhận của Nhà nước.

Tín dụng nhà nước dành ưu tiên cho các xí nghiệp có dự án đầu tư chiều sâu để đổi mới thiết bị và công nghệ. Thu hút nước ngoài đầu tư liên doanh trực tiếp vào các cơ sở quốc doanh hiện có để giải quyết nhu cầu cả về vốn, công nghệ và trình độ quản lý.

Tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh chế độ kế toán, thống kê, đồng thời tăng cường hệ thống thanh tra tài chính và quy chế thanh tra của Nhà nước đối với các doanh nghiệp. Thực hiện việc công bố kết quả hoạt động tài chính, trước hết đối với các xí nghiệp quốc doanh và các doanh nghiệp tư nhân lớn.

Áp dụng hình thức hội đồng quản trị đại diện cho các chủ sở hữu đối với các công ty cổ phần quốc doanh hoặc liên doanh; làm thử hình thức này đối với một số xí nghiệp quốc doanh 100% vốn Nhà nước. Nghiên cứu sâu hình thức tổ chức bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của cơ sở đảng, chế độ thủ trưởng của giám đốc và vai trò làm chủ của người lao động trong xí nghiệp. Đặc biệt chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng các giám đốc xí nghiệp. Xây dựng quy chế về giám đốc xí nghiệp, vừa bảo đảm hoạt động của các giám đốc theo pháp luật, vừa bảo vệ các giám đốc trước pháp luật.

Trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật, bảo toàn và phát

triển vốn được Nhà nước giao, thực hiện các nghĩa vụ do Nhà nước quy định, các xí nghiệp quốc doanh phải được thật sự chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh, giao dịch với khách hàng, tự chủ về tài chính, giá cả, tuyển chọn, sắp xếp lao động, trả lương và cho thôi việc theo Luật lao động. Xoá bỏ sự can thiệp không đúng chức năng của các cơ quan quản lý hành chính vào hoạt động của xí nghiệp; cơ quan hành chính cấp trên chấm dứt việc làm thay xí nghiệp trong việc giao dịch, ký kết hợp đồng, kể cả hợp đồng với các công ty nước ngoài. Chấm dứt việc bắt buộc xí nghiệp đóng góp ngoài quy định của Nhà nước. Các xí nghiệp phải hạch toán đúng và đủ các chi phí vật chất, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước và trách nhiệm với bên ngoài theo hợp đồng đã ký; trên cơ sở đó mà phân phối thu nhập trong nội bộ xí nghiệp. Sau khi trích các quỹ phát triển sản xuất, quỹ phúc lợi xã hội, phần tiền lương được phân phối theo nguyên tắc tiền lương không vượt quá năng suất lao động và hiệu quả công việc. Động lực quan trọng hàng đầu đối với hoạt động của xí nghiệp là trả công lao động theo nguyên tắc có làm có ăn, không làm không ăn, làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít. Mở rộng hình thức khoán trong xí nghiệp. Quy định bội số tối đa lương giám đốc so với lương bình quân của công nhân. Xoá bỏ bao cấp trong trả công lao động, đồng thời xây dựng quỹ bảo hiểm xã hội để trợ cấp đúng mục đích, đúng đối tượng.

Theo tinh thần trên, cần sửa đổi ngay Quyết định 217 và Quyết định 50 của Hội đồng Bộ trưởng, xây dựng luật về công ty và xí nghiệp quốc doanh.

- Chuyển một số xí nghiệp quốc doanh có điều kiện thành công ty cổ phần và thành lập một số công ty quốc doanh cổ

phần mới. Phải làm thí điểm, chỉ đạo chặt chẽ, rút kinh nghiệm chu đáo trước khi mở rộng trong phạm vi thích hợp.

- Sửa đổi các quy định về tổ chức liên hiệp xí nghiệp, tổng công ty phù hợp với cơ chế mới, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, không phân biệt quan hệ sở hữu của các doanh nghiệp thành viên. Trước mắt, giải thể những liên hiệp xí nghiệp chỉ hoạt động như cấp hành chính trung gian.

Các doanh nghiệp được quyền mở rộng mạng lưới đại lý. Tăng cường hiệu lực của chế độ hợp đồng kinh tế, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm. Sớm thành lập toà án kinh tế.

2. Tiếp tục đổi mới kinh tế tập thể, phát triển các hình thức hợp tác đa dạng trong nông thôn với hộ xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ, phát triển kinh tế hộ cá thể, tư nhân

- Đổi mới hình thức tổ chức, nội dung kinh doanh và cơ chế quản lý của các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất hiện có trong nông nghiệp theo hướng vừa bảo đảm cho hộ xã viên thật sự là đơn vị kinh tế tự chủ, vừa tăng cường vai trò thiết thực của ban quản trị trong quản lý điều hành sản xuất, mở rộng ngành nghề, làm tốt những dịch vụ cần thiết, cùng chính quyền và các đoàn thể thực hiện các chính sách xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Khuyến khích phát triển các hình thức kinh tế hợp tác mới đa dạng trong nông thôn trên nguyên tắc thật sự tự nguyện và cùng có lợi, xuất phát từ nhu cầu của các hộ nông dân. Mọi tổ chức sản xuất kinh doanh do các hộ nông dân góp

vốn, góp sức, được quản lý theo nguyên tắc dân chủ, đăng ký và hoạt động theo pháp luật, không phân biệt quy mô tổ chức đều là hợp tác xã. Các hợp tác xã có tư cách pháp nhân, tự chịu trách nhiệm về vốn và kết quả kinh doanh, không phân biệt địa giới hành chính và không có cấp trên trực tiếp.

Trong nghề cá, lấy tàu, thuyền làm đơn vị sản xuất cơ bản để tổ chức quan hệ hợp tác trong từng tàu, thuyền, giữa các tàu, thuyền và giữa người đánh bắt với các cơ sở dịch vụ.

Trên cơ sở tổng kết hợp tác hoá và việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khoá IV), Bộ Chính trị ra chỉ thị đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã. Xúc tiến việc xây dựng và ban hành luật về hợp tác xã.

Các đơn vị kinh tế quốc doanh trong các lĩnh vực sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông, lâm, hải sản cũng như trong các khâu cung ứng vật tư, dịch vụ kỹ thuật cần mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết, xây dựng quan hệ hợp đồng lâu dài, tin cậy với các hộ nông dân và các hợp tác xã, thúc đẩy và hỗ trợ nhau cùng phát triển.

- Phát triển kinh tế hộ cá thể, tư nhân trong nông nghiệp là một chính sách nhất quán, lâu dài trong thời kỳ quá độ. Nhà nước có chính sách khuyến khích và hướng dẫn họ bỏ vốn kinh doanh trồng trọt, chăn nuôi, làm dịch vụ, phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp nông thôn..., làm giàu đúng pháp luật, liên kết với kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể dưới nhiều hình thức và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Để tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho kinh tế tập thể và hộ xã viên, kinh tế hộ cá thể và tư nhân phát triển sản xuất kinh doanh, xây dựng nông thôn mới, cần tập trung giải quyết một số vấn đề dưới đây:

Một là, trong năm 1992, phải hoàn chỉnh việc thể chế hoá chính sách ruộng đất, bổ sung, sửa đổi *Luật đất đai* và các văn bản dưới luật nhằm bảo đảm quyền quản lý thống nhất của Nhà nước đối với toàn bộ đất đai, đồng thời xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của những người sử dụng đất, đặc biệt là của nông dân đối với ruộng đất được Nhà nước giao cho sử dụng ổn định, lâu dài. Người được giao quyền sử dụng đất canh tác không được tự ý chuyển thành đất không canh tác và có trách nhiệm bảo vệ độ màu mỡ của đất. Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp, thừa kế quyền sử dụng ruộng đất phải được pháp luật quy định cụ thể theo hướng khuyến khích nông dân an tâm đầu tư kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo điều kiện từng bước tích tụ ruộng đất trong giới hạn hợp lý để phát triển nông nghiệp hàng hoá, đi đôi với mở rộng phân công và phân bố lao động gắn với quá trình công nghiệp hoá. Quy định rõ các điều kiện cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng ruộng đất, ngăn ngừa tình trạng người sống bằng nghề nông không còn ruộng đất, người mua quyền sử dụng không phải để sản xuất mà để buôn bán ruộng đất, phát canh thu tô. Mức tập trung ruộng đất vào một hộ cũng phải quy định giới hạn tối đa tùy theo vùng và loại đất.

Chuẩn bị chu đáo và thực hiện dứt điểm chủ trương Nhà nước giao đất cho hộ nông dân và cấp giấy chứng nhận. Việc giao đất phải phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng loại đất theo nguyên tắc công khai, dân chủ, có lý, có tình, bảo đảm công bằng xã hội và đoàn kết nông thôn, bảo đảm mọi người sống bằng nghề nông đều có đất để canh tác. Xử lý nghiêm khắc mọi hành vi lợi dụng chức quyền để bao chiếm đất đai.

Diện tích đất đã giao cho nông, lâm trường và các đơn vị khác, nay cần kiểm tra lại việc sử dụng: đối với phần đất chưa sử dụng, hoặc sử dụng kém hiệu quả, Nhà nước thu lại để giao cho hộ nông dân sử dụng. Đất nông nghiệp chuyển sang dùng vào mục đích phi nông nghiệp phải được xét duyệt hết sức chặt chẽ, gắn với quy hoạch, kế hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng, khu công nghiệp và khu dân cư.

Đi đôi với chính sách ruộng đất, Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu vốn, tài sản và các tư liệu sản xuất khác của hộ nông dân, quyền tự do kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm, quyền lựa chọn các hình thức hợp tác và rút ra khỏi hợp tác xã theo điều lệ, quyền di chuyển chỗ ở và tài sản đến lập nghiệp ở nơi mới theo quy định của pháp luật.

Hai là, chính sách tài chính - tín dụng phải thật sự khuyến khích và hỗ trợ kinh tế hợp tác và kinh tế hộ nông dân phát triển.

Mọi loại đất sử dụng đều phải nộp thuế, trong đó đất sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp chịu thuế nhẹ hơn đất dùng vào mục đích khác. Áp dụng chính sách miễn, giảm thuế có sức khuyến khích mạnh mẽ các hộ nông dân và các đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế, kể cả công ty và tư nhân nước ngoài đầu tư vốn khai hoang đất trống, đồi núi trọc, mặt nước. Các hộ kinh doanh công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn chịu thuế nhẹ hơn ở thành thị và được miễn thuế ở các vùng xa xôi hẻo lánh.

Mở rộng mạng lưới tín dụng quốc doanh và tập thể ở nông thôn, tạo điều kiện thuận tiện cho nông dân vay vốn để sản xuất kinh doanh. Có cơ chế bảo đảm hoạt động an toàn cho các tổ chức tín dụng tập thể và các hình thức liên doanh,

hùn vốn đầu tư ở nông thôn. Dành ưu tiên thích đáng nguồn vốn viện trợ và vốn vay của nước ngoài cho các chương trình phát triển nông thôn và hỗ trợ trực tiếp cho các hộ nông dân, nhất là các hộ nghèo.

Ba là, tổ chức nghiên cứu thị trường tiêu thụ nông sản ở trong và ngoài nước, tìm thêm thị trường mới. Thông qua các hợp đồng tiêu thụ nông sản, giúp đỡ và tạo điều kiện để các hộ nông dân tiếp cận với thị trường. Khuyến khích đầu tư chế biến nông sản; mở rộng dịch vụ bán vật tư, hàng hoá và mua sản phẩm trực tiếp đến hộ nông dân; áp dụng hình thức ứng trước vật tư, tiền vốn cho hộ nông dân để mua sản phẩm; loại trừ tình trạng các tổ chức trong khu vực nhà nước và các thành phần kinh tế khác đầu cơ, ép giá đối với nông dân.

Xây dựng quỹ bảo hiểm sản xuất nông nghiệp.

Bốn là, đẩy mạnh công tác khuyến nông, phát triển mạng lưới chuyển giao kỹ thuật đến hộ nông dân bằng nhiều hình thức, chú trọng đào tạo kỹ thuật viên, dạy nghề, tổ chức huấn luyện, làm mẫu cho các hộ nông dân.

Năm là, làm trong sạch tổ chức đảng và chính quyền xã, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý của chính quyền ở xã, tạo môi trường chính trị, xã hội nông thôn ổn định, lành mạnh để nông dân yên tâm phát triển sản xuất kinh doanh.

3. Phát huy tiềm năng kinh tế tập thể, cá thể, tư nhân ở thành thị

- Bổ sung và sửa đổi các thể chế nhằm bảo đảm cho kinh tế tập thể, cá thể và tư nhân được phát triển không hạn chế về quy mô và địa bàn hoạt động trong những lĩnh vực mà

luật pháp không cấm; được tự lựa chọn hình thức kinh doanh, kể cả liên doanh với nước ngoài theo những điều kiện do luật định. Tăng cường pháp chế kinh doanh, tạo môi trường ổn định và an toàn cho mọi người yên tâm đầu tư kinh doanh. Xoá bỏ những cấm đoán và ràng buộc vô lý, những thủ tục phiền hà gây khó khăn cho việc phát triển sản xuất kinh doanh của nhân dân.

- Bộ máy quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương phải thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tất cả các thành phần kinh tế, xoá bỏ sự phân biệt kinh tế trung ương, kinh tế địa phương, khắc phục tình trạng các bộ quản lý ngành chỉ quan tâm quản lý các xí nghiệp quốc doanh trung ương.

Cùng với việc sử dụng các công cụ điều tiết vĩ mô, các cơ quan nhà nước cần quan tâm tổ chức tốt thông tin kinh tế, hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong việc tiếp thị (marketing). Các diễn đàn đầu tư, dịch vụ đầu tư phải chú ý đến người đầu tư trong nước.

Tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh pháp chế về đăng ký kinh doanh, đăng ký nhãn hiệu, đăng ký tài khoản tại ngân hàng, về chế độ kế toán, thống kê, về nộp thuế. Quản lý chặt chẽ theo pháp luật những người buôn bán nhất là buôn bán hàng ngoại. Các cơ quan nhà nước tăng cường tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật kinh doanh đi đôi với phát động dư luận xã hội đấu tranh mạnh mẽ chống các hành vi trái pháp luật, đặc biệt là kinh doanh không đăng ký hoặc trái với đăng ký, buôn lậu, trốn thuế, làm hàng giả.

- Tổng kết tình hình hoạt động và biến đổi của các hợp

tác xã trong các ngành nghề ở thành thị. củng cố và phát triển kinh tế tập thể ở thành thị, theo nguyên tắc tự nguyện dưới nhiều hình thức và quy mô, phù hợp với trình độ công nghệ, khả năng quản lý và với đặc điểm của từng ngành nghề. Các hợp tác xã phải đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động trên cơ sở phân định rõ sở hữu tập thể và sở hữu cá nhân, khuyến khích xã viên góp nhiều vốn vào hợp tác xã. Phần vốn tích lũy từ lợi nhuận nên chuyển thành cổ phần của xã viên.

- Hình thành tổ chức kinh tế - xã hội của các doanh nghiệp tập thể, cá thể và tư nhân. Tổ chức này mang tính chất phi chính phủ, do các doanh nghiệp, các hiệp hội hoặc tổ chức nghề nghiệp tự nguyện tham gia, đại diện cho các thành viên trong quan hệ đối nội và đối ngoại, làm một cầu nối giữa Nhà nước và các doanh nghiệp trong việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện các chính sách có liên quan, hỗ trợ nhau trong sản xuất kinh doanh, tiến hành một số hoạt động chung như xuất, nhập khẩu, khoa học - kỹ thuật, tiếp thị, đầu tư, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ... Cần coi trọng việc xây dựng và chỉ đạo hoạt động của tổ chức này ở các tỉnh, thành phố.

III- MỞ RỘNG VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế - chính trị - an ninh, quốc phòng; giữ vững nguyên tắc bảo vệ độc lập chủ quyền, an ninh chính trị, bình đẳng, cùng có lợi trong quan hệ với bên

ngoài, đồng thời có đối sách linh hoạt, triệt để khai thác các yếu tố tích cực, hạn chế tác động tiêu cực của những yếu tố bất lợi để không ngừng đẩy mạnh kinh tế đối ngoại. Khai thác khả năng của các doanh nghiệp tham gia kinh tế đối ngoại, mở rộng quyền trực tiếp quan hệ với thị trường nước ngoài theo luật định, đồng thời tiếp tục đổi mới và tăng cường vai trò quản lý thống nhất của Nhà nước bằng pháp luật, chính sách.

1. Chính sách thị trường

Chính sách ngoại giao và kinh tế đối ngoại cần được điều chỉnh phù hợp với những biến động trong cục diện thế giới, nhằm vượt khỏi bao vây, cấm vận, không ngừng mở rộng quan hệ với các nước và tăng cường vị trí trên thị trường quốc tế. Khai thác thuận lợi do việc bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc và giải pháp chính trị về Campuchia để mở rộng thị trường, trước hết là thị trường khu vực.

Tích cực phát triển quan hệ kinh tế - thương mại với Trung Quốc. Ngoài việc mở rộng quan hệ với trung ương, cần quan tâm mở rộng quan hệ với các tỉnh, đặc biệt là ba tỉnh biên giới Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam. Quản lý tốt mậu dịch biên giới, chống buôn lậu gây thiệt hại cho cả hai nước.

Việc tăng cường quan hệ kinh tế với Lào phải coi trọng hiệu quả, đi liền với sự phối hợp chống buôn lậu qua biên giới. Chủ động nghiên cứu các hình thức quan hệ kinh tế thích hợp với tình hình mới ở Campuchia.

Đối với các nước ASEAN, tăng cường quan hệ hợp tác và phối hợp chính sách xuất khẩu trong khu vực để mở rộng thị trường.

Phấn đấu giảm dần thương mại qua trung gian, mở rộng quan hệ trực tiếp với các thị trường nước ngoài.

Coi trọng việc phát triển quan hệ với Ấn Độ, Ôxtrâyliya và các nước trong khu vực có thiện chí với ta.

Các nước Cộng hoà của Liên Xô trước đây và các nước Đông Âu vẫn là khu vực thị trường có quan hệ truyền thống và có nhiều tiềm năng có thể tiếp tục khai thác theo cơ chế mới; chuyển sang giao dịch thương mại và hợp tác trực tiếp với từng nước và giữa các doanh nghiệp của hai bên.

Duy trì và mở rộng trong những lĩnh vực thích hợp quan hệ kinh tế với các nước tuy xa về địa lý nhưng có thiện chí với ta như các nước ở Bắc Âu, Trung Đông và châu Phi.

Để sớm khai thông và phát triển quan hệ với Tây Âu, Nhật, Mỹ và với các tổ chức tài chính quốc tế, cần tranh thủ mọi cơ hội xúc tiến các quan hệ về nhiều mặt, qua nhiều đường, nhiều hình thức, chú trọng tạo những khâu đột phá từ những nước có thiện cảm và có lợi ích trong quan hệ với nước ta.

2. Chính sách xuất, nhập khẩu

Để đạt được mục tiêu *xuất khẩu* 2,2 tỷ đôla Mỹ năm 1992 và 12-15 tỷ trong 5 năm 1991-1995, chính sách xuất khẩu phải định hướng và khuyến khích, hỗ trợ mạnh mẽ hơn việc sản xuất và kinh doanh hàng xuất khẩu, đổi mới cơ cấu và nâng cao sức cạnh tranh của hàng hoá.

Chuyển cơ cấu sản xuất và xuất khẩu theo yêu cầu của thị trường thế giới. Nâng cao trình độ chế biến hàng nông sản xuất khẩu. Mở rộng diện nhận gia công xuất khẩu hàng công nghiệp sang các thị trường khác ngoài các nước thuộc

Liên Xô trước đây và các nước Đông Âu. Nắm bắt và phát triển nhanh những mặt hàng có thị trường mà các nước công nghiệp phát triển muốn chuyển giao công nghệ như may mặc, dệt, điện tử dân dụng... Đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng đang có thị trường tiêu thụ không hạn chế như dầu mỏ, đá quý, tơ tằm, tằm...

Tiếp tục thu hút vốn và công nghệ nước ngoài theo luật đầu tư, mở khu chế xuất, cho các công ty xuyên quốc gia lập chi nhánh sản xuất hàng xuất khẩu ở nước ta. Các công ty quốc doanh phải nâng cao sức cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường hàng xuất khẩu chủ lực bằng phương thức kinh doanh.

Khai thác tối đa nguồn lực của các thành phần kinh tế, nguồn vốn trong nhân dân; áp dụng các hình thức liên doanh giữa ngân hàng với các tổ chức sản xuất và xuất, nhập khẩu quốc doanh, hợp tác xã và tư nhân, tạo thế liên hoàn đồng bộ giữa các khâu vốn, sản xuất, xuất, nhập khẩu.

Hạn chế tối đa diện mặt hàng xuất khẩu quản lý bằng hạn ngạch; miễn thuế xuất khẩu đối với sản phẩm chế biến, sản phẩm mới, sản phẩm gặp sự cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế; kết hợp miễn thuế xuất khẩu với miễn hoặc giảm thuế doanh thu, lợi tức đối với những trường hợp cần hỗ trợ đặc biệt; có thuế suất hợp lý đối với xuất khẩu nguyên liệu; lập quỹ bảo trợ xuất khẩu; ngân hàng áp dụng nghiệp vụ thanh toán giúp người xuất khẩu thu hồi vốn nhanh.

Quản lý chặt chẽ hoạt động *nhập khẩu*, đáp ứng nhu cầu nhập khẩu vật tư, hàng hoá thiết yếu và đổi mới công nghệ cho nền kinh tế.

Đi đôi với việc sửa đổi cơ chế quản lý ngoại tệ, Nhà nước

bảo đảm ngoại tệ cho một số công ty quốc doanh nhập khẩu một phần vật tư thiết yếu để đáp ứng một số nhu cầu và để đối phó với những biến động bất thường trên thị trường. Đối với các nhu cầu khác, Nhà nước tạo điều kiện hỗ trợ và dùng chính sách khuyến khích các ngành và cơ sở, bằng nhiều hình thức khác nhau (kể cả làm đại lý tiêu thụ cho nước ngoài) khai thác các nguồn vật tư trong và ngoài nước, tự giải quyết nhu cầu vật tư của mình và đáp ứng nhu cầu của xã hội theo cơ chế kinh doanh.

Lập lại danh mục hàng hoá theo cách phân loại của thị trường quốc tế; quy định rõ những hàng cấm nhập, những hàng nhập khẩu phải quản lý bằng hạn ngạch và các biện pháp hành chính khác; dùng thuế làm công cụ chính để điều tiết nhập khẩu. Thuế suất tùy thuộc vào mức độ khuyến khích hay hạn chế nhập khẩu, vào chênh lệch giá cả quốc tế với trong nước. Thực hiện chính sách bảo hộ ở mức hợp lý đối với sản xuất trong nước. Chính sách thuế đối với nguyên liệu nhập khẩu cần phân biệt loại nguyên liệu thiết yếu, nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu và nguyên liệu sản xuất xa xỉ phẩm, tiêu dùng nội địa. Thuế nhập khẩu tăng dần theo trình độ chế biến của sản phẩm nhập khẩu (kể cả đối với máy móc thiết bị). Nâng tỷ trọng thu về thuế nhập khẩu trong tổng thu thuế lên mức hợp lý. Thay đổi quy chế ban hành thuế suất để có thể điều chỉnh kịp thời theo những biến động của thị trường.

Tăng cường công tác hải quan, phối hợp với các nước có chung biên giới để chống buôn lậu; áp dụng biện pháp truy thu thuế đối với hàng ngoại trốn thuế nhập khẩu lưu thông trong nội địa.

Chấn chỉnh hệ thống tổ chức quản lý và kinh doanh xuất nhập khẩu. Tập trung chức năng quản lý nhà nước đối với các hoạt động xuất, nhập khẩu vào một đầu mối là Bộ Thương mại và Du lịch. Bộ Thương mại và Du lịch phải đổi mới phương thức quản lý, chấn chỉnh việc cấp hạn ngạch và giấy phép để nâng cao hiệu lực pháp chế nhưng không gây cản trở, phiền hà cho các hoạt động xuất, nhập khẩu.

Các đơn vị xuất, nhập khẩu quốc doanh cần được sắp xếp lại theo chủ trương chung đối với khu vực kinh tế quốc doanh. Nhà nước tăng cường quản lý và kiểm soát vốn kinh doanh, định hướng kế hoạch và hợp đồng với bên ngoài. Ngăn chặn việc thành lập các công ty xuất, nhập khẩu một cách tùy tiện, không bảo đảm vốn và nghiệp vụ kinh doanh.

3. Chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài

Để thực hiện mục tiêu thu hút khoảng 2,5 – 3,5 tỷ đôla Mỹ đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong 5 năm 1991-1995, đi đôi với việc cải thiện tình hình trong nước, khai thông quan hệ chính trị - ngoại giao, cần tích cực tạo môi trường và điều kiện hấp dẫn đầu tư. Chú trọng hoàn chỉnh pháp chế và chính sách đầu tư, xây dựng tốt các dự án gọi vốn đầu tư, khẩn trương đào tạo cán bộ làm việc với các nhà đầu tư nước ngoài.

Trong chính sách cụ thể, cần bổ sung một số điểm:

- Cho nước ngoài đầu tư xây dựng cơ sở mới và đầu tư chiều sâu, cải tạo các xí nghiệp quốc doanh, kể cả các cơ sở đang hoạt động có hiệu quả. Các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh được tham gia hợp tác đầu tư với nước ngoài dưới

những hình thức và trong những lĩnh vực theo luật định. Khuyến khích người Việt cư trú ở nước ngoài đầu tư vào trong nước.

- Bổ sung chính sách thuế và các ưu đãi khác nhằm khuyến khích đầu tư vào miền Trung, miền Bắc và những vùng có nhiều khó khăn về điều kiện kinh tế, sinh hoạt.

- Trên nguyên tắc bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội và lợi ích của đất nước, không hạn chế quy mô và loại tài nguyên mà nước ngoài muốn đầu tư khai thác. Mở rộng hợp lý thời hạn cho thuê đất và áp dụng chính sách đối với người thuê đất phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Cho phép một số ngân hàng nước ngoài thành lập ngân hàng liên doanh với Ngân hàng Việt Nam hoặc đặt chi nhánh tại Việt Nam.

- Triển khai thực hiện quy chế khu chế xuất ở thành phố Hồ Chí Minh, phát triển thêm ở một số nơi như Hải Phòng, Vũng Tàu, Quảng Ninh và một số tỉnh, thành phố khác.

- Chấn chỉnh các tổ chức dịch vụ đầu tư, bảo đảm hoạt động nghiêm chỉnh, tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư. Khắc phục tình trạng gây khó khăn, phiền hà, đòi hối lộ đối với người nước ngoài. Hoàn chỉnh quy chế hoạt động của đại diện công ty nước ngoài ở nước ta và quy chế quản lý cán bộ, nhân viên làm việc trong các văn phòng đại diện, các liên doanh với nước ngoài, bảo đảm bí mật quốc gia và an ninh chính trị, kinh tế.

4. Phát triển đa dạng các hình thức kinh tế đối ngoại khác

Trong lĩnh vực hợp tác lao động, chuyên gia, cần kịp thời

xử lý những vấn đề mới trong quan hệ với các nước thuộc Liên bang Xôviết trước đây và các nước Đông Âu; tích cực mở rộng quan hệ sang các nước khác, trước hết là các nước Trung Đông, châu Phi.

Phát triển du lịch quốc tế, tập trung ở một số vùng trọng điểm. Mở rộng hợp tác với các tổ chức du lịch thế giới, đặc biệt là các nước trong khu vực. Tổ chức dịch vụ nhà ở và phục vụ sinh hoạt cho người nước ngoài kinh doanh thường trú ở nước ta.

Phát triển hàng hải, hàng không, bưu điện quốc tế và các dịch vụ khác trong những lĩnh vực này. Tổ chức lại và phát triển các đội tàu viễn dương.

Hình thành tổ chức và quy chế bảo đảm quản lý và khai thác có hiệu quả nguồn kiều hối, viện trợ của các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ.

Tăng cường sự chỉ đạo, phối hợp liên ngành trong hoạt động kinh tế đối ngoại. Xây dựng tổ chức và cơ chế quản lý, điều hành thanh toán quốc tế, vay nợ, trả nợ nước ngoài.

IV- GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM VÀ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI HƯỞNG LƯƠNG VÀ TRỢ CẤP XÃ HỘI

1. Phương hướng cơ bản để giải quyết *việc làm* là phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế, khả năng đất đai, tài nguyên của đất nước và mở rộng hoạt động kinh tế đối ngoại. Ưu tiên giải quyết việc làm cho số lao động dôi ra trong khu vực nhà nước, bộ đội xuất ngũ, học sinh đã qua các trường đào tạo, thanh niên đến tuổi lao động ở thành thị, lao động hợp tác trở về.

Nhà nước có cơ chế, chính sách tạo môi trường thuận lợi để nhân dân tự tạo việc làm, tự do kinh doanh, tự do thuê mướn lao động theo pháp luật. Nhà nước đầu tư có trọng điểm xây dựng kết cấu hạ tầng, đào tạo và đào tạo lại nghề nghiệp cho người lao động. Phát huy mọi nguồn tiềm năng trong nước, đặc biệt là khơi nguồn vốn trong dân, đồng thời tranh thủ các nguồn lực quốc tế, tập trung cho các chương trình và dự án tạo việc làm có mục tiêu, nhằm vào các hướng chính dưới đây:

- Phát triển công nghiệp và dịch vụ ở thành thị dưới nhiều loại hình, nhất là các hình thức linh hoạt, quy mô nhỏ, kinh tế gia đình. Chú trọng giúp đỡ cho các thanh niên có vốn, có tay nghề tạo ra việc làm.

- Thu hút lao động tại chỗ ở nông thôn vào thâm canh nông nghiệp, phát triển chăn nuôi xuất khẩu, mở rộng ngành nghề và xây dựng nông thôn mới. Tạo điều kiện và hỗ trợ những người đi lập nghiệp ở những vùng thiếu lao động; thu hút mạnh lao động vào chương trình phủ xanh ba triệu hecta đất trống, đồi trọc và khai hoang đất nông nghiệp.

Phát triển các tổ chức thanh niên xung phong làm kinh tế có hiệu quả thành các đơn vị kinh doanh.

- Tìm thị trường mới để xuất khẩu lao động và chuyên gia.

- Tổ chức tốt việc thực hiện chương trình của Cộng đồng châu Âu về tạo việc làm cho những người hồi hương.

Các chương trình tạo việc làm gắn với các chương trình phát triển kinh tế cần được cụ thể hoá thành các dự án đầu tư, trong đó xác định rõ phân đầu tư và chính sách ưu đãi của Nhà nước và phải được tuyên truyền, giải thích rộng rãi

để thu hút vốn và sức lao động của những người muốn tham gia, kể cả vốn của nước ngoài.

Tổ chức tốt việc đăng ký tìm việc làm, các dịch vụ giới thiệu việc làm, các trường, lớp dạy nghề dưới nhiều hình thức. Hình thành hệ thống sự nghiệp tạo việc làm ở các đoàn thể và tổ chức xã hội.

Hình thành và phát triển quỹ quốc gia trợ giúp tạo việc làm và dạy nghề của Nhà nước từ các nguồn vốn trong nước và ngoài nước.

Tăng cường bộ máy chỉ đạo giải quyết việc làm ở trung ương; phối hợp chặt chẽ các bộ, các ngành trong lĩnh vực này.

2. *Ổn định đời sống* của người hưởng lương và hưởng trợ cấp xã hội. Trong các năm 1992-1995, phải chủ động tạo điều kiện thực hiện đề án cải cách chế độ tiền lương đã trình Quốc hội theo các bước đi thích hợp.

Trong năm 1992, đi đôi với việc tiếp tục bù trượt giá kịp thời cho những người hưởng lương và trợ cấp qua ngân sách, bảo đảm tiền lương thực tế không giảm, cần thực hiện một bước cải cách chính sách tiền lương theo nội dung dưới đây:

Tiền tệ hoá một số khoản mục trong cơ cấu tiền lương (bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ trang cấp đồ dùng gia đình...). Nghiên cứu và áp dụng thử việc trợ cấp bằng tiền cho những cán bộ trong tiêu chuẩn có ô tô đưa đón, chuyển một số ô tô sang kinh doanh tácxì. Tạo điều kiện thực hiện việc tiền tệ hoá nhà ở, đưa vào tiền lương. Việc hoá giá và bán nhà cho công nhân chức phải có chủ trương thống nhất trong cả nước, bảo đảm công bằng và chỉ đạo thực hiện chặt chẽ.

Các đơn vị sản xuất, kinh doanh trong khu vực kinh tế

quốc doanh có đủ điều kiện được áp dụng ngay chế độ lương mới.

Đối với khu vực hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang, tiến hành việc tiêu chuẩn hoá cán bộ gắn với thực hiện quy chế công chức và quy chế riêng đối với lực lượng vũ trang. Đẩy mạnh việc chấn chỉnh tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, sắp xếp lại các viện nghiên cứu, các trường đào tạo, giảm 20% biên chế hành chính, sự nghiệp. Trong năm 1992 thực hiện một bước việc cải cách chế độ lương cho khu vực này.

Tiếp tục trợ cấp khó khăn cho một số đối tượng trọng điểm: Những người về hưu có thu nhập quá thấp, lực lượng vũ trang tại các địa bàn xung yếu, cán bộ, nhân viên một số ngành nội chính. Đãi ngộ thoả đáng các trí thức, văn nghệ sĩ có nhiều cống hiến.

Công khai hoá các khoản thu nhập thêm hợp pháp và hợp lý của các cơ quan hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang, cơ quan đảng và các đoàn thể để bù thêm vào tiền lương cho cán bộ, công nhân viên. Các khoản chi có định mức (như hội họp, tiếp tân...) mà cơ quan tiết kiệm được cũng được công khai hoá và bù thêm vào tiền lương.

V- CẢI CÁCH HỆ THỐNG TỔ CHỨC VÀ LÀM TRONG SẠCH BỘ MÁY NHÀ NƯỚC, NÂNG CAO HIỆU LỰC CỦA PHÁP LUẬT

1. Trên cơ sở Hiến pháp sửa đổi được thông qua, tiến hành chương trình cải cách đồng bộ về các mặt tổ chức, chức trách, phương thức hoạt động của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Xác định rõ chức năng quản lý nhà nước trong nền kinh tế thị trường với chế độ tự chủ kinh doanh của các đơn vị kinh tế. Trên cơ sở đó, bố trí lại cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước cho hợp lý, giảm đầu mối, bớt trung gian nhằm tăng cường vai trò quản lý thống nhất ở tầm vĩ mô, khắc phục tình trạng làm sai chức năng, phân tán, chồng chéo.

Trong lĩnh vực hành pháp, phải sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của Chính phủ, đúng với vai trò là cơ quan chấp hành của Quốc hội và là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. Xác định lại chức trách của người đứng đầu Chính phủ, các ngành (bộ, uỷ ban); kiện toàn các cơ quan chức năng có vai trò công cụ quản lý vĩ mô chủ yếu của Nhà nước (kế hoạch, tài chính, ngân hàng...); tiếp tục thu gọn cơ cấu tổ chức Chính phủ và các Bộ quản lý ngành.

Đổi mới quy chế phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương theo hướng đề cao vai trò quản lý tập trung, thống nhất về pháp luật, cơ chế, chính sách của Trung ương và bảo đảm trách nhiệm của chính quyền địa phương theo chức năng quản lý hành chính nhà nước trên địa bàn lãnh thổ. Sửa đổi ngay các quy chế về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, quản lý xuất nhập khẩu... để thực hiện từ đầu năm 1992.

Sắp xếp lại tổ chức bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương theo đúng chức năng và phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể, không nhất thiết có đủ các cơ quan như hệ thống bộ máy ở Trung ương. Phương hướng chung là kiện toàn cấp tỉnh, thành phố và cấp xã, thu gọn chức năng và bộ máy cấp huyện. Đối với các thành phố, cần chú ý những điều kiện đặc thù của đô thị; vai trò của cấp quận và mối quan hệ giữa quận với phường cần được tiếp tục nghiên cứu xác định rõ.

Cùng với việc sắp xếp lại và kiện toàn tổ chức bộ máy, cần xây dựng và ban hành quy chế công chức, từng bước sắp xếp lại cán bộ, nhân viên theo quy chế đó.

Khẩn trương đào tạo và đào tạo lại cán bộ, đặc biệt là đội ngũ công chức với nội dung đổi mới, thiết thực, hình thức linh hoạt nhằm trang bị những kiến thức mới về quản lý nhà nước, về cơ chế quản lý kinh tế mới cũng như về nghiệp vụ.

2. Để kiện toàn tổ chức, phải làm trong sạch bộ máy, tăng cường kỷ luật của Đảng, pháp chế của Nhà nước, chống tham nhũng, quan liêu, lợi dụng chức quyền và buôn lậu.

Trung ương Đảng và Hội đồng Bộ trưởng cần lập một tổ chức gọn, nhưng đủ mạnh để chỉ đạo công tác này. Cán bộ lãnh đạo các ngành, các cấp, các đoàn thể, trước hết là các Ủy viên Trung ương Đảng, phải chịu trách nhiệm trực tiếp về tình hình chấp hành kỷ luật và pháp luật, chống tham nhũng, buôn lậu trong phạm vi mình phụ trách.

Tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm những vụ nghiêm trọng đã phát hiện. Đối với các tội phạm đã kết luận rõ, phải xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật, có tác dụng giáo dục và ngăn ngừa. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, không miễn trừ ai. Nghiêm cấm việc can thiệp trái pháp luật của những người có chức có quyền vào việc thanh tra, điều tra, kết luận và xử lý của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Loại ra khỏi cương vị lãnh đạo những cán bộ tham nhũng, bao che cho kẻ phạm tội. Đưa ra khỏi Đảng những đảng viên tham nhũng.

Tiến hành đồng bộ cả ba mặt: Xây dựng pháp luật, tăng cường lực lượng bảo vệ pháp luật, giáo dục mọi người hiểu biết và thi hành pháp luật.

Thể chế hoá kịp thời các chủ trương, chính sách. Soát xét các quy định về quản lý kinh tế, tài chính, các thể thức, thủ tục hành chính, khắc phục các sơ hở, giảm bớt thủ tục và tầng nấc phải xin phép. Các văn bản pháp quy có phạm vi thực hiện rộng rãi, đều phải công bố công khai.

Xoá bỏ ngay "quy chế ngầm" các xí nghiệp, tổ chức kinh doanh đóng góp tiền của nuôi cơ quan chỉ đạo hành chính cấp trên. Khẩn trương tiến hành thanh tra các tổ chức làm kinh tế trực thuộc các cơ quan hành chính, khoa học kỹ thuật, đoàn thể xã hội, lực lượng vũ trang..., kiên quyết xoá bỏ các đơn vị làm ăn phi pháp gây tổn thất lớn và xác định rõ trách nhiệm của người phụ trách. Nghiêm cấm việc dùng của công để biếu xén, ăn uống tiêu xài lãng phí.

Tuyển chọn ngay cán bộ tốt, có năng lực để bổ sung cho lực lượng thanh tra của Nhà nước và của các ngành, chú trọng thanh tra tài chính, tín dụng, kinh doanh xuất, nhập khẩu. Tăng cường các lực lượng bảo vệ pháp luật, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, nhân viên làm nhiệm vụ chống tham nhũng, buôn lậu. Bồi dưỡng kiến thức mới về quản lý kinh tế - xã hội cho lực lượng này. Tăng cường phương tiện nghiệp vụ cần thiết, chăm lo thích đáng đời sống của cán bộ, chiến sĩ được giao nhiệm vụ.

Xoá bỏ chế độ trích thưởng theo tỷ lệ tiền của thu hồi được cho những người làm công tác này, thay bằng một loại phụ cấp thích hợp.

Chú trọng công tác giáo dục thường xuyên về pháp luật trong các trường học, các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức linh hoạt. Hết sức coi trọng ý kiến nhân dân phát hiện cán bộ, nhân viên phạm khuyết điểm. Xây dựng quy chế thể

hiện trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, Đảng, đoàn thể, v.v. đối với đơn từ tố giác, khiếu nại của công dân, hội viên, đảng viên... Phát triển các tổ chức dịch vụ, tư vấn về pháp lý. Xúc tiến nghiên cứu thành lập toà án hành chính để nâng cao trách nhiệm và hiệu lực xét xử những việc thuộc quan hệ giữa cơ quan nhà nước và công dân.

Phát huy tác dụng tích cực của các cơ quan thông tin đại chúng, đề cao đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lên án những hành vi tham nhũng, buôn lậu, lối sống xa hoa, lãng phí, đua đòi. Thông tin về các vụ, việc tiêu cực cần bảo đảm chính xác, có phê phán, đấu tranh, có tác dụng giáo dục.

Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, tăng cường đoàn kết nhất trí, ra sức phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách, thực hiện tốt phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp trên đây, quyết tâm giữ vững ổn định chính trị, đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo đà vững chắc để thực hiện thắng lợi mục tiêu - chiến lược đến năm 2000.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ ĐỒ MƯỜI
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI BAN CHẤP
HÀNH TRUNG ƯƠNG (KHOÁ VII)**

Ngày 4 tháng 12 năm 1991

*Thưa các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí Trung ương,*

Sau chín ngày làm việc, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) đã hoàn tất công việc.

Các đồng chí Trung ương đã cho ý kiến về *tư tưởng chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp ổn định, phát triển kinh tế - xã hội những năm 1992-1995 và năm 1992.*

Hội nghị Trung ương nhất trí về cách đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội, nguyên nhân của những tiến bộ và những mặt yếu kém trong năm 1991, quan tâm đến một số nhân tố mất ổn định gay gắt hơn năm trước. Tình hình và nhiệm vụ mới đòi hỏi mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương, mỗi cấp, mỗi ngành nêu cao tinh thần trách nhiệm thiết lập và thực hiện triệt để kỷ luật kỷ cương, tổ chức và động viên phong trào cách mạng của quần chúng vượt qua khó

khăn và trở lực, hoàn thành các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, đưa đất nước tiến lên.

Năm 1992 và những năm tiếp theo có những khó khăn mới có thể nói là khá gay gắt, nhưng cũng có nhiều thuận lợi mới, là thời điểm có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với đất nước ta. Ổn định và phát triển kinh tế - xã hội là điều kiện cơ bản để tăng cường sự ổn định về chính trị và ổn định về chính trị là điều kiện cơ bản để ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Làm được như thế thì chúng ta sẽ có thể đứng vững chắc và có thể phát triển mạnh hơn, nhanh hơn, tốt hơn.

Hội nghị Trung ương cũng đã cho ý kiến *về quan điểm và phương hướng cơ bản chỉ đạo việc sửa đổi Hiến pháp, cải cách một bước bộ máy nhà nước, đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.*

Sau Hội nghị Trung ương này, bản dự thảo sửa đổi Hiến pháp sẽ được chỉnh lý và công bố để nhân dân thảo luận góp ý kiến. Đây là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn, tập hợp trí tuệ của nhân dân, góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức trách nhiệm thực hiện pháp luật của mỗi công dân.

Mong rằng các đồng chí Trung ương cùng các cấp uỷ đảng lãnh đạo chặt chẽ việc lấy ý kiến nhân dân một cách thật sự dân chủ, đồng thời cảnh giác đối với những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch và các phần tử xấu lợi dụng đợt sinh hoạt này hòng gây mất ổn định chính trị, tư tưởng.

Cũng tại Hội nghị này, các đồng chí Trung ương đã cho ý kiến về *nhiệm vụ của chúng ta trước tình hình mới ở Liên Xô và tình hình Campuchia.*

Việc cho ý kiến đó một lần nữa thể hiện bản lĩnh chính

trị vững vàng của Đảng ta và niềm tin của Ban Chấp hành Trung ương ta, với đường lối đối nội, đối ngoại đúng đắn do Nghị quyết Đại hội VII đề ra, sẽ lãnh đạo nhân dân ta vượt qua khó khăn, tiếp tục đưa công cuộc đổi mới tiến lên vững chắc.

Nhưng cũng cần thấy rằng tình hình Campuchia, tình hình Liên Xô cũng như tình hình thế giới còn đang diễn biến hết sức phức tạp, chúng ta chỉ có thể đánh giá được những vấn đề có cơ sở, chứ chưa lường hết được trước những gì sẽ xảy ra. Vì vậy, Đảng ta phải tiếp tục theo dõi, nghiên cứu tình hình quốc tế, có nhận định đúng và có đối sách đúng, vừa phát triển kinh tế - xã hội vừa cảnh giác đối với các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch cả về mặt diễn biến hoà bình cũng như về hoạt động vũ trang.

Chúng ta tích cực chuẩn bị để Hội nghị Trung ương ba tới sẽ bàn một vấn đề lớn mà nhiều đồng chí Trung ương ở Hội nghị này đã đặt ra là: tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của chúng ta.

Tại Hội nghị Trung ương này, các đồng chí Trung ương lại nêu lên một vấn đề có ý nghĩa quyết định là *xây dựng đảng vững mạnh về mọi mặt, làm trong sạch đảng, chống tham nhũng*.

Phải nói rằng đại bộ phận cán bộ, đảng viên ta vẫn giữ được phẩm chất, đạo đức cách mạng. Song, bên cạnh đó, một bộ phận cán bộ, đảng viên đã biến chất, trong đó phần lớn là những người có chức, có quyền, nắm tiền bạc, tài sản của quốc gia. Họ giành đặc quyền, đặc lợi, tham nhũng, ăn hối lộ, buôn lậu, làm giàu bất chính, tiêu xài phè phỡn trong lúc đất nước còn nghèo, nhân dân còn rất thiếu thốn. Trong bộ máy

đảng và nhà nước, bệnh quan liêu khá nặng nề. Tình trạng vi phạm kỷ luật, kỷ cương và pháp luật xảy ra rất nghiêm trọng ở hầu hết các lĩnh vực. Ý chí chiến đấu giảm sút, thái độ bàng quan vô trách nhiệm diễn ra ở nhiều cán bộ. Nhiều tổ chức đảng, nhất là các tổ chức đảng ở cơ sở yếu kém, không ngang tầm với nhiệm vụ mới. Tình hình đó vừa làm suy yếu sức chiến đấu và lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước, vừa làm giảm lòng tin của quần chúng đối với Đảng. Nhiều chủ trương chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước không những không được thực hiện nghiêm túc, vô điều kiện, mà ngược lại còn bị lợi dụng, xuyên tạc có lợi cho cá nhân hoặc phe nhóm mang tính chất phường hội. Lẽ đương nhiên, kẻ thù trong và ngoài nước đang ra sức lợi dụng triệt để những yếu kém đó để chống lại Đảng, hy vọng "diễn biến hoà bình" hòng lật đổ từ bên trong, đưa đất nước ta đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa.

Đứng trước tình hình đó và trước những nhiệm vụ nặng nề trong giai đoạn cách mạng hiện nay, Đảng phải kiên quyết chỉnh đốn và đổi mới chính mình. Đó là một đòi hỏi khách quan, có ý nghĩa sống còn đối với sứ mệnh chính trị của Đảng và tương lai đất nước.

Hơn lúc nào hết, lúc này càng phải xiết chặt kỷ luật của Đảng, tuân thủ kỷ cương, pháp luật của Nhà nước, loại trừ khỏi Đảng những phần tử thoái hoá, biến chất và xử lý nghiêm minh theo pháp luật. Tất cả cán bộ, đảng viên, các tổ chức của Đảng và cơ quan xí nghiệp của Nhà nước phải gương mẫu chấp hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nghiêm chỉnh thi hành đúng pháp luật của Nhà nước. Chúng ta nhất

định phải phát huy đầy đủ dân chủ trong Đảng và trong nhân dân, nhưng chúng ta cũng kiên quyết chống mọi biểu hiện cơ hội, dân chủ tư sản, cực đoan, tự do vô chính phủ. Phải đặc biệt coi trọng cơ sở đảng vững mạnh và trong sạch.

Đây là vấn đề hết sức hệ trọng và cấp bách, cần có kế hoạch khẩn trương chuẩn bị để Ban Chấp hành Trung ương sớm có một hội nghị chuyên đề về công tác xây dựng đảng. Đề nghị các đồng chí Ủy viên Trung ương, các cấp ủy đảng đặc biệt quan tâm đến vấn đề này, gương mẫu và nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước, có kế hoạch chủ động xây dựng đảng ở ngành và địa phương mình, đồng thời đóng góp tích cực với Trung ương trong công tác có ý nghĩa quyết định này.

Trên đây là một số vấn đề tôi nhấn mạnh thêm để kết thúc Hội nghị này. Điều quan trọng là sau Hội nghị này, mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương cùng với tập thể, căn cứ vào nghị quyết của Trung ương, tính toán những việc phải làm trong ngành và địa phương mình, có kế hoạch tổ chức thực hiện chu đáo; lựa chọn đúng người để giao việc, triển khai công việc, tranh thủ thời gian giành được kết quả cụ thể. Nói cách khác là phải hành động, hành động khẩn trương, hành động có hiệu quả. Đó chính là biểu hiện tinh thần trách nhiệm và tính kỷ luật của mỗi đồng chí chúng ta.

Thưa các đồng chí Trung ương, chúng ta thực hiện Nghị quyết Đại hội VII trong 6 tháng qua đã đạt được một số kết quả tốt và đã hoàn thành công việc của năm 1991. Tôi xin chúc các đồng chí Cố vấn và các đồng chí Trung ương bước sang năm mới 1992 luôn luôn mạnh khỏe và gia

đình hạnh phúc, có nhiều thành công mới trong công tác của mình.

Thay mặt Đoàn Chủ tịch, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII).

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 18-QĐ/TW, ngày 16 tháng 12 năm 1991

**VỀ QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA
TRUNG ƯƠNG**

Căn cứ vào Điều lệ Đảng do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII thông qua và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương được Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) thông qua, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương như sau:

**I- NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN KIỂM TRA
TRUNG ƯƠNG**

Điều 1:

Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương:

1. Giải quyết những công việc thuộc nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định tại Chương VII, Chương VIII Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.
2. Xem xét, kết luận, chuẩn bị hồ sơ trình Ban Bí thư, Bộ

Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương quyết định các vụ kỷ luật thuộc thẩm quyền của Ban Bí thư, Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương.

3. Giải thích, hướng dẫn và kiểm tra các tổ chức đảng, các uỷ ban kiểm tra cấp dưới và đảng viên thực hiện những quy định tại Chương VII, Chương VIII Điều lệ Đảng.

4. Chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư bàn về công tác kiểm tra và công tác xây dựng đảng có liên quan đến nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra.

5. Theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương và kiến nghị với Ban Bí thư, Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương nhằm bảo đảm thực hiện đúng quy chế đó.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ công tác kiểm tra, về xây dựng bộ máy và bồi dưỡng cán bộ cho uỷ ban kiểm tra các cấp; quyết định những vấn đề về tổ chức, biên chế bộ máy, cán bộ,... của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương theo quy định của Ban Bí thư.

Điều 2:

Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên trong Ủy ban Kiểm tra Trung ương:

1. Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì công việc của Ủy ban, trực tiếp chỉ đạo thực hiện các công tác trọng tâm trong từng thời gian; chỉ đạo chuẩn bị và chủ trì các cuộc hội nghị của Ủy ban và cùng đồng chí phó chủ nhiệm thường trực thay mặt Ủy ban giải quyết các công việc

được uỷ quyền giữa hai kỳ họp và báo cáo lại trước tập thể Uỷ ban trong cuộc họp gần nhất.

2. Phó chủ nhiệm thường trực Uỷ ban giúp chủ nhiệm quản lý, điều hành bộ máy giúp việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác và các quyết định của tập thể Uỷ ban và giải quyết các công việc thuộc về nội bộ cơ quan, chuẩn bị các cuộc hội nghị của Uỷ ban và giải quyết các công việc giữa hai kỳ họp.

3. Các phó chủ nhiệm và uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương chủ động góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương quy định tại Chương VII, Chương VIII Điều lệ Đảng, đồng thời thực hiện những nhiệm vụ cụ thể do Uỷ ban phân công. Qua thực hiện nhiệm vụ, kịp thời báo cáo hoặc kiến nghị với Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, Ban Bí thư, Bộ Chính trị những vấn đề cần thiết.

4. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương được cử đại diện (chủ nhiệm, phó chủ nhiệm hoặc uỷ viên Uỷ ban) dự các kỳ họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, hội nghị của cấp uỷ, thường vụ cấp uỷ các cấp và hội nghị của các ngành bàn về công tác xây dựng đảng, công tác kiểm tra và các công tác khác có liên quan.

Các uỷ viên Uỷ ban Kiểm tra Trung ương không phải là Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương được dự Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương mở rộng.

II- NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Điều 3:

Uỷ ban Kiểm tra Trung ương làm việc theo nguyên tắc

tập thể, mỗi quý họp hai lần và khi cần có thể họp bất thường. Mọi việc thuộc phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn đã được ghi trong Điều lệ Đảng và Quy chế này phải được bàn bạc tập thể và quyết định theo đa số, khi cần có biểu quyết.

Điều 4:

Căn cứ vào các nghị quyết của Đại hội, nghị quyết và chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ, tình hình thực tế của cơ quan, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương có chương trình công tác hằng năm, 6 tháng, 3 tháng, lịch công tác hằng tuần và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết công tác.

Điều 5:

Hằng năm, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và từng uỷ viên kiểm điểm tự phê bình và phê bình về việc thực hiện nhiệm vụ, về chấp hành quy chế làm việc của Uỷ ban và về phẩm chất, đạo đức cách mạng của đảng viên.

III- SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐỐI VỚI ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Điều 6:

Uỷ ban Kiểm tra Trung ương làm việc dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp và thường xuyên là Ban Bí thư:

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo trước hội nghị thường kỳ của Ban Chấp hành Trung ương về tình hình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2. Mỗi năm một lần, Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo về công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng với Ban Bí thư và xin ý kiến chỉ đạo.

3. Mỗi quý hai lần, Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo với Ban Bí thư những vấn đề cần giải quyết và trình duyệt các vụ kỷ luật thuộc thẩm quyền của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Nếu có việc bất thường thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo Thường trực Ban Bí thư. Đối với những vụ kỷ luật cần báo cáo với hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương chuẩn bị nội dung trình Bộ Chính trị để xin ý kiến trước.

Sau khi các vụ kỷ luật đã được quyết định, Ủy ban kiểm tra Trung ương chịu trách nhiệm thông báo cho người và tổ chức bị thi hành kỷ luật và theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành quyết định đó.

Điều 7:

Quan hệ công tác giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với các ban của Trung ương Đảng:

1. Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các ban của Đảng có liên quan khi xem xét, xử lý những đảng viên vi phạm kỷ luật là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

Trong việc chuẩn bị nhân sự cấp ủy, chuẩn y danh sách cấp ủy trực thuộc và đề bạt cán bộ diện Trung ương quản lý,

Ủy ban Kiểm tra Trung ương cùng Ban Tổ chức Trung ương và các ban có liên quan giúp Trung ương kết luận những vấn đề cần xem xét.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương giúp các cấp ủy tỉnh, thành phố và đảng ủy trực thuộc Trung ương chuẩn bị nhân sự ủy ban kiểm tra của các cấp ủy đó.

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm cung cấp tình hình và tài liệu cần thiết cho Văn phòng Trung ương để phục vụ sự lãnh đạo của Trung ương. Văn phòng Trung ương cung cấp cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương những thông tin cần thiết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn hoặc liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Ủy ban Kiểm tra Trung ương quan hệ chặt chẽ với Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương, thường xuyên thông tin, thông báo cho nhau về tình hình tư tưởng của đảng viên, tình hình đảng viên chấp hành kỷ luật Đảng và phối hợp, giúp đỡ lẫn nhau để làm tốt công tác kiểm tra của Đảng và công tác giáo dục tư tưởng đối với đảng viên.

Điều 8:

Quan hệ công tác giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với các tổ chức đảng và đảng viên là thủ trưởng các cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp chặt chẽ với tổ chức đảng và đảng viên là thủ trưởng các cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân để giải quyết những trường hợp

đảng viên vi phạm kỷ luật là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý làm việc tại các cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân, đúng thẩm quyền thi hành kỷ luật đã được quy định tại Điều 36 Điều lệ Đảng và quy chế quản lý cán bộ của Bộ Chính trị:

1. Nếu vi phạm kỷ luật thuộc trách nhiệm của Ủy ban Kiểm tra Trung ương giải quyết thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương trao đổi ý kiến với các đảng viên là thủ trưởng cơ quan nơi có cán bộ vi phạm trước khi Ủy ban Kiểm tra Trung ương quyết định hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định.

2. Trong quá trình kiểm tra, xem xét, kết luận và xử lý đảng viên vi phạm kỷ luật là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và tổ chức đảng, các đảng viên là thủ trưởng cơ quan nhà nước hoặc đoàn thể nhân dân cần phối hợp với nhau chặt chẽ, bàn bạc thống nhất. Trường hợp có ý kiến khác nhau thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương phải trình bày rõ để Bộ Chính trị, Ban Bí thư giải quyết.

Điều 9:

Quan hệ công tác giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương với các cấp ủy trực thuộc Trung ương:

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương giúp Ban Bí thư hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết những vấn đề về công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng và các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra mà cấp ủy trực thuộc Trung ương kiến nghị lên Ban Chấp hành Trung ương.

2. Các cấp ủy trực thuộc Trung ương cần phản ánh với

Ủy ban Kiểm tra Trung ương tình hình lãnh đạo, chỉ đạo công tác của ủy ban kiểm tra cấp mình, bàn bạc với Ủy ban Kiểm tra Trung ương những vấn đề cần giải quyết về công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật ở ngành và địa phương. Các cấp ủy trực thuộc Trung ương, khi chuẩn bị nhân sự ủy ban kiểm tra của cấp ủy mình, cần trao đổi ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Trung ương trước khi bầu cử. Nếu cần điều động chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của cấp ủy trực thuộc sang công tác khác thì phải thảo luận với Ban Tổ chức Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Trung ương để xin ý kiến Ban Bí thư và khi được Ban Bí thư đồng ý mới ra quyết định điều động.

3. Các báo cáo thường kỳ của cấp ủy trực thuộc Trung ương về xây dựng đảng, về công tác kiểm tra, về tài chính đảng và các báo cáo chuyên đề khác liên quan đến công tác kiểm tra gửi lên Trung ương Đảng phải đồng gửi cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Điều 10:

Quan hệ công tác giữa Ủy ban Kiểm tra Trung ương và ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp dưới:

Ủy ban Kiểm tra Trung ương có quyền kiểm tra hoạt động của các ủy ban kiểm tra cấp dưới, nhưng chủ yếu là ủy ban kiểm tra của cấp ủy trực thuộc Trung ương. Ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp dưới có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban Kiểm tra Trung ương về các nội dung được kiểm tra và các vấn đề có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Điều 11:

Trong quá trình Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành công tác kiểm tra, Ủy ban Kiểm tra Trung ương được yêu cầu các tổ chức đảng và cá nhân cán bộ, đảng viên báo cáo tình hình và cung cấp tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra. Nếu thấy có vấn đề gì cần tham gia ý kiến thì các tổ chức đảng và cá nhân cán bộ, đảng viên trực tiếp trao đổi với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, không được can thiệp hoặc gây khó khăn, trở ngại cho việc xem xét, xử lý. Khi báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương phải trình bày cả những ý kiến của các tổ chức đảng và cá nhân đề đạt (nếu có).

IV- CHẤP HÀNH QUY CHẾ**Điều 12:**

Quyết định về quy chế làm việc này thay thế cho Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương số 37-QĐ/TW, ngày 8-2-1984 do Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá V) ban hành và được phổ biến đến chi bộ.

Điều 13:

Ủy ban Kiểm tra Trung ương căn cứ vào nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định, căn cứ vào quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, quy chế làm việc của các ban của Trung ương và quy chế này để tiến hành công tác, xây dựng các quy định cụ thể về lề lối làm việc của cơ quan nhằm bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Điều 14:

Các tỉnh uỷ, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Trung ương căn cứ vào nội dung Quyết định này để xây dựng và ban hành quy chế làm việc của uỷ ban kiểm tra cấp mình.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 19-QĐ/TW, ngày 20 tháng 12 năm 1991

**VỀ VIỆC TẠM ĐÌNH CHỈ SINH HOẠT ĐẢNG ĐỐI VỚI
ĐẢNG VIÊN, CẤP ỦY VIÊN VÀ TỔ CHỨC ĐẢNG
GHI TRONG ĐIỀU 38 ĐIỀU LỆ ĐẢNG**

- Căn cứ Điều 38 của Điều lệ Đảng, giao cho Ban Chấp hành Trung ương quy định việc tạm đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, tạm đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên và tạm đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng;

- Căn cứ vào tình hình vi phạm kỷ luật của đảng viên và việc thi hành kỷ luật trong Đảng;

BỘ CHÍNH TRỊ QUY ĐỊNH:

1. Việc tạm đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, tạm đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên và tạm đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng là nhằm ngăn chặn hành động gây trở ngại cho công việc xem xét, kết luận hoặc không để cho việc vi phạm trở nên nghiêm trọng hơn. Do đó, việc tạm đình chỉ này chỉ áp dụng trong trường hợp đặc biệt như sau:

a) Khi đảng viên bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền truy tố hoặc tạm giam, hoặc có hành động cụ thể cố ý gây trở ngại cho công tác lãnh đạo, kiểm tra của Đảng.

b) Khi cấp ủy viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng đến mức có thể bị thi hành kỷ luật từ cách chức cấp ủy viên trở lên hoặc có hành động cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp ủy và công tác kiểm tra. Cấp ủy viên bị tạm đình chỉ sinh hoạt đảng thì đương nhiên bị tạm đình chỉ sinh hoạt cấp ủy.

c) Khi tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng đến mức có thể bị thi hành kỷ luật bằng hình thức giải tán hoặc có hành động cố ý gây trở ngại cho công tác lãnh đạo và kiểm tra của Đảng.

2. Thời hạn tạm đình chỉ sinh hoạt và hoạt động đối với đảng viên, cấp ủy viên và tổ chức đảng như sau:

a) Thời hạn tạm đình chỉ sinh hoạt đảng đối với đảng viên là ba tháng. Trường hợp cần gia hạn thì tổng số thời gian (kể cả trước và sau khi gia hạn) cũng không quá sáu tháng.

Riêng đối với trường hợp đảng viên bị tạm giam thì việc tạm đình chỉ sinh hoạt đảng theo thời hạn lệnh tạm giam (kể cả gia hạn nếu có) của cơ quan pháp luật có thẩm quyền (quy định tại Điều 71, Chương V, Bộ luật tố tụng hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Khi hết thời gian tạm giam (kể cả gia hạn nếu có) mà cơ quan pháp luật không truy tố thì tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định cho đảng viên tiếp tục sinh hoạt đảng và xem xét, nếu phải xử lý kỷ luật đảng thì tiến hành theo nguyên tắc, thủ tục đã quy định.

b) Thời hạn tạm đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên là ba tháng. Trường hợp cần gia hạn thì tổng số thời gian (kể cả trước và sau gia hạn) cũng không quá sáu tháng.

c) Thời hạn tạm đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng là sáu tháng. Trường hợp cần gia hạn thì tổng số thời gian (kể cả trước và sau gia hạn) cũng không quá 12 tháng.

3. Những việc nói trong điểm 1 và 2 trên đây phải do cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra có thẩm quyền chuẩn y kỷ luật khai trừ đảng viên, cách chức cấp uỷ viên và giải tán tổ chức đảng quyết định. Cụ thể là:

a) *Tạm đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên*

- Đối với đảng viên không giữ chức vụ, chi bộ và đảng uỷ cơ sở (nếu có) đề nghị uỷ ban kiểm tra cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền, chuẩn y.

- Đối với đảng viên là cán bộ do cấp uỷ cấp trên quản lý nhưng không phải là cấp uỷ viên các cấp, chi bộ và đảng uỷ cơ sở đề nghị lên cấp uỷ quản lý cán bộ đó quyết định.

- Đối với đảng viên là uỷ viên ban chấp hành các cấp, chi bộ và ban chấp hành mà đảng viên đó là thành viên đề nghị lên cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y (trường hợp là chi uỷ viên thì huyện uỷ hoặc cấp uỷ tương đương chuẩn y). Nếu đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ, cấp uỷ nào có thẩm quyền cách chức và khai trừ thì cấp đó chuẩn y.

b) *Tạm đình chỉ sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên* cấp nào thì cấp uỷ cấp ấy đề nghị, cấp uỷ cấp trên trực tiếp quyết định; nếu đảng viên tham gia nhiều cấp uỷ, cấp uỷ nào có thẩm quyền cách chức, khai trừ thì cấp đó chuẩn y.

c) *Tạm đình chỉ hoạt động một tổ chức đảng* do cấp uỷ cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp uỷ cấp trên trực tiếp của cấp uỷ đề nghị chuẩn y. Trường hợp phải đình chỉ hoạt động của một cấp uỷ (hoặc ban thường vụ cấp uỷ) trực thuộc Trung

ương do Bộ Chính trị quyết định. Sau khi có quyết định chuẩn y, cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức đó được quyền chỉ định một tổ chức tạm thời để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức đảng bị tạm đình chỉ hoạt động.

d) Trong trường hợp thấy đủ căn cứ phải tạm đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, tạm đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng, tuy đã được cấp trên nhắc nhở, song tổ chức đảng cấp dưới không thực hiện thì tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ.

4. Trong thời gian bị tạm đình chỉ sinh hoạt và hoạt động thì đảng viên và cấp uỷ viên bị tạm đình chỉ sinh hoạt, đảng viên và cấp uỷ viên trong tổ chức đảng bị tạm đình chỉ hoạt động phải nghiêm chỉnh chấp hành mọi yêu cầu của tổ chức đảng (tuồng trình sự việc, tự kiểm điểm sai lầm, làm các việc được giao, v.v.), được đề đạt ý kiến của mình với các tổ chức đảng có thẩm quyền, nhưng không được lấy danh nghĩa tổ chức hoặc danh nghĩa đảng viên, cấp uỷ viên đã bị tạm đình chỉ để điều hành công việc và dự các buổi sinh hoạt định kỳ.

- Trong thời gian tạm đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, sinh hoạt cấp uỷ của cấp uỷ viên, hoạt động của tổ chức đảng, tổ chức đảng có thẩm quyền phải nhanh chóng xem xét, giải quyết kịp thời. Nếu đảng viên phạm sai lầm không đến mức phải khai trừ; cấp uỷ viên phạm sai lầm không đến mức phải cách chức cấp uỷ viên trở lên; tổ chức đảng phạm sai lầm không đến mức phải giải tán thì tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định cho trở lại sinh hoạt, trở lại hoạt động và xem xét kỷ luật thích hợp.

5. Cấp uỷ nào quyết định chuẩn y tạm đình chỉ sinh

hoạt, tạm đình chỉ hoạt động thì cấp uỷ đó ra quyết định chuẩn y cho trở lại sinh hoạt, trở lại hoạt động và nếu cần thì xem xét, xử lý kỷ luật theo nguyên tắc, thủ tục đã quy định.

Quy định này thay thế cho các quy định trước đây về vấn đề trên, được phổ biến đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BAN BÍ THƯ

Số 04-CT/TW, ngày 20 tháng 12 năm 1991

Về đổi mới và tăng cường công tác đảng ở ngoài nước

Những diễn biến hết sức phức tạp của tình hình thế giới, đặc biệt là tình hình các nước Đông Âu và Liên Xô, đã có những ảnh hưởng tiêu cực đến cán bộ, đảng viên và người Việt Nam ở nước ngoài. Thực hiện chiến lược diễn biến hoà bình đối với nước ta, các thế lực thù địch chủ nghĩa xã hội ra sức lợi dụng tình hình đó, tìm cách tác động vào đội ngũ chúng ta ở ngoài nước.

Trước những khó khăn của đất nước, mặt dầu còn có nhiều băn khoăn, lo lắng, số đông cán bộ, đảng viên, quần chúng ở ngoài nước nhất trí với đường lối của Đảng và Nhà nước ta, xác định được trách nhiệm đối với đất nước. Tuy vậy, tâm trạng hoài nghi về chủ nghĩa xã hội đang phát triển. Một bộ phận đảng viên giảm sút ý chí phấn đấu và tinh thần trách nhiệm, thậm chí có đảng viên đào ngũ, bỏ chạy. Một số rất ít hoạt động chống Đảng và Tổ quốc. Quần chúng nói chung ít gắn bó với tổ chức, số đông lo làm ăn kiếm thêm thu nhập.

Trong tình hình nói trên, các đảng bộ ngoài nước đã có nhiều cố gắng trong công tác tư tưởng, chính trị và tổ chức nhằm giữ vững sự ổn định về chính trị. Song công tác đảng, công tác quần chúng còn có nhiều khuyết điểm: công tác tư tưởng, chính trị nhiều nơi thiếu chủ động, hữu khuynh, tổ chức và phương thức hoạt động không chuyển kịp với sự phát triển của tình hình, tổ chức cơ sở nhìn chung còn yếu.

Trong thời gian tới, thực hiện đường lối do Đại hội lần thứ VII của Đảng đề ra, hoạt động đối ngoại của nước ta sẽ được tăng cường, quan hệ quốc tế ngày càng mở rộng. Số lượng người Việt Nam, trong đó có đảng viên, ra nước ngoài công tác, học tập, lao động sẽ ngày càng nhiều và trên nhiều địa bàn khác nhau. *Công tác đảng ở ngoài nước phải được đổi mới và tăng cường* cho phù hợp với tình hình mới và đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ đối ngoại, góp phần tích cực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhiệm vụ công tác đảng ở ngoài nước hiện nay và trong những năm sắp tới là:

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với người Việt Nam được cử ra nước ngoài, giáo dục cán bộ, đảng viên và quần chúng hiểu rõ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, tin tưởng vào công cuộc đổi mới và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; tôn trọng luật pháp, phong tục, tập quán của nước sở tại; bảo đảm lợi ích và sự an toàn của đảng viên và quần chúng, động viên họ hoàn thành nhiệm vụ được giao, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau, quan hệ hữu nghị với nhân dân nước sở tại, góp phần tích cực vào việc thực hiện chính sách đối ngoại của Đảng và thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

1. *Đổi mới và thường xuyên chăm lo công tác tư tưởng, chính trị*

Làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng ở nước ngoài hiểu rõ đường lối, quan điểm do Đại hội VII của Đảng đề ra về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, về đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện; thấy rõ những thành tựu bước đầu rất quan trọng đã đạt được, những khó khăn phải khắc phục để ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, ra khỏi khủng hoảng hiện nay và đưa đất nước tiến lên trên con đường xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó, nâng cao lòng tin vào đường lối độc lập tự chủ và sự lãnh đạo của Đảng ta, vào sức mạnh của nhân dân ta; giáo dục lòng yêu nước và tự hào dân tộc, nâng cao ý thức trách nhiệm hoàn thành nhiệm vụ của mỗi người, đoàn kết, giúp đỡ nhau trong công việc và cuộc sống, đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Nội dung thông tin, tuyên truyền, giáo dục cần thiết thực, nói rõ sự thật, lấy tình hình thực tế so sánh, phân tích để có sức thuyết phục, làm rõ những điều cơ bản để có cơ sở định hướng đúng đắn cho suy nghĩ và hành động. Đi đôi với công tác tư tưởng, cần điều chỉnh các chính sách, chế độ cho phù hợp, chăm lo lợi ích chính đáng của quần chúng.

Cải tiến các bản tin nhanh, tăng cường việc gặp gỡ, trao đổi ý kiến, giải đáp thắc mắc. Ban Cán sự đảng ngoài nước, Ban Tư tưởng - Văn hóa cùng các cơ quan hữu quan cung cấp nội dung thông tin, tuyên truyền kịp thời, gửi tài liệu, báo chí, các băng ghi hình và ghi âm; Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam tăng công suất và số giờ phát thanh ra ngoài nước, nâng cao chất lượng nội dung phát thanh. Mặt khác, chủ

động, kiên quyết và khôn khéo đấu tranh với những phần tử và nhóm chống đối. Theo dõi sát tình hình hoạt động và âm mưu, thủ đoạn của họ ở từng nơi, từng lúc để kịp thời xử lý. Phân biệt những kẻ cầm đầu để phân hoá, cô lập họ bằng sức mạnh của quần chúng với những người bị lôi kéo mà ta phải kiên trì thuyết phục. Phải xử lý về mặt hành chính một số phần tử cố tình chống lại Tổ quốc.

2. *Coi trọng xây dựng tổ chức cơ sở đảng, chi bộ vững mạnh*

Trong tình hình phức tạp ở ngoài nước, các đảng bộ ngoài nước phải hoạt động và sinh hoạt *theo nguyên tắc bí mật, đổi mới phương thức công tác, coi trọng bảo vệ nội bộ, giữ vững sự ổn định về chính trị và tổ chức*. Ở những nước có đông đảng viên cần điều chỉnh hệ thống tổ chức đảng cho gọn nhẹ, bảo đảm cho sự chỉ đạo được kịp thời.

Đặc biệt coi trọng *xây dựng tổ chức cơ sở đảng, chi bộ vững mạnh*. Tổ chức cơ sở và chi bộ cần gọn, tiện cho sinh hoạt và công tác, cho việc quản lý đảng viên; trường hợp cần thiết có thể tổ chức đơn tuyến. Giữ vững sinh hoạt chi bộ nhưng tránh hình thức, có nội dung thiết thực, có nghị quyết và phân công rõ ràng nhiệm vụ cho đảng viên; lựa chọn các cấp uỷ viên, bí thư chi bộ đúng tiêu chuẩn, thường xuyên chăm lo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở.

Tăng cường công tác kiểm tra tổ chức cơ sở đảng và chi bộ, đề cao trách nhiệm đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng, của chi bộ. Biểu dương những đảng viên gương mẫu hoàn thành nhiệm vụ, được quần chúng tín nhiệm. Kiên trì giáo dục những đảng viên có quan điểm chính trị sai trái, đấu tranh chống những

biểu hiện tham nhũng, tiêu cực. Kiên quyết đưa những người không đủ tư cách đảng viên ra khỏi Đảng, đồng thời coi trọng việc kết nạp đảng viên mới đúng tiêu chuẩn.

Sớm cải tiến việc giới thiệu sinh hoạt đảng ra ngoài nước, đơn giản về thủ tục, giữ bí mật của Đảng và bảo vệ tốt nội bộ.

3. *Đổi mới và tăng cường công tác vận động quần chúng*

Việc cấp bách là tiếp tục chuyển hướng hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và tổ chức Công đoàn ở nước ngoài cho phù hợp với tình hình mới. Một mặt, lựa chọn số đoàn viên tích cực để củng cố tổ chức Đoàn Thanh niên và Công đoàn làm nòng cốt. Mặt khác, tập hợp quần chúng trong nhiều tổ chức khác nhau, tên gọi khác nhau như Hội sinh viên, Hội đồng hương hoặc Hội các nghề nghiệp. Có nhiều hình thức hoạt động cho phù hợp, chủ yếu là ở cơ sở và không trái với luật pháp nước sở tại. Các tổ chức cơ sở đảng, chi bộ giữ vững sự lãnh đạo đối với các tổ chức quần chúng, thông qua công tác giáo dục và bảo vệ quyền lợi chính đáng và an toàn của quần chúng để tập hợp quần chúng. Coi trọng giáo dục, bồi dưỡng quần chúng, trước hết là thanh niên, về lòng yêu nước, truyền thống dân tộc, tình yêu gia đình và quê hương, lối sống lành mạnh, đoàn kết, giúp đỡ nhau.

Coi trọng việc lựa chọn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ vận động quần chúng ở cơ sở theo hướng đổi mới hiện nay, có chính sách khuyến khích họ, bố trí cán bộ chuyên trách công tác Đoàn và Công đoàn ở những nước có đông quần chúng.

Các ngành hữu quan trong nước cần điều chỉnh chính sách, quy chế bảo đảm cho những người lao động có công ăn việc làm, sử dụng và chuyển thu nhập chính đáng về cho gia

đình; giải quyết thích đáng việc một số lưu học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, người lao động sau khi kết thúc hợp đồng (ở Liên Xô và Đông Âu) xin ở lại nếu nước sở tại có yêu cầu hoặc họ tự tìm được công ăn việc làm.

4. Phát huy trách nhiệm của Đại sứ và đảng uỷ tại nước sở tại.

Đại sứ là người đại diện của Đảng và Nhà nước ta tại nước sở tại, cùng với đảng uỷ chăm lo xây dựng đảng bộ. Đảng uỷ phải góp phần cùng Đại sứ trong việc quản lý cộng đồng người Việt Nam, quản lý công tác cán bộ ở nước đó và kiến nghị những chính sách cần thiết.

Là đảng viên, đồng chí Đại sứ chịu sự kiểm tra của Đảng uỷ và chi bộ cơ quan đại diện. Các đảng uỷ tại nước sở tại phải chuyển phương thức công tác theo hướng sát cơ sở, coi trọng công tác vận động quần chúng, nắm chắc đội ngũ cán bộ, giảm bớt hệ thống trung gian, giảm bớt giấy tờ. Chú ý củng cố các chi bộ cơ quan đại diện và các chi bộ thuộc khối đào tạo. Đại sứ cùng với đảng uỷ xây dựng cơ quan đại diện, các phòng quản lý ở sứ quán thành trung tâm tập hợp và giáo dục quần chúng.

5. Đổi mới sự lãnh đạo của Ban Cán sự đảng ngoài nước và tăng cường sự phối hợp với các ngành

Ban Cán sự đảng ngoài nước là cấp uỷ đảng do Trung ương chỉ định, cần cải tiến sự lãnh đạo cho sát với tình hình đảng viên ta ở ngoài nước. Các thành viên của Ban phát huy trách nhiệm góp phần vào sự lãnh đạo tập thể của Ban, đảng viên cơ quan, ngành mình phụ trách đóng góp tích cực vào việc xây dựng đảng và quản lý cộng đồng người Việt Nam ở

ngoài nước. Bộ máy giúp việc của Ban cần tinh giản, có chất lượng tốt.

Đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác đảng ngoài nước phải có đủ tiêu chuẩn, thường xuyên được bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ. Không bố trí cán bộ ra ngoài nước làm công tác đảng và công tác quản lý để "giải quyết chính sách". Ban Cán sự đảng ngoài nước cùng với Ban Đối ngoại và các đồng chí lãnh đạo Bộ Ngoại giao xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ chuyên trách và cán bộ kiêm nhiệm công tác đảng ngoài nước thực sự có năng lực và phẩm chất. Trước mắt cần tăng cường cán bộ ở một số đảng bộ lớn.

Các ban, ngành có liên quan, các tỉnh uỷ, thành uỷ khi cử cán bộ, người lao động, học sinh ra ngoài nước, có trách nhiệm tuyển chọn và bồi dưỡng trước khi đi, nếu cử cán bộ sẽ tham gia đảng uỷ thì cần trao đổi ý kiến trước với Ban Cán sự đảng ngoài nước.

Bộ Ngoại giao tạo điều kiện vật chất và phương tiện làm việc cho Ban Cán sự và các đảng bộ ngoài nước. Ngân sách hoạt động của Ban Cán sự đảng ngoài nước do Trung ương cấp. Ban Tư tưởng - Văn hoá, các đồng chí lãnh đạo Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hoá - Thông tin và thể thao, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử cán bộ và góp sức cùng Ban Cán sự đảng ngoài nước làm tốt công tác chính trị, tư tưởng trong cộng đồng người Việt Nam.

Ban Tổ chức Trung ương, các đồng chí lãnh đạo Bộ Nội vụ phối hợp với Ban Cán sự làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Thường trực Ban Cán sự đảng ngoài nước hàng tháng báo cáo công việc với đồng chí Bí thư Trung ương Đảng phụ trách, Ban Cán sự sáu tháng một lần báo cáo tình hình các

đảng bộ ngoài nước với Ban Bí thư. Bộ máy giúp việc Ban Cán sự đảng ngoài nước phải rất tinh gọn và là một cơ quan độc lập do Ban Cán sự đảng ngoài nước quản lý.

Ban Cán sự đảng ngoài nước có trách nhiệm phổ biến tinh thần Chỉ thị này đến các chi bộ ở ngoài nước, chỉ đạo việc thực hiện chỉ thị và báo cáo kết quả với Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 17-QĐ/TW, ngày 23 tháng 12 năm 1991

VỀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ TỔ CHỨC của Ban Nội chính Trung ương

I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ

Ban Nội chính Trung ương là cơ quan tham mưu giúp việc Bộ Chính trị, Ban Bí thư trên những mặt công tác sau đây:

1. Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực xây dựng pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

- Nghiên cứu đề xuất và theo dõi việc thể chế hoá đường lối, quan điểm của Đảng thành pháp luật nhà nước.

- Theo dõi việc lập và thực hiện chương trình xây dựng pháp luật của Nhà nước.

- Chuẩn bị để Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến về những vấn đề thuộc quan điểm trong các dự án luật, nhất là các dự án luật liên quan trực tiếp đến thiết chế chính trị, an ninh chính trị, trật tự xã hội và quyền công dân.

2. Cùng các ban ngành có liên quan, giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhằm tăng cường ổn định chính trị và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Nghiên cứu đề xuất và thẩm định những đề án về an ninh chính trị có liên quan đến nhiều ngành, nhiều địa phương để Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét quyết định.

- Nắm tình hình của các cơ quan trong hoạt động bảo vệ pháp luật, nhất là hoạt động chống và phòng ngừa tội phạm, bảo đảm theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng.

- Đối với một số vụ án quan trọng có ảnh hưởng chính trị rộng hoặc có liên quan đến cán bộ cao cấp mà Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần cho phương hướng chỉ đạo thì Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm theo dõi, chuẩn bị ý kiến đề xuất.

3. Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng ở các ngành: kiểm sát, tòa án, tư pháp, thanh tra, hải quan, trọng tài kinh tế nhà nước, Hội luật gia.

- Ban có trách nhiệm thẩm tra những đề án về chủ trương, phương hướng hoạt động của các ngành trên trình ra Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Theo dõi, kiểm tra hoạt động của các đảng viên là cán bộ lãnh đạo ở các ngành trên trong việc thực hiện đường lối, nghị quyết của Đảng; phối hợp với đảng uỷ khối theo dõi và hướng dẫn hoạt động của các tổ chức đảng ở các ngành này.

- Nắm tình hình công tác cán bộ; thẩm tra và chuẩn bị cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định bố trí nhân sự chủ chốt ở các ngành trên.

Đối với Bộ Nội vụ, Ban có trách nhiệm giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư theo dõi việc chấp hành đường lối, quan điểm của

Đảng trên lĩnh vực giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, hoạt động chống và phòng ngừa tội phạm, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương thẩm tra và đề xuất ý kiến về việc bố trí, đề bạt cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

4. Ban Nội chính Trung ương có trách nhiệm nắm tình hình, hướng dẫn công tác lãnh đạo trên lĩnh vực nội chính của cấp uỷ địa phương. Các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương cần có Ban Nội chính để giúp cấp uỷ theo dõi hoạt động của các ngành nội chính, phối hợp các ngành này trong việc nghiên cứu đề xuất những vấn đề về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội có liên quan chung và giúp nắm các cán bộ thuộc diện cấp uỷ quản lý. Bộ máy Ban Nội chính tỉnh uỷ, thành uỷ cần tinh gọn. Những địa phương chưa có điều kiện lập ban, cần có nhóm chuyên viên giúp cấp uỷ về công tác nội chính.

Ban Nội chính Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương có văn bản hướng dẫn cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Nội chính tỉnh uỷ, thành uỷ.

II- VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY

Ban Nội chính Trung ương được kiện toàn theo hướng nâng cao chất lượng, với bộ máy tinh gọn.

Ban có trưởng ban, một số phó trưởng ban, trưởng ban chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư về toàn bộ công việc của Ban; các phó trưởng ban chịu trách nhiệm trước trưởng ban và trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công việc được phân công phụ trách.

Việc sắp xếp tổ chức và bố trí cán bộ, nhân viên trong nội

bộ Ban do lãnh đạo ban quyết định nhằm bảo đảm thực hiện tốt các mặt công tác thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban. Có chế độ tập hợp, huy động lực lượng chuyên gia giỏi ở các ngành tham gia công tác nghiên cứu của Ban.

Ban Nội chính Trung ương, các ban, ngành trung ương có liên quan và các tỉnh uỷ, thành uỷ có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay cho Quyết định 38-QĐ/TW, ngày 6-1-1988 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 14-QĐ/TW, ngày 30 tháng 12 năm 1991

Về chức năng, nhiệm vụ của Ban Đối ngoại Trung ương

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng,
- Căn cứ Điều lệ Đảng do Đại hội VII thông qua,

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

I- Ban Đối ngoại Trung ương là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương, mà trực tiếp là Bộ Chính trị và Ban Bí thư về công tác đối ngoại, có chức năng giúp Trung ương nghiên cứu, chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị các nghị quyết của Đảng về đường lối chiến lược, chính sách đối ngoại; hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng; tổ chức thực hiện quan hệ đối ngoại của Đảng và hướng dẫn các đoàn thể nhân dân làm công tác đối ngoại; làm công tác tổ chức, cán bộ và công tác xây dựng

đảng trong khối các cơ quan đối ngoại Trung ương theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương.

II- Ban Đối ngoại Trung ương có nhiệm vụ giúp Trung ương các mặt công tác cụ thể sau đây:

1. Chủ trì hoặc phối hợp với Bộ Ngoại giao, các bộ, ban, ngành có liên quan nghiên cứu và tổng hợp tình hình thế giới, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào nhân dân các nước, quan hệ đối ngoại của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân; kiến nghị chủ trương và chính sách đối ngoại theo sự phân công của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, dự thảo những quyết định của Đảng về công tác đối ngoại và tham gia ý kiến vào các đề án về đối ngoại trước khi trình Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

2. Tổ chức thực hiện các quan hệ cụ thể của Đảng ta với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào cách mạng, các đảng và phong trào tiến bộ trên thế giới, các đảng cầm quyền ở một số nước.

3. Hướng dẫn hoạt động đối ngoại của các đoàn thể nhân dân và các tổ chức hoà bình, đoàn kết, hữu nghị.

Phối hợp với các ban, bộ, ngành và các cấp uỷ đảng giúp Trung ương chỉ đạo công tác tuyên truyền đối ngoại, kinh tế đối ngoại, công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài và các lĩnh vực công tác khác có liên quan đến đối ngoại.

4. Kiểm tra việc thực hiện đường lối và chính sách đối ngoại của Đảng.

5. Tiến hành công tác tổ chức và cán bộ trong khối các cơ quan đối ngoại Trung ương theo quy định của Trung ương; tổng hợp tình hình đội ngũ cán bộ, đề xuất ý kiến về cán bộ trong khối theo danh mục quản lý của Trung ương; kiến nghị

chủ trương, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, quản lý và đãi ngộ đối với cán bộ.

6. Phối hợp với Đảng uỷ khối các cơ quan đối ngoại Trung ương làm công tác xây dựng đảng trong khối; với Ban Cán sự đảng ngoài nước trong công tác xây dựng các đảng bộ ngoài nước, theo quy định của Ban Bí thư.

III- Ban Đối ngoại căn cứ vào quy chế làm việc của các ban Trung ương Đảng và bản Quyết định này để tổ chức bộ máy, sắp xếp cán bộ và xây dựng quy chế làm việc; tiến hành công tác và thực hiện các mối quan hệ với các ban, các bộ, ngành, các cấp uỷ đảng và các cơ quan có liên quan.

- Ban Đối ngoại được cử cán bộ làm công tác đối ngoại đảng ở một số địa bàn do Ban Bí thư quy định; phối hợp và có ý kiến với Bộ Ngoại giao trong việc cử cán bộ làm công tác tại các sứ quán của ta ở ngoài nước; với Ban Cán sự đảng ngoài nước trong việc cử cán bộ làm công tác đảng ở các đảng bộ ngoài nước.

- Ban Đối ngoại xây dựng và quản lý ngân sách hoạt động đối ngoại của Đảng.

- Ban Đối ngoại được các cấp uỷ đảng, các bộ, ngành làm công tác đối ngoại cung cấp kịp thời thông tin liên quan đến công tác đối ngoại. Báo cáo công tác của các ngành đối ngoại và của các cấp uỷ đảng liên quan đến công tác đối ngoại gửi Ban Bí thư đều đồng gửi cho Ban Đối ngoại để tổng hợp.

- Ban Đối ngoại được tham gia các hội nghị bàn về công tác đối ngoại và các hội nghị sơ kết, tổng kết công tác của các ngành đối ngoại.

- Được Ban Bí thư uỷ nhiệm, Ban Đối ngoại tổ chức hội nghị với các ngành, các cấp để quán triệt nghị quyết của

Đảng về đối ngoại hoặc truyền đạt ý kiến của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ban Chấp hành Trung ương về đối ngoại.

IV- Ban Đối ngoại Trung ương, các ban của Trung ương Đảng, các đảng đoàn và các cấp uỷ đảng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay cho các quyết định trước đây và có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÀO DUY TÙNG

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

MỤC LỤC

1.3 Trang

- *Lời giới thiệu tập 51* V
- Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, do đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) trình bày, ngày 24 tháng 6 năm 1991 1
- Tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên theo con đường xã hội chủ nghĩa, Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) về các văn kiện trình Đại hội VII, do đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) trình bày 10
- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII 50
- Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 128
- Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 149
- Báo cáo xây dựng đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) 196
- Báo cáo của Ban thẩm tra tư cách đại biểu Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng 226
- Báo cáo kết quả thảo luận các văn kiện của Đại hội, do đồng chí Đào Duy Tùng thay mặt Đoàn Chủ tịch đọc tại Đại hội VII, ngày 27 tháng 6 năm 1991 231
- Báo cáo của Đoàn Chủ tịch Đại hội, ngày 19 tháng 6 năm 1991, về kết quả biểu quyết một số vấn đề trong Điều lệ Đảng (sửa đổi) liên quan đến việc bầu cử Ban Chấp hành

- Trung ương 244
 - Báo cáo của Đoàn Chủ tịch, ngày 25 tháng 6 năm 1991, về kết quả lấy ý kiến về dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) 247
 - Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII thông qua ngày 27 tháng 6 năm 1991) 253
 - Phương hướng lựa chọn nhân sự Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) 284
 - Báo cáo chính thức kết quả bầu cử Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Ủy ban Kiểm tra Trung ương 289
 - Bài phát biểu của đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) kết thúc Hội nghị Trung ương lần thứ nhất, ngày 26 tháng 6 năm 1991 302
 - Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam 305
 - Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 27 tháng 6 năm 1991 307
 - Quyết định của Bộ Chính trị số 01-QĐ/TW, ngày 3 tháng 7 năm 1991, về phân công các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị và Bí thư Trung ương Đảng (khoá VII) 313
 - Chỉ thị của Ban Bí thư số 01-CT/TW, ngày 16 tháng 7 năm 1991, về việc quán triệt Nghị quyết Đại hội VII của Đảng 316
 - Thông tri của Ban Bí thư số 01-TT/TW, ngày 22 tháng 7 năm 1991, về mở đại hội đảng bộ các cấp vòng 2 321
 - Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, tiến hành cải cách bộ máy Nhà nước, bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khoá VIII, ngày 27 tháng 7 năm 1991 330
- Xây dựng giai cấp công nhân, trí thức hoá đội ngũ, nắm vững công nghệ hiện đại, bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí

thư Đỗ Mười tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam (khoá VI), ngày 22 tháng 8 năm 1991 344

- Quyết định của Ban Bí thư số 03-QĐ/TW, ngày 22 tháng 8 năm 1991, về thành lập Hội đồng Tư tưởng văn hoá và Khoa giáo 355

- Thông báo của Ban Bí thư số 02-TB/TW, ngày 23 tháng 8 năm 1991, về chỉ đạo đại hội các cấp vòng 2 358

- Quyết định của Bộ Chính trị số 04-QĐ/TW, ngày 24 tháng 8 năm 1991, về sáp nhập hai Ban Nông nghiệp Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương thành Ban Kinh tế Trung ương 365

- Quyết định của Ban Bí thư số 05-QĐ/TW, ngày 27 tháng 8 năm 1991, về việc thành lập Hội đồng công tác quần chúng Trung ương 366

- Quyết định của Ban Bí thư số 06-QĐ/TW, ngày 21 tháng 9 năm 1991, về việc chuyển Cục Lưu trữ Trung ương Đảng trực thuộc Ban Bí thư thành Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng 369

- Quyết định của Ban Bí thư số 07-QĐ/TW, ngày 21 tháng 9 năm 1991, về việc chuyển Ban Cơ yếu Trung ương sang trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng 371

- Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười tại cuộc mít tinh kỷ niệm lần thứ 61 ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam, ngày 14 tháng 10 năm 1991 373

- Thông tri của Ban Bí thư số 03-TT/TW, ngày 17 tháng 10 năm 1991, về công tác đối với đồng bào Chăm 385

- Quyết định của Ban Bí thư số 09-QĐ/TW, ngày 19 tháng 10 năm 1991, về việc thống nhất Đảng bộ khối cơ quan Kinh tế Trung ương và Đảng bộ khối cơ quan Nông nghiệp

Trung ương 391

- Quyết định của Ban Bí thư số 10-QĐ/TW, ngày 11 tháng 11 năm 1991, về thành lập Ban Hợp tác với Lào trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng 393

- Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười khai mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII), ngày 25 tháng 11 năm 1991 395

- Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 1991 - 1995 và năm 1992, Báo cáo tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII) 403

- Cải cách một bước bộ máy nhà nước và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, bài nói của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khoá VII, ngày 29 tháng 11 năm 1991 456

- Tổng kết của Bộ Chính trị số 28/TLHN, ngày 3 tháng 12 năm 1991, về cuộc thảo luận Báo cáo kinh tế - xã hội ở Hội nghị Trung ương lần thứ hai 477

- Báo cáo của Bộ Chính trị, xin ý kiến Trung ương về chủ trương kinh tế - xã hội những năm 1992 - 1995, ngày 4 tháng 12 năm 1991 498

- Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII), số 15-QĐ/TW, ngày 4 tháng 12 năm 1991 502

- Quy chế làm việc của các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII), số 16-QĐ/TW, ngày 4 tháng 12 năm 1991 510

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII), số 02-NQ/HNTW, ngày 4 tháng 12 năm 1991, về nhiệm vụ và giải pháp ổn định, phát triển kinh tế - xã hội trong những năm 1992 - 1995 512

- Phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười bế mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII), ngày 4 tháng 12 năm 1991 559

- Quyết định của Ban Bí thư số 18-QĐ/TW, ngày 16 tháng 12 năm 1991, về Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương 565

- Quy định của Bộ Chính trị số 19-QĐ/TW, ngày 20 tháng 12 năm 1991, về việc tạm đình chỉ sinh hoạt đảng đối với đảng viên, cấp ủy viên và tổ chức đảng ghi trong Điều 38 Điều lệ Đảng 575

- Chỉ thị của Ban Bí thư số 04-CT/TW, ngày 20 tháng 12 năm 1991, về đổi mới và tăng cường công tác đảng ở ngoài nước 580

- Quyết định của Ban Bí thư số 17-QĐ/TW, ngày 23 tháng 12 năm 1991, về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ban Nội chính Trung ương 588

- Quyết định của Ban Bí thư số 14-QĐ/TW, ngày 30 tháng 12 năm 1991, về chức năng, nhiệm vụ của Ban Đối ngoại Trung ương 592

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. LÊ MINH NGHĨA

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. LÊ VĂN YÊN

Biên tập nội dung: TRẦN THỊ TỐN

VÕ VĂN BÉ

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

Biên

tập kỹ, mỹ thuật: PHÙNG MINH TRANG

Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG

Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG

Sửa bản in, đọc sách mẫu: BAN SÁCH VỀ ĐẢNG

Mã số: 3KV (060) "1991"

CTQG - 2007

In 3.000 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại Công ty in Tiến bộ.
Giấy phép xuất bản số:/CXB-QLXB, cấp ngày
In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2007.